

Văn Học Việt Nam
Văn Học Việt Nam.
Cận và Hiện đại

Tập II

HUỶNH ÁI TÔNG

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

*

Mục Lục	3
Lời tựa	5
Chương thứ sáu: Nhà văn Việt Nam ở hải ngoại	7
<i>Tiết một: Những nhà văn di tản ra nước ngoài năm 1975.</i>	8
1. Vũ Khắc Khoan (1917-1986)	9
2. Võ Phiến (1925-20)	43
3. Linh Bảo (1927-20)	101
4. Thanh Nam (1931-1985)	119
5. Nguyễn Sa (1932-1998)	139
6. Minh Đức Hoài Trinh (1930-20)	153
7. Xuân Vũ (1930-2004)	183
8. Viên Linh (1938-20)	205
9. Túy Hồng (1938-20)	221
10. Nguyễn Vũ (1942-20)	243
11. Du Tử Lê (1942-20)	254
12. Trùng Dương (1944-20)	277
13. Lê Tất Điều (1942-20)	305
<i>Tiết hai: Những nhà văn ra nước ngoài sau năm 1975.</i>	328
1. Hồ Trường An (1938-20)	331
2. Mai Thảo (1927-1998)	351

HUỶNH ÁI TÔNG

3. Trương Bảo Sơn (1916-2010)	375
4. Nguyễn Tất Nhiên (1952-1992)	393
5. Nhật Tiến (1936-20)	405
6. Trần Hoài Thư (1942-20)	425
7. Duyên Anh (1935-1997)	441
8. Nguyễn Mộng Giác (1942-2012)	473
9. Diễm Châu (1937-2006)	489
10. Nguyễn Thị Vinh (1924-20)	507
11. Nguyễn Xuân Hoàng (1940-20)	519
12. Luân Hoán (1942-20)	533
13. Thế Uyên (1942-2013)	545
14. Trần Dạ Từ (1940-20)	559
15. Nhã Ca (1939-20)	573
16. Duy Lam (1932-20)	605
17. Thanh Tâm Tuyền (1936-2006)	617
18. Tô Thùy Yên (1938-20)	641
19. Phan Nhật Nam (1943-20)	665
20. Hoàng Hải Thủy (1933-20)	679
21. Doãn Quốc Sỹ (1923-20)	703
22. Nguyễn Đình Toàn (1936-20)	713
23. Trần Thị NgH. (1948-20)	725



Lời tựa

Trong tập sách này, chúng tôi trình bày những nhà văn Việt Nam đã ở nước ngoài hoặc di tản ra nước ngoài do biến cố ngày 30 tháng 4 năm 1975, họ là những người khai sơn phá thạch trên vùng đất mới, để tiếp tục sự nghiệp văn chương, trang trải nỗi lòng của những con người viễn xứ.

Nhà văn, nhà thơ người ta ví như kiếp con tầm phải nhà tơ. Cho nên khi họ còn sinh lực, sáng tác là hơi thở, là sự sống của họ. Nhờ vậy, chúng ta có một dòng văn học Việt Nam ở hải ngoại, dòng văn học này được tự do sáng tác như họ đã từng sáng tác từ trước năm 1975 tại quê nhà. Dĩ nhiên có một số đã lớn tuổi, sự sáng tác cũng giảm đi, hơn nữa đời sống tại vùng đất mới tác động phần nào cho nền văn học này, từ giới sáng tác cho đến người thưởng ngoạn.

HUỶNH ÁI TÔNG

Hầu hết những nhà văn trong tập sách này, đều có trình bày trong Văn Học Miền Nam 1954-1975, trừ tiểu sử chỉ bổ sung chút ít chi tiết, còn lại nội dung đều được chọn lọc những tài liệu mới, hình ảnh mới đem vào.

Trong tập này, một số nhà văn đáng lẽ được trích nhiều bài hay, nhưng do số lượng tập sách bị hạn chế 740 trang, nên có vài nhà văn bị hạn chế như nhà thơ Tô Thùy Yên, nhà văn Phan Nhật Nam, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn Đình Toàn...

Dĩ nhiên không tránh khỏi sai sót, mong được độc giả rộng lòng chỉ dẫn để bổ sung cho được hoàn hảo.

Xin quý vị tác giả, những người chủ trương các trang Mạng, trang Blog có bài được trích đăng trong tập sách này, nhận nơi đây lòng biết ơn sâu xa của chúng tôi, do nhờ có những bài viết ấy, tập sách này mới được hình thành..

Trân trọng,

Soạn giả





Chương thứ sáu: Nhà văn Việt Nam ở hải ngoại

Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, một số văn nghệ sĩ Việt Nam đã rời khỏi Việt Nam đi định cư ở một số các nước như Mỹ, Pháp ...

Về sau một số nhà văn, nhà thơ vượt biên được định cư ở nước ngoài, rồi tiếp theo một số khác được thân nhân bảo lãnh hay thành phần quân nhân, công tư chức bị học tập cải tạo được chính phủ Mỹ cho tị nạn thuộc diện HO.

Cũng có một số nhà văn chỉ mới thành danh từ sau khi định cư ở xứ người, họ sáng tác về tù đày, về cuộc vượt thoát khỏi Việt Nam, về vùng đất mới, về thân phận con người.

Những nhà văn thuộc các thành phần kể trên, họ là những người đã tạo thành một dòng văn chương Việt Nam ở hải ngoại. Họ được tự do sáng tác, hoàn toàn khác biệt với dòng văn chương trong nước bị gò bó trong khuôn khổ.

Tiết một: Những nhà văn di tản ra nước ngoài năm 1975.

Trước và trong ngày 30 tháng 4 năm 1975, một số nhà văn đã di tản ra nước ngoài.

Có nhà văn đang làm việc, sinh sống ở nước ngoài, nên sau ngày mất nước, họ định cư luôn nước ngoài như Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh, Linh Bảo Võ Thị Diệu Viên ...

Một số nhà văn trước kia từng du học ở Pháp hay có gia đình ở Pháp, nên họ di tản tới nước Pháp như Nguyễn Sa, Minh Đức Hoài Trinh ...

Một số nhà văn được di tản sang Mỹ như Vũ Khắc Khoan, đôi vợ chồng nhà văn Thanh Nam - Túy Hồng, Trùng Dương, Xuân Vũ, Nguyễn Vũ ...

Trong Tiết này, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày những nhà văn đặt nền móng cho dòng văn chương hải ngoại.

Các nhà văn được xếp thứ tự theo tuổi tác.

1. Vũ Khắc Khoan



Vũ Khắc Khoan (1917-1989)

Vũ Khắc Khoan sinh ngày 27 tháng 2 năm 1917 tại Hà-nội, là học trò trường Bưởi. Lên đại học, theo ngành y khoa hai năm, trước khi vào trường Cao đẳng Canh nông.

Sau khi tốt nghiệp, làm kỹ sư canh nông được một năm rồi chuyển hẳn sang nghề dạy học, dạy lịch sử tại hai trường Nguyễn Trãi và Chu Văn An, Hà-nội. Vừa dạy học, ông vừa hoạt động kịch nghệ, viết văn, thành lập nhóm Quan Điểm với Nghiêm Xuân Hồng.

Từ 1948 Vũ Khắc Khoan bắt đầu in bài trên báo Phổ Thông, hai vở kịch *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* năm 1948, *Giao thừa* năm 1949 và bài tùy bút *Mơ Hương Cảng* năm 1953. *Giao thừa* có thể coi là vở kịch phi lý đầu tiên của Việt Nam.

Ngay từ thời còn là sinh viên y khoa, Vũ Khắc Khoan đã đạo diễn những vở *Thế Chiến quốc* và *Nửa đêm truyền hịch*

HUỶNH ÁI TÔNG

của Trần Tử Anh, trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà Nội; ông viết và dựng kịch bản đầu tay *Trường ca Mông Cổ*, tác phẩm làm nền cho vở *Thành Cát Tư Hãn* sau này.

Năm 1952, vừa dựng, vừa diễn vở *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* tại Nhà Hát Lớn.

Năm 1954 di cư vào Nam, Vũ Khắc Khoan cộng tác với *Nhật báo Tự Do*, dựng lại nhóm Quan Điểm với Nghiêm Xuân Hồng và Mặc Đỗ, dạy sử, văn chương và văn học sử tại các trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An ở Sài-gòn.

Từ 1962 lên dạy đại học. Chủ trương và cùng với Mai Thảo ấn hành nguyệt san *Vấn Đề*, dạy và làm Giám đốc Kịch nghệ tại trường Quốc Gia Âm Nhạc ở Sài-gòn.

Năm 1975, di tản sang Hoa Kỳ, ông dạy Pháp văn tại đại học Minnesota trong hai năm, cộng tác với tờ *Đất Mới* của Thanh Nam và tờ *Văn* của Mai Thảo. Cuối đời ông sáng tác hai bài thơ văn xuôi: *Berceuse en pluie mineure* (Ru em theo gam mưa thứ) và *Le petit oiseau, la petite branche et le printemps* (Con chim nhỏ, cành cây nhỏ và mùa xuân) và viết hai tác phẩm chưa hoàn tất là truyện dài *Bướm đêm* và kịch *Ngọa triều*.

Vũ Khắc Khoan là sáng lập viên Hội Phật Giáo Việt Nam tại Minnesota năm 1976 và làm Chủ tịch từ khi lập Hội cho đến năm 1979; sáng lập viên và chủ tịch Hội Văn Hoá VN tại Minnesota từ 1979-1983.

Vũ Khắc Khoan mất tại Minnesota ngày 12 tháng 9 năm 1986 vì bệnh ung thư, thọ 69 tuổi.

Tác phẩm:

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- *Thần tháp Rùa* (1957)
- *Ngộ nhận*
- *Nhập Thiên thai*
- *Những người không chịu chết* (kịch nói, 1972)
- *Người đẹp trong tranh*
- *Trương Chi* (truyện ngắn)
- *Ga xếp* (kịch nói)
- *Hậu trường* (kịch nói)
- *Lộng ngôn* (kịch nói)
- Thằng Cuội ngồi gốc cây đa* (1948)
- *Giao thừa* (kịch nói, 1949)
- Thần Tháp Rùa* (Nguyễn Đình Vương, 1957)
- Thành Cát Tư Hãn* (kịch nói, 1961),
- Những người không chịu chết* (An Tiêm, 1969)
- Ngộ nhận* (Quan Điểm, 1969)
- Mơ Hương Cảng* (Kẻ Sĩ, 1971)
- Tìm hiểu sân khấu chèo*
- Quan Âm Thị Kính* (Lửa Thiêng, 1974)
- Độc kinh* (An Tiêm, Paris, 1990)
- Đoán văn xa nước* (An Tiêm, Paris, 1995)

Trích văn:

Thần Tháp Rùa



HUỶNH ÁI TÔNG

Năm loạn đầu hậu bán thế kỷ thứ hai mươi dương lịch, có người trẻ tuổi họ Đỗ bán ruộng bỏ vùng quê lên Kê Chợ trọ học.

Đỗ vốn thuộc lớp trung nông, thường sống bằng lợi tức ít mầu hương hỏa cha mẹ mất sớm để lại.

Vì quen nếp sống thanh đạm, gia dĩ lại sống một mình nên ít lo sinh kế, hằng ngày thường hay đọc sách, da dẻ trắng trẻo xanh xao, mình gầy vóc hạc. Lại luôn luôn mục kích sự tàn bạo của đám phú nông mà tâm sự ù ê lộ ra ở đôi mày hay nhú, miệng có cười, cũng héo hắt không vui. Tính vốn ít nói, trong chôn giao du lại cố tình giữ trọn cái nghĩa nước nhật của người nước Lỗ, cho nên lắm khi cả ngày không lên tiếng một câu, hàng tháng biếng bước chân ra khỏi cổng. Họa hoàn thao thao bất tuyệt, là lúc đối diện một người hiểu biết. Những lúc đó, Đỗ thường ngửa mặt lên trời mà than thối thế hoặc tác sắc đập bàn luận đàm quốc sự đến bỏ cả cơm. Tuổi đã lớn nhưng Đỗ vẫn sống một mình, không nghĩ tới việc vợ con. Con gái trong vùng có trêu ghẹo ngổ tình thì đổ mặt ngoảnh đi. Người trong họ đôi khi gọi việc trăm năm mới lái mà không tiếp chuyện.

Lên đến Kê Chợ, Đỗ ngồi dạy học ở phường hang Bạc, tạm yên sinh kế để có thể tiếp tục học hành. Đất Kê Chợ, nhà cửa như bát úp, người đi lại ngoài đường đông hơn mắc cửi, mà Đỗ vẫn giữ nguyên tính cũ, ngày một buổi đến trường nghe giảng văn rồi về thẳng nhà, đóng cửa đọc sách lạ. Bạn cùng trường thấy lẻ loi, thỉnh thoảng rủ đi đánh cầu nhảy múa, Đỗ đều một mực từ chối. Nhưng trong câu chuyện, nếu có ai đã động đến thời cuộc, so sánh lý thuyết nọ với lý thuyết kia, là lập tức sầm sầm bước vào vòng thảo luận, nói hằng giờ không biết mỏi. Hoặc nêu thuyết nhà Phật mà bác bỏ định đề Cơ Đốc. Hoặc đề cao tư tưởng của Văn sĩ Pascal mà đánh đổ lý luận vô thần. Hoặc chủ trương

giai cấp đấu tranh những mưu mô tư bản, Hoặc lập luận tự do cá nhân để chống với độc tài đoàn thể. Có ai rụt rè nói đến giá trị nội tại của nghệ thuật ắt Đỗ phải lớn tiếng thích nghĩa nhân sinh. Nhưng nếu có người muốn hạ văn chương xuống ngang hàng một “đồ thực dụng” thời Đỗ lại chép miệng thờ dài nhắc đến quan niệm nghệ thuật của Kant.

Giọng Đỗ trầm bổng như tiếng trúc tiếng tơ, khi mau khi chậm, khi thoảng nhẹ tựa cơn gió mùa hạ, khi thiết tha như tiếng đục trạm của người rửa ngọc. Bạn bè ai nghe cũng thấy thích tai, cho là lạ, phục Đỗ học rộng, biết nhiều.

Tự trung cũng chẳng hiểu Đỗ ra sao.

Một hôm, có người hiếu kỳ gần nửa đêm, đập cửa nhà Đỗ, đòi chất vấn.

- Hiện nay thiên hạ chia đôi, không trắng thời đen, mà nghe ông nói thì thật không biết là đen hay trắng .

Đỗ ngẫm nghĩ hồi lâu, thủng thẳng trả lời :

- Tại sao anh cứ bắt buộc là đen hay trắng ? Mặt trăng vòm trời khi khuyết, khi tròn. Ánh sáng mùa thu trong như ngọc mà thật ra lại hợp bảy màu. Lá cây phong bên bãi lúc xanh, lúc đỏ. Chân lý ở đời không đơn giản như bụng dạ trẻ con. Tại sao lại cứ bắt buộc là đen hay trắng ?

- Mùa xuân, mùa hạ thì lá xanh, mùa thu, mùa đông thì lá úa đỏ. Ánh sáng tuy hợp bảy màu nhưng chính mắt chỉ nhìn thấy một. Trăng có tuần trăng khuyết, trăng tròn. Chân lý tuy phức tạp nhưng không hẳn là nhờ nhờ, không màu sắc. Nay đang đêm đến đập cửa nhà ông, là có ý thành. Xin cho nghe những lời tâm sự.

Đỗ lặng thinh không trả lời.

Người kia bèn xích lại gần Đỗ :

- Mã Khắc Tư cầm bút mà thiên hạ phân đôi. Một đàng tư bản đè xuống. Một đàng vô sản vùng lên. Tấn tuồng Hán Sở tranh hùng thuở xưa lại diễn. Chúng ta thật đã sa vào cái thế trên đe dưới búa, ý ông thế nào ?

Đỗ bỗng hỏi :

- Biết để làm gì?

- Khôn cũng chết, dại cũng chết. Vậy biết để sống.

- Cầu an ư?

- Ai mà không thích sống? Quan Công chịu đau đưa tay cho Hoa-Đà cắt thịt cũng là thích sống. Tần Thủy Hoàng dựng Vạn lý Trường thành mà lúc gần chết cũng còn tìm thuốc trường sinh. Tìm mà bỏ chết, đó là thường tình của con người.

- Vậy đầu hàng đi.

- Hán hay Sở ?

- Tư bản đè xuống mà hòa theo là tư cách tiểu nhân. Vô sản vùng lên, nếu nhập vào, ắt mất tự do.

- Vậy cứ khoanh tay hay sao ?

Đỗ chưa kịp trả lời, người kia đã nói tiếp :

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- Tôi thường nghe mỗi khi thời thế chuyển xoay là có thuật lạ ra đời. Xưa thì Tô Tần bàn kế Hợp tung, Mạnh Tử luận “Dân vi quý”. Gần đây có người Đảng Thục mưu việc duy nhất tư tưởng Đông Tây, Hồ Hữu Tường bán khoán muốn vượt Mác xít. Ông vẫn được tiếng là người nói giỏi, tất phải có ý định. Xin cho nghe.

Đỗ cúi đầu, người kia không chịu mà rằng :

- Hay định học lối vô vi của Lão Tử, không làm để khỏi thất bại, không tụ, để khỏi phân ly?

Đỗ bèn thở dài mà rằng:

- Vô vi làm sao được? Ở cái bình diện nhân sinh tương đối này thì làm sao mà thể hiện được cái nghĩa tuyệt đối của một chữ Vô? Vô đấy mà cũng là Hữu đấy. Hữu đấy mà lại là Vô. Khó lắm thay!

- Không vô vi tất phải làm, vậy làm gì?

Đỗ bỗng đổi giọng :

- Ông đã đọc sách Luận ngữ chưa?

- Đọc rồi.

- Tất biết chuyện Tăng- Điểm!

- Xin nghe!

- Nhân Tử Lộ, Tăng Điểm, Nhiễm Cầu, Công Tôn Hoa ngồi hầu, Phu Tử hỏi rằng Khi các người bình cư thường nói : “Chẳng ai biết đến ta mà dùng ta”. Nếu như có người biết mà dùng thì các người định làm sao? Tử Lộ ước có

HUỶNH ÁI TÔNG

ngành cỗ xe lớn, ở vào thế yếu mà chống thuyết mạnh, Nhiệm Cầu bàn dần một chương trình kinh tế ba năm cho dân no đủ. Công Tôn Hoa thì nghĩ đến việc “mặc áo huyền đoan, đội mũ chương phủ” vào nhà Tôn Miếu mà giúp việc Lễ.

- Còn Diễm thì sao?

- Tằng Diễm lúc ấy đang gảy cái đàn sắt, tiếng đàn thông thả và hòa nhã, bỏ đàn xuống, đứng dậy mà thưa rằng: Chí tôi khác hẳn ba anh kia. Đến cuối mùa xuân, áo mùa xuân đã may xong, năm sáu người trạc độ hai mươi tuổi, sáu bảy đứa trẻ con rủ nhau đi tắm sông Nghi, hóng gió nền Vũ vu, rồi hát mà về. Phu Tử thờ dài mà than rằng: ”Ta cũng thích như Diễm vậy !”

Người kia tròn mắt nhìn Đổ:

- Tôi vẫn chưa hiểu.

- Có gì mà không hiểu?

- Vậy ý ông có thể thôi ư?

- Hãy tạm hiểu là như vậy.

Rồi Đổ lẳng lặng sắp đồ pha trà, căn vặn thế nào cũng không nói. Một lúc sau nhớ tới lệnh giới nghiêm, người kia bỏ ra về. Hôm sau kể lại chuyện, cũng chẳng ai hiểu Đổ dụng ý nói gì.

Cuộc sống nơi Kẻ Chợ vốn đắt đỏ, số người tị - loạn càng ngày càng đông, việc mưu sinh trở nên chật vật. Thiên hạ mãi kiếm gạo, dần dà không còn ai bàn tán tới Đổ. Thân - hoặc, có nhắc đến, cũng cho là viễn vông, vu khống.

Nhưng từ cái đêm nhắc tới lời Phu Tử, Đỗ lại thêm phần thắc mắc. Đỗ nghĩ rằng cả bốn môn đồ Phu Tử đều có lý. Vì sở thích Tăng Điểm chính là cái đích chung của thiên hạ. Nhưng muốn tới được đó, tất phải hoàn thành cái cách Nhiễm Cầu, mưu việc Tử Lộ và tề chính cho thiên hạ một thứ lễ nghi như ý Công Tôn Hoa. Bốn ước vọng tựu trung là cả một quốc sách có trình tự rõ ràng. Đỗ thán phục cổ nhân nhưng cũng thầm trách cổ nhân chỉ bày cái đích mà chẳng vẽ ra phương tiện.

Thật tình ai mà thích mặc áo mùa xuân và tắm mát sông Nghi ? Nhưng trong cơn đại loạn này, tìm đâu ra được một Tử Lộ, một Nhiễm Cầu và nhất là một Công Tôn Hoa?...

Tiếng guốc ngoại ô lần tới hạp chợ sáng Bắc Qua, đã nhiều lần làm Đỗ giật mình thấy mình bó gối thâu đêm bên ấm trà tàn bã.

Càng suy nghĩ, càng thấy tối. Đỗ ngày một héo mòn. Người chủ trọ ái ngại, muốn lựa lời khuyên giải mà cũng chẳng biết nói gì.

Ngày nguyên tiêu năm mao, có mở chợ hoa. Thiên hạ tạm quên lo nghĩ, mặc áo mới, đổ ra đường, nam, phụ, lão, ấu, lũ lượt kéo tới ven hồ Hoàn Kiếm.

Muốn thêm vui, viên thị trưởng họ Thẩm ra lệnh kéo lưới bắt Rùa ở hồ lên để người Kẻ Chợ có dịp nhìn tận mặt con vật tương truyền giết kiếm cứu quốc của vua Lê. Người hiếu kỳ xem Rùa có tới hàng vạn. Không khí tung bùng, đây đó đèn treo hoa kết.

Người chủ trọ thấy Đỗ vẫn âm thầm một mình trên gác trọ, bèn thúc dục ra phố. Bắt đầu còn từ chối, sau nể lời, Đỗ miễn cưỡng vuốt tóc, khoác áo ra đường.

HUỶNH ÁI TÔNG

Khi tới nơi, trời đã ngã chiều, người chơi hội chỉ còn lác đác. Vì lâu không ra chỗ thoáng, Đỗ tinh thần sáng khoái, bèn bước vào một tửu quán, chọn chỗ khuất gọi rượu ngắm hồ.

Lúc bấy giờ, gió đông thổi lộng, sóng hồ bập bênh, trăng rằm lên ngôi, sương mỏng buông xuống ướt cả cỏ non. Đối cảnh mà cảm khái, mềm môi, uống mãi, lúc đứng lên mới biết đã say. Đỗ chấp chững ven hồ mà bước. Một lát sau thấy mình dừng lại trước Rùa, bèn dương mắt mà ngắm. Rùa to bằng cái nia, đầu cổ sần sùi, bốn chân bị trói.

Đỗ đứng lặng nhìn Rùa. Rùa cũng vương cổ nhìn Đỗ. Dưới ánh trăng nguyên tiêu, Đỗ chợt thấy mắt Rùa như mờ lệt.

Nhân còn say, Đỗ hỏi :

- Cũng biết thùy lệ ư ?

Rùa gật đầu, vươn cổ ra nhìn hồ. Nước hồ trong xanh dưới ánh trăng xanh. Đáy hồ rêu cũng xanh. Đỗ nhìn quanh không thấy có ai, bèn sẵn tay áo cởi trói cho Rùa. Rùa dụi đầu vào tay Đỗ, Đỗ thấy mát dọi lòng tay. Bèn vỗ vào mai Rùa mà rằng :

- Thôi đi đi, từ nay nên cẩn thận.

Rùa choài mình xuống nước. Mai Rùa lấp loáng phút chốc biến mất.

Đỗ nhìn theo hồi lâu rồi cũng trở về.

Đêm hôm đó, Đỗ chần chọc, không nhắm mắt. Định đọc sách, thì tâm thần phiêu diêu bất định, chữ múa trước mắt, ngñĩa sách thoáng xuôi như cơn gió mùa xuân.

Đỗ bèn vùng dậy, mở toang cửa sổ. Trăng tỏa đầy gác học. Trăng soi sáng bốn bề ngập sách. Sách ở bàn, ở tủ, từng chồng, từng tập, ở cả đầu giường. Quyển mở xem vài trang, quyển khép kín im lìm một xó tường. Mã Khắc Tư ôm ấp Lão Tử. Sartre nằm cạnh tập kinh Tân Ước. Bao nhiêu suy nghĩ, bao nhiêu cố gắng, bấy nhiêu cây mốc cắm dọc con đường tư tưởng tự nở xa xôi, rấn vườn Eden chưa từng bò sát cho đến bây giờ... Tự trung, Chân Lý vẫn chập chờn như đom đóm lập lờ giữ bãi tha ma. Sách lặng lẽ lên bụi. Bụi sách lung lay ánh trăng nguyên tiêu. Đỗ bỗng thấy ngộp thở mà quay đi. Và dụt dè hỏi rằng :

- Thế ra mỗi người là một thế sống tùy thời mà biến hóa khôn lường. Thế Chiến Quốc, Thế Xuân Thu... Thế sống mạnh Tử và thế sống Khổng Khuru. Mà nào ai đã khuyên nhủ được ai ? Hỡi ơi ! Ta vỡ lòng trong mốc bụi dĩ vãng, nhón lên cùng tập giấy mủn, nhìn thế cục xoay vần bằng con mắt cổ nhân. Nay lại định giải quyết hiện tại bằng phương quá khứ ! Còn vỡ ngực trách ai nữa ?

Đỗ thở dài nhìn xuống đường.

“ Đường xanh bóng trắng. . . .”

Đường rộng rãi, thênh thang mà vắng ngắt.

Đỗ cảm thấy hoang mang như người lên đường mất bạn đồng hành. Tự cõi, tự do nhưng lại thẳm nghĩ :

- Thế ra ta chỉ một mình ?

- Tại sao ta lại một mình, còn em ?

Đỗ bàng hoàng quay lại, neho mắt không tin. Vì đúng là có một người đứng trước mặt Đỗ: một người thiếu phụ, thướt

tha, mặt trắng, mắt trong, da mịn, tóc mun chảy như suối xuống vai, áo màu rêu mát lạnh.

- Nàng là ai ?

Câu hỏi tắt ngấm trong hơi thở ẩm đẫm. Hai vòng tay thơm ngát đã vòng quanh cổ Đỗ. Trăng sáng, môi ướt mọng chín mùi, gió xuân lọt căn gác. Đỗ dọn ngủi mà mê đi.

Cuối canh tư, Đỗ bừng tỉnh. Hàng xóm gọi nhau ơi ới thổi com. Gà gáy cuối phố. Cửa sổ vẫn rộng mở. Trăng sè vàng khè. Nhìn quanh vắng ngắt, duy hương vương lại, giường chiếu xô lệch, sách vở đập xuống đất, Đỗ mới tin là chuyện thực. Bèn đóng kín cửa để ủ hương thừa, ngăn ngợ, ủ rũ suốt cả ngày, không biết làm gì.

Đêm nàng lại đến. Hỏi tung tích, chỉ mỉm cười mà không nói. Gạn dò thì nhẹ đáp :

- Đêm xuân ngắn ngủi, hỏi làm gì ? Đến với chàng thế này chưa đủ sao ?

Đỗ không chịu, định căn vặn đến điều thì hai vòng tay mát dịu đã quàng nơi cổ. Đỗ không cưỡng được mà mê đi.

Lại cũng như đêm trước, gà hàng xóm bắt đầu gáy, Đỗ lại sực tỉnh một mình.

Từ đó, đêm nào cũng tới. Đỗ bỏ cả sách, ăn uống thất thường, suốt ngày phờ phạc, sấm nấp đợi nắng từ lúc lên đèn. Có lúc nhớ tới cái không khí « giàn dưa lắt phất » của Bò Tùng Linh, Đỗ rùng mình nghi là ma quái, nhưng lần đầu gần đàn bà, gia dĩ môi nàng ấm quá, da nàng mịn màng, cho nên định hỏi lại thôi, có ngờ cũng không cự

tuyệt. Trăm nghìn câu hỏi, áp má người ngọc, Đổ lại mê đi mà quên bẵng.

Người chủ trọ quen tính, cũng không lấy làm lạ, cho Đổ bơ phờ bởi, quá chăm học, chỉ biết ái ngại lắc đầu.

Cứ như thế, thoát đã nở mùa hoa phượng. Cuộc tình duyên lặng lẽ giữa hai người kéo dài cả một vụ xuân. Một đêm, nàng đến mà ngòi yên, nét buồn in trên vẻ mặt. Đổ có nắm tay, cũng gượng gạo mỉm cười nhưng không dấu nổi ưu tư. Định hỏi, nàng đã thỏ thẻ bên tai :

- Đã đến lúc xa nhau rồi đấy !

Đổ không tin mà cãi :

- Xa làm sao được ? Mà ai bắt xa nhau ?

Nàng ngòi yên một lát rồi mới nói, giọng như đượm lệ :

- Chàng với em vốn có tiền duyên, chàng còn nhớ ngày hội nguyên tiêu ?

Đổ gật, Nàng nói tiếp :

- Em vì mãi vui hôm đó nên sa cơ mắc lưới. Chàng vì lòng hào hiệp mà cởi trói cho em. Thụ ơn nặng cùng chàng nên mới có ngày nay.

Đổ thốt nhiên nhớ lại, giật mình :

- Vậy ra nàng là. . . .

HUỶNH ÁI TÔNG

- Em vốn là loài Rùa, tu đã trọn kiếp, nhất là có công với Đất Nước này nên được Thiên đình giao cho cai quản ngôi tháp giữa hồ Hoàn Kiếm.

- Nàng nói sao ? Nàng có công với Đất Nước này ?

- Chàng đọc sách nhiều, quên việc xây thành Cổ Loa rồi sao ?

- Trời ơi Thần Kim Quy !

- Là em đó . . .

- Còn chuyện thanh gươm Lê Lợi ?

- Cũng là tại em !

Đỗ cúi đầu suy nghĩ, giây lâu mới nói lên lời :

- Nhưng tại sao lại phải xa nhau ?

Nàng thỏn thức trả lời :

- Em đi lại với chàng, không dẫu nổi tai mắt Thiên Đình mà mang tội phải đầy sang Động Đình Hồ. Em lén đi giây lát để chàng biết chuyện, mai sớm đã phải lên đường.

Đỗ ôm lấy vai nàng :

- Chậm lại ít bữa được chăng ?

- Lệnh Thiên Đình không thể trì hoãn. Và công sai áp giải đã chực sẵn từ sáng. . . . Mới lại đằng nào chẳng phải xa nhau ?

Đỗ ngủi ngủi gặng hỏi :

- Xa nhau mãi ư ?

- Sớm lắm cũng khoảng hai năm. Còn chậm, thật chưa biết đến bao giờ.

Nói rồi, hai người nhìn nhau thẫn thức. Ve kêu ran ngoài đường khắp các cành cây. Sao từng ngôi lấp lánh vòm trời. Nàng chợt đứng dậy, nhưng Đỗ bàng hoàng nắm áo, nhất định không chịu chia tay. Nàng đành nuốt lệ nói sảng :

- Xa nhau ít lâu rồi lại gặp, Chàng sao nặng tình quá thế !

Đỗ rằng :

- Bây giờ mới biết thế sao ?

Biết Đỗ giận, nàng vội nhích lại gần :

- Nói đùa chàng đấy . . . Thật tình biết chàng từ lâu, ngay từ khi chưa gặp . . .

- Thật hay đùa nữa ?

- Thật đấy ! Ngày ngày ven hồ mà đi nghe giảng văn, ai mà không thấy ? Lại những trăng đêm đọc sách, về ưu tư của chàng, gợn cả sóng hồ. Em vốn cũng nặng tình với số phận Đất Nước, làm gì mà không để ý ?

Đỗ vội hỏi :

- Ở đây rồi sẽ ra sao, có thể biết trước được không ?

Nàng cười mà không trả lời.

Đỗ lại gặng hỏi, thì nàng đáp :

- Biết làm sao được ?
- Cảnh nàng chắc cũng có vban luận nhiều đến thời cuộc, nữ nào lại còn giấu nhau ?
- Thân còn không tiếc, giấu chàng làm gì việc ấy ?

Đỗ tần ngần mà rằng :

- Tôi tưởng đã có định trước . . .
- Định hẳn làm sao được ?
- Thế sao lại có việc Lê Lợi đào được kiếm thần ?
- Đào được kiếm thần thì ai đào mà chả được ? Thiên Đình thật ra có biết nhõn riêng ai ? Chỉ sợ không sử dụng nổi kiếm thần mà thôi ! . . .

Đỗ không tin :

- Nếu có kiếm thần trong tay thì còn sợ gì nữa ?

Nàng liền nói tiếp :

- Trước kia em cũng lắm tướng như chàng cho nên mới hủy công tu luyện mà ra công giúp đỡ Thục Vương. Ấy thế mà rồi cũng hồng cả . . . Nổ thần dù màu nhiệm, nếp xoáy Loa thành có hiểm trở nhưng người đứng đầu không vững tay sử dụng thì đại sự vẫn không thành . . . Nhân sự thật thật là phức tạp. Tính trước làm sao được mối oan tình Trọng Thủy, My Châu ? Cho nên Thiên Đình dù có biết trước thời cơ cũng không lý nổi nhân sự. Lê Lợi, Quang

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

Trung chẳng qua chỉ là những người ý thành, tâm chính, hiểu thời, nổi dậy mà thiên hạ phải bình, có thể thôi !

Nàng bật lời, cúi đầu ngẫm nghĩ. Đổ cũng cảm thấy xáo trộn trong tâm mà yên lặng không lời . . . Trên trời, sao từng ngôi tắt ngấm. Rì rào ngọn gió bắt đầu kể lẻ riêng tây đây đó, từng lá từng cành. . .

Giọng người thần nữ Kim Quy lại thổn thức cất lên :

- Trước kia vì đại sự mà giận My Châu, bây giờ thật mới hiểu nàng.

- Sao ?

- Lại còn phải hỏi ư ?

- Có bằng My Châu, Trọng Thủy không ?

- So sánh làm sao được ?

- Nếu muốn thử thách, liệu có dám làm như My Châu không ?

- Có lẽ cũng không giữ nổi lòng đâu !

Đổ dụt dè :

- Ngô . . . muốn xin chiếc kiếm Lam Sơn thì sao ?

- Em được lệnh trên mà lấy lại kiếm thần nhưng lại không giữ . . .

- Ai giữ ?

- Chính Lê Lợi ! . . . Nhưng chàng muốn được kiếm để làm gì ?

Đỗ chọt dần giọng :

- Nhận trách nhiệm. Mưu đại sự.

Dứt lời, gió đột nhiên tự bốn phương ào ào đưa lại. Vòm trời đen kịt nhằng nhịt ánh chớp. Căn gác rung lên cùng tiếng sấm vang dậy.

Thần Kim Quy tái mặt vùng dậy :

- Trời ơi !

Đỗ cũng hoảng hốt xô lại định giơ tay đỡ, nhưng nàng đã rú lên :

- Đừng, đừng chạm vào em ! Em không còn là em nữa đâu !

Trước mắt Đỗ, thần Kim Quy . . . lảo đảo lộ nguyên hình.

Đỗ thôn thức cố nói :

- Đừng quên nhau . . .

Ánh chớp sáng loáng mai rùa, long lanh ngấn lệ. Thần Kim Quy gập đầu rồi từ từ bò khuất vào giữa cơn bão gió đen kịt đêm tàn xuân. Đỗ gục vào thành giường mà khóc cho đến sáng.

Gần sáng, bão gió chưa tắt, mưa đã dội xuống. Rồi vù mưa vừa gió suốt ba ngày ba đêm không lúc nào ngớt. Cây cỏ

thụ Kẻ Chợ bặt gốc có đến mấy trăm thân, nhà Kẻ Chợ bay nóc có trên hàng nghìn chiếc.

Trời hừng nắng, thì cá hồ Hoàn Kiếm chết nổi lênh bênh như bèo Nhật bản. Thiên hạ hiếu kỳ rủ nhau đi xem đông nghịt ven hồ, ai cũng lấy làm lạ. Duy có Đỗ từ buổi đó thì thôi hẳn ra đường, suốt ngày thơ thân trong phòng, lấm lức vật mình mà khóc, có đêm ôm gối tương tư, như điên như dại. Lúc đầu còn có bạn đến thăm, nhưng vì lãnh đạm không tiếp, lâu dần chẳng còn ai lui tới.

Năm Mão qua đi mà trọn bốn mùa, Đỗ không thôi thương nhớ. Một ngày trọng Đông năm Thìn, Đỗ không đâu mà cảm thấy bồn chồn, tâm linh xao động, dường như có gì thúc bách. Bèn tung chăn đứng dậy, bách bộ quanh phòng. Một lát, dừng bước trước đồng sách. Quen lệ cũ, đã định giơ tay với một cuốn : gió bắc chợt lọt kẽ song, phả vào mặt Đỗ một mùi tử khí tự đồng sách dâng lên. Nhìn kỹ, mốc xanh lốm đốm khâm liệm đồng sách đã tự bao giờ. Nhặng nhịt, nhện đả giăng tơ, tơ nhện hứng bụi tường tỏa trắng một góc buồng. Tự đêm nguyên tiêu kỳ ngộ, có lần nào Đỗ nén lòng đọc được một trang ? Và lại, cũng tự đêm ấy, Đỗ bắt đầu thấy ngấy chữ nghĩa cổ nhân . . .

Đỗ nhìn xuống bàn tay. Bàn tay vốn xanh xao bỗng trở nên gân guốc. Như muốn đập phá. Như muốn cầu xé. Thế rồi, giữ lại cũng không kịp, hai bàn tay, mười ngón chồm lên. Khi định thần, đồng sách đã nằm gọn trong lò sưởi góc phòng.

Cuộc phân thư bắt đầu.

Năm xưa, ngọc lửa phân thư nhóm lên do một bàn tay ưa chuyện “khanh nho”. Kẻ sĩ đời Tần ghen ngào, hẳn học,

lời nguyên rủa vượt khỏi Trường thành, sang sảng cập đến tai hậu thế.

Giờ đây, lửa phần thư lại do chính một kẻ sĩ tự ý gây lên. Lửa không lan rộng mà âm ý xoáy hẳn vào bề sâu một con khủng hoảng.

Đỗ nhập thiên, vừa chùng kiến, vừa chịu cực hình một lễ hỏa thiêu lạ lùng. Từng tờ một, quần quai để rồi siêu thoát, từng nguồn tư tưởng, Christ từ từ ngược lại quãng đường dẫn tới đỉnh Golgotha. Thích Ca Mâu Ni lại gặp một gốc Bồ đề. Mã Khắc Tư thủ thế trước Freud. Sartre giật mình, ngưng ngẩn trong một thế ngõ cụt. Rồi lần lượt He'gel, Lão Tử, Khổng Khuru. . . Từng tờ một, thiêu dần từng nỗi băn khoăn. Đỗ qua từng cơn cảm giác tân kỳ. Có lúc xót xa như bị lột xác, có lúc rợn người như thoáng bóng ma, nhiều khi ê chề như bị lãng tri. Dần dà thì tâm trí lằng lằng, ngũ giác gấp phần minh mẫn. Tưởng như mang nỗi nghìn cân, mọc cánh mà bay ngang con hồng, con học, vươn mình đuổi kịp ngực Kỳ, ngực Kỳ.

Ngọn lửa trong lò cũng qua cơn ngùn ngụt, tới độ điều hòa. Đỗ đốt mình trong hơi ấm của lửa. Giữa tiết trọng đông mà không khí gian phòng gợi đến nước sông Nghi và tấm áo mát của thầy Tăng Diễm. Không khí gợi đến hơi thở của...

- Em đã về đây ...chàng !

Lửa phần thư đã tắt. Trên đồng tro tàn của đồng sách hỏa thiêu, người thần nữ Kim Quy xuất hiện.

Đỗ bàng hoàng giơ tay chơi vơi. Nàng từ lò sưởi bước ra, hương thơm ngậy ngát quanh phòng.

- Trời ! Ta mê hay thật là nàng ?

Đỗ nắm chặt tay người thân nữ. Yên lặng ngùi ngùi trong gian phòng ảm áp.

Một lát sau, nàng nhẹ nhàng rút tay ra rồi mỉm cười :

- Đã quyết định rồi sao ?

- Sao lại hỏi thế ?

- Thế sao lại đốt sách ?

- Đốt sách là quyết định ư ?

- Chàng chỉ còn một chút sản nghiệp tinh thần, Hòa thiêu đi là đã có ý định rồi đó !

- Không biết có ý định gì, nhưng vì đốt sách mà gặp lại nhau, không quý sao ?

- Tại sao chàng biết đốt sách thì gặp lại em ?

- Căn vặn nhau mãi !

Nàng ngồi yên không nói. Đỗ gạn hỏi thì nhìn Đỗ mà tủm tỉm cười. Bèn nắm lấy tay, đùa mà dọa :

- Không nói thì lại bắt chước họ Thảm, còn nhớ không ?

Nàng nghiêm nét mặt :

- Cái dây của một viên thị trưởng bằng sao được một mối tình ? Không cần trời cũng khó mà rời nhau . . .

Thấy Đỗ ngậm ngùi, nàng lại nói tiếp :

- Lần trước gặp chàng vì tiền duyên. Cũng vì tiền duyên mà mang lụy tại Động Đình Hồ. Nhưng vì mối tình của chàng có nặng, sóng tình cập tới Thiên đình, nên em sớm được trở lại với chàng . . .

Đỗ lộ vẻ mừng:

- Có thể ở luôn với nhau được không ?

Nàng rằng :

- Sao lại không ? Nhưng còn phải đợi . . . Số là, lại với chàng, em còn một nhiệm vụ.

- Sao ?

- Chàng cứ yên, em xin nói. Trước khi gặp em, chàng thường băn khoăn về thế cuộc. Điều đó chân thành xuất tự tâm can, hiện lên vẻ mặt, tất không giấu nổi Thiên đình. Nhưng muốn mưu đại sự, một nỗi băn khoăn tất nhiên chưa đủ. Cần phải có thời . . . Mà xét kỹ thì thời đến rồi đó . . .

- Xin nói rõ cho nghe . . .

- Chàng còn nhớ khi chia tay bạn trước, chàng có gọi đến việc kiếm thần . . .

- Quên làm sao được ?

- Chuyện có thể thành đấy. . . Nhưng . . .chàng có hiểu tại sao em lại về đây, giữa khi chàng đốt sách ?

- Hiểu làm sao được . . .

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- Thật tình nếu không có việc đốt sách thì chẳng bao giờ lại được gặp nhau.

- Ô ! . . .

- Vì . . . Thiên đình tuy để ý tới chàng nhưng còn đợi chàng tự ý quyết định.

- Vậy ra đốt sách là quyết định hay sao ?

- Chưa hẳn là thế, nhưng ít ra cũng lộ một phần ý chí . . .

Đỗ vùng dậy, đi lại quanh phòng. Người thân nữ yên lặng nhìn theo, đầu mày cuối mắt lộ tình quyến luyến. Đêm lặng lẽ xuống dần. Lòng người trẻ tuổi tơ vò trăm mối.

Có cơn gió bắc lọt kẽ song. Đỗ rùng mình tiến lại phía người thân nữ, người nàng âm như áo khinh cừ. Hai bàn tay run rẩy như hai con sẻ, Đỗ hơi nhích ra xa, giọng cất lên biểu lộ nỗi đắn đo đến cực độ.

- Giờ đây xin ngài yên để nghe lời vàng ngọc. Nàng hãy giảng giải rõ ràng. Sau cùng sẽ xin quyết định.

- Xin hỏi lại chàng, tại sao lại đốt sách ?

- Cũng không hiểu tại sao. Lúc biết thì lửa đã bén vào sách.

- Thật ra thì cái việc phân thư của chàng âm ỷ đã từ lâu. Từ lâu, từ đêm đầu tiên gặp gỡ, chàng đã thấy bức dọc với chữ nghĩa của người xưa . . .

- Xin nghe . . .

- Chàng khổ tâm vì trong cái thế tranh hùng Hán Sở, không biết đâu là nơi dụng võ. Một đằng là mặt đe nẩy lửa. Một đằng là kẻ có tiền, một đằng hoàn toàn tay trắng. Nhập vào đâu cũng chỉ là kẻ nhất thời. Đứng ở đâu cũng là mượn tạm đất đứng . . .

Người thân nữ im lặng giây lâu, rồi lại tiếp :

- Lý ung ra, chàng phải nhập vào bọn người áo vải vì thật tình sản nghiệp của chàng không một tấc đất cắm dùi. Nhưng cái khổ của chàng lại là những uẩn khúc tâm tư, nặng nhịt, dọc ngang như thế bàn cờ . . .

- Vậy đốt sách đi . . .

- Đốt được nhà . . . nhưng đốt sao được sách ? Chàng còn nhớ cuộc phân thư thuở ban đầu xây dãy Trường thành ? Càng đốt sách, nghĩa của chữ lại càng trong trẻo, dễ vút lên cao, dễ lan ra rộng . . . Họ Tần đốt sách Khổng Khuru vậy mà cái lý Tam cương của người nước Lỗ có bị hòa thiêu cùng sách ?

- Thế là đốt sách . . .

- Là một chuyện cần. Vì đối với chàng, đó là một hành vi quyết định. Hành vi đó lại là một lời cầu nguyện động đến Thiên đình. Và em đã được phép trở lại với chàng, khi lửa phân thư đã bắt đầu dịu ngọn. Chàng muốn thiêu hủy đến không còn một tấc đất tư duy. Nhưng kết cục, chàng lại thấy em, giữa đồng tro tàn. Em là của chàng. Cũng như đã từ lâu chàng là của riêng em.

- Nói vậy, hóa ra lại là Vương Khải, Thạch Sùng ? Cái lẽ quyết định là ở chỗ đó sao ?

- Sao lại mơ hồ đến thế, hử chàng ? Mặt trời sắp mọc và mặt trời đang lặn, ánh sáng tuy bằng bạc như nhau, nhưng sao lại vì cái thế bình minh khởi sắc với ánh tà thoi thóp của lửa hoàng hôn ?

Đỗ cúi đầu suy nghĩ. Trong tịch tịch của đêm đông, người con trai bắt đầu giác ngộ. Giữa bãi chiến trường nhọn hoắt đao gươm, Đỗ dần dần nhận ra chỗ đứng của mình. Người thần nữ đọc được ý nghĩ của chàng. Nàng bèn lên tiếng :

- Trong binh pháp, thường nhắc đến thế bồi thủy. Chàng nhận thấy chưa ? Không tiến cũng chết. Mà đứng yên lại càng chóng chết.

Đỗ ngược mắt nhìn nàng :

- Không biết một mình có làm nổi . . .

- Sao lại một mình ? Thời đã đến, ắt là cái thế chung cho phần đông thiên hạ. Và lại kiếm thần sẽ giao phó tận tay, chàng ngần ngại ư ?

Đỗ đứng phất dậy :

- Thật ư ? Kiếm thần . . .

- Nhận kiếm thần chính là nhận nhiệm vụ.

Đỗ bòn chòn :

- Vậy bao giờ ?

- Hẹn chàng giữa đêm trừ tịch, năm nay.

- Ngay bây giờ không được sao ?

HUỶNH ÁI TÔNG

- Ngay bây giờ ư ? Bây giờ. . . chàng ơi ! . . .

Giọng người thân nữ thiết tha. Mắt nàng ngời sáng. Đổ lạc vào một rừng hoa lạ. Trong yên lặng của trời đất, niềm giao hòa vượt khỏi nhung của da và hoa hồng tím thắm của môi, chơi vui tới mãi nơi thượng tầng tinh khí.

Gà gáy sáng tự bao giờ.

Năm Thìn, giữa đêm trừ tịch, câu Thê Húc tự nhiên xụp đổ. Người Kẻ Chợ đi xin lộc đèn Ngọc Sơn ngã xuống hồ không biết bao nhiêu mà kể. Thiên hạ xôn xao. Có người cho là Thần Rùa báo oán việc xưa. Có kẻ nghi là điềm gỡ, tính việc bán nhà mà bỏ vào Nam.

Lúc sửa lại cầu, viên đốc công thấy chân cầu tuy gãy mà gỗ vẫn tốt nguyên. Duy chỗ gãy như có vật sắc phạt ngang, ngày đêm rỉ nhựa đỏ lờm như máu. Nói lại, ai cũng cho là lạ. Kẻ bàn, người tán, không biết ra sao.

Có người biết Đổ, tìm đến nơi định hỏi. Nhưng cũng giữa đêm trừ tịch, Đổ đã bỏ kinh thành, biệt vô âm tín ./.

(1954)

Trích thơ:

Vọng cố nhân

*Lác đác sao buổi sớm
Xạc xào lá mùa thu
Cố nhân hề tan tác
Mộng cũ dưới cành du
Chữ qua tử*

Một ông sao sáng
Hai ông sáng sao
Dăm cụ bạn vàng lác đác
Lá mùa thu rụng đêm nao
Học thối Nhan Hồi rằng quên đừng nhớ
Nhưng hoa bèo dạt bờ ao
Tìm ngát. Tìm hoài lãng đãng
Lòng quê lại thấy dạt dào
Khui chai rượu nhỏ
Hồ trường biết rót phương nào
Chợ Cũ hay là Chợ Lớn
Phố Hàng Khay hay phố Hàng Đào
Quán cóc mái xiêu chợ Đũi
Sông Hương chiều lộng gió Lào
Thôn Vĩ hàng cau bụi trúc?
Nguyễn Tri Phương hay góc Đa Kao
Sương khuya nhuộm bạc mái đầu
Bạn vàng kẻ trước người sau
Giới nghiêm cũng mặc hém nào cũng vô
Ờ lại có những chiều nổi gió
Rượu ngà ngà cổ áo nâng cao
Khói huyền dâng lên mờ sao

Đêm Ba Tư quánh màu ma túy
Gác xép sông tình hém nhỏ
Vò đầu hát láo nghêu ngao
Rằng ta tự thừa nào tuổi trẻ
Nguyễn không hùa theo kẻ làm cao
Rằng ta trượng phu hề lòng như trăng sao
Chỉ như Hi Mã
Đỉnh nhọn hề vươn cao
Thời nhiều nhưng hề ta phù suy vũng vầy
Việc thành rồi ngày trời tháng bạt tiêu dao
Ngày đó tóc sao xanh mướt

HUỶNH ÁI TÔNG

Mặt chữ điền, mày xéch chữ đao
Ngày đó vai như vai gấu núi

Vang sóng hồ hê con sư tử hồng
Giờ đây tóc xói lên cao
Gió đây tâm sự thêu thào
Giờ đây hết. Hết rồi. Thế đó.
Còn chẳng mộng cũ tầm phào

Nắng phai bãi trước chiều đơn chiếc
Cành gầy thấp thoáng cánh sao
Lặng đêm vài ngôi sao sáng
Vài ông sao sáng sáng sao
Vài cụ bạn già lâm cầm
Mỗi năm tuổi hạc một cao

Vạn lý bi thu tác khách
Giờ này lặn đặng phương nao
Ngựa hoang nào biết hồi tàu
Đoạn trường ai có qua cầu mới hay
Nói đại, dám có ngài rừng mỡ
Vác hạc vàng téch đại lên cao
Theo thói người xưa bất phục phản
Mặc cho mây bay trên lầu cao

Đá tảng u mê mơ tiên sử
Chôn già ngơ ngẩn ghéch trăng lu
Cành phong chột tỉnh cơn thiền định
Nghiêng cả thân gầy xuống gốc du
Nghe lạnh tiếng con chim lạ
Vương cổ tìm đôi, cánh trao thương
Trời phương tây đỏ rực
Lửa đỏ rực tà dương
Nhưng đá chưa xiết
Ấm sao nổi tình thường

Đẩy cửa lạnh òa vào mặt
Ném lại bên lò chuyện ngày xưa
Tuyết ngập chân cao chân thấp
Run run gậy nhỏ chỉ đường xa

Bay về phương nam có đàn ngỗng trắng
Tạ từ nghe lạnh dợn hồ hoang
Có con sóc nhỏ đi rón rén
Gót nhẹ in trên tuyết mênh mang
Đứng đây giữa ngã tư đường
Trời im không nói, đất mù sương
Chợt thoáng lời kinh Bát Nhã
Rùng mình khỏi niệm vô thường

Viễn ly điên đảo mộng tưởng
Lâng lâng
Không cả vô thường

Bài Kệ Rong Chơi

Ta thường ở đó
Ngã ba cuộc đời
Tâm xuân xanh biếc
Mây trắng lên khơi

Ta thường đến đó
Ngã ba cuộc đời
Đăm đăm theo hút
Chân ai chân ai

Tà huy lay lắt
Lay lắt hoa rơi
Bước về đơn chiếc
Những bước mờ côi

*Bước lên hốt hoảng
Những bước vào đời
Ta thường lại đó
Ngã ba cuộc đời*

*Mây bay không mãi
Xanh thắm nền trời
Ta kêu vượt lên
Ta gào yết đế*

*Dốc nghe khúc khuỷu
Mắt hút nẻo trời
Đèo sâu vùi vùi
Mù tấp vùi vùi*

*Vượt lên vượt nữa
Vượt mãi không thôi
Ta thường về đó
Ngã ba cuộc đời*

*Ta thương theo ai
Bước đi chập chững
Vừa bước khỏi nơi
U minh thẳng thốt*

*Nghiệp chương bồi bồi
Rời từ thửa đó
Chập chờn ma trôi
Khấp néo cuộc đời*

*Ai trụ ở đó
Ta hay là Người ?
Ai trụ ở đó
Ngã ba cuộc đời*

*Tầm xuân vẫn biếc
Mây vẫn rong chơi
Ta vẫn rong chơi
Ngã ba cuộc đời.*

Ngữ Xuân

I

*Nửa khuya nghe chim lạ
Hót lẻ trong cành du
Thoáng lời kinh vô ký
Chập chờn ánh lửa giang đầu
Hót khẽ trong cành du
Chợt nhìn qua khung cửa
Bạt ngàn ngọn trắng trắng lu*

II

*Xuân đã về miền Hương Tích ?
Sao có hoa mơ nở trắng rừng mơ ?
Hỡi ơi không trắng hoa rừng mơ
Mà trắng miền đất lạnh
Hoa tuyết bay trắng rục Ngũ Đại Hồ
Hoa tuyết rơi liệm trắng màu hoa miền Nhiệt đới
Nơi tuyết rơi chỉ ở trong thơ
Hoa tuyết rơi lất phất
Nghe như ròn rợn lời tâm sự
Mưa nhỏ thở dài trong giàn dưa
Liều trai chí dị
Nửa khuya đất Hồ
Có con chồn già thùy lệ*

III

HUỶNH ÁI TÔNG

*Lại nghe con chim lạ
Hót lạnh trong cành du
Lạnh ẩm trà hoa cúc
Lạnh lén vào trong tôi*

IV

*Tôi từ thưở xa miền Nhiệt Đới
Đến đây kết nghĩa với cây du
Lòng vẫn như lòng rằng thôi đừng nhớ
Ngày ngày ngồi gốc cây du
Mơ cười một con trâu
Đi về miền nắng quái*

*Lá du như sao buổi sớm
Nhưng biết đùa với nắng mùa thu
Cũng vàng cũng nhuộm màu quan tái
Và rụng khi cành gầy ôm tuyết trắng
Đi vào thiên khoảng cuối mùa thu*

V

*Nhưng bỗng nhiên im lặng
Im lặng trong cành du
Lặng tai tìm chim lạ
Nghe nhẹ bỗng cành du*

VI

*Cúi đầu tưởng đến duyên kì ngộ
Mong manh chim lạ cành du
Rời những khuôn mặt cũ
"Cùng lặn đạn bên trời một lúta"
Giờ đây thừa thớt
Như lá mùa thu*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

"Ước cũ duyên thừa"
Có còn tiếp nối ?
Hay chông chênh sát - na một thoáng
Chim lạ bỏ cành du
Cánh nhỏ vút nhòe trong cánh tuyết ?

VII

Ngùi ngùi mái tóc mờ sương mù
Tuổi già lệ như "lác đác"
Rừng phong hạt móc sa"
Đâu còn thùy lệ
Chỉ rưng rưng sâu



Nhà văn Vũ Khắc Khoan qua nét hí họa của Chóe

HUỶNH ÁI TÔNG
Sáng Sài Gòn
Tặng Vũ Khắc Khoan

Bùi Giáng

*Đi về chép nốt tờ điên
Một qua mai một một tiền diện đi
Đường vui gió dục hai bề
Mộng buồn rớt hột hai buồn cả hai
Làng xa tỉnh lỵ nhớ ngày
Nhìn sương nguyệt rộng thu dài dã man
Ngã ba ngẫu nhĩ khôn hàn
Dừng chân chợt ngó phố quàng vai xuân.*

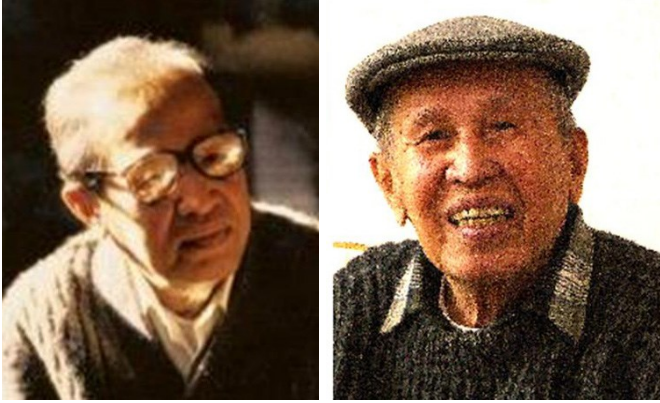
Nhà phê bình Thụy Khê trong bài: *Vũ Khắc Khoan (1917-1986) tác phẩm là một thác ngôn viết về Vũ Khắc Khoan* như sau:

“Vũ Khắc Khoan là ngòi bút đặc biệt giao hòa triết lý Đông Tây, cổ điển và hiện đại trong tác phẩm văn học một cách tài tình. Sáng tác ít, nhưng mỗi tác phẩm đều đạt tới mức cổ điển. Cổ điển trong cái nghĩa đẹp nhất: không theo thời thượng mà tìm đến những giá trị phi thời gian. Có thể nói ông là một trường hợp “văn dĩ tải đạo” độc đáo trong văn học Việt Nam. Cái đạo ở đây là tư tưởng, là những vấn đề đặt ra cho người trí thức tiêu tư sản ở thời kỳ chia đôi đất nước nói riêng, và con người của mọi thời, nói chung, trực diện với nghệ thuật và cuộc sống.”

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Khắc Khoan Web: vi.wikipedia.org
- Thần tháp rùa Web: gio-o.com

2. Võ Phiến



Võ Phiến - Đoàn Thế Nhơn (1925-20)

Nhà văn Võ Phiến tên thật là Đoàn Thế Nhơn sinh ngày 20 tháng 10 năm 1925 tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, Trung Phần Việt Nam. Ông còn có bút danh là Tràng Thiên.

Võ Phiến là con của ông giáo Đoàn Thế Cần và bà Ngô Thị Cương. Ông có người em ruột là Đoàn Thế Hối (1933-1967) cũng là nhà văn với bút hiệu Lê Vĩnh Hoà.

Khoảng năm 1933, bố mẹ cùng em ông vào Rạch Giá sinh sống, còn ông vẫn ở lại Bình Định với bà nội. Ông theo học trường làng và trung học ở Quy Nhơn.

Năm 1942, ông ra Huế học trường Thuận Hóa và bắt đầu viết văn. Bài tùy bút đầu tiên *Những đêm đông* được ông viết năm 1943 và gửi đăng trên báo Trung Bắc Chủ Nhật ở Hà Nội.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1945, Võ Phiến đi bộ đội cho đến năm 1946, ông ra Hà Nội học trường Văn Lang. Năm 1948, ông kết hôn với bà Võ Thị Viễn Phố và dạy học ở trường trung học bình dân Liên Khu V. Ông dùng bút danh Võ Phiến do tên bà Viễn Phố lái lại.

Cuối năm 1954, Võ Phiến ra Huế làm việc tại Nha Thông Tin một thời gian rồi chuyển vào lại Quy Nhơn, tại đây ông tự xuất bản hai tác phẩm đầu là *Chữ tình* (1956) và *Người tù* (1957), gửi bài đăng trên hai tạp chí Sáng Tạo và Bách Khoa.

Sau tác phẩm *Mưa đêm cuối năm* (1958, Sài Gòn), Võ Phiến bắt đầu được biết đến. Ông vào làm việc tại Sài Gòn và cộng tác với các báo Sáng Tạo, Thế Kỷ 20, Văn, Khởi Hành, Mai, Tân Văn, Bách Khoa, là một trong những cây bút chủ lực của tạp chí này là Nguyễn Hiến Lê và Vũ Hạnh.

Năm 1962, Võ Phiến lập nhà xuất bản Thời Mới.

Võ Phiến rời Việt Nam một tuần lễ trước biến cố 30 tháng 4 năm 1975, ông định cư tại Los Angeles, Hoa Kỳ, làm việc cho Sở Thuế vụ.

Võ Phiến tiếp tục xây dựng nền văn học Việt Nam tại hải ngoại, xuất bản tập san Văn Học Nghệ Thuật từ 1978 đến 1979, và từ 1985 đến 1986.

Về sau ông dời về sống tại Quận Cam, California, Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Chữ Tình* (Quy Nhơn, 1956)
- *Người Tù* (Quy Nhơn, 1957)
- *Mưa Đêm Cuối Năm* (Sài Gòn, 1958)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- *Đêm Xuân Trăng Sáng* (Sài Gòn, 1961)
- *Về Một Xóm Quê* (Sài Gòn, 1961)
- *Giã Từ* (Sài Gòn, 1962)
- *Thương Hoài Ngàn Năm* (Sài Gòn, 1962)
- *Thư Nhà* (Sài Gòn, 1963)
- *Tiểu Thuyết Hiện Đại* (1963)
- *Hăm Bốn Giờ Trong Đời Một Người Đàn Bà* (dịch Stefan Zweig)
- *Các Trào Lưu Lớn Của Tư Tưởng Hiện Đại* (dịch Andre Mourois)
- *Truyện Hay Các Nước 1* (dịch với Nguyễn Minh Hoàng)
- *Truyện Hay Các Nước 2* (dịch với Nguyễn Minh Hoàng)
- *Một Minh* (Sài Gòn, 1965)
- *Tạp Bút 1* (Sài Gòn, 1965)
- *Tạp Bút 2* (Sài Gòn, 1965)
- *Tạp Bút 3* (Sài Gòn, 1966)
- *Đàn Ông* (Sài Gòn, 1966)
- *Áo Ảnh* (Sài Gòn, 1967)
- *Phù Thế* (Sài Gòn, 1969)
- *Tạp Luận* (Sài Gòn, 1973)
- *Chúng Ta Qua Cách Viết* (Sài Gòn, 1973)
- *Đất Nước Quê Hương* (Sài Gòn, 1973)
- *Ông Chồng Muôn Thuở* (dịch Dostoievski)
- *Thư Gửi Bạn* (Hoa Kỳ, 1976)
- *Ly Hương* (viết với Lê Tất Điều) (Hoa Kỳ, 1977)
- *Nguyên Ven* (Hoa Kỳ, 1978)
- *Lại Thư Gửi Bạn* (Hoa Kỳ, 1979)
- *Văn Học Miền Nam, Tổng Quan* (Hoa Kỳ, 1987)
- *Truyện Thật Ngắn* (Hoa Kỳ, 1991)
- *Quê* (Hoa Kỳ, 1992)
- *Đối Thoại* (Hoa Kỳ, 1993)
- *Viết* (Hoa Kỳ, 1993)
- *Sống và Viết* (Hoa Kỳ, 1996)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Thơ Thần* (Hoa Kỳ, 1997)
- *Văn Học Miền Nam, truyện 1* (Hoa Kỳ, 1999)
- *Văn Học Miền Nam, truyện 2* (Hoa Kỳ, 1999)
- *Văn Học Miền Nam, truyện 3* (Hoa Kỳ, 1999)
- *Văn Học Miền Nam, ký* (Hoa Kỳ, 1999)
- *Văn Học Miền Nam, tùy bút và kịch* (Hoa Kỳ, 1999)
- *Văn Học Miền Nam, thơ* (Hoa Kỳ, 1999)
- *Cảm Nhận* (Hoa Kỳ, 1999)
- *Quê Hương Tôi* (Nhà Nam-Thời Đại, VN, 2012)

Trích văn:

Thác đổ sau nhà

Đáng lẽ hôm đó tôi không đi với nhà tôi. Một phần vì tôi chưa quen tiệc tùng đông đảo mà đám cưới hôm đó thì nhà trai mời rất đông. Và lại hồi ấy tôi có mang trên ba tháng, thân hình đã có những nét thay đổi; một người đàn bà dù không hay làm đom cũng không thấy có hứng thú chen đến chỗ đông người với một thân hình như thế.

Tuy vậy khi nhà tôi sắp đi thì vợ chồng anh Thủy ghé vào. Chị Thủy kéo tôi vào nhà trong, nhất định năn nỉ đòi tôi cùng đi cho có bạn. Chị bảo nếu không có tôi thì chị cũng không đi dự tiệc, nên muốn cho chắc chắn chị không cho anh Thủy đi thẳng mà bắt ghé vào nhà tôi để rủ. Chị xóc hai tay vào nách, lôi tôi đứng dậy, vuốt vuốt trên bụng tôi, rồi ghé đầu ngắm nghía, cười ngắc nghẻ, thì thào:

- Trông được gái lắm. Có ai thấy bụng dạ gì đâu nào? Đi với người ta cho rồi.

Tôi bật cười. Vẫn với vẻ đùa đùa, nhanh nhẹn láu táu, chị mở tủ lấy áo ra, lấy lược chải tóc cho tôi, lấy kem lấy phấn dàn ra.

Vì cái tính láu táu đó mà chị Thuý cứ dòn dập, bắt ép khấn khoản xua chị em tới, đòi làm cho kỳ được những điều chị muốn. Kỳ thực chị không biết là mình muốn, mình cần điều đó tới đâu. Cho nên nhiều lần, sau khi xảy ra chuyện đáng tiếc, chị ân hận vì điều mà chị muốn chị em làm xét lại không có gì cần thiết. Tôi vừa trang điểm vừa nghĩ đến chỗ đó. Nghĩ thế mà vẫn cứ phải làm theo sự thúc giục vui vẻ của chị.

Từ đầu cho tới giữa bữa tiệc tôi ngồi khá dễ chịu. Bên phải tôi là chị Thuý, bên trái là một bà đã có tuổi, nhã nhặn, nói chuyện có chừng mực và nhỏ nhẹ. Giọng nói bà ta thân mật tự nhiên, vì thế chẳng bao lâu chúng tôi trò chuyện với nhau như trong phòng khách của nhà mình, quên để ý đến cảnh đông đảo xung quanh. Về nhỏ nhẹ kín đáo của chúng tôi khiến cho không ai chú ý đến phía chúng tôi ngồi, và như thế càng làm cho tôi tránh khỏi cái khó chịu mà tôi tưởng tượng lúc ở nhà.

Chợt trong phòng tiệc tự nhiên im lặng, chỉ có tiếng một người nói. Bà khách ngồi bên tôi ngẩng lên nhìn. Tôi cũng ngó theo. Người khách đang nói, chẳng biết tự lúc nào đã rời bỏ ghế của mình, bung ly rượu đi đi lại lại. Cũng chẳng biết bắt đầu làm sao mà ông ta được mọi người chú ý. Hiện thời thì trừ một số khách đàn bà, còn bao nhiêu đều ngưng chuyện riêng, chăm chú theo dõi ông ta. Thỉnh thoảng mới có người nêu lên một câu hỏi ngắn, cũng là thuộc về câu chuyện ông ta đang nói. Ông ta nói chuyện về săn bắn.

Đó là một người thấp, vào khoảng năm mươi tuổi, có vẻ dày dặn. Nước da đen, đường nét trên khuôn mặt hơi thô. Nhưng cặp mắt thực lạnh. Đầu tóc ông ta không chải, khô và quăn, nhưng không bù xù. Ông ta mặc bộ đồ ni màu tím sẫm đất tiền, mà không có chút gì chải chuốt. Cử chỉ nhanh

nhẹn, dễ dãi, tự nhiên. Trông qua, người ta có cảm tưởng ngay là một người từng trải, không kiêu cách, quen với cảnh hội hè đám tiệc. Lại là một người thực tế, giản dị, tránh những ước vọng cao xa, với một khinh bỉ khôn ngoan.

Thoạt tiên tôi nhìn thấy ông ta rồi liền cúi xuống tiếp tục gấp món ăn. Nhưng giọng nói của ông ta vẫn vang bên tai. Tôi lắng nghe câu chuyện. Bỗng nhiên tôi hoảng hốt. Một lo sợ chơi vơi không rõ vì sao làm tôi nôn nao. Người đàn ông đó nhắc lại một cái gì hẳn có liên quan đến tôi. Tôi ngẩng đầu lên nhìn lại. Ông ta đã trở về đứng ngay sau chiếc ghế của mình, một tay đặt lên lưng ghế, lắng tai chờ nghe câu hỏi của người khách ở một bàn xa. Vụt một cái ông ta sụn xuống, rùn cổ thụt đầu vào, nhô hai vai lên, và giờ cao hai bàn tay, há miệng trợn mắt, “À!” một tiếng. Mọi người cười. Rồi ông ta chụp mạnh một tay, nắm lấy lưng ghế, tay kia trả chiếc ly xuống bàn, lắc đầu nói:

- Không! Không! Ban đêm không bao giờ trông thấy được voi ở xa đến thế. Bọn thợ săn chúng tôi chưa con voi ra, còn lại tất cả đều dưới quyền chúng tôi. Chúng tôi đội ngọn đèn trên đầu tiến vào trong rừng là có thể trông thấy tất cả muôn thú, trừ con voi. Và con người, vâng, và con người nữa. Là vì mắt voi và mắt người không phản chiếu ánh đèn. Thế cho nên nhiều khi mình đã đến gần bên một con voi mà vẫn tưởng là tảng đá. Ngoại trừ con voi, bọn thợ săn chúng tôi làm chủ núi rừng. Quét một ngọn đèn bấc trong đêm thì trong vòng đường kính năm mươi thước chúng tôi có thể thấy từ cặp mắt con cọp, con heo rừng, cho đến những chấm sáng li ti của mắt con nhện, mắt những con nhái, con cào cào, châu chấu, đến những cặp cánh lóng lánh của sâu bọ lặn tẩn. Sáng nhất là mắt cọp và mắt nai. Mắt cọp sáng ngời, có tia sao. Còn những mắt heo rừng, thỏ, chồn... thì đỏ lờ lờ như màu mã não. Có

lần chúng tôi...

Tôi cúi xuống bàn, tâm trí hoàn toàn rối loạn. Nhất định là người đàn ông đang nói đó và giọng nói của ông ta có một liên quan gì với tôi hết sức hệ trọng. Khổ nhất là người ta không có phương pháp gì có thể tự ý gọi lại một ký ức khi nó chưa chịu hiện đến. Tôi biết chắc lúc đó thần sắc tôi biến đổi khác thường. Bà khách bên cạnh nhìn tôi, giấu vẻ lo ngại, nghiêng người tới với một vẻ sẵn sàng, tìm một câu nói:

- Ông ấy thạo quá.

Tôi cười và đáp như máy: “Vâng, thạo quá.”

Chị Thuý quay sang phía chúng tôi, nói thêm:

- Ông quận Toàn đấy mà. Chị không biết sao? Quận Toàn mà nói chuyện sẵn bản không thạo thì ai thạo? Hồi thầy tôi còn làm phán sự tòa sứ ở tỉnh, cách đây hai mươi năm, chúa nhật nào ông ta cũng có thú rừng bắn được đem biếu...

Tôi cười vu vơ, không đáp, lắng tai nghe tiếng ông quận Toàn tiếp tục nói. Ông ta mỗi lúc mỗi xưng “bạn thợ săn chúng tôi” mặc dù trong tiệc chỉ có mình ông là thợ săn. Xưng đến “bạn thợ săn chúng tôi” ông ta uốn người ra, hãnh diện. Ngoài khi nói về chuyện săn bắn, thì ông ta bật thiệp, nhũn nhặn, thân mật. Ông ta thân với chủ nhà và tự coi như người nhà. Thỉnh thoảng ông ta ngừng nói chuyện, rót thêm rượu vào ly một người khách, mời một món ăn. Khi đó ông ta hạ giọng xuống, có khi ông ghé vào tai pha trò một câu nhỏ, một tay thân mật đặt lên vai người khách, sẵn đón, vồn vã. Rồi lại ngẩng lên, lớn tiếng tiếp tục chuyện săn thú, như chiếc phi cơ lại cất cánh hiên ngang

lên trời, bỏ lại những nhà cửa xe cộ dưới đất.

Ông ta giơ một bàn tay với những ngón to và ngắn ngắn lên ngang đầu, ra dấu cho mọi người im lặng chú ý, rồi lên tiếng:

- Này nhé, làm thế nào phân biệt được mắt con thú với sao trên trời? À, cái đó mới ngộ! Nếu không phân biệt được thì có người đang đi trong rừng trông thấy hai vì sao lọt qua kẽ lá sáng bên nhau như hai con mắt thú, thế là cứ nhắm mà bắn bừa thôi. Ha! Muốn phân biệt thì thế này: bọn thợ săn chúng tôi bao giờ sau khi chiếu đèn về một phía nào mà gặp những chấm sáng cũng cẩn thận quất đèn về hướng khác, rồi liếc mắt ngó xiên lại chỗ cũ. Nếu những chấm sáng vừa rồi tắt đi thì đích là mắt thú, còn nếu vẫn cứ sáng thì đó là sao rồi. Sao trời hoặc là lửa, văng, lửa...

Ông quận Toàn giơ bàn tay lên, vung vung, ra dấu cảnh cáo:

- Cái này mới nguy hiểm đây. Ở trên núi vẫn có những đóm lửa bất ngờ như thế. Chúng tôi thường gặp. Hoặc là thợ rừng ngủ lại, hoặc là người đi lối đường, hoặc là những người cầm bò trên núi, họ đốt lửa lên cho ấm rồi nằm ngủ xung quanh. Về khuya, lửa tắt, còn lại những đóm lẻ tẻ giữa đồng tro. Khi ấy mà làm là mắt thú rừng, cứ bấm cò súng một cái là thế nào, hà, hà! thế nào cũng một vài nhân mạng nhé.

Trong phòng nổi lên những tiếng ồn ào. Ông quận Toàn ngừng nói. Tôi không dám nhìn lên mặt ông ta nữa. Tôi đã gằn nhớ ra câu chuyện, gằn hiểu sự liên hệ giữa ông ta với tôi là như thế nào rồi. Vô tình tôi tìm khuôn mặt nhà tôi ở góc phòng đối diện. Rồi tôi cúi đầu. Khó chịu nhất là lúc này bà khách bên cạnh tôi lại bắt đầu nói chuyện. Thực là

khô, trong lúc tôi cần yên tĩnh một chút, mà phải vờ lắng tai nghe, dạ dạ vâng vâng. Tôi không biết bà khách bên cạnh nói những gì, và có để ý đến thái độ của tôi không. Đột nhiên tôi giật mình vì bà ta cười lên một tiếng ngắn. Tôi sợ hãi ngược nhìn, nhưng thấy nét mặt bà vui vẻ thực tình. Và bà đã bỏ câu chuyện của mình để theo dõi câu chuyện ông quận Toàn. Ông quận nói:

- Có một lần thế này, thật là chết người! Chuyện xảy ra cách không bao lâu, vâng cũng chẳng lâu gì. Nguyên là trước chiến tranh tôi đã làm việc ở đây gần mười năm cho nên tôi thông thạo hết núi rừng. Bởi vậy lần này, hồi mới được đổi trở về đây tôi có thể đi bấn một mình trên đèo Vạn. Độ mười một giờ đêm, tôi vừa leo lên một cái động tranh thì ngọn đèn của tôi chiếu vào một đám mắt sáng lồ nhỏ. Thật nhiều mắt. Tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng. Tôi chưa từng gặp một đàn nai nào đông đến thế. Tôi quất đèn sang một bên, liếc lại nhìn: quả là mắt, không phải lửa. Tôi đặt súng lên vai, định bụng lấy luôn hai phát đạn một lượt. Hai phát đạn vào cái đám mắt đó thế nào cũng được hai con nai. Tôi bóp cò. Đạn thú! Úi chao! Tôi đi săn hăm bốn năm rồi, trường hợp đó chưa khi nào xảy ra: cả hai viên đạn đều hỏng cả hai...

Ông quận Toàn bấu chặt lấy lưng ghế, chòm người tôi, trở mắt tròn xoe nhìn mọi người, kinh ngạc. Rồi ông ta lắc lắc cái đầu, lặp lại:

- Hỏng cả hai viên đạn, thật là kỳ cục. Tôi vừa tức giận vừa lo sợ, hạ súng xuống thay đạn. Không biết lật bật thế nào tôi đánh rơi một viên đạn xuống tảng đá dưới chân, nó lăn nhảy lóc cóc mãi một lúc lâu xuống tận dưới khe xa mới dừng lại. Tôi bực mình, sợ đàn nai hoảng hốt chạy mất. Nhưng quái lạ, chúng vẫn cứ đứng yên, giương mắt lồ nhỏ. Tôi lại chợt nghe phát thoang thoang một mùi khai

khai, hôi hôi quen thuộc. Tôi sinh nghi. Đã đặt súng lên vai, tự nhiên tôi hạ xuống và rón rén bước lần tới. Nếu là đèn pin đội trên đầu thì cách xa hai chục thước đã có thể trông thấy hình thù con vật, nhưng hôm đó tôi dùng đèn đá cho nên phải tiến gần độ mười hai thước tây. Ngọn đèn của tôi chiếu thấy một đàn bò trên năm chục con, đứng có năm có, giữa một cái rông cát sơ sài bằng cây tươi vừa đốn trong núi. Sát bên cạnh rông nhốt bò là cái chòi của người giữ bò! Ui chao, trời đất ơi! Tôi bủn rủn tay chân...

Ông quận Toàn xuôi cả hai tay, nghèo đầu thất vọng một lúc. Rồi ông ta vùng tỉnh táo, chồm tới:

- Trong đời bọn thợ săn chúng tôi đôi khi vẫn có gặp một a-văng-tuya như thế. Thật là chết người. Hú vía! Nếu hai viên đạn không hỏng, hay nếu tự nhiên tôi không nghi ngại, bước tới, thì đêm đó có thể đã xảy ra một vụ án mạng rồi. Nhân mạng thực sự chứ không phải là đèn bò thoi đầu nhé. Nếu tôi nổ, viên đạn lọt vào trong chòi người giữ bò... Trời ơi! Khi tôi chạy xô tới, giật cái cửa chòi ra, thấy hẳn ta vẫn còn nằm ngủ, không hay biết gì cả, tôi hét lên như điên...

Ông quận Toàn đang nói hăng. Rất có thể ông ta sẽ nói tiếp. Tôi thấy bùng bùng trong người, và chóng mặt, như ngồi trên một chiếc xe đang phóng nhanh xuống dốc.

Nhưng tự nhiên quận Toàn ngừng lại. Những lúc ta cố tìm hiểu ý nghĩa biểu thị trên một nét mặt, thì lại chính là những lúc ta không đoán được gì cả: các chi tiết đơn giản nhất cũng hóa ra khó hiểu, thật là đáng giận. Lúc đó về mặt ông quận Toàn tự dung tắt mắt cái hăng hái, ông cúi xuống đĩa đồ ăn. Việc ông khép thành linh câu chuyện có vẻ như là kín đáo dành riêng đoạn sau giữ lại cho mình. Trên môi ông phảng phất bóng dáng một nụ cười ranh mãnh. Nhưng tôi cũng không tin hẳn như thế. Là vì cái vẻ chăm chú thận

trọng khi ông bôi cho đều “xốt” vào con tôm và sự khoan khoái biểu lộ rõ rệt trên nét mặt lúc ông ta vừa nhai nhồm nhoàm vừa quay sang bình phẩm món ăn với người bên cạnh khiến tôi lại nghĩ rằng ông ta là một người thô sơ, không bận tâm đến đoạn sau của câu chuyện. Và cái thoáng cười vừa rồi lại không chừng có ý nghĩa giấu cợt.

Ông quận Toàn bỗng ngẩng cao đầu, ngả lưng ra, ưỡn người khoan khoái. nhìn một loạt khắp phòng tiệc. Như tuồng kể xong câu chuyện sẵn sẵn là rồi một nhiệm vụ, bây giờ ông ta có quyền thành thoi và bày tỏ sự thành thoi với mọi người. Nhưng cứ chỉ tầm thường đó làm tôi khiếp vía. “Nếu ông ta trông thấy tôi?”... Tuồng như ông ta đang quát ngọn đèn sẵn trong rừng và “bọn thợ săn của ông ta” đang làm chủ núi rừng, còn tôi thì chỉ là một con nai nhỏ, trốn sao cho khỏi cái thứ ánh sáng có thể soi thấu từng con mắt chuột, mắt nhái li ti đó. Thực vậy, tôi có cảm tưởng cái hột xoàn tí hon gắn trên đôi hoa tai của tôi, cái mặt nhẫn đeo nơi tay tôi cũng quá sáng, có thể khiến ông ta chú ý đến tôi... Cặp mắt ông ta lướt qua như một chiếc oanh tạc cơ lướt ngang đầu. Tôi gằm đầu xuống, lặng người đi một lát...

Bên tai tôi chị Thủy lại nhanh nhẩu:

- Ông quận Toàn này bán thì thôi khỏi nói. Hồi tôi còn nhỏ có một hôm ông ấy đi với thầy tôi về quê. Từ lúc chiều đến chạng vạng tối, ông ấy cho gánh về nhà tôi bảy con công. Bảy con công bự, khiếp chưa? Chị biết, công nó khôn lắm nhé, ta khó lần mò đến gần mà khỏi bị nó thấy. Ông ta không thềm rình mò gì cả, chỉ hỏi thăm thợ rừng xem chúng nó thường ngủ chỗ nào. Thường thường chúng nó lựa một cây trụ lá vì chúng sợ chồn. Cây trụ lá càng dễ nhắm dễ bắn. Ông ta cứ việc đến sớm, tìm chỗ nấp cẩn thận bên gốc cây. Chiều, công nó về từng con từng con.

Con nào về đậu vừa yên ông ta liền nổ súng ngay, nó rút đánh đùng một cái như quả dứa rụng. Mặc kệ, ông ta cứ ngồi yên trong bụi, không ra. Ra ngay lúc đó là hồng nhé. Cứ ngồi yên một tí là có con công khác về ngay. Nghe tiếng nổ chúng nó về xem thử, cứ thế ông lần lượt giết hết đàn công. Nghĩa là đừng bắn trượt con nào. Trượt một con là hồng, vì những con sau biết ngay có tai nạn.

Chị Thuý đã nói tới cái câu có về kết thúc:

- Quận Toàn, thôi khỏi nói, ông ta sẵn bắn kinh nghiệm và khôn ghê lắm...

Nhưng bất ngờ chị chuyển qua ý khác:

- Trời! Ông ta mê bắn cách lạ. Cái đêm Nhật đảo chánh năm 45, suốt đêm ông ta bắn trên núi không hay một chút xiu xiu. Hồi đó ông ta làm việc ở tòa sứ ngoài Nghệ An. Gà gáy, ông ta xách súng về nhà, đi ngay vô phòng ngủ, cũng vẫn chưa hay biết gì. Tới giờ làm việc, ông ta sắp sửa mặc đồ đạc vào thì tòa sứ cho người tới mời, ông ta cần nhần tưởng có chuyện gì gấp. Chùng đến tòa sứ nghe nói mới ngã ngựa ra tung hứng. Thôi thì lúc đó sứ tây nó lo phần nó, công chức người mình nó cho nghỉ việc, chờ Nhật tới định đoạt. Thế là trong mấy ngày chờ đợi ông quận Toàn lại xách súng đi bắn, thần nhiên như không! Khi Nhật tới, gọi công chức lại tiếp tục công việc thì ông ta đã bắn thêm được ba con nai chà. Ông thân tôi mỗi lần nói đến tật mê bắn của quận Toàn đều nhớ chuyện đó.

Quận Toàn lúc ấy đang ngồi lơ đãng xia răng. Đối với mọi người ông ta đã lặn mất vào đám đông thực khách, không còn là một nhân vật đáng chú ý nữa. Có lẽ chính ngay ông ta cũng không còn nghĩ đến câu chuyện vừa qua. Trông cái môi ông nhếch lên, lưỡi ông quơ soát lại hàm răng, và ông

chíp chíp nho nhỏ trong miệng, tôi đoán có lẽ cái vị của món bò câu ăn với xà-lách còn một chút lưu luyến nơi ông. Nhưng chắc ông đã bắt đầu nghĩ đến ly cà-phê sắp thưởng thức rồi.

Càng theo dõi quan sát ông quận Toàn tôi càng tin rằng con người đó nhất định không thể bận rộn vì những ý tưởng phức tạp hơn. Tôi càng nhìn càng thấy các ngón tay ngắn ngắn với làn da thô dày và đùn lại sù sì ở các đốt cũng như vẻ mặt của ông ta đáng lẽ là của một người nông dân tâm lý thô sơ, chất phác, siêng làm và thực tế. Chùng áy nét tính tình ở một người có học thức có tiền của lại làm ra một mẫu người cầu an ích kỷ, không thêm bận tâm đến một lý tưởng xa vời nào, một người siêng tìm và biết thưởng thức những giải trí dễ dãi, những thú vui vật chất.

Bà khách ngồi bên tả chia cho tôi một que tẩm. Tôi ngả người dựa lưng ghế, xía răng, và tự nhiên có cảm tưởng thư thái dễ chịu, dần dần thoát khỏi sự hồi hộp lo sợ thắc mắc. Chị Thuý đang mở chiếc ví đặt trên đùi ra, soi gương chặm những chấm mồ hôi trên mặt. Phòng tiệc lộn xộn ồn ào, đàn ông vừa hút thuốc vừa nói chuyện từng nhóm riêng với nhau. Rồi người ta bắt đầu xô ghế đứng dậy. Thôi thế là xong.

Khi quận Toàn bước ra cửa, tôi ngó theo ông ta bằng một khóe mắt. Một tay ông ta níu lấy cánh tay một ông bạn, tay khác ông vung lên làm những cử chỉ ngắn mà mạnh mẽ, mặt ông nghèo nhìn vào ông bạn, vừa đi vừa nói.

Tôi cảm thấy nhẹ nhàng an tâm: chuyện ông đang nói chắc chắn không phải là chuyện “hắn ta”, cho đến phút cuối cùng trông ông ta không có vẻ muốn đã động gì đến “hắn ta” nữa. Nhưng đồng thời cũng chính cái vô tình đó làm cho tôi vùng sống lại y nguyên tâm trạng của mấy năm trước. Tôi vừa xót xa tủi thân, vừa hồi hận khinh bỉ. Cái

tâm thường và thái độ vô tình thô bỉ của ông ta như lăng mạ chà đạp tôi.

Thế mà vừa rồi đối với khách khứa trong phòng tiệc, ông ta đã nói về “hắn ta” bằng một câu có thể khiến mọi người nghĩ rằng đó là một kẻ đần độn vô tư lự: “khi tôi chạy tới, giật cái cửa chòi ra, thấy hắn ta vẫn còn nằm ngủ, không hay biết gì cả!”

Tôi phải nói rõ hơn về “hắn ta”.

Tôi lấy chồng sớm, từ năm mới mười sáu tuổi. Người chồng đầu tiên của tôi lớn hơn tôi đến bảy tuổi, và chính là thầy dạy tôi học. Sự chênh lệch đó làm cho Thọ bận tâm rất nhiều. Tuy tôi đã tìm mọi cơ hội để tỏ rằng tôi hoàn toàn sung sướng với anh, nhưng tôi biết càng ngày Thọ càng bị ám ảnh bởi cái ý tưởng cho là sự quyết định của tôi hồi còn nhỏ có thể bông bột, tình yêu của tôi không bền chắc, nhất là vì bản tính nghiêm buồn hay suy tư làm cho về mặt tinh thần anh có vẻ già dặn hơn tôi nhiều quá, và vì chúng tôi lại không có con cái.

Gia đình của Thọ là một gia đình nhà nhỏ, Thọ lại là đảng viên cộng sản. Từ ngày về nhà chồng tôi càng tự cảm thấy bé bỏng, không đáng kể, giữa cái sinh hoạt tinh thần luôn luôn thao thức trong gia đình ấy. Cha chồng tôi nghiêm khắc, đường hoàng, khiến bọn con cháu chúng tôi ở trong nhà ít khi dám gần người. Tuy vậy dần dà tôi lại biết rằng tính người hay sợ hãi: tất cả những người Âu từ tên lính lê-dương đến tên tây đoan đều làm cho người khiếp sợ, tất cả những tai họa rắc rối xảy đến cho gia đình đều khiến người bối rối lo hãi, người sợ những con ngựa có chứng và không dám đến gần những con bò hung dữ... Nhiều khi sự hoảng hốt của người trước một đe dọa quá tầm thường làm cho đàn bà trong nhà phải nấp sau cửa bùm miệng cười rúc

rich. Khi chiếc phi cơ oanh tạc đầu tiên đến bay quanh vùng chúng tôi thì cả nhà đang ngồi ăn cơm vùng bỏ chạy tán loạn. Mọi người đã nằm nấp ngoài vườn xong mà mãi không thấy cha chồng tôi đâu cả, anh Thọ đánh liều trở vào nhà. Vào đến nơi, thấy người đã mặc xong áo dài và đội khăn đóng chỉnh tề, ngồi ngay ngắn trước bàn, hai tay đặt lên mặt bàn, run lẩy bẩy, hai mắt nhắm tít. Anh Thọ gọi, người mở mắt ra nói:

- Người quân tử dù đến chết cũng khăn áo chỉnh tề.

Rồi người lại nhắm mắt ngồi chờ chết, hai bàn tay run trên mếp bàn. Lần ấy chiếc phi cơ không bắn một viên đạn nào và không thả trái bom nào. Từ đó người mới chạy trốn bom.

Sau này, trước thái độ độc ác phũ phàng của những cán bộ cộng sản đối với tầng lớp địa chủ thân hào, người cũng ngạc nhiên và sợ hãi như thế. Khi được biết anh Thọ vào đảng Cộng sản người không dám có ý kiến phản đối, nhưng trong gia đình ai nấy đều thấy rõ sự cách biệt, có thể nói là sự xung đột ngầm ngầm giữa hai cha con. Xung đột ấy chỉ thỉnh thoảng mới biểu lộ qua sự trung gian của anh Kha, bạn thân của Thọ từ ngày còn ở nhà trường.

Kha ở cùng làng với chúng tôi. Những khi anh đến chơi mà không gặp Thọ ở nhà thì anh với cha chồng tôi cùng nhau công kích cộng sản. Khi gặp Thọ thì Kha và Thọ tranh cãi nhau, còn cha chồng tôi lặng lẽ tiếp tục những công việc của người, dù ở bên cạnh cũng làm như tuyệt nhiên không nghe thấy lời nói của hai người thanh niên.

Cha chồng tôi, và có lẽ cả Kha, trong những lúc tranh luận, đều yên trí rằng Thọ là một kẻ cuồng tín. Thực ra lúc nào Thọ cũng bênh vực lập trường tư tưởng của mình một cách

cương quyết và kiêu hãnh. Nhưng chính vì thế tôi càng thương Thọ về những bút rút luôn luôn âm ỉ trong tâm trí anh.

Tôi còn nhớ một đêm tháng sáu, trời nóng nực, cha chồng tôi cầm cúi xất một cuốn thuốc dài ngoài hiên, Thọ và anh Kha trò chuyện trong nhà. Tôi đang ngồi lột vỏ đậu phụng trước thềm, chợt để ý đến thái độ của cha chồng tôi, thấy người luôn luôn ngừng tay giả vờ sửa cuốn thuốc, để theo dõi câu chuyện phía trong nhà.

Bất giác tôi chú ý đến giọng nói ồ ồ xằng xớm và cộc lốc của Kha:

- ... Hừ! Riêng gì cái chuyện đối với bà cụ? Tôi biết các cậu mỗi ngày mỗi tu luyện để trút bỏ hết tình cảm, hết nhân tính.

Chồng tôi bình tĩnh nhưng gay gắt:

- Vậy thì tình cảm vợ vẫn là nhân tính? Thương mù quáng... một ông bác, một bà cô, một đứa em phản động, một người bà con phản động, là nhân tính? Còn thương yêu những người nghèo khổ bị áp bức, cứu gỡ họ ra khỏi sự bóc lột mà động chạm đến bà con mình là mất nhân tính?

Trong bóng tối hình như cha chồng tôi thoáng nhìn về phía tôi. Tự dưng tôi hưởng ứng thái độ của người. Chồng tôi vừa kể ra, đề đối lập với kẻ vô sản, những ông bác, bà cô, đứa em... Đáng lẽ anh phải kể đến bà ngoại. Và có thể kể cả cha mẹ và vợ con nữa. Sự né tránh của anh không làm cho chúng tôi sung sướng, mà chỉ nhắc rằng anh vẫn nhớ đến sự hiện diện của chúng tôi ngoài hiên, làm cho chúng tôi càng khó chịu. Chúng tôi biết rằng nếu phải chọn lựa giữa “người cha, người vợ phản động” với hạnh phúc của

kẻ vô sản, thì chồng tôi cũng không có thái độ khác hơn là đối với ông bác, bà cô, đứa em. Trước đó năm hôm, bà ngoại của Thọ mất trong một gia đình địa chủ bị bao vây. Thọ nhất định không về dự đám tang. Mãi hơn một giờ sáng ngày hôm đó mẹ chồng tôi về kêu cửa, thất thủ bước vào, mình mặc áo cụt, đầu tóc lòa xòa không quấn khăn tang. Bà run lập cập: chúng tôi đốt lửa lên để sưởi, hở vuốt những ngón tay cứ co quắp lại. Người vừa ấm, mẹ chồng tôi nhìn chúng tôi khóc như mưa như gió. Rồi cha chồng tôi về, kể rằng dân làng không ai được phép chôn bà ngoại Thọ; ba chị em của mẹ chồng tôi phải vừa đào huyệt vừa khiêng quan tài mẹ, chôn cất đắp mộ suốt ngày!

Kha lên tiếng liền để trả lời Thọ:

- Các cậu đang thương người nghèo khổ đấy à? Hừm! Thật không? Cậu có chắc thế không?

Bỗng Kha dừng đột ngột, như bị hóc. Lát sau, anh thông thả, bình tĩnh hơn:

- Thí dụ... Ta lấy một cái thí dụ: Gặp một người đói khổ nào đó, đối diện một người nghèo nào đó cụ thể, một ông A bà B nghèo, cậu với tôi không chắc ai động lòng thương hơn ai. Bình sinh hai đứa không hay nhường cơm xẻ áo cho kẻ nghèo khổ nào. Cậu với tôi như nhau, coi như ngang nhau thôi. Nhưng lòng thù hận, thù kẻ giàu, thì lúc này cậu vượt tôi... vượt... không thể nói. Tại sao vậy? Trước không có thế, đột nhiên cậu đổi khác hẳn. Cậu không nghĩ là lúc này đang cần đến sự thù hận, chính sách thấy cần sử dụng đến sự thù hận, thì tình cảm ấy được gây ra. Không phải vậy sao? Đó không phải là tình cảm hồn nhiên. Cái đó là được tạo ra, kích thích, là tình cảm nguy tạo...

Có tiếng Thọ hét lên:

- Kha!

Kha nín phắc. Cha chòng tôi ngưng con dao xắt thuốc, ngẩng đầu nghe ngóng. Sự im lặng thình lình của ba người đàn ông như một tai biến bất ngờ. Tôi nghệt thờ trong không khí bất an nặng nề. Tôi liếc nhìn về phía trong nhà: Kha ngồi yên, mặt hếch lên, cặp gương cận thị của anh sáng lòa.

Cuối cùng, lại nghe tiếng Kha:

- Bất công giữa giàu nghèo hẳn nhiên là cái xấu. Xã hội bất công là xấu. Xấu thì đánh đổ, để tạo dựng cái tốt. Đánh đổ cách nào? Thành phần bị áp bức có thể nổi dậy chống chế độ, phá ngục, lật ngai vàng, giết hôn quân bạo chúa v.v... Thế. Nhưng bậc chủ xưởng cách mạng đâu cần xua dân chúng sục sạo săn đuổi khắp nước, lùng bắt cho kỳ được từng kẻ ác người xấu mà giết cho sạch mới cải thiện được xã hội?

Ở ta, cách mạng đã thành công, đã nắm quyền trong tay. Tha hồ dựng lên chế độ tốt. Trong khung cảnh xã hội tốt, trong khuôn khổ chính sách tiến bộ, ai nảy sinh sống đúng đường lối, đúng lẽ công bình thôi. Nhà nước cần gì dạy bảo thúc giục người này căm thù người kia nữa, cần gì phải xúi ai giết ai nữa? Làm kinh hoàng cả nước... Làm cho...

Kha khục khặc, loay hoay. Thọ lên tiếng, nghiêm khắc:

- Cậu ăn nói! Cậu coi chừng cái ăn nói...

Kha lặng thinh. Lát sau, anh ấy có vẻ ôn tồn:

- Để tôi nói... Tôi phải nói cái này với cậu. Trong xã hội cũ, xã hội tồi tệ, bậy bạ, xã hội bóc lột..., trong xã hội ấy tuy vậy giàu có không tất nhiên phải ác. Không phải trong giới giàu cứ từng người một bắt ra người nào cũng ác cả. Xã hội xấu đã xấu hàng mấy trăm năm, xấu từ đời nọ sang đời kia. Lớp sau tiếp tục cách làm ăn sinh sống của lớp trước, duy trì cái quan hệ sản xuất có sẵn từ trước. Làm sao khác được. Nhưng trông vào cá nhân, xét từng người, thì cậu biết đấy... cậu biết mà... có những bà cụ hàng ngày tụng kinh niệm Phật, cố làm điều lành, nhưng tô tức họ thu, lãi suất nợ nần ai sao họ vậy, ông bà cha mẹ làm sao họ làm vậy... Điều ác ở họ không có chủ tâm, không có ý thức... Trong họ hàng thân thuộc, thiếu gì trường hợp... cậu thấy trực tiếp mà... Đem cái lỗi của một chế độ đã qua trút lên đầu họ, lên từng người... Để đầy đọa họ...

Cha chồng tôi đứng lên, bước ra sân, gỡ cái tàn thuốc dính trên môi ném xuống đất. Câu chuyện đã tiến sát đến mẹ chồng, đến bà ngoại chồng tôi. Ông cụ không chịu đựng được, lánh đi. Có lẽ thế. Trong nhà tiếng nói cũng dừng lại. Hình như người bên trong có để ý, có biết thái độ của ông cụ. Sự khó khăn, ngần ngại kéo dài một lúc lâu.

Rồi cũng vẫn Kha, anh Kha bướng bỉnh, trở lại câu chuyện:

- Đã nắm chính quyền, tại sao còn gây ra hận thù điên đảo? Phải có lý do nào đó. Chắc thế. Tại sao lúc này cần đến cơn giận lòng lộn của quần chúng? Tôi không muốn suy đoán. Không phải việc tôi. Nhưng mặt khác, phải thấy rằng chuyện không cần thiết lại là chuyện ác độc... Thọ, cậu nghĩ coi: Có đồng chí lãnh đạo cao cấp nào ở trong hoàn cảnh cậu không? Có đồng chí nào ở trung ương lúc này đang gằm gừ thù cha oán mẹ, uất giận họ hàng ành ạch

không? Ở một cấp nào đó thì khỏi, mà xuống dưới cấp nào đó phải điều chỉnh tình cảm... Cùng đeo đuổi một lý tưởng chung, đồng chí với đồng chí, tầng lớp cậu bị sử dụng một cách nhẫn tâm quá... Không tránh khỏi suy nghĩ, cậu à...

Kha không hùng hổ, khậm khặc nữa. Anh ấy bỗng nhiên như... như thân mật! Anh ấy chùng chình. Thọ, không nghe nói gì.

Thình lình, Kha bật hỏi:

- À, cậu có cái ba-lô nào lớn không?

Thọ chưa kịp trả lời, Kha thêm:

- Một cái ba-lô da chắc chắn, và lớn.

- Có. Có việc gì vậy?

- Tí nữa quên! Định đi tìm mượn cho thằng Hải cái ba-lô mà mãi nói chuyện, tí nữa quên mất. Mai nó đi. Đi Đông Mên. Khuya rồi, mình về cho nó còn kịp sắp đặt. Cậu vào lấy cho mượn đi.

Thọ gọi tôi vào, bảo:

- Em soạn cái ba-lô, đưa cho chú Hải.

Tôi vừa đi vừa ngoảnh lại hỏi Kha:

- Mai chú ấy đã đi rồi à? Thế mà mấy hôm nay không nghe chú ấy nói gì cả.

Kha bảo:

- Nó cũng vừa mới biết quyết định. Nhận được quyết định

là lo đi ngay đây.

Chồng tôi ngồi yên lặng, vẻ suy nghĩ. Kha đứng dậy, vừa bước ra hè vừa nói lớn:

- Thưa bác, mai Hải nó đi Đông Mên đấy. Gấp quá, không kịp đi thăm chào ai cả.

Cha chồng tôi vội vã vào nhà:

- Hải chú ấy đi qua tận bên Mên à?

- Dạ. Đi “các hướng chiến lược”.

- Bao giờ về?

- Không chừng... Ít ra cũng nửa năm.

Cha chồng tôi mở cái tráp gỗ, lấy ra một thẻ thuốc “thần công” lớn bằng hai ngón tay trao cho Kha để đưa lại cho Hải. Đó là thứ thuốc trắng trông giống như phèn chua, nhấm vào chát chát và tê lạnh ở đầu lưỡi, trị bá chứng như kiêu dầu vạn ứng của Nhị Thiên Đường, đặc biệt là chữa thổ tả rất công hiệu. Thứ thuốc đó nhà chồng tôi tự chế lấy, theo toa bí truyền từ ba bốn đời, bảo là do một ông cố đạo truyền lại.

Khi tôi đem chiếc ba-lô ra thì chồng tôi và anh Kha đã kéo nhau ra hè trước. Thọ đang tiếp tục điều nói dở dang. Tôi nghe giọng Thọ ôn tồn:

- ... như thế không phải là có sự phình gạc. Cùng đeo đuôi một lý tưởng, không phải ai cũng làm như ai. Mỗi cương vị có một nhiệm vụ khác nhau. Ở cương vị này, làm việc này, phải có thái độ này, phải sống cái tình cảm này; ở

cương vị kia, làm việc kia, thì phải có thái độ kia mới thích hợp. Trong vai trò điều khiển, cần một thái độ; trong vai trò chấp hành, cần thái độ khác. Mọi người thẩm nhuần lý tưởng chung, nhưng hoạt động trong phạm vi của mình, ai có vai trò này. Quan niệm máy móc, tự đặt mình vào vị trí kẻ khác... Không được đâu. Một tế bào của lá phổi không hoạt động giống như một tế bào của bộ não; nhưng cả hai đều sống đúng cái chân lý sinh hoạt của một con người. Mình phải có cái quan niệm kỷ luật...

- Đấy. Ở cấp này, vị trí hoạt động này, không cần đến tình cảm này thì khỏi tự gây ra; ở vị trí kia, cần đến lòng hận thù, hướng ngay vào người thân thiết của mình, thì... thì... Đấy, là tạo ra cả, không tự nhiên gì cả... Giả tạo... Dối cả...

Tôi xô cánh cửa bước ra, Kha quay lại, nhận cái ba-lô rồi chào cha chồng tôi, ra về. Thọ bước theo ra đến đầu sân.

Đêm ấy, khuya lắm tôi vẫn không ngủ được. Thọ nằm bên cạnh thường lòn một cánh tay dưới cổ tôi, choàng sang áp lấy vai và cánh tay phía bên kia của tôi. Vì vậy mỗi một cử động, một cựa mình trần trở của tôi Thọ đều biết. Tôi cố nằm yên lặng, trong người bứt rứt. Có một lúc Thọ đưa bàn tay vuốt nhẹ nhàng lên trán tôi, vuốt ngược những sợi tóc xõa xuống trán tôi như âu yếm một đứa trẻ. Một lúc khác anh lại với đỡ bàn tay tôi lên, bóp nhẹ nhẹ, và lơ đãng sờ nắn hết ngón tay này đến ngón tay khác, nắn đi nắn lại từng ngón, như thế rất lâu.

Tôi đoán biết Thọ đang nghĩ gì. Nếu anh thấy tôi còn thức, có lẽ anh sẽ lại băn khoăn thắc mắc: anh sẽ tự hỏi có phải là tôi mất ngủ vì cái tin Hải lên đường? Thọ ghen! Tôi hiểu rõ sự ghen tuông của Thọ từ lâu, nhưng vì lúc nào anh cũng im lìm lặng lẽ giấu kín cho nên tôi không sao có dịp thanh minh. Và chính chỗ đó làm tôi khổ sở. Cũng như

đêm ấy, không phải cái tin Hải đi Đông Mên làm tôi mất ngủ, nhưng chính là sự thao thức thăm dò lặng lẽ của Thọ làm cho tôi áy náy gìn giữ từng hơi thở, bút rút khó chịu và vì thế không ngủ được.

Thọ ghen, nhưng anh lại cố gắng chối từ sự ghen tuông đó. Anh tự bảo mình không có quyền dung thứ một tình cảm ích kỷ. Anh khuyến khích tôi mạnh dạn tham gia công tác, tiếp xúc với cán bộ. Sự ghen tuông không những Thọ giấu tôi mà kỳ thực anh còn cố tâm trấn áp nơi anh, cố tiêu diệt đi. Tôi biết Thọ đau khổ, nhưng tôi chỉ có thể làm một chứng nhân, một kẻ bàng quan không can thiệp được.

Thọ cứ bị ám ảnh vì sự chênh lệch giữa chúng tôi, cứ tự có cảm tưởng là già hơn tôi quá nhiều, cứ tự cho là lụ khụ, thuộc về lớp người khác tôi. Người anh gầy gò, và anh lấy làm xấu hổ về sự gầy gò ấy. Anh khổ sở, vụng về mỗi khi phô bày thân thể trước tôi. Mà những cố gắng của tôi để phá chữa cái mặc cảm của anh lại cũng quá vụng về, cho nên kết quả càng thêm tệ hại. Tôi nhiều lần bắt gặp ánh mắt khổ sở, tuyệt vọng của anh mỗi khi trông thấy tôi tiếp chuyện những thanh niên hồn nhiên và cường tráng, những bạn học cũ của tôi. Ánh mắt của Thọ làm tôi bối rối hồi hận, không biết làm sao để cải chính sự lầm lẫn đau đớn nơi anh. Có lần tôi tình cờ cầm giữ cổ tay của Thọ hơi lâu và chợt để ý đến sự ngần ngại của anh, tự nhiên tôi thương anh quá, tôi siết chặt cổ tay gầy guộc ấy, áp vào ngực. Như được đà đẩy tới, tôi dạn dĩ quàng tay ôm vai anh kéo xuống, tôi hôn lên cái gáy gầy của anh. Tôi không kịp suy nghĩ và tìm kiếm trong lúc bất thần đột ngột, tự nhiên những chi tiết thân thể đó vụt hiện đến trí tôi và tôi hấp tấp quơ lấy vuốt ve hôn hít. Tôi không ngờ rằng lâu nay mình đã để ý đến hai chỗ ấy: cái cổ tay và nhất là cái gáy gầy lõm xuống một đường trông rất tội nghiệp. Lúc ấy tôi thấy thực tình yêu Thọ quá, yêu cả những chỗ gầy gò tội nghiệp

của anh. Tôi mê mê ôm lấy Thọ nói rất lâu, cảm anh không được suy nghĩ thắc mắc vu vơ về tình yêu của tôi. Thọ ngạc nhiên, thoát tiên có vẻ hơi lúng túng ngỡ ngàng, nhưng dần dần anh sung sướng cảm động. Anh ôm đầu tôi áp vào ngực, ngồi thật lâu, không nói gì.

Nhưng ngày hôm sau tự nhiên anh lại thẹn như là đã làm lỡ hành động trong mê sảng. Anh lại càng ngờ vực lòng thành thực của tôi. Anh bối rối xấu hổ mỗi khi biết tôi nhìn đến tay và cổ của anh. Anh cho rằng sự chú ý của tôi trong ngày vừa qua xác nhận cái xấu xí của những chỗ đó, anh hổ thẹn biết rằng tôi đã chú ý đến những chỗ đó, và chỉ thấy thái độ của tôi vừa rồi là một thái độ thương hại. Thọ làm cho tôi hối hận, cảm thấy mình có tội, mà không có cách phân trần. Thọ không hề nhắc gì đến việc hôm ấy nữa; tôi cũng không bao giờ dám nhắc lại chuyện đó.

Thọ âm thầm ghen tuông, đau khổ, mà cứ nhất định trấn áp tình cảm mình. Nếu tôi tỏ ra nhận thấy sự ghen tuông của anh, anh cũng xấu hổ như tôi trông thấy những chỗ gãy gò già nua.

Tôi sống bên cạnh Thọ, đêm đêm nằm sát bên Thọ, tôi yêu Thọ, tôi theo dõi và thấy rõ những cố gắng đau đớn, những dày vò, bứt rứt bên trong của người đảng viên đầy thiện chí và chân thành cố hết sức để tự thắng mình ấy. Tôi càng khổ sở vì thấy mình bất lực, không có cách gì giúp đỡ Thọ. Thọ vừa ghen với Hải vừa tán thành mọi cơ hội tiếp xúc giữa tôi và Hải, cũng như anh vẫn thương yêu bà ngoại vô cùng mà giữ được một thái độ thật tàn nhẫn đối với bà suốt ba tháng, từ ngày bà thọ bệnh cho đến khi qua đời. Chị em, anh em của Thọ, cả cha chồng tôi, cả Hải, cả Kha đều không thấu hết những chịu đựng gay gắt âm thầm trong lòng Thọ, họ tỏ thái độ khó chịu đối với anh; nhưng tôi, tôi biết cả, tôi biết mà tôi không có cách gì can thiệp.

Đêm đã khuya lắm rồi, bên cạnh tôi Thọ vẫn chưa ngủ. Tôi

thương anh quá. Nhiều người khác nói ba hoa, tam thiên xích đế, mắt sáng quắc lên, rồi một lát sau lại có thể nhắm mắt ngủ ngon lành, hoặc lơ đãng nhìn nước sông trôi, nhìn cái bè tre chèo đi giữa dòng hay chiếc lá bàng rơi. Còn Thọ thì thường thường sau khi câu chuyện dứt rồi, rất lâu, tôi quay nhìn anh, anh vẫn ngồi lặng lẽ mà đôi mắt thao thức soi thấu một đời sống nội tâm sâu kín thăm thẳm đầy những bản khoán suy tưởng không cùng. Những cặp mắt kia như ánh đèn điện sáng trưng rồi vụt tắt. Còn ánh mắt của chồng tôi như chiếc đèn con chong suốt đêm, âm thầm cháy mãi, trong chỗ yên lặng thâm u. Chồng tôi kiên trì và trung thực, chịu làm một phần tử ngoan ngoãn sống trong kỷ luật tinh thần của đoàn thể, khuôn ép tư tưởng và tình cảm theo lý thuyết, anh nhất định sống đúng vai trò một tế bào trong kỷ luật sinh hoạt của cơ thể xã hội. Duy có điều cái tế bào đặc biệt này tuy vẫn ở trong vị trí kỷ luật của nó mà cứ long lanh những suy tưởng bí ẩn. Trời ơi! đôi mắt long lanh thao thức ấy, nét mặt mệt mỏi nhọc nhằn ấy, vóc người gầy yếu ấy! tôi thương hại cho tình trạng của chồng tôi vô cùng!

Đã khuya lắm. Lúc chồng tôi vừa vào giường nằm tỉnh thoảng tôi nghe một vài chiếc lá gạo khô bị gió thổi chạy sẹt sẹt ngoài hè, sau nhà. Nhưng bây giờ bên ngoài đã đứng gió. Không còn tiếng lá cây chạy. Cũng không còn tiếng la gọi của những người đánh cá trên sông nữa. Ở xa, đã có tiếng gà rừng gáy e é. Đêm đó là một đêm trăng sáng, tôi hé mắt nhìn lên mái nhà, nhìn một đôi giọt ánh sáng lọt qua kẽ tranh hờ, tôi ao ước bước ra sau vườn, thờ ra một cái thực mạnh, đứng một lúc nhìn ra bốn phía núi rừng, sông nước mênh mông cho thư thái trong người. Nhưng tôi ngần ngại không dám để Thọ biết là tôi vẫn thức.

Ở nhà ngoài, tỉnh thoảng cha chồng tôi lại dậy, mở cửa

bước ra, hoặc để đi tiêu tiện hoặc bỏ rom thêm cho bò. Tôi biết Thọ cũng theo dõi thái độ của cha, nhưng anh không hề lên tiếng. Từ ngày xảy ra chuyện bao vây nhà bà ngoại tôi, hai cha con vẫn sống trong một tình trạng như thế. Câu chuyện vừa rồi giữa Thọ và Kha chắc chắn lại làm xao động những bực tức của cha chồng tôi. Người tránh Thọ như tránh không động chạm đến một thế lực uy quyền, nhưng Thọ cũng không dám nói động đến người. Người biết rằng rồi có thể có ngày cái uy quyền đó sẽ lạnh lùng chà đạp người. Nhưng người yên lặng chờ đợi. Và Thọ tự nhiên cũng sinh ké né rụt rè trước sự nghiêm nghị của cha. Anh không bao giờ dám lý luận trình bày giải thích gì với cha, tất cả sự bướng bỉnh, tất cả nghị lực của anh chỉ là cương quyết xử sự theo con đường của mình thôi.

Những đêm như thế, sống giữa sự thao thức căng thẳng của gia đình nhà chồng, giữa sự thao thức của chồng, của cha chồng, tôi cũng bồi hồi trăn trở, tôi vừa xót xa thương Thọ, vừa thấy mình bất lực bé bỏng không nghĩa lý... Tôi vừa muốn áp mặt vào vai Thọ, ôm lấy an ủi, vừa thấy mình không thể làm gì ích lợi...

Cuối cùng tôi thiếp đi trong tiếng nước đổ ồ ồ ở ngọn thác sau nhà, trong trí mơ màng cái cảm tưởng không đời nào thoát khỏi bầu không khí nặng nề đầy bứt rứt khó khăn để thở ra được một hơi dài khoan khoái cho trong người thành thoi thư thái...

Sáng hôm sau Hải lên đường đi Đông Mên thì chín ngày sau đó Kha bị đưa đi trại tập trung lần đầu.

Cha chồng tôi càng lo sợ. Người đã thấy lực lượng uy hiếp tiến đến lù lù trước số phận mình. Xưa nay đối với mọi tai biến trong đời người không bao giờ có cái gan dạ chống đối, mà chỉ có thể sửa soạn “khăn áo chỉnh tề” để chịu đựng thôi. Vậy thì lần này trong gia đình chúng tôi đã có

cái không khí “khăn áo chỉnh tề”. Mọi người trong bà con đối với Thọ, với chúng tôi, có một thái độ nghi kỵ, cách biệt, e dè. Tôi làm đủ mọi cách cũng không sao xóa được sự cách biệt giữa hai chúng tôi với tất cả gia đình nhà chồng. Mùa đông năm ấy tôi bán tất cả nữ trang đưa tiền cho cha chồng nộp thuế. Tôi kể lại cho Thọ biết; Thọ không nói gì. Khi tôi đưa bạc cho cha chồng, người chỉ ngân ngữ nhìn tôi một chút để dò xét, nhưng không muốn hỏi việc tôi làm có được ý kiến gì của Thọ không.

Tuy vậy tôi chỉ cứu người được năm tháng. Tháng ba năm sau người lại không thể nộp đủ mức thuế, cả nhà không ai còn của tư riêng gì nữa. Người phải vào tù.

Thọ càng chìm sâu vào những khổ tâm âm thầm của mình thì anh càng tự thấy xa cách tôi. Anh cứ luôn luôn có cảm tưởng rằng tôi còn trẻ thơ quá, không thể theo kịp anh, và anh cho rằng không nên để tôi tham dự vào những điều rắc rối đó. Anh thương cha và lý luận để chối bỏ lòng thương ấy, muốn bình vực nhưng lý luận để thù ghét..., tất cả những chuyện đó, anh không muốn tôi biết đến. Nhưng như vậy thì tuồng như anh đi cô độc một mình, anh lo sợ tình trạng cô độc ấy, thỉnh thoảng quay lại nhìn tôi bằng một cái nhìn vừa thương hại vừa có nghĩa thăm dò sức chịu đựng của tôi.

Cứ thế cho đến ngày đình chiến, cha chồng tôi được thả về, và Thọ sắp đặt bỏ gia đình đi Bắc. Nhưng ngay cả khi hai chúng tôi sắp sửa xa nhau, chúng tôi cũng không được yên tĩnh trong sự đau khổ của mình. Kẻ quấy rầy cuối cùng là Hải. Hải ở Mên về và lần này cũng phải chuẩn bị để đi xa lâu dài. Ngày vĩnh biệt gần đến, tự nhiên sự quyền uy của hắn đối với xóm làng, đối với người với cảnh ở đây bộc lộ một cách cuống quýt. Đã lâu, từ hồi còn đi học với hắn, tôi đã biết hắn yêu tôi, nhưng tôi không cho là

quan trọng, là vì khi tôi lấy Thọ thì tôi cho rằng hắn sẽ ngừng lại, và dần dần sẽ quên tôi. Sự thực thì từ đó hắn không hề tỏ một tình ý gì với tôi nữa. Nhưng bỗng nhiên sau khi được lệnh rời bỏ đất này, hắn đến thăm đề từ biệt gia đình tôi, lúc nói với tôi hắn xúc động bồi rối một cách quá rõ rệt, khiến ai nấy ngạc nhiên, và tôi cũng luống cuống. Rồi sự vụng về này lôi kéo sự vụng về khác, hắn đâm liều lĩnh. Những ngày tiếp theo đó, hôm nào hắn cũng đến nhà tôi. Hắn như một kẻ điên rồ, tuyệt vọng, khao khát. Hắn chỉ đến nhà mà thôi, chứ không dám tỏ lời gì. Nhưng chỉ có chừng đó cũng đủ làm cho Thọ thấy cay đắng trong những ngày cuối cùng sống với tôi.

Hải chỉ hơn tôi một tuổi. Hắn trẻ, đẹp và khỏe mạnh. Hắn cũng là đảng viên, hắn tin tưởng dễ dàng không có nhiều thắc mắc như Thọ. Hắn ham công tác, hớn hờ, vô tư. Thọ có cái mặc cảm tự ti về tuổi tác và về những bản khoán mà anh cho là khuyết điểm của thể hệ mình, nên anh tin rằng Hải là mẫu người con trai thích hợp với tôi. Anh yên lặng tin thế và nhận rằng mình có lỗi.

Còn tôi, tôi không có cách gì biện bạch với Thọ. Tôi không thể nào bày tỏ để Thọ biết rằng tôi chưa bao giờ để ý đến chuyện tuổi tác giữa hai người, còn về hình dáng của Hải thì lâu nay tôi chỉ để ý đến cặp chân của hắn, do đó tôi không hề yêu hắn. Tôi không thể bày tỏ với Thọ rằng tôi không có cảm tình với Hải vì cặp chân mập mạp của hắn trông mềm quá.

Sau khi lấy Thọ ít lâu, một hôm tôi gặp một gói giấy lớn chồng tôi cất dưới đáy rương, gồm những tờ thư lưu biệt mà học sinh bày tỏ cảm tình với chồng tôi cuối mỗi niên khóa. Trong đó có nhiều tờ của nữ sinh. Tôi tò mò mở ra đọc. Ngoài những lời khen ngợi về đức tính giản dị, thân mật, những cảm tình tế nhị của chồng tôi, tôi để ý đến một điểm đặc biệt ghi trên nhiều lá thư của nhiều nam nữ học

sinh khác nhau, nhận xét về dáng đi của chồng tôi. Có người viết vắn tắt: “Em nhớ mãi dáng đi của thầy mỗi khi thầy bước vào lớp học.” Có học sinh nói rõ hơn: “Dáng đi thanh nhã và nghiêm trang của thầy...” Những câu như thế không phải là những câu mô tả có giá trị. Nhưng khi nhiều người học sinh cùng đặc biệt chú ý và cùng nói về dáng đi của một ông thầy thì chẳng phải là điều không lạ lẫm. Tôi bắt đầu để tâm quan sát và phân tích cái dáng đi đặc biệt của chồng tôi. Quả thực chỉ trông thấy dáng bộ chồng tôi bước đến gần, người ta có ngay cảm tưởng tiếp xúc với một người tự nhiên, thân mật, một người thẳng thắn, có thể tin cậy. Bước chân của Thọ không láu táu nhanh nhẹn quá, cũng không có cái vẻ chắc nịch nặng nề quá, không vung vẩy huênh hoang, khệnh khạng tự tín, mà cũng không rón rén rụt rè. Nhã và nghiêm, đúng thế. Tôi nhận rằng chắc chắn dáng đi đó cũng dự phần vào việc gây những cảm tình đầu tiên giữa Thọ và tôi. Tôi bắt đầu để ý quan sát bước chân của những người khác chung quanh.

Tôi chú ý đến Hải. Hải có đôi chân vạm vỡ, nhưng có điều buồn cười là cử động của hai chân hắn không biểu lộ sức mạnh mà lại diễn tả một thái độ lưỡng lự, phân vân, không quyết định: Khi đứng lúc nào hắn cũng tựa cả người trên một chân, còn chân kia hoặc quẩn tẻo xung quanh chân nọ như con rắn, hoặc quơ qua lại dụi dàng, trông mềm nhũn. Tư thế của hắn thiếu sự rắn rỏi. Nhìn hai chân hắn, có khi tôi nghĩ đến cặp râu của những con kiến đang chạy chọt dừng lại phân vân, cặp râu quơ quơ thăm dò. Khi đứng nói chuyện với tôi, hắn xúc động, hai chân lại càng nhấp nhòe, cựa quậy, quơ quất. Những áy náy, bồn chồn e ngại của hắn biểu lộ ở cả sự cử động của hai chân. Nếu hắn là một người gầy yếu bạc nhược thì có lẽ không thấy chướng mắt lắm, nhưng đang này hắn lại mập khỏe sung sức, cho nên sự rụt rè diễn tả ngay bằng một bộ phận thân thể cường tráng của hắn trông lộ bịch. Bất gặp cái nhược điểm

ấy tự dung tôi coi thường, không tin rằng hắn có thể quả quyết đeo đuổi tôi. Quả nhiên trong bao nhiêu lâu tình yêu của hắn cứ như là một cái gì không chịu thành hình, một cái gì lấp ló thấp thoáng, vô hại. Tôi không ngờ đến một phương diện tai hại khác của sự phân vân lưỡng lự: Hải không tiến tới, nhưng hắn cũng không hề rút lui, hắn không chịu có một thái độ dứt khoát nào cả. Nếu là một người rắn rỏi hơn, thì sau khi tôi có chồng họ đã nhận định lại hoàn cảnh và quyết định một thái độ hợp lý. Nhưng hắn thì cứ như thế thôi; trước kia hắn không dự tính hành động gì thì bây giờ hắn cũng không quyết định gì.

Rồi thỉnh linh được biết cái việc phải rời bỏ quê hương, hắn hoảng hốt quần quít những gì thân yêu. Hắn quần quít xung quanh tôi như người ta quyến luyến một người bạn đời đã chung sống nhiều năm thân thiết, mà cũng có thể nói như đứa trẻ thơ bịn rịn một người chị, một người mẹ. Trong bao năm hình ảnh tôi ám ảnh tâm trí hắn mà không có địa vị rõ rệt, cho nên bây giờ trong sự hốt loạn hắn bị đẩy liêu đến cạnh tôi, hắn bấu lấy tôi mà không tự biết mình muốn gì.

Trông hắn khắc khoải, ngớ ngẩn, thực là tội nghiệp. Nhưng ở trong hoàn cảnh tôi, rốt cuộc tôi đâm bối rối và hết sức bức mình. Ban đầu hắn đến nhà chúng tôi mỗi ngày vài lần. Dần dần đến luôn ba bốn lượt, rồi ở mãi đến tối đến khuya mới về. Hắn không tán tỉnh gì tôi cả, cũng không nói bóng gió xa gần gì đến tình cảm của hắn đối với tôi; nhưng dù hắn đứng chỗ nào, ngồi chỗ nào, chuyện trò với ai, làm cái gì, người ta đều thấy rõ tất cả tâm trí của hắn đều hướng về tôi. Hắn thất lạc bơ phờ. Có khi hắn điên rồ đến nỗi trông thấy tôi và Thọ ở một chỗ vắng hắn cũng thân nhiên bước đến. Lúc bắt gặp cái nhìn bất bình của tôi hắn giật mình sợ hãi, vội vàng lảng đi.

Thái độ khờ khạo của hắn làm cho Thọ đau khổ vô cùng. Mặc dù Thọ làm đủ mọi cách để tỏ rằng anh xem tôi là bình đẳng, là hoàn toàn tự do, anh không bao giờ coi vợ là tư hữu, nhưng tôi biết rõ chồng tôi đang ghen uất. Thọ không ngờ rằng mình còn giữ nguyên tất cả tính độc tài của người Á Đông đối với đàn bà. Có điều trong khi cha chồng tôi là một nhà nho nghiêm khắc, quả mắng trừng phạt người đàn bà lúc người giận dữ, thì chồng tôi chỉ để lóe ra kín đáo trong chốc lát một tia căm giận rồi liền che giấu ngay. Ánh mắt dịu xuống. Rồi âm thầm bên trong, lý luận được huy động để bao vây mỗi căm uất phùng phùng ấy lại, cho nó âm ỉ nung nấu. Lý luận đã được huy động mãi, huy động luôn luôn: Thọ muốn rằng mình phải giận cái này, thương cái kia, nhẫn nại trước việc nợ cho thực hợp lý. Vì thế Thọ luôn luôn suy tư khắc khổ, lo chống cự, điều khiển tình cảm mình. Nhưng tôi biết Thọ vẫn ghen! Thọ vẫn ghen và mỗi ngày Thọ lại càng mỗi âm thầm cay đắng vì thấy xa cách tôi, một sự xa cách tưởng tượng do lòng tự ti của Thọ.

Tôi rất đau đớn vì cho đến những ngày cuối cùng sống với nhau tôi cũng không có dịp làm cho Thọ hiểu lòng mình. Khi Hải lên đường ra đi thì Thọ chỉ còn ở lại thêm được một ngày nữa thôi.

Chỉ còn có một ngày! Tôi hoàn toàn thất vọng. Suốt cả buổi sáng vẫn còn cái không khí khó chịu giữa hai chúng tôi. Chúng tôi chưa có thể thành thực, tự nhiên với nhau. Mỗi người kiếm một công việc vặt vãnh, nhưng vẫn luôn rình từng cử chỉ của nhau, rình chờ một cơ hội.

Rồi bắt đầu buổi chiều. Hai giờ, ba giờ chiều. Chỉ còn bốn giờ đồng hồ nữa, vì đến bảy giờ tối thì Thọ sẽ dự một tiệc trà hoan tống, rồi lên đường luôn. Tôi bồn chồn lo sợ. Thì giờ như mỗi lúc mỗi tóm dòn hẹp lại. Tôi có cảm tưởng buổi sáng còn mở ra rộng rãi cho chúng tôi dòm ngược ngó xuôi vùng vẫy tự do. Bây giờ, buổi chiều như cái lưới được

kéo nhanh lên, phần còn lại dưới nước tóm hẹp lần lại, chúng tôi là những con cá hết đường cựa quậy day trở! Tùng phút, thời gian cứ trôi tới một chiều.

Lúc ấy tôi và Thọ ngồi trên khoảnh đất trống sau nhà, nhìn ra sông. Xung quanh vắng vẻ. Vài người câu thụt, đứng giữa sông dầm mình dưới nước gần đến háng, cúi húi nhìn xuống, up cái nón lá che hết mặt mày, không trông thấy chúng tôi. Chúng tôi chỉ còn có bốn giờ nữa thì cách biệt nhau không biết đến bao giờ. Chúng tôi lặng lẽ ngồi bên nhau, chẳng ai hề để ý đến chúng tôi cả. Nước sông chảy ồ ồ liên miên làm tôi sốt ruột. Xung quanh chúng tôi thật vắng vẻ. Chỉ có những cây bạc đầu, cây bông bay trắng xóa khắp bãi. Vắng vẻ thờ ơ quá. Thời gian cứ tiến tới, tiến tới. Không có gì cứu thoát được chúng tôi lúc này. Không có ai buồn chú ý đến chúng tôi, không có cách gì gỡ thoát. Chúng tôi sắp xa nhau, nhất định xa nhau... Tôi nấc lên một tiếng, nước mắt trào ra. Tôi ngồi yên để cho nước mắt trào ra.

Thọ không nhìn tôi, nhưng anh vội vã nói, như gặp cơ hội:

- Hạnh! Anh ước anh cũng khóc được như em.

Tôi duỗi mạnh chân ra, giận dữ:

- Anh không hiểu em, anh không chịu hiểu em gì cả!

Tôi khóc âm ức, nghẹn đầy ngực. Thọ quay lại, nhìn tôi, đưa một bàn tay nắm nhẹ nhàng như sờ lên một cánh tay tôi, rồi cứ để yên thế. Cử chỉ ngần ngại đó lại nhắc đến thái độ của Thọ trong bao năm sống với tôi, làm tôi càng thêm giận anh. Anh cứ e dè, mực thước, ngần ngại đến nỗi làm cho sự chung chạ thành ra lạnh nhạt. Không bao giờ anh dám suồng sã hưởng những phút say đắm nồng nàn cuồng

nhật. Tôi càng nói càng ngạc nhiên thấy mình không dứt được:

- Em biết từ trước đến giờ anh luôn luôn coi em như đứa trẻ, anh gạt em ra không cho em dự vào những lo lắng, suy tưởng của anh. Anh tưởng cứ dịu dàng với em là đã em như bình đẳng rồi? Thiệt ra anh có coi em là cái gì bên cạnh anh đâu. Anh chẳng cho em xứng đáng chia xẻ tâm sự với anh! Sống bên cạnh em anh luôn luôn một mình im lặng lẽ tính toán từng hành động từng cử chỉ, anh tính toán đến từng cách phát lộ cảm tình với người này người kia. Với em nữa. Anh im lìm suy tính từng chút để cho sự thương ghét của anh, cho đến cả cách thương cách ghét của anh cũng hợp với lý luận, nguyên tắc...

Thọ chăm chú nghe tôi, nhìn tôi nói. Về ngạc nhiên thật thà của anh làm tôi bối rối. Tôi ngừng lại, ngượng vì thấy mình đi quá xa. Chưa có lần nào tôi nói với Thọ bằng cái giọng lý sự dài dòng như vậy. Tôi lại giận rằng những lời vừa rồi không hẳn là những điều tôi muốn nói với Thọ. Vì thực ra không phải tôi muốn trách Thọ đã coi tôi như trẻ con. Tôi chỉ giận sự tàn nhẫn của Thọ. Những nguyên tắc lý luận của anh chỉ biết có lợi ích xã hội. Lợi ích xã hội muốn chúng tôi chia rẽ người Nam kẻ Bắc. Bởi vì sự ly cách, lòng khao khát thương nhớ của chúng tôi làm ra một tình trạng khắc khoải có lợi cho kế hoạch tranh đấu của tập thể. Cố ý gây ra sự nhớ thương đau đớn khắc khoải của chúng tôi để lợi dụng nó như một phương tiện, người ta tính toán như thế, Thọ thấy, Thọ biết vậy, mà anh cứ yên lặng nhận chịu! Thọ cho rằng giữa chúng tôi không có bốn phận gì đối với nhau cả sao? Ai nấy chỉ có bốn phận đối với tập thể thôi sao? Trong khi lý luận nhằm lợi ích xã hội, Thọ cũng đồng lõa với người ta, tính cả cái chuyện dùng đến sự nhớ thương của chúng tôi!

Tôi không nói được hết lời. Thọ thả cánh tay tôi ra, ngồi yên lặng. Một lát anh ngả lưng ra nằm bên cạnh tôi, khoanh hai tay ra sau đầu làm gối. Anh nói như vừa để cho mình nghe, vừa để tôi nghe:

- Con người ta ao ước xung quanh mình cái gì cũng có trật tự, muốn cho tư tưởng ghép thành hệ thống, muốn cho muôn vật xếp được vào từng loại, muốn cho cuộc sống có tổ chức tiến tới quy luật, có hướng có đích. Bấy lâu cuộc sống phát triển một cách tự động, xã hội lộn xộn bừa bãi, giậm chân một chỗ hàng thế kỷ không tiến được. Người ta mong muốn tránh sự lộn xộn, tự động, muốn một tổ chức hợp lý, muốn đất dân xã hội đi nhanh về một hướng. Sự mơ ước say mê nào cũng tàn nhẫn. Nhưng lần này phải tàn nhẫn với tất cả mọi người, tất cả loài người, để đuổi theo một ước mơ... Nhiều khi người ta cũng thấy việc đó quá sức mình, người ta muốn xuôi tay cho xong... Em thấy không, anh khổ quá, khổ quá sức! Hạnh, em phải hiểu anh. Thầy, mẹ, bạn bè, mọi người không hiểu anh, gớm ghét anh. Nhưng em, em phải hiểu cho anh... Bắt đầu là sự chán nản trước một tình trạng hỗn độn bừa bãi vô trật tự tuyệt vọng, xã hội cũ không để cho lớp người của anh một chút tin tưởng gì. Thầy mẹ chúng ta khác, em thấy không? Thầy có chỗ tin tưởng của thầy, chỉ có lớp anh mới khốn khổ bơ vơ, anh có thể sống vậy được sao, anh phải đi tìm một tin tưởng. Bây giờ anh đã là một cái trục nhỏ trong bộ máy lớn đang chuyển hết tốc độ để thực hiện một ước mơ...

Thọ nói mãi nói mãi sau lưng tôi. Tôi biết nếu lúc đó tôi quay lại thì anh sẽ dừng ngay. Anh sẽ thấy ngưng ngưng bối rối cũng như tôi đã ngưng ngưng khi biết Thọ chăm chú nghe. Chúng tôi không bao giờ lý luận với nhau như thế, tôi vẫn sống như đứa em nhỏ, như đứa học trò nhỏ bên cạnh Thọ.

Tôi lau nước mắt, nhìn bàn chân gầy khảnh khiu của Thọ duỗi bên cạnh chân tôi. Gót chân anh túm lại, nhỏ một cách tội nghiệp. Những ngón chân xương xương vung về chổng lên trời, lơ ngơ, thản nhiên, không ăn nhập gì với giọng nói thiết tha của Thọ. Tôi nhìn chúng và ngạc nhiên nghĩ rằng một sự thân mật giản dị như vậy chỉ trong giây lát rồi sẽ mất, không sao trở lại được. Bàn chân gầy ngơ ngác thản nhiên đó làm cho tôi lại đột nhiên kinh ngạc sững sờ và đau đớn về sự chia biệt gấp rút, vô lý của chúng tôi. Chốc nữa đây, Thọ sẽ rút bàn chân ấy đi và vĩnh viễn, vĩnh viễn hai thân thể của chúng tôi chẳng bao giờ còn được ở bên cạnh nhau nữa!

Tôi se sẽ nhích tới, áp nhẹ bàn chân tôi lên bàn chân Thọ. Thọ không chú ý. Nhưng bàn chân tôi áp nặng lên xuống. Và Thọ ngừng nói.

Trên trời lúc đó rền rền tiếng một chiếc phi cơ bay rất cao. Năng xé hanh hanh, trời cao và rộng mênh mông. Chiếc phi cơ bay chậm chạp qua những đám mây trắng trôi biếng nhác. Chung quanh vắng vẻ. Chỉ có hai chúng tôi bên bờ sông. Mùi lá cây hăng hăng xông lên ngậy ngậy.

Bỗng có tiếng kêu la ồn ào ở sau lưng. Thọ chồm dậy. Hai người đàn ông đang đuổi theo bắt một con bò chạy thẳng về phía chúng tôi. Thọ đứng dậy đón chặn con bò, vừa chạy vừa lượm những hòn đất ném theo để rượt dồn nó lên phía trên đồi. Tiếng chân con bò chạy đập đập mỗi lúc một xa, và bóng Thọ đã khuất. Tôi bước lên xuống mé sông, chờ Thọ quay trở lại.

Bãi sông rộng đến nửa cây số. Giữa sông nổi lên một cồn cát lớn. Nước chảy dồn thành một dòng hẹp, giữa dòng lộ nhô những tảng đá đen thui trơn nhẵn. Nước sủi bọt trắng, đổ ồ ồ miên man. Tôi ngồi lên một cành cây gừa lớn sà sà trên mặt nước. Hồi lâu mãi miết nhìn xuống dòng nước nhào lộn, bọt nước quay cuồng, nghe tiếng nước đổ miên

man, tôi như tê mê.

Tôi ngẩng đầu nhìn lên tàn cây gừa: lá cành im phắc. Đôi ba chiếc lá khô vương trên sợi tơ nhện giăng ngang, phe phất nhẹ nhàng. Sự tương phản làm tôi ngỡ ngàng. Những xô xao ồn ào sau lưng như bị chối mất, như xa lạ hẳn, thuộc về một cái gì đã hoàn toàn qua rồi, hết rồi, những xô xao bận bịu như qua hết rồi. Tôi lắng nghe tiếng một trái vòng đồng khô nổ văng ra khô khan như một hòn than vỡ trong lò. Cùng lúc, tôi tưởng nghe thấy cả cái văng về cô liêu của đời tôi. Thọ đi mất, những thắc mắc ghen tuông của anh, bạn bè của anh, và cả Hải, cả lớp người ấy, cả những liên quan đến họ, đến bao nhiêu lo nghĩ bản khoán của tôi, bấy nhiêu đều mất hết. Xung quanh tôi im phắc, trống trải, ngỡ ngàng.

Xa xa, khắp bốn phía đều là núi rừng. Ruộng nấc thang rải từng tầng từng tầng lên đến tận chân núi. Một màu xanh mờ mờ như khói lạt trùm lờn vờn trên khắp các dãy núi. Tiếng con cuốc kêu như tiếng buổi xế chiều mênh mông tự phát ra gõ từng hồi vào không gian. Sự vắng vẻ tưởng có thể sờ thấy được.

Ban đầu chúng tôi gần gũi Kha như là tìm về những kỷ niệm tốt đẹp nhất của dĩ vãng. Thọ đi rồi, hết cái không khí căng thẳng bút rứt trong gia đình, chúng tôi thấy nhẹ nhàng nhưng trơ trọi. Không có người thanh niên đó trong nhà, thì cha chồng tôi, các chị em chồng và tôi, tất cả như xa lìa cuộc sống xã hội, như dứt hết mọi liên quan với những hoạt động của xã hội xung quanh. Vì thế mỗi lần Kha đến nói chuyện, ít nhất chúng tôi cũng cảm thấy là chưa phải đã nguội lạnh, đã chết hẳn một dĩ vãng, cảm thấy như là còn một chút gì thuộc về những ngày sống với Thọ được hồi sinh lại. Chút gì đó hoàn toàn thuộc về tình cảm. Cha chồng tôi do đó vẫn tiếp tục thích nói chuyện

thời thế với Kha, nhưng không phải vì cần bộc lộ uất ức như trước, mà là vì vô tình muốn gọi lại một hình dáng dấu sao cũng vẫn là thân yêu đối với người.

Còn Kha thì từ ngày em đi và vợ chết, Kha cũng thích gần chúng tôi vì một nguyên nhân tương tự. Kha là một người hiền lành, còn hiền lành và giản dị hơn Thọ nhiều. Nếu không có gì xảy ra có lẽ Kha đã yên thân, chọn một đời sống hết sức bình thường, không tha thiết đến gì nữa ngoài vợ và con. Hồi còn sống chị Kha thường phàn nàn với chị em rằng anh Kha không biết yêu vợ như những người khác. Có khi chị tuyên bố như thế trước mặt anh Kha. Kha cười không phản đối. Anh không biết anh có yêu vợ bằng người khác không. Nhưng có điều anh thích cà rà bên vợ suốt ngày như một đứa trẻ cà rà bên mẹ. Anh đem sách đến bên vợ vừa đọc vừa xem vợ cắt râu củ kiệu hay gọt mút đu đủ. Anh xuống bếp ngồi, chờ đón từng gắp thịt, từng que lụi do chị Kha trao cho để nướng. Anh với thằng bé Quỳnh chia nhau lấy ớt, bóc tỏi, giã tiêu, giúp vợ dọn cơm. Gần nhau như thế không phải để anh nói những câu chuyện tâm tình gì, cũng không phải để anh ngắm nghía vợ. Anh chỉ thích có vợ bên cạnh và cảm biết sự hiện diện ấy là đủ. Anh không thích nói chuyện, thứ nhất là nói những câu tình cảm, càng không thích nhìn ngắm vợ. Nhưng khi làm việc chỗ nào anh thích bên cạnh có tiếng khua động, tiếng kéo, tiếng dao, tiếng chổi, tiếng ho, tiếng nói của vợ. Vắng những tiếng ấy anh chờ đợi, ngóng tìm.

Chị Kha quen với sự gần gũi đó, đến đổi xem như là tự nhiên, không khó chịu cũng không thấy thích thú, nhất là không thấy việc đó có một ý nghĩa gì. Thỉnh thoảng Kha đang ngồi một bên, chợt giật mình nghe vợ hỏi: “Anh đưa cho cái bật lửa để thắp đèn.”, hoặc “Anh đưa cái khăn lau mũi cho thằng Quỳnh Em.”, hoặc “Đưa cho năm đồng! Đưa đây ve dầu khuynh diệp xoa tí xem, ngạt mũi quá!”

Anh Kha ngỡ ngác tìm quanh quất, rồi nhìn vợ lưỡng lự ra ý hỏi, thì chị Kha đã nóng nảy đưa tay ra đón, và giục: “Trong túi áo ấy.” Không phải là trong túi áo của chị mà là ngay trong túi áo của anh Kha, cái đó mới kỳ cục. Anh cho tay vào túi áo của mình, quả nhiên lấy ra được cái bật lửa, hoặc cái khăn lau mũi của thằng Quỳnh Em, hoặc năm đồng, hoặc ve dầu khuynh diệp. Những thứ ấy anh không hề bỏ vào túi mà có thể lấy ra, y như một trò ảo thuật. Trò ảo thuật đó có thể giảng giải như sau: trong những lúc chị ê a hát ru con, hay hí hoáy thái thịt, hay lau mũi cho con, những lúc đó thường có anh Kha bên cạnh, tiện tay chị nhét những bật lửa, khăn lau vào túi áo chồng. Cái áo đàn bà không muốn có túi, nếu áo đàn bà có túi thì nó lại không muốn chứa cái gì cả, để cho khoảng trước bụng khỏi phình cao lên. Vì thế bạ cái gì chị Kha cũng có thể cho vào túi chồng, vào những lúc bất ngờ nhất. Túi áo của anh tự nhiên hóa thành cái ngăn kéo, cái hộc tủ, cái túi đựng bất đắc dĩ. Một hôm, trong hội nghị, anh Kha đùa giỡn với anh em, có người cho tay vào túi áo anh, đụng nhằm một cái gương con và mấy chiếc kẹp tóc.

Những việc như thế không có ý nghĩa gì cả. Chị Kha cứ tuyên bố là anh Kha không biết yêu đương, và anh không cãi được. Hai người chỉ thấy ngạc nhiên khi anh Kha bị tập trung vào lao xá. Lúc đó chị Kha thấy khuyết hẳn đi một phần thân thể của mình, như thân mình bị cắt xén cho nhỏ lại. Trước kia chị có nhiều tay nhiều chân hơn, chị có nhiều túi hơn, bên tả bên hữu chị vẫn còn những hoạt động của chị. Bây giờ cử động của chị như cụt lùn. Chị đưa tay ra không có bàn tay đón. Tiếng chị nói năng, khua động tan biến đi, bay lạc đi lảng nhách giữa sự vô tình. Chị ngỡ ngác không biết mất đi cái gì. Người đàn bà trẻ không chịu đặt tên cho những cái như thế là tình yêu.

Còn anh Kha mới thực là thiếu não. Anh đếm từng ngày

trong tù. Suốt ngày anh cụp rụp lù khù, trông bản thiu, ngờ nghếch. Anh không biết sống thế nào cách sống mới của mình, cách sống không có vợ bên cạnh. Không ai ngờ được rằng thiếu đi hơi hướng, bóng dáng của một người đàn bà, thiếu đi những tiếng nói cười khua động của một người đàn bà ở bên cạnh, cuộc sống lại... mất ý nghĩa đến như thế. Anh Kha ngẩng mặt, quay cặp mắt đeo kính cận thị của anh khắp bốn phía nhà lao, anh không trông thấy cái gì có thể thay thế được sự hiện diện của chị Kha, anh không hiểu nổi những hoạt động xung quanh, không hiểu nổi cuộc sống xung quanh, anh không thể nào thích ứng được với cuộc sống đó, anh ngỡ ngác khổ sở khôn đốn. Lúc nào anh cũng thấy lạnh, một cái lạnh thực, cụ thể, cảm biết rõ ràng bằng da thịt. Cho nên anh luôn luôn quấn cái khăn lông to tưng quanh cổ. Người ta áp dẫn anh đi cuộc rẫy, chặt củi hay đốn gỗ, bất cứ ở chỗ xó rừng góc núi nào, anh Kha cũng không rời cái khăn lông mỗi ngày một nhớp nhúa ấy. Đang im lìm một chỗ, chợt anh nghe ai la nói lớn hay nghe tiếng động khác thường, cái đầu của anh liền quẩy mạnh một cái trên đồng khăn to tưng ấy như một con trăn giật mình vùng cát dẫy trên đồng lá khô. Anh bắt giắc ngẩng cặp mắt kính lóng lánh ngỡ ngác tìm kiếm. Không tìm thấy chị Kha, anh thất vọng cúi xuống, im lìm.

Vào tù, anh mất cái thú sống. Anh không chú ý đến thời cuộc nữa, không bao giờ có thể lại hăng hái bàn cãi bất cứ về vấn đề gì như lúc anh tới đàm luận với Thọ hay với cha chồng tôi. Anh không biết phật ý, bất mãn về điều gì cả. Anh như một đóm lửa tắt ngấm, hoàn toàn anh không chú ý đến gì nữa.

Như thế bốn năm tháng trời, rồi anh được trả tự do. Anh chạy về nhà, chị Kha đón gỡ cái khăn lông đồ sộ khỏi cổ anh, đem đi giặt sạch tử tế. Anh lại quấn quýt bên chị, và dần dà trở lại bên nhà chúng tôi nói chuyện về thời thế, về

những điều chướng tai gai mắt trong xã hội.

Rồi anh Kha lại bị tập trung nữa. Bất cứ lúc nào hễ có tin địch sắp mở một chiến dịch, có tin giặc đổ bộ đâu đó gần vùng chúng tôi là Kha lại bị tập trung, có lần bốn năm tháng, có lần một đôi tháng. Tính ra không năm nào Kha khỏi quần cái khăn lông đi vào tù ít ra một chuyến. Đến lần thứ năm anh Kha ở lao xá về thì không có chị ra đón gỡ cái khăn lông quần quanh cổ nữa. Chị đã mất rồi.

Từ đó Kha chỉ còn giữ được một thói quen trong đời sống của anh là thỉnh thoảng sang bên nhà chúng tôi để tỏ lộ những bất mãn về thời cuộc. Đến khi Hải bỏ nhà đi nữa, Kha càng thấy quạnh quẽ và càng thường sang bên chúng tôi. Vô ý thức, chúng tôi cứ mỗi ngày mỗi sát đến bên nhau, tìm cách che giấu khóa lấp một sự trống trải trong tâm hồn, gián tiếp nhắc nhở nhau một khoảng dĩ vãng khó khăn đau khổ nhưng khi vượt khỏi nó rồi chúng tôi lại không biết hướng cuộc đời về đâu.

Như thế cho đến khi Kha đi làm quận trưởng. Kha bưng tỉnh, tìm ra lẽ sống của anh. Những bất mãn hậm hực bấy lâu vô ích bây giờ thúc giục anh hăng hái say mê công việc. Bấy lâu chỉ có những câu đàm đạo, những lời nói, bây giờ là hành động. Kha tìm thấy trong công việc chống lại những hoạt động cộng sản một thú vị mê say.

Kha chủ trương một chính sách độc tài. Anh sẵn sàng trình bày về chính sách độc tài với bất cứ người nào muốn nghe hoặc không muốn nghe. Có lẽ cha chồng tôi là người trước tiên được nghe anh mở đầu.

- Con người ta càng ngày càng ít muốn tự do.

Cha chồng tôi có cái bụng khá lớn, ngồi trên phản thường

lấy tay nắm một bàn chân bên này bỏ lên bắp vế bên kia và trong khi nói chuyện cứ giữ riết lấy bàn chân ấy, bẻ các ngón chân, xoa vuốt mãi như mân mê một thứ đồ chơi. Người bảo anh Kha:

- Nói thế là một cách nói khó hiểu đấy.

Kha vội vàng cãi:

- Giai đoạn này cần mạnh. Lúc này các dân tộc cần cảm thấy mình thực là khỏe mạnh, sung sức, mới yên tâm mà sống, mà xây dựng tương lai. Trước tiên là phải có khí giới mạnh. Nhưng thế chưa đủ. Phải có một chế độ mạnh nữa mới được...

Anh Kha ngừng lại, giương cặp mắt nhiều tròng trắng tròn xoe sau chiếc kính cận thị nhìn cha chồng tôi một cách dữ tợn đến nỗi người phải lảo đảo lại: “Một chế độ mạnh, chế độ mạnh”, như là thối lui, nhượng bộ. Kha liền tấn công dồn tới:

- Phải có một chế độ thực mạnh. Nghĩa là hành động hữu hiệu và nhanh chóng, thực là nhanh chóng. Khả năng lớn lao của những thứ vũ khí mới đòi các chính phủ phải quyết định và hành động thực chớp nhoáng và kín nhem. Chần chừ, bàn cãi dài dòng, thế nào cũng chậm, cũng muộn, tức là yếu, là chết rồi đó. Một số ít người cần có quyết định nhanh để đối phó kịp thời. Vì cái chế độ độc tài nhất trên quả đất đã tỏ ra cương quyết nhất, hữu hiệu nhất, cho nên người ta tranh nhau tiến tới độc tài. Nước Nga không thành công về chuyện xúi buộc người ta làm cộng sản, nhưng thành công về cách bày vẽ cách làm chính trị độc tài. Đó là cái vinh dự của nước Nga...

Cha chồng tôi ngửa người ra, cười không thành tiếng, một

tay chống ra sau, một tay giơ lên vẫy vẫy như ra dấu cho anh Kha tốp lại, chậm lại, chờ người cười xong đã. Kha thích chí, cười ha hả:

- Bác coi: độc tài đâu phải là sự ngẫu nhiên ở vài ba nước? Lúc này nó thành ra một phong trào, một xu hướng hần hoi. Nước Pháp, thành lũy của tự do cá nhân, của tư tưởng dân chủ, rồi cũng phải chấp nhận một chính thể dồn thêm quyền hành cho một cá nhân De Gaulle. Ở Trung Đông, ở Đông Nam Á... đảo chánh xảy ra liên tiếp. Thường là do quân nhân cầm đầu cả. Chế độ đại nghị khó tồn tại! Các ông thủ tướng cứ bị quốc hội lật đổ liên tiếp thì còn làm gì được nữa. Quyền hành pháp phải trao vào một chức vị bền vững, không để quốc hội vật lên vật xuống quanh quách. Ít ra là tổng thống chế... Thời kỳ bây giờ người ta không có thì giờ bàn cãi lâu. Nhờ tiến bộ khoa học, chúng ta sử dụng được những lực lượng vĩ đại quá, chớp nhoáng quá, nhịp sống của chúng ta tăng nhanh lên, sự quyết định của chúng ta cũng phải nhanh chóng cương quyết cho kịp khả năng của những phương tiện ta dùng. Lúc này phải quyết liệt, bác à.

Cha chồng tôi xem ra chưa có vẻ gì tán thành lý luận đó. Nhưng người không hề phản đối, chỉ cười cười, tiếp tục bẻ các ngón chân. Kha rút một miếng thuốc đưa lên môi, rồi lấy bật lửa ra, nhưng bật lửa của anh lại vẫn không có tim. Từ ngày chị Kha qua đời rất ít khi anh Kha được thỏa mãn về cái bật lửa của mình. Thời kỳ này rất có thể là một thời kỳ độc tài, nhưng vẫn chưa là thời kỳ mà tim bông gòn tẩm dầu lửa có thể tự nhiên mọc nhú lên như mộng lúa hay như đọt cỏ non trong bật lửa được. Cha chồng tôi vừa đưa cho anh Kha một bao diêm vừa nói: “Ruộng bên anh đã cày vỡ xong chưa?”, thản nhiên đưa câu chuyện về hướng khác.

Tôi không biết ở chức vị của Kha, làm việc trong phạm vi quyền hạn một quận trưởng như Kha, thì một người chủ

trương chính sách mạnh và một người không chủ trương chính sách mạnh có hành động gì khác nhau chẳng. Riêng đối với cha chồng tôi quả là nó đã làm cho người khiếp sợ. Thái độ mê say nồng nhiệt nào cũng khiến người sợ hãi dè dặt. Khi Kha chỉ trình bày chính sách của anh thì người ngồi nghe và cười. Nhưng dần dần đến khi anh hậm hực công kích tới thứ luật pháp hiện hành mà anh chê là nhu nhược trước hoạt động gián điệp của cộng sản, khi anh công kích lẽ lối làm việc kèn càng vô hiệu của chính quyền quốc gia hiện tại, chê sự kiểm soát bất lực đối với nạn tham nhũng v, v... và đòi một chính sách trừng trị mạnh bạo kịch liệt, khi ấy thì cha chồng tôi không mỉm cười mãn mê các ngón chân nữa. Khi ấy hoặc người đờ ra nhìn chằm chằm một con ó rần bay giữa lưng trời, hoặc người ngó chăm chỉ vào tô canh trên bàn ăn, hoặc người chú ý vắn đi vắn lại mãi một điều thuốc. Cha chồng tôi làm như không hề có người trước mặt anh Kha, người không nghe, không thấy gì cả, người tự nhiên biến mất hẳn đi.

Tôi thấy mỗi ngày Kha càng say mê công việc, càng hăng hái với những lý luận, chính sách, những hậm hực của anh, thì cha chồng tôi càng tìm cách rút lui, lảng tránh anh. Nhiều người khác trong gia đình cũng có ý ấy. Tuồng như khi sự say mê đắm đuối xâm nhập vào tâm hồn một kẻ nào cũng thường lôi cuốn kẻ ấy xa rời thân thuộc mình. Tội nghiệp là Kha không trông thấy điều đó. Anh vẫn trung thành với cái thói quen tìm đến chúng tôi, bộc lộ tư tưởng dễ dàng với chúng tôi.

Về sau, nhiều lần đến nhà không gặp cha chồng tôi, anh nói chuyện với chị em chúng tôi, và từ câu chuyện một bó rau bó cải anh rất có thể dẫn đến nhiều chính sách mạnh. Đôi khi tôi mỉm cười thương hại bảo anh:

- Ai cũng biết anh có nhiều chính sách. Anh chỉ thiếu một người kết lại cái nút tay áo đang sổ ra thôi.

Anh Kha co tay lên, đón gỡ một nốt nút lỏng lẻo ở tay áo, cười toe toét nhờ chúng tôi kết lại. Tôi thầm nghĩ đâu có vất vả sản sinh ra bao nhiêu chính sách, Kha cũng vẫn còn giữ được bản tính hồn nhiên, sống những tình cảm quen thuộc. Anh không phải luôn luôn dăm chiêu thắc mắc, tự biến mình thành một con người khác như Thọ. Người ta làm được mọi chuyện quái gở, nhưng tốt nhất nên buồn vui thương ghét như lối cũ xưa nay, vẫn giận cái gì xưa nay người đời thường giận, cảm phục cái gì xưa nay thường được cảm phục. Làm ra con người mới là một chuyện khó khăn và kỳ cục. Con người tự bày ra những tình cảm mới cho mình và đặt tên huyền thiên cho nó thì thực là ngông nghênh.

Kha tiếp tục đến với chúng tôi do một thói quen. Gia đình chúng tôi cũng có thói quen chờ Kha đến để bàn cãi về những chuyện không đâu ngoài công việc làm ăn. Cha chồng tôi mặc dù nhút nhát, đôi khi e sợ những câu chuyện của Kha, nhưng hồi mùa xuân năm ngoái, nhận thấy vắng Kha ngót một tháng cũng bản khoăn suy nghĩ. Mọi người đều áy náy tự hỏi phải chăng Kha đã nhận biết thỉnh thoảng cha chồng tôi tỏ ra lạnh nhạt với anh.

Một hôm, đi chợ về nửa đường, tôi gặp Kha vừa từ phía sau miếu Long Mỹ bước ra, sau lưng đeo khẩu súng và tay xách ba con gặm ghì. Tôi nói:

- Đã lâu anh không đến chơi, thầy tôi nhắc luôn.

Kha hỏi “Thế à?” cụt ngủn, rồi bước đi theo tôi. Tiếng giày của anh giậm trên sỏi vang lên một tiếng kêu khó chịu, đều đều, chậm chạp, mà nổi lên to quá, sảng sảng quá, đuổi mãi theo bên cạnh tôi dọc ven rừng vào buổi chiều yên tĩnh. Tôi lưỡng lự, không biết nói sang chuyện gì khác,

bồng Kha lên tiếng hỏi:

- Đồ chị biết cây gì?

Tôi nhìn theo hướng tay Kha chỉ, bật cười:

- Anh không nhớ sau góc vườn của chúng tôi cũng có một cây chòi mòi sao?

- À, lạ nhỉ. Có ai trồng chòi mòi làm gì trong vườn?

- Có lẽ không ai trồng cả. Chắc là một cây chòi mòi hoang, khi dọn đất làm vườn cất nhà người ta chừa nó lại.

- Mỗi cây chòi mòi có một sự tích. Ngày còn nhỏ chúng tôi thường leo hái trái chòi mòi ở mé ao. Có lần nó ngã xuống ngắt đi mà tôi không dám kêu, chỉ ngồi xuống ôm nó...

- Ai?

- Thành Hải. Lớn lên mỗi đứa một cuộc đời, không thể can thiệp được gì vào cuộc đời của nhau.

Tôi nghĩ đến Thọ. Đau quặn trong lòng: Một trăm năm nữa, thế hệ này qua đời rồi thì dòng lịch sử hẳn hết lần vết. Sự qua phân đất nước chỉ còn là một vấn đề chính trị, một danh từ không có tiếng vang tình cảm, một sự kiện để công dân trong nước suy xét chứ không gọi được mỗi cảm động của mỗi người nữa. Đối với thế hệ này sự kiện lịch sử ấy lại có tính cách riêng tây đối với mỗi gia đình, như là một đám tang, một cái khăn tay kỷ niệm, một ngân nước mắt đọng trên mi...

- Hải nó không đi ra Bắc.

Tiếng Kha nói chậm rãi như tiếng giày đều đều trên sỏi. Tôi không hỏi, vì biết rằng trước sau Kha cũng sẽ nói tiếp. Nhưng anh im lặng đi một đoạn đường khá dài, khiến tôi nóng ruột quay lại nhìn. Anh nói:

- Người ta đưa nó vào một tỉnh ở Hậu Giang Nam phần, để nó đổi tên đổi họ tiếp tục hoạt động... Nó bị bắt rồi.

- Mới bắt hả?

- Không biết rõ. Tôi được tin chừng một tháng nay.

- Bây giờ ở đâu?

- Ở Côn Lôn... Đoán thế.

Tôi có một ý nghĩ chua chát:

- Ngày trước, khi anh vào tù mỗi năm hai lượt, không ai nghe chú Hải bộc lộ một chút băn khoăn nào.

- Họ cố gắng biến thành những con người hoàn toàn khác chúng ta. Họ luôn luôn hướng về tương lai. Nhai một miếng thịt, gặt một bó lúa, đánh vảy một con cá..., ở mỗi việc họ đều đánh hơi thấy một ý nghĩa, một báo hiệu tốt đẹp về tương lai. Họ buong bả chạy tới, không quan tâm gì đến những cái mà họ đang giày xéo dưới bàn chân hấp tấp, họ không kịp ngó đến người xung quanh...

Kha dừng lại nửa chừng, tôi tiếp theo:

- Còn mình thì một nhánh cây gãy, một dáng đi, một đêm cùng thao thức với họ cũng cứ vướng vít trong tâm trí mãi. Trước biến cố hiện nay mình bị thiệt thòi nhiều quá: lúc họ còn ở thì là nạn nhân của chính sách họ; lúc họ đi rồi cũng vẫn còn là nạn nhân của họ về một phương diện tình cảm.

Cho dù anh có chủ trương thế nào số phận của chú Hải cũng ám ảnh tâm trí anh mãi.

Kha không nói gì, bước đều đều sau lưng tôi. Bóng ba con chim gâm ghi Kha rách trên tay cứ chạy lui chạy tới dưới chân tôi khiến tôi nhớ rằng trăng đã mọc vượt lên khỏi đám cây ở khu rừng phía sau chúng tôi.

Tôi hỏi:

- Thầy tôi đã biết chưa?

Kha giật mình:

- Biết gì?

- Biết tin Hải còn ở lại và bị bắt.

- Chưa.

- Có phải vì cái tin đó mà một tháng nay anh không đến chơi bên nhà?

Kha không trả lời trực tiếp, chỉ nói:

- Nay tôi sang thăm bác.

Rồi anh cười:

- Và nhân có mấy con chim bắn được cũng định gửi chị, xin dự luôn bữa cơm tối với bác. Bên tôi hôm nào không có khách thì dù có món nhậu nhẹt bữa ăn cũng buồn, vì không biết nói chuyện với ai.

Tôi hỏi nửa đùa nửa thật:

- Chị mất hơn ba năm rồi, anh định ở vậy mãi sao?

Kha lại cười:

- Không biết. Nhưng chị trẻ hơn tôi nhiều, chị đáng được hỏi trước mới phải.

Tôi quay lại nhìn. Kha đang cười hồn nhiên, chợt trông thấy mặt tôi, anh ngừng lại, nhìn ngơ ngàng, như lần đầu tiên anh chợt bắt gặp hình dáng cụ thể của sự cô quạnh quanh mình. Cái nhìn lạ lùng của anh làm tôi bối rối. Tôi cúi đầu xuống, bước nhanh hơn. Gió thổi hai bên má, tôi tưởng như nghe ánh trăng thấm lạnh vào da thịt. Và tôi cảm thấy mặt trăng chăm chú nhìn mãi sau gáy mình. Tôi đưa tay vớt mấy sợi tóc gạt ra phía sau, rồi lại lấy làm tiếc đã làm cử chỉ thừa thãi ấy. Tôi vừa im lặng bước đi vừa hối tiếc không phá tan được sự im lặng khác thường đó.

Tối hôm ấy, tôi nằm trong buồng lại nghe cha chồng tôi thao thức rất khuya. Câu chuyện của Kha nói về Hải làm cho người nhớ đến Thọ, và nghĩ lan man lo hãi về những rối rắm phức tạp đang diễn ra quanh mình, trong một xã hội tuy bề trên đã lặng yên mà bên dưới đó đây vẫn còn những chỗ âm thầm xôn xao mãi không thôi. Người sợ hãi giật mình khi nghe xảy ra một bất trắc thêm vào nhịp sống vốn đã rất thất thường khó hiểu, rất đáng ngại.

Còn tôi, tôi bàng hoàng trước một vấn đề mới đặt ra. Tôi biết rằng Kha có nhiều nét tốt, nhưng cảm thấy chúng tôi chưa có thể gần nhau hơn nữa. Kha cũng như tôi, mỗi người đều đang còn bị những ám ảnh lớn choáng cả tâm trí. Chúng tôi là hai kẻ có hai cái dĩ vãng quá kèn càng, như những lữ khách nhiều hành lý, nếu muốn ở chung một phòng sẽ không tìm ra chỗ mà sắp xếp đồ đạc. Nếu Kha gặp một người con gái ngây thơ, may ra người đó chóng

giúp được Kha thoát khỏi những ray rứt khổ sở của anh. Tôi cũng tự bảo nếu cần thì mình chỉ nên chọn sống bên một cuộc đời đơn giản hơn cuộc đời của Kha.

Tiếng thác đổ ồ ồ liên miên sau nhà như thôi thúc xô đẩy tới một quyết định. Tôi tự thấy mình đang bị đưa dồn tới một hoàn cảnh mới. Tôi bồn chồn, nôn nao.

Từ ngày về nằm ở gian buồng này, đêm đêm tôi nằm bên cạnh một cố gắng thường xuyên thao thức, tôi nghe tiếng cựa mình ở nhà ngoài tiếng trăn trở ở buồng trong, tôi nép mình lặng lẽ sống bên cạnh những quằn quại đau đớn mà âm thầm của một gia đình giữa sự giằng co của hai dòng tư tưởng. Cho tới bây giờ sự chuyển mình lớn lao của một thời đại vẫn còn gây ra bầu không khí căng thẳng trong vô số gia đình, trong khắp xã hội.

Đêm nay tôi bắt đầu nghĩ đến việc rời khỏi gian buồng này. Câu hỏi và cái nhìn của Kha đánh thức trong tôi cảm giác đơn chiếc. Mắt của tôi và của Kha gặp nhau như hai mặt gương phản chiếu lẫn nhau, trả lại cho nhau hình bóng một cảnh lẻ loi. Tôi nhớ lại khuôn mặt đen thui của Kha vừa rời in lên nền trời xanh mênh mông, giữa ánh sáng lung linh của trăng đêm mười bốn, khuôn mặt đen thui lác lư theo nhịp bước chân đều đều vang trên con đường sỏi. Và cặp mắt sau chiếc kính cận thị tròn thao láo, lóng lánh như một niềm thao thức! Thật không phải là một hình ảnh có ý nghĩa khuyến khích đối với người con gái đã sợ hãi những tâm trạng rối rắm phức tạp, chỉ ao ước tìm gặp một hạnh phúc yên lành, xa mọi xao động bản khoãn.

Từ lúc tôi về nhà chồng đến nay, lúc tôi nghĩ đến chuyện phải rời đi, những đêm vắng vẻ thao thức nghĩ ngợi tôi lại để ý đến thác nước ồ ồ bên nhà. Suốt năm sáu năm trời tiếng thác ồ ồ đó luôn luôn đuổi theo tôi, lúc nào cũng sẵn

sàng hiện đến như một nhân chứng vào những giờ bối rối khó khăn nhất. Tiếng ồ ồ dồn dồn liên tiếp lại đuổi theo tôi như một sự thôi thúc xông xáo vô cơ.

Đêm nay lại vẫn tiếng thác đổ ồ ồ. Và ngoài trời lại vẫn ánh trăng sáng mờ lung gọi dậy những rạo rục khó tả.

Đêm tôi gặp quận Toàn là một đêm cuối tháng sáu. Ở vùng quê chồng tôi cứ mỗi năm làm xong mùa tháng ba, gieo vãi xong xuôi rồi, vì muốn tiết kiệm rơm, ai nấy “cắm” bò trên núi cho đến tháng tám tháng chín, lúc trời bắt đầu mưa mới lùa về. Cố nhiên việc cắt rông dựng chòi giữ bò trên núi hàng mấy tháng trời là công việc của đàn ông. Nhưng người giữ bò cho gia đình tôi bỗng bị một cái nhọt lớn mọc bên cổ, sưng lên to tướng, làm cho anh ta phát sốt li bì mê man, người ta khiêng anh ta từ trên núi về. Tôi phải thay thế anh ta bốn hôm.

Tôi không oán trách gì quận Toàn về hành vi của ông ta đêm đó. Tôi không chờ đem một tấm thân trinh tiết về ở với Kha. Vả lại quận Toàn không có chủ tâm. Việc ông ta gặp tôi chẳng qua là một sự ngẫu nhiên hoàn toàn. Người khác ở vào hoàn cảnh đó vị tất đã hành động khác ông ta. Nhưng cái gì làm cho tôi đau nhói trong lòng, vừa xót xa, vừa khinh bỉ, cái gì xô gáp tôi tới quyết định chọn lựa anh Kha, ấy là thái độ hành động của ông ta.

Lúc ông ta chạy đến bên chòi trông thấy tôi đang nằm ngủ, ông ta hét lên, quăng súng xuống đất, chụp hai vai tôi lắc lắc, lôi tôi dậy. Ông ta la tíu tít: “Úi chao! Trời đất ơi là ngủ! Úi chao!...” Ông ta thành thực mừng rỡ ríu rít. Trông ông lúc đó không thể có ý gì khác hơn. Tôi mỉm cười, hưởng ứng sự vui mừng của ông ta.

Tôi thổi lửa, nhóm lại bếp, chắt củi thêm cho ngọn lửa bốc

cao đánh tan khí đá lạnh. Ông ta ngồi xuống bên bếp lửa, thuật lại cho tôi nghe ông ta đã trông thấy mắt bò thể nào, lấp đạn và ngắm nghĩa thể nào, rồi đánh rơi đạn và suy đi tính lại thể nào. Tôi cảm ơn ông, lấy làm sung sướng rằng tính mệnh tôi vừa rồi được định đoạt do một người thợ săn chín chắn, dày kinh nghiệm.

Khi câu chuyện thoát nạn của tôi kể xong rồi, nổi hân hoan của ông ta hạ xuống nhanh như một ngọn lửa nhen bằng lá khô chưa kịp bén vào cây củi. Ông ta nhìn quanh quát bốn phía, bắt đầu chú ý đến rông bò và cái lều cùng sự bài trí chỗ tôi ở. Ông ta hỏi tôi về tục cầm bò. Tôi với lấy ấm nước vằn bên bếp lửa, rót mời ông ta một chén nước và giảng cho ông ta về phong tục của nhà nông ở vùng quê tôi.

Khi ông ta không phải nói nữa mà im lặng ngồi nghe thì ông có thì giờ chú ý đến nhiều chuyện. Trong đó có tôi. Ông ta không phải là một người tinh tế. Trông dáng bộ và cặp mắt ông, tôi biết ngay là ông bắt đầu chú ý đến tôi lúc nào. Tôi nói chuyện bốt tự nhiên và rời rạc, nhưng thỉnh thoảng ông ta lại hỏi một câu, nên câu chuyện không dứt được. Chắc chắn là những dự tính không tốt của ông ta phát sinh giữa lúc ấy, trong cái tình trạng dằng dai đó.

Ông ta đưa tay, những ngón tay đen đui, dòn nhiều da sù sì, và cụt thun lùn, cầm vài que củi sắp lại. Tôi không thấy ông ta tính chuyện đứng dậy tiếp tục cuộc săn bắn. Lửa tàn lần. Tôi đang không biết nói thể nào thì ông lên tiếng mời tôi đi ngủ; ông ta xin phép ngồi thêm một lát bên bếp lửa. Tôi có cảm tưởng chắc chắn là mình không đuổi ông ta đi được; tôi nhìn lại về người thô lỗ ấy, biết rằng ông ta đang nhận định tình thế một cách rất thực tế. Chỉ có ông ta và tôi ở giữa núi rừng mênh mông...

Khi gà rừng lên tiếng gáy e é, tôi trở mình xoay nhìn ông ta nằm bên cạnh. Ông đang bình thân, ngửa mặt, khép mắt, lấy hai ngón tay giữa đề lên mí mắt, xoa nhẹ nhẹ. Ông ta chăm chỉ với công việc của mình, không để ý gì đến tôi. Mí mắt ông ta tuồng như hơi sưng, có vẻ dày hum húp, nặng nề, ông ta xoa mà như mon trốn vuốt ve tung tiu, cứ chỉ dềnh dàng thận trọng.

Tôi đưa một bàn tay lên vuốt qua hai má lạnh ngắt, vô ý để củi chỏ đụng nhằm vai ông ta. Ông ta giựt mình, né sang một bên, hỏi:

- Hà? Em cũng thức dậy rồi đó hả?

Ông vội vàng nhích tránh thêm một chút nữa, rồi tiếp tục xoa vuốt, ấn cả hai lòng bàn tay xuống, xoa khắp mặt, mắt lim dim khoan khoái. Tôi nhớ lại hồi khuya, lúc ông ta vừa buông tôi ra, nằm ngửa bên cạnh tôi, ông ta cũng im lặng, nhích tránh ra xa tôi, nét mặt ông ta trân lại, sắt lại, trầm ngâm. Không phải ông ta theo đuổi một tư tưởng gì, mà chính là ông cần yên tĩnh để lắng xuống nghe cảm giác khoái lạc thấm lặn thấm lặn vào cơ thể. Trông như một con trăn nuốt rất chậm, rất cẩn thận, vừa nuốt vừa đề phòng con mồi, như một người hít xong khói thuốc phiện nằm lơ mơ tê mê. Lúc đó sự hiện diện của tôi, những cử động của tôi bên cạnh chỉ làm cho ông ta khó chịu.

Lần này, sau khi xoa vừa đủ ấm hai má, ông ta ngừng lại, nhã nhặn quay về phía tôi, gọi chuyện. Ông ta hỏi qua về thân thể và sự sinh hoạt của tôi. Tôi trả lời vắn tắt, cụt ngắn. Ông ta không để ý, và tôi nghĩ giá có để ý ông cũng tha thứ một cách dễ dãi. Ông ta vui vẻ kể chuyện về mình. Thoạt tiên cũng vài ba chuyện ly kỳ nguy hiểm mà “bọn thợ săn chúng tôi” thường gặp. Rồi thì những chuyện lý thú khác trên đời. Ông ta lại nói về cái đêm đảo chính năm bốn lăm, ông đang làm việc ở tòa sứ Nghệ An, xách súng

đi hẳn suốt đêm mãi đến sáng mới về. Được viên công sứ cho gọi đến báo tin là giang san đã đổi chủ, ông mừng rỡ đi hẳn thêm vài ngày nữa. Chín năm giặc giã trên khắp đất nước cũng được ông nói đến. Ông ta coi đó là một điều phiến hà rất bức dọc khó chịu, vì: “Thời kỳ đó ‘bọn thợ săn chúng tôi’ làm gì dám trèo lên đến núi mà bắn? Heo rừng, vớ nai, vớ thỏ, có hay tìm đến dây thép gai mà ăn đâu? Quanh quần lúng túng mãi trong thành phố, chán lạ!”

Ông ta lắc đầu, cười hề hề. Tôi cảm thấy một cách biệt vô cùng tận giữa ông ta và tôi. Tôi vừa ngồi dậy, ngửa đầu ra sau gỡ mái tóc rối, vừa liếc trông theo những cử chỉ của ông ta, trong lòng lầy lăm hồi hận hết sức về những lạc thú mà tôi đã cho ông ta hưởng và đã cùng hưởng với ông ta trong đêm qua. Giữa tôi với con người đó không thể có một lý do gì đưa đến sự chung đụng thân mật như thế được.

Khi ông ta dứt tiếng cười hề hề thì cử chỉ của ông ta lại khiến tôi nghĩ đến những người vừa ăn xong một bữa thật ngon lành thỏa thuê rồi ngồi nhìn lơ đãng, dềnh dàng, xía rảnh rất lâu, những người không có việc gì quan trọng hơn, để hết tinh thần lảng theo dõi các khoái cảm thắm chậm chậm vào thật sâu. Họ có thì giờ để nghe tiêu hóa các khoái cảm. Sự im lặng của ông ta cũng làm cho ông ta cách biệt tôi, và có một ý nghĩa tàn nhẫn làm tôi tủi nhục.

Tôi nhớ lại thái độ hành động của ông ta trong đêm vừa rồi, tự nhiên căm tức. Khi tôi khép hai đùi lại, dùng dằng, ông ta không hấp tấp vội vàng. Ông đặt một bàn tay lên bắp đùi trần của tôi làm tôi rùng mình; ông ngừng lại một chút, rồi vỗ nhẹ vào phía trong bắp vế, nói nho nhỏ: “Em! Em!” Giọng ông ta nửa như than phiền trách móc, nửa như dỗ dành nài nỉ. Ông ta lại đặt yên bàn tay, ngừng lại, và chờ đợi. Tôi dạo ấy mới hăm hai hăm ba tuổi...

Vắng đàn ông lâu ngày... Đêm khuya vắng vẻ... Chật!

Ông ta bình tĩnh và hành động chắc chắn. Ông ta đã hiểu tôi một cách giản dị quá, thực tế quá. Và hiểu đúng tâm lý đến nỗi ngẫm nghĩ lại tôi không khỏi vừa xấu hổ, vừa tức giận.

Trời mỗi lúc một sáng rõ và càng làm tiêu tán hết những lý do khiến hai chúng tôi có thể ngồi bên cạnh nhau. Tôi đứng lên, định đi ra suối lấy nước. Ông ta liền đứng lên theo từ biệt.

Tôi bỏ thùng nước, ngồi xuống, nhìn theo nòng súng và chớp mũ của ông quận Toàn khuất dần vào cây lá dưới sườn núi. Khi tôi còn lại một mình, bốn phía hoàn toàn không bóng người nào nữa, chỉ có đàn bò bên cạnh, nước mắt tôi lại trào ra.

Đối với những “a-văng-tuya” ghê gớm của “bọn thợ săn” ông ta, thì quả cả tôi và tất cả cái tâm sự rắc rối của tôi thực là vô vị, không có gì đáng kể. Ông ta có thể vui vẻ kể cho tôi nghe cái đêm đảo chính lý thú của ông ta, chứ còn tôi, tôi không thể kể lại những rối ren trong năm sáu năm của tôi cho ông nghe được. Thái độ hường lạc vô tư, thân nhiên của ông ta, thái độ hững hờ đó như một cách lãng mạ nặng nề tàn nhẫn.

Lúc đó tôi mới thấy rằng trong cái xã hội xao động dữ dội này vẫn còn có những chỗ lặng yên một cách ghê sợ phủ phàng, tôi thấy rằng mình đã bị đẩy đi xa cảnh thái bình an lạc và lạc mất đường về. Tôi nghĩ đến cuộc đời lao đao của Kha như một an ủi. Tôi ngồi nghĩ về Kha.

Qua màn nước mắt, tôi ngồi nhìn xuống màu khói xanh mù mù bàng bạc khắp sườn núi, nhìn vài con chim sẻ mổ lưng

tung vào mái chòi, rĩa một đôi hạt thóc khô còn dính trên
đuôi rạ, tôi ngò nghĩ đến cuộc đời lao đao của chúng tôi,
của Kha và của tôi. Vâng, tôi nghĩ về Kha, và Kha là nhà
tôi hiện giờ.

(Qui Nhơn, 1957)

Trích thơ:

Thu ca

*Tháng chín rồi
Ngày mông quá ngày ơi
Sắc xanh là sắc da trời
Mong manh là khói lạng lời là mây
Cả một ngày thong thả đếm từng giây
Chân trời rộng li ti từng sợi liễu
Đường cát trắng có trúc gầy yên yếu
Mặt hồ im nước biếc lại muôn xanh
Mình ta đi thấp
Dưới dãy tùng vút cao
Trong bụi con ong bầu
Còn say bên đóa hoa tàn cuối thu
Ta về quanh quẽ trước sau
Người đi đất hút thấy đâu bóng người
Trời cao xóm nhỏ
Vườn ngô trồng tro
Mình ta với một mình thu
Thu nghiêng tai ngóng bước thu chìm chìm
Ta say vắng vẻ im lìm
Nghiêng tai nghe rớt tiếng chim lưng trời.*

(Huế, 10-1944)

Tạ từ thân xác

Ta đến từ đâu, đâu biết được
Đến đây được biết có Minh thôi
Gặp nhau từ thuở ban sơ ấy
Quán quít nhau không một phút rời.
Tiền thân dù có dù không có
Ta có Minh khi ta có đời
Có Minh, ta có luôn trời đất
Đã tuyệt vời chưa Thân Xác ơi
Một hộp trà thơm, dăm cánh bướm
Là ơn đôi mắt với vành môi.
Ngẫm ra nước biếc cùng mây trắng
Cùng núi cùng sông trải khắp nơi
Nghìn triệu âm thanh muôn vạn sắc
Xác thân vũ trụ đầy mà thôi
Xác thân kề cận cùng thân xác
Vũ trụ cùng ta đôi xứng đôi
Vây nhau một trận cho tươi tắn
Cho lẩn lóc đá mẩn mê đời
Trăm năm một kiếp lâu chi mấy
Mà dẫn mà đo tiến lại lui
Là sắc là không, hình tướng ấy
Dẫu cho hư ảnh cũng là vui.
Thân Xác tha hồ bao nhiêu móc
Mỗi phân da thịt một linh hồn
Có ai giữa cổ cười sung sướng
Cổ trắng ngần, ôi... muốn chết luôn
Có ai hất tóc qua vai ấy
Mà đây xao xuyên cả tâm hồn
Bâng quơ một nụ cười ai nở
Làm ai ngồi đứng mãi bồn chồn
Ồi gót chân son từng bước đỏ
Ồi búp tay quỳnh ngón thon thon
Nồn nà một khối: tòa hoan lạc
Nuốt lấy nguồn vui, hôn lại hôn.

*Ấm hơi Thân Xác từng quên cả
Hư vô lạnh lẽo buốt càn khôn.
Sáu mươi năm lẻ trên trần giới
Ta luôn có Minh, Minh có ta
Rồi đây cách biệt - muôn đời biệt -
Bỏ tai bỏ mắt ta đi xa
Ta đi xa tít ngoài nhân thế
Ta gửi Minh nơi lòng đất già
Hình hài không có, đời không có
Ta có gì chẳng để gọi ta?
Rồi ta sẽ nhớ về mây nước*

*Nhớ trời đầy bướm đất đầy hoa
Nhớ con suối lượn con chim hót
Nhớ giọt sương mai ánh nắng tà.
- Lang thang đâu đó ngoài vô tận
Một mảnh linh hồn nhớ thịt da.*

(10-1986)

Đến

*Nhớ Ngọc Dũng
Mãi miết ra đi, đâu tính đến
Đến nơi nào?
Bảy tám mươi năm, rồi cũng đến
Đến rồi sao!*

(11-1998)

Nhà phê bình Thụy Khuê viết về Võ Phiến:

Trong truyện, văn Võ Phiến trung hoà, neutre, giữ khoảng cách với những cảnh huống mô tả, ông không kéo độc giả về phe mình. Tuy đưa ra những nhân vật bi đát như anh Bốn Thôi, ông tú Từ Lâm, như ông Ba Thê Đồng Thời, như

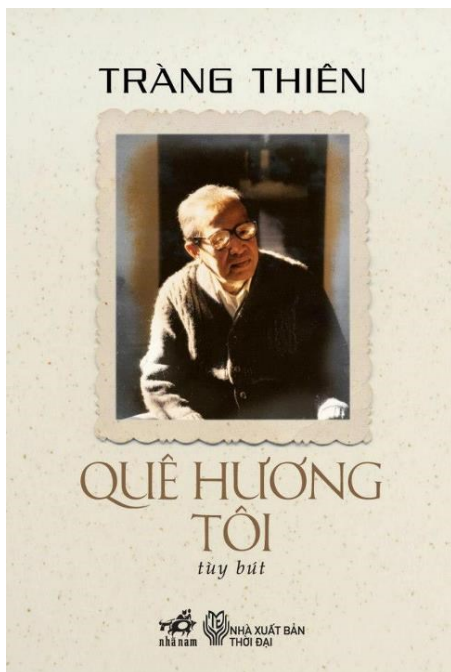
HUỶNH ÁI TÔNG

Hữu, nhưng Võ Phiến không hề bắt ta phải nhỏ lệ. Nếu đọc giả có dư nước mắt thì đó là những giọt nước mắt chảy vào trong, “những giọt lệ không rơi ngoài tim mình” như lời thơ Thanh Tâm Tuyền. Sự rơi vào trong ấy nhiều khi đau đớn hơn những giọt lệ ngoài Trương Phó.

Nếu trong truyện Võ Phiến, tính chất bi đát là vị cay cuối cùng còn đọng lại, thì trong tạp văn Võ Phiến, cái cười là dư vị. Và đằng sau cái cười, nếu đọc giả còn muốn đi thêm bước nữa, mới thấy cái bi đát ẩn trong lòng giọt lệ cuối cùng.

Tài liệu tham khảo:

- Võ Phiến Web: vi.wikipedia.org
- Thác đổ sau nhà Web: vnthivien.net



3. Linh Bảo



Linh Bảo - Võ Thị Diệu Viên (1926-20)

Nhà văn Linh Bảo tên thật là Võ Thị Diệu Viên. Biệt danh: Lai Cẩm Hoa, Vũ Trung Thu. Sinh ngày 14 tháng 4, 1926 tại Huế. Là chị ruột của nhà văn Minh Đức Hoài Trinh. Cha làm quan nhà Nguyễn (chức vụ cuối cùng là Tổng Đốc Quảng Nam), khi trấn nhậm ở Cao nguyên, ông đã xây chùa, mở trường học, tuyển giáo viên, cho cô giáo trú ngụ ở trong dinh, cô giáo trở thành gia sư.

Khoảng 1944, bà đã viết bài gửi đăng báo *Đàn Bà* của bà Thụy An ở Hà Nội, sau đó bà viết tập truyện *Chồng Chung* với Vân Khanh nhưng do thời cuộc không xuất bản được.

Khoảng 1948, Linh Bảo tham gia tổ chức cách mạng, trước tiên bà sang Hồng Kông, rồi Quảng Châu, Nam Kinh, được tổ chức của ông Vũ Quốc Hùng giới thiệu cho vào học ở Trung Thiên Đại Học tại Quảng Châu, bà phải trở lại Quảng Châu theo học, học được 1 năm thì Cộng sản Trung Quốc chiếm lấy lục địa, bà tiếp tục học ở đó một thời gian dưới chế độ Cộng sản, nhận thấy không thể dấu tông tích của mình, bà phải trốn đến Ma Cau rồi sang Hồng Kông và

HUỶNH ÁI TÔNG

ở đó sinh hoạt chung với nhóm ông Nhất Linh một thời gian dài.

Khoảng đầu năm 1950 bà lập gia đình với ông Trần Văn Bảo. Năm 1953, tác phẩm *Gió Bắc* của bà được nhà xuất bản Đời Nay ấn hành, cũng trong năm này bà trở về Việt Nam rồi sau đó làm Nhân viên Lãnh Sự Quán Việt Nam tại Hồng Kông dưới thời Ngô Đình Diệm (làm việc dưới quyền ông Lê Quang Nhã và sau đó làm dưới quyền ông Bùi Công Văn).

Năm 1962, bà Linh Bảo dạy Việt ngữ tại Trường Sinh Ngữ Quân Đội ở Monterey, California, Hoa Kỳ cho đến năm 1976.

Năm 1962, tác phẩm *Tàu ngựa cũ* của bà đoạt giải Văn Chương toàn quốc, bà có hai truyện ngắn được dịch ra Anh ngữ, được liệt vào 26 truyện ngắn hay nhất thế giới, trong đó có truyện *Chiếc Áo Mới*.

Bà thông thạo tiếng Hoa, Anh ngữ, từng sinh sống Nam Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Hồng Kông, Anh, Pháp.

Chẳng những bà viết văn, làm thơ mà còn vẽ tranh, tranh của bà đoạt huy chương khi tham dự triển lãm.

Bà có hai cô con gái, sau khi về hưu, bà sống an dưỡng tuổi già tại Westminster California, Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Gió Bắc* (Đời Nay, 1953)
- *Chiếc Áo Nhung Lam* (1953)
- *Tàu Ngựa Cũ* (1961 - Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc 1962)

- *Những Đêm Mưa* (Đời Nay, 1961)
- *Con Chồn Tinh Quái* (Ngày Mới, 1967)
- *Những Cánh Diều* (Trí Đăng, 1971)
- *Mây Tần* (Việt Nam Hải Ngoại, 1981)

Trích văn:

Một Truyện Ngắn Hay Nhất
Linh Bảo

Sau bữa cơm tối, Quế dọn dẹp phòng mình thực nhanh. Từ hôm trời trở rét, nàng phải mang bao tay cao su để rửa bát, chùi nhà cũng như giặt dũ hay làm những công việc khác. Đó không phải là tính dãi các rôm, nhưng trong mùa rét ai cũng làm thế để cho công việc nhanh chóng hơn. Nước lạnh buốt như nước đá mà phải thò tay không vào thì chắc áo quần suốt mùa đông không bao giờ được giặt. Nguyên tắc của Quế là làm thật nhanh để chóng được nghỉ, nên chỉ trong nửa giờ là mọi việc đâu vào đấy cả.

Thấy gian phòng đã sạch sẽ thứ tự lại như cũ, Quế rất bằng lòng. Quế nghĩ đến lời cô em luôn luôn nhắc : “Này chị, không phải là “ Ở bản sống lâu” đâu nhé. “Đói cho sạch, rách cho thơm” mới là văn hóa Việt Nam.

Ở cái thành phố Paris này mà ba chị em được mỗi người một phòng thì thực thân tiên, mặc dầu lầu sáu, nhưng lên 6 lần cầu thang thì có nghĩa lý gì đối với sinh viên. Quế thay quần áo ngủ xong, cho hai chân vào chần, kéo chần lên đến ngực, rồi ngồi dựa lưng vào tường. Ngoài chần, Quế để cái khung nhôm, bên trên gác một tấm ván mỏng. Đó là bàn viết trên giường của cô em gái thương Quế, tính sợ lạnh, nên nhường cho nàng dùng. Bên cạnh, Quế để sẵn một cốc nước thật đầy, đủ uống suốt đêm, trên đầu là ngọn đèn nhỏ có cái chao màu lá mạ, của một người bạn thân tặng. Ngọn

đèn này đã theo nàng đi khắp nơi, và mỗi đêm, lúc Quế thao thức, thế nào cũng bật nó lên xem sách, hay có lúc chỉ nhìn sững ngọn đèn nghĩ ngợi chứ không làm gì cả. Bên cạnh giường là chiếc bàn con, từng trên để máy thu thanh, từng dưới đây sách vở, giấy viết, máy chữ, Quế nằm trên giường, chỉ việc với tay là cái gì cũng có. Thì ra con người càng lười, cuộc sống tổ chức càng gọn gàng chu đáo.

Không còn thiếu thức gì nữa, Quế để tập giấy lên bàn và ngã đầu vào vách mơ mộng. Đã lâu, Quế có ý định viết truyện ngắn, nhưng có ý định là một việc, thực hành được lại là một việc khác, nhất là muốn viết cho ra hồn, truyện phải thật, phải sống, phải có những cảm xúc chân thành. Quế không biết kiếm đâu ra truyện hay như thế, mà nhất là cái “ cảm xúc chân thành”, nàng lại càng không biết làm sao có! Quế tự bảo:

- Hay là mình thử bịa xem, tưởng tượng một truyện “ có thể được” và đặt tên là “ Một truyện ngắn hay nhất”. Chỉ hay nhất với mình thôi thì đã làm sao chưa? Mình chỉ viết cho mình đọc. Đâu có ai biết mà sợ người ta cười. Nhưng dù sao, đã gọi là truyện ngắn hay nhất, thì phải tả cái gì đẹp nhất. Mà ở đời, còn gì đẹp hơn tình yêu nữa! Tất cả muôn loài, muôn vật, muốn sống, muốn sinh tồn, đều phải có tình yêu. Người ta đã yêu trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cũng còn phải yêu mãi mãi. Chỉ có tình yêu là bất diệt, bất hủ, không bao giờ lỗi thời. Như thế, truyện ngắn hay nhất của Quế phải dành cho tình yêu mới được.

Định nguyên tắc rồi, Quế thấy như trút được một gánh nặng. Bây giờ chỉ còn tìm nhân vật, cố nhiên là một nam một nữ, vì có thể mới yêu nhau được chứ! Quế thấy hình như công việc đã xong một phần mười, nàng tự thưởng cho mình một cốc nước lã.

Cốc nước trong máy mới vặn ra, nên rét buốt cả răng. Quế mới uống lúc đầu rất khó chịu, mãi sau dần dần cũng quen với cái cảm giác tê tái lúc nước đi đến đâu biết đến đấy, không còn khó chịu nữa. Vừa uống nước Quế vừa nghĩ đến nhân vật trong truyện của mình. Nàng không muốn cho vào hạng cao sang quá, vì hạng này trong đầu óc chỉ có phú quý, công danh, và đàn bà đối với họ chỉ là một thứ xa xỉ phẩm họ đủ sức mua sắm, trao đổi một cách dễ dàng; vì thế, rất hiếm có, hay hầu như không thể có chân tình. Quế nghĩ đến hạng bình dân, lao động, nhưng mặc dầu truyện về giới này rất hợp thời, Quế không dám viết bừa về họ. Những người dân lao động phải tranh đấu, vật lộn với cuộc sống vất vả, nên đời tình ái của họ cũng rất giản dị, bình thản. Àu tình vớiø tất cả những biến chuyển, thâuốc mắc của tâm hồn, đối với họ, là một thứ xa xỉ phẩm vô dụng. Quế không thể gán cho họ những ý tưởng họ không có.

Vậy “chàng” phải là một thanh niên trung lưu có học thức, có tâm hồn, có tư tưởng. Chàng cũng phải hơi đứng tuổi mới yêu được, nếu còn trẻ quá, thì sẽ chưa từng hiểu đời, chưa từng sống, chưa từng đắng cay, làm sao có thể đóng vai “chàng” trong truyện của Quế được. Còn “nàng” nữa, nàng phải có giáo dục, thông minh và rất nhiều tình cảm, nhưng không được trẻ lắm. Có bao giờ một cô bé độ mười lăm, mười sáu tuổi, có thể làm cho người ta yêu đến nổi sóng nổi gió trong tâm hồn được đâu! Tuổi dậy thì chỉ là tuổi của những mối tình ngây thơ, tình vợ vắn, tình vụn buổi ban đầu, tình “bản thảo” của cuộc đời tình ái trọng đại về sau. Chỉ những thiếu nữ đã từng đau khổ, đã hiểu rõ những đức tính dễ thương và dễ ghét của đàn ông, mới biết quý, biết chiều, biết trân trọng tình yêu, biết nắm giữ tâm hồn ai đó.

Nhưng, anh chàng ấy có đủ điều kiện như thế không thể để

cho cô đơn đến ngàn ấy tuổi? Hơn nữa, câu chuyện đã được đem ra kể, ít nhất cũng phải có cái gì đặc biệt, chứ nếu yêu nhau, cưới nhau, rồi sinh con đàn cháu đống, lên chức bà nội, ông cố, thì có gì đáng nói nữa. Tình yêu của hai người phải trắc trở mới được. Nhưng, thời buổi bây giờ, cha mẹ cũng như tôn giáo, pháp luật, đều không thể cấm được người ta yêu nhau, cưới nhau, rồi “bách niên giai lão” với nhau. Vậy chỉ còn cách là Quế cho anh ta đã có đệ nhất phu nhân ngồi chễm chệ giữ sổ chi tiêu rồi là hợp lý nhất.

Quế nhìn lên trần nhà, thấy một con thạch sùng đang rình mấy con mồi. Trong lúc mãi nhìn theo cuộc săn đuổi, Quế hồi hộp từng hồi khi thấy con mồi thoát được, bay đi nơi khác, nhưng nó không ngờ góc nào trên trần nhà cũng có những con thạch sùng đang kiếm mồi chờ sẵn. Quế nhìn theo cho đến khi tất cả đàn mồi đều dần dần vào bụng đám thạch sùng hết, nàng mới trở lại với câu chuyện tình “lâm ly” của nàng.

Quế tưởng tượng “chàng” và “nàng” sẽ rất yêu nhau. Yêu một cách say mê đắm đuối, tưởng chừng như hai linh hồn đã chờ đợi nhau từ kiếp nảo kiếp nào, mãi đến bây giờ mới được chạm trán. Quế sẽ cho họ nhìn nhau mà đôi mắt sẽ thay họ nói tất cả nhớ mong, chờ đợi. Quế sẽ cho họ cầm tay nhau và nghe hơi thở hòa lẫn như thông cảm đến tận tâm linh, và họ có cảm tưởng như một tư tưởng bé nhỏ nào, hay một cảm xúc rung động gì, cũng là của chung cả. Tóm lại, là họ phải yêu nhau đến cái nhiệt độ cao nhất của tình yêu có thể có được ở trên đời.

Nhưng, phần đông đàn ông, dù là Lưu, Nguyễn hay ai ai đi nữa, dù có lạc vào Thiên Thai, dù có sống với Tiên Nữ, dù có ở cảnh Tiên, bao giờ họ cũng vẫn nhớ đến cõi trần, dù cõi trần phàm tục, đầy những phiền não. Và kết quả, bao giờ cũng chọn con đường trở về trần gian để ngày đêm mơ

trường cảnh tiên. Vì dù sao, như thế cũng vẫn hợp lý hơn là ở non Tiên mà đêm ngày canh cánh nghĩ đến cảnh trần gian đầy mùi tục lụy thì kỳ quá, coi không được, mà kể lại nghe cũng chẳng thuận tai.

Để cho hai người phải xa nhau ngay, Quế cũng thấy hơi tiếc và cho là mình tàn ác quá. Tại sao trên đời có hai người yêu nhau đến thế, và quyền sanh sát ở trong tay Quế, mà Quế không “gia ân” cho họ được gần nhau, yêu nhau thêm một thời gian nữa? Tại sao trên đời có những đôi ghét nhau như quân thù, thì lại cứ phải ăn với nhau, ngủ với nhau, nhìn nhau hàng tháng, hàng năm, cùng chung một gói mào chỉ mơ những vì sao Cô Thần Quả Tú? Nhưng dù sao Quế cũng phải cho họ xa nhau, nếu không, câu chuyện của nàng sẽ đi đến chỗ bế tắc.

Một khi chàng Lưu hay chàng Nguyễn đã động lòng nhớ phàm gian, thì “Tiên Nữ” dù có yêu đến đâu cũng không giữ làm gì. Nàng nhất định sẽ phải xa chàng, nhưng hai người sẽ xa nhau trong lúc còn yêu nhau, và yêu nồng nàn hơn lúc nào hết. Quế định thâm vì như thế để cho hai người cùng giữ mãi trong lòng cái kỷ niệm đẹp tuyệt vời của nhau, cùng được an ủi khi nghĩ rằng, trong đời, ít ra họ cũng đã gặp được một người xứng đáng cho họ yêu, họ đã từng yêu và được yêu đúng mức, họ sẽ không còn ân hận gì lúc buông xuôi hai tay.

Quế sẽ cho hai người từ giã nhau trong một đêm trời rất đẹp. Họ sẽ không ở nhà, vì nhà nhiều người lắm, làm sao nói chuyện được trong khi đôi mắt nàng lúc nào cũng chỉ rung rung rơi lệ. Hối cũng không đi lang thang ngoài đường, vì đèn đường sáng một cách trơ trẽn và cũng không hợp với câu chuyện tâm tình. Quế sẽ cho hai người ngồi bên bờ sông nhìn trăng, nhìn sao một lúc lâu, cho họ nói tất cả những lời đáng nói, cần nói, cho đến lúc sương xuống

lạnh, họ sẽ vào một tiệm khiêu vũ gần đấy. Họ không nhảy, nhưng chỉ ngồi trong ánh sáng êm dịu, nghe tiếng nhạc du dương. Họ không nói gì với nhau nữa, chỉ cầm tay nhau và mắt nhìn mắt, cùng thông cảm niềm đau khổ của chia ly đang ray rứt tâm hồn.

Quế bỗng thở dài vì thương nhân vật của mình quá. Nhưng nàng đã trót để họ ở vào cái thế cười hổ mắt rồi! Muốn vớt vát bớt sự tàn ác của mình, Quế chỉ có thể cho hai người được ngồi cạnh nhau lâu thêm một chút, hay là để cho đầu nàng gục vào ngực chàng, để cho những giọt nước mắt nóng thấm ướt vai áo chàng. Nhưng như thế cũng không được: Quế còn phải tả tâm tình chàng lúc ấy, bản tính nghịch ngợm, nhờ Quế lại hạ bút viết rằng: “Chàng thấy nàng gục đầu vào ngực mình, sợ nàng vô ý để son dính vào áo, về nhà sẽ không biết nói sao với vợ, nên hoảng hốt vội xô nàng ra . . .” Nếu Quế tả như thế thì chao ơi! Cái “Truyện ngắn hay nhất” của nàng chỉ còn có việc đem cho gà ăn mà thôi!

Quế định sẽ giữ cho đầu người nữ thực thẳng, không nghiêng một chút nào hết, để chàng được bình tĩnh, yên tâm, khỏi sợ son dính vào áo . . . nhưng như thế lại sợ nhạt nhẽo quá. Hai người yêu nhau điên luôn, mà lúc từ giả nhau một lần cuối để rời xa nhau mãi mãi, kẻ góc bể người chân trời, lại lạnh lẽo như hai “đồng chí” lúc bàn giao công việc thể không được. Phải cho đậm đà hơn một chút, nếu không, người ngoại cuộc cũng thấy chướng mà phản đối và mất thiện cảm với chàng còn gì. Làm thế nào nhỉ? Quế không cho họ hôn nhau và cũng không muốn thấy họ lãnh đạm với nhau. Nàng không muốn họ có vẻ phạm tục thông thường quá. Tình yêu của hai người rất cao quý, nhất là trong giờ từ giả, niềm đau của chia ly phải dâng lên tràn ngập trong lòng, họ không có cái ý muốn rất người ấy nữa.

Những cái hôn nồng cháy biểu lộ ao ước thân cận của thể xác, mà không thể làm giảm bớt chua xót của tâm hồn.

Trong lúc tưởng tượng, Quế như đặt mình vào chính cảnh thật và nàng thấy lòng mình cũng tràn ngập thương cảm. Trong một lúc mềm lòng, nàng định tìm cách vớt vát cho nhân vật của mình bớt khổ, để cho họ thấy cuộc đời có nghĩa lý hơn, đáng sống hơn.

Quế đang đắm mình vào câu chuyện một cách say sưa cảm động, thì bỗng có tiếng cãi nhau ở dãy nhà đối diện. Quế nhìn sang, thấy vợ chồng ông Giáo đang đứng ngoài hiên cãi nhau. Thường thường, hai vợ chồng này bao giờ cãi nhau cũng vào nhà trong và không bao giờ to tiếng như hôm nay. Quế không cần lắng tai cũng nghe rõ, vì giọng bà Giáo the thé quát rất to, át cả những lời khuyên can của ông Giáo. Bà Giáo đang cầm một tấm nệm chà chân, rũ cả bụi xuống hiên từng dưới.

Ông Giáo bảo:

- Sao em không để lúc khác hãy rũ bụi. Giờ này là giờ người ta ngồi ở nhà, em đập bụi như thế không phải.

Bà Giáo cười nhạt:

- À, bây giờ anh phản rồi phải không? Từng dưới là nhà cô ấy, thảo nào mà anh bênh nó. Nay, tôi nói cho mà biết, đũa nào cướp chồng bà, bà xé xác nó ra.

Quế thở dài, nguồn văn của nàng thế là đành chết đứng. Theo nguyên tắc của Quế, hàng xóm cãi nhau, bao giờ nàng cũng đứng trung lập, nhưng vẫn phải làm “quan sát viên” xem tình hình và chú ý nghiên cứu thứ văn chương ứng khẩu này, để “tăng gia kiến thức”. Quế đành phải dẹp bỏ

câu chuyện nàng đang xây dựng để theo dõi tình hình “mặt trận” hình như đã đến lúc căng thẳng.

Cô ở từng dưới là Sâm, ngày thường vẫn hiền lành nhã nhặn, nhưng hôm nay bỗng phát dữ như con chó dại. Cô cũng lên tiếng:

- Bà nói ai đấy? Muốn dạy chồng bà, thì đóng cửa lại mà dạy!

- Bà chửi con nào ngày ngày nhìn chồng bà, ra cũng nhìn, vào cũng nhìn!

- Đi giữa đường, cảm người ta nhìn à? Muốn giấu, sao không gói cho kỹ?

Ông Giáo can:

- Thôi em, lảng giềng với nhau cần phải giữ hòa khí. Em đừng ghen bóng ghen gió như thế, mang tiếng cả. Cô ấy cùng dạy một trường với anh, ra vào gặp nhau phải chào hỏi là sự thường và lễ phép bắt buộc. Em đừng nghi bậy.

Bà Giáo quát lên:

- À, bây giờ anh về hùa với nó để mắng tôi đấy à? Bà không phải là đứa dễ bắt nạt đâu! Đứa nào dám động đến chồng bà, bà xé xác ra. Đồ đĩ thõa!

Cô Sâm cũng to tiếng chẳng kém:

- Thế còn bà, đứng đắn lắm đấy hả? Chồng vừa ra khỏi cửa đã dắt trai vào nhà. Chồng đi bộ, để xe cho bà chở trai đi dạo, cả con đường này, cả thành phố này, làng trên xóm dưới còn có ai là người không biết! Bà quên thì tôi nhắc

cho bà nhớ: nhân tình của bà cũng nhiều không kém gì rác bụi bà mới rũ xuống đâu! Có muốn nghe tên, tôi kể ra cho mà nghe?

Bài ca vọng cổ đang sắp đến đoạn lâm ly nhất, thì bà Giáo đã kéo ông Giáo vào nhà trong, đóng cửa đánh sầm một tiếng. Cô Sâm cũng vào nốt. Thế là hạ màn.

Quế chợt nhớ đến lúc thằng em trai sắp cưới vợ thì đạo luật gia đình ra đời. Trong một lúc “cảm khái”, hẳn đã “cảm đề” luật ấy bằng một bài hát, theo điệu bài “Nếu một mai em sẽ qua đời” của Phạm Duy. Quế chỉ nhớ được một câu: “Nếu một mai anh có mọc sừng . . . thì vượt mà chơi”. Không thể nhịn cười được, Quế gục đầu xuống bàn, ôm ngực cười sằng sặc. Nàng cười đến đau quận cả bụng khi nhớ đến cái giọng đau thương một cách khôi hài của thằng em.

Xong con cười, Quế lại thù người ra vì buồn. Quế nghe như có cái gì đâm nhói từng cơn trong tim nàng. Câu chuyện của Quế đã bị xuyên tạc một cách mỉa mai. Trong khi xây dựng nhân vật, Quế đã nghĩ đến ông bà Giáo, nàng đã mượn hình ảnh của hai người ấy. Nhưng bây giờ, sự thực trắng trợn đến như thế, còn biện hộ làm sao được nữa! Quế định cho chàng dứt tình vì quý người vợ hiền đức. Sự thực trái lại, vợ chàng cái gì cũng thừa, chỉ thiếu có một điểm hiền đức. Còn chàng, con người như thế mà hơi kém hiền ngang! Chàng “nể vợ” đến nỗi không dám liếc nhìn cô Sâm một cái, nói gì đến chuyện dám yêu “nàng” một cách say đắm! Quế đã mượn hình ảnh Sâm để tạo ra “nàng”, nhưng Sâm cũng làm cho Quế thất vọng. Sâm không cao thượng, không hy sinh như Quế định gán cho nàng những đức tính ấy. Lúc Sâm thấy mình bị xúc phạm, nàng trả miếng bằng cách nói toạc ra những hành động ám muội của bà Giáo mà ai cũng biết, chỉ trừ ông Giáo.

Làm thế nào bây giờ? Không, Quế không thể ép buộc nhân vật của mình phải “lý tưởng hóa” một cách giả tạo. Phải để cho họ sống thực và gần với sự thực mới được, dù sự thực có éo le hay “kém mỹ thuật” đến thế nào đi nữa.

Quế lại bắt đầu nghĩ tiếp câu chuyện bỏ dở. À, phải rồi, hai người đang ngồi cạnh nhau rất âu yếm dưới ánh sáng êm dịu, nghe tiếng nhạc du dương. Thế rồi, bên ngoài một cặp nam nữ đi vào. Chàng tinh mắt nhận ra ngay đây là vợ mình. Vợ đang đi với một thằng bạn. Hai người cặp tay nhau, cũng âu yếm không kém gì chàng và nàng. Họ tìm một chỗ ngồi trong bóng tối, họ nắm tay nhau, họ tựa đầu vào vai nhau. Âm nhạc nổi lên, họ bèn ra sàn nhảy, đôi chân quăn quít, đôi tay ghì chặt, má áp má một cách say sưa . . . Họ nhảy rất đẹp, rất điệu nghệ, rất xứng đôi. Họ lướt qua bàn chàng và nàng đang ngồi. . . Trời ơi! Thật tuyệt vời! . . . Rồi tám mắt nhìn nhau, chẳng còn ai phải nghi ngờ ai điều gì nữa!

Quế nhắm mắt ngả đầu vào tường, không dám nghĩ thêm. Nàng thấy thần kinh căng thẳng, cả người mệt mỏi vô cùng. Mà nào nàng có làm việc gì nặng nề cho cam! Sau bữa cơm tối cho đến bây giờ, nàng chỉ nằm dài trên giường nghĩ vẩn vơ, xem thạch sùng bắt mồi trên tường, nghe hàng xóm cãi nhau, lại còn thưởng thức từng câu một cách thú vị. Nhưng Quế đã mệt mỏi thực. Nàng đã chọn một việc làm quá sức mình. Đáng lẽ Quế nên đọc một vài trang sách rồi ngủ một giấc đến sáng cho khỏe thân, khỏe trí, nàng lại chọn cái việc làm khó khăn nhất.

Quế không dám nghĩ thêm nữa. Câu chuyện của nàng định viết và cho mang cái tên “ Một truyện ngắn hay nhất” sẽ không bao giờ viết thành. Quế làm sao tả nổi tâm tình chàng lúc “ tám mắt nhìn nhau!” Người vợ mà chàng tin

tưởng là hiền đức, người vợ chàng chiều quý như bà hoàng và để cho tự do như một người độc thân, người vợ chàng vẫn còn yêu vì nghĩa, vì tình, người vợ chàng không lúc nào kém yêu, ngay cả những lúc ngồi bên cạnh nàng, và một phần mười những lời chàng nói với nàng là lời ca tụng đức tính hiền đức của vợ. Những lời đồn đãi, chàng cũng có nghe nhưng không tin, cho là thiên hạ ganh ghét hạnh phúc của chàng nên bịa đặt để phá hoại. Có một lúc chàng đã tưởng mình là người sung sướng nhất đời, vì có hai người đàn bà nói với chàng:” Em yêu tất cả cái gì anh yêu” và “ Em yêu cả vợ anh nữa, bởi vì anh yêu vợ anh!”. Chao ơi! Thật là mĩa mai làm sao! Bây giờ, cả hai người ấy, một người ngồi bên cạnh, một người đứng trước mặt, đều như “ nước chảy mây trôi” cả!

Quế làm sao diễn tả được cái cảm giác của một người đàn ông lúc thấy rõ ràng mình đã được ở cái cảnh “ Nếu một mai . . .”

Quế làm sao diễn tả nổi tâm tình của nàng lúc nhìn thấy vợ của người yêu. Trong khi nàng tự nghĩ không biết mình còn phải tu đến bao nhiêu kiếp nữa mới “ được “ chàng, thì kẻ có cái hạnh phúc ấy đã xem thường, xem khinh, đến nỗi chàng “ Nếu một mai . . .”.

Quế làm sao diễn tả được tâm tình anh chàng ăn cắp vợ bạn bị bắt gặ: sượng sùng, bối rối, trơ trẽn, lưu manh . . .

Quế làm sao diễn tả nổi tâm lý người đàn bà, yêu danh giá, địa vị, tiền bạc, giàu sang của chồng, và cũng yêu cả những anh chàng trai khỏe mạnh khác ngoài chồng ra! Quế làm sao diễn tả nổi cái dáng điệu bẽn lễn ngượng ngùng của người vợ lúc cắp tay tình nhân, vội vàng ra cửa. Cái bộ mặt vừa tức vừa lo. Tức vì thấy chồng đi với ai khác, và lo vỡ mất nòi gạo, lo nghĩ cách cắt nghĩa cho trôi để lừa người

chồng vẫn dễ lừa xưa nay, lo nghĩ mưu “ phản công”. Chao ôi, thật là ngổn ngang trăm mối ! . . .

Không, nhất định là Quế không thể nào tả nổi đến mức ấy. Quế không tả được tất cả cái mâu nhiệm, bao la, hy sinh, cao quý của tình yêu đẹp đẽ tưởng tượng, mà nàng cũng không tả được cái tình yêu ích kỷ, giả dối, nhỏ mọn, bần tiện của sự thực. Quế đành phải nhìn nhận là ngòi bút non nớt chưa chiều được ý muốn của mình. Quế tự bảo:

- Hay là mình viết một truyện ngắn hay nhì vậy?

Quế mỉm cười vì thấy cái tên ngộ nghĩnh. Nhưng đã thế thì đề tài cũng phải thay đổi hẳn mới được. Ừ, thiếu gì chuyện đáng viết, mà phải viết những cái chuyện tình nhảm nhí ấy. Quế nghĩ đến những cảnh thiên nhiên nàng đã trải qua, nghĩ đến đèo núi chập chùng, trời bể bao la, Đèo Hải Vân hùng tráng, Vạn Lý Trường Thành vĩ đại, Kim Tự Tháp uy nghi . . . Nhưng một lần nữa, Quế lại thất vọng. Quế thấy mình không thể diễn tả được cái mâu nhiệm của vũ trụ, uy nghi của núi sông, hùng tráng bao la của trời bể. Quế không tả được những cảm xúc đang dào dạt ngay chính trong lòng nàng.

Quế tự cười thầm mình:” ngay chính cảm giác của mình cũng không tả được, còn đòi tả cảm giác của người khác, thật là điên cuồng!” Nhưng có lẽ nào lại hạ xuống một lần nữa, thành “ Một truyện ngắn hay ba”? Tên nghe không thuận tai, mà ba cũng có nghĩa là hạng bét nữa. Nếu Quế phải đem hết tâm trí ra, chỉ để viết một truyện ngắn hay hạng bét, thì cũng nên quăng bút về vườn trồng rau, nuôi gà xin hai chữ bình an!

Quế hết nhìn giấy lại nhìn bút. Nàng phải viết, vì theo Quế, đã định viết mà trốn chạy là có lỗi với giấy với bút. Nhưng,

chỉ mới viết được mấy dòng, Quế đã mệt mỏi quá gục đầu xuống bàn ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Lúc Quế tỉnh dậy, trời đã gần sáng. Ngọn đèn đêm vẫn còn soi màu lục non êm dịu trên đầu giường. Cái bàn nhôm nhẹ vẫn còn kê ngang trên mình. Quế nhìn trang giấy trắng tinh trên bàn, ngoài đầu đề “Một truyện ngắn hay nhất”, chỉ có mấy dòng : “ Nếu em chết trước, em sẽ phù hộ anh”. Thì ra, Quế đã viết câu Quế định cho “ nàng” nói với “ chàng” lúc hai người từ giã nhau.

(1959)

Trích thơ:

Về Với Em

*Nửa thế kỷ đau thương,
Trong cuộc đời ly hương,
Qua rồi bao sóng gió,
Anh còn gì vấn vương ?*

*Quyết định đi anh!
Can đảm lên anh!
Đời ngắn ngủi
Tuổi trời qua nhanh.
Ngày mai không đợi,
Tóc mai nào
Được hai lần xanh!
Em chờ anh,
Nghe đêm thật dài,
Em mơ anh,
Mơ sao ngắn ngủi,
Thức giấc rồi,*

*Mắt như vườn khuya
Sương tràn long lanh*

*Sao anh còn lưu lãng
Chân trời nào mỗi mòn,
Cánh tay nào áp ủ?
Về với em!
Về với em đi anh !*

Muộn rồi

*Biết nói gì anh, đã muộn rồi ,
Nhìn nhau thêm gợi bề bàng thối.
Không thương, không mến sao vương vấn
Kiếp này, kiếp trước, kiếp xa xôi...*

*Hồn em hòa với nhạc cùng thơ,
Thơ buồn mà nhạc cũng bơ vơ,
Bút thẹn ngập ngừng không hết ý,
Tay buồn áp ủ mấy đường tơ.*

*Lau đàn dạo lại khúc “Tơ Vương”,
Cung Nam mà lại hóa cung Thương.
Văn chương, thơ, nhạc, tình bừng dậy,
Làm sao níu được mấy trùng dương ?*

*Chợ chiều ta lại gặp nhau đây
Hương tàn, hoa héo, vẫn còn ngây
Vòng tay rộng mở ai mong đợi,
Sông đời qua một chuyến đò say !*

*Anh hồi duyên tơ đã lỡ rồi,
Duyên vẫn còn một chút này thối,
Duyên thơ, duyên bút, đừng duyên hận,
Không buồn nước ốc, chẳng hôn vôi !*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

*Vui chi mà hẹn kiếp lai sinh,
Thăm thăm ngày mai thiếu vắng anh,
Ơ thờ giả biệt che lưu luyến ,
Một giấc qua rồi, hết nhục vinh !*

Tranh của Linh Bảo:





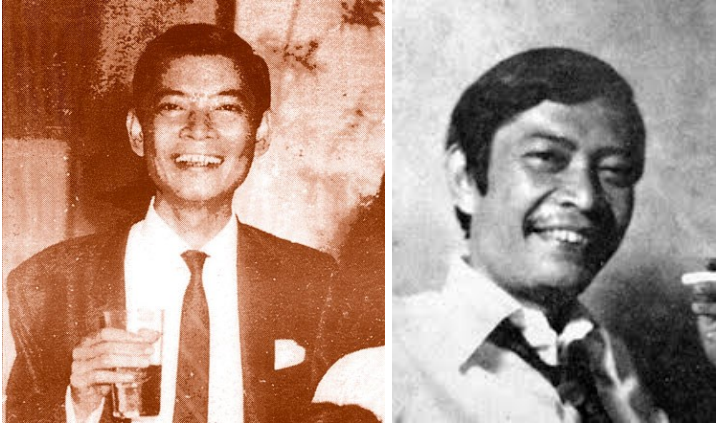
Trong quyển “*Women Writers of South Vietnam (1954-1975)*” của Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang do Đoàn Thanh Liêm dịch: “*Các nhà văn nữ tại miền Nam Việt Nam (1954-1975)*”, trong đó tác giả nhận xét về nhà văn Linh Bảo như sau:

Hầu hết các tác phẩm của Linh Bảo đều được viết ra từ hải ngoại, và cốt chuyện thường xảy ra ở bên ngoài Việt Nam, mặc dầu hầu hết các nhân vật trong truyện đều là người Việt. Họ có nguồn gốc khác nhau và tình cảm, xúc động trong tâm tư họ không phải lúc nào cũng cao thượng, hạnh phúc. Thực ra, ta gặp đủ loại nhân vật, nhiều người cô đơn, mà Linh Bảo cũng chẳng ngần ngại mô tả cái mặt đen tối của họ với một sự thẳng thắn đến mức tàn bạo.

Tài liệu tham khảo:

- Linh Bảo Web: vomynhoc.com
- Một truyện ngắn hay nhất Web: khotruyenhay.net

4. Thanh Nam



Thanh Nam - Trần Đại Việt (1931-1985)

Nhà văn Thanh Nam tên thật là Trần Đại Việt, sinh ngày 26 tháng 7 năm 1931 người làng Mỹ Trọng tỉnh Nam Định, con một, thân phụ là Tổng Giám thị trường Cao đẳng Kỹ thuật Hà Nội ngày trước.

Vì hoàn cảnh thân phụ có vợ bé, thân mẫu ông bỏ nhà sang Lào cùng người anh ruột, Thanh Nam thoát ly gia đình năm mới 9 tuổi, đến tá túc nhà người cô mà ân nghĩa và tình thương nên ông nhận là mẹ.

Năm 1946, mới 15 tuổi, Thanh Nam đã được tờ báo Thiếu Nhi tại Hà Nội đăng thơ và mời cộng tác, và viết một số Sách Hồng cho nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh, trong khi ông phụ cho một cửa hàng sách, có cơ hội tìm tòi học hỏi qua nhiều sách báo đủ loại, nên kiến thức rất rộng.

Ông bắt đầu viết vào năm 1950, mới 19 tuổi, dùng bút hiệu Thanh Nam. Theo phu nhân ông là nhà văn Túy Hồng trong bài viết trên Văn Học số tháng 6, 1986, Hà Nội còn

HUỶNH ÁI TÔNG

có tên gọi là Hà Thành, Nam Định có tên gọi là Thành Nam, có lẽ ông lấy nguyên tên quê quán Thành Nam làm bút danh và sau đó bỏ bớt dấu huyền.

Thanh Nam vào Sài Gòn năm 1953, trước hiệp định Genève chia đôi Nam Bắc, và chỉ sau mấy tháng, mới 22 tuổi, được mời làm Tổng Thư ký báo *Thẩm Mỹ*, viết truyện ngắn, truyện dài, bình thơ độc giả, phụ trách nhiều mục khác như Phụ nữ Gia Đình, Gỡ Rối Tơ Lòng ... và còn ký nhiều tên con gái như Sông Hương, Cô Hồng Ngọc, Bà Bách Lệ, Tôn nữ Đài Trang ... Thợ Cạo, được chính ông kể lại trong *Hồi Ký 20 năm Viết Văn Làm Báo*, đang dang dở trên tờ *Văn* do Mai Thảo chủ trương tại Santa Ana.

Năm 1960, ông hợp tác với nguyệt san Hiện Đại do Nguyên Sa và Thái Thủy chủ trương, và còn là Tổng Thư ký tuần báo *Nghệ Thuật* ở Sài Gòn, năm 1966 cùng viết bài trên tuần báo *Kịch Ảnh*.

Ông còn cùng Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Tô Kiều Ngân và nhiều văn nghệ sĩ khác phụ trách chương trình thơ nhạc Tao Đàn trên Đài Phát Thanh Sài Gòn, Đài Quân Đội, ... đặt lời ca cho một số nhạc phẩm, trong số phải kể bản Suy Tôn Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Thanh Nam còn cộng tác với nhiều nhật báo tại Sài Gòn qua nhiều loạt truyện dài viết theo kiểu feuilleton, rất được đông đảo độc giả.

Ông lập gia đình cùng nhà văn Túy Hồng tháng chạp năm 1966, có bốn con, một gái ba trai.

Di tản sang Hoa Kỳ năm 1975, tạm cư tại New Jersey miền Đông Bắc rồi

Năm 1976, dời sang vùng Tây Bắc, định cư tại thành phố Seattle, tiểu bang Washington, cộng tác với tờ *Đất Mới*, một trong vài tờ báo Việt ngữ đầu tiên xuất bản tại Hoa Kỳ từ tháng 7 năm 1975, do Huy Quang Vũ Đức Vinh sáng lập, và Thanh Nam làm Tổng Thư Ký rồi Chủ bút. Ông phụ trách nhiều mục văn học nghệ thuật, ký thêm nhiều bút hiệu nữa như Việt Trần, Viễn Khách, Tiêu Lưu Linh, Đồ Say...

Sau 10 năm trên đất khách, ông mất vào ngày 2 tháng 6 năm 1985, tại tiểu bang Washington, sau ngót 4 năm chống chọi với chứng ung thư thanh quản, hưởng dương 54 tuổi.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Hồng Ngọc* (1957)
- *Người Nữ Danh ca* (1957)
- *Buồn Ga Nhỏ* (1962)
- *Giấc Ngủ Cô Đơn* (1963)
- *Còn Một Đêm Nay* (1963)
- *Cho Mượn Cuộc Đời, Bầy Ngựa Hoang* (1965)
- *Giòng Lệ Thơ Ngây* (1965)
- *Những Phố Không Đèn* (1965)
- *Máy Mùa Thương Đau* (1968)
- *Thuế Sống, Xa Như Dĩ Vãng,*
- *Gã Kéo Mìn,*
- *Đất Khách* (1983)
- *Hồi Ký 20 Năm Viết Văn Làm Báo* (dang dở trên tờ Văn của Mai Thảo) (1984).

Trích văn:

Buồn Ga Nhỏ

Nếu một ngày nào, người ta sẽ bóc những con đường sắt

này đi, những con tàu sẽ không qua lại nữa và ta vẫn phải sống ở đây...

Rất nhiều lần, Hảo nhìn lên cái chòi nước cao lênh khênh đứng ở cuối sân ga và nghĩ như vậy. Hảo không cần tìm hiểu xem tại sao mình đã có ý nghĩ đó cũng như chẳng bao giờ thắc mắc đến cái nếp sống tẻ nhạt của mình kéo dài từ ngày này qua ngày khác giữa một nơi hẻo hút. Cuộc đời của Hảo từ lúc bé dại cho đến khi trưởng thành đã bị gắn liền vào cái ga trạm nhỏ bé này, như những con tàu bám lấy những con đường sắt.



Hảo lên đây từ ngày nàng mới lên tám tuổi, sau khi đã theo học ở một trường quận miền xuôi, vừa đủ để biết đọc những pho truyện Tàu cho mẹ nghe và viết giúp mẹ những món tiền chi thu hàng ngày trên cuốn sổ chợ. Gia đình Hảo hồi đó gồm có một ông bố nghiện rượu, yêu những toa tàu và những chai rượu hơn yêu vợ con, một bà mẹ sống lầm lũi như một cái bóng và một người anh trai ngờ nghệch, thích làm phu khuân vác ở ngoài ga hơn là cặp sách đến trường.

Năm Hảo mười bốn tuổi thì mẹ nàng qua đời. Người anh trai của nàng cũng bỏ nhà ra đi sau đó ít lâu. Cha nàng càng uống rượu nhiều hơn để rồi cuối cùng tục huyền với một người đàn bà bán thức ăn trên xe lửa. Những sự thay đổi đó cũng chẳng khiến Hảo vui thêm hay buồn thêm. Mười bảy tuổi, Hảo lấy chồng. Người chồng của nàng cũng là một nhân viên trong nhà ga và uống rượu cũng không thua gì bố vợ. Cho tới bây giờ Hảo vẫn không hiểu được tại sao nàng lại trở thành vợ của người đàn ông già hơn nàng đến gần hai chục tuổi, đen đũi và xấu xí như một đầu tàu xe lửa cũ kỹ kia. Cái hình ảnh mà Hảo nhớ nhất trong ngày cưới của nàng là đêm tân hôn. Người ta dẫn nàng vào một căn phòng nhỏ và để nàng ở trong đó một mình. Nàng ngồi trên chiếc giường có trải chiếc chiếu hoa hấy còn mới. Trong khi đó ở nhà ngoài, người ta thì nhau uống rượu và nói đủ thứ chuyện nhảm. Mệt mỏi, Hảo ngã người xuống giường, mặt áp lên chiếc gối có thêu những đóa hoa lớn. Rồi nàng ngủ thiếp đi cho tới lúc cảm thấy có một hơi thở nặng nề ở bên cạnh thì giật mình tỉnh dậy. Cái cảm giác đầu tiên của nàng là sợ hãi và buồn nôn. Giữa đêm khuya im lặng ngọn đèn dầu nhỏ đặt trên bàn soi rõ nét mặt đàn độn và đỏ như của người chồng. Mắt y nhắm nghiền lại và cái miệng có những chiếc răng nửa vàng nửa đen hở ra. Hảo rùng mình, quay mặt vào tường. Một lát sau nàng lại tiếp tục giấc ngủ bỏ dở, cho đến khi bàn tay người đàn ông kia lay khẽ vai nàng...

Ấy thế rồi Hảo đã thành bác Tín gái, như tất cả mọi người chung quanh đã gọi. Cái tên Hảo mờ dần theo những ngày tháng làm vợ của nàng để rồi bị quên hẳn.

Như vậy đã ba năm. Những con tàu vẫn qua lại một ngày hai buổi. Những nét mặt chung quanh vẫn là những nét mặt cũ. Chỉ có những ngọn cây rừng ở chung quanh là Hảo

nhận thấy hình như chúng mọc cao thêm và mỗi ngày che lấp thêm một khoảng chân trời.

Tiếng gọi của gã đàn ông khiến Hảo giật mình nhìn lên. Ánh nắng chói lòa. Nàng chưa kịp nhận ra nét mặt của người vừa gọi.

- Kiên đây mà... Kiên ngày xưa vẫn sang chơi anh Tứ đó, Hảo nhớ không?

Hảo reo lên một tiếng nhỏ. Kiên là bạn với người anh trai của nàng hồi nhỏ. Y cũng bỏ nhà đi như anh nàng và bây giờ đã trở về, nhưng không còn là một gã thanh niên lông bông như ngày trước nữa. Hảo ngỡ người ra ngó Kiên. Mớ tóc đang nhạt dờ nhảy lách tách dưới chân nàng. Kiên cười, đưa hai tay lên vuốt lại mái tóc bóng loáng:

- Cô Hảo trông tôi có lạ lắm không?

Hảo cũng cười gật đầu, lâu lắm nàng mới được nghe thấy một người gọi đến tên thật của nàng.

- Anh vào trong nhà chơi.

Vừa nói nàng vừa cúi xuống nhấc rổ tôm lên và bước vào nhà. Kiên đi theo, tiếng giày đế da nện lộp cộp trên sàn xi măng.

- Ông cụ đi đâu mà không thấy ở nhà?

Hảo dừng lại và có cảm giác là nét mặt của mình lúc đó đỏ lấm. Nàng ngờ rằng Kiên đang chế giễu mình vì đã lấy một người chồng già.

- Anh nói sao?

- Bác đâu?

Hảo thở dài nhẹ nhõm. Ra Kiên chưa hay tin nàng lấy chồng.

- Bây giờ tôi ở riêng rồi anh ạ.

Nói xong Hảo vội vã bước nhanh xuống bếp. Tiếng Kiên đuổi theo:

- Ở riêng rồi à? Ai thế?

Hảo làm như không nghe thấy những câu hỏi đó. Nàng cất vội mớ tôm lên chạn ăn rồi rửa sạch tay và bước lên nhà. Nàng rót nước mời Kiên:

- Nghe nói anh đã lập gia đình rồi phải không?

Kiên đỡ chén nước trên tay Hảo, cặp mắt nhìn thẳng vào người nàng:

- Làm gì có chuyện đó!

Và y hỏi lại Hảo:

- Cô ở riêng từ hồi nào, sao không nghe ai nói gì cả?

Hảo đứng dựa mình vào tường lơ đãng:

- Ba năm rồi...

- Ai thế?

- Người này chắc anh cũng biết.

- Ai?

Nàng nói rất khẽ:

- Tín.

Kiên tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Tín? Có phải bác Tín...

Kiên không nói hết câu, nhìn chăm chặp vào mắt Hào. Nàng ngượng ngập gật đầu quay đi, tránh cái nhìn bạo dạn đó và nói lảng:

- Có lẽ nhà tôi cũng sắp về rồi đấy! Hay là trưa nay anh ở lại đây ăn cơm với chúng tôi cho vui.

Kiên khẽ vạch tay áo nhìn chiếc đồng hồ mạ vàng lóng lánh rồi đứng dậy:

- Thôi, tôi phải về đằng ông chủ tôi ăn cơm trưa nay. Lúc khác tôi sẽ lại thăm...

Kiên ngập ngừng. Hào biết rằng y chưa muốn đổi cách xưng hô với nàng. Hai người vợ vẫn nhìn nhau rồi Kiên chậm chạp ra cửa. Câu nói sau cùng của y là một câu nói bông đùa nhưng Hào cho là ám chỉ nàng:

- Chóng thật. Mới ngày nào mà bây giờ đã bảy năm rồi. Về đây, trông cái gì cũng thấy khác...

Hào nhìn theo gã đàn ông quen biết hồi nhỏ của mình. Y đi về phía nhà ga, chiếc bóng đổ xuống mặt đường. Hào thờ dài quay vào, sửa soạn cơm trưa.

Nàng uể oải làm cái công việc hàng ngày đó và lần đầu tiên nàng cảm thấy khó chịu. Những con tôm không còn nhảy lách tách nữa mà mềm nhũn dưới tay nàng. Hảo nghĩ tới bữa cơm sắp tới. Một chai rượu trắng ngất ngưỡng đặt trên bàn. Vài ba món ăn khó nuốt. Hơi thở phì phì của anh chồng hôi mùi rượu. Tiếng húp canh xùm xụp. Những lời nói tục tằn, lỗ mãng. Những trận cười làm bắn tung tóe những món ăn. Hảo rùng mình không dám nghĩ tiếp nữa.

Nàng rửa tay vội vã rồi đi nhóm bếp. Tiếng keng khua từ ngôi trường tiểu học gần đó rộn rã nổi lên. Tiếng trẻ con ào ào đổ ra đường. Chỉ còn nửa giờ nữa, Tín sẽ về. Y sẽ cởi trần ra và nằm xuống bộ ván hát ông ổng hai câu vọng cổ quen thuộc. Chỉ hai câu thôi và ngày nào y cũng hát tới, hát lui trong lúc đợi cơm.

Cái xóm ga nhỏ bé từ ngày Kiên trở về bỗng ồn ào hẳn lên. Ở một nơi mà ngày ngày người ta chỉ đợi có hai chuyến tàu đi về để được nhìn lên những bộ mặt mới lạ của hành khách thì sự có mặt của Kiên đã là một viên đá ném mạnh xuống một vũng nước phẳng lặng. Thằng bé lêu lổng ngày xưa bây giờ đã được người ta nhắc đến một cách trân trọng. Những tiếng đồn về Kiên làm ăn lớn ở Sài Gòn không ngày nào là không được truyền từ miệng người này sang miệng người khác. Sự thật thì chưa một ai biết rõ là Kiên làm nghề gì ở Sài Gòn cả. Họ chỉ nhìn Kiên qua những cách chi tiêu rộng rãi của y và nhất là cái lối nói chuyện có thêm nhiều danh từ mới lạ của y đã đem từ Sài Gòn về. Có nhiên là Hảo không thể nào không để ý tới sự có mặt của người đàn ông đó. Cả một nếp sống bình lặng của nàng đã bị xáo trộn hẳn lên. Những giờ Tín đi làm, Hảo thường hay thơ thẩn đứng chơi ở trước cửa nhà mình. Nàng hiểu tại sao mình làm như vậy nhưng không sao đặt tên cho những ý nghĩ thâm kín đang dần vạt trong lòng nàng. Một đôi khi gặp Kiên đi qua cửa, cúi chào mình, Hảo lại thấy lòng mình băng khuâng, thao thức. Nàng muốn gọi y lại, để được nghe

y nói một vài câu như hôm đầu tiên y đến thăm nàng nhưng cái tiếng gọi đó chẳng bao giờ thốt ra được. Những cặp mắt tò mò của những người chung quanh và những cái miệng nhàn rỗi lúc nào cũng như sẵn sàng để nói đến việc thiên hạ đã khiến Hảo lo ngại. Vì vậy Hảo chỉ còn mỗi một niềm an ủi cuối cùng là ngày ngày ra đứng ở cửa để chờ Kiên và để được nhìn thấy Kiên mỉm cười cúi đầu chào mình. Hảo gọi đó là những giờ vui trong một ngày. Và những giờ vui đó sẽ vụt tắt khi tiếng keng khua rộn rã của trường học vẳng lên báo hiệu giờ sửa soạn hai bữa cơm buồn nản thường nhật.

Buổi chiều hôm đó, cũng như mọi bữa, Hảo đứng trước cửa, vợ vẫn nhìn những đám cây rừng xanh ngắt phía xa thì Kiên đi tới.

Sau khi chào nàng, Kiên đứng lại chứ không đi thẳng như những lần khác. Hảo áp ứng:

- Mời anh vào chơi trong nhà...

Và nàng đi nhanh vào nhà. Kiên chậm bước theo sau.

- Sao anh hẹn lại chơi mà từ bữa đó tới nay chẳng thấy anh tới?

Kiên ngược mắt nhìn lên mái nhà, không trả lời Hảo. Những tia nắng chiều lọt từ kẽ lá chiếu xuống chỗ hai người.

- Bao giờ anh đi về Sài Gòn?

- Tối nay.

Kiên chậm rãi trả lời, mắt vẫn nhìn lên mái nhà. Hào nghe rõ một tiếng nấc ngẩn ngui trong cổ mình. Nàng nhắc lại câu trả lời của Kiên rồi hỏi khẽ:

- Sao anh về Sài Gòn sớm thế? Mới ở đây có ít ngày đã lại đi ngay, có việc gì vội hay sao?

- Không, chẳng có việc gì vội cả nhưng ở đây buồn quá, tôi không thể nào ở đây lâu thêm được nữa.

Hào cười gượng gạo:

- Thế ngày xưa, anh sống ở đây thì sao?

- Ngày xưa khác. Bây giờ khác. Ngày xưa chị còn là... cô Hào, bây giờ chị đã là...

Cặp mắt của Kiên từ từ cúi xuống nhìn những ngón tay của Hào đang đặt trên thành ghế.

- Là gì đi nữa thì tôi với anh cũng là những người bạn thuở nhỏ, Hào tiếp, và tôi mong rằng anh vẫn cứ gọi tôi bằng tên Hào như ngày xưa...

Hào nói câu đó một hơi dài và nói xong nàng mới giật mình không ngờ là đã nói được một câu như thế. Và, nàng đứng lặng trước mặt Kiên, đôi mắt chớp nhanh.

- Tôi đi Sài Gòn lần này, có lẽ lâu lắm mới trở về đây được. Nếu tối nay, Hào không mắc công chuyện gì, Hào hãy ra ga...

- Không được đâu, Hào run giọng trả lời, tôi không thể nào tới đó được!

Kiên đứng dậy đi lại gần chỗ Hảo đứng:

- Nếu vậy, chúng ta hẹn nhau ở nơi khác trước giờ tàu chạy, được không?

Hảo giật mình, hai bàn tay nắm chặt lấy thành ghế:

- Không... không được đâu!

Kiên thở dài. Y nói bằng một giọng vô cùng tha thiết và Hảo có cảm tưởng như y đang đứng sát bên nàng:

- Hảo có biết không? Tôi về đây lần này chỉ mong gặp Hảo. Vì Hảo mà tôi trở về nơi này. Ngờ đâu, Hảo bây giờ không còn là Hảo ngày trước nữa. Tôi đi qua nhà Hảo, nhìn thấy Hảo đứng ở cửa hàng bao nhiêu lần mà không dám dừng lại để nói chuyện với Hảo. Tôi...

Kiên còn nói nhiều hơn nữa, những lời nói của y biến thành những ngọn gió mát rượi thổi vào tâm hồn Hảo. Trong một lúc, Hảo thấy khu rừng trước mặt xanh hơn lúc thường và ánh nắng chiều đã hết gay gắt. Chưa bao giờ Hảo được nghe những lời dịu ngọt như vậy từ miệng một người đàn ông thốt ra, ngay cả những lúc nàng được chồng âu yếm. Hảo rùng mình. Bàn tay nàng rời khỏi thành ghế và che lấy mặt. Khi Kiên vừa đặt tay lên người nàng, toàn thân nàng run bắn lên. Nàng vội vã gạt tay Kiên ra và chạy lại góc tường nép vào đó. Kiên vừa định bước tới thì một hồi keng vang lên. Những tiếng ồn ào của lũ trẻ nhỏ tràn ngập như thác nước ủa ra ngoài đường. Hảo kêu lên qua hơi thở dồn dập:

- Thôi, anh về đi. Về đi. Đã đến giờ, tôi...

Kiên dừng lại. Gã đàn ông hiểu ngay câu nói bỏ lửng của nàng. Y nhìn ra ngoài cửa. Một vài đứa bé đi học về, đang lớn vớn nhìn vào. Hảo giục thêm một lần nữa rồi úp mặt vào tường. Nàng nghe rõ tiếng giày của Kiên xa dần, xa dần...

Tiếng còi rú lên một lần cuối rồi cả đoàn tàu lừ lừ tiến vào bóng đêm. Đứng nép vào một góc tối nhất của sân ga, Hảo nhìn theo đoàn tàu. Phía bên kia, Hảo thấy rõ chồng mình đang lắc lư chiếc đèn đỏ trên tay.

Khi đoàn tàu đã khuất hẳn và chiếc đèn đỏ trên tay chồng nàng không còn lắc nữa, Hảo mới men theo con đường cỏ trong sân ga, đi lối tắt về nhà. Những bước chân của Hảo dẫm lên đám cỏ rùng, lạnh buốt và nhói đau. Nhưng, Hảo không cảm thấy gì hết. Nàng chỉ nhìn lên cái chòi nước nằm cuối sân ga và nghĩ đến những ngày tháng sắp tới. Tiếng keng khua tan giờ học. Cái bếp lửa than hồng. Hai bữa cơm đều đặn trong một ngày. Những cơn say ngu độn của ông chồng với hai câu vọng cổ. Hảo muốn bật khóc nhưng không sao khóc được. Tất cả còn lại trong lòng nàng là một sự trống rỗng khủng khiếp, một sự tiếp nối những buồn nản thường xuyên, chạy dài như những con đường sắt.

Trích thơ:

Trời chớm vào thu

*Trời chớm vào thu
Ướt mưa
Sông sâu chùng thắm lạnh đôi bờ
Hoa vàng ý cúc phơi màu nhớ
Nằm giữa thôn hiền gọi cố đô*

Ta ở nơi này nhớ những ai

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đành thôi câu chuyện khách trang đài
Sông kia có gọi niềm u uất
Cũng thể đôi lòng sớm nhạt phai*

*Ôi tóc xanh này phai với thu
Ngàn năm còn khóc chuyện sông hồ
Bài ca trường dạ ngâm chưa dứt
Đã thấy dâng buồn ngát ý thơ*

*Chiều xuống mưa xanh màu nhớ thương
Hơi thu man mát gió lên đường,
Cố nhân xa cách nghìn sông núi
Cách biệt đôi bờ thoáng phân hương*

*Ta gọi em thăm em gái ơi
Chiêm bao toàn những chuyện phương trời
Hồn lên ly rượu miền gai lửa
Chợt thấy em sầu lệ đầm rơi*

(trích báo *Thâm Mỹ* năm 1954)

Bài hành đón tuổi bốn mươi

*Én nhận về nam, xuân rồi đây
Chợt thềm ly rượu, chút mưa bay
Gọi về trong đáy hồn lưu lạc
Những bước chân xưa nhạt dấu giấy
Bạn cũ hay nương theo rét lạnh
Về đây cùng nhập một cơn say
Uống ly thứ nhất mừng tao ngộ
Cho tiếng cười lên vỡ tháng ngày*

*Vào cuộc hành hương tìm gặp nhau
Cõi trời xanh ngắt tuổi thơ ngây
Trong veo cặp mắt chưa vương bụi*

Chăn chiếu còn thom ngát mộng trai
Chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ
Bụi hồng chưa khiến tóc xanh phai
Đồng tiền mừng tuổi ngày Nguyên Đán
Canh bạc đời chưa lột trắng tay
Dấm bầy lòng sông ôm biển cả
Coi đời dưới mắt nhẹ không ai
Cơm mê nhập cuộc sâu chưa bén
Thân thể chưa đau cát bụi này
Gió nổi mùi phương trời buổi đó
Vội ngày như tháng, lá như mây
Lầu sương từng buổi đùa nhan sắc
Giác ngủ thêm khuya rộn tiếng hài

Chiều xuống đã nghe lòng rỗng rã
Gió lên hồn ngổ phổ vui mời
Ca trường, hý viện, xuân như hạ
Đời thả trôi vào nhịp phách lời
Lãng đãng khói sương trời tưởng nhớ
Ly này xin cạn hết chua cay
Mười lăm năm đó từ phiêu bạt
Đưa vợ con yên, đưa lạc loài
Viết mướn đã bao thặng mệt mỏi
Sang giàu đếm được những ai đây ?
Lưới đời chân đã bùn như vương
Mắt vẫn trời cao rướn cánh tay
Cuộc chiến nay chưa dấm bầy mạng
Thôi thì ly rượu đỏ uống say
Rót thêm ly nữa chào năm cũ
Tuổi bốn mươi rồi, thương lắm thay .

Lận đận lý nào theo trọn kiếp
Tối tăm không lẽ mãi đêm dài ?
Niềm thê nhi đó giờ an phận
Nợ áo cơm này nặng trĩu vai

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm tháng sức trai mòn mỗi mãi
Nụ xuân đời đã lạnh tâm tay
Vỡ tuồng nhạt nhẽo màn chưa hạ
Vai kép hê kia vẫn riêu hoài
Nhìn lại trời xuân vừa khép kín
Thơ hồng, tuổi ngọc tiếc thương ai
Nghiêng chai thêm một ly này nữa
Trên vách sâu ta đối bóng gầy
Chợt tiếng con thơ cười lạnh lớt
Nhìn con, lòng bỗng thấy xuân đầy
Lại đây con nhỏ, con yêu dấu
Bổ uống cho con ly rượu này
Ly rượu mừng con tròn mộng đẹp
Niềm vui hoa nở tháng năm dài
Ngủ đi con hỡi, mai khôn lớn
Đời sẽ bình yên không lửa gai
Trong vắt hồn con nguyên khối ngọc
Lượng xuân đời chẳng khép vòng tay
Nhìn con giây phút lòng tan biến
Những chuyện ân thù, những đắng cay
Tiếng bạc đời cha gieo đã lữ
Chiều tà khôn gỡ nước cờ sai
Trắng tay nhìn lại còn con đó
Hy vọng đời cha mẹ kiếp này
Tăm tối căm phẫn cha đã chịu
Cánh hồng con hỡi sẽ xa bay !
Ngủ đi con, ngủ đi yên giấc
Cha ru con bằng hơi rượu say
Cha ru con bằng lời thổng khổ
Trong nhục nhằn mê sáng đêm nay .

Chén choáng lòng khuya men đã ngấm
Nghe ngoài đêm tối tiếng mưa rơi
Vọng lời sao xác hồn năm tháng
Chuyển nhịp mùa xanh lại đất trời

*Bắt chước cổ nhân nâng chén rượu
Mừng xuân thay áo mới cho đời
Mười năm thêm một bài thơ nữa
Viết tặng riêng mình tuổi bốn mươi*

(Sàigòn 1970)

Thơ Xuân Đất Khách

*Tờ lịch đầu năm rớt hững hờ
Mới hay năm tháng đã thay mùa
Ra đi từ thuở làm ly khách
Sầu xứ hai xuân chẳng đợi chờ
Trôi giạt từ đông sang cõi bắc
Hành trình trơ một gánh ưu tư
Quê người nghĩ xót thân lưu lạc
Đất lạ đâu ngờ buổi viễn du
Thức ngủ một mình trong túi nhục
Dặm dài chân mỗi bước bơ vơ
Giống như người lính vừa thua trận
Nằm giữ sa trường nát gió mưa
Khép mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ gục ven bờ
Chợt nghe từ đáy hồn thương tích
Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa .*

*Ơi hỡi quê hương, bè bạn cũ
Những ai còn mắt giữa sa mù
Mắt nhau từ buổi tàn xuân đó
Không một tin nhà, một cánh thư
Biền biệt thời gian mòn mỗi đợi
Rối bời tâm sự tuyết đan tơ
Một năm người có mười hai tháng
Ta trọn năm dài Một Tháng Tư !
Chấp nhận hai đời trong một kiếp*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đành cho giông bão phủ phàng đưa
Đầu thai lần nữa trên trần thế
Kéo nốt trăm năm kiếp sống nhờ
Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt
Học làm con trẻ nói ngu ngơ
Vùi sâu dĩ vãng vào tro bụi
Thân phận không bằng đũa măng phu
Canh bạc chưa chơi mà hết vốn
Cờ còn nước đánh phải đành thua
Muốn rơi nước mắt khi tàn mộng
Nghĩ đất vô cùng giá Tự Do !
Bằng hữu qua đây dăm bảy kẻ
Đũa nuôi cừu hận, đũa phong ba
Đũa nằm yên phận vui êm ấm
Đũa nhục nhân lê kiếp sống thừa .*

*Mây nước có phen còn hội ngộ
Thâm tình viễn xứ lại như xa
Xuân này đón tuổi gần năm chục
Đổi bóng mình ta say với ta .*

(Seattle, mùa xuân 1977)

Tà dương cuối trời

*Chín năm đón Tết quê người
Vẫn ta ở tạm, vẫn đời ghé qua
Chín năm thương tuổi thêm già
Cành Xuân đã ngã qua bờ Thu Đông
Thấy mình như có như không
Xót xa cơn áo, bệnh bông thê nhi
Đấu trường bốn mặt hôn mê
Dấu chân xa mãi nẻo về quê hương
Lửa nào rực sáng mười phương
Xua giùm ta bóng đêm trường cô đơn ...*

*Chín năm lạ bến xa nguồn
Nỗi phai tâm ý, nỗi mòn xác thân
Sóng đời tiếng bạc phân vân
Ngân nga tiếng mát, bản khoản tiếng còn
Cõi xưa mộng ngủ rêu buồn
Dăm trang sách cũ, một hồn tang thương
Mật mùng dáng khói hình sương
Đã như hiện nét tà dương cuối trời
Sài Gòn ơi, thủ đô ơi
Theo ta chung thủy nghìn nơi lưu đày
Chín năm, ôi tiếng than dài
Rợn trong hơi thở, vang ngoài biển Đông ..*

(1983)

Ông Trần Văn Nam viết về Thanh Nam qua bài: *Lịch Sử Như Người Lại Trong Thơ Truyện Của Thanh Nam* như sau:

Nhà văn Thanh Nam là một trong những người đầu tiên rời khỏi đất nước Việt Nam vào tháng 4 năm 1975. Ông có nhiều tác phẩm văn xuôi. Văn ông hay, chừng mực, nhưng có lẽ vì không làm thành một khúc rẽ văn học, không mang một nội dung với đề tài mới, cũng không là đại diện cho một giai đoạn lịch sử nào đó, nên tác phẩm văn xuôi của ông hình như mờ nhạt với thời gian, đóng khung như một mảnh đời lặng lẽ qua truyện “Buồn Ga Nhỏ” của ông.

Về văn xuôi thì như vậy, nghĩa là Thanh Nam không mở ra một hướng nào mới như Nhất Linh đã từ bỏ khuynh hướng viết “tiểu thuyết luận đề” của mình trước đây để có một bước ngoặt khác. Nhưng về thơ thì Thanh Nam tình cờ có một bài thơ thả neo vào một thời kỳ, thời “di tản buồn” đến Hoa Kỳ vào năm 1975. Thơ của ông cảm động qua bài

HUỶNH ÁI TÔNG

“Thơ Xuân Đất Khách” trong thi phẩm “Đất Khách” (xb. vào tháng tư năm 1983 tại Arkansas, Hoa Kỳ, bài thơ này đề Gửi Viên Linh). Lúc đó, người Việt thật ít ỏi, sống rải rác, không làm thành một cộng đồng đông vui mà cũng phức biệt như ngày nay.

Tài liệu tham khảo:

- Thanh Nam Web: gio-o.com
- *Buồn ga nhớ* Web: damau.org

5. Nguyên Sa



Nguyên Sa - Trần Bích Lan (1932-1998)

Nhà thơ Nguyên Sa tên thật là Trần Bích Lan sinh ngày 1 tháng 3 năm 1932 tại Hà Nội, ông còn có bút danh Hư Trúc, là một nhà thơ lãng mạn Việt Nam nổi tiếng từ thập niên 1950.

Tổ tiên Nguyên Sa gốc ở Thuận Hóa, Huế, ông có ông là Thượng thư Trần Trạm, giữ chức Hiệp tá Đại học sĩ trong triều đình thời Tự Đức, đến đời ông nội mới ra Hà Nội.

Sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, gia đình ông tản cư đi Hà Đông. Tại đây, ông bị Việt Minh bắt giam khi mới 15 tuổi. Hồi cư về Hà Nội, gia đình cho ông qua Pháp du học vào năm 1949.

Năm 1953, ông đậu tú tái Pháp, lên Paris ghi danh học triết tại Đại học Sorbonne. Nhiều bài thơ nổi tiếng của ông được sáng tác trong thời gian này.

Năm 1955, ông lập gia đình với bà Trịnh Thúy Nga ở Paris.

HUỶNH ÁI TÔNG

Đầu năm 1956, hai ông bà về nước. Ông là giáo sư dạy Triết ở Trung học Chu Văn An, Sài Gòn, ngoài ra ông còn dạy Triết tại các Trường tư thục Văn Lang, Hưng Đạo, Thủ Khoa, Thượng Hiền và Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Về sau ông mở hai Trung học tư thục Văn Học và Văn Khôi.

Trong khi dạy học, ông cộng tác với vài tạp chí ở Sài Gòn, rồi chủ trương tạp chí Hiện Đại, là một trong những tạp chí văn học sáng giá thời bấy giờ.

Cũng như nhiều giáo chức khác, Nguyên Sa cũng bị động viên vào quân trường Thủ Đức khóa 24, từ tháng Giêng đến tháng 9-1967, sau đó ông được biệt phái về dạy học lại.

Năm 1975, ông di tản đi Pháp. Ba năm sau, ông và gia đình qua Hoa Kỳ, định cư ở California, nơi đây ông chủ trương tạp chí Đồi, trung tâm băng nhạc Đồi và nhà xuất bản Đồi.

Nhạc sĩ Ngô Thụy Miên đã phổ nhạc những bài *Áo lụa Hà Đông*, *Tuổi mười ba*, *Paris có gì lạ không em*, *Tháng sáu trời mưa*. Phạm Đình Chương phổ nhạc bài *Màu kỷ niệm*. Nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc *Tình như biển xanh muôn thuở* là những bài thơ của thi sĩ Nguyên Sa.

Thi sĩ Nguyên Sa mất ngày 18 tháng 4 năm 1998 tại California, thọ 65 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hy vọng* (thơ, Paris, 1954)
- *Thơ Nguyên Sa* (1958)
- *Gỗ đầu trẻ* (truyện, 1959)
- *Quan điểm văn học và triết học* (biên khảo, 1960)

- *Mây bay đi* (tập truyện, 1967)
- *Một bông hồng cho văn nghệ* (biên khảo, 1967)
- *Descartes nhìn từ phương Đông* (biên khảo, 1969)
- *Thơ Nguyên Sa* tập 1
- *Thơ Nguyên Sa* tập 2
- *Thơ Nguyên Sa* tập 3
- *Thơ Nguyên Sa* tập 4
- *Thơ Nguyên Sa* toàn tập
- *Giấc mơ* 1 (truyện dài)
- *Giấc mơ* 2 (truyện dài)
- *Giấc mơ* 3 (truyện dài)
- *Vài ngày làm việc ở Chung Sự Vụ* (truyện dài)
- *Một mình một ngựa* (biên khảo)
- *Một bông hồng cho văn nghệ* (biên khảo)
- *Đông du ký* (ký)
- *Nguyên Sa - Hồi ký* (hồi ký)
- *Cuộc hành trình tên là lục bát* (hồi ký)
- *Luận lý học* (sách giáo khoa)
- *Tâm lý học* (sách giáo khoa)

Trích thơ:

Hy vọng

*Tôi không đo bằng thước thật ngắn cho hy vọng dài
Tôi không cộng nhằm hy vọng cho một thành hai
Tôi không bọc hy vọng trong muôn trùng dây thép gai
Tôi không giữ hy vọng cho một mình tôi
Tôi không nhuộm nâu cho hy vọng đừng cũ
Tôi không dệt trắng cho hy vọng đừng phai
Nhưng tôi muốn trừ hết những quân giết người
Để chúng đừng bắn, đừng giết những mầm hy vọng.*

(trích tập thơ *Hy Vọng*)

HUỶNH ÁI TÔNG

Người con gái ở quê tôi

Mắt chị hiền nên muôn đời vẫn sang
Môi ngọt ngào nên mấy thuở còn ngoan
Nên nắng cuối làng bão nhỏ gió đầu thôn
Chị vẫn đẹp với nụ cười hồn hậu
Tám áo nâu vẫn chỉ đen viền gấu
Chiếc nón mềm vẫn dịu lá gồi xanh
Mắt vẫn nhìn và bờ ngõ: Thưa anh
Khi gió nhẹ của lòng người man mác
Giọng thủ thỉ như lá tre dào dạt
Môi ngậm ngừng như lúa bé ni non
Chị vẫn ngọt ngào như bát cơm chiêm
Mắt vẫn sáng như ngọn đèn khai hội
Và má đỏ khi lòng người khẽ hỏi
Bằng một lời là lạ giọng con trai:
“Tát nước gầu sòng hay tát nước gầu dai”
Chị không nói nhưng nụ cười vẫn đẹp

(trích tập thơ *Hy Vọng*)

Áo lụa Hà Đông

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng

Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa

Gặp một bữa anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỉ của tâm hồn

*Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngát ngậy thành chất rượu*

*Em không nói đã nghe lừng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung tình
Vội tay trắng em vào thơ diễm tuyệt*

*Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì đâu
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại*

*Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời
Em đi rồi, sám hối chạy trên môi
Những ngày tháng trên vai buồn bỗng nặng*

*Em ở đâu, hỡi mùa thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng*

(*Thơ Nguyên Sa, Tập hợp Gió xuất bản, 1971*)

Tháng sáu trời mưa

*Tháng sáu trời mưa, trời mưa không ngớt
Trời không mưa anh cũng lạy trời mưa
Anh lạy trời mưa phong toả đường về
Và đêm ơi xin cứ dài vô tận*

*Đôi mắt em anh xin đừng lo ngại
Mùi ngón tay đừng tà áo mân mê
Đừng hỏi anh rằng: có phải đêm đã khuya*

HUỶNH ÁI TÔNG

Sao lại sợ đêm khuya, sao lại e trời sáng...

*Hãy dựa tóc vào vai cho thuyền ghé bến
Hãy nhìn nhau mà sưởi ấm trời mưa
Hãy gửi cho nhau từng hơi thở mùa thu
Có gió heo may và nắng vàng rất nhẹ*

*Và hãy nói năng những lời vô nghĩa
Hãy cười bằng mắt, ngủ bằng vai
Hãy để môi rót rượu vào môi
Hãy cầm tay bằng ngón tay bán loạn*

*Gió có lạnh hãy cầm tay cho chặt
Đêm có khuya em hãy ngủ cho ngoan
Hãy biến cuộc đời thành những tối tân hôn
Nếu em sợ thời gian dài vô tận*

*Tháng sáu trời mưa, em có nghe mưa xuống
Trời không mưa em có lạy trời mưa?
Anh vẫn xin mưa phong toả đường về
Anh vẫn cầu mưa mặc dầu mây ảm đạm*

*Da em trắng anh chẳng cần ánh sáng
Tóc em mềm anh chẳng thiết mùa xuân
Trên cuộc đời sẽ chẳng có giai nhân
Vì anh gọi tên em là nhan sắc*

*Anh sẽ vuốt tóc em cho đêm khuya tròn giấc
Anh sẽ nâng tay em cho ngọc sát vào môi
Anh sẽ nói thầm như gió thoảng trên vai
Anh sẽ nhớ suốt đời mưa tháng sáu*

(*Thơ Nguyên Sa, Tủ hợp Gió xuất bản, 1971*)

Tuổi mười Ba

*Trời hôm nay mưa nhiều hay rất nắng?
Mưa tôi chả về bong bóng vỡ đầy tay
Trời nắng ngọt ngào... tôi ở lại đây
Như một buổi hiên nhà nàng dịu sáng*

*Trời hôm ấy mười lăm hay mười tám?
Tuổi của nàng tôi nhớ chỉ mười ba
Tôi phải van lơn ngoan nhé, đừng ngờ...
Tôi phải đổ như là... tôi đã nhón*

*Tôi phải đợi như là tôi đã hẹn
Phải thẹn thò như sắp cưới hay vừa sêu
Phải nói vợ vào rất vội: người yêu
Nếu ai có hỏi thăm: ai thế?*

*Tôi nói lâu rồi... nhưng ngập ngừng khe khẽ
Để giận hờn chim bướm chả dùm tôi
Nhưng rồi lòng an ủi "nắng chưa phai
Tình chưa cũ bởi vì tình chưa mới..."*

*Má vẫn đỏ, đỏ một màu con gái
Với những lời hiên dịu tuy chua ngoa
Lòng vẫn ngỡ ngàng: tóc ướp bằng thơ
Sao hương sắc lên mắt nhìn thi tứ?...*

*Và đôi mắt nhìn tôi ngập ngừng chim sẻ
Đôi mắt nhìn trời nhẹ nhẹ mây nghiêng
Tôi biết nói gì? Cả trăm phút đều thiêng
Hay muốn nói nhưng lòng mình ngưỡng ngưỡng*

*Chân dúi bước và mắt nhìn vương vương
Nàng đến gần tôi chỉ dám... quay đi
Cả những giờ bên lớp học, trường thi
Tà áo khuất thì thăm: "chưa phải lúc..."*

Áo nàng vàng tôi về yêu hoa cúc
Áo nàng xanh tôi mến lá sân trường
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương
Tôi thay mực cho vừa màu áo tím...

Chả có gì... sao lòng mình cũng thẹn
Đến ngượng ngùng bỡ ngỡ: hay là ai?...
Trăm bức thư lót giấy kẻ dòng đôi
Mà nét chữ còn run (dù rất nhẹ)

Tôi đã viết hay chỉ thắm âu yếm kẻ
Tôi đã nhìn hay lặng lẽ say sưa?
Nên đêm vui sao cũng chớm buồn thưa
Và lo sợ khi lòng mừng quá đổi...

Rồi trách móc: trời không gán cho tay với
Và cả nàng hư quá, sao mà kiêu...
Nên đến trăm lần: "Nhất định mình chưa yêu"
Hôm nay nữa...
nhưng lòng mình sao lạ quá...

(*Thơ Nguyễn Sa, Tủ hợp Gió xuất bản, 1971*)

Có phải em về đêm nay

Có phải em về đêm nay
Trên con đường thời gian trắc trở
Để lòng anh đèn khuya cửa ngõ
Ngọn đèn dầu lụi bắc mắt long lanh

Có phải em về đêm nay
Trên con đường chạy dài hoa cỏ
Cho lòng anh trở lại với lòng anh
Như lá vàng về với lá cây xanh

Trong những chiều gió đưa về cội

Có phải em về đêm nay

Để phá tan

Những nụ cười thắt se sầu tủi

Như anh vẫn cười mà đau đớn bao nhiêu

Không biết đời người có đưa đến tin yêu

Những ngón tay có đưa đến bàn tay

Những mùa thu có đến gió heo may

Hay ngày mai là bốn bề tuyết lạnh

Có phải em về đêm nay

Giữa lòng chiều tím lặng

Cho anh đừng tìm thấy

Đo đếm thời gian

Bằng những điệu thuốc lá tắt trong đêm

Đầu gối trên cánh tay

Để giấc mơ đừng tẻ lạnh

Em đừng trách anh đã quá lo âu đời người hiu quạnh

Làm thế nào khi lòng mình nứt rạn cơ em

Dù không muốn gục ngã trong đêm

Nhưng đã bao lần đêm khuya

Anh không biết đã làm thơ

Hay đã chọn âm thanh làm độc dược

Em đừng trách anh để lòng mình tủi cực

Đến ngại ngừng dù nắng dù mưa

Sao em không về

Để dù nắng dù mưa

Dù trong thời gian có sắc màu của những thiên đàng đổ vỡ

Anh vẫn chẫn chùn kín cổ

Ngủ say mềm

Vì lòng anh (em đã biết)

Có bao giờ thèm khát vô biên

HUỶNH ÁI TÔNG

*Có bao giờ anh mong đừng chết - dù để làm thơ
Nên tất cả chỉ vì yêu em
Và làm thơ cho đến chết*

*Em sẽ về, phải không em
Có gì đâu mà khó khăn, trắc trở
Chúng mình lại đi
Trên con đường chạy dài hoa cỏ
Là những đờn phòng ngự của tình yêu
Mỗi ngón tay em
Anh vẫn gọi là một cửa đào nguyên
Và anh sẽ trở lại nguyên hình
Một anh chàng làm thơ
Mà suốt đời say rượu cúc*

*Có phải em sẽ về
Dù bầu trời ảm đục
Hay bầu trời trang điểm bằng mây
Anh sẽ chải tóc em bằng năm ngón tay
Trong những chiều gió thổi*

(*Thơ Nguyên Sa, Tủ hợp Gió xuất bản, 1971*)

Tiền biệt
(Paris, 1954)

*Người về đêm nay hay đêm mai
Người sắp đi chưa hay đi rồi
Muôn vị hành tinh rung nhè nhẹ
Hay ly rượu tàn run trên môi*

*Người về trên một giòng sông xanh
Trên một con tàu hay một ga mộng mênh
Sao người không chọn sông vắng nước
Hay nước không nguồn cho sông đi quanh*

Sao người đi sâu vào không gian trong
Bức tường vô hình nên bức tường dày mênh mông
Và sao lòng tôi không là vô tận
Cho gặp gỡ những đường tàu đi song song

Người về chiều nắng hay đêm sương
Người về đò dọc hay đò ngang
Câu thơ sẽ là lời hò hẹn
Nhưng nói làm gì tôi xin khoan

Nhưng người về đâu, người về đâu
Để nước sông Seine bờ ngõ chảy quanh cầu
Sao người không là vì sao nhỏ
Để cho tôi nhìn trong đêm thâu

Sao người không là một cung đàn
Cho lòng tôi mêm trong tiếng than
Khi trăng chảy lạnh từng chân tóc
Khi gió se trùng muôn không gian

Sao người không là một con đường
Sao tôi không là một ga nhỏ
Mà cũng có những giờ gặp gỡ
Cũng có những giờ chia tan?

Người về lòng tôi buồn hay lòng tôi vui
Áo không có màu nên áo cũng chưa phai
Tôi muốn hỏi thăm người rất nhẹ:
Tôi đưa người hay tôi đưa tôi?

(*Thơ Nguyễn Sa, Tổng hợp Gió xuất bản, 1971*)

Paris có gì lạ không em ?

HUỶNH ÁI TÔNG

*Paris có gì lạ không em ?
Mai anh về em có còn ngoan
Mùa xuân hoa lá vương đầy ngõ
Em có tìm anh trong cánh chim*

*Paris có gì lạ không em ?
Mai anh về giữa bến sông Seine
Anh về giữa một giòng sông trắng
Là áo sương mù hay áo em ?*

*Em có đứng ở bên bờ sông ?
Làm ơn che khuất nửa vầng trăng
Anh về có nương theo giòng nước
Anh sẽ tìm em trong bóng trăng*

*Anh sẽ thở trong hơi sương khuya
Mỗi lần tan một chút sương sa
Bao giờ sáng một trời sao sáng
Là mắt em nhìn trong gió đưa ...*

*Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay
Tóc em anh sẽ gọi là mây
Ngày sau hai đứa mình xa cách
Anh vẫn được nhìn mây trắng bay*

*Anh sẽ chép thơ trên thời gian
Lời thơ toàn những chuyện hờn ghen
Vi em hay một vầng trăng sáng
Đã đắm trong lòng cặp mắt em ?*

*Anh sẽ đàn những phím tơ trùng
Anh đàn mà chả có thanh âm
Chỉ nghe gió thoảng niềm thương nhớ
Để lúc xa vời đỡ nhớ nhung*

*Paris có gì lạ không em ?
Mai anh về mắt vẫn lánh đen
Vẫn hỏi lòng mình là hương cóm
Chả biết tay ai làm lá sen ? ...*

Màu kỷ niệm

*Nhớ ngày nào tan trường về chung lối
Mắt thuyền sương, nghiêng nón ngất ngây đời
Lòng trao lòng cho tình vút lên khơi,
Cho ngon màu trầu mển ướt lên môi*

*Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc,
Áo nàng xanh anh mển lá sân trường.
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương.
Anh pha mực cho vừa màu luyến thương.*

*Ngày hành quân, anh đi về cánh rừng thưa,
Thấy sắc hoa tươi nên mơ màu áo năm xưa
Kỷ niệm đâu len lén trở về tâm tư,
Có mắt ai xanh thắm trong mộng mơ
Hẹn ngày mai khi tan giặc sẽ cùng nhau
Góp hoa thơm chung tay xây kết mộng đầu*

*Trời thần tiên đôi bướm nhip nhàng lá lối,
Nuơng cánh nhau đi xa hơn cả cuộc đời*

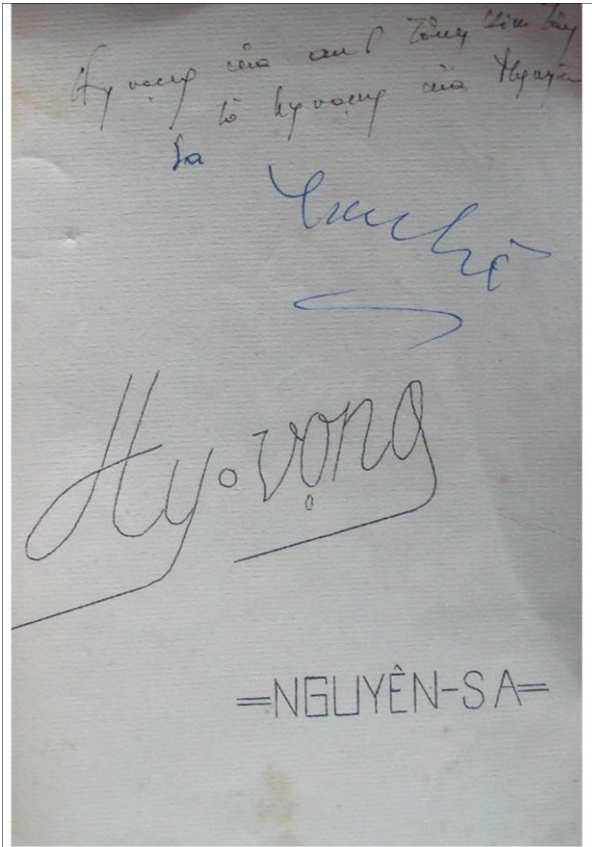
Ôi màu hoa, màu thương nhớ.

Trong bài Nguyễn Sa. Người làm mới ngôn ngữ thi ca Lê Ngọc Trác viết:

Nguyễn Sa xuất hiện trên bầu trời thi ca Việt Nam từ những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ 20. Đến nay, đã gần 60 năm, đi qua thế kỷ, thơ Nguyễn Sa vẫn giữ nguyên vị trí và

HUỶNH ÁI TÔNG

sự yêu quý trong lòng những người yêu thơ. Nguyễn Sa thật sự trở thành là một trong những nhà thơ lớn của Việt Nam trong hậu bán thế kỷ 20. Và, một nhà thơ thuộc trường phái lãng mạn.



Bút tích và chữ ký của Nguyễn Sa: *Hy vọng của anh Tăng Kim Tây là hy vọng của Nguyễn Sa.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Sa Web: vi.wikipedia.org
- Thơ Nguyễn Sa Web: thivien.net

6. Minh Đức Hoài Trinh



Minh Đức Hoài Trinh - Võ Thị Hoài Trinh (1930-20)

Nhà văn nữ Minh Đức Hoài Trinh có bút hiệu Hoàng Trúc, Nguyễn Vinh, Bằng Cứ, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1930 tại Huế, tên thật Võ Thị Hoài Trinh, con của quan thượng thư Võ Chuẩn. là em ruột của nhà văn Linh Bảo.

Năm 1945, tốt nghiệp Trung học ở Quảng Ngãi, nhân đi thăm một người chị ở Hà Nội, Minh Đức bị cuốn theo làn sóng cách mạng, chống Pháp giành độc lập, từng theo dự khóa huấn luyện của Trường Văn hóa Kháng chiến do Đặng Thái Mai làm Hiệu trưởng, cán bộ giảng dạy có Trương Tửu, Nguyễn Tuân, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đức Quỳnh, Sĩ Ngọc ...

Sau bốn năm tham gia kháng chiến, nhờ sự giúp đỡ của Đặng Thái Mai, Minh Đức về Hà Nội xum họp với gia đình.

Sống ở Pháp từ năm 1953, đến năm 1964 bà học về ngành báo chí và Hán văn tại trường ngôn ngữ Đông Phương tại Đại học Sorbonne, Paris. Đến năm 1967 bà ra trường và

HUỶNH ÁI TÔNG

làm phóng viên cho đài truyền hình Pháp ORTF, lúc đó bà đi làm phóng sự nhiều nơi sôi động nhất như Algeria và chiến trường Việt Nam. . .

Năm 1972, bà được cử theo dõi và tường thuật cuộc hòa đàm Paris về Việt Nam.

Năm 1973, bà được cử sang Trung Đông theo dõi cuộc chiến Do Thái.

Sau đó từ năm 1974, Minh Đức Hoài Trinh về sống ở Việt Nam, dạy môn Báo chí ở Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn của Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Minh Đức là thành viên trong Thi đàn Bạch Nga do Nguyễn Vũ chủ xướng, ngoài ra còn cộng tác với nhiều tờ báo và tạp chí như *Phổ Thông*, *Bách Khoa*, *Cao Đẳng Quốc Phòng*...., phụ trách viết "Bức thư hậu phương" đăng hằng ngày trên tờ báo *Đông Phương* để nâng cao tinh thần các chiến sĩ tiền tuyến. Nhiều bài thơ của Minh Đức được Phạm Duy phổ nhạc như: *Kiếp nào có yêu nhau*, *Đừng bỏ em một mình*, *Võ Tả Hân Nhớ Mẹ*, *Phan Văn Hung Ai về xứ Việt*...

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Minh Đức trở lại Pháp, xuất bản tại Paris tạp chí *Hồn Việt*, phụ trách chương trình Việt ngữ của đài phát thanh ORTF.

Năm 1979, Minh Đức đã tranh đấu với Văn Bút Quốc Tế tại đại hội ở Brazil, để thừa nhận Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là thành viên chính thức, và là chủ tịch đầu tiên của TTVBVNHN.

Từ năm 1982, Minh Đức sang Hoa Kỳ định cư ở California, tiếp tục sự nghiệp sáng tác văn chương.

Tác phẩm:

- *Lang Thang* (1960)
- *Thư Sinh* (1962)
- *Bơ Vơ* (Sáng Tạo, 1964)
- *Hấn* (1964)
- *Mơ* (1964)
- *Thiên Nga* (1965)
- *Hai Góc Cây* (1966)
- *Sám Hối* (1967)
- *Tử Địa* (1973)
- *Trà Thất* (1974)
- *Bài Thơ Cho Ai* (1974)
- *Dòng Mưa Trích Lịch* (Thanh Long Bruxelles, 1976)
- *Bài Thơ Cho Quê Hương* (Nguyễn Quang Paris 1976)
- *This Side The Other Side* (Occidental Press USA 1980)
- *Bên Ni Bên Tê* (truyện dài, Nguyễn Quang USA, 1985)
- *Niệm Thư 1* (tái bản 1987)
- *Biển Nghiệp* (Nguyễn Quang USA, 1990)

Trích văn:

Trà thất
Chương 1

..... Có những chiều mưa, Duyên mặc áo mưa đến thăm Quốc, mùa mưa Sài Gòn thật dễ thương, mưa đó rồi tạnh đó, không kéo dài lê thê hằng tuần hằng tháng như ở các vùng miền Trung, làm úng rề cỏ cây, lầy lội đường sá, ngập lụt ao hồ, và làm khổ tâm những người đang phải sống dưới mái tranh mục nát.

Vào đến nhà bao giờ Duyên cũng bước thật nhẹ, để rình nghe, biết chàng hay thổi sáo trong những cơn mưa, vì không muốn cho tiếng sáo bay xa, cố ý nhờ tiếng mưa che lấp giọng sáo. Giọng sáo của Quốc không mấy khi vui, hình như tiếng sáo tre là tiếng sáo dễ gọi buồn, tiếng trống mới làm cho lòng người rộn ràng náo nức, tiếng sáo chỉ làm vẩn vơ cũng như những cơn mưa chiều hay xui người ta nhớ nhau, tìm tới nhau. Mưa chiều hay mưa đêm, nhất là vào lối nửa đêm, mưa đánh thức người dậy, thức luôn cả nỗi cô quạnh ủ ấp trong tâm tư.

- Anh thích mưa phải không anh?

Duyên hỏi mà không đợi trả lời, biết chắc rằng người như Quốc chỉ có thể yêu mưa, tâm hồn chàng trai có gì mộng mênh, không phải thứ mênh mông khô cạn của bãi sa mạc ở Phi Châu mà là thứ mênh mênh của những cánh đồng xám, kéo dài tận chân mây, những cánh đồng khi chưa được gieo trồng, gặp những chiều mưa dăng lê thê. Người đi trong mưa có thể nhìn suốt tận cuối trời qua màn mưa, cũng như có thể nhìn suốt tận tâm tư mình cùng màn với mưa.

Quốc không trả lời Duyên, chàng ngược ra ngoài nhìn mưa, quả thật đôi mắt ấy có gì vơi vơi, cũng hết như màn mưa bên ngoài.

- Thuở bé anh hay đi chơi mưa, mặc áo lang thang khắp nơi để có cảm tưởng được hòa mình vào trong mưa, sau đó có lần anh bị ốm nặng, mẹ cấm không cho đi dầm mưa nữa, nhưng mưa vẫn là bạn thân, nếu phải dọn ở một vùng sa mạc quanh năm trời không ban cho một giọt nước chắc sẽ khổ lắm, điên lên mất.

Quốc giảng về mưa cho Duyên nghe, mưa nhỏ hạt được gọi là mạch lộc, mưa mau là sậu vũ, chậm là linh vũ, mưa

kéo dài là khổ vũ hay là dâm vũ, ba ngày trở lên gọi là lâm vũ, cùng với tuyết là tán vũ.

- Người xưa lắm trò anh nhĩ, đến mưa mà cũng phải đặt tên.

- Ừ chắc vì thời ấy có nhiều thì giờ nên con người dễ trở nên lắm trò, như em nói.

Quốc chẳng có gì giống mọi người, mỗi lần gặp nhau, Duyên lại biết thêm một vài điểm kỳ dị khác, và mỗi lần lại như có gì kéo Duyên lại gần Quốc hơn một chút nữa.

Duyên muốn học thổi sáo, bàn tay thon dài của cô gái mỗi khi nhắc tới ống sáo lên là cả một bức tranh, một áng thơ. Tiếc rằng chỉ mới là cái đẹp tạo hình mà thôi, chẳng biết đến bao giờ Duyên mới thổi được một câu bằng Quốc, chứ không dám nói đến sự thổi cả bài, càng học càng nản. Duyên chỉ muốn nghe. Im lặng, thành kính ngồi dưới chân người yêu nghe chàng thổi sáo để thả hồn mình chơi vui trong tiếng sáo, cho mình tan biến vào giọng sáo, không còn thời gian, không gian gì nữa.

- Thôi em chẳng học đâu, em chỉ muốn nghe anh thổi, tiếng sáo của em thổi lên nghe trần tục, làm vẫn đục không khí...

Quốc mỉm cười lấy cây sáo mình đang thổi đặt vào môi Duyên. Lỗ sáo còn ẩm hơi môi, còn ướt nước miếng. Duyên cảm động nâng lấy áp sát môi mình lên không dám thổi thành tiếng, nghe tim mình dồn dập khác hẳn với nhịp tim thương có phải đây là một nụ hôn gián tiếp, vì quả thật từ khi biết nhau chưa bao giờ cả hai dám đi quá hơn sự nắm và xiết chặt bàn tay.

HUỶNH ÁI TÔNG

- Ai làm ra cây sáo, thông minh quá anh nhỉ.

- Có sách ghi là vua Thuấn chế ra cây sáo, chẳng biết ông ta chế nó vào hoàn cảnh nào, sao con người ấy lăm tài thể, nào đàn cầm, nào sáo, biết yêu nhạc, phải tài hoa như vậy mới lấy được một lần những hai công chúa con gái vua Nghiêu. Ngày xưa khi mà Hoàng Đế sai Linh Luân chặt trúc ở Côn Sơn.

Duyên hơi ngơ ngác, nằng hoàn toàn xa lạ với những địa danh cũng như tên người, cứ động hỏi một câu gì là Quốc có thể giảng cả giờ.

- Nhưng theo anh thì sao?

- Anh thấy ở đâu cũng có sự hiện diện của cây sáo, điểm này chắc phải đợi mấy nhà khảo cổ khảo thêm tí nữa. Loài người biết thổi sáo trước khi biết làm thơ, tức là âm điệu ra trước văn điệu, có thể là thuở ban đầu con người chưa đạt tới trình độ uyển chuyển như ngày nay, nhưng chỉ cần một vài âm thanh, lăm khi cũng đủ diễn tả... Người Âu Châu thời thượng cô tin rằng Thượng Đế, tạo ra con người xong rồi, dùng tiếng sáo thổi bên tai để đánh thức tỉnh. Nghe có hay không? Thơ mộng biết mấy, và như thế thì phải nói rằng cây sáo ra đời trước con người.

Duyên chỉ biết ngồi lặng yên nghe như tín đồ nghe mục sư giảng kinh. Có những buổi Duyên lên đến nhà Quốc thật sớm, để được chàng cho dự buổi trà lễ, vào lối tám giờ vì cũ trà năm giờ sáng chắc sẽ không bao giờ Duyên có thể đến, nhưng Duyên vẫn tin rằng sẽ có một ngày nào đó...

Đến vào lối tám giờ Duyên có thể nói dối là muốn đi lễ sớm rồi cùng các bạn đi xem tranh, nghe nhạc. Trước Duyên chưa hề nói dối nhưng từ khi yêu Quốc thì Duyên

không còn sợ tội nữa, tin rằng Chúa cũng tha thứ vì Chúa biết rằng con người sinh ra cần phải có tình yêu, mà những thứ cấm đoán ngăn ngừa, chỉ là do sự tính toán của con người, chứ Chúa không bao giờ nghiêm khắc đến như vậy.

Nhìn Quốc pha trà, giảng giải về các thứ trà, làm sao pha cho đúng để được gọi là ngon, vì cũng một thứ trà mà có người không biết pha thì chẳng ra gì, phí cả trà.

Nhờ Quốc Duyên mới biết thế nào là mật trà, là đoàn trà, là tiền trà. Tin chắc rằng trong số các bạn cùng lứa ngày nay, chỉ có mình Duyên được cái vốn kiến thức này, mặc dầu Quốc thường nhắc rằng những kiến thức này không mang lại gì cho ai, nhất là chẳng mang lại đồng nào, ở vào cái thời đại được gọi là "hoàng kim vi tiên" này lại càng thêm vô bổ.

- Không sao đâu anh, giảng cho em, đoàn trà là gì sao gọi là đoàn.

- Có gì đâu, đoàn là đun nấu, ngày xưa chữ đoàn có nghĩa là những hạt sương đọng. Nước đun mà đậy nắp cũng sẽ có những hạt sương nước, do hơi nước bốc lên, đọng trên nắp vung và, với sự phán xét chất phác của con người nguyên thủy, người ta mang hai thứ gọi chung một chữ.

- Còn tiền trà?

- Là theo cách thức ngâm vào nước sôi như chúng ta vẫn uống.

- Còn mật trà?

- Là lồi trà khuấy mà người Nhật Bản vẫn tiếp tục thực hành ở các buổi trà lễ, vì bình thường, họ cũng uống trà bỏ

vào bình chế nước sôi. Đặc biệt ở các khách sạn nào cũng thấy có đủ ấm chén và cái bình thủy đầy nước sôi. Chúng ta bắt đầu uống thứ trà ngâm vào nước này cũng chỉ mới hơn 500 năm thôi, ngày xưa uống theo lối đoàn trà, và ngay ở các miền quê cũng uống theo lối đoàn trà ấy.

Một lần khác Duyên bắt Quốc giảng cho mình biết thế nào gọi là trà ngon, theo Duyên thì trà nào cũng giống nhau, và chỉ có cái giá tiền làm cho người ta biết được ngon hay dở.

- Ấy chết, đó là luận điệu của quý tộc phú ông, phú bà, sao Duyên lại nghĩ như thế.

Giọng Quốc hơi thoáng niềm thất vọng làm Duyên cảm thấy nhột nhạt; Ừ nhỉ, đã có nhiều lần Duyên nghe người ta thâm thì hai chữ này, hôm nay Duyên phải bắt Quốc giảng rõ thế nào là trọc phú, sao lại gọi là trọc phú. - Trước hết, trọc cũng như tục, là không thanh, trọc là đục, là dơ bẩn. Có nhiều thứ giàu mà đa số giàu thường phải bẩn mới dễ giàu, chẳng mấy ai có thể vừa giàu vừa thanh cao. Điểm thứ hai là quý vị nhà giàu mãi lo đếm tiền và cất tiền vào túi quá kỹ nên không có thì giờ mà trau dồi các thứ kiến thức, về thẩm mỹ cũng như về tâm hồn, họ trọng hình thức mà thiếu hẳn cuộc sống nội tâm, chỉ thấy giá trị của đồng tiền mà thôi. Người xưa còn chê rằng trọc phú thường thiếu đức độ.

Duyên nhắm mắt, hơi cau mặt xấu hổ, chột nghĩ đến gia đình mình. Quốc biết mình lỡ lời, chàng quay trở lại nói về trà ngay, theo lời Quốc thì sự biết thường thức một chén trà cũng cần phải được giáo dục cũng như biết thường thức một bức tranh, trừ những bậc thánh, những bậc thiên tài, những kẻ đã được học từ mấy kiếp, nói theo thuyết nhà Phật, ngoài ra ai cũng phải được giáo dục mới có thể hiểu biết.

Liệt anh chàng này vào thành phần nào? Duyên vẫn còn thắc mắc, thật độc đáo, thật khác hẳn với gia đình Duyên, và khác tất cả những người chung quanh mà Duyên vẫn lui tới.

- Trà ngon phải là thứ trà tốt giống, được mọc ở những vùng đất đai tốt, phần nhiều là trên các ngọn đồi cao, có đủ nắng ngày, sương đêm mà không có mây mù. Đây cũng là điểm khác nhau giữa trà và thuốc phiện. Cây thuốc phiện chuộng mây mù trên đỉnh núi. Háit trà còn phải chọn đúng lúc, tức là ngày nào, giờ nào, mùa nào trà đượm, mùa nào trà ngát, mang về còn phải pha chế kịp thời, lệ thường các nhà pha chế phải thức suốt đêm để canh trà không cho khô quá. Sự pha chế quan trọng không kém đất đai, thời tiết, vì cũng giống trà ấy mà hai nhà pha chế khác nhau. Trà khác rượu ở chỗ là không giữ lâu năm, phai hương. Sau đó lại còn cách thức pha trà và thứ nước nào mới pha được ra trà ngon, người xưa cầu kỳ chia ra đến 12 thứ nước, ít cầu kỳ hơn thì chỉ chia ra có 7 thứ nhưng theo vị Trà Thánh...

- Là ai vậy anh?

- Là Lục Vũ, nhưng thôi không nói nữa, dài giọng lắm để dành kỳ sau chúng mình còn nhiều dịp nói và chắc là nói mãi cũng khó hết, em hãy tập uống và thưởng thức đi đã.

- Em cho anh khát kỳ này, kỳ tới phải giảng cho em biết về cái nhân vật Trà Thánh của anh, nếu không thì em sẽ đình công.

- Đình công thì làm gì?

- Thì nằm nhà bắt nhớ anh và bắt anh nhớ em...

Quốc cau mặt suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Thì thôi, để nói nốt cho mà nghe, khỏi đình công bãi thị.

Cả hai cùng cười vang, Quốc tiếp tục giảng, say mê như một nhà giáo yêu nghề, theo Lục Vũ thì chỉ một vấn đề hái trà thôi cũng đòi hỏi nhiều công và nhiều kinh nghiệm hiểu biết. Trà hoang mọc trên đồi cao là thượng hạng, trà vườn chỉ là hạng nhì, mầm lá tím là hạng nhất, lá lục cũng chỉ là hạng nhì thôi, lá trà phải hơi cuộn vào mới là hạng nhất, nếu thứ lá mở ra như lá bình thường chỉ là hạng nhì, mầm non gọi duẩn là hạng nhất, nha là mầm già, duẩn là hạng nhất, nha là hạng nhì. Ngày nào mưa cũng như buổi sáng nào nhiều mây, đều không nên hái trà vị trà nhạt, muốn trà ngon trở lại phải chờ trời tạnh ráo vài hôm sau.

Nước nấu trà cũng khó khăn, làm sao kiếm được nước trên núi cao mới là thứ nước tốt để pha trà ngon, thứ nhì là nước sông, thứ ba là nước giếng, nước trên núi còn phải tìm thứ nước chảy chậm, rỉ rả như suối sữa, từ trong lòng đá chảy ra, tối kỵ là nước chảy từ những giòng thác lớn ầm ỉ. Ở đây người ta nhận thấy nước của trà cũng đòi hỏi những giòng nhỏ như các chân long mạch.

Duyên mở mắt thật to, cô gái lắc đầu cắt ngang:

- Chân long mạch là gì hở anh?

Quốc biết mình đang giảng hơi ra ngoài đề vội trở về với đề tài chính.

- Đề kỳ khác anh sẽ nói đến, bây giờ chỉ cần nói đến nước pha trà rước đã, theo người xưa thì uống thứ nước thác ấy sẽ sinh bệnh. Nấu nước cũng phải canh nên vào độ nào, sủi mất cá, sủi hạt châu, sủi thịnh nộ. Đến độ thịnh nộ thì phải pha một tí nước lạnh vào cho nó trở về nguyên khí rồi hãy chế trà. Chén uống trà, người xưa tin rằng phải dùng chén

men xanh mới ngon, nhưng ngày nay uống theo lối tiền trà, nên chọn thứ men trắng, để trà có thể phô bày được các đức tính cần thiết của trà.

- Đức tính gì hở anh?

- Trà cần hội đủ ba đức tính mới được gọi là trà ngon, sắc, hương và vị, nếu thiếu một trong ba cái tức là khiếm khuyết, chưa đạt tới.

Duyên lắng nghe, thỉnh thoảng chen vào một câu hỏi, không dám hỏi nhiều, sợ làm Quốc mất hứng hoặc thấy mình tệ quá, Duyên cũng sợ mình không đủ sức thấu nhận. Một kỳ nào, Duyên sẽ hỏi xem Lục Vũ là ai, biết đâu chẳng là tiền kiếp của Quốc. Từ độ quen với Quốc, Duyên đâm ra tìm tòi, suy nghĩ, ngày xưa Duyên cũng hết như những cục thịt đẹp khác, chỉ biết học thuộc bài, các mẹ các dì giảng đâu biết đó, không cần tìm tòi sâu xa hơn, và có lẽ cái lối học ngoan ngoãn như thế lại được chuộng.

- Sao anh biết nhiều thế?

- Duyên cứ hỏi câu này mãi, anh có biết gì đâu mà nhiều, anh còn muốn tìm cơ hội ra xứ ngoài để nghiên cứu thêm.

Quả thật đó là chí nguyện của Quốc, cũng như một số thanh niên, mới có dịp đi vài ba năm để rồi trở về, mang sự hiểu biết của mình ra làm việc phụng sự tuổi trẻ, đất nước. Làm sao bồi bổ thêm vào những gì đã mất đi, những gì đã bị văn minh bóp chết, một số người đi trước, vì quá mơ ước cho nước nhà tiến bộ, đã vô tình chà đạp hết tất cả mọi giềng mối cơ bản. Người Anh có câu châm ngôn: "đổ nước tắm, đừng đổ luôn cả đứa bé trong thùng tắm". Những bậc trí thức hấp tấp này muốn cho nước nhà chóng tiến bộ nên lúc đổ thùng nước tắm, đã đổ luôn cả đứa bé...

Quốc bực bội nhất là đến nhà ai cũng chỉ thấy mang nước ngọt ra mời, chàng gọi đó là nền văn hóa nước ngọt, không còn được thấy chén trà tủa hương, tủa khói nữa.

Quốc hơi ngượng vì chính gia đình Duyên ngày nay đang là điển hình cho cái gọi là văn hóa nước ngọt ấy. Duyên nhất quyết sẽ về giảng giải cho người nhà hiểu, thế nào là cái hại của một chai nước ngọt, từ sự đi làm giàu cho ngoại nhân đến sức khỏe của con người.

Một thoáng lo ngại, Quốc khác với gia đình mình như thế, liệu cha mẹ Duyên có chịu nhận lời, có cho là môn đăng hộ đối chăng. Người xưa đặt ra cái lệ này vì muốn cho hai bên cùng một băng tầng để khỏi bị sự không hiểu được nhau. Với Duyên thì, Quốc là người xứng đáng nhất nhưng với hai ông bà Mỹ Hưng, chắc gì đã hiểu được. Quốc chẳng xem cả đá bóng hay xoa mặt chược là hai thứ tối thiểu để vào làm rể nhà Duyên. Đó là đối với ông bố, với bà mẹ còn khó hơn, nào bằng cấp, nào con ông này bà nọ, phải như thế nào mới vào, công được cái gia tài, hồi môn của con gái bà. Nhưng Duyên lo hơi sớm, đã có bao giờ Quốc ngó ý gì đâu, ngay cả ba chữ "anh yêu em" chàng cũng chưa hề nói lên.

- Anh chưa dạy em làm sao để nhận biết được một thứ trà ngon khi mình uống vào trong lưỡi.

- Ừ nhỉ, phải uống nhiều thứ mới phân biệt được.

Quốc ngừng, nhìn Duyên lòng nghe vui vui, chưa muốn trả lời vội, nhận thấy cô gái quả đã có tiến bộ, đã thay đổi rất nhiều, trong câu chuyện biết đặt những câu hỏi thông minh để làm sáng vấn đề, chứng tỏ mình theo dõi và quan tâm đến vấn đề, không đến nỗi độn căn. Từ trong căn tức là từ góc gác đã bị sự u mê đàn độn bao vây, có bỏ óc nhét cũng

lòi ra, khó giáo hóa, đó là những thứ người mà Quốc rất ngại gặp. Không phải họ không được học hành, nhưng là một thứ học của chính sách thực dân, ngu dân, chỉ muốn nhồi vào óc người những cái bã đã được nhai kỹ. Bất họ chỉ chạy theo cái bã, cái bã nào đã được nhai nhiều lại càng quý, tiêu hóa dễ dàng hơn.

- Anh trả lời em đi, ô hay...

- Giống Petit Prince nhỉ, hỏi câu nào là năng nặc bắt trả lời.

Duyên mỉm cười vui thích, lần đầu tiên Quốc nhắc đến một nhân vật mà Duyên khỏi cần hỏi là ai.

- Trà ngon là thứ trà uống xong còn dư vị trong lưỡi, trong cổ, cũng như một khúc nhạc nghe xong mà dư âm còn lưu luyến vấn vương không chịu rời khỏi tâm tư ta. Cái ngon của trà là thế, uống xong mà lưỡi còn giữ lại cái hương vị của ba mùi thơm hoa hồng, mùi ngọt ngào của mật ong và đinh hương, xong lại còn cái đắng, một thứ đắng mà sau đó là thanh tao dịu ngọt của riêng ở lá trà. Hội đủ bốn yếu tố ấy mới gọi là trà ngon.

Duyên lẩm nhẩm nhắc lại mấy cái tên ấy rồi hỏi thêm, câu hỏi ngây ngô làm cho Quốc phải bật cười.

- Nếu bây giờ mình ngậm cả mấy thứ ấy một lần vào miệng, rồi uống một ngụm trà thường xem nó có giống như thế không, và ngụm trà kia có được gọi là ngon không.

- Cũng là một ý kiến, anh chưa bao giờ thử, hôm nào Duyên thử đi rồi nói cho anh biết, độc đáo đấy.

Quốc còn giảng cho Duyên nghe về các thứ ẩm, loại nào được chuộng nhất, ẩm làng Nghi Hưng tại sao lại được nổi

tiếng, và tại sao người xưa còn chia ra chén hạ ẩm với thu ẩm. Ngoài ra lại có những tên trà đặc biệt như Ứng Trảo là thứ lá cong vào như móng chim Ứng, Tước Thiết là giống trà lá mỏng như lưới con chim sẻ, Ngân Châm là mẫu lá nhỏ và nhọn như chiếc kim bằng bạc. Vũ Tiên là trà hái trước tiết Cốc Vũ và Vũ Hậu là sau tiết Cốc Vũ... lại còn thứ trà mang tên là Vân Vụ do một giống chim tha hạt giống bay từ phương Nam tới, sang đến vùng Lu Sơn, thấy phong cảnh quá đẹp chúng đã cất tiếng hót để ca ngợi, những hạt trà rơi xuống và từ đó mọc từ núi đá lên, mọc trên núi cao, nhiều mây nên được gọi là Vân Vụ trà. Chưa hết, cách gần ba nghìn năm trước người ta còn làm thứ trà đóng bánh để mang đi cho tiện, gọi là Phượng Hoàng trà. Các lễ nghi cưới hỏi ngày nay bỏ vào hộp chứ ngày xưa đều dùng Phượng Hoàng trà.

- Tên nghe đẹp quá anh nhỉ. Phượng Hoàng trà.

- Ừ cái tên thôi, cách đóng bánh trà cũng cầu kỳ, phải chọn trà tốt không phải loại Bao Chủng hoặc Đông Đỉnh hay Thiết Quan Âm, nhưng là một thứ trà tốt, chọn lá non, mang về sấy, trộn nước rồi đóng bánh. Nếu sấy không đủ độ thì trà có mùi thảo mộc, dễ chìm, màu hơi xanh, nếu sấy quá độ, màu sẽ vàng, vị nhạt, uống nghe mùi bùn khô, phải sấy vào lò từ 25 đến 29 độ, sau 10 ngày thì sẽ có sắc kim hoàng, cho một hương vị rất thơm ngon. Mỗi lần muốn pha chỉ cần bẻ ra một mẫu trà bỏ vào nước đun độ 5 phút, mỗi bánh trà uống cả trăm người.

- Sao anh biết nhiều thế, em muốn ghi lại tất cả những gì anh nói để rồi viết ra thành sách để phổ biến cho lứa tuổi của chúng em.

- Phổ biến làm gì, những thứ này nói mà nghe chơi cho có một vài ý kiến thay đổi vậy thôi chứ có lợi gì cho ai đâu.

Theo Quốc thì không phải chỉ có yêu trà, nghiện trà thôi mà còn phải chấp nhận luôn cả một cái triết lý sống cho mình nữa mới đủ.

- Eo ôi ...

Duyên nói thảm hai chữ này, không dám đề cho Quốc nghe, gia đình Duyên chỉ biết uống cà phê sữa, hoặc trà pha sữa với đường, hết như những ông bà ngoại quốc, Âu Mỹ, ngỡ rằng phải thế mới sang và văn minh, xứng đáng là con dân Âu Mỹ. Từ thuở bé, Duyên và có lẽ đa số những từng lớp cao sang trong xã hội, đã được tẩm mình vào cái văn hóa và văn minh Âu Mỹ này, không còn biết đến văn hóa cổ truyền của ông cha là gì nữa. Những cái mà từ khi quen với Quốc, nghe chàng nói, gọi đó là gia tài của đất nước, của tổ tiên để lại. Từ trước đến giờ Duyên đã bình thân bước dẫm lên, mà không hay biết tới. Những con người, đã kiêu hãnh khi biết câu chuyện trong phòng the của vua Louis thứ 14 nói với bà đệ nhất phu nhân nhưng đã không biết Trần Hưng Đạo là ai, Nguyễn Trãi sinh vào thời nào. Biết rõ từng trận chiến thắng và chiến bại của Napoleon nhưng hỏi đến trận nào Nguyễn Huệ thắng quân nhà Thanh hay Lê Lợi bình định được đất nước thì chịu lúng túng. Cũng phải hiểu rằng không phải lỗi của họ, mà là ý đồ của những kẻ đi chiếm nước, chỉ muốn nhồi vào đầu óc người dân những gì lợi cho đường lối chính trị của chúng mà thôi.

- Duyên đang nghĩ gì đó?

Quốc hơi thắc mắc hỏi.

Em thấy tiếc, em biết anh hơi muộn, mười bảy năm trời em đã có một cuộc sống vô nghĩa, giá áo túi cơm.

- Thế nào là muộn, thế nào là vô nghĩa, mà Duyên tính gian đầy, làm gì đến 17 năm, thân đồng cũng chỉ được kể mười năm thôi, hồi nhỏ chỉ biết ăn với ngủ chứ đâu có thể làm gì khác. Và lại mỗi cuộc sống đều có cái nghĩa lý của nó chứ, ngay đến tháng ngày của một cành lau sậy, một ngọn cỏ dại cũng còn mang nhiều ý nghĩa ...

Duyên nhìn Quốc mỉm cười biết ơn, nhận thấy Quốc chẳng bao giờ chê bai hay ruồng bỏ một ai, Duyên đặt câu hỏi tiếp nối cuộc nói chuyện.

- Thế anh có đồng ý là mỗi người phải cần có một người bạn nếu không thì phải tự phạt lấy cho mình một lối đường mòn mà đi, nếu ví cuộc sống như một khu rừng rậm... Nhưng Duyên muốn hỏi anh...

Lần này đến lượt Quốc vui thích, không ngờ cô bé mới hôm nào còn bỡ ngỡ mà bây giờ đã biết góp ý, biết tìm những hình ảnh đẹp, đặt vào câu chuyện.

- Hỏi gì? Sao cô rắc rối hôm nay thế, rào đón kỹ quá vậy?

- Ai là người bạn của anh?

Quốc ngật ngừng đưa bàn tay chỉ lên mấy tủ sách rồi quay sang chỉ cây sáo còn được nằm trên bàn. Duyên ngơ ngác nhìn theo bàn tay của Quốc. Biết Quốc không muốn nói, mà có lẽ với con người cô độc này thì cây sáo là bạn không phải không đúng. Làm bạn với sáo, với âm nhạc, biết đâu còn tránh được những sự thất vọng khác.

Quốc lơ đãng nhìn ra ngoài vườn, Duyên cũng lặng lẽ nhìn theo, về phía cửa sổ, những cụm hoa sói mọc trời lên cao vượt quá thành cửa, ngòi trong nhà có thể nhìn thấy. Những bông hoa vừa chín lấm tẩm trắng như những hạt

cườm bé nhỏ thoang thoảng hương, mầu trắng của hoa bật nổi lên nền lá lục. Hệt như những đôi chân chim, thảo nào hoa được mang tên là Kê Cước Lan. Từ lúc học được của Quốc cái tên ấy, Duyên nhất định Duyên không thèm gọi cái tên Sói nôm na phàm tục cũ kỹ của nó trước nữa. Mấy lần Quốc phải kêu là sao độ này Duyên cầu kỳ thế. Kêu ca vậy chứ trong lòng riêng, Quốc rất hài lòng mỗi khi nghĩ đến người con gái đang từ từ đôi lốt, có thể gọi đó là một sự lột xác chẳng, vứt bỏ cái tác phong khuôn rập cũ kỹ của tất cả những cô gái con nhà giàu con dân một nước thuộc địa bị trị, để trở thành một người có cá tính có tâm hồn, có tinh thần độc lập, tự trọng và trọng đất nước mình, trí thông minh, nhạy cảm dễ thấu nhận. Nhờ tình yêu, đây mới thật là yếu tố, động cơ chính đã thúc đẩy sự lột xác của con người.

Quốc còn muốn tập cho Duyên yêu cỏ cây như mình, trong câu chuyện chàng hay nói đến cỏ cây mang cả những chuyện thần thoại kể cho Duyên nghe, chuyện các Nữ Thủy Tiên Hyades, khóc vì thương ông anh bị thú cắn chết, trời tội nghiệp nên đã cho biến thành những vì sao, nhưng các cô vẫn khóc, và mỗi khi mặt trời lặn mà các cô hiện ra, tức là chòm sao ấy hiện ra là thế nào trời cũng mưa. Câu chuyện làm Duyên thích hơn nữa là chuyện những cô Driades, Sơn Lâm Nữ Thần, đã chọn núi rừng làm nơi trú ngụ, mỗi cô kết duyên với một gốc cây, quanh năm sống trong lòng cây. Những bác tiêu phu mỗi lần đốn cây thường ngần ngại vì hay nghe được những lời than khóc xin tha mệnh cho chồng và cho mình. Câu chuyện không phải chỉ quanh quẩn trong lĩnh vực thần thoại mà còn đi vào thực tế khoa học, nếu Quốc không nói, chắc Duyên không bao giờ ngờ rằng những cái chớp sáng lòa trong trên trời mỗi khi có giông tố, đó là những luồng điện quang tỏa lên không gian làm biến thể những chất đậm để chúng có thể đi vào đất mà nuôi cỏ cây. Cũng như loài hoa

ăn thịt chỉ vì vùng đất đai nơi ấy thiếu hẳn chất tiêu toan diêm, mà chất này vẫn có nhiều trong sinh vật. Những loại cây như cây Hộc hoặc cây Sơn Mao lại rất cần một thứ nấm do từ những rễ cây khác đưa vào mới có thể nảy nở được, vì thế mà loại như Phong Lan hoặc Tầm Gửi nếu bị loài người gỡ về hết, thì những cây kia sẽ gầy mòn, mất sức. Bao giờ Quốc cũng kết luận một câu rằng cây cỏ cũng cần thương yêu, không phải chỉ có loài người, và nếu ta yêu chúng thì nhất định là chúng cũng sẽ yêu ta.

Chương 2

Trích thơ:

Kiếp Nào Có Yêu Nhau ^(a)

*Anh đừng nhìn em nữa
Hoa xanh đã phai rồi
Còn nhìn em chi nữa
Xót lòng nhau mà thôi .*

*Người đã quên ta rồi
Quên ta rồi hẳn chứ
Trăng mùa thu gãy đôi
Chim nào bay về xứ .*

*Chim ơi có gặp người
Nhấn giùm ta vẫn nhớ
Hoa đời phai sắc tươi
Đêm gối sầu nước nở .*

*Kiếp nào có yêu nhau
Nhớ tìm khi chưa nở
Hoa xanh tận ngàn sau
Tình xanh không lo sợ .*

*Lệ nhòa trên gối trắng
Anh đâu, anh đâu rồi
Rượu yêu nồng cay đắng
Sao cạn mình em thôi ?*

Đừng Bỏ Em Một Mình ^(a)

*Đừng bỏ em một mình
Khi trăng về lạnh lẽo
Khi chuông chùa u minh
Chậm rãi tiếng cầu kinh*

*Đừng bỏ em một mình
Khi mưa chiều rào rạt
Lũ chim buồn xơ xác
Tìm nhau gục vào mình*

*Đừng bỏ em một mình
Trời đất đang làm kinh
Rừng xa quần quai gió
Thu buốt vết hồ tinh*

*Đừng bỏ em một mình
Đừng bắt em làm tỉnh
Cho em gào nức nở
Hòa đại dương mộng mênh*

*Đừng bỏ em một mình
Biển đêm vời vợi quá
Bước chân đời nghiêng ngả
Vũ trụ vàng thênh thênh*

*Đừng bỏ em một mình
Môi vệ thần không linh*

*Tiếng thời gian rền rĩ
Đường nghĩa trang gập ghềnh*

*Đừng bỏ em một mình
Bắt em nghe tiếng búa
Tiếng búa nện vào đỉnh
Hòa trong tiếng u minh*

*Đừng bỏ em một mình
Bóng thuyền ma lênh đênh
Vòng hoa tang héo úa
Yêu quái vẫn vô tình*

*Đừng bỏ em một mình
Cho côn trùng rúc rĩa
Cỏ dại phủ mộ trinh
Cho bão tố bấp bênh*

*Đừng bỏ em một mình
Mấy ngàn năm sau nữa
Ai mái tóc còn xinh
Đừng bỏ em một mình*

(a) Phạm Duy phổ nhạc

Gục đầu bên mộ Mẹ

*Gục đầu bên mộ Mẹ
Nước mắt chìm tha ma
Lựa tâm hồn ai xé
Kính cầu ai ngân nga?*

*Lòng ta hằng mơ ước
Có hôm nao được về
Con tàu xuôi bến nước*

Hân hoan vang tình quê...

*Mẹ ơi ngày ấy đến
Chúng không cho con về
Ôi lũ người chưa yêu mến
Là những tấm lòng chưa biết say mê!*

*Lòng chúng làm bằng thép
Tim chúng vấy bùn nơ
Cầu hư danh gương ép
Chà đập lên giấc mơ...*

*Thế là hết Mẹ ơi
Tàu nhỏ neo đi rồi
Con không về với Mẹ
Máu rướm mềm lên môi!*

*Nghiến răng kìm căm tức
Lang thang chiều tha ma
Quên làm sao u uất
Ngươi làm sao xót xa?*

*Gục đầu bên nấm mộ
Mẹ ơi con không về
Chuông nhà thơ ai đổ
Ai nghe buồn lê thê?*

Nhớ Mẹ ^(b)

*Ai trở về xứ Việt
Mang giùm ta thư này
Nơi quê hương có mẹ già đơn chiếc
Thư viết rằng :
“Ta nhớ mẹ nơi đây”*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thương mẹ màu tóc trắng
Mỗi khi nhìn áng mây
Đôi mắt mờ xa vắng
Khi sương chiều đang xây
Khi cành cây rớt lá
Toi tả trong bóng nắng
Khi mùa đông buốt giá
Thương mấy đốt xương gầy*

*Xa xôi lắm có ai về xứ Việt
Nhấn hộ rằng ta hận dưới trời Tây
Đâu những giờ yến tiệc
Mẹ mở nồi cơm nóng khói thơm bay
Ta vẫn thăm luyến tiếc
Thuở nào nằm gói lên tay
Nghe văng vẳng câu ... Hò ơi, tha thiết
“Hò ơi, cái ngủ mày ngủ cho say”
Ngoài mưa gió như không ngừng rên siết
Mà lòng ta nắng sớm vẫn hây hây*

*Có ai về xứ Việt
Nhấn hộ ta đôi lời
Nơi phương Tây xa ấy
Ta hận thương biết mấy
Đâu những giờ yến tiệc
Bên nồi cơm vun đầy
Thơm bay làn khói trắng
Nhưng mẹ giờ xa vắng
Ta vẫn thăm luyến tiếc
Nhớ khi nằm gói tay
Nghe văng vẳng câu hát
Tiếng mẹ hiền đâu đây*

*Nhưng còn đâu nữa
Nắng bên ngoài lòng vẫn chớm heo may*

*Những đêm như đêm nay
Ta muốn lòng ta say, thật say
Men rượu nồng trong màu khói thuốc
Quanh mình rộn rã nhạc cuồng quay
Pha lê tan tác vỡ
Tàn thuốc tả tơi bay
Ta muốn cười lên trong nước nở
Thả tâm hồn mơ đến một bàn tay*

*Ai trở về xứ Việt
Xin đừng chân nơi này
Cho ta nhắn một lời khi xa cách
Xin nhắn rằng :
“Ta nhớ mẹ hôm nay”*

(b) Võ Tá Hân phổ nhạc

Ai về xứ Việt ^(c)

*Ai trở về xứ Việt
nhấn giùm ta, người ấy ở trong tù
Nghe đâu đây vang giọng hòn rên xiết
Dài lắm không đặng đặng mấy mùa thu*

*Ai đi về xứ Việt
thăm giùm ta, người ấy ở trong tù
Cho ta gửi một mảnh trời xanh biếc
Thay giùm ai, màu trời ngục âm u.*

*Các bạn ta ơi, bao giờ được thả
Đến bao giờ ăn được bát cơm tươi
Được lắng nghe, tiếng chim cười trong gió lá
Đến bao giờ*

Bao giờ hòn uất mới nguôi?

HUỶNH ÁI TÔNG

*Người bạn tù ơi, ta không quên đâu
Nhớ hôm xưa, nhìn đôi tay cùm xích
Hàng song thưa chia cách vạn tình Ngâu
Ai tra tấn nghe lòng ai kim chích*

*Ai sửa soạn lên đường về xứ Việt
Ta gửi về theo một ít tự do
Và nhiều lắm nhiều nhớ thương tha thiết
Đến cửa ngục tù chia bớt chút buồn lo
Còn bạn nữa, biết nhau từ thuở ấy
Ta sẽ về đón ở cửa âm u
Đời sẽ đẹp mùa Xuân hồng biết mấy
Dầu ngoài kia mây có trĩu mùa Thu...*

(c) Phan Văn Hưng phổ nhạc

Nước Mắt Đòi

*Thấm thoát đã ba năm
Từ ngày ta mất mẹ
Mồ yêu chưa viếng thăm
Bâng khuâng đòi xuân trẻ*

*Ngày được tin mẹ mất
Ta không có quyền về
Trông vời cơn gió bắc
Đêm dài bước chân lê*

*Độ ấy vừa sang xuân
Người người vui đón Tết
Pháo nhà ai tong bùng
Pháo lòng ta lịm chết*

*Rồi mỗi năm ngày giỗ
Ta vẫn còn lang thang*

*Cỏ trên mồ ai nhỏ
Ai sửa vòng hoa tang?*

*Những đêm mơ thấy mẹ
Ngờ tưởng trong cuộc đời
Như thuở nào thơ bé
Vội mẹ hôn lên môi*

*Nhưng rồi giấc mơ qua
Giật mình nghe cô quạnh
Dáng mẹ đã mờ xa
Ngoài trời sao lấp lánh*

*Nhớ hôm xưa ra đi
Bến tàu còn in bóng
Ai ngờ phút chia ly
Là phút giờ tuyệt vọng*

*Đêm nay bơ vơ lắm
Đốt hương chờ mẹ về
Đường tha ma thăm thẳm
Nước mắt đời u mê*

Xuân tha hương

*Năm nay út mẹ đã xa rồi,
Pháo đỏ còn đâu nhật đốt chơi,
Để mẹ giật mình, cười trốn mắt,
Đầu năm mẹ mắng tí ti thôi.*

*Vườn ta hoa nở được chùng mô?
Đường có tươi màu áo các cô?
Phố có ngọt ngào mùi bánh kẹo
Chú tàu có ngập táo, hồng khô?*

HUỶNH ÁI TÔNG

Mừng tuổi xuân này mẹ muốn chi?
Muốn con học giỏi để mau thi,
Mẹ hẹn chờ con khoan tóc trắng
Phen này con hứa chẳng ra đi.

Phản con, mẹ biết muốn gì không?
Áo tết may bằng một khúc sông,
Khăn tết, một rừng trời xanh thắm,
Cười vui rộn rã mấy mùa đông.

Ngày xưa, mẹ nhỉ, lúc còn thơ,
Cuộc sống xây bằng mơ với mơ,
Mẹ chỉ biết con, con biết mẹ,
Mà nay đàn lỗi mấy cung tơ.

Xuân vẫn tha hương

Thế mà con mẹ vẫn tha hương,
Xa mẹ, xa nhà, xa mến thương,
Trừ tịch đêm nào hồng tiếng pháo,
Nơi này chỉ thấy tuyết hòa sương.

Đêm nay hồi tưởng đến đêm xưa,
Ngây ngất đâu mùi hương thoảng đưa,
Bóng mẹ cúi bầy mâm cỗ cúng,
Khán ông bà đến để say sưa.
Mẹ bảo ông bà vẫn hỏi con,
Rằng Tr. sao nó vắng nhà luôn,
Mẹ có nhớ thưa con cố học,
Bao giờ thi đỗ mới hồi hương.

Bánh chưng mẹ nấu có nhiều không?
Nồi bánh chưng này ai thức trông?
Mẹ có gói thêm đòn bánh nhỏ?
Để cho con út mẹ vùi công . . .

*Xuân này con mẹ vẫn tha hương,
Mẹ một phương trời, con một phương,
Tóc trắng mẹ già thêm chút nữa,
Và con, nhòa nhạt tiếng yêu đương.*

Bài thơ không tên (III)

*Ta đi trên đường phố rộng
Mà ngỡ lạc vào tha ma
Cuộc đời xây toàn ảo mộng
Trong lũ người hôm nay sao lại có ta*

*Tiếng ai vọng về nước nở
Hay từ chính nẻo tâm tư
Nơi quê hương có người đang ngộp thở
Mồ Đại Dương thay cánh cửa ngục tù*

*Này những oan hồn lạnh lẽo
Thôi đừng oán hận hôm nay
Thoát khỏi cuộc đời úa héo
Thoát làm Việt Nam là thoát cảnh đọa đày*

*Các anh đôi trên đất nhà quần quai
Chúng tôi no ngoài xír lạ nhục nhằn
Đồng hương đó mà nhìn nhau ái ngại
Như hai kẻ thù, như thú dữ với người săn*

*Có phương thuốc nào kỳ diệu
Uống vào để biết yêu thương
Mẹ hiền ru con, xin hoài một điều
.. . Nhiều điều phủ lấy giá gương*

*Nếu biết ngày mai u tối
Lửa đạn bao trùm năm châu*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Xóa ván cờ này ta bày cuộc mới
Danh vọng, giàu sang, rồi sẽ được bao lâu?*

*Im đi. Thôi đừng nức nở
Tâm tư ơi chán chường rồi
Lầu hạnh phúc chưa tìm ra lối mở
Vườn Thiên Thai chốn bí ngạn mà thôi*

Lời của đất

*Em đây mà
Anh, anh ơi sao không quay đầu lại
Sao không nhìn nhau
Không giọng nhẹ bàn tay
Em của anh
Bao nhiêu lần sợ hãi
Từng đợt mìn bom
Từng hố trổ vùi thây*

*Hãy nhìn em đi anh
Xin nhau cái nhìn đằm thắm
Xin nhau nụ cười thiết tha
Quê hương mình
Đường Bắc Nam thăm thẳm
Từng đoàn quân chen chúc tới tha ma.*

*Đêm mờ hơi sương
Đi đâu anh, đi đâu
Xin đừng đi nữa
Đổ lại hôm nay, cõi súng buông gươm
Tội nghiệp em
Ba mươi năm khói lửa
Mãi hận thù quên nói chuyện yêu đương.*

*Em sợ lắm
Mùi hôi tanh của máu đen, máu chết
Từ mình anh rịn thấm xuống thân em
Trời ôi, này
Sao xác anh bê bết
Lấy đất bùn thay nệm ấm chăn êm*

*Hình hài em bé nhỏ
Sẹo hằn lên thịt da
Ruột gan ai nở xé
Gỗ đá nào không nứt nở thương ta.*

(Hồn Việt Nam, số 5, ngày 15-2-76)

Nhìn qua cửa sổ

*Mẹ bảo ta đừng nhìn qua cửa sổ
Khi hoàng hôn đang chậm chậm bước chân
Đừng ngược mắt theo lũ chim về tổ
Khi trăng tàn nhẹ trải lối quanh sân*

*Mẹ dặn ta đừng nhìn qua cửa sổ
Khi niềm tin lối hẹn vắng đi về
Khi đã trót giao bôi không đứng chỗ
Mà cuộc đời là một cõi u mê*

*Mẹ khuyên ta đừng nhìn qua cửa sổ
Sau những đêm quần quai ngủ không mơ
Ngoài gió siết run từng cơn lá đổ
Hãy xuống hàng , chấm dứt một bài thơ*

*Mẹ cấm ta không cho nhìn qua cửa sổ
Không cho nghe âm đoản , giọng trầm buồn
Khi đã biết rùng đời nhiều trái khổ
Tô đậm làm chi bóng lẻ dưới trăng suông*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Mẹ xin ta đừng nhìn qua cửa sổ
Nghĩa lý gì đâu , những hình ảnh vô thường
Một kiếp người chưa bằng viên đá nhỏ
Hãy gạt sang bên hòn giận với yêu thương*

*Nhưng ta vẫn lên nhìn qua cửa sổ
Thả tâm tư về cuối nẻo chân trời
Tìm trong ánh sáng một vì sao bé nhỏ
Nói với sao :
Trần gian này còn một kẻ đơn côi.*

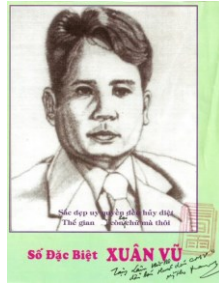
Trong bài viết về Nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh, thisilangthang đã viết:

*Minh Đức Hoài Trinh là một trong số rất ít những ký giả tài năng, kể chung cả nam lẫn nữ. Bà vừa là phóng viên chiến trường làm việc cho các hãng thông tấn ngoại quốc và viết cho vô số báo chí tại Paris và tại Sài Gòn. Bà lại còn dạy đại học, và vừa viết văn lại làm thơ. Thơ của bà không ít đã được các nhạc sĩ danh tiếng phổ nhạc, trong đó có Phạm Duy với “Kiếp Nào Có Yêu Nhau” hoặc “Đừng Bỏ Em Một Mình” v.v... Đối với giới văn chương quốc tế bà Minh Đức Hoài Trinh đã nổi bật qua bài thơ *Em Mười Sáu Tuổi* được chuyển sang Anh ngữ:*

Tài liệu tham khảo:

- Minh Đức Hoài Trinh Web: vietbao.com
- Trà thất Web: 4phuong.net

7. Xuân Vũ



Xuân Vũ - Bùi Quang Triết (1930-2004)

Nhà văn Xuân Vũ tên thật là Bùi Quang Triết, sinh năm 1930 tại Mĩ Cày, tỉnh Bến Tre..

Năm 1945, được 15 tuổi, ông theo người cậu đi kháng chiến chống Pháp.

Năm 1947, tác phẩm đầu tiên của ông đăng trên báo *Nhân Dân Miền Nam* của Lưu Quý Kỳ, ký tên Công Nhân.

Từ năm 1947 đến năm 1950, làm phóng viên báo *Tiếng Súng Kháng Địch* ở khu 9.

Năm 1951, đoạt giải Cửu Long Nam Bộ với bản nhạc *Niềm Thương Mến*, do Phan Văn phổ nhạc.

Năm 1954 tập kết ra Bắc, làm thư ký ở nông trường Trình Môn, Nghệ An, rồi biên tập viên cho đài phát thanh Hà Nội.

Năm 1955, sau một thời gian sống ở Hà Nội, vỡ mộng vì thực tế, nhận ra “*cái xã hội xã nghĩa*” ngoài đó nó “*kỳ cục làm sao ấy*”, Xuân Vũ đến Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến ở Hà Nội để xin về Nam (điều này hợp lệ do

hiệp định Geneve quy định trong thời hạn 300 ngày người Bắc có quyền vô Nam, người Nam có quyền ra Bắc). Bị báo về cơ quan nên bị kiểm thảo nặng nề. Chuyện này lọt ra ngoài, đài phát thanh Sài Gòn loan tin Xuân Vũ lên Ủy Hội Quốc Tế Đình Chiến đòi về Nam. Xuân Vũ bị ép buộc phải viết bài đính chính đọc nhiều lần trên đài phát thanh Hà Nội.

Không về Nam được bằng đường chính thức, Xuân Vũ tìm cách trốn bằng các đường khác : Hải Phòng, Bến Hải, Đồ Lương, La Hán nhân khi đi công tác nhưng thất bại.

Năm 1958, được kết nạp vào Hội Nhà Văn Hà Nội.

Năm 1960, xuất bản truyện ngắn đầu tiên *Chiến Lũy Ngâm*.

Năm 1963, thấy các bạn bè bắt đầu lên đường đi B (mật hiệu chỉ đi vào Nam chiến đấu), Xuân Vũ tình nguyện xin đi, nhưng bị từ chối vì có thành tích đi gặp Ủy Hội Quốc Tế Đình Chiến.

Năm 1965, nhờ Trần Bạch Đằng là cấp trên ngày xưa, khi Xuân Vũ là Ủy Viên Thiếu Nhi Cứu Quốc Bến Tre. lúc đó Trần Bạch Đằng là Xứ Đoàn Phó Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ, xin và bảo lãnh cho Xuân Vũ đi B, được Ban Tổ chức Trung Ương chấp thuận cho đi.

Sau 6 tháng trèo đèo lội suối, băng rừng, sốt rét, đói khát, thoát các trận pháo kích, bom B52, biệt kích (được kể lại trong “*Đường đi không đến*”), Xuân Vũ tới được Trung ương Cục Miền Nam. Được phân công về Tiểu ban Văn nghệ, trực thuộc Ban Tuyên Huấn của Trần Bạch Đằng.

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

Được Nguyễn Thị Định, Phó Tư Lệnh Bộ Chỉ Huy Quân Sự Miền, giao nhiệm vụ về Bến Tre để viết một tác phẩm về quê hương Đồng khởi.

Năm 1968, Xuân Vũ về hồi chánh tại Bến Tre.

Được bác sĩ Hồ Văn Châm, Bộ trưởng Chiêu Hồi bổ nhiệm làm phó giám đốc Nha Chiêu Hồi, phụ tá cho giám đốc Phạm Thành Tài, nguyên phụ giảng Đại học Tổng Hợp Hà Nội, cũng là một hồi chánh viên

Năm 1972, xuất bản *Đường Đi Không Đến*, năm 1969 đã đăng báo Tiền Tuyến, được giải Văn Chương toàn quốc năm 1972.

Năm 1973, Xuân Vũ được trao giải thưởng này.

Năm 1975, cùng gia đình tỵ nạn tại Hoa Kỳ. Tại đây, ông tiếp tục sáng tác nhiều tác phẩm như *Xương Trắng Trường Sơn*, *Mạng Người Lá Rụng*, *Đến Mà Không Đến*, *Đồng Bằng Gai Góc*, *2000 Ngày Đêm Trấn Giữ Củ Chi...*

Nói chung, sự nghiệp văn chương của Xuân Vũ có hơn 50 tác phẩm gồm kịch, thơ, ký sự, hồi ký, truyện phim, truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, trường thiên tiểu thuyết...

Xuân Vũ đã qua đời vào lúc 2 giờ 30 chiều ngày 1 tháng 1, 2004 tại San Antonio, Texas, thọ 74 tuổi.

Tác phẩm:

- *Đường Đi Không Đến* (gồm 5 tập: *Đường đi không đến*, *Xương trắng Trường Sơn*, *Mạng người lá rụng*, *Đến mà không đến*, và *Đồng bằng gai góc*)
- *2000 ngày đêm trấn giữ Củ Chi* (7 tập, viết chung với

HUỶNH ÁI TÔNG

Dương Đình Lôi, nguyên trung tá trung đoàn trưởng
pháo binh, huyện ủy Củ Chi)

- *Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết* (3 tập)
- *Mười Năm Mưa Phùn Gió Bắc*
- *Những Bạc Thầy Của Tôi*
- *Tình trên cánh gió*
- *Nửa Thế Kỷ Phạm Duy* (khảo luận)
- *Trả Ta Sông Núi* (thơ)
- *Lệnh Tấn Công* (kịch)
- *Cách mạng Tháng 8*
- *Cha Đẻ Còng Số 8*
- *Kẻ Sống Sót* (song ngữ Việt Anh: The Survivor)
- *Đỏ và Vàng*
- *Đỏ và Bùn*
- *Bùn Đỏ*
- *Biển Lửa Và Núi Tro*
- *Ta Về Hôn Đất*
- *Sông Nước Hậu Giang*
- *Cái Rác* (truyện phim về tù binh Mỹ)
- *Coi Chừng Chó Dữ* (truyện phim)
- *Ngon Rạch Bằng Lăng*
- *Thiên Đàng Treo*
- *Thiên Đàng Treo Đứt Giây*
- *Thiên Đàng Chuột*
- *Con Người Vốn Quý Nhất*
- *Tự Vị Thế Kỳ*
- *Ông Lão Thối Bong Bóng*
- *Trăng Kia Chưa Xé*
- *Vàng Mơ Bông Lúa*
- *Những Độ Gà Nòi*
- *Thầy Tư Cóc*
- *Dưới Bóng Dừa Xanh*
- *Xóm Cái Bàn*
- *Mưu Trí Đàn Bà*
- *Buồng Cau Trỏ Ngược*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- *Tám Lụa Đào*
- *Dây bầu Năm Ngọn*
- *Cô Ba Trà, Ngọc Vui*
- *Hột Xoàn Là Của Trời Cho*
- *Quê Hương Yêu Dấu*
- *Đồng Bạc Để Nái*
- *Cái Móng Tay*
- *Bữa Tiệc Thịt Chó Dưới Trời Càn Vương* (lịch sử tiểu thuyết)
- *Tôm Hùm Huýt Sáo, Nữ Hoàng Trắng*
- *Hoàng Thi Thơ: Nhịp Cầu Tre Muôn Kiếp Vẫn Còn*
- *Hà Nội Sài Gòn Tình Cũ*
- *Bảo Lửa Ở Hạ Long*
- *Con Đường Gió Xoáy*
- *Hà Nội Hà Ngoại*
- *Tình Ca Trong Gió Bắc*
- *Búp Sen Hình Tim*
- *Thiên Đàng Nhẹ*
- *Dấu Chân Xuôi Ngược*
- *Nước U Minh Ngâu Đỏ*
- *Tây Đô Reo Lúa Hát Vàng*
- *Nữ Thần Giữ Kho Vàng U Minh*
- *Gánh Bầu Lúa*
- *Đứa Bé Đi Tìm Cha*
- *Giọt Máu 4 Đời*
- *Quê Nội Quê Ngoại*
- *Trí Thức Miền Nam Theo Mặt Trận Giải Phóng*
- *Thất Sơn : Địa Linh Nhân Kiệt...*

Trích văn:

Bình minh lơ lảo

Hội Văn Nghệ Giải Phóng ngồi quanh bếp lửa. Nước đang sôi, sắp sửa châm trà thì tác giả Xuân Chiến Sĩ hét lên:

"Nó tới! "

Tất cả đều nhào lăn nằm bẹp dí xuống nền chòi dơ dáy vì trận mưa đêm qua. Nín thở. Một giây, hai giây, ba, bốn giây đồng hồ. Tuổi thọ kéo dài đến giây thứ mười một. Không có chuyện long trời lở đất. Cây cỏ muôn thú vẫn bình an và Hội Văn Nghệ hồn xác còn nguyên vẹn. Chỉ có trái tim suýt sút cuồng mà thôi.

Kết quả sơ khởi: guy gô nước sôi ngã lăn, nước văng phồng mặt hai nghệ sĩ sở tại, còn nhà thơ Trung ương mới vô thì nhũn đầu vào bếp bị cháy một mảng tóc trán khét lẹt. Mớ xác trà bay tủa ra, chỉ hốt lại được có một phần trăm, trái hẳn với tỷ lệ về dân chúng và đất đai giải phóng của mặt trận kiểm soát. Nhưng thắng lợi to lớn là "cái phải đến" đã không đến. Không đến chỉ có nghĩa là chưa đến. Không đến ở phút này không có nghĩa là không đến ở phút sau. Đó là luật tương đối, luật phát triển của sự vật. Có một điều chắc chắn là nó sẽ đến. Nó đến như một chuyến xe, không chờ, không đợi. Không sáng thì trưa, không trưa thì chiều.

Mà nó đã từng đến rồi. Không những một lần mà hai lần cơ, hai lần trong một đời người. Hai lần cách nhau có đúng nửa phút đồng hồ, nghĩa là ba mươi cái đếm, mấy hơi thở, mấy nhịp tim. Cái chết và cái sống chỉ cách nhau có thế. Nó đến bằng rải thảm và để lại một dãy nấm đất lè tè không có bia, ngoài ra còn sự lơ láo, không sao xóa được, cho những bình minh rùng.

Buổi uống trà sáng nay mất vui vì cái điềm gở báo hiệu. Hai người chỉ bị thương xoàng nhưng cương quyết cáo lui không dự. Ông Thi sĩ, đại diện Trung ương - biệt hiệu "nhà thơ không có thơ" - chân ướt chân ráo mới vô, đáng lẽ cũng xin vắng mặt, nhưng vì thiên chức quá lớn lao, nên đành lấy khăn buộc quanh đầu, ngồi rón lại để truyền bài hịch

của Trung ương một cách bất đắc dĩ. Bài hịch dài quá mà tuổi thọ của con người ở đây chỉ được tính bằng giây - chứ không phải bằng phút - cho nên ông có sáng kiến.

Ông thọc tay vô ba lô lôi ra một cái gói thật to, mở luôn ba bốn lần giấy mới thấy cái ruột nhỏ bằng nửa nắm tay con nít.

Ông thi sĩ trân trọng nói:

"Đây là gói trà của Bộ Chính Trị uống trong lúc họp khuya. Tưởng nhớ tới Miền Nam anh dũng, các đồng chí chỉ uống có nước nhất thôi, còn mớ xác đưa cho anh Lành đem về kho uống, để lấy hứng làm tiếp bài thơ *30 năm đời ta có đảng*. Nhưng anh Lành nhớ tới các đồng chí mình đang nằm gai, ném mật trong rừng Cao Mên, nên chỉ uống có nước thứ nhì, còn mớ xác, ảnh sai tôi đem vô biểu các đồng chí, chứng tỏ rằng Trung ương lúc nào cũng coi miền Nam là thuộc địa của miền Bắc, ấy vậy, - thi sĩ khẽ vĩa mồm và tiếp - lúc nào Trung ương cũng coi miền Nam là máu của máu Việt Nam."

"Thôi đi mày! Đừng có tuyên truyền trà "Thái Đức" nghe mệt lắm! Cái gì thì nói phứt đi. Ở trong này trà Con Khi hộc máu tụi tao có dư, cần gì anh Lơ Đu⁽¹⁾ phải nhọc công đến thế". Ông Phó tiêu ban vốn là bạn cố tri của thi sĩ Trung ương, nên gạt ngang xương.

"Buổi sáng trong rừng không nên hô to và nói dài, chỉ nên nói khẽ và ngắn. Bởi vì B52 nó tới không lường được, lỡ tai phải thính như tai mèo để nghe hơi gió rít. Vì thế tôi đề nghị bỏ cái hịch của Trung ương vào bình trà rồi rót uống. Bằng cách đó thấm bài mau hơn. Và riêng tôi là người truyền đạt thì không lo sai hoặc sót chữ nào."

"Cái sáng kiến đó ở đâu mà đồng chí có vậy?" Tác giả *Sống Như Anh* ⁽²⁾ gặng hỏi.

"Đó là của nhà máy dệt kim Đông Xuân 8 tháng 3. Sau khi B52 đánh Hà Nội, nhân dân không dám tập họp đông đúc để nghe giảng bài nữa nên nảy ra sáng kiến đó.

"Hay lắm!" Mọi người vỗ tay reo mừng.

"Ta vừa tiết kiệm được sức khỏe, vừa thu nhận bài đầy đủ."

Nhà nặn tượng ba năm nay chưa tìm ra đất sét, nên chỉ gọt cây rừng để tự nâng cao nghệ thuật, nói:

"Xin lỗi đồng chí Trung ương nhé! Lâu lâu đồng chí mới vù vô Nam một chuyến, mà chúng tôi bảo vệ đồng chí hơi kém, đồng chí bị cháy một mớ tóc trán! Để bù lại khuyết điểm đó, tôi sẽ gọt cho đồng chí một bán thân bằng gỗ quý."

"Mày đem về ngoài đó triển lãm luôn!" Ông Phó tiểu ban nói. "Nè nghe tao dặn, mày đừng có quên. Để gia tăng thành tích, mày hãy tâu lên anh Lành rằng vô trong này mày đã chia mấy châu B52 với tụi tao, như vậy là đã góp công giải phóng Miền Nam rồi!"

Ông Phó tiểu ban quay lại mấy nhà nghệ sĩ:

"Đừng có hù đồng chí Trung ương như vừa rồi nữa nghe! Hù chơi mà rui nó đứt cuống tim chết thiệt, thì trung ương không còn ai đem trà dảo vô cho mình. Còn đồng chí Xuân chiến sĩ, bộ định bỏ nghề nhạc sang làm... sân khấu rồi hả?"

Nhạc sĩ cười khà khà:

"Tôi tưởng nó tới thiệt chứ đâu có diễn kịch!"

Nhà thơ Trung ương vỡ nhẽ ra là người ta xỏ ngọt mình, nhưng đành nhịn. Phó tiểu ban cười, nửa khuyên khích nhạc sĩ, nửa vuốt ve thi sĩ Trung ương.

"Anh em cùng ở Hà Nội với nhau, biết nhau quá ể! Nhưng vô đây đưa trước đưa sau, anh em muốn thử giây thần kinh của mày đó nghe!"

Nhạc sĩ hỏi:

"Nó chưa tới nên còn thì giờ thực tập cho đồng chí mình trước, chứ để nó tới trở tay không kịp. Nó xuất phát từ căn cứ Utapao, cách đây chừng tám phút và bốn mươi "xơ gông". Còn từ Guam thì chừng 15 phút chẵn. Minh nấu nước chưa kịp sôi thì nó đã tới rắc dưa hấu rồi!"

Nhà thơ Trung ương hỏi:

"Bị nhiều trận vậy anh em mình có kinh nghiệm gì chống B52 không?"

"Có chứ!" Nhạc sĩ nhay miệng đáp.

"Trước nhất là uống trà, dầu có ngon mấy, cũng đừng có chộp miệng to để tập trung tư tưởng nghe gió rít. Hễ nghe gió rít e e là cứ việc nhào tiều, chứ đừng có ngồi ngóng cò cò, miêng nó phang một cái là đi tuốt. Thứ hai là trong lúc nó rải dưa hấu, mình phải gồng mình cho dữ dội và sẵn sàng hô Hồ Chí Minh muôn năm ba lần để đèn xong nợ nước!"⁽³⁾

"Kinh nghiệm dữ vậy sao hỏi nãy nghe trật lất hết? Thiếu chút nữa tôi hô Hồ Chí Minh muôn năm rồi!"

"Thì bị trận vừa rồi tôi điếc con ráy mất ba ngày! Cái màn trình... ủa màn nhi, bị thùng chưa gọi đi Liên Sô vá được nên nghe lạc âm... thiếu!"

"Ró ó... ót!"

Mọi người lẫn nhào ra đất. Phen này thì đúng nó rồi. Dưa hấu rút trên đầu. Mỗi người đều lắng nghe coi xương thịt mình văng đi đâu để xin giấy báo tử. Nhưng... một phút, hai phút, rồi năm phút, mọi vật vẫn bằng an.

Ông Phó tiểu ban lớp ngóp ngòì dậy trước:

"Có tiếng gì quái gỡ vậy he?"

"Giống in là đạn pháo bày ở Long An bắn vô Kinh Dương Văn Dương vậy ta!"

"Không!" Nhạc sĩ khẳng định một cách duy nhất đúng.

"Đó là tiếng con gà trống mắc dịch của ông Thứ trường văn hóa nhà mình. Tại vì mình giàu tương tượng quá xá nên bất cứ tiếng động nào mình cũng cho là xuất phát từ Utapao và Guam đó thôi."

Ông Phó tiểu ban vốn là người "Thâm niên cách mệnh", có thành kiến sâu sắc với đám theo đóm ăn tàn. Bỗng dung một dùm ma-cà-ròng-giấy nào đâu ở ngoài Sài Gòn lại được Mặt Trận vông lọng khênh vô đây đặt lên đầu tụi giải phóng thứ thiệt, nên miệng thì nói ngọt ngào nhưng chỉ ngó bằng nửa con mắt. Trong những buổi uống trà, anh em thường châm chọc họ một cách cay độc nhưng ông Phó vẫn cứ đề yên.

Biết thế, văn sĩ A nói:

"Cái ông Thứ trưởng nhà mình không có việc gì làm nên đâm ra nuôi gà. Mà toàn là gà mái. Con nào con nấy cái mỏng đồ chót, lại đẻ xòn xòn. Bị anh em ngạo: Trứng đó đem ấp chắc nở ra gà con! Bởi thế ông mới mua con gà trống mắc dịch để diệt khẩu chế diễu ông đó."

Nhạc sĩ đưa đây:

"Bộ hết giờ sau mà nè buổi sáng thiêng liêng, con gà phải gió lại cất giọng xô-pờ-ran-nô thế?"

Ông Phó tiểu ban giục:

"Hịch pha trà dảo trung ương chắc uống gắt cổ lăm. Vậy đem trà mình ra thết đồng chí Trung ương, kéo nó tới ta phải mắc công đem xuống dưới kia pha trà với nước tuyền đài."

Văn sĩ A nói:

"Chỉ có anh là còn *Con Khi học máu* ⁽⁴⁾ thôi, chớ đâu có đũa nào còn gì!"

"Còn *con khi đỏ đít* đâu?" ⁽⁵⁾

"Uống hết rồi!"

Trong khi ông Phó tiểu ban chỗi tay trên đầu gối đứng dậy moi ba lô treo trên đầu võng để bắt *con khi học máu* ra thì văn sĩ lô-can đi đến các lều gom nào chén Hungari xếu mếu sống sót sau cuộc vượt Trường Sơn, nào những cái vỏ đạn róc-kết bị bức hiếp làm cốc uống trà, tất cả được năm, sáu cái và xếp thành hình trên mặt tấm ni-lông rách.

Nước trong guy-gô đã sôi bỏ vôi. Vi trùng sốt rét, vi trùng kiết lỵ... hẳn đang ôm xoắn lấy nhau múa bản Tình Ca hấp

hồi chờ tuôn vào những cái dạ dày mỏng để tái sinh và đóng chốt luôn trong đó.

"Nè, anh nào giỏi giò chạy kêu anh Tám Thủy Thủ lại chơi. Ảnh cần biết ở ngoài Hà Nội độc giả hoan nghênh và trung ương khen cái truyện CHIẾC GUỐC XINH XINH của ảnh như thế nào."

Phó tiểu ban báo cáo với nhà thơ Trung ương:

"Ảnh mới đi một chuyến công tác ở Mỹ Tho về. Ảnh may mắn được tiếp xúc với thực tế cách mạng. Lần này không những ảnh "đèo" một chiếc guốc như vừa rồi mà là một lố. Nhà xuất bản Văn Học hãy chuẩn bị đi! Nghe ở dưới Mỹ Tho có một nữ cán bộ tên Cúc mê cái... chiếc guốc đó lắm. Chắc guốc sắp đủ đôi rồi. Mà có gan ở lại ăn cưới không?"

"Hồi nãy đi ngang qua lều ảnh, tôi có rủ, nhưng ảnh đang rên hừ hừ, nên mặc dù có đại diện Trung ương vô mà ảnh không tới được, ảnh gởi lời xin lỗi đồng chí đại diện Trung ương."

Văn sĩ vừa trắng, rửa chén, vừa nói:

"Công việc ngoài đó rất nặng! Ảnh phải về ngay thôi."

Thi sĩ Trung ương tiếp:

"Anh Tám Thủy Thủ được ở ngoài đó khen dữ lắm. Anh em mình phải cố gắng giác ngộ cách mạng ảnh thêm nữa, để đưa ảnh gần thêm lý tưởng cao đẹp của mình!"

Phó tiểu ban cười mũi:

"Sợ anh ấy giác ngộ ngược lại mình mới bỏ mạng chứ!"

Thi sĩ hơi dỗi vì câu nói bất ngờ nhưng cô lướt qua bằng cách kể lại dư luận về truyện "Chiếc Guốc Xinh Xinh" ở Hà Nội bằng một giọng nghiêm chỉnh. Nhưng màn tai của thính giả vốn bị lệch vì B52 nên tiếng nói của thi sĩ đâm ra méo mó, đôi khi nghiêm chỉnh hóa ra hài hước.

Vào một buổi sáng mùa đông u ám, ông Trưởng ban Tuyên Huấn đến trụ sở Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật để ban huấn từ cho văn nghệ sĩ.

Ông ta lúc nào cũng nhăn nhó như cách mạng Miền Nam sụp đổ đến nơi. Hề huấn thị là dạy nghiêm, giằn mặt, hoặc dọa dẫm. Do đó văn nghệ sĩ gọi ông ta là "Dì ghê". Vốn được ở gần và được Bác huấn luyện luôn, bà Dì ghê có biệt tài cầm b... cho Bác đế nên cũng muốn tìm đũa vén váy cho Dì tè. Đó là luật trưng quan của Biện chứng pháp. Cũng lô-gích thôi. May quá, Dì tóm được anh chàng "nhà thơ không có thơ" này. Dì lập tức bỏ lên ghé Tổng biên tập báo Văn nghệ. Do đó anh ta coi Dì như đấng sinh thành, luôn luôn ghi xương khắc cốt chín chữ Cù Lao... Ròng.

Hôm nay, Dì bước lên diễn đàn, tay cầm tờ Văn Nghệ. Ất tờ báo có phạm luật cấm gì của triều đình. Anh Tổng biên tập suýt chết ngất, nhưng không phải vậy. Thay vì nhăn nhó, như cái tật cố hữu của Dì, thì Dì lại vui vẻ:

"Thưa các đồng chí, hôm nay tôi đến đây để giới thiệu với các đồng chí một nhà văn mới rời bỏ hàng ngũ Sài Gòn bước sang với cách mạng. Nói rõ hơn đây là một thắng lợi to lớn của cách mạng trong lãnh vực tư tưởng, lẫn văn học nghệ thuật."

Bà Di vừa nói vừa giơ tờ báo cuộn tròn lên. Đây là lần đầu tiên kể từ khi đời ta có đảng, bà Di không nhăn nhó trước đám đông. Thật là đại hồng phúc cho văn nghệ sĩ.

"Các đồng chí đã đọc truyện ngắn *Chiếc Guốc Xinh Xinh* của Thủy Thủ chưa?" Giọng của Di toàn dấu nặng chình chịch. "Một truyện ngắn kiệt xuất, hơn hẳn thơ *Gió Lộng* của tôi, chỉ kém thơ lục bát trật vần của Bác chút ít. Câu chuyện tố cáo rằng trong một lần hành quân tại vùng An Hóa thuộc tỉnh Định Tường, bộ đội Ngụy Sài Gòn đã đốt nhà cướp của quá tàn bạo. Đứng trước cảnh giết chóc này, một sĩ quan trong Bộ chỉ huy cuộc hành quân kia đã nhặt chiếc guốc của cô gái bị hãm hiếp, đập vào đầu tên chỉ huy trưởng và chạy bỏ đơn vị gia nhập quân giải phóng... Cách mạng thiệt là thần kỳ, làm cho kẻ thù của ta cũng phải giác ngộ. Thủy Thủ là một nhà văn được độc giả hoan nghênh nhất ở Sài Gòn. Hơn nữa, anh ấy là một sĩ quan cấp... tá trong quân chủng Hải quân và là Chủ bút tờ Chuyên san Hải quân của chính quyền Sài Gòn. Thủy Thủ là một nhà văn tiên bộ khao khát tự do. Anh ấy không thể sống và viết trong một chế độ tù ngục khát máu, nên đã bằng mình qua cái chết để tìm tự do cho cuộc sống và cho ngòi bút của mình. Viên sĩ quan trong truyện đã dám dùng chiếc guốc đập vào đầu tên chỉ huy trưởng. Viên sĩ quan đó chính là tác giả truyện ngắn *Chiếc Guốc Xinh Xinh* vậy! Hội Văn Nghệ Giải Phóng đã kết nạp nhà văn Thủy Thủ ngay... không phải qua thời gian dự bị... Đây là một nhát búa ghê gớm đập vào bọn đầu sỏ phản động và một lời cảnh cáo bọn *viết thuê* và *lũ giết thuê*."

Ông thi sĩ Trung ương kể lại một buổi ban huấn từ của bà Di ghé ở Hà Nội một cách hứng thú cho văn nghệ sĩ giải phóng nghe, nhưng không có ai vỗ tay hoặc tỏ lời khen như ông ta chờ đợi. Hơi ngượng nên ông ta tự thưởng cho mình chén trà hịch, nhưng cái chén vừa kê môi, ông ta chưa kịp

hóp thì "Đoàng!" như một dấu chấm dứt. Nào văn sĩ, nào nhạc sĩ, nào Phó tiểu ban, nào đại diện trung ương bỏ lê nằm mẹp. Nó thiệt rồi... Đã bảo mà! Nó không tới ở phút này thì nó tới ở phút kế, không có chạy đằng trời nào cho khỏi nắng B52!! Cái lều rung rinh sắp đổ. Cả khu rừng sàn qua sàn lại, như võng đưa. Người ngọm chòi đập đê cả lên nhau tìm hang chui. Quán tính hay tiềm thức (gọi bằng tiếng nào cho đúng?) thiệt là ác. Nó thâm nhiễm vào trong máu thịt, đưng tí là bật ra ngay.

Nhưng sau một hồi, mọi người nhón nhác nhìn nhau. Không phải!!!

"Đó là súng bắn tổ tiên mình!" Phó tiểu ban xác định để trấn tĩnh anh em.

"Sao ở giờ cao điểm này lại đi bắn tổ tiên?"

"Tao bảo thằng kịch sĩ đi săn lấy thịt đãi khách, càng sớm càng tốt, để rùi khách rửa chân leo lên bàn thờ rồi mình phải cúng thịt cả khu cho nó hay sao?"

Rồi quay lại ông thi sĩ Trung ương:

"Săn có đủ anh em trong hội ở đây, mà có phổ biến giống gì thêm thì phổ biến nhanh đi, kéo không còn cơ hội đây."

Ông thi sĩ không ngờ tình thế tang thương đến nỗi này. Y sờ sờ trán như tìm xem có bị thêm vết thương nào nữa không, luôn tiện mần mó mấy cộng lông mày dài và bạc trắng mọc mất trật tự, nhưng y không dám nhổ bỏ, vì thầy bói ở Bờ Hồ đã xem cho y một quẻ, trước khi y đi sứ cho Dì ghẻ vào chốn tử địa này. Đức thánh tiên tri kính đen ở Bờ Hồ gieo tiền vào mu rùa bảo rằng: Chuyến đi này tiền hung hậu kiết; kiết là lành không phải kiết lỵ hoặc són

trong quần như vừa rồi. Đức thánh kính đen cũng nhận sắc điện và bảo y phát lên được nhờ mấy cái lông mày tướng mạng ấy. Do đó mà y càng nuôi bộ lông, hy vọng một ngày kia, leo cao hơn.

Sờ thấy mấy cái lông mày trắng chưa bị B52 xén trụi, ông thi sĩ mừng hóm, thấy số mình cao hơn Xuân Tóc Đỏ, nên tự động viên lấy tinh thần trở lại rất mau. Ông ta cởi cúc áo ngực ra moi lấy quyển sổ tay, bé bằng cái bánh bèo, trong đó ông ta chép những lời dặn dò của ở trên để vô đây phụ nhĩ riêng cho anh em văn nghệ sĩ. Mặc dù đã học thuộc lòng, nhưng ông ta vẫn khâu quyển sổ dính vào da, để phòng rớt mất.

Phó tiểu ban giờ tay bảo:

"Khoan, để tao cho mời Thủy Thủ tới nghe mới được."

Phó tiểu ban vỗ đít đánh bộp kêu lên:

"Bậy quá, hồi nãy mình quên rù ảnh lại đây nghe câu chuyện chiếc dép... ủa chiếc guốc xinh xắn của ảnh được độc giả và bà Di của chúng ta khen ngợi như thế nào ở ngoài Hà Nội."

"Ừ, nghe chuyện đó ảnh sẽ cắt được vài cử rét." Văn sĩ vuốt đuôi lươn." Còn nghe hịch của triều đình thì tuyệt gốc rét luôn."

"Cậu chạy đi kêu dùm chút! Cơ hội ngàn năm có một."

"Tôi đứng dậy hú bằng gam ma-giơ được không?" Nhạc sĩ hỏi.

"Ý chết! Không được đâu! Giờ này không nên làm tiếng động gì hết, kể cả địt thằm. Hề hề... xin hiểu theo ngôn ngữ Nam Kỳ nghe, bà con ta!"

Đáng lẽ trước khi bỏ tờ hịch vào nấu chung với trà, nhà thơ phải bắt bọn nghệ sĩ Nam Kỳ sớm đầu tối đánh này đặt bàn hương án để nghênh tiếp thánh chỉ, nhưng vì sợ B52 mà quên đi. Bây giờ sắp triển khai những lời dặn dò này, nhà thơ muốn bảo họ ngồi xếp bằng ngay ngắn để lãnh hội cho nghiêm túc, nhưng chưa chắc chúng nó vâng lời. Nghĩ vậy, nhà thơ bèn trang trọng mở sổ tay ra, giơ lên gần sát với bộ lông mày trắng, đọc như trả bài trước cặp mắt nhìn trừng trừng của Di.

"Chỉ thị của ở trên trong giai đoạn hiện thời là đào thêm cho sâu các hồ trên nước Cao Mên mỗi khi cấm cọc dựng lều. Do đó các văn nghệ sĩ phải triệt để thi hành Nghị Quyết sau đây của Bộ Chính Trị:

Điều một: Triệt để không bán khi, cà khu, vượn, lọ nôi, dọc... trong rừng vì đó là tổ tiên của chúng ta. Nếu lỡ đã hạ sát một đồng chí tổ tiên nào rồi thì sau khi lóc thịt ăn phải dùng xương nấu cao và cặp dái gởi về cho mật dịch Tôn Dẫn phân phối, không được tự tiện dùng cho cá nhân, vì đó là cá nhân chủ nghĩa.

Điều hai: Nhân dịp truyện ngắn *Chiếc Guốc Xinh Xinh* của tên ngụy đăng trên tờ Văn Nghệ ở Hà Nội, Hội Văn nghệ Giải phóng phải ra sức đề cao tên Thủy Thủ, để lôi kéo những tên gà mờ khác một cách nhanh, nhiều, tốt, rẻ, cứ theo chính sách cổ cụy thò lò bốn mặt của đảng: Bề ngoài thơn thớt nói cười, nhưng bên trong thì vẫn xem hăn là ngụy 100%".

Bỗng... Đoàng! Viên đạn bay tè ngang tai, như một cái chằm cưỡng bức dứt câu. Nhà thơ ném quyển sổ úi trán xuống đất như chuột chui hang, trong lúc mọi thính giả chỉ hơi giật mình vì đã quen tai với loại tiếng súng AK sẵn tổ tiên hàng ngày và lại vừa xảy ra lúc này!

Phó tiêu ban gặt gù:

"Bữa nay cho mày chén thịt cà khu lông đỏ mặt xanh để biết mùi tanh nghe!"

Thi sĩ Trung ương lấy lại hồn thu nhanh chóng hơn lần trước. Y lượm sổ lên, mở ra, định đọc tiếp, nhưng bỗng một họa sĩ chạy tới hốt hải, mặt cắt không được hột máu, mồm lắp ba lắp bắp chẳng ra tiếng.

"Được con gì? To không? Mặt đỏ hay xanh? Đi kiếm một bình toong rượu để để tao đãi khách trung ương" Phó tiêu ban hồ hởi phán lia. Anh họa sĩ định thần trở lại, nói:

"Anh Thủy Thủ ảnh ảnh..."

"Ảnh ở đẳng lều. Cậu chạy kêu ảnh lại đây nghe khen, mau lên!"

"Ảnh bắn... bắn..."

"Bữa nay ảnh đã trở tài sẵn bắn tổ tiên hả? Ừ, ảnh là con nhà lính chắc xạ tiễn khá hơn tụi mình."

"Ảnh bắn vào đầu!" Họa sĩ trở tay vào đầu mình.

"Thì đúng là Dương Bá Dương, bách bộ xuyên dương chó còn gì nữa. Khi, dọc, phải bắn trúng đầu chúng mới chịu buông tay chứ trúng chỗ khác thì không ăn được."

Chàng họa sĩ nghẹo đầu sang bên:

"Ảnh a... ảnh bắn vô đầu ảnh!"

"Trời đất!"

"Hả... hả...??"

"Cái gì?" Mọi người nhảy dựng cả lên như bị B52 làm nảy tung mặt đất.

"Ảnh bắn vô đầu ảnh!!"

"Ảnh bắn vô đầu ảnh, ảnh nào?"

"Thủy Thủ bắn vô đầu Thủy Thủ, rõ chưa?"

Mọi người rụng rời tê tái. Họ mừng tượng lại phát súng vừa rồi. Viên đạn kỳ cục quá.

Nó bay đánh tét ngang tai như xé lụa làm cả tiệc trà sụp xuống tránh. Đạn bắn phải bay bổng lên trời chứ sao lại bay thấp vậy. Thì ra... viên đạn quái ác.

Văn sĩ, nhạc sĩ, phó tiểu ban đâm đầu chạy, cụng đầu vào cây rừng ngã ngựa, tróc gốc. Đến lều của Thủy Thủ dừng lại, như cua rơ tới mức ăn thua. Một sự thực bày ra trước mặt. Tác giả *Chiếc Guốc Xinh Xinh* nằm trên võng, khẩu AK ôm choàng ngực anh như đứa con đeo vú mẹ. Hai tay anh gầy khảnh khiu rám nắng buông thỏng hai bên mép võng, những ngón tay đụng đất quắp lại run run như đang miết cò tiếp thêm. Mắt nhà văn còn nháy nháy nhìn xuyên nóc lều và tàng lá như để tìm trời xanh. Đầu nghẹo sang mép võng, ngó về phía chiếc gà mèn ngã lăn trên nền đất nâu trong đó còn dính tí cháo còn sót sau bữa ăn chiều qua,

như muốn nói: "Cảm ơn gà-mèn! Ta đã đeo mi trên lưng từ bấy đến nay và ta đã hiểu lòng mi! Ta hiểu mi quá ể, gà-mèn ơi!"

Một vết thủng từ dưới cằm như một đóa hồng xinh xinh trở ra đỉnh sọ. Vào thì bé, mà ra thì phá to quá. Cái nắp sọ bay tung. Óc tóe ra nhuộm máu như đậu phụ dính cà chua trên bữa ăn cơm của cán bộ Hà Nội. Trong cái sọ bọng ắt hẳn còn một khoảng trống giành cho chiếc guốc xinh xinh ngày nào.

Cuộc hành quân vùng An Hóa của Ngụy Sài Gòn mà anh mô tả năm nào đã thực sự kết thúc nơi cái lều này. Cái gót guốc mổ vào đầu ai kia, ai kia chẳng hề gì, nay quay ngược lại mổ vào chính chủ nó. Ôi cái gót guốc xinh xinh!

Ông Phó tiểu ban giật lấy chiếc lều phủ lên người nhà văn. Những đầu ngón chân đã trở nên xanh như chàm. Máu không tới đó được nữa. Trái tim đã ngừng bóp. Chiếc võng như con tàu bị vỡ toang *lốc* máy, ngừng hẳn.

Sau khi che lấp cái cặp mắt chưa chịu nhắm kia, ông Phó tiểu ban lục lọi ba-lô của nhà văn. Không có món gì quý giá hơn quyển sổ tay anh dùng ghi đề tài mà ai cũng biết. Trong đó có những đề tài anh lấy được trong chuyến công tác ở Mỹ Tho mới vừa rồi.

Anh say sưa kể cho anh em nghe trong những bình minh uống trà lơ láo.

Anh em hỏi:

"Chùng nào thì có một chiếc nữa để gửi ra Hà Nội cho thành đôi xinh xinh?"

Thủy Thủ không đáp. Cho đến hôm nay, tiếng "đoàn" là câu trả lời.

Ông Phó tiểu ban mở quyển sổ ra, lật ào ào như gió bão, trong lúc anh văn sĩ, người đã uống nhiều guy-gô trà kho nhiều nhất với Thủy Thủ thì hốt hoảng lục các thứ đồ tể nhuyễn như ruột tượng, bao đạn, lon muối, lọ tiêu, bó củi, hủ ớt ngâm dấm và mấy rê thuốc ông Tề, tất cả mua ở chợ chòm hôm Ché Phèn trong chuyến đi vừa rồi, cũng không biết để tìm gì. Ý như đập cổ kính ra tìm bóng...

Bỗng Phó tiểu ban ngừng lật và giơ quyển sổ ra:

"Này, đọc! Đọc!"

Mọi người dụi đầu, mắt dán vào những dòng chạy trên trang giấy, nét rất cứng cáp, cả chữ in lẫn chữ viết chen trong những chấm than dựng lên tua tủa như đầu đạn.

TÌNH YÊU: ngộ cụt!!! SÁNG TÁC: bé tấc!!! CÁCH MẠNG:?!!!! GUỐC ơi, ta không có ĐƯỜNG VỀ!!!

Thủy Thủ là một nhà văn tiến bộ yêu tự do. Một đêm mưa dầm anh đã kiêu hãnh lái tàu rời bỏ đại dương quen mà anh cho là ao tù chật hẹp để vượt đi tìm những vùng trời nước lạ thênh thang hơn cho thỏa cánh chim bằng. Anh đã đến nơi anh mơ ước. Nhưng con tàu anh đi đâu có được bao nhiêu hải lý, và Thủy Thủ đã trông rõ mặt đại dương, đã tự nhận lại chính mình. Đại dương là thế đấy. Nó là thế đấy. Nó chỉ đẹp trong mơ, trong thơ. Nó chỉ đẹp khi người ta đứng trên bãi cát và cặp tay người yêu cùng nhìn. Chứ không thể đẹp khi lướt trên đầu sóng lưới búa.

Bây giờ Thủy Thủ buông tay. Chiếc võng đã liệm đời anh như một con tàu ghệt cứng hai đầu, mũi và lái. Tới không

HUỶNH ÁI TÔNG

có đường đã đành mà lui thì... Guốc ơi, ta không có đường về!

(1980)

1. Le Doux, tiếng Pháp có nghĩa là Lành. Lê Đạt đặt cho Tố Hữu tên là Me xù Lơ Đu, rất phổ biến trong văn nghệ sĩ.
2. Sống Như Anh làm một quyển sách ca ngợi Nguyễn Văn Chỏi hay Trời gi đó.
3. Thơ “Hãy nhớ lời tôi” của Tố Hữu.
4. Loại trà Cao Miên có nhãn hiệu Con Khi in hai màu xanh đỏ, vì in kém mỹ thuật nên màu đỏ tùm lum ở miệng, do đó anh em gọi là trà con khi học máu.
5. Cũng màu đỏ tùm lum dưới đất khi nên anh em gọi là con khi có tháng (nhưng người viết tránh tục tữ viết là khi đỏ đất).

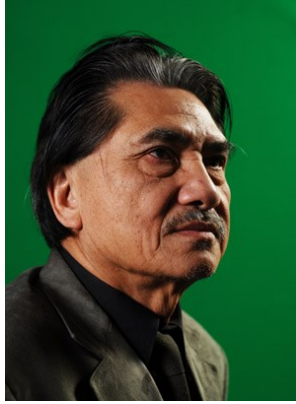
Trong bài *Xuân Vũ*, *Kẻ sống sót từ Đường đi không đến*, tác giả Nguyễn Mạnh Trinh đã viết về Xuân Vũ:

“Xuân Vũ từ trần ngày 1 tháng 1 năm 2004. Với một gia tài văn chương đồ sộ gần 50 tác phẩm, chắc chắn những người ghi chép văn học sử không thể quên ông. Bây giờ, ông đã đến nơi chốn vĩnh hằng chứ không phải cứ xoay vòng mãi từ Đường Đi Không Đến và Đến Mà Không Đến. Có thể ông đã trở về Quê Ngoại của ông, nơi mà ông gửi cả tâm lòng khi còn thuở sinh tiền cầm bút...”

Tài liệu tham khảo:

- Xuân Vũ Web: hocxa.com
- Bình minh lơ lảo Web: namkyluctinh.org

8. Viên Linh



Viên Linh - Nguyễn Nam (1938-20)

Viên Linh tên thật là Nguyễn Nam sinh năm 1938 tại ga Đồng Văn Hà Nam, có truyện ngắn đăng trên trang xã hội nhật báo *Tiếng Dân*, Hà Nội, năm 14 tuổi.

Cũng tại Hà Nội, đã cùng Dương Nghiễm Mậu xuất bản một tờ bán nguyệt san in hai màu, khổ nhỏ, vào năm 1953.

Di cư vào Nam đêm Noel 25.12.1954.

Tự học và tự lập từ năm 16 tuổi.

Phóng viên thường trực nhật báo *Ngôn Luận* năm 1957.

Có một thời gian dạy học tại Trung Học Tư Thục Bạch Đằng Ban Mê Thuột.

Thư ký tòa soạn báo *Điện Ảnh*, có bài *Đời Rút Xuống* đăng trên *Sáng Tạo* số 4 bộ mới tháng 10 năm 1960. Thư ký tòa

HUỶNH ÁI TÔNG

soạn *Tuần báo Điện Ảnh* năm 1960, từ đây chọn ngành báo chí, theo đuổi nghiệp văn chương.

Trong hơn 10 năm kế tiếp, làm Thư ký và Tổng Thư ký Tòa soạn các báo *Kịch Ảnh*, chủ nhiệm Quốc Phong, Nhật báo *Dân Ta*, chủ nhiệm Nguyễn Vũ, Nhật báo *Đất Tố*, chủ nhiệm Thích Thiện Minh.

Thư ký Tòa soạn Nhật báo *Tiền Tuyến* của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị trong hơn 6 năm thi hành nghĩa vụ quân dịch, với các chủ nhiệm Lê Đình Thạch, Hà Thượng Nhân.

Trong gần 5 năm, làm Tổng thư ký Tòa soạn *Tuần báo Khởi Hành* của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội với chủ nhiệm Anh Việt Trần Văn Trọng.

Giải ngũ năm 1972.

Tổng thư ký *Tuần báo Diễn Đàn* (chủ nhiệm Phan Huy Quát) cho đến khi tự xuất bản nguyệt san *Thời Tập*, từ 1973 tới Tháng 4.75.

Trong thời gian từ 1964 tới 1975, cho xuất bản gần 20 tác phẩm; cuốn *Gió Thấp*, bản đánh máy, được trao Giải Nhất Giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1974.

Di tản, định cư tại Hoa kỳ từ năm 1975

Năm 1976, được trao học bổng the Ford Foundation để soạn *Những Khuynh Hướng Văn Học Tại Miền Nam Việt Nam 1954-1975*, chưa xuất bản.

Năm 1980, cùng em trai, Chơn Pháp Nguyễn Hữu Hiệu, xuất bản một tập thơ vô danh gửi đi từ Hà Nội, ông đặt nhan đề cho tác phẩm này là *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực*, tác

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

giả được gọi là Ngục Sĩ. Sau được biết tác phẩm *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực* là *Hoa Địa Ngục* và tác giả là Nguyễn Chí Thiện.

Viên Linh là Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, từ năm 1993 đến năm 1995.

Chủ nhiệm, kiêm chủ bút tạp chí *Khởi Hành* tại California từ tháng 11 năm 1996.

Tác phẩm:

- *Hóa Thân (thơ – 1964)*
- *Thị Trấn Miền Đông (1966)*
- *Cảnh tượng đêm nay (1966)*
- *Một Chỗ Nào Khác (1967)*
- *Cuối Cùng Em Đã Đến (1968)*
- *Cánh Cửa Đêm Thâu (1969)*
- *Chiều Hôm Gió Cuốn (1969)*
- *Cuối Trời Hôn Mê (1969)*
- *Mã Lộ (truyện, Văn Uyển, 1969)*
- *Tình nước mặn (truyện dài, 1972)*
- *Hạ đỏ có chàng tới hỏi (truyện, 1973)*
- *Lòng gương ý lược (truyện, 1973)*
- *Tôi nơi em ở (truyện, Khai Hóa, 1973)*
- *Gió thấp (1974)*
- *Thủy Mộ Quan (thơ – 1982)*
- *Chiêu Niệm Văn Chương (Biên Khảo, 2000)*
- *Thiếu thất (thơ)*
- *Một mùa mê hoặc*

Trích văn:

Mùa Thu Virginia

HUỶNH ÁI TÔNG

Đã lâu lắm, những giọt mưa nhẹ nhàng của mùa Thu mới lại rơi trên đôi vai một kẻ bộ hành tới từ miền gió cát. Hôm nay vào giữa Tháng Mười, từ California tôi trở lại Arlington, một quận hạt của tiểu bang Virginia, bên này cầu Key, nơi tọa lạc ngôi nhà đầu tiên gia đình chúng tôi cư ngụ tại Hoa Kỳ.



Cầu Key trong mùa Thu nhìn từ Virginia qua khu Georgetown, Washington, D.C.

Bên kia là khu Georgetown của thủ đô Washington, D.C. - chỉ cần hai chục phút đi bộ qua cầu là tới. Cây cầu không có gì hùng vĩ, tuy nhiên Francis Scott Key (1779-1843) - tên ông được đặt cho cây cầu, là người có những lời ca ngợi nước Mỹ mà không một ai trong chúng ta, không từng nghe, hay không từng hát lên: lời ca của bản Quốc ca Hoa Kỳ chính là lời ông viết vào năm 1814:

*Oh, say can you see by the dawn's early light
What so proudly we hailed at the twilight's last
gleaming?
Oh, say does that star-spangled banner yet wage
O'er the land of the free and the home of the brave.*

Khi nghe hát hay hát theo những lời ấy, khi đứng nghiêm chỉnh hướng tầm mắt lên cao, hay nhìn thẳng vào lá cờ sao và sọc, màu đỏ pha đen của lửa và thép, và màu xanh da trời ánh khói của kỹ nghệ, nhiều người trong chúng ta hẳn đã từng nghẹn ngào, biết đến bao giờ nước mình được gọi là đất nước tự do, biết đến bao giờ quê hương mình trong thế kỷ này có được một vị quốc trưởng dũng cảm và khoan dung? Và đến bao giờ màu cờ sắc áo của dân tộc mới hết là màu máu huyết, giết chóc hung tàn, thay vào đó là thanh thiên lưu thủy, dương khí trần hoàn, nhẹ nhàng êm đềm như bóng thiên nga, vói về hạo nhiên, dáng thái hòa và hồn linh khí? Ôi, giấc mộng giản dị ấy của gần trăm triệu người vẫn chỉ thấy là sự phỉ nhổ của một lá cờ dơ bẩn, dính máu oan cừu, kể từ máu của bảy chố bị giết trộm những đêm đầu tiên cho mã tấu du kích tự do thủ tiêu ám sát dân lành ngay trong xóm làng mình, vì những kẻ mê muội nghe theo những đề cương và huấn dụ và cương lĩnh gian xảo từ phương Bắc xuống, từ quần đảo ngục tù sang? Qua biết bao ngôn ngữ ì ồ dịch thuật ngữ là cao nhã, tiếng nói the thé nhúc óc trau chuốt bằng vần điệu ca dao nơi chó ăn đá, gà ăn muối, được cay độc hiển dương thành máng cỏ của chúa hang, linh địa của ngao chủ, ngữ là sự thật.

Tháng Mười ở Miền Đông Hoa Kỳ đã mang cho tôi nhiều cảm xúc tuyệt vời, từ lùm cây lá phong đỏ màu rượu chát tới cái lạnh vừa đủ thấy ẩm qua một chiếc áo len nhẹ nhàng. Mùa Thu Virginia đã khởi sự nơi tôi một cuộc đời mới, còn tiếp diễn không ngừng. Sung sướng thay, nó diễn ra từ định hướng văn chương, công sức học hỏi, và sự may mắn.

Về thăm lại Arlington, Virginia, nơi từ lâu người viết bài này tự coi là quê hương thứ hai của mình, trong khi quê hương chính đã không còn, cho tôi viết ít dòng riêng tư, nhất là về Tháng Mười của tôi, năm 1975.

Trong những ngày ở trại tị nạn Indiantown Gap, Pennsylvania, từ đầu Tháng Sáu tới hết Tháng Bảy, 1975, trên giấy tờ xin định cư, và trong các cuộc phỏng vấn chọn nơi rời trại, là chủ gia đình, tôi chỉ xin rời trại nếu được tới định cư ở Washington, D.C., hay New York City. Gia đình một giáo sư Mỹ ở Pittsburg muốn bảo trợ, tôi đã khổ tâm để từ chối, không rời trại. Một hôm, một mình tôi được mời lên văn phòng một cơ quan thiện nguyện, nhớ hình như là The Tolstoy Foundation, người đối diện tôi có khuôn mặt của một người điền chủ xứ băng tuyết, hàm râu rậm, cái nhìn lạnh lẽo. Ông hỏi tôi rất nhẹ nhàng: ông có thể cho chúng tôi biết, vì sao gia đình ông chỉ chịu đi định cư ở một trong hai thành phố đó? Trại rất đông người rời, gia đình ông đã ở đây hơn 2 tháng. Chúng tôi cần đón tiếp thêm những đồng bào khác của ông càng ngày càng đông nơi các trại tị nạn ở Đông Nam Á.

Tôi cố sắp xếp ngôn ngữ để nói thật ngắn gọn và thật hợp lý. Nói cho thật đúng, tôi đã viết sẵn xuống cuốn sổ cầm trong tay, và tay kia cầm cái bút, để viết ra những chữ cần viết, nếu cần thì đưa họ thấy. Tôi nói, tôi là nhà văn, nhà báo. Hai chục năm qua tôi mưu sinh bằng ngòi bút. Tôi nghe nói ở New York có Thư Viện Đại Học Cornell và ở Washington, D.C. có Thư Viện Quốc Hội, là hai nơi có hai thư viện lớn nhất nhì thế giới có đầy đủ sách báo của nước tôi, cho tôi về một trong hai nơi đó thì sự mưu sinh của tôi sẽ dễ dàng hơn, sự tái tạo cuộc đời tôi và gia đình sẽ dễ dàng hơn, và tôi biết trong hai thư viện đó có một số tác phẩm của chính tôi và mấy tờ báo do tôi làm chủ bút, vậy nếu ông giúp được tôi, là ông đã giúp tôi dễ dàng làm lại cuộc đời ở Mỹ. Tôi vô cùng nhớ ơn.

Ngày mùng 3 Tháng Tám 1975, chiếc xe buýt Trailways dừng lại tại bến. Tôi sửa sang lại cái cà vạt to bản, chiếc sơ mi sọc xanh, mái tóc dài phủ gáy, vì cả ba bốn tháng chưa

cắt, và chậm rãi đặt chân xuống mặt đường. Tôi bước rất chậm rãi, tuy không bao phủ trên người bộ áo màu bạc công kênh như phi hành gia Armstrong khi đặt chân xuống mặt trăng năm 1960, nhưng trong đầu tôi văng vẳng một câu nói, câu nói của chính tôi.

“Minh sắp đặt bước chân đầu tiên xuống thủ đô Hoa Kỳ, hãy nhớ lấy lời ước nguyện.”

Tôi bước xuống lề đường, nhìn quanh, có một cặp vợ chồng người Mỹ tóc bạc, nhìn tôi với nét mặt tươi cười. Tôi bước lui vài bước để vợ cùng ba con bước xuống.

Người đàn ông Mỹ tự giới thiệu, vợ ông bên cạnh đây, và ông, tên là Charruth, đại diện cho nhà thờ The Mount Vermont Place Church tại đường East 9th Street, Washington, D.C., là nhà thờ đứng ra bảo trợ gia đình chúng tôi. Ông chào mừng chúng tôi. Rồi nhanh nhẹn lấy hành lý của chúng tôi từ ngăn đáy của xe buýt chắt lên chiếc xe hơi wagon station của ông.

Chiếc xe dừng lại tại một tiệm ăn Trung Hoa. Chúng tôi ăn mì vịt hay các thứ khác, và ngay sau đó, xe qua cầu Key, dừng lại trước một ngôi nhà hai tầng. Ông Charruth nói đây là ngôi nhà có 3 phòng ngủ, có lò sưởi điện và bếp ga, có đủ giường nệm, thực phẩm trong tủ lạnh và 47 Mỹ kim cho một tuần đi chợ dành cho gia đình 5 người chúng tôi. Đây là đường... thuộc hạt Arlington, tiểu bang Virginia. Trong gara bên cạnh có 3 cái xe đạp ba bánh cho các cháu, đứa lớn nhất mới 6 tuổi. Từ đây tới Thư Viện Quốc Hội chỉ khoảng 20 phút xe buýt.

Ông Charruth, vào Tháng Mười 1975, đã là người giúp tôi một việc vĩ đại. Số là khi còn trong trại tị nạn, tôi đọc một mẫu tin ngắn một cột, dài cỡ 6, 7 cm, nói rằng hàng năm tổ

chức The Ford Foundation vẫn phát học bổng nghiên cứu cho các học giả và các chuyên gia trong Chương Trình Nghiên Cứu Đông Dương, nay cả ba nước Lào-Miên-Việt Nam Cộng Hòa đã lần lượt mất vào tay cộng sản, còn hơn hai trăm ngàn Mỹ kim, họ sẽ phát ra lần cuối cùng, và dẹp bỏ chương trình ấy.

Tôi trình bày vấn đề với ông Charruth và bà Roberts, hai đại diện của nhà thờ, giúp tôi xin giấy tờ cần thiết để biết phải làm gì. Giấy gửi về: Điều kiện: phải có Ph.D., hay ít ra, đang soạn thi tiến sĩ. Tôi lộ vẻ thất vọng. Bà Roberts nói một câu như một cú sét, một ngọn lửa thiên lôi:

“Nếu cứ chọn tiến sĩ, cao học để trao học bổng [khoảng 12 ngàn và 50 ngàn bảo hiểm y tế cho người trúng giải trong một năm], thì phải trao cho vài vạn tiến sĩ kia kia. Trong hai thư viện Quốc Hội và Cornell, có 11 cuốn sách của ông và 3 tờ báo văn học do ông làm chủ nhiệm chủ bút [Nghệ Thuật, Khởi Hành, Diễn Đàn, Thời Tập] tôi tin ông sẽ được trao học bổng.” Ông Carruth và tôi, với hai cuốn Từ Điển Anh Việt, Việt Anh của Nguyễn Văn Khôn, trong hai ngày đã hoàn tất cái “summary 2000 chữ” gửi đi đúng vào ngày chót, Tháng Mười 1975.

Hơn mười người nhận được The Ford Foundation Research Award, tôi còn nhớ có các vị như giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, LM Lương Kim Định, Tướng Lào Vang Pao, anh Dohamid dân tộc Chăm, cựu đại sứ Việt Nam tại Mỹ Nguyễn Kim Phụng [?], các anh Vũ Khắc Khoan, Cao Thế Dung, và tôi; không kể vài học giả Âu Mỹ khác. Tiến Sĩ Charles Benoit của Ford Foundation trong thư chúc mừng tôi, cho biết lẽ ra tôi đã tuột số, vì gửi quá trễ. Nhưng tôi hiểu trong các dự án xin bảo trợ, tất cả viết về chính trị, đảng phái, tôn giáo, nông nghiệp (anh Cao Thế Dung viết về Hoa kiều và thị trường lúa gạo Việt Nam) chỉ có anh Vũ

Khắc Khoan (viết về Chèo Cổ Việt Nam) và tôi viết về Văn Học Miền Nam 1954-1975. Kiến thức của một người tự học như tôi mà được đãi ngộ như thế, thật là quá điều mong ước.

Tháng Mười ở Arlington đối với tôi, là mùa Thu trên thiên đường, ngày nào cũng đẹp, nhất là ngày chót cuối tháng, nếu Tháng Mười không có ngày 31, tôi đâu có được may mắn như thế?

Trích thơ:

Bài ca của những người giang hồ

*Ba năm không về thăm mẹ
Năm đây chiều xuống sương phong
Bốn năm không về thăm chị
Sầu ngửa nghiêng dâng trong lòng.*

*Nghe giữa chiều sang pháo nổ
Mây còn nổi ở đầu sông
Còn có ai về gõ cửa
Mà vói tay vào trong không?
[vói, không phải vói]*

*Ừ mai ừ mai nhớ lắm
Sao con không về mẹ mong
Ừ mai ừ mai nhớ lắm
Sao em không về chị trông?*

*Đàn đúm theo dăm thằng bạn
Bao năm rồi còn tang bồng
Sáng ở đầu sông nhớ núi
Đêm nằm trong núi nhớ sông*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Có tin về hôm giáp Tết
Số nó bây giờ long đong
Người yêu vẫn làm da diết
Ra chuyện ngày đi ngại ngùng*

*Ba năm không về thăm mẹ
Còn theo mộng lớn muôn phương
Còn xem trời xanh gió nổi
Đường đi mây bay chập chùng.*

*Về thì nhớ núi nhớ sông
Về thì làm sao tang bồng.*

(trích *Văn Nghệ Tiền Phong*, Sài Gòn 1955)

Nghi hoặc nổi gì

*Chơi vãn có lúc buồn nôn
Năm năm như ốc mượn hồn thác sinh
Ta đi tan vỡ bóng hình
Cười lên nhân ảnh
một mình mà quay.*

*Giờ đây ta biết giờ đây
Bốn mươi tuổi đó thân này còn tươi
Đêm nay ngoài phố mưa rơi
Là hư hay ảo cõi đời đang qua?*

*Năm xanh lục, tháng nâu đà
Ngày đen đêm trắng trong ta mấy màu
Nhìn đời cặp mắt đen sâu
Thương yêu trái đỏ hận sầu xám xanh*

*Bâng khuâng tâm ý không thành
Vong niên còn tưởng vừa sinh kiếp này*

*Giật mình đường chỉ trên tay
Nhủ ta nhìn lại tháng ngày đã đi.*

*Bốn mươi nghi hoặc nổi gì
Lòng sông bóng nguyệt thắm thì thời gian
Con chim trốn tuyết xa đàn
Để tôi về ẩn nổi hàn trong tôi.*

Thiên địa ca

*Về trong cuộc sống hôm nay
Nghe chân bước chậm nghe tay vội vàng
Đây rồi chặng cuối dương gian
Kiếp xưa muôn tội, thiên đàng một xa*

*Năm năm tôi mới tôi già
Cây xuân chưa nộ tàn ma ít nhiều
Đỉnh trời dốc nhọn nom theo
Châm lưng dấu mực còn đeo mỗi giờ*

*Về trong cuộc sống tiêu sơ
Vội tô sắc diện son mờ tuổi xuân
Thôi còn nhất điểm lương tâm
Khuya nay gầy mới tình chân với đời.*

*Thiên cùng, địa tận về thôi
Ở đây trời đất với tôi một người.*

Những Giờ Cùng Tận

*Đêm nay tôi thấy gió
Thổi ray rức lòng đường
Đóng giùm tôi cánh cửa
Chấn giùm tôi tang thương .*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thời gian, ở những giờ cùng tận
Như hôm nay cùng tận một năm
Tôi phải tới chốn hẹn này
Gặp một người vắng mặt*

*Mập mờ chỉ thấy dung nhan
Trong đáy cùng sâu thẳm của tháng ngày.*

*Hẹn nhau
Ở những giờ cùng tận
Có phải em chẳng người tình quá khứ
Chẳng bao giờ còn gặp mặt,*

*Anh vẫn nghe lâu lắm
Trong mưa rơi gió thổi
Trong nắng cháy bụi mù
Tiếng em nói giọng em cười
Cùng lời trò chuyện cũ.*

*Anh vẫn nghe lâu lắm
Trong tiếng xe âm ỹ Sài Gòn
Trong tiếng đế ni non một ngôi nhà
Miền ngoại ô hoang vắng*

*Em dữ dội, hân hoan
Cùng lời nguyện rửa số sàng ngày vĩnh biệt*

*Bước đi tên mù loà tàn nhẫn tham lam
Anh chỉ được những gì đã mất*

*Anh biết anh yêu từ dĩ vãng
Còn em xanh biếc chân trời xa
Trên sợi dây căng giữa hai đầu định mệnh
Bật lên âm thanh sâu ngát của chiều tà.*

Tan vỡ.

Hẹn nhau

Ở những giờ cùng tận

Có phải chẳng kiếp trước hiện về

Ngó tôi bằng bộ mặt không quen

Đầy trắc ẩn

Bên kia cây cầu ngang giòng sông tôi om

Đậu sẵn một con đò vô định

Xoã tóc hiện hình người với bóng

Chân dung tôi chụp lúc không còn.

Tôi vẫn nghe lâu lắm

Trong mưa rơi gió thổi

Trong nắng cháy bụi mù

Hình bóng tôi thấp thoáng

Như bóng hình hư vô

Mỗi ngày nghiêng xuống như chiều xế

Trong cảnh đời đang chịu ố vàng.

(1972)

Trên Tàu Hỏa Paris - Frankfurt *

1.

Thiếu em, thơ thiếu một dòng,

Lời ca thiếu nhịp, trong lòng thiếu vui.

Tàu đi, tiếng sắt bụi ngùi

Đáy toa gió giật bóng người lụi nhanh.

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thiếu em, lan thiếu một nhành
Tay dư mười ngón, bóng hình dư gương.
Bánh lăn, trục cuốn chiếu giương
Một nghìn cửa sổ thiếu đường tìm em.*

*Tàu êm, rượu rủ vào đêm
Ly men rót mãi cũng mềm lòng ga.
Rượu say, đâu cũng là nhà
Hai thanh đường sắt thế mà gặp nhau.*

2.

*Chim bay từ Bắc sang Nam
Mặt trời đang lại nổi hàn đang xa.
Em ơi từ lúc phi pha
Mặt trăng càng tỏ sân ga càng gần.*

*Con tàu lặng lẽ vào sân
Anh là hành lý gửi làm đến đây.*

Thủy mộ quan
(trích)

1.

*Một biển trôi xa nghìn đảo lặn
Trời mây vẫn vũ thủy mang mang
Xung quanh màu bạc, trong lòng tối
Điểm cuối quê nhà, một góc đen.*

2.

*Có kẻ bên trời thức trắng canh
Hồn xưa binh bại quản chân thành*

*Lắng nghe tiếng keng đồn quân cũ
Hối hả ra đường rào bước nhanh.*

3.

*Nằm mộng đêm nay vào Hoả Ngục
Kiếm người oan thác đã trâm xanh
Dưới hiên mưa vắng hồn khua nước
Thả chiếc thuyền con ngược bến không.*

Thơ bệnh

*Lúc này hình đất tượng cây
Đời ta như nước chảy đầy bãi xa
Chiều rồi lòng mở không ra
Mênh mông trong ngực mùa hoa hải tần.*

*Khôi um kín mộng thanh tân
Hình ta sụp đổ mấy lần trong gương.
Bên kia bóng vội lên đường
Đằng sau mặt thủy trùng dương sóng dồi.*

*Nước xa cuộn cuộn ra khơi
Sâu trong tâm thể có đôi giọt gần
Bãi sầu trời ngập đến chân
Dương gian ta lún nửa thân còn gì?*

*Chiều nay mưa dưới Âm Ty
Ta nghe kiếp trước thăm thì hỏi han.*

Đêm Trường

*Nhớ em rồi Cúc Hoa xưa
Đêm nay dưới ngói trời mưa tầm tầm
Nhớ em về cái thu âm*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hồn theo bóng ngoại phân thân chín từng.
Nhớ em ly rượu còn lưng
So đôi đũa mộc cười bùng cơn say
Phải anh rồi phải anh đây
Bữa cơm hai bóng một ngày phần dương.
Nhớ anh chưa Cúc mắt vàng
Cúc xanh mi Cúc biếc hường trái tim
Cúc đen đầu đỏ Cúc mềm
Vui anh trong bụng Cúc hiền như dao.
Năm năm đời trú mái sâu
Thời gian phai nhạt những màu yêu đương
Nhớ em lần nữa chiếu giường
Đêm nay lại một đêm trường như xưa.*

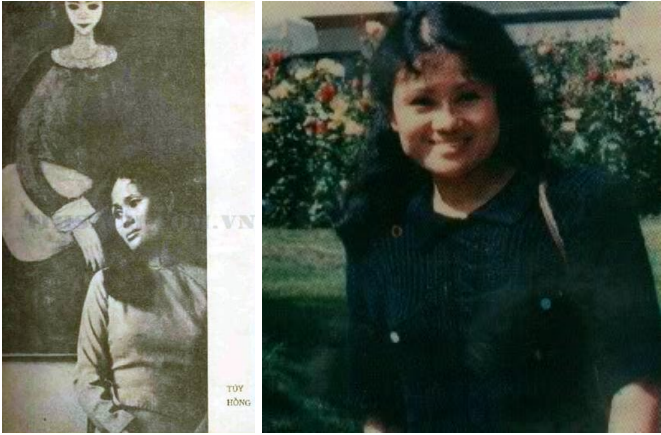
Viên Linh là nhà thơ, nhà báo, nhà văn. Thơ làm từ năm 17 tuổi đăng trên tuần báo “Văn Nghệ Tiền Phong” ở Sài Gòn, rồi 5 năm sau trở thành nhà báo, chủ nhiệm tạp chí từ trong nước ra tới hải ngoại, có trên nửa thế kỷ làm báo, nhưng chắc chắn thơ của ông thành công hơn hết, được Nguyễn Sa, Lê Huy Oanh, Huỳnh Hữu Ủy...viết những bài ca ngợi về thơ ca của ông.

Tài liệu tham khảo:

- Viên Linh Web: hocxa.com
- Mùa thu Virginia Web: ngoclinhvugia.wordpress.com



9. Túy Hồng



Túy Hồng - Nguyễn Thị Túy Hồng (1938-)

Nhà văn Túy Hồng tên thật Nguyễn Thị Túy Hồng sinh ngày 12 tháng 10 năm 1938 tại Chí Long Phong Điền Thừa Thiên. Tốt nghiệp đại học sư phạm Huế. Dạy Trường Hàm Nghi Huế và Mạc Đĩnh Chi Phú Lâm, Sài Gòn.

Năm 1961, bắt đầu viết truyện ngắn *Bát nước đầy*.

Cuối năm 1966, nhà văn Túy Hồng lập gia đình với nhà văn Thanh Nam.

Đã cộng tác với các tạp chí *Văn Hữu, Bách Khoa, Lập Trường, Văn, Văn Học, Tin Sách, Nghệ Thuật, Kịch Ảnh, Con Ong, Điều Hâu, Tia Sáng, Độc Lập, Tin Sáng, Thần Phong, Thời Nay, Đời Nay, Khởi Hành, Tiền Tuyến, Vấn Đề...*

Giải nhất về Văn học nghệ thuật Việt Nam Cộng Hòa năm 1970, với tác phẩm *Những sợi sắc không*.

HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày 15 tháng 4 năm 1975, gia đình Túy Hồng đã rời Sài Gòn đến Phú Quốc, đến 22-4-1975 lên tàu của Đệ thất hạm đội đến đảo Guam. Được phi cơ đưa từ đảo Guam đặt chân xuống đất Mỹ tại Pennsylvania. Đầu tiên định cư tại New Jersey.

Đến năm 1976, dời sang miền Tây, định cư tại thủ phủ Seattle, tiểu bang Washington Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Thờ dài* (1963)
- *Vết Thương Dậy Thì* (1967)
- *Tôi Nhìn Tôi Trên Vách* (1970)
- *Những Sợi Sắc Không*
- *Trong Mưa Móc Hạt Huyền* (1970)
- *Bướm Khuya* (1971)
- *Nhánh Tóc Sợi Dòn* (1972)
- *Mối Thù Rực Rỡ*
- *Eo Biển Đa Tình* (1973)
- *Trong Cuối Cùng*
- *Sạn Đạo*
- *Tay Che Thời Tiết*
- *Mưa Thâm Trên Bông Phấn*
- *Thông Đưa Tiếng Kệ*

Trích văn:

Võ Phiến

Hai tiết trôi qua, giờ ra chơi, tôi vào phòng giáo sư ngồi nghỉ. Các nam đồng nghiệp làm như không nhìn thấy tôi, vẫn nói chuyện với nhau.

Hôm nay sắc trời đổi khác, nhưng tác phong của mấy ông thầy giáo trẻ ấy vẫn như mọi ngày, họ không bao giờ nhìn tôi nữa con mắt, hoặc tán tỉnh tôi một đôi lời mà lòng tôi thì rất sẵn.

Trường trung học Hàm Nghi tọa lạc sau cửa Thượng Tứ, một ngôi trường khiêm tốn, không nổi tiếng như trường Quốc Học và trường Đồng Khánh. Học trò con trai xứ Huế, sau cuộc cách mạng quân đội lật đổ chế độ gia đình trị họ Ngô, đã đứng vùng lên biểu tình bạo động, đầu tổ giáo sư.

Ai ai cũng biết chắc rằng thế nào Bắc-Quân cũng tổng tấn công và đánh chiếm Huế bất cứ giờ phút nào, cha mẹ và các em tôi di cử vào Sài Gòn. Tôi là công-chức mới vừa được bổ dụng, bị kẹt lại ở phố cổ, vùng địa đầu.

Tôi xin chuyển về dạy trường Gia-Hội. Trường này nằm sau đầm sen trước tú dinh ông Hoàng Mười, sáng chiều có con đò nhỏ một mái chèo ngo ngoàng trầm tử giữa hai bè bèo tím biếc và vạt rau muống tươi xanh non dại như lòng con gái nhẹ mềm..

Những đêm rằm, tôi chèo thuyền về xóm Đập Đá đất khô cứng, ngó xuống thôn Vĩ-dạ xanh um hàng cau lả mình trong gió đa tình, trong ánh trăng Hàn Mạc Tử, lòng thấy nhớ những cuốn sách dày, những tập thơ mỏng, những tên tuổi người viết lách.

Những ngày thứ bảy, tôi phóng xe đạp lên đồi Vọng-Cảnh, hướng về điện Hòn-Chén, thả tầm mắt ngắm núi Ngự Bình trọc đầu, nhìn xa xa về cửa Thuận An, rồi đăm chiêu ngắm Thành Nội êm đềm tĩnh lặng.

Cát dẫu hình bóng sông Hương núi Ngự trong tâm, áp ôm khung trời xứ Huế đa tình đa tật trong lòng và không mấy

nặng tình với luân lý Khổng Mạnh, tôi nảy sinh tham vọng viết văn. Nhiều đêm tôi thức trắng viết truyện ngắn đầu tay gửi đăng báo Sài Gòn. Một tuần lễ trôi qua, tòa soạn báo Văn Hữu phúc đáp. Trong bao thư trả lời có một nghìn đồng tiền nhuận bút và những dòng chữ hồi âm của nhà văn Võ Phiến: “Sao tôi khờ dại và ngu như bò! Sao tôi thật thà chất phác như trâu. Suốt thời gian làm việc ở sở thông tin Huế, tôi dốt nát và u mê như heo! Tôi không dám tìm gặp cô một lần, và không đủ can đảm làm quen với cô hồi đó! Xứ Huế đang yêu ai và có bao giờ sông Hương ngủ đò.. Chào cô!..”

Hai ngày sau, Võ Phiến thân ái tặng sách: “Tôi gửi cô cuốn *Hồng Lôu mộng*.”

Tôi phóng xe đạp ra bên sông ngồi suốt buổi chiều. Chớp leo lét trên đồi, sấm rung rền từ đằng xa, mây nằm chồng lên nhau như mây đang làm tình. Con giông và làn gió cuốn lại, đàn quạ bay lượn tròn, kêu man dại rồi vòng lại bay lui. Tôi tự hỏi nếu ai đó có một chút buồn, một chút chán đời trong buổi chiều rục rờ này, kẻ đó chắc không phải là tôi.

Sau đó, tôi dắt xe đạp đi bộ vào làng *Quảng*, dừng lại bên một cái hói, con lạch này là một nhánh của sông Hương.

*Nguyệt Biều làng Quảng bao xa
Cách nhau cái hói trở ra hai làng.*

Trước khi rẽ vào Bến Ngự, tôi ghé chợ mua một mớ khoai lang dương ngọc, một chút ít bột hàn-the để làm một gói mứt Huế gửi tặng Võ Phiến.

Những lát mứt khoai lang nặng nghiệp văn nghệ, những trang tiểu thuyết *Hồng-lâu mộng* nặng tình văn hữu, thư từ

giao thiệp đều đều mỗi ngày, nhưng Sài Gòn và Huế giới nghiêm chúng tôi: tôi không xê dịch khỏi Huế và Võ Phiến cố định ở Sài Gòn. Rồi một buổi sáng nắng Huế hung hăng bốc nóng, ông cai trưởng dúi vào tay tôi một bức thư, Võ Phiến với nét chữ nghiêng nghiêng đã viết: *Anh xin thú thật với em một tội lỗi, vì một ngày kia em sẽ hỏi. Xin em tha thứ cho anh: anh đã lập gia đình từ lâu, và vợ chồng anh có bốn đứa con.*

Đó là cái nghiệp của ít nhiều nhà văn và nhà thơ nữ miền Hương-Ngự, những kẻ tháo gỡ vòng dây trói Khổng Mạnh Huế để vào nam hòa nhập với tự do Sài Gòn. Những người viết nữ thường sa vào tay những kẻ đã có vợ và nhiều con. Nếu tôi là một ông thầy tướng số mù, (*thầy bói thì phải mù, chứ thầy bói mà hai mắt mở thao láo thì nói ai nghe*), tôi sẽ tiên đoán vận mệnh của các nhà văn nữ: văn chương thì rạng rỡ, nhưng tình duyên thì trắc trở. Những nhà văn nữ thường thích sinh sống ở Sài Gòn hơn ở Huế, Vĩnh Long, Phan Rang. Sài Gòn thông cảm tâm sự của họ hơn Huế, và những nơi khác. Sài Gòn có đủ đàn ông để họ lãng mạn và làm bạn.

Cha tôi và ông em rể của tôi tìm đủ mọi cách vận động cho tôi được chuyển chuyên vào Sài Gòn. Hồi đó, một công chức xứ Huế xin đổi vô Sài Gòn là một việc không phải dễ, nhưng một công chức Sài Gòn xin đổi ra xứ Huế, vùng địa đầu gai lừa thì.. muốn là được .

Tư dinh ông Hoàng Mười rộng rãi trang nghiêm, bộ quốc gia giáo dục thu mua và trùng tu thành trường trung học Gia-Hội, tôi làm đơn xin được ở trong khuôn viên nhà trường. Cấp trên cấp cho một phòng cạnh nhà ông Cai. Bà Cai gánh cho tôi hai thùng nước giếng mỗi ngày.

Mẹ tôi ra Huế một lần và yên tâm khi thấy chỗ ở của tôi an toàn.

Tôi tham vọng viết truyện dài, nhưng không có thực tài, khả năng chỉ đủ để sáng tác truyện ngắn. Trong một *truyện vừa không ngắn không dài*, tôi miêu tả hình ảnh một tên đàn ông đều giả gian dối, một kẻ ngoại tình với tôi và phụ tình với vợ. Nhiều đêm dài mất ngủ, cùng với hoa quỳnh ngày tàn đêm nở, tôi trút giận hờn vào những câu văn ác ôn. Tình yêu là một giọt máu mang số 35.

Võ Phiến khuyên:

“Em hãy liên lạc với tòa báo, nói với ông chủ bút gửi trả lại cái truyện ngắn đó.. không đăng báo. Em mà để cái truyện ngắn đó đăng lên báo..thì thì em lỗ, anh thì chẳng mất mát gì.”

“?”

“Em hãy thay đổi bút pháp, thay đổi giọng văn, đừng trút giận hờn vào bài viết. Đừng đùa với dư luận, đừng khai sự thật với độc giả.. Phải dấu kín, phải niêm phong bí mật lại. Dư-luận độc địa lắm. Chúng ta không lấy được nhau thì chúng ta sẽ làm sui gia với nhau. Con anh sẽ lấy con em.”

“Con anh đã lớn sầm sầm cái đầu, còn tôi thì chơi với chưa chồng, làm sao để con kịp để mà.. sui gia.”

Năm đó, học sinh Huế bãi khóa biểu tình, tuyệt thực dần thân, đấu tố thầy giáo, trường học đóng cửa suốt nửa niên khóa.

Các tướng lĩnh miền Nam âm mưu lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm trong lúc Bắc quân Cộng Sản tấn công dồn dập,

dân chúng hoang mang, mất niềm tin. Giang sơn miền Nam sắp tiêu tan, những tướng lĩnh cầm nắm vận mạng quốc gia cứ phồng tay phát động những cuộc cách mạng. Cách mạng xía vô đời sống hằng ngày của người dân, cách mạng kéo theo chính lý, phản cách mạng nối tiếp đảo chánh, miền Nam nhất định sẽ chết yểu. Ông tướng này đá ông tướng kia lăn xuống để mình trèo lên ghế cao.

Học sinh chờ đợi chùng đó để bỏ học. Trời làm thiên tai, Huế giông tố mưa gió bão lụt, trường học vừa mới mở cửa đã đóng lại. Suốt hai mùa thi đầu hè và cuối hè, tổng số thí sinh trúng tuyển ít quá, chính quyền lo sợ học sinh bất mãn sẽ bạo động bãi khoá tuyệt thực. Để o- bẻ lòng dân, bộ giáo dục cho mở thêm một kỳ thi trung học đệ nhất cấp thứ ba trong năm gọi là *ân khoa*, một khoa thi đặc ân dành cho học trò thi hỏng được thi lại, và giáo chức được đặc ân đi chấm thi tại nơi nào tùy thích trên lãnh thổ miền Nam: Đà Lạt, Nha Trang, Lâm Đồng, Buôn Mươi thuộc.

Tôi đi Dalat chấm thi và tạm trú tại củ xá Bùi Thị Xuân. Võ Phiến từ Sài Gòn đến Dalat trước tôi vài tiếng đồng hồ.

Trời mau tối, lâu sáng. Dalat chưa vào đêm, gió xé rách những cánh hoa và xoay tít chúng trên vai người đi đường. Các nữ giáo chức ăn cơm tối xong họp mặt chuyện trò trong phòng khách. Cô Hồng Vân nói sẽ làm đơn xin chuyển chuyển lên Lâm Đồng dạy học. Chị Lai Hương thì hy vọng được đổi đến cao nguyên Dalat hành nghề mô phạm vì chị đắm đuối say mê một sĩ quan võ bị Thủ Đức. Bà Minh Khuê giám học trường Đồng Khánh Huế, cũng hứng lên muốn xin chuyển chuyển đến trường Bùi Thị Xuân Đàlat sương mờ..

Đêm tối, Võ Phiến đến củ xá Bùi Thị Xuân tìm gặp tôi, nhìn tôi qua cửa kính một lát rồi gõ cửa.

Chúng tôi đi đêm dưới trăng mờ Dalat. Vườn nhà ai, những búp hoa Quỳnh màu bạch ngọc đã uốn cong cánh từ chiều muộn để sẽ nở bung cánh ra khi màn đêm dần xuống. Mỗi bước đi của chúng tôi là mỗi nhịp đời nhẹ êm, mỗi hé nở âm thầm của quỳnh hoa, mỗi hơi thở dài sâu của tâm lặng tình cảm. Bóng tối chụp lên cảnh vật, nhưng ánh trăng cũng sáng soi chiếu xuống vòm cây cành lá. Đêm nhẹ êm, thế giới về khuya tĩnh lặng, hương quỳnh-trương thơm dịu trời mây. Trong thời gian và không gian này, quỳnh hoa sẽ bung nở với trăng, với khoảng không bao la và với bóng tối lan tràn để khi đêm hết, quỳnh hoa sẽ tàn vì mặt trời chói sáng, quỳnh hoa sẽ chết đứng vào ngày mai với ánh thái dương nóng cay. Cuộc đời của hoa quỳnh chỉ trường thọ được một đêm thôi.

Bàn tay nhà văn xoắn chặt vai tôi:

“Bây giờ anh đưa em về, ngày mai anh sẽ đến đón em sớm.”

Ánh trăng trên đường về sờ mó vuốt ve thịt da tôi, tôi nếm tình yêu trên chót lưỡi, nhắm mắt nhìn hình bóng mình in trên đường đời sỏi đá, trên lối đi lát gạch và đầu óc tôi tự hỏi làm sao một ai đó có thể vương mắc chút sầu riêng trong một đêm trăng toàn bích và an lành như thế này. Tôi tự hỏi thêm một câu nữa: sao anh không cùng em đi hết đêm dài? Tình yêu cay như phở tái chín, tình yêu chua như hàn the, hay tình yêu làm xác thân ta rạo rực sưng khoái..làm sao giãng nghĩa được? Anh và em như hai hạt muối mặn hòa tan trong đêm ngọt. Những cảm giác em đang có, thúc đẩy em muốn đi cùng anh khắp tổ quốc và đến một nơi chỗ không có tiếng reo hò chiến thắng, không có tiếng khóc than thất thủ kinh thành, không có nội chiến Nam-Bắc quốc-cộng . Em đang hứng, em đang đầy và em đang căng, em có thể hứng và đầy và căng và yêu anh từ

chỗ anh đang đi bên em đến bất cứ chỗ nào anh nằm xuống ôm em.

Sáng hôm sau, nhà văn bốc tôi ra khỏi cư xá giáo chức để đến một ngôi nhà cho thuê.

Dalat hôm ấy thật đẹp. Sau mấy ngày âm u, hôm nay nắng hời hợt. Trời bao la nắng hanh vàng, tôi hôn nắng, tôi hôn ánh sáng .

Tôi giữ bàn tay Võ Phiến khi đi giữa rừng thông. Dưới chân đồi, xe lam ba bánh đưa rước khách và xe ngựa thò qua lại ngược chiều. Hai bàn tay tôi thật khô, thật ấm, và thật mềm, nhưng đa tình lắm lắm.

Lên tới đỉnh cao trên lưng đồi thông, chúng tôi yên lặng ngồi xuống. Chiều tắt nắng. Thời tiết lười biếng. Gió thổi từng hồi dài mát dịu. Trời đất hòa đồng với ngàn hoa muôn lá. Trời trên cao và đồi thông Dalat dưới thấp hiểu lòng nhau, xích lại gần nhau hơn. Hoa lilac màu tím biếc bông cà. Hoa đùng-quên-em màu hồng sẫm. Tình yêu đột xuất trong xác thịt tôi. Tình yêu là cặp bài trùng ăn ở với nhau mãi đời, là đôi bạn không bao giờ đoạn tuyệt, là chuyện vui để cười chút thôi, là tâm địa không sâu độc đa mang thù oán, là quần áo lót yêu thương vợ anh mặc vào người, là viên thuốc bổ, là sự thúc đẩy anh phải kiếm việc làm, và là con chó tốt bụng chỉ sủa gâu gâu chứ không bao giờ cắn..vân vân ..Chỉ gồm hai chữ mà thôi, nhưng sao mà rắc rối không định nghĩa được cái gọi là tình yêu.

Võ Phiến xích lại gần:

“Anh không ham muốn em từ phút ban đầu, cũng không ham muốn em sau cái phút anh nhìn em qua cửa kính cư xá Bùi Thị Xuân, mà anh chỉ yêu em bởi vì những câu văn đầu

tay em viết trong truyện ngắn gửi đăng báo..Yêu đời sống, chúng ta hãy đầu-cơ khả năng, thì giờ và lòng thành vào văn chương. Anh cho nghệ thuật tất cả tài sản tinh thần của anh. Con đường anh đi là con đường văn nghệ, chấp nhận sống và chết, trừu tượng và cụ thể. Anh không phải là họa sĩ, nhưng anh có màu sắc nét vẽ; anh không phải là nhạc sĩ nhưng anh có âm thanh tiếng động.”

Nhìn thông reo, anh nói tiếp lời tình vào tai tôi:

“Em hãy nhìn lên: Trời gió, thông reo, em hãy ngắm kỹ những đợt thông trên cao tít. Gió như vậy, nhưng những đợt thông vẫn không lay động, chỉ những cành lá dưới thấp xoay mình mà thôi.”

Tôi gật đầu:

“Dalat tuyệt vời! Đất Dalat nhiều phân bón nên cây cối tốt tươi..Mỹ viện trợ cho miền Nam gạo cơm tiền bạc, và cả phân bón cây cối”.

Võ Phiến không cử động bàn tay nữa:

“Huế đất rộng, người ít. Nhà cửa ở Huế, nhà nào cũng có một miếng vườn. Sài Gòn thì quá đông người chật chội, nạn nhân mãn và nạn kẹt xe là hai mối đe dọa sẽ làm Việt Nam khó mà trở thành một cường quốc Đông nam Á.”

Tôi nhìn quanh:

“Nhiều người ở Huế đang chuẩn bị di tản vô Saigon..Tôi cũng sắp theo gia đình vô Nam lánh nạn Cộng Sản.”

“Đừng vô Sài Gòn nắng nóng! Huế có mùa thu gió mát. Còn Sài Gòn muốn hưởng gió mát mùa thu thì phải có quạt máy.”

“Anh cứ khuyên tôi đừng xa Huế, bộ anh muốn mượn tay Cộng Sản giết tôi chắc? Theo ý anh thì miền Nam còn cầm cự được bao lâu nữa mới mất vào tay Cộng Sản? ”

“Mỗi lo âu hàng đầu của chúng ta là chúng ta không tập đúng với hai bàn chân của chính mình, mà phải dựa vào một thế lực từ bên ngoài.”

Võ Phiến là một văn tài lớn, ngòi bút của ông như quả banh lăn quá lăn vôi biên, ông viết đủ mọi thể loại: văn xuôi văn vần thơ bút ký. Ông cộng tác với nhiều báo chí nhưng tuyệt đối không viết tiểu thuyết ba xu đăng báo hằng ngày.

Ông tự do nhiều, chống Cộng mạnh, và sẽ chống Cộng cho đến khi hai lỗ mũi không còn thở được nữa. Và ông què một cục, cả đời không hát một câu, không thuộc lòng một bài ca nào hết. Đó là một người vô thần vô thánh không can nõi, không đi lễ chùa cầu an, không vô nhà thờ rửa tội sám hối, không Phật không Chúa không Hồi-giáo Mohamed. Có lẽ danh nhân thế giới mà Võ Phiến mến mộ là Sigmund Freud.

Tôi hỏi:

“Có phải đức tin của anh là tình dục?”

Khi chúng tôi ngang qua quân trường võ bị, bỗng có một người đàn bà đi ngược chiều, tay dắt một đứa con gái mặc áo đầm.

HUỶNH ÁI TÔNG

Võ Phiến mặt mày tái xanh, sợ hãi, vụng về hoảng hốt quỳnh lên:

“Vợ anh, em tìm xe về đi.

Võ Phiến đi Huế công tác một lần nữa. Nhà văn Đỗ Tấn dẫn ông ta đến thăm tôi lần đó.

Lần đó Võ Phiến nói:

“Em không bằng Nguyễn thị Hoàng, em thua kém Nguyễn thị Thụy Vũ. Họ kính nể người yêu, họ không oán trách người tình, không căm giận những người đàn ông mà họ đã thương. Còn em, em không tốt, em nói xấu anh dữ dội trong truyện ngắn em viết..”

Qua hết mùa xuân đau thương, tôi già từ thành phố tỉnh ca, thành phố cổ thơm hương đức hạnh của các bà công chúa, ngát hương thiền của các bậc chân tu, tỏa hương trầm của cô đô những mùa lễ hội và nhẹ thoảng hương sen tinh khiết từ các ao hồ.

Em là gái trời cho không đẹp, và trời không cho một đàn ông. Một cô gái đã già, một nữ giáo chức cô đơn dạy học ở một tỉnh lỵ chậm tiến, nhưng tôi không Huế một chút nào cả, tôi nhanh chóng hội nhập đời sống Sài Gòn. Hồi đó, tôi nói tiếng Bắc, phát âm rõ từng chữ và đúng giọng, nhưng không bắt chước được giọng Nam.

Giờ phút đầu tiên tiếp xúc với học sinh trong Nam, tôi ngạc nhiên nhận thấy học trò trường Mạc Đĩnh Chi Sài Gòn ngoan hiền, kỹ luật và kính trọng thầy cô.

Tôi đến sở thông tin tìm gặp Võ Phiến lần cuối rồi dứt khoát chấm hết mối tình phiến nảo này. Không thường xuyên lui tới toà soạn Bách-khoa nữa, không luôn luôn gặp gỡ nhóm văn sĩ Bách-khoa nữa, tôi xoay qua giao lưu với các nhà văn tàn dư của nhóm Sáng Tạo, Hiện Đại.

Quen biết qua một hai cái thư trao đổi kiến thức từ lúc còn ở Huế, bây giờ tôi mới gặp mặt văn thi sĩ Thanh Tâm Tuyền, tức đại úy Dư Văn Tâm trong nha chiến tranh tâm lý.

Người ta bảo Mai Thảo *mục hạ vô nhân*; Võ Phiến *ti mi chẻ sợi tóc ra làm tư*; Thanh Tâm Tuyền *khó khăn kiêu ngạo* không bao giờ khen ai một câu. Thanh Tâm Tuyền phê bình Võ Phiến và các văn hữu khác: “Những nhà văn viết truyện dài 5 trang! Những nhà văn không có sách xuất bản!.. Những người *con nít* viết văn, viết cái kiểu gì mà đọc lên hiểu liền, hiểu ngay, không cần phải suy đoán. Một tác phẩm có giá trị là một tác phẩm đọc xong, người đọc không hiểu tác giả muốn nói gì, muốn trình bày một quan điểm gì. Đó mới đúng là một cuốn sách hay. Muốn viết được truyện dài thì phải kéo dài tài năng ra.”

Vài tháng sau, tôi gửi bản thảo truyện dài đầu tay *Những sợi Sắc Không* dự thi giải Văn học nghệ thuật toàn quốc. Các giám khảo chấm giải là Võ Phiến, Mai Thảo, Nguyễn Mạnh Côn vv.. Các thí sinh gồm có Nhã Ca, Nguyễn Thị Thụy Vũ vv..

Trước hội đồng giám khảo, Võ Phiến lên tiếng:

“Xin đề nghị toàn ban giám khảo loại bỏ tác phẩm *Những sợi Sắc Không*, không cho phép tác phẩm này dự thi vì tác giả đã đánh máy bản thảo gửi đi dự thi chứ không gửi một cuốn sách. Yêu cầu ban giám khảo không nên chấm chọn

tác giả này trúng giải. Muốn trúng giải Văn học nghệ thuật toàn quốc, thí sinh phải gửi sách đi dự thi, chứ không được gửi bản thảo..”

Trong buổi họp tuyên bố kết quả, Võ Phiến nhấn mạnh:

“Giải *Văn học nghệ thuật* là một giải thưởng lớn. Truyện dài *Những sợi Sắc Không* chỉ là một tập giấy đánh máy, một tập bản thảo chưa in thành sách, chưa phải phải là một cuốn sách. Tôi xin lập lại: đó chỉ là một tập bản thảo được đánh máy.. Hãy loại bỏ.”

Phiên họp tiếp tục vào ngày hôm sau; Võ Phiến lên tiếng:

“Nhã Ca là một dáng lớn, một tài hoa chói ngời trong văn học, Nguyễn Thị Hoàng, Trùng Dương, Nguyễn thị Thụy Vũ là những người viết đang rực sáng, đang lên hương...”

Những gì xảy ra trong mỗi buổi họp mặt của ban giám khảo, Mai Thảo đều kể hết với Thanh Nam:

“Một tác phẩm đoạt giải nhất phải được ba giám khảo đồng ý. Trong lần họp cuối cùng, Võ Phiến gân quá, gạt hết mọi ý kiến xây dựng của các giám khảo khác. Tác phẩm *Những sợi Sắc không* chỉ được hai ông thầy đồng ý, nhưng quy luật bắt buộc phải đủ ba ông. Cuối cùng, ông trưởng ban tuyên bố: Truyện dài *Những sợi Sắc không* chỉ được hai vị giám khảo chấp thuận, hãy còn thiếu một. Vậy, tôi sẽ tường trình lại với văn phòng phủ tổng thống rằng: Giải *Văn học nghệ thuật* năm nay không có tác phẩm trúng giải nhất, mà chỉ có hai tác phẩm đoạt giải nhì đồng hạng.”

Mai Thảo kể tiếp:

“Bỗng từ cuối phòng họp, Võ Phiến ho lên một tiếng, uống một ly chanh đường cho dịu cổ rồi nói một hỏi: Năm 1963 là một năm ghi dấu những bước tiến, những thành công của văn chương nữ giới. Những nhà văn nữ của chúng ta giờ này đang làm chấn động tình cảm, đang xuôi ngược tìm kiếm chất liệu, đang lao đao vấp ngã vì những vấn đề triết học quá cao siêu, vì những hoang mang ngờ vực trước tình thế sa đọa của đất nước.”

Vị chủ tọa hội nghị tuyên bố bế mạc buổi họp:

“Thưa quý vị, tác phẩm *Những sợi Sắc Không* của Túy Hồng chỉ đoạt giải nhì đồng hạng”...

Bỗng Võ Phiến dong tay lên phát ngôn một lần nữa, ngón tay trở cong cong như cái lưỡi câu:

“Khoan khoan.. tôi đồng ý với giám khảo Nguyễn Mạnh Côn và giám khảo Mai Thảo: Tác phẩm *Những sợi Sắc không* đoạt giải nhất văn học nghệ thuật miền Nam năm 1970.”

Mai Thảo tiếp theo:

“Võ Phiến *chẻ sợi tóc ra làm tư*. Những gì hắn đã trải qua, hắn nhớ dai và thù dai.. Hắn là nhà văn lớn, một cây bút kẻ cả, nên cũng có lắm người đàn bà đi qua đời hắn. Tất cả những người đàn bà *bước vào* đời hắn, đều được hắn *tạp ghi, tạp luận và tạp bút*. Nhưng cái tác phẩm *Những sợi Sắc Không* đó, hắn loại bỏ, bởi vì có điểm thiếu sót là tác phẩm chưa in thành sách. Và tác giả *Những Sợi Sắc Không*, cũng không hề được hắn nhắc tới tên, như hắn đã âu yếm nhắc tên Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Thụy Vũ trong buổi họp. Võ Phiến là một cây bút phê bình khách quan và công

bằng, không thiên vị. Điều gì hấn cho là đúng với lẽ phải thì hấn làm.”

Võ Phiến viết nhiều sách, sở trường của ông là *Truyện Vừa*, không dài không ngắn.

Gật đầu, rung đùi, nâng ly bia 33 lên miệng, dụi mẩu thuốc lá vào cái gạt tàn, Thanh Nam nói:

“Giải nhất, giải nhì, với giải đồng hạng.. Suýt chút nữa thì không ăn được cái giải gì và làm trò cười cho thiên hạ.”

Sau khi Mai Thảo từ già đẽ đến phòng trà với người ca sĩ hát bài *có phải em là mùa thu Hà Nội*, Thanh Nam nhìn tôi:

“Có những kẻ nhớ lâu và giận lâu.. Anh, một người con gái anh đã quen và đã yêu thì không bao giờ anh ghét. Anh công bằng nói rằng Võ Phiến thù em.”

Tôi trợn mắt:

“Vấn không phải là người. Những gì tôi viết ra.. đều là đùa nghịch giỡn chơi thôi. Tôi chỉ biết một điều về Võ Phiến là ông ta rất thương yêu vợ.”

Thanh Nam bảo tôi bỏ nghề dạy học để xoay qua viết bài cho đài phát thanh.

Chiến tranh tiếp diễn, miền Nam là món nợ, là một cục nợ khổng lồ người Mỹ mắc từ tiền kiếp nên kiếp này phải nhúng tay vào chiến cuộc miền Nam, một quốc gia nhược tiểu đang gãy chết với bốn đạo quân: Mỹ, Bắc Việt, giải phóng, Nam quân.

Thanh Nam, là một văn sĩ nhỏ nhưng chơi toàn với những tay lớn, đã nhờ một ông thiếu tá giới thiệu tôi với một bác sĩ quân y để xin một giấy chứng nhận tôi bị đau bệnh thần kinh điên loạn, được nghỉ phép ăn lương, gọi là *nghỉ phép giả hạn*. Tôi ở nhà nghỉ giả hạn ăn lương của đài phát thanh Mỹ bốn năm và vẫn lãnh lương giáo chức của chính phủ miền Nam Việt Nam. Sau đó Thanh Nam nhờ nhà báo Lê Phương Chi giới thiệu tôi với ông giám đốc Khai Trí để bán tất cả những tác phẩm tôi đã viết, đang viết, và sẽ viết với một số tiền trả trước. Thanh Nam nói: “*Em cứ làm theo lời anh. Trời phạt anh chịu.*”

Nhờ viết bài cho nữ danh ca Thái Thanh đọc hằng đêm trên làn sóng điện chiến tranh tâm lý, ba mươi tháng tư ngày quốc hận, tôi đem được gia đình sang Mỹ. Trạm nghỉ chân đầu tiên trên bước đường di tản là đảo Phú-Quốc. Công chức đài phát thanh được lãnh mỗi người ba mươi sáu đô la tại biển đảo này.

Sau một tuần lễ, người tị nạn leo lên hạm đội số 7 của hải quân Hoa Kỳ để sang Mỹ đổi đời.

Lên đênh trên đường biển sóng reo sóng cười, *biết mặt trùng dương biết trời mênh mông*, nhưng dân tị nạn cứ quen miệng kêu khổ oi là khổ. Hầm tàu chật chội nóng hực hỏi người. Trẻ con ói mửa, ỉa đái và kêu khóc vì đói bụng, đau đít, rôm sảy. Ngày đêm mọi người nằm lăn ra trên sàn tàu. Không có chiếu trải dưới lưng, không có chăn đắp trên mình, mỗi ngày mỗi tị nạn chỉ được cấp phát một hộp lương khô C-ration, nhưng mỗi ngày, hy vọng mỗi vươn lên. Hoa Kỳ, Mỹ, Núi vàng.. đời sống mới đang mở cửa trước mắt chào đón mọi người.

Một bà nằm cạnh tôi nói nhỏ:

“Hạm đội số bảy của đại cường quốc cái kiểu gì mà nghèo khổ thế này.”

Tôi đáp:

“Chắc đây không phải là hạm đội số bảy, mà chỉ là hạm đội số sáu rưỡi..”

Chiến hạm lướt sóng, vượt Thái bình dương rồi đến Mỹ.

Mệt mỏi vì say sóng, Thanh Nam bia rượu uống nhiều từ thuở bụi đời nên giờ phút này xiêu. Tàu cập bến, dân tị nạn phải trèo thang dây để lên bờ.

Một người đàn ông đồng hương chỉ tay vào bốn đứa con tôi và nói:

“Ông Bà một nách bốn đứa con đại, để tôi giúp, tôi đỡ hai đứa bé này trèo lên bờ.”

Rồi ông ta kéo hai đứa nhỏ đi.

Lên đến đảo Guam, Thanh Nam bảo:

“Em phải ở trong trại lính không được đi đâu hết, thằng Ốc Sên sẽ phải đi xin sữa cho thằng Cu Tí uống. Anh mỗi ngày phải ra khỏi trại lính để hỏi tin tức bạn bè ai đi được, ai kẹt lại.”

Theo lời đồn thì những ai làm đài phát thanh ăn lương Mỹ đều được Mỹ bóc đi hết. Tôi được biết Viên Linh và Lê Tất Điều hiện đang có mặt trên đảo tị nạn.

Cuối cùng, dân tị nạn được tàu bay bung đến thành phố Pennsylvania miền Bắc Mỹ.

Từ đảo Guam đến Hiệp Chúng Quốc, con chim sắt thẳng cánh bay bốn ngày đêm. Chúng tôi sinh dưỡng bốn đứa con, gia đình sáu người, nhưng Thanh Nam không lanh trong những lúc người đàn ông cần phải lanh, chỉ tìm được năm chỗ ngồi. Bốn ngày đêm giam hãm trong bụng tàu bay chật hẹp, thẳng con út nằm trên đùi tôi lên con sót nóng lạnh, tôi mệt mỏi ngồi ôm con niệm Phật từ bi gia hộ cứu độ cho nó đừng làm kinh run giựt tay chân. Trẻ con dưới ba tuổi làm kinh, lớn lên sẽ không cao.

Mất ngủ đêm ngày, đầu óc tôi thao thức nghĩ rằng mình đã sống hư hỏng hơn một nửa cuộc đời ở quê hương rồi, bây giờ phải lo làm ăn, đại gì mà chơi, ngu gì mà lười. Ước ao gì có được một cuốn từ điển Việt Anh lúc này để học Anh văn ngay tức khắc. Nước Mỹ đây rồi, đất lành ta đã thiện hành và đã đến, Việt kiều sẽ học English để đi làm, sẽ dòn tiền mua nhà, mua xe, mua bảo hiểm. Việt kiều sẽ có một sớm mai hồng, một bình minh xanh để ngắm, để nghe tiếng chim nói vào tai rằng đêm đã tàn, ngày đã nở, phải vùng dậy để lác lủ con tàu đời. Quá khứ đã chết, cuộc đời mới đã nhô ra ở phương đông..

Bỗng tôi sực nhớ mấy lời trao đổi giữa nhà văn Lê Tất Điều và nhà báo Lê Phương Chi ngày nào còn ở Sài Gòn:

“Tình yêu của Võ Phiến dành cho cô bạn xứ Huế đã chết nghèo cô rồi, gái Huế ngủ đò và hò Huế chắm hết từ canh ba rồi. Bây giờ Võ Phiến chỉ mơ ước ngủ với Trùng Dương biển cả.”

“Bạn nói đúng quá và thật quá! Trùng Dương Nguyễn Thị Thái trẻ hơn nhiều và đẹp. À, mà có phải Trùng Dương đó không? Súc mấy! Võ Phiến mơ cao quá!”

Tôi ngủ thiếp đi một chập cho đến khi chiều đã viên hàng không loan báo phi cơ sắp đáp xuống phi trường Pennsylvania. Hành khách phải nịt dây an toàn thật chắc và cài khóa an toàn thật kỹ, không được rời chỗ ngồi, không được vào phòng vệ sinh từ giờ phút này.

Khi phi cơ ngừng cánh, tiếp viên hàng không lại bảo hành khách hãy ngồi yên.. rồi lại bảo đứng dậy chuẩn bị hành lý và bước xuống máy bay trong trật tự.

Chân tôi chạm đất hứa, đầu tôi đội trời tự do. Đại bản doanh quân lực Hoa Kỳ hùng anh nhất thế giới đặt tại đây. Tôi đi và thở không khí trong sạch của một siêu cường quốc sản xuất nhiều thuốc xịt trùng và diệt sâu bọ hữu hiệu nhất thế giới, nhiều xe hơi tối tân nhất thế giới.

Thanh Nam gặp bạn quen dừng lại nói chuyện, tôi kéo bốn đứa con bước nhanh về lều trại số tám, dân tị nạn kêu là barrack số tám.

Trước cửa barrack có một người đàn ông đang đứng đợi ai đó. Tôi tiến lại gần chút nữa. Hóa ra là cố nhân Võ Phiến. Ôi giờ ơi.. Võ Phiến cũng đi được sao? Ôi thôi rồi tôi quên lú đi mất. Võ Phiến cũng cộng tác với đài phát thanh Mỹ. Vậy mà tôi cứ tưởng chỉ có Lê Tất Điều với Viên Linh trong chuyến hành trình qua Mỹ quy mã này mà thôi!

Thằng Cu Tý bỗng kêu lên:

“Mẹ..Tý muốn í quá.”

Con chị nó quát lên:

“Câm cái đít lại! Không được ỉa trong quần.”

Võ Phiến chạy chậm đến bên tôi, mặt mày tái nhợt và ẩm mồ hôi, hơi thở tường như sắp đứt, nói:

“Em đem con em đến barrack số mười đi, gia đình anh đã ở trong barrack số tám này rồi, vợ anh đang nghỉ ngơi trong đó, vợ anh hơi mệt, vợ anh cần dưỡng sức, vợ anh đang nằm trong đó. Vợ anh..vợ anh..”

Tôi chưa thấy một người đàn ông nào thương vợ nhiều như thế, yêu vợ kỹ như thế. Vợ anh, vợ anh..cái miệng cứ tía lia vợ anh vợ anh, làm như người ta sắp giựt mất.

Bà Võ Phiến tên cúng cơm là Viễn Phố.

Túy Hồng

Ngày 23 tháng chín năm 2012

Nhà phê bình Nguyễn Văn Lục trong bài *Phụ nữ và vấn đề tình dục* trên *Hợp Lưu* năm 2005 viết:

“Trước đây, thập niên 60-70, đã có Túy Hồng viết rất bạo dạn, dữ dội. Gái Huế đa tình... nay đã có nhà văn như Túy Hồng buông thả, phóng khoáng, mở toang ...”

Trả lời phỏng vấn của Hoài Nam, Túy Hồng đã nói về vấn đề tình dục trong tác phẩm các nhà văn nữ trong nước cũng như ở hải ngoại, trước kia cũng như hiện nay:

“... Trước hết, tình dục có phải xấu không ? Nhà văn Irving Stone nói rằng tín đồ giáo phái Puritan phải kết hôn để sinh đẻ và có thể sinh ra những vị thánh.

Sau hết, tình dục có phải tốt không ? Có bao nhiêu phần trăm sự thật trong văn chương tình dục qua ngòi bút các nhà văn nữ lớp mới, và làm tình, quả thật có sướng như họ đã tả không ?

HUỶNH ÁI TÔNG

Viết là tưởng tượng – fiction – căn cứ trên thực tại – fact. Tôi yêu fiction dựa trên fact.. Nghệ thuật có giá trị khi nó là sự thật, không phải của giả. Tình dục không cho ta một nắm to của cái cảm xúc gọi là “sướng”, và không gây cho ta một chỗ đau nào đó trên thân thể. Sự thật, giây phút tuyệt đỉnh lúc ân ái chỉ diễn ra chừng năm bảy tích tắc kim đồng hồ, và cái lượng đam mê cũng nhỏ thôi chứ đâu có bự như những nhà văn nữ lớp mới đã tả. Sự thật thì ít nhưng chúng ta đã xít ra cho nhiều. Sự thật thì bé nhưng chúng ta đã xé ra cho to.”

Tài liệu tham khảo:

- Túy Hồng Web: 123hoang.wordpress.com
- Võ phiến Web: gio-o.com



10. Nguyên Vũ



Nguyên Vũ – Vũ Ngự Chiêu (1942-)

Nhà văn Nguyên Vũ tên thật là Vũ Ngự Chiêu, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1942, tại Phụng Viên Thượng, Bình Giang, Hải Dương. Thân phụ là Vũ Ngự Thủy và thân mẫu, bà Phạm Thị Dư.

Năm 1953-1954, học trường Trung học Nguyễn Bình Khiêm, Hải Dương. Năm 1955-1958, học tại Trung học Phan Chu Trinh, Đà Nẵng. Năm 1958-1960, học tại Trung học Hồ Ngọc Cẩn, Gia Định. Năm 1960-1961, học tại Trung học Chu Văn An, Sài Gòn.

Năm 1963-1975, ông nhập ngũ theo học khóa 16 Trường Bộ Binh Thủ Đức, là sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, thuộc binh chủng Pháo Binh, từng đảm nhiệm Sĩ quan tiền sát, sĩ quan liên lạc, pháo đội trưởng tại các đơn vị Bộ Binh, Biệt Động Quân, Nhảy Dù, và Sĩ quan báo chí Bộ Tư Lệnh QĐ IV, Bộ Chỉ huy Pháo binh & Sư đoàn 3 Bộ Binh, cấp bậc cuối cùng Đại Úy.

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong thời gian quân ngũ, ông đã sáng tác các tác phẩm nổi tiếng như *Đời pháo thủ*, *Trở về từ cõi chết* ... và ghi danh theo học tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn.

Năm 1974, ông lấy bằng Cử nhân Giáo khoa Triết Đông của Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Năm 1975, ông ra hải tiếp tục viết và theo học ở đại học.

Từ năm 1975-1977, theo học tại Đại học Wisconsin-Eau Claire

Từ năm 1978-1984, theo học tại Đại học Wisconsin-Madison.

Năm 1984, ông lấy bằng Tiến sĩ Sử học tại Đại học Wisconsin-Madison.

Năm 1999, ông lấy bằng Tiến sĩ Luật khoa ở Đại học Houston, Texas.

Ông là Giám đốc nhà xuất bản Văn Hóa tại Houston.

Tác phẩm:

- *Đời Pháo Thủ* (1967)
- *Đêm Hưu Chiến* (1968)
- *Con Mắt Kẽm Gai* (1969)
- *Khung Cửa Chết Của Người Tình Si* (1969)
- *Sau Bảy Năm ở Lính* (1970)
- *Cuộc Hành Trình Cuối Cùng* (1970)
- *Những Cái Chết Vô Danh* (tập truyện)
- *Trở Về Từ Cõi Chết* (truyện)
- *Vòng Tay Lửa* (trường thiên)
- *Thềm Địa Ngục* (truyện)

- *Ở Lính* (bút ký)
- *Đêm Da Vàng* (trường thiên)
- *Cuộc Sụp Đổ của Nam Việt Nam* (bút ký)
- *Trận Chiến Chưa Tàn* (truyện)
- *Giặc Cờ Đỏ* (trường thiên)
- *Xuân 1996*
- *Ngàn Năm Soi Mặt.*
- *Các Vua Cuối Nhà Nguyễn (1883-1945)*
- *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng (1945-1975)*
- *Từ Pearl Harport tới New-York*
- *55 ngày đêm: Cuộc sụp đổ của VNCH*
- *Việt Nam niên biểu 1939-1945*
- *Mậu Thân 68: Thắng hay bại*
- *Tôn Giáo & Chánh trị: Phật giáo 1963-1967*

Trích văn:

Mai Thảo, Còn Đó Một Đời...

Tôi là độc giả của Mai Thảo, nhóm *Sáng Tạo*, và hầu như tất cả các tác giả Việt Nam Cộng Hòa từ tuổi 15-17. Dù là học sinh ban Toán, trên trung bình, tôi ham thích đọc bất cứ lúc nào có thì giờ rảnh rỗi. Từ những tập kiếm hiệp mỏng dính như *Long Đầu Quái Khách*, hay *Nửa Chừng Xuân*, *Người Đi Trong Mưa Gió*, *Thừa Tự*, *Số Đỏ*, *O Chuột*, *Ngọn Cỏ Gió Đùa* thời tiền chiến, tới những truyện ngắn, truyện dài đăng từng kỳ trên các tuần san, nhật báo. Ngay đến những bài ký sự, biên khảo phong tục địa phương ngấn của Sơn Nam, Nguyễn Hiến Lê, v.. v... tôi đều đọc một cách mê say. Dĩ nhiên, tôi cũng nuôi hy vọng có ngày trở thành một "nhà thơ" hay "nhà văn." Diễn đàn của chúng tôi và các bạn cùng trang lứa (như Nguyễn Đức Nam, Ngọc Hoài Phương, v.. v..) là các tờ bích báo lớp, đặc san trường, và ngay cả những tuần san, nhật báo như *Ngôn Luận*, *Tự Do*, v.. v..

Nếu không vì sự giáo huấn của cha tôi, có lẽ tôi đã nhập ngũ hoặc vào làng văn, làng báo sớm hơn.

Tôi làm quen với thế giới văn chương Mai Thảo qua những ký đăng trên tuần san *Thế Giới Tự Do*, rồi những truyện ngắn và phóng tác trên các tờ *Sáng Tạo*, *Tiếng Vang*, *Kịch Ảnh*, v.. v... Điểm đặc biệt của Mai Thảo là lối hành văn và dùng từ kiểu cách, "chữ nghĩa loảng xoảng." So với Nguyễn Tuân, Mai Thảo trẻ trung hơn, sinh động hơn. Dù đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, tôi vẫn còn giữ được nguyên vẹn cảm giác bùi ngùi, xúc động về hình ảnh gã trai leo núi đã bỏ cuộc ở những thước cao điểm cuối cùng, khi đỉnh núi kề cận trước mắt. Hay tâm sự người thanh niên Hà Nội di cư, ngồi vắt chân chữ ngũ trong lòng chiếc *cyclo*, sống với bóng tối nhá nhem ánh đèn của Sài Gòn. Dĩ nhiên, truyện ngắn của Mai Thảo không tạo được những kích xúc của Trùng Dương, Linh Bảo, hay Phạm Nguyên Vũ, Lôi Tam, Nguyễn Mạnh Côn, Dương Nghiễm Mậu, Thế Uyên, Thảo Trường, nhưng Mai Thảo đã lập cho mình một thế đứng riêng trong nền văn học "tự do" miền Nam. So với những Duy Lam của trường phái Nhất Linh, hay Võ Hồng, Võ Phiến, Mai Thảo có phần vượt trội.

Gần chục năm sau, tôi mới có dịp gặp Mai Thảo. Từ báo quán *Văn* tới những phòng trà, quán rượu. Dù đã bước vào làng văn, làng báo, tôi và Mai Thảo có một khoảng cách nào đó. Tôi là một người lính tác chiến thực sự—mang những đôi giày vải và ông quần trận ó vàng phèn chua, bụi đỏ đi đo đồng ruộng Cà Mau và núi rừng cao nguyên—trong khi Mai Thảo ngất ngưỡng những cơn say tại Sài Gòn. Mai Thảo cũng hơn tôi gần một giáp, nên khoảng cách thế hệ là điều khó tránh. Nhưng thăm sâu là một tài liệu khiến tôi không hài lòng—một người bạn cho xem bản sao giấy phép xuất bản báo của Mai Thảo do một người Mỹ đứng tên.

Tôi chủ trương văn hóa, văn nghệ phải hoàn toàn độc lập với những thế lực chính trị. Nhưng tôi quên không xét đến vấn đề ngay chính sự tồn tại của miền Nam cũng do viện trợ Mỹ. Giống như miền Bắc. Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng không lúc nào ngừng đồng ca lời cảm tạ "sự giúp đỡ" của Nga Sô, Trung Cộng cùng khối Cộng Sản anh em vĩ đại. Tố Hữu thì dạy thiếu nhi miền Bắc, "*Thương cha, thương mẹ, thương chồng, Thương mình, thương một, thương ông [Stalin], thương mười.*"

Giáo sư Vũ Khắc Khoan, ông thầy dạy chúng tôi nửa giờ sử mỗi tuần năm Đệ nhất Chu Văn An, phần nào giúp tôi coi bỏ thành kiến, nhìn Mai Thảo độ lượng hơn. Thân phận đích thực của chúng tôi, và chúng ta, chỉ là những con chột qua sông. Những con ngựa chiến của chúa Trịnh, như một tác giả *Nhân Văn-Giai Phẩm* kết luận. Chúng ta mê say, kiêu ngạo với đủ loại vũ khí giết người nhập cảng trên tay, quên đi một điều là ngoại cường luôn luôn có những lý do riêng để cung cấp hay bán chịu cho chúng ta những khí giới ấy. Mao Trạch Đông nói với đại diện Cộng Sản Việt Nam rằng "*cứ tự do vay nợ Bắc Kinh, bao giờ có thì trả, không trả cũng được*"—vì đã nắm sẵn tờ giấy nợ của Phạm Văn Đồng năm 1958, nhìn nhận biên giới do Bắc Kinh tự vẽ, không ngừng đàn hồi!

Những ngày đầu nhận mặt chiến tranh—sống giữa những lượn sóng xúc động vỡ bờ trước cái chết của một đồng đội, cùng thôi thúc của bản năng "giết hay bị giết"—tôi chưa tri nghiệm hết sự bẽ bàng của kiếp Lê Dương trên chính quê hương mình. Nên không ngừng cao giọng hô hào người cùng trang lứa nhập cuộc chơi, với ảo vọng duy trì một miền Nam "tự do, dân chủ."

Từ năm 1965—đặc biệt là từ sau 1967, khi thuyền chuyển về Nhảy Dù—tôi có cơ hội sinh hoạt thường xuyên trong giới

văn nghệ chuyên nghiệp. Hai nhật báo *Thời Luận* (của ông bà Nghiêm Xuân Thiện) và *Tiền Tuyến* của Cục Tâm Lý Chiến khởi đăng ký *Lửa Dậy U Minh* và *Nghiệp Đê Lô. Chiến Sĩ Cộng Hòa* và nguyệt san *Tiền Phong* cũng rải rác đăng thơ và ký. Nhưng điểm bút phá có lẽ là Nguyễn Sĩ Nguyên của *Tiểu Thuyết Thứ Năm* và Hùng Phong của *Chọn Lọc* dành cho tôi chỗ viết thường xuyên, có trả tiền. Nhờ vậy ba tập sách đầu tay—*Đời Pháo Thủ*, *Những Cái Chết Vô Danh*, và *Trở Về Từ Cõi Chết*—được chào đời. Nhà xuất bản của các anh Đậu Phi Lục, Việt, Tô Ngọc đã giúp ba tác phẩm trên đứng vào hàng bán chạy tại miền Nam. Từ đó, tôi được Trương Hồng Sơn mời viết *feuilleton* [tiểu thuyết định kỳ] cho *Tia Sáng*, tờ nhật báo bán chạy hàng đầu của miền Nam. *Vòng Tay Lửa* và *Thêm Địa Ngục*, hai tác phẩm bán chạy nhất của tôi, được đăng từng kỳ trên *Tia Sáng*. Tiếp đó, đến các báo tư nhân *Tin Sớm* của anh chị Nguyễn Ang Ca, *Đồng Nai*, *Công Luận*, v.. v... Tôi cũng đồng ý cho tờ *Saigon Post* đăng từng kỳ *Đêm Hưu Chiến*, qua bản dịch Trần Nhã [*The Night of the Cease-Fire*]. Đây cũng là thời gian tôi làm quen với nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà báo miền Nam, như Ngô Ty, Trọng Nguyên, Sĩ Trung, Ngọc Linh, Trần Tuấn Kiệt, v.. v...

Sở dĩ tôi được "nổi tiếng" nhanh phần lớn do sự gia tăng cường độ cuộc chiến, và đa số thanh niên đều bị nhập ngũ. Chiến tranh và đời quân ngũ trở thành nhu cầu tìm hiểu của đa số độc giả. Tôi cũng quyết định viết thật đơn giản, dễ hiểu cho những độc giả có mức độ phổ thông. Khoảng 3,000 nhà cho thuê truyện trên toàn quốc đều tìm mua sách tôi. Nhờ vậy, sách được tái bản nhiều lần. Tôi cũng bước vào nghề xuất bản, khởi đầu tự in sách mình. Nhà xuất bản Đại Ngã—tức Chân Nhân, mà có người riếu cợt là ngã to—còn giúp phổ biến sách một số bằng hữu như Phan Nhật Nam, Mai Trung Tĩnh, Du Tử Lê, Thế Hoài, Thảo Trường, v.. v...

Là tác giả thành danh đã lâu, Mai Thảo cũng viết *feuilleton* cho nhiều báo, như *Tiền Tuyến*, v.. v... Anh được mời vào ban giám khảo chấm thi giải "văn chương Tổng thống" hàng năm—giải thưởng do Tướng Edward Lansdale khuyến khích Nguyễn Văn Thiệu lập ra, thoát tiên với mục đích tố cáo sự tàn ác của Việt Cộng trong cuộc Tổng tấn công Mậu Thân 1968. Nhưng tôi và một số nhà văn độc lập, kể cả anh Chu Tử, xếp loại như những miếng xương thừa mà tập đoàn cai thầu chiến tranh ném ra cho văn nghệ sĩ tranh nhau. Hai trong những người trúng giải đáng ghi nhận là nhà thơ Trần Tuấn Kiệt và nhà văn Xuân Vũ, một nhân viên hồi chính. Trần Tuấn Kiệt không thích đi lính, nên tẩm huy chương giải thơ Tổng thống giúp anh nhiều lần tai qua nạn khỏi khi bị chặn xét giữa đêm. Xuân Vũ, qua tác phẩm *Đường Đi Không Đến*, là một tác giả chống Cộng có giá trị.

Sách Mai Thảo ra khá đều, do nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng ấn hành. Tuy nhiên, trên thị trường, tôi và Duyên Anh vẫn là hai tác giả Bắc di cư được ứng tiền bản quyền cao nhất. Một người bạn làm kiểm duyệt ở Bộ Thông Tin có lần nhận được "món quà Xuân" hậu hĩ là bản thảo *Uyên Buồn* (để trao đổi lấy sự dễ dãi của lưỡi kéo kiểm duyệt). Điểm muốn nhấn mạnh là khác với những điều cả đoan của các nhà lý luận, phê bình văn học Cộng Sản khi nhận lệnh viết về "văn hóa Mỹ-Ngụy," nhu cầu thị trường đóng một vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn hóa miền Nam. Không được độc giả ưa chuộng, khó thể trở thành nhà văn chuyên nghiệp. Có độc giả là có mai mối của các nhà xuất bản lớn như Sống Mới, Khai Trí, Đồng Nai, v.. v... tìm đến. Chỉ một thiểu số cây bút sống nhờ tiền lương và trợ cấp của Bộ Thông Tin, hay cơ quan tâm lý chiến của quân đội và tòa Đại sứ Mỹ. Họ thường chỉ là những cây bút hạng nhì, hạng ba, kiếm danh vọng qua những màn xung tưng, tâng bốc lẫn nhau trong những cuộc phỏng vấn tự viết—chẳng dính nhập gì nhiều với độc giả hay thị trường sách báo.

Từ hạ bán thập niên 1960, mắt nhìn của tôi về cuộc chiến bắt đầu thay đổi. Thời gian ngắn được biệt phái về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV của Trung tướng Đặng Văn Quang giúp tôi cơ hội nhìn sâu hơn vào hậu trường chính trị miền Nam, và thực chất cuộc chiến. Quyết định trở lại Đại học Văn khoa theo học Ban Giáo Khoa Triết Đông giúp thoát khỏi bế tắc về tư tưởng. Tác phẩm của Trang Châu cùng kinh Phật mở ra cho tôi một nhân sinh quan mới. *Binh nghiệp*—nếu thân phận một sĩ quan trừ bị trong quân đội đáng gọi là binh nghiệp—bắt đầu tiến những bước giạt lùi. Tôi ứa nước mắt ngậm ngùi nhớ đến những người bạn lính đã chết trong dạ tiệc "*rửa mồ hôi lính*" vào cuối năm 1967, và thấp lên ảo vọng được trở lại đời sống dân sự, tiếp nối nghề giáo thanh bần của cha tôi.

Nhưng chưa tròn 100 ngày, tôi nhận lệnh tái ngũ sau cuộc tổng tấn công Mậu Thân 1968. Thiếu tá Huỳnh Long Phi, Chỉ huy trưởng Pháo binh Dù, miễn cưỡng đón nhận tôi trở lại. Tôi cũng chẳng vui thú gì ở những ngày tàn, nhưng đẫm máu, của cuộc chiến vô nghĩa, phi lý và bất nhân của giai đoạn "*Việt Nam hóa chiến tranh*." Bụng tai, bịt mắt cho xong mảnh bằng Cử nhân Triết Đông, cũng chẳng yên. Cuộc bầu cử độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu năm 1971 khiến tôi chẳng có một lựa chọn nào khác hơn phải nói lên thân phận chột qua sông của người lính Việt Nam Cộng Hòa. Tôi cũng không thể chấp nhận thái độ hèn nhát của Nguyễn Văn Thiệu khi đánh đổi chiếc ghế Tổng thống nhiệm kỳ 2 bằng cách cho Bắc Việt duy trì quân chủ lực miền Bắc ở phía Nam vĩ tuyến 17. Một Dân biểu gốc thợ chụp hình tỉnh Quảng Đức báo cáo lên Nguyễn Văn Thiệu về những lời tuyên bố của tôi, trong một cơn say. Hơn 100 dân biểu gia nô của cái gọi là quốc hội đưa thỉnh nguyện thư yêu cầu điều tra. Dương Hùng Cường, tức ký giả Dê Húc Càn—người sau này nổi danh với bài phiếm "*Nếu chàng Trương Chi đẹp trai*"—chỉ vì ngồi chung bàn rượu,

cũng bị câu lưu điều tra 4 tháng trong Cục An Ninh Quân Đội. Rồi thuyền chuyễn ra Sư đoàn 3 Bộ binh tại triền núi Hòa Khánh (Phước Tường)—cùng nhau, "*Ta nương đời lính mà qui ẩn, Nghiêng nửa càn khôn dưới đáy bầu.*"

Thời gian này, Trần Phong Giao và Nguyễn Xuân Hoàng đã thay Mai Thảo nắm nguyệt san *Văn*. Ông Nguyễn Đình Vượng ứng tiền mua một bản thảo mới của tôi. Thịnh thoảng tôi gặp Mai Thảo đó đây, nhưng chỉ chào hỏi qua loa.

Đến mùa Xuân đen 1975. Tôi trôi dạt đến Eau Claire, một tỉnh nhỏ Bắc Wisconsin. Tạm biệt nghề văn, nghề báo, chú tâm vào sử học, để tìm hiểu về thực chất cuộc chiến 30 năm. Loáng thoảng nghe tin Mai Thảo bị kẹt lại, nhưng từ chối trình diện cải tạo. Sống lẩn lút ở Sài Gòn một thời gian, Mai Thảo trốn được qua Mỹ.

Mãi tới năm 1986-1987, khi từ Pháp trở lại Mỹ, tôi mới có dịp gặp Mai Thảo. Vẫn Mai Thảo với những cơn say túy lúy, và mắt nhìn cuộc đời đầy khinh bạc. Kiếp tầm nhả tợ, Mai Thảo không thể không viết. Không thể không ra báo. Còn làm thơ, thấy đời mình toàn những miếu đền. Tuổi đời và chứng nghiện rượu khiến Mai Thảo cay đắng, phần nộ hơn trong những câu ề à chửi đổng, hay công kích người cùng bàn. Nhưng Mai Thảo vẫn không thay đổi ở thái độ văn chương quen thuộc—tôi chưa từng thấy Mai Thảo dùng ngòi bút công kích bất cứ ai. Mai Thảo đáng yêu, đáng quý nhất ở điểm này.

Đôi lần Mai Thảo khăn gói từ Santa Ana lên San Jose thăm tôi, và ngược lại. Dù tiền bạc không dư giả, thịnh thoảng Mai Thảo mua rượu cho tôi uống. Chúng tôi rất ít bàn đến văn chương, hay văn học. Hay chuyện đất nước, chiến tranh.

Ít năm sau, nghe tin Mai Thảo bệnh nặng. Lần cuối cùng gặp nhau ở nhà hàng *Kim Long*, Mai Thảo chuyển sang uống vang thay vì *Cognac* như cũ. Khi tôi trở lại Houston, Đặng Hiền một ngày báo tin Mai Thảo có lẽ không yên. Rồi Mai Thảo ra đi, trong sự bao bọc, săn sóc của nhiều văn hữu trẻ.

Năm 2004, trước khi về Việt Nam nghiên cứu với một học bổng Fulbright, tôi ghé lại Santa Ana. Nguyễn Chí Hòa đưa tôi vào nghĩa trang thăm Long Ân. Trong lúc tìm tòi, tôi chợt nhận ra hình Mai Thảo ở đầu một ngôi mộ nhỏ, khiêm nhường. Khuôn mặt dài, nụ cười khinh bạc như chừng méo mó hơn. Ba nén hương thấp cho Mai Thảo, thật tình cờ, nhưng cũng có thể như do một tiền định. Tôi hỏi thăm "*Mai Thảo, vui hay buồn?*" Không có hồi đáp.

Trên những bước chân mờ sương trở ra chỗ đậu xe, tôi thấy Mai Thảo lần chót. Khuôn mặt dài, nụ cười khinh bạc như chừng méo mó hơn. Nhưng tôi chợt nghĩ có lẽ ông bạn đồng nghiệp vong niên của tôi đang vui. Rất vui. Thuở sinh tiền, anh luôn trang trọng với văn chương, nghiệp dĩ. Ngồi bút Mai Thảo chưa từng dùng để vẩy mực vào cá nhân nào, cho dù là những con sâu bọ xúm xít quanh bông hoa văn chương Mai Thảo. Hay những người thù đầy hằn học đổ kỹ trong cuộc sống. Sống chưa hẳn đã vui. Chết cũng chưa hẳn là điều đáng buồn. Mai Thảo đã đến, sống với chúng ta, rồi đi. Cá nhân Mai Thảo ra sao, có lẽ không quan trọng. Vấn đề là những gì Mai Thảo còn lưu lại cho hậu thế. *Toàn bộ tác phẩm của anh.*

Những dòng chữ đả kích giáo điều, hằn học của các tác giả Cộng Sản không đủ làm giảm giá trị văn chương của Mai Thảo. Những lời xưng tụng của thân hữu không đủ nâng cao văn tài Mai Thảo. Điều đáng ghi nhớ nhất về Mai

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

Thảo, bạn văn của tôi, là *thái độ trang trọng của anh khi sử dụng ngòi bút của mình.*

(Houston, 8/5/2008)

Trước 1975, Nguyễn Vũ là một nhà văn nổi tiếng, nói đến ông người ta nhớ ngay đến tác phẩm “Đời pháo thủ”, sau khi tác phẩm ra đời, đã gieo vào lòng thanh niên miền Nam mộng giang hồ dọc ngang của người lính chiến. Sau 1975, ra hải ngoại ông là nhà sử học, viết những tập sách có giá trị về sử cận và hiện đại của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Vũ Web: chuyenluan.net
- Mai Thảo, *Còn đó một đời ...* Web: hopluu.net



11. Du Tử Lê



Du Tử Lê - Lê Cự Phách (1942-20)

Du Tử Lê tên thật là Lê Cự Phách, sinh năm 1942 tại huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Năm 1954 ông theo gia đình di cư vào miền Nam. Đầu tiên ông định cư ở Hội An, Quảng Nam, sau đó là Đà Nẵng. Đến năm 1956, ông vào Sài Gòn và theo học trường Trần Lục, trường Chu Văn An, sau cùng là Đại học Văn Khoa.

Ông làm thơ rất sớm từ năm 1953 khi đang còn học tại trường tiểu học Hàng Vôi tại Hà Nội. Sau khi di cư vào Sài Gòn, ông bắt đầu sáng tác nhiều tác phẩm dưới nhiều bút hiệu khác nhau. Bút hiệu Du Tử Lê được dùng chính thức lần đầu tiên vào năm 1958 cho bài *Bến tâm hồn*, đăng trên tạp chí *Mai*.

Du Tử Lê từng là sĩ quan thuộc Quân lực Việt Nam Cộng hòa, cựu phóng viên chiến trường, thư ký tòa soạn cuối cùng của nguyệt san *Tiền phong*, một tạp chí của Quân lực

Việt Nam Cộng hòa, và là giáo sư dạy giờ cho một số trường trung học Sài Gòn.

Năm 1969, ông theo học khóa tu nghiệp báo chí tại thành phố Indianapolis, tiểu bang Indiana.

Năm 1973, ông được trao Giải thưởng Văn chương Toàn quốc, bộ môn Thơ với tác phẩm *Thơ tình Du Tử Lê 1967-1972*. Ông là một trong bảy nhà thơ miền Nam, được cố nhà văn Mai Thảo chọn là “Bảy vì sao Bắc đẩu” của nửa thế kỉ thi ca Việt Nam. Sáu người kia là Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên. Ông cũng là nhà thơ có nhiều tác phẩm được phổ nhạc bởi các nhạc sĩ nổi tiếng như Phạm Đình Chương, Trần Duy Đức, Nguyên Bích, Đăng Khánh, Anh Bằng, Phạm Duy, Hoàng Quốc Bảo, Từ Công Phụng.

Ngày 17 tháng 4 năm 1975, Du Tử Lê cùng với Mai Thảo và Phạm Duy bị kết án tử hình vắng mặt trên đài phát thanh của Mặt trận giải phóng Miền Nam vì có thái độ chống đối cộng sản quyết liệt.

Sự kiện 30 tháng 4, 1975, ông sang tị nạn tại Hoa Kỳ. Hiện ông đang sống ở miền Nam California, tiếp tục nghề viết, và là nhân viên khế ước của đài tiếng nói Hoa Kỳ từ năm 1996. Ông cũng từng là chủ nhiệm các báo Việt ngữ *Nhân chứng*, *Tay Phải*, và *Văn nghệ* ở Hoa Kỳ. Hiện ông sống cùng gia đình tại thành phố Garden Grove, miền nam California.

Thơ của ông xuất hiện trên nhiều tạp chí trong và ngoài nước và được một số đại học dùng để giảng dạy cho sinh viên từ những năm 1990. Năm 1993, G.S. Neil L. Jaimeson chọn dịch và phân tích một bài thơ của Du Tử Lê in trong cuốn *Understanding Vietnam*, do liên đại học Berkeley,

HUỶNH ÁI TÔNG

UCLA, London xuất bản, là sách giáo khoa về văn học Việt Nam cho nhiều đại học tại Hoa Kỳ và châu Âu. Cho tới nay ông là nhà thơ châu Á duy nhất có thơ đăng trên hai nhật báo lớn của Mỹ là *Los Angeles Times*, 1983 và *New York Times*, 1994. Từ năm 1981 tới nay, Du Tử Lê đã có nhiều buổi thuyết trình về thơ tại một số đại học tại Hoa Kỳ, Pháp, Đức và Úc Châu trong đó có các trường Harvard, UC Berkeley.

Ông là một trong 6 nhà thơ Việt Nam thuộc thế kỷ thứ hai mươi, có thơ được chọn in trong tuyển tập *Thi ca thế giới từ thời thượng cổ tới hôm nay / World Poetry – An Anthology of Verse from Antiquity to Our Time* do NXB Norton New York ấn hành năm 1998.

Ngoài làm thơ Du Tử Lê còn vẽ tranh. Từ năm 2011, nhiều tranh của Du Tử Lê đã được dùng làm bìa sách cũng như in nơi trang bìa của một số tạp chí. Trong hai năm 2012 và 2013 ông cũng đã tổ chức một số triển lãm tranh cá nhân tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Thơ Du Tử Lê* (1964)
- *Năm sắc diện năm định mệnh* (1965)
- *Tình khúc tháng mười một* (1966)
- *Tay gõ cửa đời* (1970)
- *Chung cuộc* (cùng viết với Mai Thảo, 1969)
- *Mắt thù* (1969)
- *Ngửa mặt* (tiểu thuyết, 1969)
- *Vốn liếng một đời* (1969)
- *Qua hình bóng khác* (tiểu thuyết, 1970)
- *Mùa thu hoa cúc* (sách thiếu nhi, 1971)
- *Sân trường mắt biếc* (sách thiếu nhi, 1971)
- *Chú Cuội buồn* (sách thiếu nhi, 1971)

- *Hoa phượng vàng* (sách thiếu nhi, 1971)
- *Một đời riêng* (1972)
- *Khóc lẻ loi một mình* (1972)
- *Chấm dứt luân hồi em bước ra* (1993)
- *Thơ tình* (1996)
- *Chỉ như mặt khác tấm gương soi* (thơ 1997)
- *Trên ngọn tình sâu* (tập tùy bút, 2011)
- *Xương, thịt đời sau, máu rất buồn* (tùy bút, 2012)
- *Biệt khúc* (thơ, 2013)
- *Tuyển tập thơ Du Tử Lê 1957-2013* (Người Việt, 2013)
- *Giỏ hoa thời mới lớn* (Hội Nhà Văn, Việt Nam, 2014)

Trích văn:

Trường hợp Nguyễn Tất Nhiên, những ngày tháng, cũ

Cuối năm 1970, một buổi sáng khi tôi đang ngồi ở chiếc bàn quen thuộc, kê gần một cây cột của café La Pagode, ở ngã tư đường Tự Do và Lê Thánh Tôn, Saigon cũ, với Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Quốc Trụ, Huỳnh Phan Anh... thì, một học sinh khăng khiu, lênh khênh đẩy cửa bước thẳng vào. Cậu tiến thẳng tới bàn chúng tôi. Không chào hỏi ai, cậu hỏi tôi có phải là Du Tử Lê. Tôi gật đầu, thoáng nghĩ, có chuyện bất thường?

Thời gian đó, thỉnh thoảng một vài học sinh, sinh viên đi tìm tôi, ở La Pagode, không phải là chuyện hiếm. Nhưng cậu học trò này, với dáng vẻ ngơ ngáo, hiển nhiên không phải là học sinh hay, sinh viên ở Saigon.

Với chiếc quần tây màu xanh, cao trên mắt cá đã ngả màu, trên ngực áo chemise trắng khâu huy hiệu “Ngô Quyền,” chân đi dép Nhật, tay cầm tờ báo Văn và một cuốn sách nhỏ, cậu là khuôn mặt lạ, xuất hiện lần thứ nhất.

Mấy người bạn ngồi cùng bàn, im lặng. Tôi đứng dậy, chỉ cậu qua chiếc bàn trống kê sát khung kính lớn, trông vào đường Tự Do.

Sau khi cậu cho biết cậu tên “Hải,” tôi hỏi cậu uống gì, và tiếp tục kín đáo quan sát... Lúc người phục vụ lấy xong “order” đi khuất, tôi hỏi, ai chỉ Hải tới đây?

Cậu học trò tỉnh lẻ ngập ngừng:

“Em tìm anh đã lâu, viết thư cho báo Văn hỏi xin địa chỉ của anh, nhưng họ từ chối. Hỏi nơi anh làm việc, họ nói không biết... Sáng nay em phải tới thẳng tòa soạn Văn. Em nói, em từ Biên Hòa lên, cho em gặp anh. Họ bảo, ‘ông Lê không có ở đây.’”

“Ai trả lời câu đó?”

“Cái ông mập, đen, ngồi bàn trong. Không phải ông ngồi bàn ngoài ồm, cao. Hình như đó là ông Trần Phong Giao.”

Tôi nói, đúng rồi. Đó là ông Trần Phong Giao. Người ngồi bàn ngoài, ồm, hơi cao là ông Gia Tuấn.

“Nói xong, ông ấy lại cúi xuống làm việc. Coi như không có em. Nhưng em cứ đứng nguyên. Chập sau, ông ngược lên, lại nhìn em. Ý hỏi em có còn cần gì nữa không? Em nói, em muốn mua một tờ Văn số mới và, có cách nào chỉ cho em địa chỉ hoặc, chỗ làm của anh, để em đi tìm anh vì em ở rất xa, Biên Hoà, chứ không phải ở đây...”

Vừa nói, Hải vừa rất tự nhiên rút một điều thuốc của tôi, trên bàn, châm lửa hút, tựa hơi thuốc giúp cho nhịp tim của cậu đập lại bình thường hơn, sau quãng đường dài. Hải tiếp, giọng có phần phàn nàn:

“Ông ấy vẫn cứ nhìn em, không nói. Cũng không nhúc nhích. Tới lúc đó, em mới chột nghĩ ra, có thể ông ấy ngại em gây phiền hà anh hay, sao đó. Em bèn đưa cuốn thơ em có cầm theo đây, cho ông thấy rằng, em chỉ muốn gặp anh để tặng anh tập thơ mà thôi.”

Hải đẩy cuốn thơ mỏng, khổ giấy viết thư gấp đôi, bìa đóng kim... về phía tôi. Nhan đề của cuốn thơ in dạng copy đó là “Thiên Tai.” Chữ lớn, đậm. Tên tác giả “Hoài Thi Yên Thy” chữ nhỏ, mảnh. Hải tiếp:

“Ông ấy không cầm xem, chỉ liếc nhìn. Cuối cùng, ông xoay người với tay qua dây kệ phía sau, lấy cho em tờ Văn. Ông bảo, không lấy tiền, ‘cầm về Biên Hòa mà đọc.’ Rồi chỉ đường cho em ra đây. Ông dặn thêm rằng: ‘Ông DTL mặc đồ lính... Thường ngồi nơi chiếc bàn kê sát cột, nếu cậu đi vào tiệm café, từ phía đường Lê Thánh Tôn. Nhớ là cửa ở đường Lê Thánh Tôn chứ không phải Tự Do...’ ”

Những tưởng mục đích của Hải chỉ là muốn trao tận tay tôi, tập thơ. Khi tôi nhắc Hải nên trở lại Biên Hòa sớm, để đi học thì, Hải cho biết thêm: Cậu được nghỉ học nguyên ngày. Và, ngáp ngừng ngỡ ý nhờ tôi đưa tập thơ cũng như mấy bài thơ của cậu cho báo Văn.

“Em gửi bài cho Văn bao giờ chưa?” Tôi hỏi.

Hải đáp, có. Nhiều lần. Nhưng Văn không đăng một bài nào.

Cầm lên tập thơ mỏng của Hải, lật vài trang, tôi nghĩ, ngay cái bút hiệu “Hoài Thi Yên Thy” của cậu, đã tố cáo tính cách văn nghệ học sinh, thành viên thi văn đoàn tỉnh lẻ rồi! Ngay cái tên, tự nó cũng đủ khiến những người phụ trách việc chọn thơ cho Văn, không tin tưởng!

Tôi nói ra ý nghĩ của mình với Hải. Tôi bảo, tốt nhất Hải nên chọn tên thật. Vì cái tên “Hoài Thi Yên Thy” nghe cái lương, học trò. Không ổn.

Thời gian đó, tại Saigon cũng như ở các tỉnh, phong trào thành lập thi văn đoàn được mùa, nhiều như cỏ sau mưa. Tôi biết, có những thi văn đoàn chỉ một hai người. Thậm chí, một người cũng có thể nghĩ ra tới hai, ba tên thi văn đoàn khác nhau.

Tôi chờ đợi Hải sẽ tỏ dấu khó chịu trước lời nói thẳng của mình. Nhưng không. Hải mím môi. Im Lặng. Bất ngờ Hải nói:

“VẬY ANH NGHĨ CHO EM MỘT CÁI TÊN ĐI!”

Tôi cho Hải biết, cách tốt nhất là nên lấy tên thật của mình. Hay, dở gì, nó vẫn là cái tên bố mẹ đặt. Còn đã chọn bút hiệu thi, việc đầu tiên, bút hiệu đó phải lạ; dù vô nghĩa. Bút hiệu lạ sẽ dễ gây nhiều chú ý cho người đọc, tôi giải thích. Nêu bút hiệu và, nghệ danh vài nhà văn, ca sĩ làm thí dụ, tôi nói:

“ĐÓ LÀ NHỮNG CÁI TÊN VÔ NGHĨA. NHƯNG TRƯỚC KHI TRỞ THÀNH QUEN THUỘC THÌ, NÓ LÀ NHỮNG CÁI TÊN LẠ...” Tôi thêm:

“CÓ KHI NÓ LẠ Ở CHÍNH SỰ... VÔ NGHĨA CỦA NÓ!”

Hải bật cười lớn. Tiếng cười của Hải khá đặc biệt. Nó có thể khiến người chung quanh giật mình. Hải nói ngay:

“VẬY ANH NGHĨ CHO EM MỘT CÁI TÊN... LẠ ĐI. KHÔNG CÓ NGHĨA CŨNG ĐƯỢC...”

“EM ĐỂ VÀI BỮA NỮA ĐƯỢC KHÔNG?”

Hải năn nỉ:

“Không anh. Em ở tuốt Biên Hoà, lại không có xe, đâu thể chạy lên, chạy xuống thường xuyên được. Em nói rồi, một cái tên không có nghĩa gì cũng được...”

Tôi nhìn đồng hồ. Đã hơn 10 giờ. Tôi biết tôi phải có mặt ở chỗ làm việc, trước 11 giờ, là chậm nhất. Nhưng, Hải không cho tôi cảm tưởng Hải sẽ buông tha tôi sớm. Như thế, việc tôi phải nghĩ cho cậu một cái tên là chuyện đương nhiên. Chẳng biết có phải hai chữ “đương nhiên” thoáng hiện ra, đã dẫn tôi tới hai chữ... “tất nhiên”?

Tôi hỏi hải:

“Em họ gì?”

“Em họ Nguyễn.”

Tôi mượn Hải cây bút, viết ba chữ xuống bìa sau tập “Thiên tai”:

“Nguyễn-Tất-Nhiên.”

Hải cười rộ. (Văn tiếng cười có thể làm giật mình, chung quanh.) Tôi hỏi có hiểu hai chữ “tất nhiên,” Hải gật đầu. Tôi tiếp:

“Tất nhiên là... như thế... Mặc dù “tất nhiên như thế” nào thì chỉ có thời gian mới trả lời được. Có khi, cuối cùng, câu trả lời mà em sẽ nhận được, là... tất nhiên một... thiên tai!”
Tới bây giờ, tôi cũng không hiểu bắt nguồn từ động lực nào mà, chẳng những tôi không dị ứng với cung cách ứng xử tự nhiên, không phép tắc của người Nam như Nguyễn Tất

Nhiên mà, tôi còn chiều ý Nhiên, trước nhiều bất ngờ, phiền toái Nhiên mang đến cho tôi.

Bất ngờ đầu tiên là, ngay ngày hôm sau (chứ không phải nhiều ngày như Nhiên nói,) Nhiên tìm tôi ở phòng Báo Chí, cục Tâm Lý Chiến, giữa lúc tôi đang làm việc. Lần này, Nhiên đưa tôi một xấp thơ viết tay, với bút hiệu Nguyễn Tất Nhiên. Nhiên muốn tôi mang ngay ra báo Văn, cho Trần Phong Giao. Tôi hứa tôi sẽ làm. Nhưng:

“Em về đi. Anh đang phải làm việc. Thêm nữa, không thể có kết quả ngay. Và, cũng đừng hy vọng, nhiều ở lần gửi này.”

Nhiên đồng ý:

“Nhưng em vẫn chờ anh. Đẳng nào anh cũng đi ăn trưa phải không?”

“Em chờ ở đâu?”

“Bên kia đường.”

Không biết từ lúc nào mà Nhiên biết bên kia cục Tâm Lý Chiến, ở cuối đường Hồng Thập Tự, có một quán nhỏ, do một người lính trong cục mở, cho vợ đứng bán.

Hôm đó, mãi quá trưa tôi mới tạm xong công việc của mình. Những tưởng khi đi ra, Nhiên sẽ không còn đó. Nhưng tôi nhầm!

Bất ngờ kế tiếp, là sau này, gần như ngày nào Nhiên cũng tìm tôi. Chờ đợi. Khi ở tiệm café. Khi ngay trong căn phòng nhỏ mà chúng tôi thuê gần chỗ làm. Với thời gian,

Nhiên trở thành một “thành viên” trong gia đình nhỏ của chúng tôi từ lúc nào, tôi cũng không nhớ nữa.

Khổ nỗi, khi số ngày, đêm Nhiên ở trong căn phòng nhỏ của chúng tôi gia tăng bao nhiêu, thì số lần mẹ tôi đến thăm chúng tôi, lại giảm đi bấy nhiêu.

Số là mẹ tôi, vốn là người Bắc thuộc loại cổ xưa. Rất cực đoan! Bà không chịu nổi Nhiên. Nhất là những lần bà ghé thăm chúng tôi, nếu Nhiên đang có mặt thì, bao giờ Nhiên cũng giương mắt nhìn mẹ tôi như muốn hỏi:

“Bà tìm ai?”

Tôi nhắc Nhiên nhiều lần, nên chào mẹ tôi một tiếng. Tôi cũng từng nói với mẹ tôi rằng, Nhiên là người Nam không quen chào hỏi, chứ không phải cố tình hỗn láo!

Tuy nhiên, nói cách nào thì, mẹ tôi cũng không chịu nổi Nhiên. Bà không thể hình dung mỗi lần đi thăm con cháu của bà, là một lần bà phải gặp một thằng nhỏ giương mắt hỏi bà “muốn tìm ai?!”

Ngoài thói quen nhìn mẹ tôi như “tra khảo,” Nhiên còn là người cực kỳ bừa bãi. Những khi bận làm... thơ, Nhiên dùng hết tất cả 5 chiếc phin pha cà phê có sẵn trong nhà, xong vứt chúng vào bồn rửa mặt. Tàn huộc lá và “bản thảo,” những tờ giấy viết nháp của Nhiên thì... khỏi nói. Nhiên không chỉ vung vãi khắp bàn viết của tôi mà, còn phủ... đầy sàn gạch...

Nhiều lần mẹ tôi nói, bà rất ngứa mắt! Bà đi thăm con cháu chứ không phải để “hầu” cái ông “đầu gối cao quá mang tai” kia.

Chẳng là, khi làm thơ, Nhiên thường ngồi co một chân trên ghế. Thịnh thoảng Nhiên cũng co cả hai chân, như kiểu ngồi nước lụt. Mà, chân của Nhiên thì dài thật!

Cũng lại là một bất ngờ nữa, với tôi (dù chưa phải là bất ngờ sau cùng!), khi một hôm Nhiên ngỡ ý nhờ tôi chuyển thơ của Nhiên cho nhạc sĩ Phạm Duy, phổ nhạc. (Trước đó, Nhiên cũng đã có một bài thơ do Nguyễn Đức Quang soạn thành ca khúc. Đó là bài “Vi tôi là linh mục.” Nhưng không ai biết. Có thể nó không hay, ít được hát?)

Thời gian kể từ đầu năm 1970 tới giữa năm 1974, với sự đồng ý của Thành “Hiện Đại,” tôi là người xuất bản gần như tất cả những tập nhạc của họ Phạm. Ngay tập “Ngày đó chúng mình” của ông, tôi cũng là người tái bản, khi ông ngỡ ý muốn được in lại. Thuở đó, hai họa sĩ tôi nhờ trình bày bìa các tập nhạc nhiều nhất là Hồ Thành Đức và Nguyễn Khai. (Cả hai người này, hiện cư ngụ tại quận hạt Orange County.)

Vì công việc đòi hỏi, tôi thường phải liên lạc với nhạc sĩ Phạm Duy. Sự gặp gỡ của chúng tôi, không chỉ là chuyện bản quyền mà, còn là nhu cầu thỏa thuận với nhau, trong việc chọn lựa các bản nhạc cho từng chủ đề hoặc, chia đều những bản nhạc “ăn khách” cho nhiều tuyển tập khác nhau. Một buổi tối, tôi đến gặp họ Phạm ở cư xá Chu mạnh Trinh, Phú Nhuận. Sau khi giao cho ông bản lay out một tập nhạc mới (để ông dò lại phần nốt nhạc, trước khi bỏ in;) tôi đưa ông cuốn thơ “Thiên Tai” của Nguyễn Tất Nhiên. Nhờ ông, nếu được, phổ nhạc hộ một bài cho Nhiên. Tôi kể thật với ông rằng, từ nhiều tháng qua, Nhiên mơ ước một lần có thơ đăng trên tạp chí Văn. Nhưng tôi không giúp được. Tôi thất bại. Lần nào Trần Phong Giao cũng bảo tôi, thơ học trò. Không đăng được. Có lần họ Trần còn nói thẳng với tôi rằng:

“Mày đừng đưa thơ thẳng này cho tao nữa. Thơ của nó không thích hợp với báo Văn...”

Nhạc sĩ Phạm Duy nhận lời. Tôi biết, ngoài những bài thơ chọn để phổ nhạc, ông còn có tài phổ nhạc bất cứ một bài thơ nào, nếu tác giả tìm đến, nhờ cậy. Vấn đề còn lại, như phổ biến, in ấn... thuộc về nhà thơ đó. Ông hoàn toàn “vô can.”

Ba ngày sau, trong một lần gặp lại nhau vì công việc, nhạc sĩ Phạm Duy cho biết, ông đã phổ gần xong, bài “Thà như giọt mưa.” Ông nhờ tôi nhắn Nhiên lên gặp ông. Trước khi tôi về, ông nói, nán lại chút, để ông hát thử cho nghe. Những chỗ chưa có ca từ thì ông “ừ... ừ...” Hát xong, ông cười, bảo, kinh nghiệm của ông, cho biết nó sẽ là một bản nhạc “ăn khách.”

“Tôi nghĩ, tụi trẻ sẽ thích lắm, với cái ‘triết lý nôm na’... “Có còn hơn... không. Có còn hơn... không” này.

Ngay hôm sau, Nhiên từ Biên Hoà về, “bay” thẳng đến nhà Phạm Duy.

Bản nhạc ra đời với những chi tiết không hề có trong bài thơ. Cụ thể như câu “Khiến người tên Duyên đau khổ muôn niên,” cùng nhiều câu khác.

Đó là phần lời thêm vào do nhạc sĩ viết, căn cứ vào những gì Nhiên kể.

Đúng như nhạc sĩ Phạm Duy tiên đoán, chỉ trong một thời gian rất ngắn, bản nhạc đã trở thành “top hit.”

Về khả năng “bắt mạch thị trường,” các nhạc sĩ thời đó, đã “bầu” nhạc sĩ Phạm Duy là “Vua của các vua.” Nên không

ai ngạc nhiên, khi thấy Phạm Duy liên tiếp phổ thêm một số thơ của Nguyễn Tất Nhiên, như “Hai năm tình lận đận,” “Em hiền như ma Sơ”...

Qua những ca khúc vừa kể, một sớm một chiều, Nguyễn Tất Nhiên nổi tiếng khắp nơi - Như một hiện tượng, chưa từng xảy ra. Ngược hẳn với sự “yên ắng” của các diễn đàn văn học: Không một bài thơ nào của Nhiên, xuất hiện.

Sự nổi tiếng mau chóng và ồn ào này, đưa Nhiên tới việc được Đinh Tiến Luyện, Phạm Chu Sa ở tuần báo “Tuổi Ngọc” (của Duyên Anh) xin thơ.

Sự “bộc phát” giao thiệp của Nhiên, từ cái “gốc” là toà soạn Tuổi Ngọc, đã dẫn tới những bất ngờ khác cho tôi. Đó là sự kiện, Nhiên đem về nhà, giới thiệu với tôi, rất nhiều người bạn mới của Nhiên! Khi thì Vũ Hữu Định, Phạm Chu Sa. Khi thì Ngụy Ngữ, Nguyễn Đăng Hà. Lúc thì Hoàng Yên Trang, Hạc Thành Hoa (về từ Sa Đéc.) Khi thì Bùi Thuận, Vũ Hà Du, về từ Vũng Tàu...

Căn phòng nhỏ xíu của chúng tôi, nhiều ngày không đủ chỗ ngồi cho Nhiên và các bạn.

Năm 1972, khi nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng thay thế nhà văn Trần Phong Giao trong vai trò Thư Ký tòa soạn Văn, Nguyễn Tất Nhiên lại nhờ tôi đưa bài cho Văn. Tôi cũng kể thật với Hoàng về ước mơ của Nhiên, ít nhất một lần, thấy thơ mình được đăng trên Văn. Ông nhận lời giúp.

Sau khi Nguyễn Tất Nhiên mất ngày 3 Tháng Tám, năm 1992, tại miền Nam California (*), nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng (hiện cư ngụ tại thành phố San Jose,) đã kể lại chuyện này, trong một bài viết có tính cách tưởng niệm Nguyễn Tất Nhiên.

Nhưng, khi nhà văn Mai Thảo, thay thế Nguyễn Xuân Hoàng, trông nom bài vở tạp chí Văn thì, Mai Thảo lại có cùng quan điểm với Trần Phong Giao...

Để chấm dứt bài viết này, tôi muốn bước nhanh tới cái mà, tôi tạm gọi là “bất ngờ cuối cùng,” xảy ra một buổi trưa ở phòng Báo Chí, cục Tâm Lý Chiến, Saigon đầu năm 1974. Đó là khi tôi được mời qua phòng làm việc của Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh, (hiện cư ngụ tại Houston, Texas,) trưởng phòng Báo Chí mà, tôi là nhân viên.

Ông kể, nhạc sĩ Phạm Duy mới gặp ông, cho biết, Nguyễn Tất Nhiên đòi Phạm Duy phải đưa cho Nhiên 1 triệu đồng. Nhiên cần tiền mua một chiếc xe Honda, đi học. Nếu không, Nhiên sẽ nhờ luật sư đưa họ Phạm ra tòa.

Sau đó, Trung Tá Thịnh thuật lại lời của nhạc sĩ Phạm Duy cho rằng, tôi là người “gây họa” cho ông. Bởi vì, nếu tôi không nặn ni ông phổ nhạc thơ của Nhiên, thì đã không có vụ đòi tiền này. Chưa kể, ngoài phần nhạc, chiếm 50% một ca khúc, của Phạm Duy; ông còn là người viết thêm nhiều câu không có trong nguyên bản bài thơ. Điều đó có nghĩa, ngay ở phần ca từ, ông cũng đã chiếm tới 25%. Tóm tắt, mỗi ca khúc phổ từ thơ Nguyễn Tất Nhiên, phần của Phạm Duy là 75%. Phần Nguyễn Tất Nhiên chỉ có 25%. Chưa kể: “Nếu không có Phạm Duy thì ai biết Nguyễn Tất Nhiên là ai?!”

Đây là câu hỏi nhạc sĩ Phạm Duy nhờ Trung Tá Thịnh chuyển cho tôi, để tôi chuyển cho Nhiên.

Người xếp trực tiếp của tôi kết luận:

“...Đã không phải trả tiền cho nhạc sĩ thì thôi, nay lại đòi tiền bản quyền thì... đó là điều có phần quá đáng...”

Kết thúc câu chuyện, Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh muốn tôi thuyết phục Nhiên, hủy bỏ vụ đe dọa kiện cáo. Nhạc sĩ Phạm Duy đồng ý sẽ đưa Nhiên một khoản tiền, ít hơn con số đòi hỏi. Như một quà tặng chứ không phải là chia tiền tác quyền...

Trước khi trả lời, tôi hỏi Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh rằng: “Thưa trung tá, tôi nghĩ không biết có đúng không rằng, chuyện này nằm ngoài công việc của phòng Báo Chí?”

Ông gật đầu:

“Đúng. Chuyện này nằm ngoài công việc của phòng. Nhưng tôi thấy anh Nguyễn Tất Nhiên đối xử với ông Phạm Duy như thế, có phần không đúng. Và, tôi cũng nghĩ như ông Phạm Duy, anh là người duy nhất có thể can thiệp. Vì thế mà ông ấy tìm đến đây...”

Tôi cũng gật đầu:

“Vâng. Thưa trung tá, nhưng đó là việc riêng giữa cá nhân tôi với ông Phạm Duy và Nguyễn Tất Nhiên...”

“Nhưng ý anh ra làm sao?” Trung Tá Thịnh sốt ruột, hỏi.

Tôi đáp:

“Xin trung tá nói hộ với nhạc sĩ Phạm Duy rằng, ông ấy nên đưa Nguyễn Tất Nhiên số tiền mà Nhiên nó đòi. Nếu không, tôi cũng sẽ đứng về phía nó!”

Cuối cùng, dường như nhạc sĩ Phạm Duy đã trả cho Nhiên một khoản tiền... Tôi không biết, cũng không hề hỏi con số. Nhưng tôi nghĩ, nhiều phần, là con số không nhỏ.

Tôi dùng hai chữ “dường như” vì kể từ khi chúng tôi dọn nhà về Làng Báo Chí, phía bên kia cầu Xa Lộ (trước khi vụ Nhiên đòi chia bán quyền trở thành ồn ào,) Nhiên rất ít tìm tôi.

Trước 30 Tháng Tư, 1975, tôi có gặp lại Nhiên một lần, ngay trước phòng Báo Chí, cục Tâm Lý Chiến. Nhiên đến tìm tôi, với chiếc xe Honda, còn rất mới.

(Calif. Tháng Mười Một, 2009)

Chú thích:

(*) Nguyễn Tất Nhiên tên thật Nguyễn Hoàng Hải, sinh ngày 30 Tháng Năm, năm 1952, tại quận Đức Tu, tỉnh Biên Hoà.

Trích thơ:

Phúc âm riêng của hai người

1.

*Cây buồn lá đến rơi thôi
Hồn dang cánh muôn thu đời nhá nhem
Mối đùn đất đắng cay em
Bù nhau chưa đủ lệ hoen ngày vàng
Chung thân tôi – địa ngục nàng
Ngậm trầm nuốt ngải mong chàng yên vui*

2.

*Trời buồn thôi cũng mây luôn
Bao năm tiếng động bức hồn hỏa thiêu
Cây xê dịch với mắt chiều*

HUỶNH ÁI TÔNG

Theo chân bóng đôi cũng nhiều dung nhan
Sầu lên ngút đỉnh đời nàng
Áo em đã cởi – phủ chàng đắp đôi
Thân trăm năm, môi đầu đời
(Bầy chim cũng biết chuyện tôi yêu người)
Sống cùng thác chẳng ngoai người
Nay vun hạt nhớ mai bồi cây thương

3.

Sông buồn nước đến xuôi thôi
Cành lay đêm động tả toi cánh về
Sáng người đỏ ngọn điên mê
Chung đôi ngực thở sát kẻ môi soi
Tình người chín kiếp chưa phai
Trăm năm thân đá nghĩ ngòi ni non
Lòng hèn mọn, ước mơ son
Tay ai lựa nuốt gói chăn đêm đầy
(Sáo sang ngang sang cả bầy)
Yêu nhau lệ vượt mặt này chứa chan
Muôn sau ai biết chuyện chàng
Mai kia ai nhỉ? nói nàng yêu tôi

4.

Rừng buồn núi đến khôn vui
Ngựa đi bước một thiếu đôi thuở nào
Lên cao thạch động âm hao
Xuống sâu nguồn đã dạt dào nghìn năm
Một về lạnh chiếu rơi chăn
Một về nhóm lửa bếp làm tro xưa.

(19-2-1969)

Thơ cho nhỏ

*Thân ngựa chạy một đêm sâu gió núi
Đứng chòm theo ngọn suối đứng riêng trời
Hơi thở ngọt em một thời phong kín
Nhớ nhưng gì em buộc tóc chia đôi*

*Con sóc nhỏ mang hồn lên núi lạ
Ta chìm rừng cánh đã mỗi thương đau
Hương cỏ dại mát chân người ngà ngọc
Em băng đen vôi trắng giết đời nhau*

*Trăm con bướm bay về chung một ngã
Suối xôn xao suối phải tự xuống nguồn
Em áo lụa dáng gầy hơn bóng núi
Rừng ơi rừng cây đợi đã bao năm*

*Em tinh khiết giữa đời ta bụi bặm
Gọi ta về trong bóng nắng thơ ngây
Em mới lớn nên tình như thác gọi
Thương giùm ta thân ngựa đã xa bây.*

Khi trông thư Thụy Châu

*Cũng đành người đã quên tôi
Con chim nào cũng một đời kêu than
Cây phong đã đỏ lá vàng
Quán sâu tôi quán khăn quàng đợi đêm
Phải người quá nhẹ chân êm?
Tôi nghe như thể gió vịn cửa ngoài*

*Cũng đành người đã ham vui
Núi non nào cũng một đời cô đơn
Tuyết trên mái cô nghiêng hồn
Dưới chân cổ tượng cũng bồn chồn theo*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Xe không nào sẽ qua đèo
Đêm nay chắc lá lại nhiều chiếc rơi*

*Cũng may tôi có một đời
Để đau, để khổ, để ngồi trông thư.*

(Dinfos, 1969)

Đêm nhớ trắng Sài Gòn

*đêm về theo vết xe lăn
tôi trắng viễn xứ hồn thanh niên vàng
tìm tôi đèn thấp hai hàng
lạc nhau cuối phố sương quàng cổ cây
ngỡ hôn tu xứ mưa bay
tôi chiêm, trông gọi mỗi ngày mỗi xa
đêm về trên bánh xe qua
nhớ em Xa Lộ, nhớ nhà Hàng Xanh
nhớ em kim chỉ khâu tình
trưa ngoan lớp học chiều lành khóm tre
nhớ mưa buồn khắp Thị Nghè
nắng Trương Minh Giảng^[1] lá hè Tự Do^[2]
nhớ nghĩa trang: quê bạn bè
nhớ pho tượng lính buồn se bụi đường
đêm về trên vết xe lăn
tôi trắng viễn xứ, sầu em bến nào?*

Chú thích:

1. Đường Trương Minh Giảng, nay là đường Lê Văn Sỹ .
2. Đường Tự Do, nay là đường Đồng Khởi .

Khúc Thụy du⁽¹⁾

1.

*Như con chim bói cá
Trên cọc nhọn trăm năm
Tôi tìm đời đánh mất
Trong vũng nước cuộc đời*

*Như con chim bói cá
Tôi thường ngừng cánh bay
Ngước nhìn lên huyết lộ
Bây quạ rĩa xác người
(Của tươi đời nhượng lại)
Bữa ăn nào ngon hơn
Làm sao tôi nói được*

*Như con chim bói cá
Tôi lặn sâu trong bùn
Hoài công tìm ý nghĩa
Cho cảnh tình hôm nay*

*Trên xác người chưa rữa
Trên thịt người chưa tan
Trên cánh tay chó gặm
Trên chiếc đầu lợn tha*

*Tôi sống như người mù
Tôi sống như người điên
Tôi làm chim bói cá
Lặn tìm vương đời mình*

*Trên mặt dài nhiên lặng
Không tắm nào sủi lên
Đời sống như thân nấm
Mỗi ngày một lùn đi*

*Tâm hồn ta cọc lại
Ai làm người như tôi?*

2.

*Mịn màng như nổi chết
Hoang đường như tuổi thơ
Chưa một lần hé mở
Trên ngọn cờ không bay*

*Đôi mắt nàng không khép
Bàn tay nàng không thừa
Lọn tóc nàng đêm tối
Khư khư ôm tình dài*

*Ngực tôi đầy nắng lửa
Hãy nói về cuộc đời
Tôi còn gì để sống
Hãy nói về cuộc đời
Khi tôi không còn nữa
Sẽ mang được những gì
Về bên kia thế giới
Thụy ơ và Thụy ơ*

*Tôi làm ma không đầu
Tôi làm ma không bụng
Tôi chỉ còn đôi chân
Hay chỉ còn đôi tay
Sờ soạng tìm thi thể
Quờ quạng tìm trái tim
Lăn tan cùng vỏ đạn
Dính văng cùng mảnh bom
Thụy ơ và Thụy ơ*

*Đừng bao giờ em hỏi
Vì sao mình yêu nhau*

*Vì sao môi anh nóng
Vì sao tay anh lạnh
Vì sao thân anh run
Vì sao chân không vững
Vì sao anh van em
Hãy cho anh được thở
Bằng ngực em rũ buồn
Hãy cho anh được ôm
Em, ngang bằng sự chết
Tình yêu như ngọn dao
Anh đâm mình, lút cán
Thụy ơi và Thụy ơi
Không còn gì có nghĩa
Ngoài tình em tình em
Đã ướt đầm thân thể*

*Anh ru anh ngủ mùi
Đợi một giờ linh hiển.*

(03-68)

Chú thích:

1. Về tên gọi của bài thơ có hai giả thuyết. Một là: *Thụy* là tên riêng của bà Thụy Châu, vợ cũ của nhà thơ Du Tử Lê, còn *Du* lấy từ bút danh của chính tác giả. Hai là, theo nghĩa Hán Việt, “Thụy Du” là một khúc hát về giấc ngủ, cái chết, hoặc một chuyện đi dài.

Sáng tác từ năm 1957, thơ Du Tử Lê được vinh danh với Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc VNCH năm 1973.

Ở hải ngoại, trong cuốn Understanding Vietnam, tác giả, giáo sư Neil L. Jamieson đã chọn dịch một bài thơ của Du Tử Lê viết từ năm 1964. Cuốn sách này được dùng làm

HUỶNH ÁI TÔNG

sách giáo khoa, để giảng dạy tại các đại học Berkeley, UCLA, và Cambridge, London.

Thơ ông được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc như Phạm Đình Chương, Phạm Duy, Anh Bằng, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Trần Duy Đức, Nguyễn Bích, Đặng Khánh, , Hoàng Quốc Bảo.

Nhà báo Ngọc Lan viết trên báo Người Việt: "...tôi cũng lần giở, đọc được những điều chất chiu nhất của Du Tử Lê, người được nhà văn Mai Thảo thừa nhận là "tiếng thơ vô địch"."



Vô chấp, em ngồi như Quán Âm
(Du Tử Lê. Oil & acrylic on canvas. Size 16"x20")

Tranh Du Tử Lê *Vô chấp, em ngồi như Quán Âm*

Tài liệu tham khảo:

- Du Tử Lê Web: thica.net
- Trường hợp Nguyễn Tất Nhiên, những ngày tháng cũ
Web: saigonocan.com

12. Trùng Dương



Trùng Dương - Nguyễn Thị Thái (1944-20)

Nhà văn Trùng Dương tên thật là Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1944 tại Sơn Tây, Bắc Việt. Năm 1954, theo gia đình di cư vào Nam, sống ở Sài Gòn, học Đại học Kiến Trúc. Năm 1965, do Võ Phiến giới thiệu Trùng Dương có truyện ngắn đầu tay *Sao Rụng* đăng trên *Bách Khoa*, sau đó cộng tác thêm với các báo *Văn*, *Vấn Đề*, *Đời*, *Diễn Đàn*, tác phẩm đầu tay là tập truyện *Vừa đi vừa ngược nhìn*.

Ngoài lãnh vực văn chương, Trùng Dương còn sinh hoạt trong các ngành phát thanh, truyền hình, báo chí, điện ảnh.

Trùng Dương nguyên là chủ nhiệm, chủ bút nhật báo *Sóng Thần* tại Sài Gòn, từ năm 1971-75, và là tác giả của nhiều truyện ngắn, truyện dài, biên khảo, phóng sự, minh họa, và một vở kịch ba màn, *Các Con Tôi Đã Về* (1978) ghi lại những ngày cuối cùng ở Sài Gòn vào mùa xuân 1975.

HUỶNH ÁI TÔNG

Định cư tại Hoa Kỳ từ 1975, Trùng Dương trở lại trường học và tốt nghiệp ngành báo chí, công quyền và các vấn đề quốc tế tại Đại học Tiểu Bang California, Sacramento.

Từ năm 1991- 93, Trùng Dương làm phóng viên cho tờ *The Mountain Democrat*, Placerville, California, sau đó về cộng tác với nhật báo *The Record*, Stockton, California, từ cuối 1993 tới khi về hưu giữa năm 2006.

Trùng Dương cư ngụ tại tiểu bang Oregon, Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Vừa Đi Vừa Ngược Nhìn* (tập truyện - Khai Trí, 1966)
- *Mưa Không Ướt Đất* (tập truyện - Văn, 1967)
- *Cơn Hồng Thủy và Bông Hoa Quỳ* (Trình Bầy, 1968)
- *Chung Cư* (tập truyện - Tân Văn, 1971)
- *Một Cuộc Tình* (tập truyện - Tân Văn, 1972)
- *Lập Đông* (tập truyện - Văn, 1972)
- *Ngàn Cánh Hạc* (dịch Kawabata Yasunari, Trình Bầy, 1969)
- *Đường Về Trùng Khánh* (dịch Han Suyin, chung với Hồ Hải Nguyễn Vũ Thiện, khoảng 1970)
- *Người Đàn Bà Trong Cỏ Cát* (dịch Kobo Abe, An Tiêm, 1971)

Một số tác phẩm chưa in:

- *Thành Trì Cuối Cùng* (truyện dài, đăng từng kỳ trên nhật báo *Thần Phong*, Saigon, khoảng 1970-71)
- *Những Người Ở Lại* (truyện dài, đăng từng kỳ trên nhật báo *Sóng Thần*, 1973)
- *The Prophet* (dịch Kahlil Gibran, đăng rải rác trong một số tạp chí, 1968-70)

Trích văn:

Sao đặc trời

Bốn câu thơ chợt bắt gặp nơi trang giữa của một cuốn sách biên khảo về văn học làm tôi bật ngời dậy như bị điện giật. Bốn câu thơ mà trong đó hai câu cuối Nguyễn Vũ Thiệu đã chép vào một mảnh giấy ép trong cuốn nhật ký của anh, có lẽ không lâu trước khi anh bị hạ sát. Mảnh giấy không đề tên người nhận, cũng chẳng ký tên người viết, song tôi thuộc tuồng chữ của Thiệu, cái tuồng chữ với những phụ âm d, đ, t, th, k, kh, vân vân... đâm thẳng lên trời và cao hơn bình thường như muốn nổi loạn, và những nguyên âm thấp, cam phận, tự nén. Bên dưới hai câu thơ là dòng chữ vồn vện: “Nếu không đoán được ai là tác giả của hai câu thơ trên thì sẽ không về nữa.”

Hai mươi hai năm đã trôi qua kể từ khi tôi tìm thấy mảnh giấy ép trong cuốn nhật ký của Thiệu. Tôi đã hỏi quanh một số bạn bè trong giới văn nghệ xem có ai biết tác giả của hai câu thơ đó, song chẳng ai nhớ. Tôi đã quên chúng, đã bị lôi cuốn vào cơn bão thời cuộc của miền Nam Việt Nam, rồi nổi bi thương của biên cố “miền Nam ơi từ buổi tiêu tan ấy”; những ngày lạc lõng giữa thị trấn lều vải của đảo Guam một mình với hai đứa con nhỏ; nối tiếp là những ngày dài giữa những đồi hoa dại màu vàng mệnh mang của trại lính Camp Pendleton ở California; và cuối cùng là đời sống nơi đất Mỹ với những phấn đấu triền miên với xung quanh và với chính mình.

Tình cờ tôi khám phá ra tên của tác giả của hai câu thơ Thiệu chép lại. Qua cơn thăng thốt, tôi nghe lòng bồi hồi, như người viễn xứ lâu năm trở về mái nhà xưa với những kỷ niệm tôi đã chôn cất trong lòng trên hai thập niên, đã từng muốn quên vì nổi nhức nhối khi trực diện với chúng.

HUỶNH ÁI TÔNG

Thiện bị ám sát vào cuối tháng 10 năm 1972. Tôi nhớ ngày đưa đám anh, ngày 31 tháng 10 năm 1972, cũng ngày đó hai năm sau, 1974, nhật báo Sóng Thần phải ra hầu tòa về tội “phỉ báng mạ lỵ” vị nguyên thủ quốc gia vì đã đăng nguyên văn bản Cáo Trạng Số 1 phơi bày hệ thống tham nhũng của gia đình Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, do nhóm Phong Trào Nhân Dân Chống Tham Nhũng gồm 300 linh mục do Linh mục Trần Hữu Thanh lãnh đạo đã phổ biến ở Huế.

Nhiều nhân vật tên tuổi trong giới báo chí, văn nghệ, chính trị và nhân sĩ của Sài Gòn đến đưa Thiện đến nơi an nghỉ cuối cùng, mặc dù chẳng mấy ai biết đến anh, chưa kịp biết đến anh thì đúng hơn, vì Thiện và tôi mới lấy nhau mới được có ba tháng. Một trong những người mà tôi nhớ nhất đã đến dự đám tang Thiện là cha tôi. Tôi chỉ biết đến sự có mặt của ông sau khi đã hạ quan, khách khứa lần lượt chào tôi ra về và tôi lí nhí nói lời cảm tạ, hai tay ôm chiếc cờ vàng ba sọc đỏ phủ áo quan đã được gấp gọn ghề trên tay, với một bên là nữ nghệ sĩ cải lương Bạch Tuyết mặc áo dài đen đeo kính mát to bản đã không rời tôi nửa bước, để lỡ tôi có xum xuông thì đỡ. Tôi ngẩng lên và nhận ra cha tôi đứng ở một góc xa, tách biệt với mọi người. Ông chỉ nhìn tôi lặng lẽ.

“Cậu... cậu đến từ hồi nào?” Tôi mấp máy môi khi đến gần ông.

Tôi hiểu ông đã hết còn giận tôi vì tôi đã cả gan in một cái thiệp báo hi ngoại lệ: “Chúng tôi hân hoan báo tin lễ thành hôn của chúng tôi...” Không có tên của bố mẹ hai bên như thông lệ. Tôi nghe mẹ tôi nói là ông đã giận tôi về việc đó, làm cứ như bố mẹ đã chết hết cả rồi không bằng, mẹ tôi

nói, có lẽ cho cả chính bà. Dù vậy tôi biết ông vẫn lặng lẽ theo dõi các hoạt động báo chí của tôi, với một niềm hãnh diện ngấm ngấm.

Tôi đã bàn với Thiện việc hôn nhân của chúng tôi là việc hết sức riêng tư, mọi quyết định và những hay, dở là thuộc phần trách nhiệm của chúng tôi, không có lý gì kéo những người khác vào đứng tên, dù đó là bố mẹ. Thực ra thì từ hồi còn bé tôi đã sớm tỏ ra ngạo mạn đối với những nghi thức rành rành của cưới hỏi, trong đó có nhiều trường hợp người con gái trở nên như một món đồ để trả giá trong các vụ thách cưới, không còn là một con người nữa. Tôi cũng ghét nhất cái tục nhị hi của người miền Bắc, theo đó ngay sau ngày cưới bên nhà trai dẫn qua nhà gái một con lợn quay con, có phủ vải đỏ, trước những cặp mắt tọc mạch đến thô lỗ của hai bên hàng xóm, như đã xảy ra với bà chị hơn tôi có bốn tuổi. Hai tai con lợn mà còn, chúng tỏ với hàng xóm láng giềng là người con gái về nhà chồng còn trinh; và ngược lại. Những ấn tượng từ bé lớn lên biến thành quan niệm về hôn nhân như một việc riêng tư giữa hai người trong cuộc. Chẳng lẽ không in thiệp báo, vì nói theo một ông biên-tập-viên lớn tuổi nhất của tòa báo, đầu gị thì “chị cũng là một chủ nhiệm của một tờ báo lớn của miền Nam.” Ông còn khuyên tôi nên làm tiệc cưới nữa cho nó “phải đạo,” nhưng tôi chỉ cười gạt đi. Chúng tôi chỉ tổ chức có một bữa tiệc nhỏ duy nhất vì Thiện muốn thế, để Thiện giới thiệu tôi với anh em trong ban chỉ huy của chi đoàn thiết giáp tân lập mà Thiện đang giúp đào tạo và huấn luyện ở trại Bear Cat, Long Thành, chờ ngày lên trấn nhậm Vùng II Chiến Thuật ở cao nguyên.

Dầu sao, cha tôi đã đến dự đám tang của Thiện, dù chỉ để có mặt, chẳng nói năng, bày tỏ gì, vì từ hồi nào đến giờ ông cũng không quen bộc lộ tình cảm. Sự hiện diện của ông khiến tôi xúc động, thêm nghẹn ngào.

“Cậu chẳng biết nói gì hơn... Cô ráng giữ gìn sức khỏe,”
ông bảo tôi trước khi chia tay.

Sau đám tang của Thiện mấy ngày thì có hai người quân nhân, một hạ sĩ và một binh nhì, từ chi đoàn khiêng về cho tôi một cái hòm bằng gỗ khá nặng sơn màu xanh rêu nhà binh, và cái ghế bố ba miếng bọc mạng màu đen xếp lại được, mà trên đó Thiện đã nằm đọc báo, số báo Sóng Thần cuối cùng của đời anh trước khi bị bắn gục mặt xuống trang báo lênh láng máu. Tờ báo mới ra khỏi nhà in ở Sài Gòn vào buổi trưa và liền đó được xe đò chở tới Long Thành, mang theo những tin tức nóng hổi về một cuộc ngưng bắn sắp xảy ra.

Lúc bấy giờ cả miền Nam đang lên cơn sốt về một cuộc ngưng bắn da beo — quân bên nào ở đâu thì đóng nguyên ở đấy — mà miền Nam có thể phải chấp nhận, mặc dù chẳng ai, dù một mối đối với chiến tranh đến mấy, có thể tin là sẽ có ngưng chiến thực sự, mà coi đấy chỉ là một cách để Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam trong danh dự sau nhiều năm đổ của, người vào cuộc chiến tranh ngăn chặn làn sóng xâm lăng của cộng sản mà vẫn bất phân thắng bại. Tôi còn nhớ những hình ảnh mà anh chị em phóng viên nhiếp ảnh của Sóng Thần thu thập được quanh Sài Gòn và ở các tỉnh: Chị bán hàng rong đội chiếc nón trên đó có sơn lá cờ vàng ba sọc đỏ; anh phu xe xích lô không quên cắm trên xe của mình một lá cờ vàng phát phới lớn bằng hai bàn tay; một chủ xe của một chiếc xe du lịch màu trắng cẩn thận sơn nguyên một lá cờ vàng ba sọc đỏ chạy dài từ mũi xe ngang qua nóc xe bọc xuống thùng xe; trẻ em đi học tay cầm những chiếc cờ giấy; nhiều nhà treo cờ chưa hết, họ còn cẩn thận sơn một vuông cờ trên khoảng tường nơi mặt tiền của ngôi nhà của họ. Tất cả không phải để mừng cuộc ngưng chiến sắp xảy ra, mà là để... đánh dấu những vật

dụng, đất đai thuộc quyền sở hữu của họ, kể cả bản thân họ, rằng đây là lãnh vực quốc gia tự do.

Đây cũng là thời kỳ, theo một câu chuyện kể đã gần trở nên huyền thoại, một lá đại kỳ màu vàng ba sọc đỏ, ngang gần chục mét, đã được may vội vã và chuyển sang Paris, nơi cuộc hòa đàm ngưng bắn đã diễn ra từ năm 1968. Lá cờ ấy, khi miền Nam sụp đổ, đã được một số anh chị em sinh viên quốc gia du học bên Pháp vào Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa lấy được, mang đi cất trước khi cơ sở này được chuyển giao cho Cộng sản Việt Nam. Nữ văn sĩ Minh Đức Hoài Trinh được anh em sinh viên giao phó cho phần vụ cất giữ lá cờ mà sau đó, vào khoảng giữa thập niên 1980, chị đã giao lại cho Ông Hoàng Cơ Minh của Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam trong một buổi lễ trang trọng trước hàng ngàn người còn đầy bầu nhiệt huyết và quan tâm cho tiền đồ dân tộc, tại một hội trường ở San José, Bắc California, để đem về chiến khu. Tôi đã viết một truyện ngắn loại tự thuật, “Tâm Sự Của Một Lá Cờ,” trong đó nhân vật chính xưng tôi là lá đại kỳ, viết với tất cả niềm xúc động khi nghĩ tới những “anh em bà con” của cũng lá cờ ấy đã bọc bao quan tài tử sĩ, trong đó có chiếc quan tài của Thiện — những chiếc quan tài vùi trong lòng đất đã tưởng là nơi an nghỉ ngàn thu của họ, song đã bị đào xới, san bằng hoặc quên lãng sau khi miền Nam thất thủ.

Tôi trở chỗ cho hai người quân nhân đặt chiếc hòm chứa những vật dụng cá nhân của Thiện. Còn chiếc ghé bó, tôi nhờ họ mở ra và đặt giữa phòng khách, để mừng tượng hình ảnh Thiện vẫn nằm trên đó. Họ làm theo lời tôi, với vẻ ái ngại, xót xa trong ánh mắt. Xong, họ lột chiếc mũ dạ đen có thù hình chiếc thiết giáp nhỏ phía trước bằng chỉ bạc và những vòng tròn mạ bạc nhỏ như những miếng confetti xuống cầm tay, nhìn tôi, nhìn chiếc ghé bó trên đó Thiện đã bị hạ sát trước khi đọc hết trang nhất của tờ Sóng Thần.

Những vết máu đã được rửa sạch, nhưng những lỗ hồng do những viên đạn của khẩu súng máy tự động xuyên thủng thì vẫn còn đó, như những lỗ mắt không con người trố lên nhìn chúng tôi.

“Chị... có muốn kiểm điểm lại những món đồ của đại úy trong rương xem còn thiếu món nào thì tụi em sẽ kiểm đem xuống cho chị?” Viên hạ sĩ nhất mới ngoài hai mươi và là người thân cận nhất của Thiện tăng háng giọng gợi ý. Anh ta là người đầu tiên khi nghe mấy phát súng nổ trong lều của Thiện, đã chạy vào và bắt gặp Thiện gục mặt trên tờ báo máu tuôn ra lênh láng. Thiện tắt thở liền trên chiếc ghế bố mà tôi đã mua tặng anh để nằm đọc sách báo cho thoải mái sau những giờ huấn luyện cực nhọc.

Tôi lảng tránh câu hỏi của viên hạ sĩ nhất, hỏi anh ta chùng nào thì đơn vị sẽ lên Vùng II. Anh ta đáp cũng sấp. Tôi đang muốn ở một mình để nghiên ngẫm nỗi bi thương và niềm ân hận đang dày vò tâm tư tôi. Tôi nhớ đến một câu văn của một nhà văn Nga mà tôi không còn nhớ tên, “Chàng như con thú hoang bị thương chạy chôn vào rừng thẳm để tự chữa bằng dược thảo, hoặc để được chết yên thân một mình...” Tôi cũng vậy, như con thú hoang bị thương. Biết vậy, nên anh em trong tòa soạn đã cử Triều Giang và Ngự Thanh, lúc ấy đang nghỉ phép từ Đà Nẵng về Sài Gòn để dự đám tang của Thiện, là hai phóng viên trẻ của tòa báo, thay phiên nhau trực ở nhà tôi.

“Chị... nên soát lại di vật của đại úy. Chị yên tâm, thiếu bất cứ món gì của đại úy, tụi em sẽ tìm mọi cách chuyển đến cho chị,” Anh hạ sĩ nói, giọng cả quyết pha mỗi thương cảm, như gợi ý một điều gì đó mà tôi không để ý.

Mới đó có ba tháng từ khi Thiện và tôi quyết định thành hôn sau một thời gian dài làm bạn. Chúng tôi vẫn còn và

đang làm quen với nhau vì cả hai sống độc thân đã nhiều năm và đã quen nếp. Một vài thân hữu, cộng sự viên nghe tin trễ tối lấy chồng vẫn còn đang gửi lời góp vui về ty quản lý của tòa báo, và những lời góp vui đã được giữ lại để thay thế vào đó là những mẫu chia buồn trước tin Thiện bị tử thương. Những người quân nhân đứng trước mặt tôi không biết là tôi còn thương cảm họ hơn mỗi thương cảm họ dành cho tôi. Thiện là một chỉ huy trưởng có khả năng và biết thương lính, cứng rắn song công bằng. Với khả năng ngoại ngữ thông thạo mà Thiện thường dùng để đọc những sách triết học, chính trị, và văn chương — những đề tài mà qua đó chúng tôi đã quen nhau và thường thảo luận với nhau, hồn nhiên trong trò chơi trí thức như một cách chạy trốn một hiện tại nhiều bất trắc, từ ngày còn lê la ở khuôn viên của Đại Học Luật Khoa Sài Gòn trên đường Duy Tân vào đầu thập niên 1960 —, Thiện nghiên cứu những cuốn sách dày cộm phức tạp bằng tiếng Anh về các hệ thống điện tử tinh vi của loại thiết vận xa M-48 lần đầu được gửi sang, có lẽ cũng là để thử nghiệm, ở chiến trường Việt Nam vào đầu thập niên 1970. Xong, anh dịch ra tiếng Việt bằng một thứ ngôn ngữ dễ hiểu để truyền lại cho đám lính trong chi đoàn, nhiều người vốn là đào binh, trốn lính hoặc tội phạm được đưa vào đơn vị như một cơ hội để “làm lại cuộc đời” lần thứ hai, thay vì bị đưa đi lao công chiến trường. Tôi hiểu nỗi hoang mang của những quân nhân dưới quyền của Thiện mai này đi vào vùng lửa đạn dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan khác, có thể kém xa Thiện. Họ sẽ kề cận với cái chết trong khi tôi được ở chốn yên lành, nỗi đau thương nào của tôi thì cũng đâu bằng sự bất trắc mà họ sẽ phải trực diện nay mai.

Tôi bảo với anh hạ sĩ nhất là tôi sẽ coi lại những món đồ trong rương của Thiện, rằng nếu thiếu món gì tôi sẽ cho người lên nhận, trong khi nghĩ thật chả có món gì mà tôi tha thiết đến độ phải đòi cho bằng được trước cái mất mát

của cả một mạng sống. Thiện chết lúc mới ba mươi tuổi, đem theo cái sức sống hùng hực của một Zorba The Greek, cái nổi loạn của Albert Camus, cái thơ mộng lãng mạn của Jacques Prévert — những tác phẩm và tác giả Thiện yêu thích — và nỗi chua xót chịu trận của người thanh niên Việt sinh ra và lớn lên trong thời chiến.

Không lấy tôi, chưa chắc Thiện đã chết thảm như vậy, tôi đã nghiền ngẫm trong nghẹn ngào. Những mảnh puzzles mà tôi đã ráp nối lại được, mặc dù còn nhiều mảnh rơi vãi đâu đó và có lẽ sẽ chẳng bao giờ tìm ra được, đã cho tôi một cái nhìn đại khái, có tính cách suy diễn, đã hẳn: Tôi là chủ nhiệm kiêm chủ bút của một tờ báo có chủ trương chống tham nhũng trong chính quyền và quân đội, với mục tiêu làm sạch hậu phương để những người lính ngoài mặt trận không cảm thấy là mình đang chiến đấu trong vô vọng cho một hậu phương thờ ơ, chỉ biết hoặc hưởng thụ hoặc vơ vét cho đầy túi. Thiện lại sắp lên đường đi Vùng II, là lãnh thổ của một ông tướng Tư Lệnh Vùng Nguyễn Văn Toàn, tục danh là Quê Tướng Công vì liên hệ của ông với hệ thống buôn bán quế một dạo do các sĩ quan dưới quyền của ông điều khiển, và là người đã một lần bị Sóng Thần phơ bày tội dụ dỗ gái vị thành niên qua một loạt bài phóng sự điều tra do ký giả Lê Thị Bích Vân viết. Cả Bích Vân lẫn tôi đã phải ra hầu tòa về tội “phi báng, mạ lỵ” này, kết quả ra sao tôi không còn nhớ rõ, vì đã có quá nhiều lần ra hầu tòa vì tờ báo, hình như mỗi người bị phạt phải bồi thường một đồng danh dự cho ông tướng.

Trong thời gian huấn luyện ở Long Thành, Thiện đã nhiều lần than với tôi về việc phải ký nhận những thùng xe tăng đầy xăng, trong khi thực tế chỉ có lưng bình; về những bất tài, những lạm của một số người trong giới chỉ huy thiết đoàn mà chi đoàn của Thiện là một thành phần. Đó là những sự việc rời rạc, tôi nghe biết vậy, chứ không có ý

định cho người điều tra hay khai thác gì vì tôi đã quyết định công việc của Thiện là của Thiện và việc tôi với tờ báo là của tôi, không thể trộn lẫn với nhau. Thế nhưng những người trong thiết đoàn và cả trên Vùng II có lẽ đã không nghĩ như vậy. Họ có lẽ đã họp với nhau và đưa ra những câu hỏi: Tại sao Thiện lại bỏ Trường Huấn Luyện Thiết Giáp ở Thủ Đức, một chốn an lành, để tình nguyện đi ra đơn vị tác chiến, việc mà Thiện đã làm cách đó mấy năm, đã thấm mệt, đã xin chuyển về trường, nếu không là tình nguyện đi đơn vị tác chiến lên cao nguyên với một mục đích hoặc với một sứ mạng nào đó do tờ báo Sóng Thần giao phó?

Cũng như chính quyền của Ông Thiệu đã không nhìn thấy những hoạt động của nhóm Sóng Thần hoàn toàn phi chính trị như thế nào, mà chỉ nhìn thấy cái sôi nổi, địa bàn hoạt động trải rộng đáng nghi ngại của chúng tôi: Chúng tôi — gồm nhà báo Chu Tử, Uyên Thao, Lý Đại Nguyên, Nguyễn Liệu, Bác sĩ Phạm Văn Lương, Hà Thế Ruyệt, Nguyễn Đức Nhuận, cùng với sự cộng tác của nhiều nhà báo như Trương Cam Vĩnh, Đường Thiên Lý, Lê Thiệp, Vũ Ánh, Nguyễn Tiến Sơn, Dương Phục, Đỗ Ngọc Yên, Trần Phong Vũ, Trần Đình Thọ, Thục Viên, Nguyễn Tuyển, Ngy Thanh, Nguyễn Tân Dân, Vũ Ngọc Long, và nhiều nhà văn, nhà giáo, văn nghệ sĩ, cùng nhiều anh chị em sinh viên trẻ khác, trong đó có Triều Giang (hồi ấy còn là sinh viên Luật) — chống tham nhũng, với khẩu hiệu có vẻ ngạo mạn, khá lãng mạn, “Đầu sóng ngọn gió.” Chúng tôi chung vốn và hỗ trợ tận lực, bằng tờ báo, gánh hát cải lương của cặp tài tử Bạch Tuyết - Hùng Cường đi lưu diễn khắp nơi, với vở tuồng ra mắt dựa vào tác phẩm Kim Vân Kiều của thi hào Nguyễn Du. Chúng tôi dùng tờ báo gây quỹ cho chương trình học bổng cho học sinh nghèo của Quảng Ngãi Nghĩa Thục, nơi quy tụ tới cả mấy trăm em học sinh nam nữ hiếu học và một ban giảng huấn và điều hành được có

tình duy trì ở mức 108 người (anh hùng Lương Sơn Bạc đầy lãng mạn tính) hoàn toàn tự nguyện. Chúng tôi dùng tờ báo để phát động chương trình xây nhà cho người nghèo, và vận động gây quỹ đi hốt xác trên 2,000 đồng bào tử nạn trên “Đại lộ Kinh hoàng” nằm giữa Huế và Quảng Trị sau khi Quảng Trị lọt vào tay quân Bắc Việt trong biến cố Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 — hai chương trình này đã được ký giả Đường Thiên Lý gom lại, dùng câu ngạn ngữ đặt tên là “Sống mái nhà, chết nắm mồ.” Rồi chúng tôi gọi vốn làm phim; bỏ tiền làm tượng Hà Thúc Nhơn, viên đại úy y sĩ đã bị tham nhũng thanh toán năm 1970 ở Nha Trang và đã trở thành biểu tượng của nhóm, do bàn tay điêu khắc tài hoa của Lê Thành Nhơn tạc - pho tượng còn đang ở giai đoạn đất sét, cao khoảng 3 mét, tôi chưa có dịp hỏi Nhơn (qua đời ở Úc năm 2002), là cái gì đã xảy ra với pho tượng đó. Những lúc nhàn rỗi tôi thường đàn đúm với vài người bạn cùng trang lứa và chung lý tưởng, trong đó có Nhơn và kiến trúc sư Trần Quang Đôn, nói chuyện xây dựng đất nước một khi hòa bình. Chúng tôi phân tán nhân lực và vật lực cho quá nhiều các hoạt động khác nhau, tất cả qua tờ báo. Có lẽ chưa có tờ báo nào trên thế giới đã phải cáng đáng, và cả nuôi dưỡng, một lúc biết bao nhiêu công tác như vậy: vừa thông tin, bình luận, tranh đấu, giáo dục, giải trí, gây quỹ cho các chương trình văn hóa, xã hội và nhân đạo khác nhau.

Tóm lại, chúng tôi là những kẻ mơ mộng, lãng mạn, với cái đam mê của một luồng điện mạnh truyền sang nhiều người, và cũng làm cho nhiều người tê tái, e dè, xa lánh, hoặc tìm cách vùi dập nếu có cơ hội và quyền hành.

Vì chúng tôi phân tán mộng nhân lực và vật lực như vậy, nên khi chính quyền của Ông Thiệu ban hành cái gọi là luật báo chí 007-72 sau biến cố Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, viện lý do vì tình hình khẩn trương, để có thể kiểm soát báo chí

chặt chẽ hơn, mà trong đó có điều khoản bắt các nhật báo phải ký quỹ 20 triệu đồng để được tiếp tục xuất bản, còn các báo định kỳ phải ký quỹ 10 triệu, một điều khoản quái gở nhất chưa từng thấy trong lịch sử báo chí nhân loại, chúng tôi chơi với, hợ hành đến xanh cả người, bạc cả đầu. Làm thế nào để duy trì tờ báo, vì không có nó chúng tôi sẽ như người bị chặt cả tay lẫn chân và sẽ buộc phải bỏ dở những công trình vừa mới chớm bắt đầu.

Luật báo chí mới ra đời khá bất ngờ, ngay sau khi Sóng Thần vừa chia tiền lời cho các cổ đông, lên tới khoảng 70 phần trăm số tiền họ đóng góp. Số là hồi xảy ra vụ Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, nhờ dàn phóng viên ở Huế do Nguyễn Kinh Châu điều khiển, tăng cường bởi nhóm anh em Sóng Thần từ văn phòng Quảng Trị, như Đoàn Kế Tường, di tản vào, và từ Đà Nẵng, như Ngy Thanh, và từ Sài Gòn ra, kể cả tôi lần đầu được anh chị em cho phép đi ra vùng địa đầu (bởi vì nếu tôi có bị sao thì tờ báo cũng không thọ, vì tôi đứng tên), tờ Sóng Thần bỗng phát lên như điều gặp gió, với những tin tức phóng sự, hình ảnh, nhất là hình ảnh của “Đại Lộ Kinh Hoàng,” nơi cả ngàn đồng bào trên đường di tản bị pháo kích của quân Cộng sản từ trên dãy Trường Sơn rót xuống giết hại, mà chúng tôi thu thập được và cung cấp cho độc giả. Cái trò làm báo là nếu báo lên, bán chạy thì quảng cáo cũng ủa tới, nên chúng tôi thu được khá bộn tiền lời.

Là những nhà kinh doanh tài tử, không biết thủ để phòng cơn nắng hạn, hoặc để đầu tư khuếch trương thêm, chúng tôi đem tiền lời chia cho cổ đông. Thế nên khi phải ký quỹ, chúng tôi lâm vào đường cùng. Thế là có một màn vắt giò lên cổ để lo tiền ký quỹ. Lâu lâu nhà văn Chu Tử, hồi ấy là chủ biên của tờ báo, khập khiễng đi vào với một bọc tiền mượn được của ai đó, nụ cười méo mó (vì anh bị bắn vào mặt, suýt chết, vào cuối thập niên 1960 trong một vụ mưu sát hồi còn nhật báo Sóng, khiến hệ thống thần kinh của

một bên người bị ảnh hưởng). Các thân hữu khác cũng cho vay hoặc đứng ra làm trung gian vay hộ, nhiều người vì những lý do riêng không muốn đưa tên mình ra.

Hồi ấy báo chí rùng như sung vì không xoay nổi tiền ký quỹ, kể cả những báo định kỳ, như tuần báo, bán nguyệt san, và nguyệt san. Báo trẻ em, thiên về giáo dục, thì đóng 5 triệu đồng, hoặc có thể xin miễn ký quỹ, nếu chạy chọt được. Có nhiều báo văn học, để tránh ký quỹ vì họ cũng không có tiền, xoay ra xuất bản dưới hình thức “sách định kỳ.” Tôi nhớ cách đó mới vài ba năm, vào cuối thập niên 1960, để tránh bị kiểm duyệt theo kiểu sách, vốn thường là gấu gao và lâu hơn là báo chí, nhiều tác phẩm văn chương đã phải khoác lên cái áo “tạp chí.” Vài tập truyện ngắn của tôi đã được cơ sở xuất bản Nguyễn Đình Vượng xuất bản dưới hình thức “ấn bản đặc biệt của tạp chí Văn”. Sau khi luật báo chí mới được ban hành, lại có phong trào ngược lại: Báo định kỳ biến thành sách, để không phải đóng ký quỹ như báo chí. Báo chí đóng cửa hàng loạt, khiến nhiều ký giả, nhà văn, thợ sắp chữ, thợ nhà in mất chỗ đứng, thất nghiệp, gia đình nheo nhóc.

Có những tờ nhật báo tự ý đóng cửa, như tờ báo kỳ cựu Đuốc Nhà Nam của ký giả lão thành Trần Tấn Quốc, tờ báo mà về sau này mỗi lần cầm tờ Wall Street Journal, tôi không khỏi không nghĩ tới tờ báo của Ông Trần vì cái vẻ an nhiên tự tại và chuyên nghiệp, bất chấp những đổi thay, kể cả về phương diện kỹ thuật. Ông Trần Tấn Quốc đóng cửa báo không phải vì ông thiếu tiền ký quỹ, hoặc không vay mượn được ở đâu. Ông đóng cửa là để phản đối luật báo chí mới đã bóp nghẹt tự do ngôn luận và báo chí, điều tối cần cho sự phát triển và thăng tiến của một xã hội, cần thiết tới độ Thomas Jefferson, cha đẻ của nước Mỹ, đã nói, "Nếu phải chọn lựa giữa một chính quyền không có báo chí và

một nền báo chí không có chính quyền, tôi sẽ không một chút do dự để chọn cái sau."

Tờ Sóng Thần tồn tại, song cũng chỉ được hai năm. Tịch thu liên miên làm tờ báo bị mất độc giả vốn đói tin, song không phải loại tin đã gạn lọc do các cơ quan truyền thông của chính quyền và quân đội nhồi nhét cho họ, và do đó mất khách quảng cáo. Từ số phát hành trên 100 ngàn, tờ báo chỉ còn in mỗi ngày trên dưới 10 ngàn. Đã có những tháng tòa báo không có tiền để trả lương cho anh chị em cộng tác viên. Khoảng sau Tết năm 1975 thì Sóng Thần và vài tờ báo khác bị chính quyền rút giấy phép xuất bản ngang nhiên, với không một lời giải thích. Chỉ biết là ba trong số những tờ báo này đã cùng in nguyên văn bản Cáo Trạng số 1, sau khi Sóng Thần đi tiên phong đăng bản tóm lược, bị tịch thu, rồi vận động qua Hội Chủ Báo để một vài tờ khác, như Điện Tín và Đại Dân Tộc, cùng đăng nguyên văn bản Cáo Trạng ở số báo kế, dù ai cũng biết sẽ bị tịch thu. Số báo đăng nguyên văn bản Cáo Trạng do đầy chỉ in giới hạn, đầu vài trăm tờ, được tung ra phát không cho đồng bào do các tổ chức tranh đấu vận động kéo đến vây quanh nhà in của những tờ báo này, trước khi cảnh sát xông vào búng báo lên xe cây chở đi.

Thiện luôn đứng ngoài những hoạt động báo chí của tôi, đặc biệt kể từ khi chúng tôi thành vợ chồng. Một trong những lý do anh đã không bỏ ý định trở lại đơn vị tác chiến sau khi lấy tôi là để không phải quanh quẩn ở Sài Gòn để rồi có thể bị lôi cuốn vào công việc của tôi. Thiện nói khi còn là bạn với nhau, tôi chia sẻ và nhiều khi kéo anh vào để bàn công việc và xin ý kiến này kia, đó là chuyện khác. Song khi thành vợ chồng thì Thiện cảm thấy, anh đã bảo tôi, anh phải tách ra để tạo cho mình một chỗ đứng riêng, chỗ đứng trong binh nghiệp, khi chưa thể dứt được nghiệp nhà binh. Rồi, như để phá vỡ vẻ nghiêm trang của cuộc đối thoại,

Thiện phá lên cười, giọng bồn chồn: “Vả lại, tôi đâu có muốn bạn bè của bạn tôi gọi tôi là 'ông Trùng Dương'.” Phần tôi, tôi ngồi ngẩn ra nghĩ về hai chữ binh nghiệp, một danh từ tôi chưa từng nghĩ đến. Mặc dù cuộc chiến kéo dài, tưởng như vô tận, song mơ ước hòa bình qua những bài hát, câu thơ kiểu “Rồi một hai ba năm / Danh thành anh trở lại / Với anh em chẵn tấm / Với em anh dệt vải...” đã điều kiện hóa suy nghĩ của tôi về tính chất tạm thời của chiến tranh, thành ra khi nghe Thiện nói đến danh từ “binh nghiệp,” tôi không khỏi tự hỏi là có thể nào có một cái sự nghiệp gọi là binh nghiệp ư?

Ít ai biết chính Thiện là người đã khai sinh ra cái tên Sóng Thần, một cái tên mà anh Chu Tử đã nhăn mặt nói là chẳng có vẻ gì là tên nhật báo cả, nhưng anh Nguyễn Liệu của Quảng Ngãi Nghĩa Thục, một cách lãng mạn, thì lại khen là hay, nên Chu Tử cũng thích theo.

Vào giữa năm 1971 khi tôi đang chuẩn bị để xin giấy phép ra báo, Thiện, hồi ấy còn đang dạy trong Trường Thiết Giáp ở Thủ Đức, ghé thăm tôi. Tôi đem một cái danh sách những tên báo cho tờ báo tương lai ra hỏi ý kiến Thiện. Hầu như tên báo nào tôi nghĩ ra đều đã có người xin, kể cả những tên báo đã đi vào lịch sử báo chí, nghĩa là đã đình bản từ lâu. Thiện đọc danh sách những tên báo, trầm ngâm một lúc, rồi kể với tôi một giai thoại Thiên mà anh rất thích. Hồi ấy ở Nam Việt Nam đang có phong trào đọc Thiên, có lẽ vì cuộc chiến kéo dài làm những người trẻ nhiều ưu tư, lấm mệt mỗi như chúng tôi cảm thấy cần phải tìm cho lòng mình một chút nào sự thanh thản để có thể đối phó, kể cả chấp nhận cuộc sống đầy bất trắc.

Có một anh võ sĩ Nhật nọ, Thiện kể, tuy rất khỏe và tài ba, song đánh đâu thua đó. Anh ta bèn đi tìm một thiền sư để xin lãnh giáo. Nhà thiền sư bèn bảo anh ngồi thiền, tập

trung tư tưởng vào những ngọn sóng. Nhà võ sĩ làm theo lời thiền sư, ngồi thiền, ngày này qua ngày khác không nghĩ đến cái gì khác ngoài những ngọn sóng, cho tới khi anh ta chỉ còn thấy trong đầu có một ngọn sóng thật lớn, sóng thần, ập tới hung bạo, tàn phá những gì mà nó đụng tới. Từ đấy, chàng võ sĩ mỗi lần lên võ đài chỉ nghĩ tới có độc một ngọn sóng thần, và đánh đấu được đó. Rồi Thiện bảo tôi sao không đặt tên tờ báo là Sóng Thần, nó phù hợp với chủ trương chống tham nhũng của nhóm Hà Thúc Nhơn. Hồi ấy tôi chỉ là thân hữu của nhóm này, vì tôi muốn duy trì vị trí của một người làm văn chương và cũng vì đang trong thời kỳ xin giấy phép ra báo, cho tới khi tờ Sóng Thần ra đời. Cái tờ báo do Thiện khai sinh cho lại chính là cái đã, tôi vẫn âm thầm nghĩ, úp chụp lên cuộc đời anh và đưa anh tới cái chết thảm vì liên hệ tới tôi — cái chết đã được dàn cảnh thành người lính bất mãn vì bị đưa đi kỷ luật, uống rượu say, rồi vác súng đi thanh toán cấp chỉ huy.

Viên hạ sĩ nhất thấy tôi có vẻ không muốn mở chiếc rương của Thiện ra để kiểm điểm các món di vật của anh, để anh ta có lý do nêu lên một thắc mắc chỉ có tôi có thể giải quyết được, nên cuối cùng anh ta tăng hăng giọng một lần nữa, và nói:

“Chị có biết là đại úy có một cuốn nhật ký và vẫn ghi chép mỗi ngày?”

Tôi ngần ngừ một lúc. Hôn nhân lẽ ra là một chia sẻ hầu như trọn vẹn. Song từ ngày chúng tôi lấy nhau, Thiện ngưng xen vào các hoạt động của tôi, dù chỉ là để góp ý, phần anh cũng bận mụ mịt với việc chi đoàn; trong khi tôi cũng tự giới hạn việc đào bới những riêng tư của Thiện mà tôi đã làm thân nhiên khi hai đứa còn là bạn, có lẽ vì không muốn tạo cho Thiện cái cảm tưởng là bị ràng buộc. Chúng tôi hình như đã đánh mất tình bạn và sự hồn nhiên chia sẻ

tâm tình, nhưng tình vợ chồng với những lúc đầu gối tay ấp kể cho nhau nghe đủ các thứ chuyện thì chúng tôi vẫn còn đang trên đường tìm kiếm... Tôi do dự, rồi cuối cùng thú nhận trước mặt hai người quân nhân, rằng chồng tôi ghi nhật ký mà tôi không được biết.

“Từ ngày về nhận chi đoàn, tối nào đại úy cũng loay hoay ghi chép vào một cuốn tập bìa cứng trước khi đi ngủ,” viên hạ sĩ nhất nói. “Sau khi ban điều tra thiết đoàn đã làm xong phần vụ của họ và em được phép vào thu xếp những vật dụng của đại úy để đem về giao lại cho chị, điều em đề ý trước tiên là cuốn nhật ký đã biến mất, có lẽ họ đã tịch thu để điều tra thêm hoặc là ém nhem đi.”

Viên hạ sĩ ngưng lại một lúc, chờ phản ứng của tôi. Thấy tôi không nói gì, anh ta tiếp:

“Vi chị không biết đến cuốn nhật ký của đại úy, không biết là nó đã biến mất, nên em cảm thấy có bổn phận phải thông báo cho chị, vì chỉ có chị mới có quyền đòi lại cuốn nhật ký của đại úy. Chị cứ nói là chị có biết cuốn nhật ký đó, rằng chị muốn nó phải được giao hoàn lại cho chị vì đó là kỷ vật của đại úy...”

Tôi gật đầu, nói sẽ cho người lên đòi ngay ngày mai, và cảm ơn anh ta đã cho tôi biết về sự hiện hữu của cuốn nhật ký.

Hai người quân nhân đội mũ lên đầu, chuẩn bị giã từ tôi:

“Chị đừng nói là em nói với chị về cuốn nhật ký của đại úy,” viên hạ sĩ nhất dừng lại ở ngưỡng cửa nói với tôi. Tôi gật đầu, anh ta yên tâm bước xuống cầu thang nơi người bạn đồng hành đang chờ.

Ngày sáng hôm sau tôi nhờ Ngy Thanh mặc thường phục cầm theo một lá thư tôi viết tay xin lại cuốn nhật ký “đã bị thất lạc đâu đó” của Thiện và giao cho người cầm thư đem về cho tôi. Sau một ngày ở Long Thành, Ngy Thanh trở về tay không. Thanh bảo họ nói là chính họ cũng không biết gì về cuốn nhật ký đó, rằng họ hứa “sẽ kiếm” rồi cho người cầm về giao lại cho tôi.

Một tuần lễ sau đó thì có viên thượng sĩ dưới quyền Thiện trước kia trong chi đoàn, người đã về báo tin Thiện chết cho tôi vào một buổi tối nọ, đến tìm tôi ở nhà. Anh ta trao cho tôi một cái phong bì màu vàng khổ lớn hơn khổ giấy viết thư, trong đó có cuốn nhật ký của Thiện, dày khoảng hai trăm trang, bìa cứng màu xanh lá cây nhạt. Anh ta xin lỗi vì “tìm mãi mới ra.” Nhân tiện tôi hỏi vụ điều tra về cái chết của Thiện đến đâu, thì anh ta, rất dè dặt, cho tôi biết là ban điều tra thiết đoàn đã đi đến kết luận đây là một vụ lính tráng ba gai, bất mãn cấp chỉ huy, rằng người lính đã bị giải qua quân lao chờ ngày ra tòa án quân sự. Tôi nói, cố nén nổi ưu uất đã đốt cháy tâm can tôi từ nhiều tuần qua, rằng tôi được biết Thiện đã quyết định không tự tay phạt lính tráng vô kỷ luật ở cấp chi đoàn mà chuyển lên ban an ninh của thiết đoàn để trên đó xử lý. Người lính mới bị chuyển lên thiết đoàn hôm trước, sao chưa có ai kỷ luật anh ta, mà lại còn thả anh ta ra để anh ta đi uống rượu và vác súng trở lại chi đoàn để thanh toán Thiện, một người chỉ làm cái phận sự giao anh ta qua thiết đoàn chứ không trực tiếp ra hình phạt. Viên thượng sĩ ngoài ba mươi chỉ lặng thinh không nói gì. Tôi cũng hiểu là cho là anh ta có biết gì đi chăng nữa, thì cũng phải thủ lấy thân trước. Cái chết của Thiện còn rành rành ra đấy, như một lời cảnh cáo cho những quân nhân nào muốn ngo ngoe, thóc mách.

Khi viên thượng sĩ đi rồi, tôi vội vàng mở cuốn nhật ký của Thiện ra và xem xét có những chỗ nào bị xé, trước khi đọc

xem Thiện đã ghi chép những gì. Tôi không thấy vết tích phi tang nào. Cuốn tập ghi được khoảng một phần tư, và đúng như lời viên hạ sĩ nhất hầu cận của Thiện đã nói, là Thiện cũng mới bắt đầu ghi nhật ký từ ngày về nhận xây dựng chi đoàn tân lập trang bị toàn M-48 này để chờ ngày lên cao nguyên, trước khi hai đứa tôi lấy nhau đôi ba tháng. Tôi nhớ tới thời gian một tuần trăng mật ở Vũng Tàu, có lần Thiện đã nói với tôi, trong khi mắt dờ ra ngoài biển sóng dồn dập, là phải chi nếu biết hai đứa quyết định lấy nhau anh đã xin đi Vùng IV hiền hòa hơn, ít giao tranh. Rồi liền đó, anh quay sang nhìn tôi và nói, dù sao anh thích cái cơ hội được xây dựng một chi đoàn tân lập trang bị bằng loại xe tăng tối tân, vì tính cách đầy thách đố của công tác, rồi Thiện cười lớn — cái giọng cười hồn nhiên, sáng khoái, cố hữu những lúc chúng tôi chia sẻ với nhau một đoạn văn hay câu thơ đầy khúc mắc.

Cuốn nhật ký ghi những suy nghĩ, công việc hàng ngày, cả những khó khăn triền miên của Thiện khi phải huấn luyện đám lính trong đó có nhiều tên du thủ du thực, và không có gì là “bí mật quốc phòng.” Những tuần lễ cuối cùng trước khi chết, Thiện ghi những việc lật vật, như đi mua cho con của một người bạn thân cái bàn học, vì cái bàn mà anh bạn định dùng cho con làm chỗ học, kiểu bàn giấy bắt chước lối cổ, tôi đến hơi thấy thích nên anh ta chở đến nhà tặng tôi. Rồi chuyển đưa bà mẹ nuôi đi thăm mộ ông bố nuôi, một việc làm khiến bà cụ ngạc nhiên. Thiện không còn cha mẹ ruột. Từ bé anh đã được giao cho một cặp vợ chồng trong họ không con nuôi để có người trông nom họ lúc tuổi già. Theo lời Thiện kể, bằng một giọng bõn cợt nhưng không cay đắng, anh là con của một cặp trai tài gái sắc. Bố Thiện là một nhạc sĩ vĩ cầm, mẹ là một cô gái nhan sắc của đất Hà Thành. Họ mê nhau, sanh ra Thiện, nhưng không mê con. Sau khi tặng Thiện đi cho cặp vợ chồng hiếm con cùng họ, hai người đưa nhau vào Huế sống trên đò, chỉ có hai người

với nhau, với bên dưới là nước, trên trời là trăng sao. Tôi lần lần nghĩ có lẽ vì thế mà Thiện có một cái say mê đặc biệt dành cho những bầu trời đầy sao chằng, như anh đã thỉnh thoảng biên thư cho tôi kể về những đêm nằm ngắm sao nghe tâm hồn muốn nổi loạn, từ sau khi bỏ trường Luật nhập ngũ rồi được chuyển lên cao nguyên? Vì thế mà Thiện muốn trở lại cao nguyên để được gần trời sao hơn? Chẳng bao lâu ông bố chết vì bệnh lao. Từ đấy không ai trong họ hàng biết bà mẹ Thiện đi đâu. Có tin trong họ hàng đồn đại với nhau là bà đã bỏ đi bung kháng chiến. Thiện thường mang theo một tấm ảnh đã ngả màu nâu nhạt, cỡ của một cuốn sách loại bỏ túi, lồng khung, chụp bán thân của một người đàn bà trẻ mới ngoài hai mươi, khá xinh đẹp, trong mớ hành lý cá nhân của một người lính chiến. Một lần Thiện đùa bảo tôi biết đâu có ngày anh sẽ được chạm mặt với bà mẹ từ bên kia chiến tuyến trên một chiến trường nào đó, không chừng.

Thiện không ghi chép gì nhiều về việc thành hôn của chúng tôi. Có lẽ cũng như tôi, anh cũng đang tự hỏi đây có phải là một việc làm đúng, rằng chúng tôi có đang phá hủy một cái gì rất hồn nhiên — tình bạn — để lao vào một liên hệ mà chính chúng tôi chưa biết nó sẽ ra làm sao. Song vì tôn trọng lẫn nhau, chúng tôi ít phân tích với ai kể cả ghi nhật ký, về những thắc mắc đó.

Một việc khác đã được Thiện ghi lại và làm tôi cảm thấy đau, song không thể giận. Đó là việc Thiện nói lại với cô D., nhân tình cũ của anh. D. đã có chồng con, song đã đi lại với Thiện từ nhiều năm, một hai không chịu bỏ chồng để lấy Thiện, mặc dù đã có lúc Thiện năn nỉ. Hồi hai đứa tôi còn là bạn, Thiện thỉnh thoảng mượn nhà tôi để hai người tình tự. Những lúc ấy tôi phải nán lại tòa báo, hoặc sang nhà của bà chị ở gần đó chờ, tới khi Thiện mang hoàn lại chìa khoá. Thiện đôi khi tâm sự với tôi về mối tình vô vọng

đó, kể cả quyết định chấm dứt với D. một thời gian ngắn trước khi chúng tôi lấy nhau. Nhưng ít tuần trước khi bị hạ sát, có lẽ như có linh cảm sẵn, Thiện đi tìm lại những mẫu dĩ vãng của đời mình, như để nói lời vĩnh biệt. Buổi gặp gỡ cuối cùng giữa Thiện và D. ở một phòng khách sạn, D. đã để cho Thiện chụp nhiều bức hình khóa thân. Cuốn phim chưa kịp rửa, nằm lẫn lộn trong mớ di vật của Thiện được chuyển về cho tôi. Tôi nhờ Ngự Thanh tráng cuộn phim xem có hình nào đáng giữ. Tôi xem phim, đoán là D., và đoán là thế nào chị cũng tới tìm tôi để xin lại cuộn phim, nên tôi bỏ nó trong sắc tay sẵn.

Đúng như tôi dự đoán, một buổi gần trưa, D. đến tìm tôi ở tòa báo, đôi kính mát vẫn giữ che đôi mắt khi ngồi đối diện với tôi ở tòa soạn trên căn gác lửng thiếu ánh sáng ở số 133 đường Võ Tánh. D. có giọng nói miền Nam ngọt ngào, và một thân hình thon thả mềm mại, chẳng trách được Thiện mê, và đã ghi trong nhật ký so sánh D. với tôi, phê bình tôi nói năng xử sự thiếu đàn bà tính, trí thức và quá độc lập, khiến anh thấy hụt hẫng, thừa thãi khi ở bên tôi.

D. nói vừa đi thăm mộ Thiện trước khi đến tìm tôi. Tôi biết những khi nào D. đi thăm mộ Thiện. Đọc nhật ký của Thiện, và thấy ai đó bỏ lại trên phần mộ một cành hoa hồng đỏ còn tươi mỗi khi tôi có dịp vào nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi thăm mộ, tôi phải đoán ra. Tôi thường nói đùa với Thiện đã nằm yên trong mộ sâu, “Vậy là bạn hết than là cô đơn với lại cô độc nhé, vì có tới hai người đàn bà nhớ đến bạn khi bạn nằm xuống. Đâu phải ai cũng có cái diễm phúc ấy. Bao nhiêu thanh niên đã chết trận không có đến cả một cô tình nhân, chứ đừng nói tới có tới cả vợ lẫn tình nhân thương tưởng nhớ tới mình.” Tôi biết nếu phản ứng được, Thiện sẽ cười vang, như khi anh kể về mối đam mê của bố mẹ đẻ của mình.

Không chờ D. hỏi xin, tôi lấy trong ví ra cuộn phim, trao cho chị.

“Tôi tìm thấy cuộn phim này trong đám di vật của Thiện. Vì không biết phim đã chụp những gì, nên tôi cho người tráng ra, chứ chưa rửa ra hình, chị đừng lo,” tôi nói.

D. cầm cuộn phim trong tay, không dỡ ra xem, tung hứng cuộn phim trên tay trong khi trao đổi với tôi vài câu rời rạc, sượng sùng. Tôi biết D. đã phải thu hết can đảm đi tìm tôi, với mục đích duy nhất là xin lại cuộn phim, nên tôi cố gắng để D. không ngờ. Một lúc, D. hỏi tôi thế Thiện có ghi gì về cuộc tình của hai người trong cuốn nhật ký mà chị biết anh vẫn giữ, mà tôi không biết. Tôi cảm thấy mình là một kẻ ngoài cuộc trong bộ ba chúng tôi, một người khách lạ đứng ngoài cửa thiên đàng — chẳng phải đó là nhan đề của cuốn tiểu thuyết của Camus, Người Khách Lạ, mà tôi với Thiện đọc ngày xưa và cùng phân tích một cách say sưa với nhau đấy sao? Tôi mỉm cười, nói dối không khó khăn về những trang nhật ký đầm những ái ân, nước mắt, hờn giận, kể cả một lần Thiện bị D. đạp xuống khỏi giường vì hờn lẫy, cùng những vố về của Thiện dành cho D. Tôi bảo D. là phần lớn Thiện ghi những khó khăn anh gặp phải trong công tác chuẩn bị, huấn luyện cho đám lính, trong đó nhiều người có lẽ học lực chỉ mới hết tiểu học, cách xử dụng loại xe tăng tôi tận vào bậc nhất thế giới của thời ấy, do những đầu óc thông minh tuyệt vời ngồi vẽ ra và được thực hiện trong những xưởng gắn máy lạnh và trang bị bằng những kỹ thuật cực kỳ tối tân.

Một lúc sau D. đứng dậy, xin phép ra về. Chúng tôi không gặp lại nhau sau đó.

Tôi không cho D. xem cả một mảnh giấy nhỏ mà tôi đã tìm thấy trong cuốn nhật ký của Thiện, mảnh giấy do Thiện

HUỶNH ÁI TÔNG

viết, không ký tên và cũng không đề tên người nhận, không rõ là đó chỉ là một ghi chép vụn vặt, hay nhằm gửi cho D., hay cho tôi. Tôi thích nghĩ là Thiện viết cho tôi, không vì nhớ tôi, song vì chúng tôi thường chia sẻ với nhau những chuyện văn chương, thi phú, triết học. D. có thể sở hữu cái thân thể cuồng nhiệt sức sống của Thiện nay đã nằm sâu trong đất lạnh. Nhưng tôi muốn giữ cái phần trí thức của Thiện sẽ tồn tại mãi trong tôi.

Mảnh giấy vụn vụn có hai câu thơ:

Trời còn có bữa sao quên mọc

Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.

Và dòng chữ viết tay của Thiện bên dưới: “Nếu không đoán được tác giả của hai câu thơ trên thì sẽ không về nữa.”

Tôi đã hỏi quanh bạn bè văn nghệ, dù biết rằng trước khi tôi đoán được, Thiện đã ra đi vĩnh viễn. Không ai nhớ tác giả của hai câu thơ cả. Rồi tôi một phần cũng muốn quên đi cái chết của Thiện đã khiến tôi khắc khoải, dằn vặt, không tìm ra đáp số, mà chỉ có những tự vấn; và phần khác tôi bị lôi cuốn vào những thăng trầm của tờ báo, những ngày báo chí tranh đấu giành tự do, buổi ra hầu tòa vào ngày 31 tháng 10, 1974 đã khiến cả Sài Gòn lên cơn sốt chính trị, bị tê liệt giữa những vòng kềm gai, biểu tình, lựu đạn cay, gạch đá.

Có người nói chúng tôi đã làm lợi cho Cộng sản và góp phần vào việc đưa miền Nam đi đến chỗ sụp đổ mau chóng hơn. Điều đó có lẽ có một phần đúng của nó. Nhưng chẳng phải vì chút tự do ngôn luận đó mà chúng ta chiến đấu và đã mất bao xương máu để bảo vệ đấy sao?

Những năm sống ở hải ngoại thiếu thốn sách vở và phương tiện để truy tìm tác giả của hai câu thơ; phần bận rộn với đời sống tại Mỹ, trong đó tôi muốn bù đắp cho các con tôi bù lại những ngày lo chuyện thiên hạ bỏ bê chúng với mẹ tôi và các anh chị em coi sóc; và phần bận rộn với những phần đấu với xung quanh và với chính mình để tìm một chỗ đứng dưới ánh mặt trời trên phần đất đã trở thành quê hương thứ hai của tôi, tôi quên bẵng đi mảnh giấy mà tôi đã đốt cùng với cuốn nhật ký của Thiện và các giấy tờ và ghi chép khác của tôi vào cuối tháng 4 năm 1975.

Hai mươi hai năm sau, tôi nằm đọc cuốn biên khảo Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản của Nguyễn Hưng Quốc, xuất bản năm 1991 tại hải ngoại, đồng thời để tìm chất liệu cho cuốn tiểu thuyết đang soạn. Khi đọc đến trang ông viết về nhà thơ Nguyễn Bính và bốn câu thơ trích từ một bài thơ của Nguyễn Bính ở giữa tập sách, tôi bật dậy khỏi giường như bị điện giật. Trong cơn thăng thốt, tôi cũng còn nhận ra là mình mỉm cười vì vẫn nghĩ Nguyễn Bính, theo cái nhìn thiên cận của tôi, vốn là một nhà thơ của các cô thiếu nữ “lỡ bước sang ngang” ôm theo những mối tình lỡ dở, viết theo thể lục bát chất phác để các nàng đem ra... ru con, mà tôi đã nằm nghe bà chị dâu lớn ru con hồi tôi còn nhỏ, đến thuộc nằm lòng. Bốn câu thơ trích từ bài “Đêm Sao Sáng,” được Nguyễn Hưng Quốc ghi lại là được sáng tác vào năm 1957, không những đã cho tôi thấy một khía cạnh thi tài khác của Nguyễn Bính, mà chúng còn giúp tôi tìm ra một câu trả lời cho một trong những câu hỏi mà cái chết của Thiện đã để lại trong tôi. Nguyễn Hưng Quốc chỉ ghi lại bốn câu thơ cuối cùng, trong đó có hai câu thơ Thiện ghi trên mảnh giấy kẹp trong cuốn nhật ký. Một chị bạn nay đã khuất, Đặng Thị Huệ, chồng cùng khoá với Thiện, Đại úy Thiết giáp Lê Văn Nghĩa, đã bị mất tích

HUỶNH ÁI TÔNG

trong trận Quê Sơn trước khi Thiện chết mấy tháng, đã chép tay lại trọn bài thơ gửi cho tôi, như sau:

Đêm Sao Sáng

*Đêm hiện lần lên những chòm sao
Lòng trời đương thấp bỗng nhiên cao
Sông Ngân đã tỏ đôi bờ lạnh
Ai biết cầu ô ở chỗ nào?
Tìm mũ Thần Nông chẳng thấy đâu,
Thấy con vịt lội giữa dòng sâu
Sao Hôm như mắt em ngày ấy,
Róm lệ nhìn tôi bước xuống tàu.*

*Chòm sao Bắc Đẩu sáng tinh khôi
Lộng lẫy uy nghi một góc trời
Em ở bên kia bờ vĩ tuyến
Nhìn sao thao thức mấy năm rồi...*

*Sao đặc trời sao sáng suốt đêm
Sao đêm chung sáng chẳng chia miền
Trời còn có đêm sao quên mọc
Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em.*

Nguyễn Bính

Vậy là cuối cùng tôi đã tìm ra tác giả của hai câu thơ bạn chép lại trước khi bị hạ sát, với dòng chữ “Nếu không đoán được...” nghịch ngợm thách đố mà hình như cũng chuyên chờ một điềm báo dữ, đó Thiện. Trẻ, quá sức là trẻ, thế nhưng thế còn hơn không, phải không Thiện?

Tôi tưởng như nghe tiếng Thiện cất lên cười vang, sáng khoái, hồn nhiên trong căn apartment một phòng bừa bãi

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

những sách báo, nơi tôi sống và làm việc từ hơn nửa năm nay...

Miền Bắc California tháng 6-1994
Duyệt lại tháng 1-2008

Phụ Bản:



Nhật Báo *Sóng Thần* bắt đầu xuất bản vào tháng 10, 1971 và bị rút giấy phép vào tháng 2, 1975, tại Saigon. Hiện microfilm của những số báo *Sóng Thần* (không bị tịch thu) được lưu trữ tại thư viện của Đại Học Cornell, ghi số Watson Film 5004. Hình trên, góc trái, là poster quảng cáo *Sóng Thần* sắp trình làng, do nhóm Hà Thúc Nhơn và nhà văn Chu Tử chủ biên. Poster này do họa sĩ Đằng Giao trình bày, dựa theo ý của ký giả Uyên Thao và Đường Thiên Lý.

- Hình trên bên mặt: hình trang nhất của một số báo bị tịch thu đề ngày 22 tháng 9, 1974.

- Hình dưới bên mặt: trang nhất của số báo ra ngày 31 tháng 10, 1974, là ngày *Sóng Thần* bị đưa ra toà xử về tội

HUỶNH ÁI TÔNG

đã đăng nguyên văn bản cáo trạng của Phong Trào Nhân Dân Chống Tham Nhũng do Linh Mục Trần Hữu Thanh chủ xướng với sự tham gia của 300 linh mục.

- Các hình dưới bên trái: vài cảnh trong toà, do cổ ký giả Sóng Thần Nguyễn Tân Dân chụp ngày 31 tháng 10, 1974, với vài trong số 205 luật sư nhận biện hộ cho *Sóng Thần*. (Collage TD, 2008, rút từ cuốn *Sóng Thần - Vụ Án Lịch Sử 31-10-74: Ngày Báo Chí và Công Lý Thọ Nạn*, tài liệu nội bộ, do Uyên Thao và Lê Thiệp soạn)

Trong bài *nhà văn nữ Trùng Dương nổi loạn về tình dục*, đăng trong thang-phai.blogspot.com, nhà văn Vương Tân viết về Trùng Dương như sau:

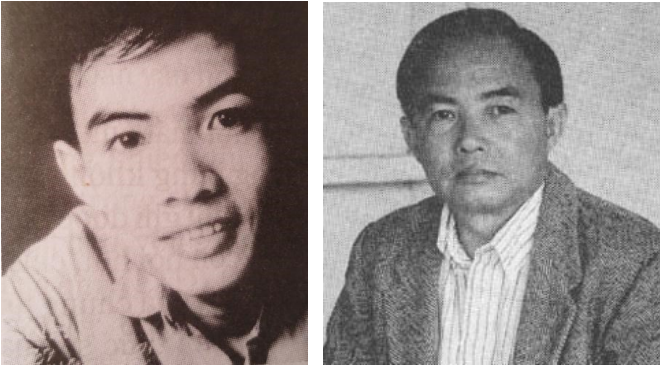
Mấy lúc sau này, Trùng Dương cố gắng nhiều trong việc tu từ, việc dùng chữ nghĩa có hay hơn - nhưng quan niệm văn chương của Trùng Dương thì vẫn không thay đổi, trong khi ở Mỹ xuất hiện hàng loạt nhà văn nữ viết sách táo bạo hơn Trùng Dương, ồn ào hơn, đề cập chuyện phòng the dữ dội hơn Trùng Dương - thành ra Trùng Dương bị “tụt hậu” rất xa ngay trên lãnh địa “sở trường” của chính mình.

Tổng kết hơn 40 năm làm văn, làm báo của Trùng Dương, người ta thấy cái làm nên tên tuổi lẫy lừng của Trùng Dương vẫn là tập truyện ngắn “Mưa không ướt đất”; và chỉ thế thôi - còn những truyện ngắn, truyện dài khác của Trùng Dương vẫn chỉ là cái bóng của “Mưa không ướt đất”.

Tài liệu tham khảo:

- Trùng Dương Web: hopluu.net
- *Sao đặc trời* Web: tienve.org

13. Lê Tất Điều



Lê Tất Điều (1942-20)

Lê Tất Điều Sinh ngày 2 tháng 8 năm 1942 tại Hà Đông, ông còn có bút hiệu Kiều Phong, Cao Tần.

Năm 1954, theo gia đình di cư vào Nam. Ông học tập và trưởng thành tại Sài Gòn.

Khoảng năm 1957, ông khởi nghiệp viết truyện cho báo *Ngôn Luận* của Hồ Anh, rồi *Sài Gòn Mới* của Bà Bút Trà.

Vài năm sau, khi truyện ngắn *Cỏ Hoang* được đăng trên tạp chí *Bách Khoa*, ông mới bắt đầu viết thận trọng, sau đó tập truyện *Khởi hành* được *Bách Khoa* ấn hành năm 1961.

Thập niên 1970, ông làm việc cho cơ quan Mỹ.

Năm 1975, Mỹ tổ chức di tản những người Việt Nam làm việc cho cơ quan Mỹ rời khỏi Việt Nam, ông theo làn sóng di tản đó đến Hoa Kỳ và định cư tại San Diego, California.

HUỶNH ÁI TÔNG

Từ năm 1976 đến năm 1979, hợp tác với tạp chí *Hồn Việt*, *Bút Lửa*, *Văn Học Nghệ Thuật* trong chức vụ tổng thư ký hoặc chủ bút.

Từ năm 1990, làm Cố vấn niên trưởng Thư Viện Toàn Cầu.

Tác phẩm:

- *Khởi Hành* (1961)
- *Kẻ Tình Nguyên* (truyện, 1962)
- *Quay Trong Gió Lốc* (truyện, 1965)
- *Đêm Dài Một Đời* (1966)
- *Phá Núi* (1968)
- *Người Đá* (1968)
- *Những Giọt Mực* (1968)
- *Anh Em* (1970)
- *Thơ Cao Tần* (1978)
- *Ly Hương* (tùy bút, cùng Võ Phiến, 1982)
- *Ngừng Bắn Ngày Thứ 492* (Hồi Ký)
- *Đóng Cửa Trần Gian* (truyện dài)
- *Một Quả Cười Đều Mùa Xuân* (phiếm luận)
- *Chân Dung Bác Hồ* (phiếm luận 1989)
- *Thư về Bloomington, Illinois* (Văn Nghệ, 1997)
- *Letters to Bloomington, Illinois* (tự xuất bản, 1999)
- *Những giọt mực* (Phương Nam tái bản, 2012)
- *Đêm dài một đời* (Hội Nhà Văn tái bản, 2013)

Trích văn:

Cổ hoang

Như một con sâu nhỏ bé có thể tự bảo vệ bằng bề ngoài kinh khiếp của nó, như một cô gái, thiếu sắc đẹp, hấp dẫn kẻ khác phái bằng một thứ duyên thầm, bằng chính sự không may của mình, ngôi trường của tôi càng ngày càng

trở nên dễ thương đối với những người đã từng chán ghét nó trong buổi gặp gỡ đầu tiên. Tất cả những điều đáng ghét, đáng sợ của ngôi trường này dần dần trở thành những sự khô hài. Rồi sau này, khi những sự kỳ quái của ngôi trường đã hoàn toàn biến mất thì chúng tôi vẫn muốn nhắc nhở lại chuyện cũ như nói đến những kỷ niệm êm đềm, khó quên.

Hồi mới được xây lên, trường chỉ có hai lớp nhỏ bé, thấp và sơ sài như những căn nhà nghèo. Mái tôn thấp và nung nóng đến nỗi tôi có cảm tưởng thà vứt bỏ mái đi ngồi ngay dưới ánh nắng mặt trời còn thoải mái, dễ chịu hơn. Trong những ngày nắng to, nhìn lũ trẻ vừa vuốt mồ hôi vừa cặm cụi làm toán, thỉnh thoảng lại ngừng bút cầm vở quạt phành phạch, tôi nghĩ rằng nếu nhà trường không cho chúng được một số vốn kiến thức thì ít nhất cũng đã dạy chúng một bài học kiên nhẫn và chịu đựng. Ngày mưa thì còn tệ hơn, nước dội ào ào xuống mái tôn, tôi có gân cổ gào to đến mấy chúng cũng chẳng nghe thấy gì, tốt hơn hết là cho chúng ngồi xúm vào một chỗ không bị dột, để chờ mưa ngớt. Và như thế tôi lại còn có thì giờ để lo bảo vệ sổ sách khỏi bị ướt sũng.

Ngày đầu được gửi đến làm việc ở đây tôi đã đi hàng giờ để kiểm cái bảng tên trường mà mãi ba năm sau mới có. Rồi tôi mất nửa giờ nữa để đứng lặng nhìn ngôi trường, tôi tàn quá sức tưởng tượng, cứ phân vân chẳng hiểu kẻ chỉ đường có chủ tâm chơi xỏ hay đánh lừa mình không.

Một cái hàng rào để định ranh giới của ngôi trường cũng không có. Trường nằm chung trên một phần đất rộng với trạm y tế độc nhất của vùng ngoại ô, và một cái chợ nhỏ. Sân trường đầy cỏ hoang và những cây gai um tùm, đó là nơi tụ họp của các loài ngan, ngỗng, vịt, gà, chó, heo. Người lao công trông coi ở đây già yếu đến nỗi không ai nỡ

nặng lời với ông ta. Ông ta chỉ cầm nổi cái chổi khi đã tỉnh rượu, và thường thường ông ta chỉ tỉnh rượu khi đã lên giường ngủ được một vài giờ, thời gian độc nhất có thể khiến ông ta tạm xa chai rượu.

Những ngày làm việc sau đó tôi phải đối phó với đủ thứ chuyện bất ngờ. Có nhiều lúc tôi ngần ra không biết phải phản ứng như thế nào cho hợp. Trong tất cả những sách vở viết về khoa sư phạm mà tôi đã được đọc, tôi chưa thấy một tác giả nào nêu ra trường hợp một ông thầy đang hăng hái giảng bài phải giật mình vì thấy một con heo ùng ùng chạy vào lớp mình. Con heo to lớn, dẫn theo một bầy con lít nhít, kêu eng éc, chẳng coi ai ra gì. Lớp tôi có hai cửa nên đã trở thành con đường giao thông ngắn nhất từ sân trường về chuồng của lũ heo, ở trong một căn nhà hàng xóm của nhà trường. Thấy tôi vô tình đứng cản đường đi của mẹ con nó, con heo đứng lại kêu to phản đối, mấy con heo con nhân dịp đó, bỏ hàng ngũ chạy đại vào những khoảng trống giữa hai dãy ghế học trò ngồi. Ấy thế là cái trật tự của lớp mà tôi đã mất bao công lao mới tạo được đột nhiên bị phá vỡ. Lũ trẻ nhao nhao nhảy ra khỏi chỗ để chống lại sự xâm lăng của bầy heo, dĩ nhiên, tôi cũng phải ngừng giảng bài để hợp tác với lũ học trò. Lớp học tràn đầy một không khí kỳ quái với tiếng trẻ la hét, dậm dọ, xen lẫn tiếng heo kêu. Mấy con chó cũng thi nhau chạy vùn vụt qua lớp luôn luôn. Về sau tôi không dám mở to cửa lớp ra nữa và lúc nào cũng phải để ý canh chừng để xua đuổi kịp thời những sự bất ngờ này.

Cái chợ ở ven trường thì lúc nào cũng ồn ào và có nhiều vụ cãi nhau hơn cả các chợ khác. Khi có vài bà bán tôm bán cá ùng ùng nổi giận mà chia làm hai phe đấu khẩu, chửi rủa nhau thì khó mà ngăn những câu nói của họ khỏi bay vào lớp học, dù tôi có đóng hết các cửa lại. Tôi bắt lũ học trò ngồi thật nghiêm trang, và cố gắng giảng cho chúng nghe

những điều thật đặc biệt, nhưng vô ích, một vài câu chữ gọi lên những hình ảnh quá tục tĩu vẫn làm cho vài đứa bật ra khúc khích cười.

Phải mất hàng hai ba tháng trời tôi mới triệt được cái bệnh vãng tục, bệnh ở bản của lũ học trò. Nhưng đó chỉ là những điều vụn vặt, khiến tôi bực mình, không gây nên sự chán nản.

Cái việc gây nhiều khó khăn, cản trở cho công việc của tôi, chính là đời sống của người dân ở đây. Ngoài một số rất hiếm người khá giả, thì người dân ở đây đều nghèo khổ. Họ không có một cơ sở hay việc làm vững chắc như người thành phố hay có một việc làm hiền lành như người miền quê. Họ như từ bốn phương tụ lại, đại diện cho khắp nơi và sống bằng đủ các thứ nghề, lương thiện có mà không lương thiện cũng có. Như những cây cối mọc chen chúc trong một khu vườn hoang họ vươn lên, tìm sống bằng các phương tiện hợp với khả năng họ, trong tầm tay họ. Và họ đã tạo nên được cái vẻ muôn mặt, hỗn độn, bí mật của một vùng ngoại ô cần cỗi.

Vì thế, tôi không thể giảng một bài đức dục nào mà lại hoàn toàn không động chạm đến nghề nghiệp, tật xấu, hay quá khứ của một ông chủ gia đình. Khi tôi nêu ra một điều tệ hại cần tránh và thấy lũ học trò quay cả về phía một đứa đang cúi đầu ngượng nghịu thì tôi biết ngay rằng ba thằng bé này làm nghề gì. Có lần, sau một hồi hăng hái giảng về sự tai hại của tính mê tín dị đoan và sự lão khoét của mấy ông thầy pháp, tôi phải ngăn người vì một thằng học trò bỗng đứng bật dậy, chỉ vào một đứa khác tố cáo:

- Thưa thầy, tía anh này cũng là thầy pháp, tía nào tía anh ấy cũng đi cúng.

Đứa học trò có người cha bị tố cáo ngược nung lăm lét nhìn tôi, miệng cười gượng, tay cấu mãi vào một góc vở, đôi mắt nó nhìn tôi để lộ những tia sợ hãi, tuyệt vọng, khô sở. Thì ra ba nó chính là cái ông thầy pháp đã từng làm tôi mất ngủ, khó chịu. Đêm đêm, khi cúng bái cho một nhà nào ông ta thường mặc bộ quần áo màu sặc sỡ, khua chiêng đánh mõ om sòm và thỉnh thoảng lại thổi một tiếng kèn ngắn ngủi, quái đản, nghe thật ghê sợ. Tôi vội vàng mắng át đứa kia và quả thực, sau đó, phải chặt vật lăm tôi mới có thể làm cho lũ học trò, vừa biết rõ sự bịp bợm của mấy ông thầy pháp, lại vừa tin rằng ba của đứa học trò kia, dù thế nào cũng vẫn phải được kính yêu. Chúng chưa đủ trí khôn để tìm thấy sự mâu thuẫn trong cách giải thích của tôi. Nhưng thế nào mà chả có đứa phân vân. Thành ra tôi đã mở mắt cho chúng để chúng nhìn thấy những sai lầm trên các người sinh thành ra chúng.

Lũ trẻ thường bị rơi vào giữa gọng kìm của một cuộc đời thực tế và một cuộc đời tốt đẹp trong sách vở. Chúng trở nên hiền lành, sợ hãi một cách thật đáng thương.

Nhưng càng mến yêu lũ học trò thì tôi càng tỏ ra nghiêm khắc với chúng. Tôi đã làm ngược lại những điều mà lớp người trước căn dặn tôi: phải tạo một không khí thân mật giữa thầy và trò, phải cho học trò thấy rõ là mình rất thương mến chúng. Nếu tôi cố gắng tạo cho lớp học một không khí quá vui tươi, cởi mở thì sẽ có nhiều đứa học trò của tôi nhìn thấy gia đình chúng là một nơi thật đáng ghét, đáng sợ, đôi khi mang dấu vết xấu xa, tối tăm của địa ngục. Có đứa coi những giờ đến trường là những giờ được nghỉ ngơi sung sướng nhất, bởi vì khi trở về nhà nó phải làm việc quần quật suốt ngày. Khi được giao công việc nhẹ nhàng nhất là việc bế em thì lập tức chúng lại tìm đến sân trường, chơi đùa với lũ học trò ở đây, sung sướng như đang sống trong một thiên đường nhỏ. Tôi cố giả vờ tạo một bộ mặt nghiêm

khắc đến thế nào thì cũng không thể làm cho chúng sợ hãi bằng nét mặt cau có của một người cha say rượu khi ông ta cầm trong tay một thanh củi lớn và hung hăng đập lên người chúng như đập lên một kẻ tử thù. Phải thầy cha mẹ mình làm lỗi và bị hàng xóm khinh ghét một đứa học trò cảm thấy đau đớn, tủi hổ gấp trăm, ngàn lần những khi nó bị phạt ở nhà trường. Có những đứa trẻ quen chịu đựng sự cực khổ đến nỗi lúc nào nó cũng giữ được vẻ thản nhiên, ấy thế mà khi bị ốm nằm nhà, thấy thầy và bạn đến thăm nó lại dậm sững sờ rồi bật khóc nức nở. Tình thương, sự săn sóc đến bất ngờ quá khiến nó ngẩn ngơ, kinh ngạc.

Đối với những đứa trẻ không được đi học tới năm năm trời thì sự sung sướng của thế giới học trò thường làm chúng khổ sở khi phải rời khỏi học đường. Trường hợp của trò Dũng đã khiến tôi thấy rõ điều này. Đã có nhiều đứa đang học thình lình phải bỏ ngang để đi học nghề. Nhưng chỉ có cái buồn rầu của trò Dũng trong lần cuối cùng nó rời khỏi lớp học là được ghi đậm trong ký ức tôi.

Cho đến bây giờ, ngôi trường đã được kiến thiết đẹp đẽ, sân trường không còn một sợi cỏ, thế mà mỗi lần nhìn thấy những luồng gió lốc tung cát, chạy quanh trong sân trường, tôi tưởng như vẫn thấy bóng trò Dũng ngật ngừng bước bên đám cỏ hoang, đôi bàn chân đen đũi của nó còn ghi vết trên con đường nhỏ.

Trong buổi học của ngày đầu niên học tôi đã chú ý ngay đến nó. Ngồi ở dãy bàn cuối lớp, Dũng cao hơn các bạn nó hẳn một đầu. Nét mặt nó lúc nào cũng tươi tỉnh, làn da đen xám khiến nó càng có vẻ láu lỉnh, khôn ngoan. Nó quay sang bên phải nhe răng cười rồi lại quay sang bên trái nháy mắt như có điều gì thú vị lắm. Đầu tiên tôi tưởng nó thuộc loại những đứa trẻ lớn đầu và ngộ nghĩnh. Nhưng khi tôi gọi đến nó thì nó lại tỏ ra là một đứa trẻ hết sức lễ phép và

ngoan ngoan. Tôi chưa thấy đứa trẻ nào tha thiết, sốt sắng với công việc của lớp học như trò Dũng. Tính sốt sắng ấy nhiều khi trở nên quá đáng. Tôi vừa hỏi có trò nào viết trên bảng được không thì lập tức Dũng nhòem ngay dậy. Ngoài cánh tay giơ cao nhất lớp nó còn át các bạn của nó bằng cách nói lia lịa:

- Con viết được, con viết được, thầy cho con viết.

Và tôi vừa gật đầu là nó đã hấp tấp chạy lên bảng để rồi viết ra những hàng chữ ngả nghiêng, leo dốc xuống đèo làm cho cả lớp kêu ầm ĩ vì không đọc nổi. Trong những ngày sau đó Dũng trở thành nguồn vui của lớp học. Trước câu hỏi của tôi, dù khó khăn đến đâu nó cũng giơ tay xin trả lời, và trả lời mười lần sai hết chín. Dũng viết những chữ rất xấu, nhưng nó có tài giữ gìn sách vở. Nó thường chỉ nổi giận khi có một đứa bạn làm dây mực vào sách vở của nó. Thỉnh thoảng nó lại đem tặng lớp học một món quà nhỏ. Và lớp học dần dần có vẻ tươi mát với những cây leo tròng trong một cái bóng đèn chứa đầy nước, hay trong một con ốc nhiều màu.

Thỉnh thoảng Dũng lại đem đến lớp một cái búa và mấy cái đinh để sửa lại những bàn ghế quá ọp ẹp, mà bọn học trò nhỏ của tôi thường vin vào đó để lấy cơ cãi nhau.

Dần dần bọn học trò tôi cũng khám phá ra cái tính sốt sắng của Dũng và bắt đầu lợi dụng nó. Chúng giao cho thằng Dũng đủ các việc lật vật, nhất là những việc có liên can đến mục vệ sinh của lớp. Dũng nhận làm hết. Đứa nào có đồ chơi hay một vật dụng gì hư hỏng đều có thể nhờ đến bàn tay sửa sang của thằng Dũng. Có lần nó sửa được cả bộ máy của một chiếc xe hơi nhỏ chạy dây cót, khá rắc rối mà nó mới được mở xem lần đầu. Chủ nhân của chiếc xe khoải

quá thưởng công Dững bằng cách cho nó mượn về chơi hẳn một ngày.

Nhờ cái tài khéo tay này mà Dững vẫn đứng đầu về môn thủ công. Trong kỳ chấm bài lũ trẻ thường hồi hộp chờ xem tác phẩm của nó. Để cho những món nó làm ra thêm phần giá trị, Dững thường có một lối giấu giếm và pha trò rất khôn khéo. Một lần nó nặn được một quả chuối, tô màu giống hệt như quả chuối thật, nó gói kỹ trong một tờ giấy, và mặc cho mấy đứa trẻ khác chạy theo gạ gẫm, năn nỉ, nó không cho đứa nào xem cả. Gần tới giờ thủ công Dững mới giở quả chuối ra giơ lên rồi, miệng há tròn, nó giả vờ như sắp bóp quả chuối làm cho những đứa khác cùng ò lên, phục lẫn.

Vì học hành thất thường nên Dững chỉ đứng hạng trung bình trong lớp, nhưng nó khá thông minh và chăm nên không mấy khi tôi phải trách nó về tội lười. Về tha thiết với việc học của nó hiện rõ nhất khi nó làm một bài làm chậm hơn các bạn, nó cuống quýt lên và dù hay dù dở nó cũng cố gắng xin tôi cho điểm. Nếu chỉ vì chậm chân mà nó không được phê điểm thì nó tỏ ra khổ sở, bực bội lắm. Vào những ngày trả bài luận, Dững có vẻ hồi hộp, lo lắng của một con bạc trước khi biết kết quả tiếng bạc của mình. Cầm cuốn vở luận trong tay, Dững ngửa mặt lên, đôi mắt nhắm nghiền, miệng lẩm bẩm như khẩn khứa, rồi thỉnh thoảng nó mở bung quyển vở ra để xem điểm. Nếu thấy được điểm khá nụ cười liền cũng bật tung ra, tràn lan trên khuôn mặt đen xạm của nó, làm cho đôi mắt long lanh sáng. Nhấp nhòm trên chỗ ngồi, hai tay nó hích phải hích trái, nó có vẻ muốn cười phá lên, vỗ tay mà rồi không dám. Nó cười với đứa bên phải, khẽ "hì hì" vào tận tai đứa bên trái, và kéo cả cổ áo của đứa ngồi trước mặt để cho thằng kia rõ sự thành công của nó. Có lần tôi phải mắng nó về cái tội đã dám đóng khung, tô

màu và vẽ hoa lá xung quanh con số mười điểm mà nó kiếm được nhờ một bài chính tả không có lỗi.

Điều đáng tiếc nhất là Dũng làm luận rất dở, bao giờ nó cũng ba hoa đến độ thành lạc đề và chẳng mấy khi được điểm cao. Trong suốt năm học nó chỉ có mỗi một bài thật khá mà lại không được điểm, đó là bài tả một đám cãi nhau. Nó viết kín ba trang giấy, nhắc lại rất trung thành lời nói của hai địch thủ tặng cho nhau. Tuy nó cũng biết loại bỏ những câu quá đáng, nhưng bài ấy vẫn bị tôi kiểm duyệt, giống như những bài văn tả chân thường gặp bước không may.

Quả thực, chưa bao giờ tôi thấy trò Dũng nói chuyện trong lúc tôi giảng bài. Mỗi lần tôi lên tiếng là nó khoanh tay, chăm chú ngược nhìn, chờ đợi. Những lần có một con heo hay con chó nhào vào phá đám giữa lúc tôi đang nói thì Dũng thường nổi giận, nó kêu với vẻ vừa thất vọng vừa tức tối:

- Trời đất ơi!...

Và nó tự động nhảy ra khỏi chỗ, vừa hò hét vừa đuổi theo con vật cho đến cuối sân trường.

Vì là đứa lớn tuổi nhất lớp nên nó cũng thường tỏ ra khôn ngoan, dễ biết ý tôi hơn các trẻ khác. Khi ở các nhà bên cạnh trường có những vụ cãi vả, những vụ đánh nhau, trong lúc những đứa khác đứng dậy, nhìn qua cửa sổ thì thằng Dũng cau có xin phép tôi cho đóng các cửa sổ lại. Nó đã biết những lời thô tục làm vẩn đục cả không khí của học đường. Nó mền thầy, mền bạn, mền lớp học và lúc nào cũng chỉ muốn bảo vệ, che chở cho cái lớp học của nó.

Nhưng học đều đặn được chừng ba tháng thì thằng Dũng

bắt đầu đến lớp thất thường, bỏ bê việc học hành. Tôi đã quen với những vụ nghỉ học trường kỳ của lũ học trò. Vào những ngày cuối năm, khi một người Tàu già đội chiếc mũ cói rộng vành bắt đầu bón nhiều phân lên một vườn rau cải nhỏ của ông ta ở gần trường, thì lớp học của tôi bắt đầu thưa thớt. Chẳng phải lũ trẻ không chịu đựng nổi mùi phân bón bốc lên nồng nặc, làm chúng phải vừa bịt mũi vừa học, mà chính vì trong thời gian này, chúng phải đem cái sức nhỏ bé ra để giúp đỡ cha mẹ chúng. Có đứa vừa phải coi nhà vừa giữ em cho cha chúng đem hoa đi bán. Có đứa phải phụ với cha mẹ trong công việc gánh hàng ra chợ. Có đứa phải gặt hết sách vở để suốt ngày cưa sừng làm lược, hay cầm cùi đánh từng con suốt chỉ cho bà mẹ dệt vải. Buổi tối, trong lúc ngồi hóng gió trước nhà, tôi thường thấy hai đứa học trò ngoan nhất của tôi đi bán bánh trên con đường dài, không có ánh đèn, dẫn vào các xóm nhà nghèo. Chúng là con một người đàn bà gốc Trung Hoa sống bằng nghề bán hoa quả lặt vặt. Đồ đặc của hai đứa trẻ này là một cái thúng có đựng những miếng bánh bò màu trắng, hoặc vàng úa đã cắt sẵn, để thành từng lớp có thứ tự. Mỗi đứa khiêng một đầu đòn gánh, lồng qua quang gánh mang cái thúng. Thằng em đi trước cầm chiếc đèn bão soi đường thỉnh thoảng lại cất tiếng rao. Thằng anh đi sau giữ tiền. Hai đứa giống nhau từ mái tóc, nét mặt đến bộ quần áo. Khi có người gọi lại, chúng vội vàng đặt gánh xuống. Thằng em nhắc ngay cái lồng bàn che bánh lên, thằng anh ngồi thụp xuống, dùng một cái xiên sắt lấy bánh ra, gói vào giấy, trao hàng và nhận tiền. Chúng đã chia nhau từng cử chỉ lặt vặt ấy. Ánh đèn bão mập mờ soi hai nét mặt trẻ lúc nào cũng bình thản, không còn dấu vết tinh quái, nghịch ngợm của những đứa trẻ bình thường.

Có khi lên giường nằm rồi tôi còn nghe tiếng rao của chúng vang lên đột ngột, cô đơn như một tiếng động vừa rơi lơ lửng vào giữa bầu trời mênh mông của miền ngoại ô. Ánh

đèn của chúng hắt qua khe cửa nhà tôi tạo thành những vệt sáng dài, vừa run rẩy vừa di chuyển chậm chạp trên tường. Nếu trong buổi học ngày hôm sau đó chúng có không thuộc bài tôi cũng gắng cho chúng điềm trung bình.

Nhưng bọn trẻ này nghỉ học bận việc có định kỳ, một năm chúng chỉ nghỉ một lần thật lâu rồi lại đi học đều đặn. Trái lại, trò Dũng nghỉ vài ngày rồi lại đi, rồi lại nghỉ vài ngày. Mỗi lần đến trường nó vẫn tỏ ra sung sướng, vui vẻ say mê với việc học. Cuối buổi học, trong giờ hoạt động thanh niên nó vẫn hăng hái cộng tác với các bạn để làm vui cho cả lớp. Hoặc nó ca vài câu, kể một câu chuyện, hoặc nó xắn quần ống cao ống thấp, bôi phấn vào mặt, vẽ râu để làm anh hề trong một kịch vui, làm cho cả lớp cười bò. Từ sau buổi bước ra, nó mới nheo mắt, nhe răng, đi khệnh khạng, chưa kịp nói câu gì, là lũ bạn nhỏ của nó đã không nín cười được. Thành ra, những hôm vắng thằng Dũng tự nhiên lũ trẻ mất vui, cảm thấy nhớ. Có đứa tức quá đứng lên tố cáo:

- Thưa thầy, anh Dũng bỏ học đi chơi đấy ạ.

Vài đứa khác lại nhao lên bênh vực:

- Thưa thầy anh ấy ở nhà bế em cho má anh ấy đi chợ.

- Anh ấy phải trông nhà.

Dũng cũng nêu những lý do đó để xin nghỉ học. Tôi đành phải tin nó vì cha mẹ nó chẳng bao giờ chịu đến trường xin phép nghỉ cho con. Một lần gặp thằng Dũng đang loay hoay phụ giúp với một người đàn ông sửa một chiếc xe trong một căn nhà nhỏ, mái tranh, lập chành vênh ven bờ ruộng, trên con đường vào thành phố, tôi mới biết người đàn ông đó chính là cha Dũng. Ông ta làm nghề sửa xe đạp, xe gắn máy chứ không phải "buôn bán" như ông ta đã ghi trong lý

lich của con. Hai cha con đều mặc những bộ quần áo ka-ki đen đặc dầu mỡ, chắc trước kia màu vàng. Thấy tôi, thằng Dũng vội vàng vớt cả kim, búa đứng dậy khoanh tay chào, nét mặt hân hoan. Cha Dũng cũng gật đầu chào tôi, mấy sợi tóc uốn quăn xõa xuống cái trán cao có một vết sẹo ngang của ông ta làm cho khuôn mặt ông ta vừa có vẻ dày dặn lại vừa có vẻ phong lưu của một công tử giàu tiền. Ông ta trẻ hơn tôi tưởng. Ông nói với tôi:

- Nhà tôi độ này bận quá, thành ra phải xin thầy cho cháu Dũng nghỉ ít bữa.

Tôi chỉ gặp ông ta một lần ấy thôi. Từ đấy về sau mỗi lần đi qua đây tôi chỉ thấy một mình thằng Dũng đang loay hoay làm việc. Thằng bé khéo léo này đã có thể thay thế cha nó trong công việc sửa xe, vá những lỗ thủng trên ruột xe. Hồi thăm về cha nó thì nó cho tôi biết là ông ta đi vắng.

Càng ngày nó càng đến trường ít hơn, và mỗi lần đến là một lần nó cuống quýt đi mượn vở chép bài. Sách vở của nó bắt đầu mất cả sự sạch sẽ, quần áo của nó cũng không còn gọn gàng như trước. Nhưng nó vẫn vui vẻ, sốt sắng, vẫn ca hát và làm hề cho cả lớp cười, vẫn nhảy nhót khi được điễm cao. Ngoài giờ học, nó lại mặc bộ quần áo đầy dầu mỡ, làm bạn với kim, búa, với những chiếc xe hỏng.

Buổi trưa, thỉnh thoảng có dịp đi qua căn lều nhỏ của gia đình Dũng, tôi thường thấy nó ngồi trên chiếc chiếu nhỏ, dựa lưng vào một chân cột, dáng điệu nửa thức nửa ngủ. Đồ đạc, dụng cụ sửa xe xếp ngổn ngang quanh nó. Nó không nhìn thấy tôi vì ngồi quay lưng về phía con đường nhựa mềm ánh nắng buổi trưa, có lẽ nó đang thả tầm mắt mơ hồ qua cánh đồng không, tới những ống khói cao ngất trong thành phố. Những luồng gió nóng như hơi nước trong một nồi nước sôi thổi phàn phật vào mái lá, hoặc xoay tròn,

bốc cát bụi mù trên con đường đất đỏ chạy ngang cánh đồng. Tôi tưởng như thằng bé ngồi bất động, cô đơn kia không thể nào là thằng Dũng, một đứa trẻ láu táu, vui tính nhất lớp tôi. Bầu không khí, phong cảnh cần cỗi ở vùng ngoại ô này có thể nung khô tất cả những tâm hồn dịu dàng, vui tươi, và đốt cháy những nguồn hy vọng nhỏ bé. Quả thực tôi không như những người dạy học khác, mong mỏi nhìn thấy sự thành công trong tương lai của đám học trò mình, tôi chỉ muốn lũ trẻ được ngồi học yên ổn và đều đặn trong lớp tôi cho đến cuối năm.

Tôi không đoán nổi trong lúc ngồi cô đơn như thế bé Dũng đã nghĩ gì, mơ đến những điều gì. Nhưng một trong những sự mơ ước của nó, đột nhiên hiện ra trước mắt tôi vào một buổi học, khi nó bị tôi phạt về tội nói chuyện trong lớp. Và ngay sau đó tôi nhìn thấy tất cả nỗi tuyệt vọng của nó. Sự vùng vẫy, phấn đấu, để thoát ra khỏi ngõ bí của nó đầy tính cách mong manh, khờ dại khiến ta xúc động, xao xuyến như khi ta nhìn thấy một con chim non lạc tổ sắp chết vì một trận mưa.

Dũng để một vật gì dưới ngăn bàn, hai đứa bên cạnh nó cùng chụm đầu lại để nhìn. Vừa nói, Dũng vừa cười có vẻ thích thú và hai đứa bên cạnh nó cũng cười theo. Bị gọi tên thỉnh linh, Dũng giật mình đứng dậy, luống cuống khoanh tay. Nó chưa kịp trả lời câu hỏi của tôi thì một trong hai đứa bên cạnh nó đã nói:

- Thưa thầy, anh Dũng khoe cái xô số anh ấy mới mua.

Rồi nó cố nín cười để giữ giọng tự nhiên:

- Anh ấy nói nếu trúng độc đắc anh ấy sẽ mua cái xe hơi chở cả thầy và hết cả lớp đi chơi và đi coi hát bóng.

Cả lớp cười, vài đứa xì xào:

- Xe hơi nào mà chờ được cả lớp...

Dũng có vẻ ngượng, nó mỉm cười và cúi đầu. Nhìn vẻ tiều tụy của nó tôi không nở mắng, bao giờ cũng thế, khi biết sắp bị mắng nó thường buồn rầu và lo sợ. Tôi bảo:

- Thôi cắt xô số đi... bao giờ trúng hãy đem khoe.

Dũng tươi tỉnh hẳn lại, đôi mắt nó long lanh tin tưởng, nó đã trở lại vẻ nhanh nhẩu bình thường:

- Thưa thầy, mấy người nghèo hết tiền mua giấy số hay trúng lắm thầy.

- Vậy hả. Ồ, thầy cũng hy vọng sẽ được đi xe hơi của trò Dũng. Bao giờ mở số đấy?

- Chiều nay ạ.

Nó ngồi xuống, trịnh trọng nhét tấm xô số vào cặp. Tôi vội giảng bài tiếp để chặn đứng cuộc bàn về xô số đang lan tràn trong lớp. Hình như có tấm vé xô số trong cặp, Dũng vững tin ở cuộc đời hơn. Suốt giờ học tôi không nhận thấy vẻ buồn rầu thoáng qua mặt nó như mấy buổi học trước. Nó chịu đặt cả hai tay lên bàn nhưng không ngồi yên, thỉnh thoảng lại quay nhìn phải, nhìn trái, mỗi lúc nào cũng hé như sẵn sàng cười thật to. Cuối giờ, trước khi về học nó còn đi quanh lớp để ngắt lá úa trên những dây vạn niên đỉnh trên tường. Niềm vui, sự hân hoan của trẻ con thường tràn ra thành các cử chỉ như thế.

Buổi chiều, khi nghe máy thu thanh, tôi nhớ đến tấm xô số

của trò Dũng và ý nghĩ của tôi, tôi mỉm cười như những lần tôi nhớ đến một kỷ niệm ngộ nghĩnh về đám học trò.

Sáng hôm sau, bầu không khí có vẻ oi bức khiến tôi cảm thấy khó chịu. Những đám mây đen mờ che khuất mặt trời báo hiệu một ngày không có nắng. Vùng ngoại ô quá rộng để ta có thể cảm thấy tất cả sự khó chịu của một bầu trời nặng nề. Sức nóng không tỏa từ ánh nắng một cách tự nhiên mà như xuất hiện bất cứ chỗ nào. Sự bình thân, vui vẻ trong tâm hồn tôi hình như bị sự oi bức làm rạn nứt và đã trở thành một cái gì mong manh dễ vỡ.

Buổi học lại bắt đầu bằng vài chuyện lộn xộn. Hai đứa nhỏ ở cạnh nhau, đến lớp còn cãi vả om sòm vì một chuyện đã xảy ra giữa hai gia đình trong ngày hôm trước. Đứa này bảo bố đứa kia là đồ ăn cắp gỗ và đứa kia tố cáo việc anh đứa này bị người ta đánh vì dám cướp tiền một đám bạc. Một thằng học trò khác thì đem lên bàn tôi một quyển vở chỉ còn độ bốn năm tờ giấy trắng, nó kêu rằng nó không hề xé vở mà chính ba nó đã lấy giấy gói hàng. Tôi không thể nén sự bức mình, tôi đã gửi một bức thư cho ông ta về việc này và ông ta chưa trả lời. Tôi thờ dãi nhìn đứa trẻ, nó chớp mắt sợ hãi, cả nó và tôi đều lọt vào cái thế đáng chán. Tôi vừa lấy giấy ra định biên thêm cho ba đứa trẻ mấy dòng thì cuối lớp, một đứa đứng dậy báo cáo:

- Thưa thầy, hôm nay anh Dũng lại nghỉ.

- Lại nghỉ. Nó học hành thế thì còn ra làm sao...

Đứa bé cọ bàn tay phải vào cạnh bàn rồi nói rất nhanh, có vẻ kiêu hãnh vì những điều nó biết:

- Con thấy mấy người lồi xóm nói: ba trò Dũng bị tù rồi. Hồi trước ông mua vỏ ruột xe hơi của mấy người ăn cắp, bị

từ mười lăm ngày mới được tha ra. Giờ không biết sao lại bị bắt nữa...

Một đứa khác đứng phất dậy, vừa xéch lại quần vừa nói như sợ đứa khác nói tranh mất:

- Ba trò Dũng ăn cắp xe gắn máy, thầy. Cả những người khác cũng bị bắt hết, mấy bữa nay rồi thầy.

Sự bất ngờ làm tôi bất động, chỉ biết chăm nhìn vào mắt những đứa trẻ vừa đứng lên nói, những lời nói vừa mở tung bức màn che giấu một thảm kịch. Lớp học hình như không bị xao động một chút nào. Vài đứa định đứng lên nói thêm nhưng tôi ra hiệu bắt chúng ngồi xuống. Chúng yên lặng, khoanh tay, mở mắt chăm chú nhìn tôi, hình như chờ đợi tôi nói một điều gì về việc ba trò Dũng. Tôi nói gì được? Cái sự làm tôi khó chịu, bức bối nhất là nét thản nhiên trên mặt lũ học trò. Chúng đã quen với những sự này đến thế cơ ư?

Đưa tờ giấy viết thư lên ngang tầm mắt, tôi nhìn chăm chú vào đó để tránh những đôi mắt ngây thơ, khờ dại và bình thản. Tờ giấy chưa có một chữ nào, đang mở dần thành một khoảng trời trắng, rộng và xa vời. Tôi lấy lại sự thản nhiên bằng một ý nghĩ tàn nhẫn.

Giữa buổi học thì trò Dũng đến. Nó lững thững đi qua công trường, hai vai co lên một chút như bị lạnh. Nó không đá chân vào đám cỏ hoang cho những con châu chấu bay vụt lên như mọi lần, trong bộ quần áo đẹp nhất của nó, Dũng có vẻ trịnh trọng. Nó bước vào lớp và nói với tôi:

- Thưa thầy, con xin thôi học.

Dũng đưa ra một cái đơn, chữ viết nghiêng ngả.

- Con phải về tỉnh ở với bà nội.

- Ở đó có trường công không mà về?

- Dạ, thưa thầy, khỏi cần. Con không đi học nữa. Bà nội con ở làng, trồng khoai với bắp.

Tôi cúi xuống đọc lại tờ đơn, phân vân. Dững nhìn tôi thật lâu rồi chợt quay xuống với các bạn nó, nó đi qua các dãy bàn để thanh toán mọi việc. Trả đũa này món nợ một đồng, cho đũa kia mấy viên bi, trao lại đũa khác chiếc xe hơi hỏng nhờ nó chữa. Công việc đó diễn ra không gây một tiếng ồn nhỏ nào. Lũ trẻ đã giữ được một sự yên lặng lạ lùng.

Dững trở lại bàn cúi đầu thật thấp chào tôi rồi đi ra, lên phòng hiệu trưởng. Suýt nữa thì tôi mở miệng khuyên nó nên cố gắng chăm học.

Mười phút sau nó trở lại đứng ở cửa lớp học, hai tay nắm vào một bên khung cửa, tần ngần nhìn lũ bạn đang ngồi học, những ngón tay nhỏ của nó cong lại, vuốt nhẹ lên mặt gỗ.

Tôi hỏi:

- Lấy hồ sơ rồi chưa?

- Thưa thầy, lấy rồi, con chờ thầy trả bài thi.

- Bài thi?... à, bài thi toán ấy hả.

Tôi ra hiệu cho nó vào lớp và giở tập bài thi ra. Dững hớn hở đứng cạnh tôi, chăm chú chờ đợi.

- Thừa thầy, hôm đó con làm đúng hết...

Và chợt nó reo khê:

- Đây rồi... trời! mười tám điểm!

Bài thi nó làm hoàn toàn, chỉ hơi bản một chút.

Dũng nắm tờ giấy trong hai tay, nhìn chăm chú vào con số mười tám màu đỏ. Miệng nó, đôi má nó, đôi mắt nó đều chan hòa một nụ cười. Nó giương đôi mắt long lanh nhìn tôi rồi lại nhìn vào bài thi của mình. Rồi chợt nó nghiêng tờ giấy và nháy mắt với mấy đứa bạn ngồi ở bàn cuối cùng, kiêu hãnh mỉm cười với chúng. Nó cứ đứng lặng như thế để tỏ lộ tất cả sự hân hoan của mình. Tôi buột miệng nói:

- Bài này trò làm khá lắm.

Có lẽ chính câu khen của tôi đã làm cho trò Dũng phập phồng muốn khóc khi nó chậm chạp để bài thi xuống bàn. Tôi không đủ can đảm để nói một lời thân mến với nó.

Khi chào tôi lần cuối, Dũng cúi đầu thật thấp như muốn giấu tất cả sự thê thảm trên mặt nó vào đôi tay khoanh lại. Nó trở ra rất nhanh, đá bung mấy viên gạch trên sân trường, nhìn mấy cây nhỏ, mới được trồng ở đầu sân để cho lũ trẻ có bóng mát sau này. Rồi nó cúi đầu, ra khỏi cổng trường.

Dũng là đứa học trò độc nhất mà tôi mong cho nó chóng quên thầy, quên bạn...

Trích thơ:

Ta Làm Gì Cho Hết Nửa Đời Sau?

HUỶNH ÁI TÔNG

*Dẫm thẳng khùng hạp nhau bàn chuyện lớn
Gánh sơn hà toan chất thử lên vai
Chuyện binh lửa anh em chùng cũng ón
Dọn tinh thần: Cưa nhẹ đỡ ba chai*

*Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận
Xong hiệp đầu mây núi đã băng khuâng
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không*

*Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn
Nay đất khách kéo lê đời rất nản
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...*

*Sẽ có lúc rừng sâu bưng chuyển động
Những hùm thiêng cựa móng thét rung trời
Và sông núi sẽ vươn mình trở dậy
Và cò bay trên đất nước xinh tươi*

*Một tráng sĩ vô êm chùng sáu cõi
Thần tự do giờ đứng ở nơi nào?
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao...*

*Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la...*

*Bình minh tới một chàng bưng tỉnh giấc
Thấy chiến trường la liệt xác anh em
Năm tráng sĩ bị mười chai quát gục
Đời tha hương coi bộ vẫn êm êm*

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới:
Ta làm gì cho hết nửa đời sau?

(Tháng 3-77)

Mai Một Anh Trở Về

Mai một anh về có thằng túm hỏi
Mày qua bên Mỹ học được củ gì
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi
Nói mày hay ông thượng đẳng cu li

Ông rửa bát chì hơn bà nội trợ
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan
Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan

Nghệ thuật nói bông hóa trò lao động
Thằng nào nói nhiều thằng áy tay to
Tiếng mẹ thường chỉ dùng chửi đổng
Hay những đêm sầu tí toáy làm thơ

Ông học được Mỹ đất trời bát ngát
Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm
Nhiều đứa hồn nhiên giống bầy trẻ nít
Còn hồn ông: già cóc cỡ nghìn năm

Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mệnh mang
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí
Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng

Nếu mai một bông đôi đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương

HUỶNH ÁI TÔNG

Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương

Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bồ bịch hết không đũa nào là nguy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng

Hát Ngao Trên Tuyết

Khoác áo lông xù giả làm trắng sỡ
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang
Cây gậy trúc trông sắc mùi vũ khí
Múa tung bùng vào thình không giá băng

Khoái thay đời ta một đời quái đản
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản
Một đời quê hương khét mùi súng đạn
Một đời xót xa bằng hữu lao tù

Khoái thay chân ta những chân phiêu bạt
Đi dọc quê hương, đi vòng địa cầu
Đi thênh thang thở đời cao gió mát
Đi ngất ngây thương lúa vàng, hương cau
Đi hội trùng phùng, đi chia tan tác
Đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau
Đi sỏi đá mềm, bết hồng trước mặt
Đi bùng bão biển, quê hương phía sau
Những bước thú hoang lạc rừng đất lạ
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu

Sông không đầu đuôi sông màu đá cục
Dưới trên lẫn lộn, trời đất mang mang
Ta giữa cổ làm thằng khùng Bắc Cực

Một mình cười cùng thính không giá băng

*Khoái thay hồn ta một hồn dị thường
Khi bốc lên: núi lưng trời cũng thấp
Khi bi ai: thân cỏ mọn bên đường*

*Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết
Thân trượng phu, hừ, mục trong áo com?
Núi cao! Núi cao! Ta về không đến
Chí trượng phu, hừ, chôn trong giá băng?
(Tháng 2-78)*

Năm 1968, Lê Tất Điều sáng tác *Những giọt mực*, nhà văn Trần Trung Sáng nhận xét: “....., đọc “*Những giọt mực*” chúng ta có cảm giác như được dẫn dắt phiêu bồng ra khỏi cái thế giới thực dụng, nhiễu nhương. Trong đó, mỗi truyện ngắn đều có những ẩn dụ nhỏ, nên thơ, vừa thú vị mang lại người đọc dù trẻ thơ hay người lớn ít nhiều suy ngẫm.”

Mười năm sau ra hải ngoại, ông sáng tác thơ, Mặc Lâm có nhận định: “*Thơ Cao Tần* được nhiều người đón nhận bởi ngôn ngữ của nó thể hiện hơn là những gì chứa đựng bên trong. Ngôn ngữ trong *Thơ Cao Tần* mang đậm tính tự trào lại phảng phất nét quyến rũ của chất anh hùng ca từ nhân vật *Kiều Phong* mà tác giả đã có cơ hội nhiều năm tiếp xúc. Có lẽ sự hòa trộn giữa ngôn ngữ chặt lọc thi ca và tính phán xét lạnh lùng, mạnh mẽ của loại văn chính luận đã khiến *thơ Cao Tần* có được sự hấp dẫn kín đáo nhưng ngấm ngấm dữ dội đã khiến người đọc khó thể bỏ qua khi đã đọc những dòng chữ đầu tiên.”

Tài liệu tham khảo:

- Lê Tất Điều Web: vi.wikipedia.org
- *Cỏ hoang* Web: gocnhin.net

HUỶNH ÁI TÔNG

Tiết hai: Những nhà văn ra nước ngoài sau năm 1975.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, một số người Việt Nam đã vượt biên, đường biển tới các trại tị nạn ở Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, Úc, Hồng Kông, vượt biên đường bộ qua Thái Lan, hoặc có quốc tịch nước ngoài, hoặc được thân nhân ở nước ngoài bảo lãnh, họ được định cư ở một số nước trên thế giới như Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Anh, Úc, Thụy Điển, Na Uy, Nhật Bản, ...



Do có hàng trăm ngàn người đã vượt biên, trên đường vượt thoát Cộng sản để tìm đến bến bờ tự do, họ đã bị đắm tàu, bị hải tặc cướp bóc, hãm hiếp, chết vì bão táp, đói khát, vì

mìn bẫy, nên chánh phủ Hoa kỳ có **Chương trình Ra đi có Trật tự** (*Orderly Departure Program*, viết tắt là **ODP**), là một chương trình của Hoa Kỳ cho phép người Việt Nam tỵ nạn Cộng sản, nhập cảnh vào Hoa Kỳ. Chương trình này được tiến hành từ năm 1979 dưới sự hỗ trợ của Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tỵ nạn.



Thuyền nhân VN ở Trại tỵ nạn Pulau Pidong, Malaysia

Sau khi quan hệ ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam được bình thường hóa, Hoa Kỳ trực tiếp đối thoại với chính phủ Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi cho người di cư từ Việt Nam theo chương trình đó. Chương trình ODP từ đó có tên là **Chương trình Tái Định cư Nhân đạo** (*Humanitarian Resettlement Program*, viết tắt là **HR**).

Các văn phòng của Chương trình được thành lập đầu tiên tại Bangkok, Thái Lan vào tháng 1, 1980. Chương trình thực hiện nhắm vào ba nhóm đối tượng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- **diện HO** là các cựu tù nhân trại cải tạo, có tên chính thức là *Special Release Reeducation Center Detainee Resettlement Program* (Chương trình tái định cư phóng thích đặc biệt tù nhân trung tâm cải tạo),
- **diện U11** là các cựu nhân viên chính phủ Hoa Kỳ,
- **diện VII** là các cựu nhân viên của công ty tư nhân hoặc tổ chức của Hoa Kỳ.

Theo chính phủ Hoa Kỳ thì HO chỉ là mã số của hồ sơ nhưng đối với người Việt thì HO, thường được hiểu là *Humanitarian Operation*, đây không phải là tên chính thức.

Trong thời gian thực hiện, ODP đã hỗ trợ được gần 500.000 người tỵ nạn Việt Nam đến được Hoa Kỳ. Vào ngày 14 tháng 11 năm 1994, ODP chính thức khép lại. Đến năm 1999, các văn phòng ODP ở Bangkok cũng đóng cửa và chỉ cứu xét các trường hợp đặc biệt từ Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 11 năm 2005, Hoa Kỳ và Việt Nam ký kết một thỏa thuận cho phép những người Việt vì trể hồ sơ khi kết thúc Chương trình Ra đi có Trật tự năm 1994 được tái xét đến định cư tại Hoa Kỳ. Thỏa thuận này đã hết hiệu lực vào ngày 20 tháng 6 năm 2008.

Những nhà văn Việt Nam ra nước ngoài sau này, họ hợp cùng với những nhà văn di tản trước, góp phần thúc đẩy cho nền văn học hải ngoại có sắc thái đặc biệt: Hoài niệm về một quê hương khốn khó, chống lại chế độ Cộng sản tại quê nhà.

Trong tiết này, các nhà văn được trình bày theo thứ tự định cư nước ngoài trước sau.

1. Hồ Trường An



Hồ Trường An - Nguyễn Viết Quang (1938-20)

Nhà văn Hồ Trường An tên thật Nguyễn Viết Quang, bút hiệu khác Đào Huy Đán, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1938, Tại làng Long Đức Đông tỉnh Vĩnh Long. Là con nhà thơ Mặc Khải và em nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Theo học Đại học Văn Khoa Sài Gòn cùng thời Sao Trên Rừng, rồi bỏ qua Dược Khoa nhưng cũng chỉ học đến năm thứ 2.

Ông bị gọi nhập ngũ khóa 26 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức cùng Lê Vĩnh Thọ, Nguyễn Hữu Nhật...

Ra trường năm 1968, được bổ dụng làm Trưởng ban Chiến Tranh Chính Trị tại hai Chi Khu Trị Tâm và Lái Thiêu tỉnh Bình Dương từ năm 1969 tới năm 1971. Sau đó phục vụ tại Ban Thông Tin Báo Chí Quân Đoàn III và Quân Khu 3 cho tới tháng 4 năm 1975.

HUỶNH ÁI TÔNG

Ông viết truyện ngắn, thơ, điểm sách, viết tạp ghi. Sau này ông viết các bài nhận định về kịch ảnh, tân nhạc. Hồ Trường An cộng tác với các tạp chí *Bách Khoa*, *Tin Văn*, *Tiểu Thuyết Tuần San*, *Minh Tinh*, *Sinh Hoạt Nghệ Thuật*, với các nhật báo *Tranh Thủ*, *Tiền Tuyến*.

Năm 1977, Hồ Trường An được sang Pháp định cư, tại hải ngoại ông viết sách nhiều hơn viết báo, ông giữ chức Tổng Thư Ký 2 tạp chí *Làng Văn* (trên 10 năm kể từ tháng 1-1987) và *Quê Mẹ* (Pháp). Cộng tác trên các báo *Việt Chiến*, *Văn*, *Văn Học*, *Phụ Nữ Diễn Đàn*, *Phụ Nữ Ngày Nay*, *Hồn Nước*, *Hành Động*, *Độc Lập*, *Viên Giác*, *Lạc Hồng*, *Đất Mới*, *Nắng Mới*, *Lúa Việt*, *Thế Kỷ 21*, *Xây Dựng*, *Hải Ngoại Nhân Văn*, *Cỏ Thơm*...

Sự nghiệp sáng tác của Hồ Trường An với 22 truyện dài, 10 tập truyện, 16 bút khảo, ký sự, bút ký và 3 tập thơ được xuất bản, đó là chưa kể những bài viết rời ông cộng tác với các tạp chí trong nước và hải ngoại suốt gần 50 năm cầm bút. Ông ký rất nhiều bút hiệu : Đào Huy Đán, Đinh Xuân Thu, Đông Phương Bảo Ngọc, Hồ Bảo Ngọc, Người Sông Tiền, Nguyễn Thị Cỏ May, Đoàn Hồng Yến, Đặng Thị Thanh Nguyệt.

Định cư tại Pháp từ 1977, hiện sống ở thành phố Troyes, bên dòng sông Aube. Ông là người đồng tính, chẳng ngại cho biết giới tính của mình, để được sống thực.

Tác phẩm:

- *Phấn Bướm* (Làng Văn, Canada, 1986)
- *Hợp Lưu* (Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1986)
- *Lớp Sóng Phế Hưng* (Cành Nam, Hoa Kỳ, 1988)
- *Lúa Tiêu Ruộng Biên* (Viên Giác, Tây Đức, 1989)
- *Ngát Hương Mật Ong* (Nam Á, Pháp, 1989)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- *Nửa Chợ Nửa Quê* (Nam Á, Pháp, 1989)
- *Còn Tuôn Mạch Đồi* (Nam Á, Pháp, 1990)
- *Thông Điệp Hồng* (Ký Sự, Viên Giác, Tây Đức, 1990)
- *Cõi Ký Ưc Trăng Xanh* (Ký Sự, Làng Văn, Canada, 1991)
- *Lối Bướm Đường Hương* (Đại Nam, Hoa Kỳ, 1991)
- *Tình Trong Nhung Lụa* (Đại Nam, Hoa Kỳ, 1991)
- *Chuyện Quê Nam* (Tập truyện, Làng Văn, Canada, 1991)
- *Tạp Chúng* (Tập truyện, Làng Văn, Canada, 1991)
- *Hội Rẫy Vườn Sông Rạch* (Tập truyện, Miệt Vườn, Hoa Kỳ, 1992)
- *Chuyện Miệt Vườn* (Tập truyện, Đại Nam, Hoa Kỳ, 1992)
- *Ngát Thơm Hoa Bưởi Bông Trà* (Nam Á, Pháp, 1992)
- *Tình Đẹp Đất Long Hồ* (Đại Nam, Hoa Kỳ, 1993)
- *Trang Trại Thần Tiên* (Đại Nam, Hoa Kỳ, 1993)
- *Chân Trời Lam Ngọc I* (Ký Sự, Minh Văn, Hoa Kỳ, 1993)
- *Vùng Thôn Trang Diễm Áo* (Đại Nam, Hoa Kỳ, 1994)
- *Đồng Không Mông Quạnh* (Tập truyện, Đại Nam, Hoa Kỳ, 1994)
- *Gả Thiếp Về Vườn* (Tập truyện, Làng Văn, Canada, 1994)
- *Đêm Xanh Huyền Hoặc* (Tập truyện, Làng Văn, Canada, 1994)
- *Thuở Sen Hồng Phượng Thắm* (Đại Nam, Hoa Kỳ, 1995)
- *Chân Trời Mộng Đẹp* (Đại Nam, Hoa Kỳ, 1995)
- *Bãi Gió Còn Trăng* (Làng Văn, Canada, 1995)
- *Bóng Đèn Tà Nguyệt* (Minh Văn, Hoa Kỳ, 1995)
- *Chân Trời Lam Ngọc II* (Ký Sự, Minh Văn, Hoa Kỳ, 1995)
- *Sàn Gỗ Màn Nhung* (Ký Sự, Đại Nam, Hoa Kỳ, 1996)
- *Cảo Thơm* (Ký Sự, Minh Văn, Hoa Kỳ, 1998)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Giai Thoại Hồng* (Ký Sự, THXB MĐHK, Hoa Kỳ, 1998)
- *Theo Chân Những Tiếng Hát* (Ký Sự, THXB MĐHK, Hoa Kỳ, 1998)
- *Chuyện Ma Đất Tân Bồi* (Tập truyện, Đại Nam, Hoa Kỳ, 1998)
- *Tình Sen Ý Huệ* (Mekong, Nhật Bản, 1999)
- *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn* (Ký Sự, Cỏ Thơm, Hoa Kỳ, 2000)
- *Chân Dung Những Tiếng Hát I* (Ký Sự, Tân Văn, Nhật Bản, 2000)
- *Chân Dung Những Tiếng Hát II* (Ký Sự, Tân Văn, Nhật Bản, 2001)
- *Lai Láng Dòng Phù Sa* (Ký Sự, Hoa Ô Môi, Hoa Kỳ, 2001)
- *Thập Thủy Tầm Phương* (Ký Sự, Hoa Ô Môi, Hoa Kỳ, 2001)
- *Hiền Như Nắng Mới* (Văn Khoa, Hoa Kỳ, 2001)
- *Tập Truyện Ma* (Tập truyện, Tân Văn, Nhật Bản, 2001)
- *Chiếc Quạt Tôn Nữ* (Tân Văn, Nhật Bản, 2002)
- *Chân Dung 10 Nhà Văn Nữ* (Ký Sự, Tân Văn, Nhật Bản, 2002)
- *Thiên Đường Tìm Lại* (thơ, Nhận Thức, Pháp, 2002)
- *Vườn Cau Quê Ngoại* (thơ, Cỏ Thơm, Hoa Kỳ, 2003)
- *Tập Diễm Ngưng Huy* (Ký Sự, Hoa Ô Môi, Pháp, 2003)
- *Quà Ngon Đất Quê Nam* (Tập truyện, Tân Văn, Nhật Bản, 2003)
- *Màn Nhung Đã Khép* (Tân Văn, Nhật Bản, 2003)
- *Bảy Sắc Câu Vòng* (Ký Sự, Gió Văn, Hoa Kỳ, 2004)
- *Đàn Trắng Quạt Bướm* (Làng Văn, Canada, 2005)
- *Quê Nam một cõi* (Ký Sự, Hoa Ô Môi, 2007)
- *Náo nước hội trăng rằm* (Ký Sự, Cỏ Thơm, 2007)
- *Núi cao vực thăm* (Ký Sự, Tiếng Quê Hương, 2011)

Trích văn:

Màu Tím Mông Toi

Trên đất Pháp, tôi đã từng ăn canh rau mông-toi xanh nấu với tôm he . Đôi khi lười biếng, tôi đi ăn self-service, món légume ăn kèm với thịt vẫn là rau mông toi xanh nghiền trộn bơ lạt và kem tươi . Khó mà tìm được mông tươi tím. Mông toi xanh to lá hơn, cọng bụ bẫm hơn, nấu canh tôm he cũng ngọt không kém mông toi tím. Vậy mà trong tâm hồn tôi, lá mông toi tím đã mọc rễ từ lâu lắm rồi, trải qua bao khúc quanh éo le của lịch sử và đã tỏa một màu tím thật lãng mạn và thật thi vị trong suốt thời thơ ấu của tôi .

Bạn ơi, chắc bạn chưa quên lá mông toi tím ngoài bờ giậu khi bạn còn ở bên quê nhà? Dường như chỉ ở xứ miền nhiệt đới như xứ sở mình mới có mông toi tím mà thôi . Tôi còn nhớ vào thuở ba tôi về Ngã Ba Trung Lương (tỉnh Mỹ Tho) lập nghiệp, bà ngoại tôi bảo tôi và chị tôi nên gầy dây một giậu mông toi tím chung quanh khu trồng rau thơm. Chị em tôi chẻ nửa thành những thanh hơi mỏng để đan giậu . Chỉ chừng hai ngày thôi, bờ giậu thành hình với những thanh nửa đan nhật với những ô hình mắt cáo . Chị tôi lôi từ gian bếp đen óng vì mồ hóng và khói bếp, lấy một cái gói nhỏ đựng trong mo cau . Mở gói giấy ra, tôi chỉ thấy những hạt đen đen ngoài bọc một lớp vỏ nhãn nheo . Chúng tôi đào những lỗ nhỏ cỡ đồng xu và sâu ba phân, mỗi lỗ cách nhau nửa thước, rồi bỏ một hạt mông toi trong đó. Ngoại tôi nói:

- Bây giờ là vào giữa mùa mưa, các cháu không cần tưới làm gì. Mông toi tím dễ trồng lắm.

Chúng tôi chỉ chăm bón những loại rau khác, hầu như quên lãng những hạt mông toi gây giống đi .

Mùa mưa tháng bảy kéo về. Những trận mưa kéo dài có khi suốt ngày, suốt đêm. Mưa ngập ở dây cây đu đủ và làm cho mấy gốc đu đủ úng thủy chết đi. Rồi vào một ngày nắng đẹp, tôi bắt gặp trên lớp đất ướt mịn, những mầm cây lá non mon mơn nhú lên. Những cơn nắng lũ đã làm cho hạt mồng toi nứt vỏ, những trận mưa rào ập ủ cho mầm sống nhú lên. Rồi thì cùng với mưa nắng, sương buổi sáng làm cho mầm cây trưởng thành mau chóng; chỉ độ hai tuần thôi, nó đã thành một sợi dây leo bò dọc theo một thanh nứa, lá vẫn xanh mon mơn để rồi cùng với cọng dây ửng lên màu tím và rồi tím sẫm dần. Lá mồng toi có hai mặt: mặt dương quay về ánh sáng mặt trời nên có màu xanh của diệp lục tố, còn mặt dưới ẩn trong bóng râm thì có màu tím.

Từ dây chính, len qua những nách lá, những vòi dây mồng toi mọc dài ra thành những dây phụ bám ngang, bám dọc theo những thanh nứa đan hình mắt cáo, chỉ trong vòng một tháng thôi, bốn mặt giậu chung quanh khu trồng rau đã được lá mồng toi mặt xanh mặt tím che kín rợp.

Dù mùa mưa trôi qua, dù dầu giải dưới những cơn nắng trong tiết trời khô ráo, dây mồng toi vẫn mượt mà, tươi mát, thấm nhuần nhựa sống dồi dào.

Thế là khu trồng rau của chúng tôi, nhờ giậu mồng toi đã có một chỗ riêng biệt giữa những cây cỏ hoang dại mọc hỗn tạp. Ngoài tôi giặm thêm những cây bồ ngót để nấu canh tôm, giặm thêm những khóm cao kỳ để nấu canh thịt. Rồi thì cải ngọt, rau tần ô, rau diếp, rau thơm, ngò gai, rau cần tàu được trồng theo từng luống. Những loại rau này cần phải tưới nước và chăm bón cẩn thận. Riêng những dây mồng toi thì không cần săn sóc, vẫn đâm tọc nảy vòi.

Tôi đã từng say ngắm sự tăng trưởng của những dây mồng

toi ngoài giậu . Những ngày nắng ráo, lá mỏng toi trông thật mượt, mặt lá bóng láng rung rinh dưới những cơn gió nhẹ hiu hiu, lóe lên những chấm sao nhấp nháy . Tôi hái một vài lá vò sát trong lòng bàn tay, khoan khoái cảm nhận chất nhựa trịn ướt của lá. Và có những đêm rằm, trời trong mây tạnh, tôi cũng đến thăm giậu, mê mải nhìn ánh trăng giát bạc và trắng thủy tinh trên những phiến lá lung linh, hư ảo.

Ngoại tôi không nấu canh mỏng toi suông đâu . Bà cũng hái rất nhiều lá mỏng toi, rồi cùng với rau tập tàng, rau bồ ngót, rau cải trời, rau dệu để nấu canh tôm. Những con tôm he được ngắt đầu, bóc vỏ, bỏ đuôi, rút gân máu, đem quyết nhuyễn và tra thêm tiêu, hành lá, nước mắm ... rồi vo từng cục tròn tròn, dẹp dẹp thả vào nồi nước sôi, trước khi bỏ rau mỏng toi và rau khác vào. Canh rau do đó, thật ngọt, được múc vào những chiếc tô sành sản xuất từ Lái Thiêu, với một nét họa phóng bút bằng tay .

Mâm cơm thuở tôi còn thơ ấu chẳng mấy thịnh soạn. Cùng với canh rau, ngoại tôi kho cá bông trứng, hoặc cá rô mè, kho bằng tộ để cho cá được thấm tháp, mặn mòi hơn. Đôi khi trên mâm cơm có thêm món xào, nhưng độn rất nhiều giá hoặc rau càng cua hay rau cần ta . Mâm đựng thức ăn thì bằng thứ gỗ tầm thường, đĩa vót bằng tre; chén đĩa và muống cũng bằng sành, cùng do các lò gốm Lái Thiêu sản xuất. Những thuở đó, ba má tôi rất yêu thương nhau, cùng chấp nhận cảnh nghèo để tách ra khỏi đại gia đình dưới sự quản trị nghiêm khắc của ông nội tôi . Má tôi tự hào là chồng mình đã bắt đầu sống cuộc đời tự lập. Rồi đó, công cuộc làm ăn của ba má tôi dễ dàng hơn, cảnh nhà được sung túc hơn. Bàn ăn phủ khăn trắng, chén đĩa sành được thay thế bằng đồ sứ mỏng tanh và bóng hơn, đĩa tre được đổi thành đĩa mun có đầu bịt bạc hoặc đĩa sơn son. Vậy

mà, canh rau mồng toi vẫn được dọn thường xuyên. Bà ngoại tôi nói:

- Sắp nhỏ hay nổi rôm sảy và đồ ghèn con mắt, phải cho tụi nó ăn canh mồng toi hay ăn canh bồ ngót để cho tụi nó giải nhiệt.

Bồ ngót này lá không kịp theo nhu cầu những nồi canh rau trong gia đình tôi thuở đó. Chỉ có giậu mồng toi mới cung cấp đủ món canh rau thường xuyên mà thôi . Mặc kệ nắng cháy hay tiết trời khô hạn, những giây mồng toi vẫn thản nhiên hiển dâng lá và mầm sống phong phú. Chúng tươi mát, mềm mại như cô gái đẹp dậy thì. Chỉ cần trải qua một đêm sương là lá và đọt đã thấm nhuần chất nước trong mát rồi .

Và thú vị hơn nữa, những trái mồng toi tím thắm, to cỡ đầu mút đũa, bóp dẹp trái mồng toi giữa hai ngón tay, chất nước màu tím tươi tiết ra . Chị tôi hái rất nhiều trái mồng toi để làm mực tím, viết một lá thư kể tội tràng giang đại hải cô bạn trong xóm mà nhờ tôi chuyển giao.

Tôi còn nhớ rõ thuở đó, chị tôi cỡ bảy tám tuổi, để tóc và ăn mặc nam trang, theo lũ con trai chơi những trò chơi con trai . Lối xóm hầu như quên chị tôi là gái . Lúc nào cũng liếng thoảng nghịch ngợm, lấy mực mồng toi vẽ lên mặt rồi đi dọa con nít. Những đêm rằm, chị thủ sẵn những bông nậm sáng (nậm lân tinh) đợi những bà hàng xóm đem bánh và trái cây ra sân cúng rằm, chị rên hừ hừ, rồi núp vào lùm bụi đối diện với sân, tay cầm nậm sáng quơ lên. Các bà tưởng là ma, la bài hải, rồi lết vào nhà, bỏ bánh trái lại . Chị chui ra lấy hết bánh trái và không quên bỏ lại vỏ trái cây và giấy phong bao bánh cho khổ chủ.

Ba má tôi vì mãi lo làm ăn nên ít khi săn sóc và giáo dục

chúng tôi . Như rau mồng tơi, chúng tôi tăng trưởng tươi mát khỏe mạnh. Những người ở xa mới tới xóm thường nhìn chúng tôi khen:

- Hai đũa nhỏ coi " ngô" quá chớ. Nhứt là cái thằng anh, vừa cao ráo, trắng trẻo, mắt sáng như sao .

Bà lồi xóm ở gần nhà chúng tôi nhất, nhún trề:

- Đũa lớn là con gái đó đa . Con gái gì mà như qui sống, ma vương. Khạp nước trong của tui để dành nấu nước pha trà mà nó dám thọc chân dơ vô để rửa chớ.

Tuy ghét chị tôi như vậy mà mỗi khi chị tôi mang qua tô canh mồng tơi do ngoại tôi nấu, bà không quên thưởng cho chị khi thì trái ổi, khi thì khúc mía, phong bánh in.

Năm 1946, ba má tôi đem chị em chúng tôi đi chạy giặc. Với chiếc xuồng ba lá, ba má tôi vượt từ Cai Lậy (Mỹ Tho) qua Cái Tàu Thượng, Cái Tàu Hạ (Sa Đéc), vượt qua sông Bassac (Cần Thơ) rồi theo kinh Bảy Ngàn xuống tới Hỏa Lựu, Hóc Hỏa . Ở Hóc Hỏa ba tháng, gia đình tôi trôi xuống Chấn Bông, và ở tại xóm Cây Đa cách chợ Chấn Bông sáu cây số. Ở đây đất phèn, chẳng có rau cỏ chi cả. Chung quanh là đồng hoang, nắng cháy . Nhưng con kinh đào, chạy qua xóm có rất nhiều cá sặc rần lẫn cá rô mè. Chị em tôi thường vào rừng tràm hái đọt choại về nấu canh hoặc luộc. Thèm canh rau mồng tơi và quê nhà ở Ngã Ba Trung Lương (Mỹ Tho) biết chừng nào!

Vào năm 1946, vừa thấy tình hình yên ổn, má tôi đem chị em tôi hồi cư . Về quê cũ, gia đình tôi trở lại nếp sống đạm bạc như xưa . Má tôi bán bớt tư trang và những món đồ sứ. Canh rau mồng tơi được nấu thường xuyên, nhưng không còn nấu với tôm thịt, mà chỉ nấu sùng và nêm thêm một

chút mắm ruốc cho ngọt. Chiến tranh càng lúc càng khốc liệt. Con lộ băng qua trước ngõ nhà tôi thường xảy ra những cuộc chạm súng kinh hồn.

Chúng tôi nghỉ học. Tìm được tập giấy trắng và ngòi viết lá tre cũ, tôi hái trái mồng toi pha chế thành mực tím chép những bài hát nổi tiếng đương thời. Trên nền giấy ó vàng, những hàng chữ gò găm, sắc nét và lối trình bày sạch sẽ cũng làm cho tập giấy có vẻ ngoạn mục riêng.

Trong cuộc chạm súng ở trước nhà, tôi bị một vết đạn trên đầu. Sau hai tuần hôn mê ở bệnh viện Mỹ Tho, tôi được giải phẫu. Vừa khi tôi lành mạnh ăn giả bữa, chị tôi đem một " gà-men" đựng canh rau vào để tôi ăn cho ngon miệng hơn. Lúc đó, tôi ngạc nhiên quá đỗi, chị để bôm-bê và mặc quần sa-teng đen, áo bà ba lụa tím, đi guốc sơn đen. Áo lụa tím vẫn là màu mực mồng toi mà tôi ưa chuộng.

Rồi chúng tôi bỏ Ngã Ba Trung Lương, về Vĩnh Long sống nhờ ông nội chúng tôi. Chung quanh nhà, chúng tôi rào giậu mồng toi, trồng bồ ngót, cao kỷ, bạc hà, cây lá giấm. Mâm cơm quê nội có bát đĩa sang trọng, nhưng thức ăn rất đạm bạc. Việt Minh đã sung công hết ruộng đất của ông nội tôi. Sản nghiệp của ông dần dần khánh kiệt. Với tài chế biến khéo léo, má tôi làm những món đạm bạc nhưng ngon lành và tinh khiết: canh rau nấu bột ngọt, cá cơm kho tương ăn với dưa leo và rau thơm, cá linh, cá rô kho sả ớt, con ruốc chấy tóp mỡ ... Giậu mồng toi quê nội đã giúp cho mẹ con tôi chịu đựng cái nghèo trong cuộc chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh suốt chín năm.

Gia đình tôi lại bắt đầu sung túc khi ba tôi đi kháng Pháp trở về. Mâm cơm đã có những món xúp nấu với bột mì hoặc xúp nấu với cải bắp, khoai tây, hành tây và thịt bò,

nhưng chúng tôi vẫn thích ăn canh mồng toi, nhứt là để tưởng niệm bà ngoại tôi chết vào năm 1948.

Từ năm 1967, chị tôi thực sự bước vào làng văn do sự giúp đỡ của ông bà Võ Phiến. Vừa viết văn, làm báo, vừa đi dạy Anh văn, chị tôi có nhiều tiền. Vậy mà chị vẫn ở trong căn nhà hẹp tẻ ở gần tòa đại sứ Cam- bốt. Chị cho rằng chỉ ở trong cái nhà đó, chị mới làm ăn khấm khá. Tôi cứ ăn chực, sống nhờ chị để đi học, mà rồi cứ lặn độn ở bậc đại học hoài . Mâm cơm ở nhà thật thịnh soạn. Vậy mà vào những buổi xế nóng nực, uống nước cốt trái cây, uống bia và coca mà không đã khát, chị tôi dặn cô giúp việc:

- Em nấu canh mồng toi và kho cá bóng trứng cho chị đi.

Rồi tôi vào trường Bộ Binh Thủ Đức, khóa 26, bắt đầu từ khoảng đầu thu 1967. Vào Tết Mậu Thân, Việt cộng mở một cuộc tổng tấn công, trường hoãn việc huấn luyện. Các sinh viên sĩ quan phải ở trong tình trạng ứng chiến. Nhà bàn dọn cơm ăn toàn là thịt trâu nấu với khoai lang hoặc các thực phẩm đóng hộp. Không có chất rau cỏ trong người, chúng tôi (các bạn đồng khóa và tôi) cảm thấy táo bón, bực bội . Nhiều đêm, tôi nằm ngủ trong căn liêu cấm bên giao thông hào, mơ thấy mình lạc vào những khu rừng xanh mát, có những bồn nước mưa trong vắt, có những rẫy trồng rau mơn mớn và tươi hơn hớn, nhứt là giậu mồng toi với những phiến lá mặt tím, mặt xanh, lung linh hư ảo dưới ánh trăng huyền hoặc. Trong thời gian đó, chị tôi kẹt ở Lộc Ninh. Khi về được Sài gòn, có đến Thủ Đức thăm tôi, đem theo rất nhiều trái cây và rau . Tôi và các bạn bắc ba cục gạch, chất củi khô nhúm lửa rồi dùng nón sắt đun nước sôi, thả rau vào luộc hoặc nấu canh với bột ngọt. Bữa cơm rau mồng toi đầu tiên trong cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân mới ngon lành làm sao! Anh bạn Q. đem cơm và nước tương ở nhà bàn về, cả bọn bốn đứa ngồi xúm xít bên nón

sắt, chan canh vào cơm, rồi chằm rau vào nước tương, nhai rau ngau ngáu, húp nước canh xì xụp, cảm thấy gan ruột mình mát mẻ, mình được chút sinh tố tươi mát, mình được nhuận trường.

Mãn khóa 26, tôi thực sự bước vào đời lính suốt bảy năm ròng, lê gót giày saut khắp Quân Khu 3. Ngày Bến Cát, Lai Khê với bản doanh bộ Tư lệnh Sư Đoàn 5. Ngày Trị Tâm nằm trong đôn điền cao su Michelin. Ngày Tây Ninh có chợ trời Hiếu Thiện băng qua biên giới . Ngày Phú Giáo với thị trấn mới có những căn cứ Mỹ đóng. Ngày Củ Chi, nơi ổ giặc núp kín đang làm bàn đạp để tấn công Quân Khu 3, đêm đêm tôi có thể nghe tiếng chày giã lá bàng trong các xóm xa . Ngày Tổng Lê Chân, căn cứ được mệnh danh là " con mắt hồng ngoại tuyến" đã từng dọ dẫm và ngăn chặn sự xâm nhập của địch quân vào lãnh thổ Quân Khu 3. Ngày Phước Long, ải địa đầu cực bắc đã chịu nhiều cuộc pháo kinh hồn cuối năm 1974 và lẫn trong rừng chồi có những sào huyết của địch với những tên Chiến Khu D, mật khu Dương Minh Châu, vùng Tam Giác Sắt với chiến dịch mùa mưa, cao điểm Đông Xuân ... Sau hết tôi về bộ Tư lệnh Quân Đoàn III và Quân Khu 3 ở Biên Hòa, làm việc trong ban Báo Chí.

Tôi đã đi nhiều địa danh, đã theo những toán Dân Sự Vụ đưa đồng bào ở các vùng xôi đậu về khu định cư lánh nạn Cộng sản. Bước chân tôi đi trải qua những vùng rừng chồi rậm rạp, những cánh đồng nhiều hố bom, những ruộng dưa hấu bỏ hoang, những khu vườn đất còn khét pháo và cây cối loang lỗ vết đạn. Vậy mà rau hoang dại vẫn sinh sôi nảy nở. Nhiều nền nhà còn sót lại giàn mồng toi tím. Dù không ai săn sóc, dù không khí nồng thuốc khai quang, dây mồng toi vẫn mượt mà bám vào những nhánh cây khô, trườn mình lên nền đất để phơi bày những phiến lá mỏng nước, rung lấp loáng dưới cơn nắng đổ lửa .

Cuối xuân năm Ất Mão, sau khi Việt cộng xâm lăng toàn thể miền Nam, tôi bỏ xóm ở Phú Nhuận, về nhà chị tôi ở gần hồ tắm Thiên Nga tá túc. Anh rể tôi, nhà thơ Tô Thùy Yên đã đi học tập cải tạo. Chị tôi bị cấm hành nghề viết lách, bán dần từng món trong nhà. Giàn mồng toi ngoài bờ rào và bên cửa sổ mọc xum xuê. Nồi canh mồng toi thời kháng Pháp ở tại Ngã Ba Trung Lương có dịp nấu lại, và chẳng có tôm thịt mà chỉ nêm bằng vài thìa mắm ruốc, thêm một chút ớt bột và tiêu. Tôi cùng với chị tôi và các cháu cứ ăn canh mồng toi, rau muống luộc, trứng luộc dầm với nước mắm từ bữa ăn này sang bữa ăn khác. Vậy mà chị tôi vẫn vui vẻ, hồn nhiên, nói khôi hài, kể chuyện tiếu lâm không ngớt. Trong khi đó, tôi lo sợ bị bắt vì không đăng ký học tập. Tóc tôi bạc đi nhiều mà quái lạ thay, tuy chị tôi lộ vẻ vui tươi, nhưng tóc của chị bạc mau chóng. Nhưng khuôn mặt hai chị em tôi không già héo, dáng dấp vẫn dẻo dai. Nội lực, tiềm lực của chị em tôi làm sao cạn với trong tình thương đùm bọc của một số bạn bè? Dù qua biết bao nhiêu vận nước bi thảm, dù trải qua những tai ương, chúng tôi còn niềm tin yêu cuộc đời. Chúng tôi là những dây mồng toi tím, mượt mà bò trên mặt đất mấp mô, lăn xả vào gai góc để trở lá, đâm tược, tha thiết quấn vôi vào.

Chúng tôi giờ đây dù kẻ ở bên quê nhà, người sống nơi tha hương vẫn bên lòng đợi anh Yên trở về trong một ngày nước nhà được thoát khỏi ách thống trị của Việt cộng. Anh Yên còn ở nhà, rất dở chịu đựng. Thế mà anh đã chịu đựng trong ngục tù lao động của Cộng sản suốt bảy năm ròng. Tin mới nhứt từ quê nhà đưa sang là anh vẫn khỏe mạnh. Có chạm trán và thử thách gian nan, tôi mới rõ phần tiềm lực sâu sắc nhứt của từng cá nhân. Tôi đã đương đầu với sinh kế gian nan trên cái xứ nổi tiếng về nạn thất nghiệp là xứ Pháp. Nếu anh Yên trong vòng kèm kẹp khắt khe của Cộng sản, vẫn là dây mồng toi tím, trườn mình vào chông

gai, thì trên đất Pháp, tôi cũng bỏ lên những nhiều kê phiến toái của sinh kế, kiếm chút ít tiền để mua quà và thuốc men gửi về cho mẹ tôi, chị tôi và các cháu tôi.

Có một thời gian, nằm trong căn phòng tại thành phố Meudon, cách Paris hàng mười cây số, trên ngọn đồi cao, đêm đêm vọng tiếng cú rúc ở bìa rừng, tôi hình dung lại giậu mồng tơi và tô canh mồng tơi tím nấu với vài thứ rau khác cùng tôm he . Tôi đã thấy rồi, qua hồi ức, trên những phiến lá óng mượt dưới ánh trăng, trong đáy bát canh cả một cuộc đời thăng trầm của gia đình tôi, những vận mệnh bi đát của quê hương tôi . Tuy vậy, cùng với mái tóc sớm điểm bạc, tôi đã giữ một chút tươi mát tận trong cỗi tiềm lực thâm thúy, để còn hy vọng ngày về, để kể cho con cháu nghe lại một loại rau mát lành của quê hương từng nuôi sống gia đình tôi và gieo cho tôi ý niệm về cái ung dung, tươi mát của một tâm hồn thơ mộng không bao giờ hủy diệt trước nghịch cảnh.

Trích thơ:

Vườn cau quê ngoại

*Đêm qua vườn ngoại tàu cau rụng
Vàng ó loang từng bẹ lá khô
Mơ xám quắt queo bao cữ nắng
Hồn xanh phai lạt giữa mơ hồ*

*Thềm vắng, xế nay ngòi vớt chổi
Ngoại đưa càn mẫn chiếc dao dâu
Chừng nghe tiếng chổi khua sàn sạt
Quét rụng niềm vui tự thửa đầu.*

*Sóng lá từng tàu cau chuốt mỏng
Đẻo mềm lạt buộc chổi tinh khôi
Ngoại từ xanh tóc nay đầu bạc*

Vót chổi bao năm một chỗ ngồi.

*Đêm qua bão rớt, bông cau rụng
Mai một buồng cau thừa trái non
Vững mạnh nọc trầu bên mé nước
Dài giây, tua rễ, lá xanh rờn.*

*Nắng tắt sân ngoài se sắt lạnh
Gió chiều quét sạch lớp mây giăng
Ngoại đưa đẩy chổi trên sân vắng
Quét lá, làm sao quét ánh trăng?*

*Làm sao quét nỗi buồn giăng mắc?
Đèn lửa đêm dài chong hắt hiu
Cau sậy ba canh, than cháy đỏ
Làm sao hong ráo lệ bao chiều?*

*Vườn cau quê ngoại thời niên thiếu
Ươm giữa hòn thơ nét đẹp buồn
Ký ức tháng ngày rung bóng lá
Thơm hương cau tỏa dưới trăng sương.*

*Vườn cau hòa tiếng tim châu thổ
Dựng mộ bia sau mái miếu đường
Có bóng ma người bao thửa trước
Suốt đời bám riết đất quê hương*

Ngát thơm hoa bưởi bông trà

*Cho tôi sống lại thời xa ấy
Một cõi Quê Nam khói lửa tàn
Có những nàng tiên lòng rộn bướm
Say đời ngọt lịm tiếng ngân vang*

Đời thả về em chim én cũ

HUỶNH ÁI TÔNG

*Vẫn mang xuân mới nhạc thanh bình
Đời mang về chị vương khăn lệm
Vẫn cắt may thành áo trắng trinh*

*Bao người tâm huyết từ Quê Bắc
Mang khí thiêng non Tân, Nhị Hà
Tìm cõi đất lành sông nước ngọt
Mở trời lý tưởng đẹp bao la*

*Rời bóng tịch liêu bỏ tháp ngà
Đón thời tráng lệ, thời nguy nga
Mở hồn tôi gặp xuân như ý
Môi ghé lên đời hôn thiết tha*

*Ai biết tan canh gà gáy sáng ?
Áu ca vừa rộn tắt dư âm
Ào ào gió độc mưa tanh đến
Nghĩa địa bao la chật chỗ nằm*

*Từng chặng đường qua những chặng máu
Mỗi con đường rẽ mỗi đường xương
Trùng trùng ác mộng giăng mù mịt
Tiếng khóc nhàu trắng, rợn gió sương*

*Ai biết có ngày ra cửa biển ?
Ngoài nhìn đất nước rợp cờ hồng
Quãng đường lịch sử bao sinh mệnh
Xây một kỳ đài trên bại vong*

*Ơi những nàng tiên mộng trẻ thơ
Giữa mùa chinh chiến sống bơ vơ
Mất bao điểm tựa thiên đường cũ
Thân thả cuồng lưu, giạt bến bờ*

Ơi những nàng tiên thành quả phụ

*Kinh kỳ xa lạ nhớ quê hương
Lòng luôn sẵn nén hương tâm niệm
Thấp ngát thời qua, ngát miếu đường*

*Và tôi cũng mất kho hoan lạc
Bỏ góc trời quê, lánh bạo hành
Thành kiếp loài dơi xa bóng tối
Tìm ai quờ quạng dưới trăng xanh ?*

*Cuối trời trong tháng năm liêu tịch
Khao khát chân mây ửng nắng hồng
Canh trắng, chong đèn soi quá khứ
viết đời biển lặng tiếp sông trong*

*Ơi tuổi hoa niên thời cấp sách
Có mùa xanh mạ mát ao đầm
Để tôi trải rộng từng trang sách
Quên buổi chiều buông bóng lạng cầm.*

Một phố phường khác

*Gieo đá hồng trên những chặng đường
Đóa nào thay đổi tóc pha sương
Lòng chiều bão rớt hoàng hôn phủ
Thoáng hiện về đây góc phố phường*

*Ký ức tràn dâng kinh nước đen
Nhà sàn mái thấp đã lên đèn
Ngoài xa bánh nghiêng trên đường sắt
Tàu bỏ xa dần ga xếp quen*

*Lúc ấy lửa lò cháy bập bùng
Quán buồn bàn âm ánh đèn rung
Cà phê chua nổi ly bia đắng
Mặt xạm mờ sau khói thuốc phun*

Ánh điện úa vàng trên gác lửng
Oì nồng tầng trệt trắng xi măng
Chuyện trò bên những ly trà đá
Tuởng đến ao bầu buổi tắm trắng

Đêm tối lẳng dần cơn hôn hển
Chập chờn bóng chó cột đèn lu
Vai quần nhún gánh đôi thùng nước
Bóng khuất vào trong hẻm tối mù

Quen thuộc bên nhà một tiếng ho
Bếp cô gái điểm lạnh than tro
Sòng bài tứ sắc quên đêm trắng
Áp vách thêm yêu tiếng ngáy khò

Xe cộ ngoài đường một còi khác
Đời tôi gói giữa xóm nhà tôn
Phố phường chỉ cách đầu con hẻm
Đại lộ tuôn lai láng tiếng ồn

Vẫn mến yêu đời sống tối tăm
Nửa hồn tươi mát ánh trắng rằm
Nửa hồn đậm bóng đêm hoan lạc
Mỗi bận lên nhà em ghé thăm

Sau cuộc đời trên đất nước
Trôi dài theo sức đẩy cuồng lưu
Bến không mời đón bờ xưa đuối
Đất tạm dung ôi đất mịt mù !

Rời đây, phố phường một còi khác
Chúng cư chông chát những ô vương
Lên cao nhún nút cầu thang máy
Qua cửa gương trông một khúc đường

Màu da sắc tóc ai xa lạ
Tiếng nói chung quanh khác tiếng mình
Chôn cáo có hang chim có tổ
Gối đầu đây chỗ tạm phiêu linh

Ôi phố phường xưa xoàng xĩnh quá
Mà trong tâm khám sáng huy hoàng
Cho tôi điếm tựa yêu trời cũ
Giữa những kinh thành lạc bước hoang

Tiền lực lu câm gom góp lại
Để nhìn lối mở nẻo tương lai
Còn chẳng nét mỉm cười an lạc
Chiếu sáng trong tôi đến cõi ngoài

Hạnh phúc chưa từng bỏ một ai
Ít ra cũng đã tặng riêng tôi
Kho tàng nho nhỏ dăm kho sách
Hình phố phường xưa, những nụ cười

Mở cửa chào bình minh sáng trưng
Xua lui bóng tối khuất sau lưng
Hiếu chẳng hạnh phúc trăm khuôn mặt
Mỗi mặt chờ ai ở chặng đường .

Mặc Lâm, phóng viên RFA viết về Hồ Trường An:

Văn phong Hồ Trường An gần gũi với những cây bút miền nam nổi tiếng từ Hồ Biểu Chánh tới Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc và cả Lê Xuyên. Người đọc ông có thể tìm thấy cái hương vị miền Nam đậm đặc trong từng hơi thở của nhân vật nhưng người đọc cũng dễ dàng phát hiện ra cái sâu thẳm hơn trong Hồ Trường An bởi tính chất lãng mạn của

HUỶNH ÁI TÔNG

*một ngòi bút bật ra quá nhiều tỉ mẩn của một cô con gái
đính liền với thôn dã.*

*Là một người đồng tính, Hồ Trường An không hề có ý định
che giấu giới tính của mình; văn chương của ông như sợi
lụa mỏng manh nhưng dai dẳng cột chặt người đọc từ
trang này sang trang khác qua những lời kể dông dài
nhưng quyến rũ về các câu chuyện của một thời xa xưa, lúc
đồng bằng sông Cửu trong giai đoạn hình thành.*

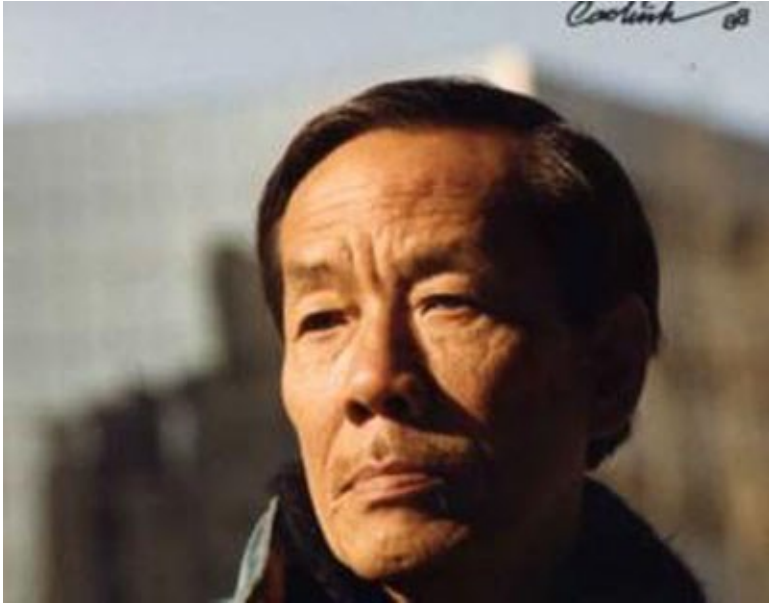
*Hồ Trường An làm cho nhiều người đọc say sưa bởi tính
chi li tỉ mẩn của ông qua từng trang sách. Tả về người đàn
bà hay bất cứ điều gì có liên quan đến công dụng ngôn
hạnh là chừng như rông gập nước, ông không biết dừng và
chính tính chất đặc biệt này đã giúp ông đứng riêng một
cõi.*

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Trường An Web: rfa.org
- Màu tím mỏng toi Web: dactrung.com



2. Mai Thảo



Mai Thảo - Nguyễn Đăng Quý (1927-1998)

Mai Thảo tên thật là Nguyễn Đăng Quý, bút hiệu khác Nguyễn Đăng sinh ngày 8 tháng 6 năm 1927 tại chợ Cồn, thuộc huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trong gia đình giàu có nhờ buôn bán và làm ruộng. Tuy nhiên, nguyên quán của ông thì ở làng Thổ Khối, huyện Gia Lâm, Bắc Ninh nay thuộc thành phố Hà Nội.

Thuở nhỏ, Mai Thảo học tiểu học ở trường làng, học trung học ở Nam Định rồi lên Hà Nội tiếp tục học ở trường Đồ Hữu Vị, sau đổi tên là trường Chu Văn An.

Năm 1945, ông theo nhà trường sơ tán lên Hưng Yên. Khi chiến tranh Pháp Việt bùng nổ năm 1946, ông theo gia đình từ Hà Nội tản cư về quê là chợ Cồn, Nam Định. Sau đó,

HUỶNH ÁI TÔNG

ông rời gia đình vào Thanh Hóa tham gia kháng chiến. Ông viết báo, rồi theo các đoàn văn nghệ đi khắp nơi từ Liên khu III, Liên khu IV đến chiến khu Việt Bắc. Thời kỳ này đã để lại dấu ấn sâu sắc trong văn chương ông.

Năm 1951, Mai Thảo bỏ kháng chiến về thành đi buôn.

Năm 1954, ông di cư vào Nam, gia nhập làng báo. Ông viết truyện ngắn trên các báo *Lửa Việt*, *Người Việt*, *Hoà Bình*...

Năm 1956, ông chủ trương tạp chí *Sáng Tạo*, gây được tiếng vang. Năm 1965, ông chủ trương báo *Nghệ Thuật*, và từ năm 1974, ông tiếp nối Trần Phong Giao, Nguyễn Xuân Hoàng trông nom tạp chí *Văn*. Ngoài ra, ông còn tham gia chương trình văn học nghệ thuật của Đài phát thanh Sài Gòn từ năm 1960 đến 1975.

Ngày 4 tháng 12 năm 1977, Mai Thảo vượt biển. Sau nhiều ngày đêm trên biển, thuyền tới Pulau Besar, Mã Lai.

Đầu năm 1978, được người em bảo lãnh sang Hoa Kỳ. Ít lâu sau, ông cộng tác với tờ *Đất Mới* của Thanh Nam và một số báo khác tại hải ngoại.

Tháng 7 năm 1982, ông tái bản tạp chí *Văn*, làm Chủ biên đến 1996, vì tình trạng sức khỏe trao lại cho nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng.

Nhà văn Mai Thảo mất tại Santa Ana, California Hoa Kỳ ngày 10 tháng 1 năm 1998, thọ 71 tuổi.

Nhìn lại, chẳng những Mai Thảo là người dựng nên tạp chí *Sáng Tạo*, tạo ra môi trường cho nhóm *Sáng Tạo* đã làm nên phong cách mới, con đường mới cho Văn học miền Nam, là nền móng, sức bật để văn nghệ sĩ đương thời dựng

nên phong trào thơ tự do, văn chương hướng đến nội tâm, phi lý đặt lên thân phận con người, Mai Thảo cũng đã ra công gắng sức, vun quén tạp chí *Sáng Tạo*, tạp chí *Văn* ở trong nước từ 1974-1975, cũng như *Văn* ở hải ngoại từ năm 1982-1996.

Tác phẩm:

- *Đêm già từ Hà Nội* (Người Việt, 1955)
- *Tháng giêng cỏ non cỏ non* (1956)
- *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời* (Sáng Tạo, 1963)
- *Mái tóc dĩ vãng* (Truyện, Tiểu thuyết tuần san, 1963)
- *Cô thích nhạc Brahms?* (Truyện, phóng tác)
- *Khi mùa thu tới* (Truyện, Thái Lai, 1964)
- *Bày thờ ngày sinh nhật* (Nguyễn Đình Vượng, 1965)
- *Căn nhà vùng nước mặn* (An Tiêm, 1966)
- *Viên đạn đồng chữ nổi* (Truyện, Văn, 1966)
- *Đêm kỳ diệu* (Truyện, ?)
- *Cùng đi một đường* (Truyện, 1967)
- *Đêm lạc đường* (Khai Trí, 1967)
- *Dòng sông rục rờ* (Văn Uyển, 1968)
- *Sau khi bão tới* (Truyện, Màn Ảnh, 1968)
- *Tới một tuổi nào* (Truyện, Miền Nam, 1968)
- *Cũng đủ lãng quên đời* (Truyện, Hồng Đức, 1969)
- *Lối đi dưới lá* (Truyện, 1969)
- *Mười đêm ngà ngọc* (Truyện, Hoàng Đông Phương, 1969)
- *Người thầy học cũ* (Văn Uyển, 1969)
- *Chuyến tàu trên sông Hồng* (Tuổi Ngọc, 1969)
- *Tùy bút* (1970)
- *Mưa núi* (tập hợp những truyện tuyển trong *Đêm già từ Hà Nội* và *Tháng giêng cỏ non*, Tân Văn, 1970)
- *Thời thượng* (Truyện, Côi Sơn, 1970),
- *Sống chỉ một lần* (Truyện, Nguyễn Đình Vượng, 1970),

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Hết một tuần trăng* (Truyện, Tủ sách Văn Nghệ Khai Phóng, 1970),
- *Sau giờ giới nghiêm* (Truyện, Tủ sách Văn Nghệ Khai phóng, 1970)
- *Trong như hồ thu* (Truyện, Tủ sách Văn Nghệ Hiện Đại, 1971)
- *Mang xuống tuyến đài* (Truyện, Tủ sách Văn Nghệ Khai Phóng, 1971)
- *Một ngày của Nhã* (Truyện, 1971)
- *Để tưởng nhớ mùi hương* (Truyện, Nguyễn Đình Vượng, 1971)
- *Sóng ngầm* (Truyện, Hoa Biển, 1971)
- *Sống như hình bóng* (Truyện, Tiếng Phương Đông, 1972)
- *Hạnh phúc đến về đêm* (Truyện, Nguyễn Đình Vượng, 1972)
- *Một đời còn tưởng nhớ* (Truyện, Hải Vân, 1972)
- *Gần mười bảy tuổi* (Truyện, Nguyễn Đình Vượng, 1972)
- *Chỉ là ảo tưởng* (Truyện, Sóng Mới, 1972)
- *Suối độc* (Truyện, Nguyễn Đình Vượng, 1973)
- *Tình yêu màu khói nhạt* (Truyện, Nguyễn Đình Vượng, 1973)
- *Bên lễ giác mộng* (Truyện, Ngày Mới, 1973)
- *Chìm dần vào quên lãng* (Truyện, Tiếng Phương Đông, 1973)
- *Cửa trường phía bên ngoài* (Truyện, Đồng Nai, 1973)
- *Ánh lửa cuối đường hầm* (Truyện, Anh Lộc, 1974)
- *Ôm đàn tơi giữa đời* (Truyện, Gìn Vàng Giữ Ngọc, 1974)
- *Chân dung mười lăm nhà văn, nhà thơ Việt Nam* (Văn Khoa, 1985)
- *Ngon hải đăng mù* (Làng Văn, Toronto, 1987)
- *Một đêm thứ bảy* (Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ, 1988)

- *Hồng Kông ở dưới chân* (Xuân Thu, 1989)
- *Ta thấy hình ta những miếu đền* (thơ, Văn Khoa, California, 1989)
- *Chân bài thứ năm* (Nam Á, Paris, 1990)
- *Chuyến métro đi từ Belleville* (Nam Á, 1990)
- *Những người tình tuổi song ngư* (Truyện, Xuân Thu, 1992)

Trích văn:

Tháng giêng cỏ non

Cách đây 18 năm, Sạng bỏ quê hương, một thôn xóm bé nhỏ miền duyên hải Bắc Việt, vào Nam kỳ. Chuyến đi của anh Sạng ngày ấy như một chuyến đi phát vãng biệt xứ và anh Sạng lúc xa lìa bóng tre làng cũ lên đường vào đất Nam kỳ xa xôi, anh đã cầm bằng là sẽ gửi năm xương trên một mảnh đất nào ở xứ lạ. Anh Sạng đi làm phu đồn điền cao su.

Hồi ấy, tôi mới có tám tuổi. Ngày anh Sạng đi đến nay tôi chỉ còn nhớ được qua những hình ảnh rất nhạt thoáng, bóng dáng người mẹ anh khóc sụt sùi chạy theo anh lên tận chân đê đầu làng, túm áo anh van xin anh ở lại. Ở lại mà làm ăn. Mà cây bừa. Mà thương lấy một người đàn bà còn trẻ dại đã có với anh hai đứa con thơ.

Nhưng rồi anh Sạng cũng vẫn đi Nam kỳ. Đôi mắt ấu thơ của tôi ngày ấy đã nhìn thấy những ấn tượng khá buồn thảm: bóng anh Sạng xa khuất dần trên con đê heo hút, người mẹ khóc rữ xuống, bước chân xiêu đổ trên con đường về và qua nhà tôi, người đàn bà hiền lành đã chạy vào ngồi trên bực cửa mà khóc như mưa như gió.

Tôi còn nhớ mụ bảo tôi:

“Chú Thảo ơi, thằng Sạng nó bỏ vợ bỏ con nó đi Nam kỳ rồi”.

Một lát sau, chị Sạng tay bồng hai đứa trẻ nhỏ cũng chạy đến. Thế rồi cả cái gia đình đáng thương ấy đã ngồi quây lấy nhau mà khóc cái tan vỡ gây nên bởi một người bỏ đi Nam kỳ. Hồi ấy tôi chưa hiểu gì đến phân ly. Càng không hiểu Nam kỳ là gì nữa. Người làng xóm nhắc nhở thì thăm đến Tân Thế giới, đến Nam kỳ, đến đời sống hải hùng của những người phu dưới bóng lá tối thẫm của những đồn điền cao su và đất Nam kỳ đã hiện ra trong tưởng tượng thơ ngây đơn giản của tôi như một hòn đảo nào xa dạt có những bến bờ hoang vu và đầy gió bão.

Trong cái thôn xóm nhỏ bé của quê tôi, một vài năm lại có một vài người, thường là một gã con trai, động lòng bốn phương thì ít, vì chuyện này chuyện nọ thì nhiều, bỗng dưng một buổi bỏ làng đi Nam kỳ. Chuyến đi nào cũng chứa đựng một cái gì tối tăm thê thảm. Người làng coi những người bỏ đi như những kẻ điên dại cùng cớ, đã mất hết lễ phải.

“Bọn mày đã dở chứng. Muốn hoá điên hay sao mà đi chứ? Tự dưng bỏ làng bỏ nước đi biệt vô tăm tích, có chẳng là đồ hoá dại!”

Riêng anh Sạng, cái nguyên nhân bỏ đi của anh về sau tôi hỏi và mẹ tôi có thuật lại. Số là anh Sạng bị làng xóm láng giềng nghi ngờ là đã ra tỉnh báo Tây đoan về bắt rượu lậu chôn giấu ở vườn rau một người anh họ con chú con bác với anh. Người anh họ bị đi tù sáu tháng về tội nấu rượu lậu thật. Và anh Sạng uất ức bỏ đi. Riêng tôi, không hiểu tại sao ngay hồi đó tôi đã nhất định tin rằng anh oan. Một phần có lẽ vì anh Sạng oan thật, một phần vì anh là một trong

những người ở làng mà tôi mến yêu trong suốt thời kỳ tuổi nhỏ. Giữa anh Sạng và tôi có nhiều kỷ niệm, bé mọn, nhưng lòng tôi thay đổi nhiều mà những kỷ niệm ấy vẫn còn lại và vẫn thơm hương.

Anh Sạng có một thửa ruộng nhỏ ngoài cánh đồng gần nhà tôi. Buổi sớm nào tôi cũng ra đứng ở đầu ngõ và buổi sớm nào tôi cũng gặp anh Sạng ra đồng. Lần nào thấy tôi anh cũng đứng lại, trợn mắt, mắ mồi, làm cho tôi vừa sợ hãi và thích thú. Anh bế bổng tôi lên trên cánh tay lực lưỡng, đoạn anh ghé sát vào tai tôi, hỏi nhỏ:

“Chú Thảo muốn gì?”

Lần nào anh cũng chỉ hỏi có vậy. Lần nào tôi cũng giơ tay chỉ lên cây bàng cổ thụ ở trước cửa nhà tôi. Thế là anh Sạng liền bỏ cây bỏ cuộc leo ngay lên cây. Từ những cành cao chót vót, anh hái những trái bàng chín vàng vắt lung tung xuống đất cho tôi nhặt. Khi nào thấy hai túi áo tôi đã phồng lên, anh mới leo xuống, phùng má trợn mắt với tôi một hồi nữa rồi mới bỏ đi. Tôi lớn dần lên. Đến lúc đi học ở trường làng lại vẫn anh Sạng là người ở những ngày mưa gió công tôi đi trên con đường lầy đến tận cửa trường.

Tôi yêu anh Sạng. Gia đình tôi quý anh, vì tính anh hiền lành, vì lòng dạ anh ngay thẳng, hay nổi nóng, nhưng bản chất anh bao giờ cũng đôn hậu, cũng vui tươi.

Chuyện anh Sạng bỏ làng đi Nam kỳ, người làng người nước nói này nói nọ mãi rồi cũng thôi. Như mọi câu chuyện xảy ra ở cuộc đời, những sự kiện sôi nổi nhất cũng lắng chìm trong dĩ vãng và cái thôn xóm bé nhỏ của tôi cũng biết lãng quên. Chuyện cũ nhòa dần, rồi chết hẳn. Duy có gia đình anh, duy có tôi là vẫn không quên anh. Cứ mỗi mùa bàng chín, tôi ra đầu ngõ nhìn lên là hình ảnh anh lại hiện về qua một nhớ thương phẳng phất dịu nhẹ. Bàng chín

vàng trên kia nhưng không ai hái cho tôi nữa. Người mẹ già yếu thêm mãi. Chị Sặng lúc nào cũng tư lường sầu muộn. Những đứa con anh đã biết nói biết đi.

Nhưng anh Sặng đi Nam kỳ thì vẫn chẳng thấy về. Cũng chẳng có âm hao tin tức gì. Người đàn ông bỏ làng một buổi đi xa, con dê cao dẫn lối cho anh Sặng ngày nào, đến nay vẫn không hất trả lại một bước chân, một tiếng nói, một âm hưởng, một chút ánh sáng dù rất mong manh của ngày hồi hương. Tôi thương vợ con anh Sặng, càng thấy cái đất Nam kỳ là mịt mù xa xôi. Không biết anh Sặng còn sống hay đã chết? Một vài lần, chị Sặng khẩn khoản nhờ vả, tôi cũng viết mấy lá thư cho chị gửi vào Nam. Nhưng viết đầy cũng biết trước chẳng ăn thua gì. Phần vì anh Sặng bật vô âm tín đã lâu ngày. Phần vì thư gửi đến những địa chỉ hết sức vu vơ. Thường là những vùng có đồn điền cao su. Dầu Tiếng, Trảng Bom, Ninh Hoà. Hỏi thăm phong thanh thấy nói anh Sặng ở đâu là chị Sặng lại nhờ tôi viết đến đấy. Cứ viết cứ gửi. Cứ bật vô âm tín. Chị Sặng buồn phiền đau yếu luôn, càng biết đến những ngày cùng cực thiếu thốn trên mảnh vườn ruộng xơ xác. Về sau không biết ai đồn đến tai chị Sặng rằng anh Sặng ở trong Nam kỳ bây giờ giàu có lắm, rằng anh đã có nhà cửa đất cát, anh đã thôi làm ở đồn điền cao su về mua nhà mở tiệm ở Sài Gòn. Chị Sặng cũng giục già tôi viết hộ chị những cánh thư gửi vào Nam. Thư tôi viết cho anh Sặng từ hồi đó đã nhiều mà vẫn không có một hồi âm nào gửi trả về xóm cũ.

Ngày tháng nghiêng đi. Như thế đã 18 năm.

Rồi người ta ký kết với nhau hiệp định Genève.

Cái thôn xóm bó nhỏ miền bề quê tôi nao động lên như một cuộc đổi đời. Đàn bà trẻ con già lão từng đoàn kéo nhau lũ lượt xuống tàu. Vợ con anh Sặng cũng dời bỏ mảnh vườn

cũ. Đất Nam kỳ xa xôi hời hợt ngày nào bây giờ lại nằm trong nhón giới người đi như một viên tượng tươi đẹp của miền Tự Do.

Chị Sạng cùng đi một chuyến tàu với tôi. Suốt mấy ngày lênh đênh trên mặt sóng, chị Sạng chỉ nói chuyện với tôi đến chông. Xa cách 18 năm, tin tức bần bật, mà chị Sạng vẫn cứ tin rằng anh còn sống và trời đất tao loạn lại làm cho vợ chồng chị được gặp nhau. Tôi, tôi cũng muốn tin như thế, tin niềm tin của chị Sạng, tin tưởng hết lòng. Kỷ niệm tuổi nhỏ trở về trong một ngày ly hương của tôi đã có cái bóng dáng của anh Sạng, những ngày mưa gió cũ cũng tôi đi trên con đường lầy. Tôi cũng mong được gặp lại anh.

Đặt chân lên đất nước miền Nam, mẹ con chị Sạng theo người làng lên định cư ở vùng Dốc Mơ, trên con đường Biên Hoà. Chị khẩn khoản dặn tôi ở Sài Gòn nếu có gặp anh Sạng thì nhắn ngay cho anh biết mẹ con chị đã vào đây. Sự chung tuỷ của người đàn bà làm tôi cảm động. Tôi hứa với chị Sạng nếu anh còn sống, thế nào tôi cũng tìm bằng được anh.

Suốt hai tháng đầu tiên ở Sài Gòn, tôi để ý thăm dò tin tức của anh Sạng trong những buổi đi thăm thú đường đất, thuê mướn nhà cửa. Tình cờ một hôm, tôi gặp anh Sạng ở Khánh Hội. Tôi nhận ra anh nhưng anh không nhận được tôi. Mãi sau, lúc tôi đã nói trên tuổi nhà cửa anh mới chợt nhớ. Nhớ ra tôi rồi, anh mừng quỳnh mời tôi về nhà.

Anh Sạng đã già đi nhiều. Tóc đã hoa râm. Những nếp nhăn in hẳn lên những ngày mưa nắng. Vậy mà đi bên anh tôi bỗng có cảm tưởng như mình bé nhỏ hẳn lại. Tôi sống một cảm giác thơ dại bờ ngõ như những tháng ngày hoa bướm đã về cũ, đã xa khuây, gặp anh đi qua ngõ ra đồng phùng má trợn mép làm bộ doạ nạt, một cảm giác vừa sợ

hãi vừa thích thú lại nổi dậy trong tôi. Chỉ thiếu một con đường lầy và những trái bàng chín, nếu không, anh Sạng đã đưa hẳn tôi trở về trong tuổi thơ.

Tôi hỏi anh Sạng:

“Anh đi từ hồi ấy được bao lâu rồi nhỉ?”

Anh Sạng vẫn gọi tôi bằng chú:

“Chú tính 18 năm rồi còn gì? Đạo ấy chú còn bé tí. Giời mưa đi học còn phải cõng, chú bá lấy cổ tôi mới chết đi ấy”.

Hai chúng tôi cùng cười.

Đang đi tôi chợt nhớ đến mẹ con chị Sạng. Định báo tin cho anh biết, nghĩ thế nào tôi lại thôi. Để đến nhà anh sẽ báo sau. Tôi muốn dành cho anh một sự bất ngờ vui thú. Tôi tin rằng nếu biết vợ con anh đã vào đây anh Sạng sẽ sung sướng lắm.

Đến một căn nhà lá bé nhỏ, xiêu vẹo cuối một ngõ hẻm, anh Sạng đứng lại.

“Nhà tôi đây chú ạ!”

Tôi nhìn căn nhà tồi tàn, thật thà hỏi anh:

“Sao người ta đồn anh giàu có lắm cơ mà?”

Anh Sạng nói, giọng buồn rầu:

“Ấy vì thế mà tôi cũng chẳng muốn tin tức gì về làng về nước cả. Đã lang bạt đến nơi đất khách quê người mà cứ

lận đận mãi. Tôi cũng chẳng muốn cho làng xóm láng giềng họ biết làm gì. Chỉ thêm chê cười chú ạ!”

Anh đẩy cánh cửa gỗ mời tôi vào. Định nói cho anh biết tin tức vợ con anh tôi lại thôi ngay. Vừa có một người đàn bà đi ra tay dắt mấy đứa trẻ con. Thấy tôi nhìn trừng trừng có vẻ lạ lùng, anh Sặng vậy nói:

“Nhà tôi đây chú ạ!”

Người đàn bà cúi đầu chào tôi. Chị nói tiếng miền Nam. Mấy đứa trẻ nhỏ vây chung quanh gói người mẹ, nhìn tôi chăm chú.

Anh Sặng bảo vợ:

“Chú Thảo đấy!”

Người đàn bà mỉm cười bé con lại gần. Chị hỏi thăm tôi chuyện ngoài Bắc. Chị bảo tôi rằng anh Sặng có nói chuyện đến tôi, đến gia đình tôi cho chị nghe luôn. Chị mong một ngày nào yên bình, đường đất đi lại dễ dàng, mẹ con chị sẽ được anh Sặng cho ra chơi thăm ngoài quê chồng. Tôi trả lời nhát gừng. Tôi không có cảm tình với người đàn bà này. Nhìn chị, tôi nghĩ đến một người đàn bà khác, người vợ cả miền Bắc, vừa vượt bể đi hàng nghìn cây số vào đây, với niềm tin tưởng cuối cùng gửi gắm tất cả vào một ngày lại gặp người cũ. Nhưng mà cuộc đời có đi theo cái hướng đi của niềm tin tưởng kia không? Anh Sặng đã lấy vợ khác rồi. Anh đã có những đứa con khác, xây dựng một cuộc đời khác. 18 năm hiện lên trong qua một ấn tượng cách biệt thăm thẳm. Tôi nghĩ đến khoảng thời gian không cùng ấy với sự đổi thay rộng lớn của cuộc đời và của con người. Tôi nghĩ đến những tầng lớp của biến chuyển tàn nhẫn, đảo lộn ghê gớm, đến cái độ tan biến hoàn toàn những dấu vết

đường lối cũ. Thời gian ở đây cũng đang làm loãng nhạt những tâm hồn chung thủy nhất, những kỷ niệm đậm thắm nhất và những liên lạc sâu nặng nhất. Vậy mà chị Sạng đã đợi chờ mười tám năm. Hình ảnh người đàn bà bỗng con đợi chồng về trong không gian bát ngát và trong thời gian không màu, dưới mưa nắng gió bão, mùa qua mùa, trở lại về bằng những bóng hình tối xám trong tôi. 18 năm. Người đàn ông bỏ làng ra đi, khi ném cả đời mình vào cuộc phiêu lưu chắc đã có thừa ý định đoạn tuyệt với đoạn đời cũ, những người thân yêu cũ. Tôi không muốn tin. Nhưng lại bắt buộc phải tin.

Tôi nhìn anh Sạng. Anh bé đứa trẻ nhỏ nhất vào trong lòng. Người đàn bà đến ngồi bên anh. Tôi quay mặt trước cảnh tượng âu yếm. Tôi đứng dậy.

“Ngồi chơi đã chú Thảo”. Anh Sạng bảo tôi.

“Thôi để lần khác”.

“Vậy hôm nào chú ở chơi lâu nhé! Các con chào chú Thảo đi”.

Người đàn bà đẩy tay những đứa trẻ. Chúng chào tôi ngượng ngập. Anh Sạng đứng dậy bảo vợ:
“Mình ở nhà, tôi đưa chú Thảo ra đầu phố”.

Từ nhà anh Sạng đi trở ra, ngõ hẹp chói nắng không có một bóng cây. Tôi nhớ đến cái bóng mát dày đặc của một cây bàng cổ thụ ở đầu ngõ quê tôi. Tôi muốn đưa anh Sạng trở về cùng tôi dưới gốc bàng này, trong dĩ vãng. Tôi nghĩ nhiều đến cái gia đình của anh. Đến chị Sạng, đến sự đợi chờ của chị suốt bấy lâu, đến những cánh thư của chị gửi đi lác đác suốt một đoạn đời dài thắm, sự trông mong khắc khoải không tính đếm đến tháng ngày. Tôi nghĩ đến lúc tàu

ghé bến Sài Gòn, đôi mắt chị tha thiết, khẩn khoản nhờ tôi tìm bằng được anh Sạng cho chị. Tôi đã tìm được rồi, chị Sạng ạ! Nhưng anh Sạng có còn là người của chị nữa không?

Hai chúng tôi im lặng bước đi.

Tôi nói bất thành linh:

“Anh Sạng này!”

“Chú Thảo bảo gì?”

“Chị ấy và các cháu đã vào đây rồi đấy”.

“Ai?” Anh Sạng hỏi sừng sốt.

“Chị ấy với các cháu. Cùng đi một chuyến tàu với tôi. Bây giờ hiện ở trên Dốc Mơ. Chị Sạng có nhờ tôi nếu có gặp anh thì nói cho anh biết để anh tới đón về”.

Một lát ngẫm nghĩ. Anh Sạng nhìn tôi:

“Sao bây giờ chú mới nói cho tôi biết”.

Tôi không trả lời anh. Anh cũng đã biết tại sao tôi đã im lặng, tại sao bây giờ tôi mới nói với anh. Người đàn bà miền Nam với những đứa trẻ nhỏ tôi vừa gặp đã là cái nguyên nhân làm cho tôi trở nên ngại ngùng. Báo tin cho anh Sạng về sự mới tới của mẹ con chị Sạng, tôi chỉ giữ trọn vẹn một lời đã hứa. Thế thôi. Tôi không dám tin tưởng gì. Mà lại chỉ dám tin tưởng ở điều này là thời gian và sự xa cách vẫn làm cho những hường đời gần gũi nhất cũng lãng quên nhau và kỷ niệm chỉ là một hình ảnh trừu tượng, những sự kiện đã chết, không có được lấy một tác động bé

nhỏ. Tôi không giận anh Sạng nếu thực ra anh đã lãng quên. Tôi biết anh đang buồn phiền nhiều. Dem lòng mình hôm nay để giải quyết một sự trạng trái ngược của hiện tại, anh Sạng chỉ còn cách đi ngược lại 18 năm cũ, thăm dò lại lòng anh thì anh mới tìm được giải pháp thích đáng. Lại cũng chỉ có mình anh giải quyết được thôi. Tôi đoán anh cũng đang làm thế.

“Tôi thật không ngờ, chú Thảo ạ! Chú có nói tôi mới nhớ vì quả thật tôi đã quên từ rất lâu. Như tôi đã muốn quên tất cả. Cả làng ngờ oan cho tôi, đến mẹ tôi, đến vợ tôi cũng ngờ vực theo nữa. Mấy năm sau có người vào trong này nói đến tai tôi là vợ tôi đã đi lấy chồng. Sau đó tôi gặp cái Năm ở Dầu Tiếng. Đang buồn bực tôi lấy nó làm vợ. Bây giờ thậm thoát đã ăn ở với nhau được mười hai năm rồi. Có con cái với nhau nữa. Tôi cũng lại bảo cái Năm là tôi đã mất vợ trước, nó mới bằng lòng lấy tôi. Nó biết sự thể thế này, nó sẽ buồn lắm. Mà tôi bỏ cái Cả ở trên Đốc Mơ thì cũng không đành. Chú bảo tôi xử trí thế nào bây giờ?”

Trước hết tôi thấy cần phải đính chính giùm cho chị Sạng một điều: không bao giờ có chuyện chị đi lấy chồng. Mười tám năm trời chị nuôi con trong khổ cực và sống trong sự chờ mong tin tức anh. Anh Sạng có thể tin rằng, trước sau ở người vợ miền Bắc đáng thương kia không hề có một dấu vết đổi thay bé nhỏ nào, mà chỉ là những sắc màu bền vững nhất của chung thủy. Ngoài ra đó là chuyện riêng của anh. Anh phải xử trí lấy. Nghe rõ những tiếng lòng anh, thì rồi anh sẽ giải quyết được êm đẹp ổn thỏa.

Cuối cùng, tôi cho anh biết địa chỉ của mẹ con chị Sạng, rồi tôi từ giã anh.

Thời gian nghiêng đi. Từ ngày gặp anh Sạng, đến nay đã được sáu tháng. Trong thành phố rộng lớn, cuộc sống tiến

tới là sự kết thành của những lớp đồi thay mãi liệt. Mỗi ngày một hình thức mới. Mỗi ngày một màu sắc mới, một tâm tình mới. Đôi khi, giữa hai trang nhật báo, đọc những tin tức của thất lạc, của thăm hỏi, và qua hình ảnh của những người mẹ tìm con, những đứa con thơ dại đi tìm những người chị khuất vắng dài hạn, những người vợ yếu đuối đi dò thăm một dấu vết nhoà nhạt của chồng con giữa những ngã ba, những đám đông, tôi lại chợt nhớ đến chị Sạng, đến đôi mắt chị Sạng, chị có còn được ai dành cho một chỗ đứng bé nhỏ dưới một mái nhà nào không? Sự cô độc đơn lẻ ở người đàn bà đáng thương kia có là một trạng thái vĩnh viễn kéo dài như một vệt bóng tối cho đến trọn đời?

Tôi còn giữ được niềm tin của tôi ở rất nhiều điều. Nhưng tôi không dám tin tưởng ở sự bền chặt của lòng người. Nhất là ở lòng người đã bỏ đi như anh Sạng.

Vậy mà mùa xuân đã về rồi. Mùa xuân của những ngã đường cỏ non, của những ngày khởi đầu nhung lụa, của những đợt khói hương thơm ngát trong đêm Giao thừa, của buổi gặp lại, của ngày trở về. Mùa xuân tự do thứ nhất ở đây vẫn chứa đựng cái hình ảnh muôn đời đôn hậu của đoàn viên. Cuộc sống như hình ảnh của một ngã đường đến hình ảnh một trạm hẹn. Con người từ hình ảnh một chuyến đi đến hình ảnh một ngày dừng chân. Đến sự hoà hợp của những phương hướng cách biệt. Nhưng còn điều này: mùa xuân có đến với tất cả mọi người? Đến với tôi, đến với chúng ta, nhưng có đến với mẹ con chị Sạng? Tôi không biết nữa.

Rồi câu chuyện của anh Sạng, nỗi bận tâm của tôi trong suốt một thời gian, chính tôi cũng lãng quên đi.

Cho mãi đến tuần lễ trước. Một buổi sáng tháng Chạp. Thành phố tấp nập không khí buôn bán cuối năm. Tôi đang đi bộ ngắm những dãy hàng đến dịp này thì lại xuất hiện và lại chiếm hết chỗ của những hè đường vây chung quanh chợ Bến Thành thì tôi gặp anh Sạng.

Trông thấy tôi, anh đứng sững lại mừng rỡ:

“Ô kìa chú Thảo! Lâu lắm mới lại gặp chú. Về nhà chơi cái đã”.

Không kịp để tôi trả lời, anh kéo bừa tôi đi. Giữa phố phường đông đảo, một anh Sạng đã già yếu nắm tay tôi kéo thẳng một mạch về nhà, và tôi ngoan ngoãn đi theo anh như anh đã dắt tôi những ngày thơ ấu cũ. Anh Sạng nói chuyện suốt dọc đường đến cái Tết năm nay. Đến công việc của anh dạo này xem chừng đã thấy khấm khá hơn. Đến sự may mắn cho những đứa trẻ. Như thế cho đến nhà.

Như lần trước căn nhà bé nhỏ của anh hiện ra cuối đáy ngõ hẻm.

Như lần trước anh gõ cửa. Như lần trước cửa mở, rồi người đàn bà miền Nam hiện ra. Đằng sau chị, mấy đứa trẻ nhỏ.

Nhưng lần này tôi đã nhìn thấy thêm một cái gì, một cái gì mà tôi đang mong đợi hết lòng suốt mười tám năm. Tôi đứng ngây người: ở một góc nhà, dưới một vùng ánh sáng của lửa bếp, chị Sạng, người vợ cả miền Bắc, đang ngồi thổi cơm. Bên gối chị, hai đứa trẻ miền Nam tựa vào lòng chị nhìn lửa cháy. Nghe tiếng động, chị Sạng bỏ củi lửa nhìn lên. Chị mỉm cười với tôi. Tôi nhìn anh Sạng. Tôi nhìn cả nhà. Sau cùng cái nhìn của tôi gửi đến người đàn bà miền Nam vẫn đứng sau tôi. “Cái Năm Sà-goòng” của anh Sạng, người đàn bà thứ hai đã đến đời anh, yên lặng ngó tôi

không nói gì. Nhưng tôi đã hiểu chị, qua một thoáng lửa lấp lánh nghịch ngợm mà tôi vừa bắt gặp ở trong mắt chị, nó nói nhiều cho cái tâm tình dễ dàng cởi mở, dễ dàng đón nhận, mà tôi thường thấy ở người đàn bà miền Nam. Tôi nhìn chị Sạng Hai. Tôi nhìn anh Sạng. Vui mừng và cảm động.

Tôi biết anh đã giải quyết ổn thoả êm đẹp cái chuyện riêng của anh rồi. Tôi còn biết rằng một phần lớn chính còn ở chị Năm nữa. Trước sự phân vân lưỡng lự, trước hoàn cảnh éo le của chồng, người đàn bà miền Nam đã hành động cao đẹp bằng cách đón nhận về chung một mái nhà, người đàn bà miền Bắc xa lạ, chia sẻ tình vợ chồng để có thêm tình chị em. Hành động này tôi thấy như một bông hoa vừa nở lên giữa thiên nhiên, trong cuộc đời, thành mùa xuân thứ nhất sau 18 năm không có mùa xuân. Tôi nhìn chị Năm, kính phục, quý mến. Chị Năm đã lấy được trọn vẹn cảm tình của tôi.

Buổi trưa cuối năm hôm đó tôi đã ở lại ăn một bữa cơm thường với gia đình anh Sạng.

Chúng tôi nói chuyện ngày xưa. Kỷ niệm tuổi thơ được nhắc nhở lại, vừa cảm động, vừa buồn cười. Tôi thấy tôi bé nhỏ hẳn lại.

Vợ chồng con cái anh Sạng đưa tiễn tôi ra tận đầu ngõ. Ngày ngả về chiều. Nắng vàng lưa. Xa xa từ những trung tâm thành phố, những tiếng ồn ào của một phiên chợ Tết vừa dâng lên. Tôi đi ra khỏi ngõ. Tôi cất tiếng hát nhỏ. Tôi nhớ đến tuổi thơ của tôi. Tôi đang đi trên đường tuổi thơ. Hình ảnh đoàn viên của gia đình anh Sạng, chiều nay đã gây cho tôi cái cảm giác ấm áp của đêm Giao thừa, của ngày mừng Một. Người ta đang tìm về nhau. Đông lắm.

HUỶNH ÁI TÔNG

Người ta đang gặp lại nhau. Con người, dân tộc đang hồi xuân.

Tôi nghĩ đến những con mắt, những nắm tay, những bếp lửa, những mái nhà. Từ một chấm dứt của mưa phùn tháng Chạp đến một khởi đầu của cỏ non tháng Giêng, mùa xuân dâng lên trong tôi, trong những hình ảnh tươi đẹp nhất của Đoàn Viên.

Trích thơ:

hỏi mình giữa biển

*Bảy ngày bảy đêm theo sóng nước trôi đi
Lúc báo động xuống hầm tàu đóng kín
Báo động qua lại thành thoi hơi thuốc nhìn trời
Trong đêm dài bó gối nhìn lên
Biển sao sáng xuống lòng tối thăm
Đụng cây neo lạnh buốt bên mình
Mới nhớ mình ngồi đó suốt đêm qua
Giữa nghìn con sóng tới
Giữa ngàn ấy sóng xa
Giữa đất tận trời cùng giữa chỉ một mình ta
Nghĩ mãi tới một điều
Không bao giờ tỏ rõ*

*Là ngọn sóng ấy đã mất tăm về phía bên trong
Cửa khẩu một đêm nào
Và ngọn sóng này chảy theo người
Từ cửa khẩu ra khơi
Có phải là sóng của hai trời*

*Đập mỗi sóng một bờ bến khác?
Tiếng đập gần nghe ào ạt kín trùm quanh mạn
Tiếng kia xa đã nhỏ dần một cuối đáy thời gian*

Tổ quốc bất khả phân đã phân
Từ dòng sông từ bản hiệp định kia
Đất nước mấy nghìn đời không thể mất
Chỉ một ngày đã mất
Lịch sử triệu trang vàng một trang đen đã lật
Trăm trận đánh không thua, thua vì Buôn Mê Thuột
Thì vượt tuyến có phải là phân thân
Bản ngã đã nhị trùng?
Tôi ném lại cái tôi xưa đã diệt
Tôi mang theo cái tôi mới lên đường
Nhu hạt huỷ thể cho mầm sinh từ hạt
Hai ngọn sóng ngược chiều về mỗi ngã
Ngọn quá khứ mịt mù không thấy nữa
Ngọn tương lai đang trắng xóa theo tàu
Hai tâm thể chia đôi miền cách biệt
Ngọn đã nghìn thu ngọn mới bắt đầu?

Hay chỉ một?
Hai mươi năm trước dưới bóng liễu Hồ Gươm Hà Nội
Mười năm sau vẫn liễu xưa một hiên mưa
Góc phố Sài Gòn
Hay chỉ một? Ba mươi năm trước
Dấu chân ấy trên đồi sim Thanh Hoá
Ba mươi năm sau vẫn dấu chân xưa
Trong vườn bưởi Biên Hoà
Trăm hướng tư duy vẫn từ một bản ngã
Vẫn chỉ một sóng gần và sóng xa?

Bay trọn đường bay trái đất đêm qua
Bay mãi miết từ biển Đông bay tới
Con chim én báo trời đất mới
Trên chót vót cột buồm gió thổi

Đã tới đây, vừa đậu xuống vai người?

Không biết nữa

*Vây phục sinh nào mà từ cõi chết trôi ra
Sau trương thối nghìn ngày cộng sản
Cái tử thi đã bần bật tâm linh băng tuyết hình hài
Chợt tuyết rã băng tan
Một tiếng biển, chỉ một tiếng biển thôi
Vừa thực động*

*Vây phục sinh nào mà cái xác chết
Trong hầm tàu chập tối
Như con cá sốt của một mùa lưới
Bông động dân từng cái vẫy cái vẫy
Một tiếng biển chỉ một tiếng biển thôi
Một tiếng biển thì thâm mà lớn tới mênh mông
Lại róc rách trôi vào cửa sống*

Không biết nữa

*Điều thuốc cháy trên tay
Điểm lửa soi hồng khúc biển này
Cái tàn rụng đã mịt mù biển khác
Giọt nước ấy bắn lên từ Vàm Láng
Ba ngày sau tới ngang tâm hải phận Thái Lan
Giọt nước ấy còn long lanh giữa trán*

*Những tuyến đất đã rụng khuất những chân trời trí nhớ
Những tuyến trời bay nghiêng hình
Từng sợi tóc bay nghiêng
Những sợi tóc thả bóng tóc trôi theo từng tuyến biển
Tôi hỏi tôi trên mỗi tuyến hồn mình*

*Bảy đêm bảy ngày hỏi mình giữa biển
Bảy ngày bảy đêm giữa biển hỏi mình*

*Trên mỗi ngọn sóng dữ
Từng thực thể hiện hình rồi vụt biến
Về bên kia những bờ bến siêu hình
Trên mỗi ngọn sóng hiền
Từng chân lý sáng ngời rồi vụt tắt
Xuống đáy biển không cùng như những giọt lân tinh*

viết văn trở lại

*Viết văn trở lại
Trước một hàng người
Im lặng và hấp hối
Sau kẽm gai cùng thăm một trại giam
Cộng sản
Hàng ngàn người có Nguyễn Sỹ Tế ở đầu
Phan Nhật Nam ở giữa
Và Tô Thùy Yên ở cuối*

*Viết văn trở lại
ở Mỹ
Nước Mỹ của những ngày dài nhất
Sự ăn không ngồi rồi khủng khiếp của tâm hồn
Lao động tám tiếng một ngày
Hay nhàn du cũng vậy mà thôi
Ăn không ngồi rồi
Ngồi rồi ăn không
Viết văn trở lại*

*Mới tháng đầu của mùa đông này mà ở Minnesota
Vũ Khắc Khoan đã té sấp hai lần vì tuyết*

*Té sấp chỉ là vì té sấp
Chúng ta đứng thẳng thế nào được nữa Khoan
Đứng thẳng thế nào Việt Nam đã sấp
Và cái té sấp của mày trên tuyết*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Như trên giấy
Một ngòi bút bẻ gãy*

*Bạn bè nhắc tri âm cũng nhắc
Viết lại đi vâng thì viết lại
Trọn một ngày chủ nhật ở đại học Cornell
Tôi tới đó
Xuống phần thư đọc lại sách mình
Những trang chưa xua bài viết cũ
Bằng hữu
Những dấu tích một đời
Những ám ảnh siêu hình
Giàn giữa
Lên khỏi phần thư buổi tối mưa bay
Đi dưới mưa một mình*

*Tuyết sặc sỡ và nắng lạnh buốt
Ứng, lông, da, len, dạ một đồng lù lù
Những sớm mai ở Virginia
Trong bếp nhà Ngọc Dũng
Tôi một đồng tôi sặc sỡ tôi lù lù*

*Ở Huntington Beach có Nghiêm Xuân Hồng
Và Los Angeles Võ Phiến
Mấy địa chỉ âm thầm
Sống không thành tiếng động
Những người da đen đứng câu cá suốt đêm
Dưới bãi biển mù sương
Đất nước khuất
Bầy hải âu cất cánh
Ổng khói một con tàu trở về
Hơi thở. Rác. Và bọn gái điếm
Cái máy chữ Nhà Thờ
Đập nhẽ nhại trợn cười xác thịt*

Ở Houston có Mặc Đỗ một mắt đã mù
Vượt bốn ngàn cây số tới thăm nhau
Đi với bạn lên ngôi nhà trên núi
Thằng đã tới thêm thằng còn ở dưới
Cùng trẻ như rừng cùng già như suối

Ở Seattle có Thanh Nam cuống họng
Đứt lìa
Chúng ung thư tàn độc
Cây gậy chống trên tay
Cái mũ dạ che cái đầu trọc lóc
Trước dòng lệ Túy Hồng
Cuộc bút đàm lần cuối
Trong ngôi nhà bóng tối
Không bận gì tháng tới
Về đây đưa đám tao

Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng
Tối tối về chùa đêm làm thơ
Ngày ca múa khóc cười giữa chợ
Kẻ sỹ điên thế kỷ mù rồi

Những Thanh Tâm Tuyền trăm năm đã xa
Những Vũ Hoàng Chương nghìn ngày đã khuất
Những bạn bè mày chúng nó đã giết
Còn viết được ư, thằng sống sót?

bộ đồ cũ mặc
tặng Võ Phiến

Đi vắng từ xa trở lại nhà
Bộ đồ cũ mặc, ấm trà pha
Tựa lưng vào vách tường thân thuộc
Trong cõi riêng buồn thấy lại ta

HUỶNH ÁI TÔNG

Trong bài *Mai Thảo, hoài niệm của người viễn xứ*, nhà phê bình Nguyễn Vy Khanh đã nhận định:

« Sự nghiệp văn chương của Mai Thảo gồm trên 30 truyện dài về đủ mọi đề tài : tình yêu, học đường, xã hội, chiến tranh và mười tập truyện ngắn, tùy bút, nhưng thiên nghĩ phần sự nghiệp để đời của ông là những sáng tác chủ yếu cảm giác, hoài niệm về quá khứ và quê hương đất nước, những sáng tác vận dụng bút pháp tùy bút. Cảm xúc tâm hồn mạnh khiến văn xúc tích và ít đối thoại: cảm giác và tâm tình vây bọc cốt truyện nhiều khi chỉ là cái cớ để ông thả hồn hoặc rung cảm. Đó cũng là lý do ông thành công với các truyện ngắn và tùy bút hơn là truyện dài. Văn chương Mai Thảo thường bị phê bình là quá cầu kỳ đẽ gọt nhưng không ai có thể chối cãi văn ông đầy thi tính và trữ tình, chữ viết có cấu trúc sáng tạo đặc biệt - mà một số nhà văn sau ông không thể chối đã nhận chịu ảnh hưởng. »

Tài liệu tham khảo:

- Mai Thảo Web: vi.wikipedia.org
- Tháng giêng cỏ non Web: motsach.info



3. Trương Bảo Sơn



Trương Bảo Sơn - Trương Cam Bình (1916-2010)

Trương Bảo Sơn tên thật là Trương Cam Bình, sinh ngày 02 tháng 03 năm 1916, tại Hà Nội Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, thân phụ ông là cụ Trương Cam Nha, thân mẫu là cụ Đặng Thị Tuyết. Ông có người chị cả là bà Trương Thị Vinh, em trai là ông Trương Cam Lai, cả hai đã quy tiên. Người em trai út là Trương Cam Vĩnh, hiện sống với gia đình tại tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ.

Trương Bảo Sơn vào đời bắt đầu bằng nghề dạy học, rồi viết văn, làm báo với bút hiệu Bảo Sơn. Ông còn mấy bút hiệu nữa như Cẩm Bình, Ngọc San, Trường Sơn nhưng ít dùng.

Từ năm 1940, đã từng gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng để chống thực dân Pháp. Ông hoạt động cách mạng dưới danh xưng Trương Bảo Sơn.

Trước 1945, ông cùng người anh họ Đặng Đình Liêm

HUỶNH ÁI TÔNG

chung nhau mở một hiệu tạp hóa khá khang trang ở Hàng Bông, Hà Nội, đặt tên hiệu là L.B., viết tắt của Liêm và Bình. Cả hai gia đình chung sống ở tầng gác trên của cửa hàng này.

Từ năm 1945 đến 1946, ông cùng các đồng chí thành lập Đệ Tam chiến khu Việt Quốc và giữ chức vụ bí thư của chiến khu này.

Năm 1946, trưởng phái đoàn Việt Quốc hòa giải với Việt Minh tại Vĩnh Yên sau khi chính phủ liên hiệp Quốc Cộng được thành lập.

Từ cuối năm 1946 đến năm 1952, ông lưu vong ra hải ngoại (Trung Hoa rồi Hồng Kông) tham gia mặt trận Quốc Gia Thống Nhất của Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Bảo Toàn, Nguyễn Tường Tam tại Thượng Hải.

Sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền, ông và một số đồng chí trong nhóm VNQDD phải chạy qua Hồng Kông ẩn trốn trên núi Happy Valley. Năm 1948, người vợ lúc bấy giờ của ông là bà Nguyễn Thị Vinh (sau này là nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh) mới được phép bé con thơ là Trương Kim Anh 3 tuổi, từ Hà Nội lần mò sang Hồng Kông chung sống với ông giữa cảnh núi rừng, thung lũng nên thơ...

Vào khoảng 1952, ông lại mang vợ con về Hà Nội ở chung với một đại gia đình gồm có mẹ, gia đình các em và gia đình hai ông chú ruột là cụ Tá Chi Trương Cam Khải và cụ Trương Cam Chuật ở số 34 Hàng Đầy. Nhưng ông cũng chỉ ở đây một thời gian ngắn.

Năm 1953, ông lại cùng các thành viên trong VNQDD được lệnh đem gia đình di chuyển vào Nam để bảo toàn an ninh.

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

Năm 1954, trong cuộc di cư ồ ạt để chia đôi đất nước, ông bà lại mở rộng vòng tay đón đại gia đình từ Bắc vào Nam, trong một căn nhà khiêm tốn tại Phú Nhuận, Sài Gòn.

Năm 1960, ông cùng với Nguyễn Tường Tam tổ chức Mặt Trận Quốc Gia Đoàn Kết. Tham gia ngày 11-11-1960, bị bắt tù 3 năm và bị Tòa án quân sự kết án 5 năm lưu đày ra Côn Đảo năm 1963. Được tự do sau vụ đảo chánh 1-11-63.

Năm 1964, ông đứng ra thành lập và làm tổng thư ký Quốc Dân Đảng biệt bộ Nguyễn Tường Tam, làm tổng thư ký hội Bảo Vệ Nhân Quyền và Dân Quyền Việt Nam, tổ chức phong trào chống Hiến chương Vũng Tàu và độc tài quân phiệt...

Năm 1978, ông vượt biển tới Pulau Bidong (Mã Lai) và định cư tại Gia Nã Đại từ 1979.

Cuộc hôn nhân thứ nhất của ông với nhà văn Nguyễn Thị Vinh sinh được người con gái duy nhất là Trương Kim Anh. Con rể là Luật sư kiêm nhà thơ Dương Kiên. Sau 1975, hai người đã chia tay.

Tại Canada, cuộc hôn nhân thứ hai của ông với bà Nguyễn Nữ Nghi, không có con. Hai ông bà cùng sống hạnh phúc bên nhau trong Viện Lão Học thuộc Trường Đại Học Montréal (Institut Universitaire De Gériatrie De Montréal) ở Canada.

Trương Bảo Sơn tạ thế ngày 23 tháng 05 năm 2010 tại Montreal, Canada, hưởng thọ 96 tuổi.

Về văn chương, ông chuyên dịch truyện ngoại quốc nhiều hơn là sáng tác. Về hoạt động văn hóa của ông, có thể tóm tắt như sau:

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1946, Biên tập viên nhật báo *Việt Nam, Chính Nghĩa* tại Hà Nội.

Năm 1957, Hội viên hội Văn Bút (P.E.N quốc tế). Cộng tác với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thành lập những nhà xuất bản Phương Giang, Đời Nay, Quốc Bảo, xuất bản *Giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay*.

Năm 1959, Chủ nhiệm *Giai phẩm Tân Phong*.

Năm 1965, Giám đốc chính trị tạp chí *Đông Phương*. Soạn giả sách giáo khoa Anh ngữ và dịch giả nhiều sách và truyện hay thế giới.

Năm 1988, ông cùng Nguyễn Khắc Ngải và Đỗ Quý Toàn sáng lập hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, trung tâm Quebec, Canada.

Ông viết cho các tạp chí *Văn Nghệ Tiên Phong* (Hoa Kỳ), *Lửa Việt, Vượt Biển, Năng Mới* (Canada), *Độc Lập* (Đức) và các đặc san tại Montréal, *Trung Tâm Người Việt Cao Niên, Rừng Vàng, S.A.I.M.*

Ông thường xuyên hoạt động trong hội Văn Bút, Cộng đồng người Việt Tự Do, Trung tâm giúp người vượt biển, Trung tâm dịch vụ xã hội giúp người cao niên tại Montréal và hướng dẫn tập Tài Chi cho các bạn cao niên người Việt và Gia Nã Đại.

Tác phẩm:

- *Những lỗi thông thường về Anh văn* (Quốc Bảo 1954)
- *Tình Nghĩa Vợ Chồng*. (Le Bonheur Conjugal - Leon Tolstoi, Phương Giang, 1961)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- *Con Nai Tư* (The Yearling - M. K. Rawlings Phụng Giang, 1957)
- *Một Bản Đàn. Dịch* (The Kreutzer Sonata - Leon Tolstoi. Đồi Nay, 1961)
- *Gió Đông, Gió Tây* (East Wind, West Wind - Pearl S. Buck Bốn Phương, 1968)
- *Ngư Ông Và Biển Cả* (The Old Man and The Sea - E. Hemingway.)
- *Đỉnh Gió Hú* (Wuthering Heights - Emily Bronte. (Di cảo của Nhật Linh - Phụng Giang, 1974)
- *Chiếc Lá Cuối Cùng* (The Last Leaf - O' Henry. Phụng Giang. Tái bản lần thứ hai 1957)
- *Viên Ngọc Trai* (The Pearl - John Steinbeck. Thứ Tư Tuần San, 1967)
- *Trà Đạo* (The Book of Tea - Okakura Kakuzo. Lá Bối 1967)
- *Cuộc Đời Bác Sĩ Arrowsmith* (Arrowsmith - Harry Sinclair Lewis. Quốc Bảo, 1970)
- *Mặc Cho Gió Dập Tuyết Vùi* (Let The Hurricane Roar - Rose Wilder Lane. Quốc Bảo, 1960)
- *Ngược Dòng Thời Gian*. (Tuyển tập truyện ngắn quốc tế. Đồi Nay, 1962)
- *Phố Chính*. (Main Street - Sinclair Lewis)
- *Nội cỏ của Thiên đường* (đăng trên báo Văn Hoá Ngày Nay)

Trích văn:

Con nai tư

Nguyên tác *The Yearling* của M. K. Rawlings

(trích Chương XIII)

Mặt trời đã gần lặn. Những đám mây trông như những đám bông trắng nhuộm vàng và đỏ. Về phía nam, trời tối sẫm

như phủ đầy khói thuốc súng. Hết cơn gió, không khí lại ám áp dễ chịu. Một cành nho dại mọc chắn ngang giữa lối đi nhỏ hẹp, ông Xu cúi xuống gạt nó sang một bên lấy lối đi. Ông nói: Khi đã có chuyện không may, thì mình làm gì lại càng cần phải cẩn thận!

Ông vừa nói buông miệng, bỗng một con rắn ở trong đám lá ngọc đầu lên mổ ông một cái. Cu-Tí trông thấy loáng một cái, mờ như bóng tối, nhanh hơn én, chắc chắn như bàn tay móng nhọn của gấu. Cu-Tí thấy ông Xu lùi lại, loạng choạng và kêu lên một tiếng. Cu-Tí cũng muốn lùi lại và kêu lên thật to, nhưng người cứ đứng như chôn xuống đất và miệng cứng ra không kêu thành tiếng. Ấy là một tia sáng nó đập vào ba Cu-Tí chứ không phải con rắn; ấy là một cành cây nó gãy, một con chim nó bay, một con thỏ nó chạy...

Ông Xu hét lên: "Chạy đi! Giữ bầy chó!"

Tiếng hét như giải thoát Cu-Tí khỏi cơn mơ; Cu-Tí lùi lại và nắm lấy cổ hai con chó. Cu-Tí thấy cái bóng đen có đốm ngọc cái đầu dẹt lên, cao bằng đầu gối. Cái đầu lúc lắc theo nhịp cử động chậm chạp của ông Xu. Cu-Tí nghe thấy nó thổi phì phì. Chó cũng nghe thấy, sợ run lên, lông dựng ngược. Murop già rên rì, quay ngoắt một cái, tuột khỏi tay Cu-Tí và băng mình chạy biệt, đuôi quặp hẳn vào. Con Mực thì ngồi xồm lên sủa.

Ông Xu lùi mãi, như một người mơ ngủ. Con rắn vẫn thổi phì phì. Cu-Tí hoa lên, tai Cu-Tí ù đi, trông nó không phải là một con rắn nữa... Ông Xu đưa súng lên vai bắn một phát, con vật ngã xuống, vạn mình đi, đầu rút xuống cát.

Suốt trên cái mình dài và vững chắc của nó, gân giật lên, uốn vặn từ đầu đến đuôi. Từng cái khoanh lần lượt lịm dần

đi như làn sóng thủy triều rút xuống. Ông Xu quay lại nhìn con trai nói:

- Nó cắn vào ba rồi.

Ông giơ cánh tay phải lên nhìn. Môi ông dính với răng, cổ họng ông thắt lại, mắt ông lơ lơ nhìn hai vết cắn, mỗi vết đọng một giọt máu.

Ông nói: Con này lớn.

Cu-Tí thả con Mực ra, con chó chạy đến con rắn chết, sủa lên dữ dội. Một lúc nó lay chân hất những cái khoanh nặng rồi im không sủa nữa và đánh hơi trên mặt cát. Ông Xu ngẩng đầu lên. Mặt ông xám lại như tro.

Ông nói: "Ba chết mất!"

Ông liếm môi và quay phắt lại, đi xuyên qua rừng về phía trại nhà ông. Đường lúc về nhanh hơn lúc đi, vì nó đã thông suốt, ông Xu cầm đầu cầm cổ đi. Ông cúi xuống chui qua những cành cây thấp. Cu-Tí chạy theo thở hổn hển, trông ngực đánh mạnh đến nỗi Cu-Tí không biết mình đi đâu nữa. Cu-Tí như cái máy, bước theo chân bố, cây cỏ ở dưới chân kêu rảng rặc. Bỗng chốc đi hết rừng thông rậm rạp, đến một rừng sồi thưa thớt. Đi im lặng như thế thực là kỳ quặc.

Ông Xu bỗng đứng dừng lại. Có một vật gì động đây ở trước mắt. Một con nai cái đang nằm, nhồm dầy. Ông Xu thở một cái thật mạnh, tựa như hơi thở chột dễ dàng. Ông đưa súng lên, tựa vào vai. Cu-Tí thoáng có í nghĩ cho là bố mình điên, lúc này còn săn bắn gì nữa. Tiếng súng nổ. Con nai chồm lên trên không, ngã lặn xuống đất, gãy giữa một lúc rồi nằm im. Ông Xu chạy lại, rút dao ra khỏi vỏ. Cu-Tí

thấy vậy càng chắc là bố mình điên thật rồi. Ông Xu không đâm vào cổ con nai, mà lại đâm vào bụng nó. Ông phanh vết đâm rộng ra. Tim con nai vẫn còn đập Ông Xu cắt lấy buồng gan. Ông quì xuống, cầm con dao sang tay trái, giờ tay phải ra nhìn hai vết rấn cắn đã khép miệng lại. Cánh tay sung vù lên và tím bầm lại. Mồ hôi ông toát đầm trán. Ông rạch nhanh một cái vào chỗ bị thương. Máu tím tuôn ra. Ông ép lá gan nóng vào vết dao rạch.

Ông khẽ nói: "Nó đang hút mạnh..."

Ông ép mạnh hơn; một lúc ông mổ lá gan ra xem. Nó xanh ngất nọc độc. Ông lật đi ép mặt kia vào.

Ông bảo: "Cắt cho ba một miếng tim."

Cu-Tí đang ngẩn người ra coi, giật mình đánh thót một cái. Cu-Tí cầm con dao lúng túng mãi mãi mới cắt được một miếng.

Ông Xu nói: Miếng nữa.

Chốc chốc ông lại thay một miếng thuốc dịt ấy.

Ông bảo: "Đưa dao đây."

Ông lại rạch thêm một miếng nữa vào chỗ cánh tay bị sung tím bầm nhất.

Cu-Tí kêu lên: "Ba định chích máu đến chết sao?"

- Chích máu ra chết còn hơn bị sung. Ba đã thấy một người chết vì rấn cắn rồi...

Mồ_hôi chảy dòng dòng xuống má ông.

Cu-Tí hỏi:

- Có đau không, ba?

- Y như cái dùi nung đỏ đâm vào vai.

Miếng thịt nai ông áp vào vết thương đã hết xanh rồi. Cái sinh khí nóng của tim gan con nai gặp nọc độc đã ngưng kết lại. Ông Xu đứng dậy, ông bình tĩnh nói: Thôi chẳng làm gì hơn được nữa. Ba về nhà, còn con chạy mau đến nhà Phó Lém, nhờ họ đi đến Bình Phú đón bác sĩ Vĩ Sơn lại chữa cho ba ngay.

- Ba có chắc họ chịu đi không?

- May ra thì họ đi. Tới nơi con nói ngay lên trước tại sao con đến không có chúng nó ném vỡ mặt hay bắn vỡ sọ con ra đấy.

Ông Xu quay trở lại để đi theo con đường cũ về nhà. Cu-Tí đi sau, chợt nghe thấy có tiếng động khê. Cu-Tí ngoái cổ lại. Một con nai tơ đứng ở cửa rừng, chân đi chưa vững. Mắt nó đen láy, mở to ra, ngơ ngác.

Cu-Tí gọi:

- Ba ơi. Có con nai tơ.

- Thấy kệ nó. Bây giờ thì ba đành chịu. Đi đi thôi! Không có ba chết mất!

Cu-Tí động lòng thương con nai tơ. Con vật ngẩng đầu, ngơ ngác. Nó nháy đến chỗ xác mẹ nó, cúi xuống ngửi, rồi kêu be be.

Ông Xu gọi:

- Nhanh lên, Cu-Tí.

Cu-Tí chạy lên cho kịp. Đi tới đường, ông ngừng lại bảo: "Con kêu người nào đi theo con đường này về nhà ta để nếu ba có lẩn quay ra ở dọc đường, thì đem ba về. Mau lên!"

Hình ảnh kinh khủng xác bố lẩn ra giữa đường, người sung vù lên, ám ảnh Cu-Tí. Cu-Tí ba chân bốn cẳng chạy đi. Ông Xu cố lộn về nhà, trong lòng mỗi lúc một thêm thất vọng.

Cu-Tí chạy theo vết xe ngựa đến chỗ bụi sim thì rẽ vào đường đi về phía nhà Phó Lém. Con đường thường có người qua lại nên trụi cỏ, cát đầy và khô hình như giữ chân Cu-Tí lại. Chân vẫn cử động, mà thần hồn thì ở đâu đâu. Con đường tựa như cái máy đập; chân Cu-Tí co lên đập xuống, nhưng Cu-Tí có cảm tưởng như quanh đi quẩn lại vẫn thấy những cái cây ấy, những bụi rậm ấy. Bước chân hình như chậm lằm, không tiến được chút nào, cho tới lúc Cu-Tí ngạc nhiên thấy mình ở chỗ ngã ba đường. Cu-Tí quen thuộc đường tắt lắm. Cu-Tí đã gần đến con đường chạy thẳng đến trại Phó Lém.

Cu-Tí đã tới chỗ cây cao. Cu-Tí run lên và thấy sợ. Cu-Tí sợ bọn Phó Lém. Nếu họ từ chối không giúp và đuổi ngay ra khỏi nhà thì Cu-Tí đi đâu? Cu-Tí ngừng lại một lát dưới bóng mấy cây sồi để suy nghĩ. Trời tối lại. Chỉ còn có mỗi một vệt sáng ở phía tây, màu xanh ngắt như màu thịt nai bị nọc độc. Cu-Tí nghĩ nên kêu Diều Rom trước. Diều Rom mà ra thì công việc dễ thành. Nghĩ đến đôi mắt của bạn buồn khi hiểu tình cảnh của mình, tự nhiên Cu-Tí thấy được an ủi đôi chút. Cu-Tí thở cho đỡ mệt rồi lại ra sức chạy.

Cu-Tí gọi:

- Diều Rơm ơi! Diều Rơm! Cu-Tí đây.

Cu-Tí đoán chừng bạn mình sẽ từ trong nhà chạy ra, bò bốn cẳng xuống những bậc cửa mấp mô cho nhanh, như Diều Rơm thường làm những lúc vội; hoặc Diều Rơm chui từ trong bụi rậm ra với con gấu chuột chạy theo sau.

- Diều Rơm ơi! Cu-Tí đây!

Không thấy tiếng đáp lại, Cu-Tí chạy vào trong sân cát.

- Diều Rơm ơi!

Một ánh đèn thấp hơi sớm le lói trong nhà. Khói tuôn ra trên ống khói. Cửa sổ và cửa chớp đều đóng để cho muỗi khỏi bay vào. Cửa nhà mở toang ra. Trong cái khung ánh sáng chữ nhật, Cu Tý thấy bọn con trai Phó Lém lần lượt đứng dậy; Cu Tý có cảm tưởng như những thân cây lớn, trong rừng khuya dựng đứng lên và tiến về phía mình. Cu Tý ngừng bước lại. Lém bước xuống bậc cửa, cúi đầu xuống, hơi nghiêng đi một chút để nhìn cho rõ xem ai gọi.

- Này, thằng oắt con này đến đây làm gì, hả?

Cu Tý đáp líu nhíu:

- Diều Rơm...

- Nó ốm. Không gặp được!

Quá lắm rồi. Cu Tý òa khóc. Cu Tý nức nở nói:

- Ba... ba tôi bị rắn cắn.

Cả bọn Phó Lém kéo xuống sân đứng vây quanh Cu Tý, Cu Tý càng nức nở thêm, một phần vì thương bố, và tủi thân, một phần vì đã đi đến nơi và đã làm xong một việc.

Trong đám có người hỏi:

- Ở đâu? Rắn gì?

- Rắn hổ đất. Lớn lắm. Ba tôi quay về nhà rồi, nhưng không biết có đi nổi đến nhà không?

- Có sung không? Bị ở chỗ nào?

- Ở cánh tay. Sung lên ghê lắm. Các anh làm ơn đi gọi hộ bác sĩ Vĩ Sơn. Tôi van các anh.

Lém phá lên cười rồi nói:

- Chuột mà hứa là không cắn.

Bác nói:

- Chẳng làm gì được nữa. Nó cắn vào tay. Bác sĩ có đến thì cũng chết cứng ra rồi.

- Ba tôi giết một con nai lấy gan để hút độc ra. Các anh làm ơn cứ đi mời hộ bác sĩ đi, được đến đâu hay đến đó.

Cối nói:

- Tôi đi cho.

Cu Tý mừng ra mặt:

- Cám ơn anh.

- Khỏi phải cảm ơn. Giá có gặp con chó nào bị rấn cắn tao cũng cứu.

Bắc nói:

- Đẻ tôi đem ngựa đi vắc hấn về. Bị rấn cắn mà đi như thế thì chịu làm sao được. Chán chưa! Chẳng còn một giọt huyết ki nào cho hấn.

Bắc và Cối từ từ đi ra chuồng ngựa đóng yên. Thấy hai người dềnh dàng chậm chạp quá, Cu Tý sốt cả ruột. Cu Tý tưởng chừng như đương phải chịu một hình phạt gì. Cu Tý lo sợ quá. Nếu còn hy vọng cứu ba Cu Tý, thì họ phải nhanh lên chứ. Họ lừng lự tựa như đi đưa đám ông Xu, chứ không phải là đi cấp cứu nữa. Cu Tý đứng dậy, lo buồn, bối rối. Cu Tý muốn đến thăm Diều Rơm trước khi về, nhưng lại rụt rè không dám hỏi.

Những người khác quay vào trong nhà, chẳng ai để ý đến Cu Tý cả.

Lém đứng ở bậc cửa, kêu ra:

- Oắt con! Cút đi!

Ắt nói :

- Nó bé, kệ nó. Bố nó đang hấp hối, đừng ngược đãi nó.

Lém nói :

- Cho nó chết, cho rảnh mắt.

Họ vào trong nhà và đóng cửa lại. Cu Tý hoảng sợ thấy chẳng một người nào thực tâm muốn giúp đỡ mình cả, biết

đâu Bắc và Côi chẳng trốn ở sau chuồng ngựa đánh lừa mình và đang rúc rích cười với nhau! Cu Tý bị bỏ trợ vợ và ba Cu Tý cũng bị bỏ trợ vợ.

Hai người cỡi ngựa đi ra. Bắc giơ tay lên vẫy Cu Tý, không có vẻ hiểm ác.

- Thôi đừng buồn vô ích. Chúng tôi sẽ cố sức giúp. Không ai giận những người hoạn nạn đâu.

Họ thích chân vào con ngựa và đi khuất. Cu Tý thấy nhẹ hẳn người như cất được gánh nặng, chỉ còn có Lém là thù địch thôi. Cu Tý dồn hết tất cả những nỗi oán hờn vào Lém, và Cu Tý thấy hả lòng. Cu Tý lắng nghe tiếng vó ngựa cho đến khi im bật, mới ra về.

Bây giờ Cu Tý mới được rảnh rang để ôn lại các việc đã xảy ra.

Cu Tý bị một bữa kinh khủng, nhưng bây giờ cũng đã đỡ lo lắng rồi. Cu Tý định đi thông thả không chạy nữa. Cu Tý muốn hỏi mượn một con ngựa nhưng không dám.

Hạt mưa rơi lộp độp trên những lá cây. Ánh sáng lờ mờ khắp xung quanh. Cu Tý sực nhớ ra tay vẫn cầm khẩu súng của bố, liền đeo lên vai và đi rảo bước. Cu Tý không biết độ bao lâu Bắc mới tới nhà bác sĩ, mà không biết cái ông bác sĩ già ấy có say rượu không. Khi còn bé, đã có một lần Cu Tý được đến nhà bác sĩ. Cu Tý nhớ lại cái nhà thâm thấp có những dãy hành lang rộng xiêu vẹo cũng như ông bác sĩ già, và có một giàn nho um tùm. Cu Tý nhớ lại ông bác sĩ già, say sưa với chén rượu nằm trong một cái màn, nhìn lên trần. Khi có người mời, ông uể oải đứng dậy đi làm việc, chân đi loạng choạng, nhưng tay thì khéo léo, dịu dàng và lòng thì tử tế hay thương người. Cu Tý thầm nghĩ:

nếu đón ông tới kịp thì chắc là ba thoát chết. Cu Tý đi hết con đường vào nhà Phó Lém, tới con đường chạy về phía đông nhà Cu Tý; còn phải đi bốn dặm nữa. Nếu đi đường đất rắn thì chỉ mất độ hơn một tiếng đồng hồ; con đường cát mềm và tối, chỗ cao thấp khó đi. Cu Tý cố đi cho kịp độ tiếng rưỡi hay hai tiếng, đôi khi vừa đi vừa chạy.

Cu Tý nghe thấy sấm ở phương đông và chớp đầy trời tưởng như có bước chân đi ở trong rừng, nhưng đây là những giọt mưa đập xuống những chiếc lá dày. Cu Tý tự hỏi không biết ba Cu Tý hiện đang nằm lẩn ra ở dọc đường, phía trước mặt, người sưng lên vì nọc độc, hay đang nằm vắt ngang lưng ngựa của Bắc, nếu Bắc đã bắt gặp được rồi. Lòng Cu Tý se lại. Một làn chớp nhoáng lên. Cu Tý nhớ ra nhiều lần gặp giông bão, hai bố con phải ẩn dưới gốc sồi. Những trận mưa ấy là những trận mưa đáng quý, thắt chặt tình hai bố con với nhau.

Một tiếng gầm từ trong bụi đưa ra. Một vật gì sáng một cách kỳ quái vụt ngang qua đường, trước mắt Cu Tý, rồi lặng lẽ biến mất. Một mùi xạ phảng phất trong không khí. Cu Tý không sợ mèo rừng hay sơn miêu, nhưng nếu là một con báo thì đáng sợ lắm. Người ta kể chuyện nó có thể bắt một con ngựa như không. Tim Cu Tý đập thình thình. Cu Tý dơ súng lên. Súng chẳng dùng được việc gì cả, vì ông Xu đã bắn cả hai viên đạn rồi, một viên bắn rắn và một viên bắn nai.. Cu Tý có đeo con dao của ba Cu Tý ở thắt lưng và tiếc không đem theo con dao dài của chú Lý cho. Nhưng dù con gì thì con Cu Tý cứ phải đi. Cu Tý đi rảo bước, có khi vội quá bị vấp. Cu Tý tưởng nghe thấy một con sói tru, nhưng nghe xa quá có lẽ chỉ là tiếng gió. Gió nổi lên Cu Tý nghe thấy ở xa lắm có thể nói như gió thổi ở trong một thế giới nào khác, cách một cái vực sâu thẳm ở bên kia. Đột nhiên gió lan ra. Cu Tý nghe gió ập đến như một bức tường biết chạy. Cây cối trước mắt như ngã nghiêng. Những bụi

rậm rít lên và rạp xuống. Một tiếng sấm rền và bão tấp vào mặt Cu Tý. Cu Tý cúi xuống chống lại bão. Chỉ một lúc mưa thấm vào đến tận xương. Nước chảy như dội xuống gáy Cu Tý, chảy cả vào trong quần. Quần áo chảy xuống nặng trĩu, bám chặt lấy Cu Tý không đi được. Cu Tý đứng lại, quay người đi để tránh gió, và đặt súng xuống bờ đường. Cu Tý cởi quần áo ra, cuộn tròn lại, nhặt súng lên, rồi lại đi, trần truồng trong mưa bão. Mưa đập vào da thịt, Cu Tý thấy người sạch sẽ và tự do.

Cu Tý chợt nghĩ ba Cu Tý đã chết hay còn đang hấp hối. Cái ý tưởng ấy nặng nề quá Cu Tý không chịu nổi. Cu Tý chạy nhanh hơn lên để xua đuổi nó đi. Ông Xu không thể chết được. Cu Tý thấy chưa bao giờ kinh hoàng như bây giờ. Cu Tý khóc nức lên. Nước mắt chảy xuống, vào miệng mằn mằn; Cu Tý cầu khẩn đêm tối như đã cầu khẩn bọn Phó Lém cứu giúp Cu Tý và ba Cu Tý.

Cu Tý đã về tới chỗ trại hoang liền chạy vội lại ngồi nép vào chân hàng rào cũ để trú ẩn một lát. Gió tấp đến, lạnh hơn là mưa. Cu Tý run lên vội đứng dậy tiếp tục đi thong thả. Nước mưa đã làm trôi hết cát nên đường đi dễ hơn, gió đã giảm bớt, mưa cũng nhẹ hạt. Cu Tý vẫn đi, thực khổ não. Cu Tý tưởng chừng như còn phải đi mãi mãi, nhưng chợt thấy cái hồ nước Cu Tý biết sắp về tới trại.

Trong nhà nền thấp sáng trưng. Nhiều tiếng ngựa hí và đập chân xuống đất. Có ba con buộc ngoài hàng rào. Cu Tý qua cổng vào trong nhà. Bây giờ số mệnh ông Ba có thể nào thì cũng đã định rồi. Thấy Cu Tý vào chẳng ai buồn nhúc nhích. Bắc và Cối ngồi trước cái lò sưởi lạnh, duỗi dài trên hai cái ghế xích đu. Họ đang nói chuyện gẫu với nhau. Thấy Cu Tý, họ nhìn, nói: "A, Cu Tý", rồi lại tiếp tục nói với nhau:

- Bắc nhớ không ở đây lúc già Túy bị rắn cắn. Xu bảo huyết ky vô dụng là đúng lắm. Vì lúc già Túy giẫm lên con rắn thì đương say như chết.

- Ủ, thế nhưng nếu tôi có bị rắn cắn, thì cứ cho tôi uống như thường nhé. Tôi thích chết say còn hơn, phải không?

Cối nhỏ đánh toẹt vào lò sưởi:

- Chẳng phải bảo. Thế nào cũng có lúc.

Cu Tý rụt rè không dám hỏi, đi qua mặt hai người để vào phòng ba. Má đang ngồi ở thành giường, bác sĩ Vĩ Sơn ngồi ở phía bên kia. Ông thầy thuốc già không ngoảnh lại. Bà Ba thấy con liền đứng dậy, không nói gì cả. Bà đi lại tú lấy một cái áo sạch và một cái quần đưa cho Cu Tý. Cu Tý vút cuộn áo lót dưới sàn và đặt khẩu súng tựa vào tường. Cu Tý khẽ tới từ từ lại cạnh giường. Cu Tý nghĩ: Nếu bây giờ ba chưa chết thì chắc là không việc gì nữa.

Ông Xu tựa mình ở trên giường. Trống ngực Cu Tý đánh như trống trận. Ông Xu rên và ợ lên. Bác sĩ vội cúi xuống, giơ một cái chậu ra và đỡ đầu ông Xu. Mặt ông Xu xám lại và sung lên. Ông cố nôn nhưng chẳng nôn ra chút gì cả, mà vẫn cứ phải nôn. Ông lại rơi mình xuống gối, thở hổn hển. Bác sĩ luồn tay xuống chặn lòi ra một viên gạch bọc nỉ. Ông trao cho bà Ba. Bà đặt quần áo Cu Tý xuống chân giường và đi xuống bếp đốt lại viên gạch cho nóng. Cu Tý khẽ hỏi:

- Ba cháu có nguy lắm không?

- Cũng khá nguy; có lúc có vẻ qua khỏi, có lúc thì không.

HUỶNH ÁI TÔNG

Ông Xu mở mắt ra. Mi mắt bị sưng, con ngươi nở to ra, trông mắt đen gần như không có lòng trắng nữa. Ông cử động cánh tay. Nó sưng to bằng bắp đùi con bò rừng.

Ông lấp bắp nói không rõ tiếng:

- Khéo con cảm lạnh.

Cu Tý với tay lấy quần áo mặc.

Bác sĩ gật đầu nói:

- Ông ấy nhận ra cháu, thế là cái triệu chứng tốt. Bây giờ mới nói là một đấy.

Cu Tý cảm động nửa vui, nửa buồn. Trong lúc hấp hối mà ba Cu Tý còn lo nghĩ cho Cu Tý. Ba Cu Tý không thể chết được; không thể nào chết được.

(còn tiếp)

Nhà văn, nhà báo Trương Bảo Sơn tuy không có những tác phẩm sáng tác, nhưng là dịch giả những tác phẩm bất hủ của các nhà văn ngoại quốc danh tiếng như Gió Đông, gió Tây, Đỉnh gió hú, Ngư ông và biển cả, Chiếc lá cuối cùng ..., những dịch phẩm ấy, vẫn lưu loát, nhẹ nhàng, xúc tích lời cuốn độc giả, tác động ít nhiều đến giới sáng tác.

Tài liệu tham khảo:

- Trương Bảo Sơn Web: sachxua.net
- Con nai tơ Web: luanhoan.net

4. Nguyễn Tất Nhiên



Nguyễn Tất Nhiên - Nguyễn Hoàng Hải (1952-1992)

Nguyễn Tất Nhiên tên thật là Nguyễn Hoàng Hải sinh ngày 30 tháng 5 năm 1952 tại quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa.

Nguyễn Tất Nhiên theo học trường trung học Ngô Quyền từ năm 1963 cho tới năm 1970. Lúc mới vừa lên trung học đệ nhất cấp, Nguyễn Tất Nhiên đã làm thơ. Theo lời những người bạn cùng trường, thơ của Nguyễn Tất Nhiên rất hay từ nhỏ. Lúc đó Nguyễn Tất Nhiên thành lập thi văn đoàn với bạn học là Đinh Thiên Phương, tên thật là Đinh Thiên Thọ. Cả hai thi sĩ học trò này cùng chung nhau xuất bản tập thơ *Nàng thơ trong mắt* năm 1966, khi đó Nguyễn Tất Nhiên được 14 tuổi. Trong tập thơ này Nguyễn Tất Nhiên lấy bút hiệu là Hoài Thi Yên Thi.

Thời gian này, Nguyễn Tất Nhiên đã gặp một cô gái người miền Bắc tên là Duyên và có với cô này một tình cảm nhẹ nhàng nhưng không thành công vì hoàn cảnh gia đình và cả tính nghệ sĩ của Tất Nhiên. Dù vậy, cô gái tên Duyên này

HUỶNH ÁI TÔNG

cũng đã là cảm hứng cho Tất Nhiên sáng tác khá nhiều bài thơ *Khúc tình buồn*, hay các bài *Cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ*, *Linh mục*, *Em hiền như ma sơ*.

Cho đến khi thơ ông được một số thầy giáo gửi đăng báo, rồi Phạm Duy, Nguyễn Đức Quang phổ nhạc, nhờ đó mới bắt đầu nổi tiếng.

Vào khoảng năm 1972 hoặc 1973, Nguyễn Tất Nhiên nhận được giấy gọi nhập ngũ vào trường Võ bị Thủ Đức. Tuy nhiên mới vào Trung Tâm 3 Quang Trung, ông đã được cho về vì lý do tâm thần bất ổn.

Sau năm 1975, Nguyễn Tất Nhiên sống ở trong nước cho tới 1981. Trong thời gian này ông học đàn và sáng tác ca khúc với nhạc sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa trong bốn năm. Năm 1980, ông sang định cư tại Pháp, rồi cuối cùng sang Mỹ sống ở Quận Cam. Năm 1987, ông gia nhập Hội Nhà Văn Việt Nam Lưu Vong.

Sau ông lấy vợ có tên là Minh Thủy, có 2 con trai.

Ngoài sáng tác thơ, ông còn viết một số bài nhạc, nổi tiếng trong số đó là bài *Chiều trên đường Hồng Thập Tự* và lời ca cho bài *Trúc đào* (nhạc của Anh Bằng).

Ngày 3 tháng 8 năm 1992, người ta thấy ông đã dùng thuốc, để nằm chết trong một xe hơi cũ đậu dưới bóng cây trong sân chùa Việt Nam ở quận Cam, California. Trong xe đầy hoa và trong túi áo có một bài thơ

Tác phẩm:

- *Nàng thơ trong mắt* (thơ, cùng với Đinh Thiên Phương, 1966)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- *Dấu mưa qua đất* (thơ, cùng với bút đoàn Tiếng Tâm Tinh, 1968)
- *Thiên Tai* (Thơ, 1970)
- *Thơ Nguyễn Tất Nhiên* (Nam Á – Paris, 1980)
- *Những năm tình lận đận* (tập nhạc, Tiếng Hoài Nam - Hoa Kỳ, 1984)
- *Chuông mơ* (Thơ, Văn Nghệ - California, 1987)
- *Tâm Dung* (thơ, Người Việt, 1989)

Trích thơ:

Khúc tình buồn

(1)

*Người từ trăm năm
về qua sông rộng
ta ngoắc mòn tay
trùng trùng gió lộng*

*(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)*

*Người từ trăm năm
về khơi tình động
ta chạy vòng vòng
ta chạy mòn chân
nào hay đời cạn*

*(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa*

HUỶNH ÁI TÔNG

*khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)*

*Người từ trăm năm
vẻ như dao nhọn
ngọt ngào vết đâm
ta chết âm thầm
máu chưa kịp đỏ*

*(thà như giọt mưa
vỡ trên tượng đá
thà như giọt mưa
khô trên tượng đá
có còn hơn không
mưa ôm tượng đá)*

(2)

*Thà như giọt mưa
gieo xuống mặt người
vỡ tan vỡ tan
nào ta ân hận
bởi còn kịp nghe
nhịp run vôi vôi
trên ngọn lông măng*

*(người từ trăm năm
vì ta phải khổ)*

(1970)

Cô Bắc Kỳ nhỏ

*Đôi mắt tròn, đen, như búp bê
Cô đã nhìn anh rất ... Bắc Kỳ*

*Anh vái trời cho cô dễ dạy
Để anh đừng uống mớ tình si*

*Anh vái trời cho cô thích mộng
Để anh ngồi kể chuyện nằm mơ
"Đêm qua có một chàng bướm bướm
Nguyên chết khô trên giấy học trò "*

*Anh chắc rằng cô sinh trong nam
Cánh tượng di cư chắc lạ lùng ?
Khi nghe ai luyến thương Hà Nội
Chắc cô nghe bằng tim đứng đưng*

*Anh vái trời cho cô đứng đưng
Coi như Hà Nội - xứ hoang đường
Để anh còn dắt cô đi dạo
Còn rủ cô vào rạp cải lương*

*Anh vái trời cô thích cải lương
"Thích kẻ anh hùng diệt bạo tàn"
Một mai thế thảm quanh đời sống
Cô sẽ còn đôi chút lạc quan*

*Đôi mắt tròn, đen, như búp bê
Cô nhớ nhìn thiên hạ lặn lờng
Mà hãy nhìn anh cay lắm chuyện
Nhưng còn con trẻ chuyện yêu đương*

Em hiền như Ma Soeur

*đưa em về dưới mưa
nói năng chi cũng thừa
phát phơ đời sương gió
hồn mình gần nhau chưa ?*

*tay ta từng ngón tay
vuốt lưng em tóc dài
những trưa ngồi quán vắng
chia nhau tình phôi thai
xa nhau mà không hay*

*(hỡi em cười vô tội
đeo thánh giá huy hoàng
hỡi ta nhiều sám hối
tính nét vẫn hoang đàng!)*

*em hiền như ma soeur
vết thương ta bốn mùa
trái tim ta làm mũ
ma soeur này ma soeur
có dịu dàng ánh mắt
có êm đềm cánh môi
ru ta người bệnh hoạn
ru ta suốt cuộc đời*

*(cuộc đời tên vô đạo
vết thương hành liệt tim!)*

*đưa em về dưới mưa
xe lăn đều lên dốc
chở tình nhau mệt nhọc!*

*đưa em về dưới mưa
áo dài sần hai vạt
khi chầm bùn lưa thưa*

*đưa em về dưới mưa
hỡi em còn níu nhỏ
chuyện tình nào không xưa ?*

*vai em tròn dưới mưa
ướt bao nhiêu cũng vừa
cũng chưa hơn tình rụng
thấm linh hồn ma soe*

Hai năm tình lận đận

1.

*Hai năm tình lận đận
Hai đũa cùng xanh xao
Mùa đông, hai đũa lạnh
Cùng thờ dài như nhau*

*Hai năm tình lận đận
Hai đũa cùng hư hao*

*Em không còn thắc bính
Nuôi dưỡng thời ngây thơ
Anh không còn lých quỳnh
Giữa sân trường trao thư*

*Hai năm tình lận đận
Hai đũa đành xa nhau*

*Em vẫn còn mắt liếc
Anh vẫn còn nôn nao
Ngoài đường em bước chậm
Trong quán chiều anh ngóng cổ cao*

2.

*Em bây giờ có lẽ
Toan tính chuyện lọc lừa
Anh bây giờ có lẽ
Xin làm người tình thua*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Chuông nhà thờ đổ mệ
Tượng Chúa gãy hơn xưa
Chúa bây giờ có lẽ
Rơi xuống trần gian mưa*

*Dù sao thì Chúa cũng
Một thời làm trai tơ
Dù sao thì Chúa cũng
Là đàn ông ... đại khờ*

*Anh bây giờ có lẽ
Thiệt tha hơn tín đồ
Nguyện làm cây thánh giá
Trên chót đỉnh nhà thờ*

*Cô đơn nhìn bụi bặm
Làm phân bón rêu xanh
Dù sao cây thánh giá
Cũng được người nhân danh*

3.
*Hai năm tình lận đận
Em đã già hơn xưa!*

(1972)

Linh mục

1.
*đĩ vãng là địa ngục
giam hãm đời muôn năm
tôi - người yêu dĩ vãng
nên sống gần Satan
ngày kia nghe lời quỷ
giáng thế thêm một lần*

*trong kiếp người linh mục
xao gầy cơn điên trắng !*

2.

*vì tôi là linh mục
không mặc áo nhà giòng
nên suốt đời hiu quạnh
nên suốt đời lang thang !*

*vì tôi là linh mục
giảng lời tình nhân gian
nên không có thánh kinh
nên không có bốn đạo
nên không có giáo đường
(một tín đồ duy nhất
vừa thiếu hủy lâu chuông!)*

*vì tôi là linh mục
phổ lời tình nhân gian
thành câu thơ buồn bã
nên hạnh phúc đâu còn
nên người tình duy nhất
vừa thiếu hủy lâu chuông*

*vì tôi là linh mục
không biết mặt thánh thần
nên tín đồ duy nhất
cũng là đáng quyền năng !*

3.

*tín đồ là người tình
người tình là ác quỷ
ác quỷ là quyền năng
quyền năng là tín đồ
tín đồ là người tình*

(vì tôi là linh mục
giảng lời tình nhân gian!)

4.

vì tôi là linh mục
không biết rửa tội người
nên âm thầm lúc chết
tội mình còn thâm vai ...

(1970)

Trúc đào

Trời nào đã tạnh cơn mưa
Mà giông tố cũ còn chưa muốn tàn
Nhà người tôi quyết không sang
Thù người tôi những đêm nằm nghiêng rặng
Quên người - nhất quyết tôi quên
Mà sao gặp lại còn kiên nhẫn chào

Chiều xưa có ngọn trúc đào
Mùa thu lá rụng bay vào sân em
Mùa thu lá rụng êm đềm
Như cô với cậu cười duyên dại khờ
Bởi vì hai đứa ngây thơ
Tình tôi dạo ấy là... ngỡ ngẩn nhìn
Thế rồi trăng sáng lung linh
Em mười sáu tuổi giận hờn vu vơ
Sang năm mười bảy không ngờ
Tình tôi nít nhỏ ngòi mơ cũng thừa
Tôi mười bảy tuổi buồn chưa
Đầu niên học mới dầm mưa cả ngày

Chiều nay ngang cổng nhà ai
Nhủ lòng tôi chỉ nhìn cây trúc đào

*Nhưng mà không hiểu vì sao
Gặp người xưa lại nhìn nhau mỉm cười?*

(1973)

Lưu vong

*Có lẽ em không hay
Đôi cánh chàng, đã gãy
Chàng cần được ngủ yên
Trong nắm mồ hiện tại*

*Phải, chính em đang mang
Bão bùng hung hãn tới
Quạt mồ chàng lạnh tanh
Bông thành tang tóc, mới*

*Em buộc chàng hồi sinh
Sống, bằng đôi cánh gãy*

*Định mệnh rút như tên
Cắm ngập từng thân phận
Phải, chính em giương cung
Hồn chàng đành rơi rụng*

*Hồn chàng đành rơi rụng
Ngoan ngoan xuống tay ai
Nhu ngoài khung kiếng cửa
Chiếc lá khẽ qua đời...*

*Bây giờ vốn liếng anh
Chỉ còn đôi mắt dại
Trông vời hướng cố hương
(Tinh anh nào sót lại
Đủ xanh màu nhớ nhung?)*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Bây giờ trí óc anh
Vang vang hoài sóng bạc
Cách chi thơ thành văn
Tặng em mừng, chớp mắt*

*Ôi những chiều bên nhau
Hai đứa cười chung nụ
Gìn giữ được bao lâu?
Chút sương tình óng ả?*

*Ôi, những chiều bên nhau
Hát chung bài hát cũ
Dăm nụ cười nít nhỏ
Chén vơi sầu vong lưu*

(Paris, 18/11/79)

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng viết về thơ Nguyễn Tất Nhiên:

Phải nói rằng thơ Nguyễn Tất Nhiên là một đóng góp hồn nhiên vào đời sống thi ca của chúng ta, mặc dù chữ nghĩa trong thơ anh - nhiều bài - vẫn còn ở thể quặng mỏ của ngôn ngữ. Nó là một thứ nham thạch ròn chưa bị tính bác học của ngoại lai xâm nhập, thấm thấu và tác hại như một vài dòng thơ Việt Nam đã và đang chảy ra trong thi ca chúng ta.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Tất Nhiên Web: vi.wikipedia.org
- Thơ Nguyễn Tất Nhiên Web: thivien.net

5. Nhật Tiến



Nhật Tiến - Bùi Nhật Tiến (1936-)

Nhà văn Nhật Tiến tên thật là Bùi Nhật Tiến, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1936 tại Hà Nội trong một gia đình trung lưu, có 7 anh em.

Thuở nhỏ, ông học trường Hàng Vôi, rồi học trung học Chu Văn An tại Hà Nội.

Năm 1951, truyện ngắn *Chiến nhân mặt ngọc* của ông được đăng trên tờ *Giang sơn*. Đây là tác phẩm đầu tiên của ông được đăng trên báo.

Năm 1953, ông sáng tác nhiều hơn, phần lớn là kịch, đăng trên các báo *Cải tạo*, *Thời tập*, *Chánh đạo*.

Năm 1954, ông di cư vào Nam, cư ngụ tại Đà Lạt, chuyên viết kịch cho Đài phát thanh Ngự lâm quân, rồi về Sài Gòn dạy lý hóa cho các trường tư.

Năm 1958, khi nhà văn Nhất Linh ra *Giai phẩm Văn hóa*

HUỶNH ÁI TÔNG

ngày nay thì ông được mời đến cộng tác ngay từ số đầu. Ngoài ra, ông còn viết đều đặn cho các báo *Tân phong, Văn, Bách khoa, Văn học, Đông phương*.

Năm 1959-1975, ông làm Chủ biên nhà xuất bản Huyền Trân.

Năm 1962, với tác phẩm *Thềm hoang* ông được Giải thưởng Văn chương Toàn Quốc. Nguyên Phó Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút VN (1965-1975), nguyên Hội viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục (nhiệm kỳ II, 1974).

Năm 1971-1975, ông làm Chủ bút tuần báo *Thiếu nhi* do nhà sách Khai Trí xuất bản.

Năm 1975, ông tiếp tục dạy lý hóa ở trường Hưng Đạo tại Thành phố HCM.

Năm 1979, vượt biển qua Thái Lan tỵ nạn rồi định cư tại California (Hoa Kỳ) từ năm 1980. Ở đây, ông viết văn và theo học ngành điện toán, rồi làm chuyên viên sửa máy vi tính.

Năm 1982-1985, ông là Phó Chủ tịch Hội Cựu Giáo Chức Việt Nam Hải Ngoại. Nguyên Chủ tịch Ban Chấp hành Lâm thời Trung tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Nam California.

Năm 1998, ông nghỉ hưu, sống ở Santa Ana, California.

Vợ ông là nhà văn Đỗ Phương Khanh.

Tác phẩm:

- *Những người áo trắng* (Huyền Trân, 1959)

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- *Những vì sao lạc* (Phượng giang, 1960)
- *Thềm hoang* (Đời nay, 1961 - Giải thưởng Văn chương Toàn quốc 1962)
- *Mây hoàng hôn* (Phượng giang, 1962)
- *Người kéo màn* (tiểu thuyết kịch, Huyền Trân, 1962)
- *Ánh sáng công viên* (? , 1963)
- *Chuyện Bé Phượng* (Đông phương, 1964)
- *Vách đá cheo leo* (Đông phương, 1965)
- *Chim hót trong lồng* (nhật ký, Huyền Trân, 1966)
- *Giấc ngủ chấp chờn* (Đông phương, 1967)
- *Giọt lệ đen* (Tập truyện, Huyền Trân, 1968)
- *Đóa hồng gai* (Truyện thiếu nhi, Tuổi hoa, Sài Gòn, 1970)
- *Lá chúc thư* (Truyện thiếu nhi, Huyền Trân, 1971)
- *Đường lên núi Thiên Mã* (Truyện thiếu nhi, Huyền Trân, 1972)
- *Tặng phẩm của dòng sông* (Tập truyện, Huyền Trân, 1972)
- *Tay ngọc* (bút ký, Huyền Trân, 1973)
- *Thuở mơ làm văn sĩ* (Huyền Trân, 1973)
- *Tiếng kèn* (Tập truyện, Văn học, Hoa Kỳ, 1982)
- *Một thời đã qua* (Tập truyện, tủ sách Cảnh Nam, 1985)
- *Cánh cửa* (Tập truyện, Thời văn, California, 1990)
- *Quê nhà Quê người* (Tập truyện, với Nhật Tuấn. Văn học, Hà Nội, 1994)
- *Thân phận dư thừa* (dịch *The Unwanted* của Kiên Nguyễn, Viet Tide LLC, 2002)
- *Mưa xuân* (Truyện & kịch, Huyền Trân, 2013)

Trích văn:

Mưa Xuân

(Trong tập *Truyện & Kịch Mưa Xuân*)

Hôm ngồi chơi cờ ở Câu lạc bộ Người Cao Tuổi, trong sự rì rào của mọi người chung quanh, cái tên “bà cụ Quát” bỗng lọt vào tai ông Hưng một cách tình cờ, nhưng chợt nó sáng loè lên trong đầu óc của ông như sự thức tỉnh sau một cơn mơ dài.

Cái tên gợi lại cho ông cả một thời son trẻ xa xưa mà trong suốt bao nhiêu năm lẫn lộn trong cuộc sống, chưa một lần nó làm ông bận tâm tới. Đất nước ngổn ngang, công tác bộn bề cả trăm thứ việc, đó là lý do mà ông có thể nhẹ nhàng rũ bỏ mọi thứ tình cảm lẩn quẩn riêng tư, kể cả cái khung trời xưa cũ, nơi mà ông đã từng gửi gắm biết bao nhiêu tâm tình cũng như những sôi sục nhiệt huyết của lớp tuổi thanh niên trong thời kỳ tiền cách mạng.

Ngay chiều hôm ấy ở Câu lạc bộ trở về, ông nói với người con trai :

- Thôi, bố không đi Mai Châu ăn tết Mừng nữa đâu. Cả nhà cứ đi theo kế hoạch đi.

Người con nhìn ông hơi một thoáng kinh ngạc, nhưng rồi cũng nhún vai:

- Tuỳ bố thôi. Để con bảo chúng nó sắp sẵn xe riêng cho bố.. Mà bố định đi đâu ?

Ông Hưng giọng quả quyết :

- Tao về Canh-Diễn !

Con trai ông, một Vụ trưởng còn đang tại chức, chợt “à” lên một tiếng rồi cất giọng hơi có vẻ châm biếm:

- Ôi dà, tưởng bố đòi sang Tây sang Mỹ gì, chứ về cái nơi

đó thì có gì mà vui, toàn những xóm làng nhếch nháp.

Rồi hấn nhún vai:

- Nhưng bố thích thì cứ việc !

Thế là vào những ngày cận Tết, ông Hưng leo lên chiếc xe bóng lộn do người con trai sắp xếp, với nhiều món quà linh kinh mang theo.

Tay tài xế là một cậu khá trẻ, ăn bận bảnh bao, mồm miệng nhanh nhẩu, cử chỉ nhậm lẹ, rõ ra là một người tháo vát. Ông Hưng hỏi :

- Cậu có chắc là xe hơi về tới tận cổng làng không ?

- Ôi, cái chỗ đó con đi mấy lần rồi, ông đừng lo. Đường xá bây giờ mở rộng, nhựa trải phẳng lì.

Như sợ cậu tài chưa hiểu cái chỗ mình sẽ tới, ông cố gắng thêm:

- Cái đó thì tôi cũng biết rồi. Nhưng nhựa chỉ trải trên con đường tới Nhỏn thôi. Còn mình phải đi sâu nữa....

- Con biết chứ ! Ở đây mình qua cầu Diễn rồi vào ngã tư Nhỏn. Từ ngã tư Nhỏn mình rẽ vào con đường đi Canh, đi Sấu, đi Giá theo ngã con đê Phùng chứ gì !

Mặt ông Hưng rạng rỡ hấn lên khi thấy cái sự thông thuộc đường đi nước bước của chú tài. Ông đáp với giọng thoải mái :

- Ừ, đúng đấy. Ai mà ngờ nhiều con đường tí teo thế mà bây giờ lại trải cả nhựa để cho ô tô đi. Mà chẳng biết cái

chợ Đìa ấy bây giờ còn không ?

Cậu tài hơi nhỉnh mặt lên muốn như ché giễu cái sự lạc hậu của ông, rồi cậu vừa liếc ông qua kính chiếu hậu vừa trả lời:

- Chợ đẹp rồi, ông ơi. Bây giờ nó biến thành cái phố nhỏ, người ta xây cất nhà cửa tràn lan khắp mọi chỗ rồi.

Lòng ông Hưng bỗng thoáng một nét buồn, đồng thời hình ảnh của ngôi chợ cũ ngày xưa bỗng hiện rõ lên trong trí nhớ. Ngày đó, bốn bề là đồng không mông quạnh, gió lồng lộng thổi qua những căn lều lụp sụp, vách thưa, mái xô lệch mà ở đấy, quanh năm, dân làng tụ họp để mua bán, đổi chác những bó rau, những lon gạo, những giỏ tép, những trái cây mới hái xuống từ các vườn cây quanh nhà. Ngôi chợ trở nên ồn ào nhất là vào những dịp giáp tết mà hình ảnh của nó càng trở nên sống động hơn trong trí nhớ của ông qua những câu thơ của Đoàn văn Cừ mà đã có thời gian ông thuộc nằm lòng :

*Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau
Chú hoa man đầu chít chiếc khăn nâu
Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu
Áo cụ Lý bị người quen sấn kéo
Khăn trên đầu đang chít cũng tung ra
Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi....*

Bây giờ, chiếc xe hơi chở ông Hưng đang lăn qua khu chợ ấy. Chú tài xé quơ tay ra ngoài kính xe :

- Chợ Đìa là đây. Ông thấy còn có cái gì dính dấp với ngày

xưa không ?

Ông Hưng nhìn ra lòng không khỏi bàng hoàng khi thấy hai bên mặt đường, nhà cửa đã cất lên san sát, cái đã lên tầng, cái còn mái tôn, cái thụt vào, cái chìa ra với những hàng hiên bầy bán đủ loại hàng hoá : có nhà bán than, có nhà bán gạo, có nhà bán xi măng, lại cũng có nhà chất từng dãy những bình ga đun bếp. Rồi quán cà phê, quán cơm phở, quán cho thuê băng hình, quán hát karaôkê, mọi thứ cứ xen kẽ mà mọc liên tiếp nhau trên một chặng đường dài.

Người xưa, cảnh cũ đã tan biến vào dĩ vãng ! Ông Hưng mệt mỏi quay mặt vào trong xe và ngả hẳn người xuống lưng ghế, hai mắt nhắm nghiền như để xua đuổi những hình ảnh vừa hiện ra trước mắt.

Ông muốn níu kéo lại ngày xưa ! Cái ngày mà ở nơi chôn làng quê heo lánh này tưởng nó cách xa hẳn với đời sống bên ngoài, với những con đường nhỏ luồn lách qua những bụi tre vang tiếng kẽo kẹt theo gió, chui qua cái cổng làng xây gạch để đi vào từng con ngõ nhỏ có những mái nhà tranh nằm im lìm dưới bóng mát của những cây ổi, cây hồng bì, cây na, cây nhãn hay những giàn mướp, giàn thiên lý đang trở hoa. Con đường làng nhiều chỗ đã được lát gạch dẫn qua nhiều ngã góc ngách có những chiếc cầu tre bắc qua từng nương nước mà vào buổi trưa hè với cái nóng nung nấu, không gian im ắng đến có thể nghe thấy tiếng cá quẫy nước trong bờ nương hay tiếng những chim vành khuyên vỗ cánh bay qua đám hoa lựu đỏ lừ. Rồi khi chiều xuống, lúc ánh trăng chưa lên khỏi ngọn cau đã thấy đom đóm lập loè từng đàn, từng tốp bay trên những lùm cây đang yên ả trong vườn. Trẻ con người lớn kéo hết ra sân, trải chiếu ngồi đón gió, ngắm trăng. Trên tầng cao, bầu trời trong vắt không một dải mây có những vì sao mọc lên nom long lanh ướt làm lũ nhỏ chen nhau nằm ngửa, ngược mắt

lên trời để thi nhau đếm:

- *Một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sang*
(cứ thế mãi cho đến lúc mỗi mồm).

Trong khi ấy, lửa trong gian nhà bếp đun rom vẫn bập bùng cháy dưới những nồi khoai lang luộc mà khi khoai chín tới, một mùi thơm lừng theo khói bếp lan toả ra tận ngoài sân, làm cho mấy bát cơm lùa chung với cà muối và rau muống chấm tương vừa ăn hồi chiều đã tiêu ngọt ngay đi để dạ dày sẵn sàng đón nhận những củ khoai nghệ sẽ được bung ra trong cái rổ con còn nghi ngút khói.

Cái đồng quê êm ả ấy, riêng ở chôn này, vào cái thời ông Hưng còn trai trẻ, thế mà cũng đã từng chứng kiến biết bao nhiêu những hoạt động hào hứng, sôi nổi của đám thanh niên nam nữ ở cả địa phương cũng như ở trên tỉnh mò về.

Họ rủ nhau hoạt động cách mạng !

Khi Phong trào Truyền bá Quốc ngữ nở rộ ra tại nhiều nơi, thì cũng chính ở đây, Hưng và nhiều bạn bè đồng lứa tuổi, những thanh niên tràn đầy nhựa sống và dạt dào lòng yêu nước, cũng đã mở ra rất nhiều lớp xoá nạn mù chữ cho mọi người. Đồng quê, xóm làng ngày nào, chỗ nào cũng vang lên những câu hát :

*i tờ (t) giống móc cả hai
i ngắn có châm, tờ (t) dài có ngang...
O tròn như quả trứng gà
Ô thì đội mũ, O là thêm râu....*

Lý tưởng giải phóng đất nước khỏi ách thực dân, đem lại cho mọi người một đời sống ấm no, hạnh phúc như một thôi thúc mãnh liệt thúc đẩy toàn đám thanh niên nam nữ

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

trong làng nhất tề kéo nhau tham gia đủ mọi thứ sinh hoạt : truyền bá quốc ngữ, học múa võ xuống bình tấn, đinh tấn hay múa bài Mai Hoa Quyền, tập bắn súng gỗ , ném lựu đạn giả, tập đánh trận giả qua những lùm cây bụi cỏ hay quanh những bờ ao, bờ chuôm. Thậm chí có người còn muốn học cả Anh văn để có thể hiểu được những câu khẩu hiệu bằng Anh ngữ : **Vietnam to the Vietnamse** mà lũ nhỏ đã diễn dịch nôm na là **Việt nam to thế Việt nam mệ sê !**

Và hàng đêm những tiếng hát cũng ở đâu đó vang lên :

*Anh em trong đoàn quân du kích
cùng vác súng lên nào
Đi lên ! Đi lên !
Xuyên qua rừng qua núi
Qua mây mù đêm tối
Vượt suối băng ngàn.....*

Rồi có những bài hát rất kích động lòng người như bài “Người Việt Nam Xin Đừng Quên” :

*Người Việt Nam xin đừng quên
Hơn sáu mươi niên
Loài lang thú chuyên quyền
Róc xương thịt mình
Người Việt Nam
Khốc tàn..điều linh*

Nghĩa là vào ngày ấy, ở nơi đây đã bùng lên khí thế của cả một giai tầng thanh niên đi xây mộng ước lật đổ ách nô lệ để mưu cầu một đời sống tốt đẹp hơn cho mọi người.

*

Trời đang ong ong nắng bỗng dịu đi và không gian heo hút

lạnh với những ngọn gió ẩm ướt gây thành những cảm giác gây gây. Rồi một cơn mưa nhẹ trút xuống. Những bụi mưa phơ phất quay trong nền trời đã ngả sang màu xám đục. Ông Hưng tự nghĩ, mưa Xuân chỉ nhẹ nhàng như thế thôi, chẳng phải quan ngại gì cho chuyến đi.

Khi chiếc xe tới một ngã ba, ông Hưng ngồi bật dậy và nói;

- Phải đây là chỗ rẽ đi về làng Kim Hoàng hay làng Thuận Ái không ?

Chú tài xế nhanh nhẩu :

- Thưa đúng đấy. Con đường này khí hẹp nhưng xe con lách nhau cũng vừa.

Ông Hưng buồn bã:

- Thế thì cũng mất luôn cái quán gọi là quán Ba Cây ở đây rồi.

Rồi ông kể lể ;

- Gọi là quán Ba Cây vì ở đây có ba cái cây lớn mọc chụm vào nhau. Có một cái quán nước được dựng lên ngay dưới những tàn cây ấy. Quán nhỏ thôi, mái rơm, phen nứa, bàn làm bằng chõng tre, ghế là những tấm ván dài kê áp vào. Ở đây có nước chè tươi, có kẹo vừng, kẹo bột, có chè lam, bỏng cốm, nhưng tuyệt nhất là món bún riêu. Vào mùa đông gió lạnh, ngồi trong quán nghỉ chân, tránh cơn mưa phùn gió bắc mà húp bát bún riêu nóng bỏng và cay sè thì phải kể là tuyệt trần đời.

Tâm tình của ông Hưng lại chìm đắm trong những kỷ niệm xa xưa đến nỗi cái xe vô tới đầu làng lúc nào ông cũng

không hay.

Xe ngừng lại ở ven bờ một cái ao lớn, bốn bề lát gạch thẻ bao quanh, mặt nước phản chiếu một màu vàng óng soi bóng cả một dãy cây đa, cây đề mọc um tùm ở gần đó. Phía bên kia bờ ao có lát những bậc cấp để làm cầu ao lên xuống. Xa hơn nữa là cái sân rộng mênh mông dẫn tới một ngôi đình với những cột gỗ lim đồ sộ và một mái ngói lâu năm đã ngả màu rêu xám. Ông Hưng reo lên :

- Ao đình Thuận Ái ! Ôi, ngày xưa lũ nhỏ trong làng hay lên ông từ giữ đình lội xuống ven bờ ao để bắt những con ốc cõm bám vào thành gạch xây quanh ao đình. Ốc cõm đem về luộc mà chấm với nước mắm ớt, gừng thì cao lương mỹ vị cũng không sánh bằng.

Rồi ông tắc lưỡi như nói một mình :

- Ủ, chỉ có chỗ này là còn nguyên không thay đổi gì hết thôi.

Một lát sau, hai người đi bộ trên con đường làng. Ngõ ngách quanh co thì vẫn vậy, nhưng cảnh cũ thì nay còn đâu. Những mái nhà tranh có bờ tre, cổng gỗ, có vườn tược bao quanh nay hầu như tất cả đã biến thành những ngôi nhà kín cổng cao tường có những cánh cổng sắt mở ra như những ngôi biệt thự của nhà giàu có trên tỉnh. Ông Hưng bàng hoàng tạt nhủ :

- Chết thật ! Thì ra cái nền kinh tế thị trường cũng đã xâm lấn vào tới tận đây.

Với những khuôn mặt lạ hoắc, không còn chất quê hiền lành, chất phác ngày xưa !

Ừ, thì còn tìm ra đâu bè bạn ngày xưa : những Bính, những Hoàn, Nam lớn, Nam con, các cô Hoè, Thục, và nhất là Mùi, cô thôn nữ răng đen, má hồng, ngực căng sau lần yếm đỏ, hoa khôi trong làng đã có thời làm ngây ngất bao trái tim của đám trai làng. Bính thì đã hy sinh ở mặt trận Thất Khê. Hoàn, Nam lớn chết trong trận Điện Biên Phủ. Mùi mất tích trong Trường Sơn. Chỉ có tin Nam con thì đang là một đại gia giàu có mãi trong tận Sài Gòn. Còn Hoè, còn Thục và một số trai tráng khác nữa thì biệt vô âm tín vì ông Hưng chưa nghe có ai nhắc tới bao giờ.

Ông Hưng cứ tiếp tục lầm lũi đi như đang lần dò từng bước trong cơn mơ trở về quá khứ. Và ông cũng không phải mất nhiều thì giờ để tìm ra nhà bà cụ Quát là người mà hôm nay ông cố tình tìm tới.

Căn nhà của cụ thì vẫn như xưa, mái tranh bạc phéch một màu xám trắng vì dầu dãi nắng mưa, cái cổng gỗ ọp ẹp vẫn còn mặc dù đã phải đóng, phải chêm bằng đủ thứ vật dụng. Một con chó ốm tong teo đang nằm trên hè bỗng chồm lên, hực sủa. Cái hè trước nhà cũng vẫn còn nguyên đó nhưng mấy tấm giại đan bằng tre nay đã không còn. Cả một dãy cánh cửa bức bàn, một loại cửa lùa cánh gỗ nay cũng đã được thay bằng một tấm bạt nylon dù cũ kỹ nhưng vẫn còn giữ được cái màu xanh lơ chói mắt.

Ông Hưng bước lên hè.

Chẳng có ai ra đón nhưng có tiếng khàn khụa từ trong vọng ra :

- Ai đấy ?

Ra đầu cho chú tài xế chờ ở ngoài hè, ông vội vã bước vào

và lên tiếng:

- Bà Quát ơi ! Cháu là Hưng, ở Hà Nội về thăm bà. Bà có nhớ Hưng không ?

Phải một lúc định thần, Hưng mới quen được quang cảnh trước mắt đang chìm đắm trong một thứ ánh sáng nhò nhò không đủ soi rõ một cái bàn gỗ thấp kê ngay dưới một cái bàn thờ cũ kỹ.

Bà cụ Quát đang nằm trên một tấm phản gỗ kê ở bên cánh trái căn nhà. Phía bên kia là một cái buồng không có vách ngăn và cánh cửa, bên trong chất đủ mọi thứ gia dụng trên đò: chạn ăn, rổ bát, nong nia, thúng mủng ngổn ngang bên những bó củi gỗ và những sọt đựng than, đựng cuốc xẻng làm vườn và cả quần áo ẩm mốc, hôi sì. Một cái bếp lò kê giữa lối đi, mặc dù đã là ngày giáp tết nhưng vẫn mang vẻ tro tàn khói lạnh

Ông Hưng hơi rùng mình và tự nghĩ :

- Đời sống của bà cụ xuống cấp tệ mạt đến thế này ư? Ngày xưa, cái gian nhà này đâu có thế !

Nhưng cũng chẳng lạ! Đám con cháu của bà đã lên đường đi theo tiếng gọi của non sông và đã hy sinh hết cả trong các trận chiến rồi. Lòng ông Hưng đau quặn lại khi hình dung ra dáng dấp khoẻ mạnh của Hoàn, con bà cụ, vẫn thường ra vào nơi chôn này, trong khung cảnh nhà cửa tinh tươm sạch sẽ, có hoành phi, có câu đối, có quạt kéo móc ngang trên trần mà chỉ cần một đĩa nhỏ kéo sợi dây là cả gian nhà đều có gió mát.

Nhất là những buổi chiều hè, Hoàn thường hay đứng giữa sân, sừng sững như một tay kiện tướng, hai tay cầm cái

quạt thóc to gần bằng nửa cánh phan để quạt tung những bụi, cát và trấu còn lẫn lộn trong thúng thóc mà một người lực điền khác đang đứng trên ghé cao đổ xuống mặt sân gạch. Bắp thịt của Hoàn lúc đó nổi lên cuộn cuộn, khuôn mặt của anh đỏ rừ dưới nắng và đầm đìa mồ hôi.

Con người tràn đầy sinh lực như thế mà đã gục ngã trên một sườn đồi ở Điện Biên Phủ. Bà Quát được tin, khóc ròng rã mấy tháng liền đến độ đôi mắt sưng mọng lên, tưởng đã bị mù hẳn nhưng may, sau còn cứu vãn kịp. Tất nhiên đôi mắt mẹ khóc con ấy đã chẳng còn được tinh tường như xưa.

Bây giờ, sau ngần ấy năm nước chảy qua cầu, dễ ngoài chín mươi rồi nhưng bà vẫn còn ở đây, thân hình teo tóp còn cỗi nhưng sức lực thì vẫn còn dai như những con đĩa có bám lấy mảnh đất hương hoá của cha ông. Bà vẫn còn nhận ra ông Hưng. Bà quờ tay về phía ông mà cất giọng như muốn gào rú lên :

- Ôi giời ơi, thằng Hưng! Hưng đấy hả con?

Trong khi ông Hưng nghẹn ngào chỉ biết gật đầu thì bà đã ngóc dậy và tiếp tục nói bằng một giọng khàn khưa có lúc hơi khó nghe:

- Mà đi đâu từ hồi đó mà sao không thấy về thăm xóm, thăm làng.

Ông Hưng áp ứng:

- Con...con bận việc nhà nước...bận công tác bà ơi....bây giờ con vừa mới được về hưu...

Bà Quất thôn thức :

- Thằng Hoành vẫn số, chết từ xưa, đâu có biết hưu là cái gì. Còn nhiều đứa nữa, cái Mùi, cái Hoè thằng Nam... cũng hy sinh hết cả rồi....Thế mà tao chẳng được chết thay cho. Tao đâu có được cái tích sự gì !

Rồi bà tu lên khóc.

Ông Hưng vội an ủi :

- Ôi, sao lại không tích sự gì ! Nhờ có bà chăm lo đời sống, từng cái ăn, từng thức uống thì chúng con mới rảnh rang đi làm nhiệm vụ. Cái sự hy sinh của bà cũng như các bà mẹ khác, biết lấy gì mà đo cho được.

Nói rồi ông tiến lại gần phản gỗ để đỡ hẵn bà cụ ngồi dậy. Đầu ông choáng váng, ngất ngư khi thấy cánh tay của bà cụ quá gầy guộc và khẳng khiu như một cành sậy. Ông xót xa nhìn lên khuôn mặt rúm rỏ, xanh xao của bà có những sợi tóc bạc phơ đang loà xoà rủ xuống. Bỗng ông buột miệng :

- Bà ăn uống thế nào ? Sao bà gầy ốm quá thế này ?

Bà cụ hơi nhếch một nụ cười, vành môi không đủ che hai hàng lợi đã chẳng còn lấy một chiếc răng nào :

- Có cái My, cháu ông Tửu bên hàng xóm đó. Nó chạy qua chạy lại, có gì ăn cái này.

Ông Hưng vừa ngồi xuống một bên mép phản, vừa thở dài :

- Thôi thế cũng may. Mà cháu đâu ngờ ông Tửu vẫn còn sống. Ngày xưa ông ấy còn thoát ly trước cả cháu mà.

Bà cụ gật đầu :

- Thế thì chốc nữa qua thăm ông ấy một tí. Bây giờ cũng chỉ như một thứ sư tử về già.

Hình ảnh anh chàng Tửu với hai hàm răng trắng bóng, mái tóc đen mượt mà với tính tình sôi nổi của anh lại chợt hiện rõ trong trí nhớ của ông Hưng. Đã có một thời ông nghe danh tiếng của Tửu được truyền tụng trong giới quân đội, nhưng rồi bỗng đi, ông không còn nhận được tin tức gì về Tửu nữa. Ai ngờ, cái nhân vật ấy lại đang nằm ần ần ở cái nơi xa xôi heo lánh này.

Còn đang mãi suy nghĩ về nhân vật Tửu, chợt bà Quát cất lên một cơn ho dài làm ông Hưng vội bước qua, đỡ lấy bà cụ cho dựa vào cánh tay của mình. Lòng ông lại xót xa khi thấy sao mà thân mình của bà gầy ốm như một thứ mèo hen.

Khi dứt cơn ho, bà mới nói :

- Thằng Tửu cũng không còn ở xóm Giếng nữa đâu. Có muốn sang thăm nó thì chờ cái Mỹ tới, nó đưa đi.

Ông Hưng ngạc nhiên;

- Ủa, thế cái nhà của ba gian hồi xưa ở xóm Giếng đâu ?

Bà cụ thở dài :

- Nó bán đi rồi. Giải ngũ ra, nghèo rớt mùng tơi, nó lên tỉnh đi làm thợ sửa xe. Rồi vợ nó ốm một trận thập tử nhất sinh, bán cả nhà đi mà chữa cũng không qua khỏi.

Giọng bà cụ chột trở nên linh động hơn :

- Mà cái thằng mua lại nhà của nó, biết là ai không?

Ông Hưng còn đang lúng túng chưa kịp trả lời thì bà cụ đã tiếp :

- Linh cũ của nó chứ ai ! Ôi cái thời đòi đòi, thằng dầy công, có tài thì đi sửa xe, thằng bắt tài vô tướng nhưng giỏi luôn lọt thì giàu nứt đổ đổ vách. Cái nhà mua rồi, nó cất lên ba tầng có hàng rào sắt bao quanh, lại nuôi cả chó bẹc-giê giữ của nữa đấy.

Câu nói của bà khiến ông hơi trạnh nghĩ tới thằng con đang còn tại chức của mình. Quả nó là một tay luôn lọt giỏi. Nhưng ông làm được gì ? Một đôi lần bố con trò chuyện, ông vừa gợi ý thì nó đã nói :

- Đòi cua cua máy, đòi cáy cáy đào, “ông” ơi!

Rồi nó nhún vai bỏ đi. Như thế cũng còn là ...hiếu thảo! Bởi ông có vài người bạn, cũng trong hoàn cảnh về hưu như ông, đã có lần bị con cái nói như hắt vào mặt :

- Nhà cao cửa rộng, xe hơi đi lại đều ở đó mà ra đó, bố ơi! Bố có muốn ra đứng đường hay không?

Ôi, chỉ thiếu điều cần lưỡi tự tử nhưng ở đời có mấy ai còn đủ can đảm để làm chuyện đó.

Cuộc trò chuyện với bà Quát xoay ra những tin tức về những con người làm ăn theo thời thế. Ông Hưng không khỏi nghĩ đến lũ con, cháu của những bạn bè xưa cũ đã hy sinh. Bây giờ chúng nó ra sao hay cũng cùng một dạng như

con cái của ông, của bạn bè nơi sở làm. Ông cất tiếng hỏi:

- Thừa bà, thế còn lũ nhỏ đàn con, đàn cháu trong làng, từ ngày hoà bình thống nhất rồi thì tình hình chúng nó ra sao ?

Như một cuốn gia phả ghi chép chi li ngọn ngành về mọi sự biến đổi trong ngôi làng nhỏ bé này, bà cụ Quất rành rọt nói về thân phận của từng người quen họ hàng hay chòm xóm thân thuộc:

- Em gái cô Mùi, tức cái Ngoan, bây giờ cũng đã già rồi. Có hai đứa con gái thì một đứa chết bệnh Sida, còn đứa kia theo lấy chồng Đài Loan, mấy năm nay không có tin tức gửi về.

- Thằng Thạch, em thằng Bính cũng hy sinh ở bên mãi bên Nam Lào, nhưng trước đó cũng đã có vợ, có con. Vợ nó lấy chồng khác. Con gái nó chả hiểu làm ăn gì mà bị đưa vào trường phục hồi nhân phẩm mãi trong Sài Gòn.

- Cháu ruột cô Hoà, gọi cô ấy bằng dì, cái thằng tưởng khá mà sau lại dính vào xì ke ma tuý...

- Còn thằng cháu đích tôn ông Đoái, cụ xã ủy làng này bây giờ cũng sinh trộm cướp, kéo bè kết đảng hiện đang ngồi tù.

- Còn ...

- Còn...

Tai của ông Hưng thốt nhiên cứ ù cả lên. Ông không còn can đảm nghe tiếp những sự thật phũ phàng cứ tuôn ra tuột từ miệng bà lão như thể chưa bao giờ nó có một dịp

như thế để tuôn ra.

Nhưng bà Quát đâu phải là ma xó ! Bà chỉ như cái gốc đa, gốc đề chôn gốc, mọc rễ ở cái thôn làng nhỏ bé này để chứng kiến những chuyện vật đổi sao rời. Chỉ có điều, những trang sách ghi gói từ trí nhớ của bà sao mà hồi kết cục nó thấm thương và khốn cùng đến thế.

Ông vội vã đứng dậy xin phép tạm đi ra ngoài để nhìn ngắm cảnh vật đổi thay ở chung quanh nhà. Ông đi mau đến độ xô cả vào con chó ốm đang nằm buồn thiu vẫn dương đôi mắt đờ đẫn nhìn ra ngoài bầu trời vẫn còn đang ảm sì và vẫn đang còn nhỏ xuống tí tách những giọt mưa trên mái lá.

Ông bước xuống sân gạch và đi qua cái chỗ mà ngày xưa Hoàn đã từng đầm đìa mồ hôi đứng quạt thóc. Ông như nhìn thấy đôi mắt rực ngời tin tưởng của Hoàn vẫn còn lẩn quất ở đâu đây. Trong niềm tin ấy, đã nhiều lần Hoàn nói với ông :

- Mình cứ phải hy sinh đi. Cho đời con, đời cháu nó hưởng.

Câu nói ấy của Hoàn bây giờ có sức mạnh xô ông, làm ông phải ngòì khụy xuống bên cạnh cái bể nước mưa mọc đầy rêu xanh vẫn ẩn dưới tán lá của cây hồng bì.

Ôi những ngày xưa cũ và những hoài bão tràn đầy vinh quang và nhiệt huyết như của Hoàn, sau ngàn ấy năm, sao lại chỉ nảy sinh ra những thành quả đốn đau và tủi nhục như ông ấy.

Trước khi gục ngã, những Hoàn, những Bính, những Mùi, những Hoè hay cả nghìn những con người trên đất nước này đã hy sinh đâu có biết rằng mình đã tận tụy một đời để

HUỶNH ÁI TÔNG

chỉ đem lại cho thế hệ đàn con, đàn cháu một đời sống thảm thương đến thế. Cái mà chúng nó “ hưởng” là như thế ư?

Bất giác ông lại nghĩ tới đứa con trai của mình. Hiện nó đang làm Vụ trưởng đầy quyền uy và tiền bạc thì vào như nước chảy.

Như thế thì trong đám trẻ của thế hệ thứ hai, thứ ba, có đứa thế này, có đứa thế khác. Nhưng dù là thế nào đi nữa, chúng nó cũng đều chỉ là sản phẩm của một thứ thành quả đang ung thối, mục ruỗng. Nếu biết sự thế cuối cùng cũng chỉ bày ra được ngàn ấy, thì những con người đã hy sinh, trước khi nằm xuống, hỏi có ai nhắm được mắt?

Khuôn mặt của ông Hưng bỗng nhiên ướt đầm đìa. Nước mắt của ông như nhòe ra, tan vào

những giọt mưa xuân đang rơi rả rích qua từng kẽ lá.

(California, tháng 10 2004)

Trong bài *Thế-giới nhân-bản của Nhật Tiến* nhà phê bình Nguyễn Vy Khanh đã viết:

“Thế giới tiểu thuyết của Nhật Tiến (sinh năm 1936) có hai đặc điểm chung: một thế giới của những con người bất hạnh và một không gian của nhân phẩm, con người! Tác giả của chúng là một con người đầy lòng nhân ái và ông muốn mọi người chia sẻ cái nhìn của ông!”

Tài liệu tham khảo:

- Nhật Tiến Web: vi.wikipedia.org
- Mưa xuân web: nguoitinhhuo.wordpress.com

6. Trần Hoài Thu



Trần Hoài Thu - Trần Quý Sách (1942-20)

Trần Hoài Thu tên thật Trần Quý Sách, sinh năm 1942 tại Đà Lạt Việt Nam. Tuổi thơ thất lạc cha, theo mẹ sống khổ cực ở thành phố Nha Trang. Sau đoàn tụ với thân phụ mới theo học Quốc Học Huế, đại học Sài Gòn. Từ năm 1964-1966, là giáo sư toán trường trung học Trần Cao Vân tỉnh Quảng Tín (nay đã sát nhập lại vào Quảng Nam).

Năm 1967, nhập ngũ khóa 24 SQTĐ Thủ Đức. Phục vụ tại đại đội 405 Thám kích vùng II trong 7 năm. Hai năm cuối cùng, trước ngày mất nước, làm phóng viên chiến trường vùng IV. Hai lần bị thương: lần thứ nhất tham chiến trận giải cứu thành phố Qui Nhơn, tết Mậu Thân 1968; lần thứ hai: tấn công lên đồi Kỳ Sơn Bình Định, 1971.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, bị học tập cải tạo hơn 3 năm.

Năm 1980, vượt biên được tỵ nạn tại Mỹ, định cư ở New Jersey, Trần Hoài Thu quyết tâm xây dựng lại cuộc sống mới trên xứ người, ông trở lại nhà trường năm 38 tuổi. Ít năm sau, ông tốt nghiệp Cử nhân Điện toán và Cao học

HUỶNH ÁI TÔNG

Toán Ứng Dụng tại Đại Học Stevens Institute of Technology. Sau đó vào làm việc cho công ty điện thoại AT &T với chức vụ *Member of Technical Staff* về *Systems Engineering* rồi qua làm *Project Leader* về ngành tin học cho công ty IBM.

Khởi sự viết văn từ năm 1964. Truyện ngắn đầu tay *Nước Mắt Tuổi Thơ* đăng trên tạp chí *Bách Khoa* Sài Gòn. Ngoài *Bách Khoa*, còn cộng tác với *Văn Học*, *Đời*, *Bộ Binh*, *Thời Tập*, *Vấn Đề*, *Khởi Hành*, *Ý Thức*. Sau 1975, tại hải ngoại có truyện đăng trên *Nhân Văn*, *Hồn Việt*, *Dân Quyền*, *Diễn Đàn*, *Sóng*, *Văn Học*, *Quê Mẹ*, *Đời Mới*.

Trần Hoài Thư đã nghỉ hưu từ năm 2004, đã cùng với những người bạn như Phạm Văn Nhân, Trần Bang Thạch ... xuất bản tạp chí không định kỳ *Thư Quán Bản Thảo* và ông chủ trương nhà xuất bản Thư Quán. Nhà xuất bản đã in, phát hành một số tác phẩm như: *Thơ Vũ Hữu Định*, *Quanh Quẩn Chuyện Đời* (truyện của Trần Bang Thạch), *Hương Sắc Mong Manh* (thơ Hoài Khanh), *Một Minh Như Cánh Lạ* (thơ Hạc Thành Hoa), tập truyện của Y Uyên vv...

Tác phẩm:

- *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* (Ý Thức, 1968),
- *Những Vì Sao Vĩnh Biệt* (Ý Thức, 1970),
- *Ngon Cỏ Ngậm Ngùi* (Ý Thức, 1971),
- *Một Nơi Nào Để Nhớ* (Con Đường, 1974)
- *Ra Biển Gọi Thăm* (tập truyện, 1995),
- *Ban Mê Thuộc Ngày Đầu Ngày Cuối* (1997),
- *Về Hương Mặt Trời Lặn* (1998),
- *Thơ Trần Hoài Thư* (1998),
- *Mặc Niệm Chiến Tranh* (tùy bút),

- *Thế hệ chiến tranh* (tập truyện)
- *Đêm Rừng Tràm* (Tập truyện)
- *Đại Đội Cũ, Trang Sách Cũ* (tạp văn)
- *Thủ Đức Gọi Ta Về* (hồi ức).
- *Ngày Vàng* (thơ)
- *Thế hệ chiến tranh* (tập truyện)
- *Đêm Rừng Tràm* (Tập truyện)
- *Đại Đội Cũ, Trang Sách Cũ* (tạp văn)
- *Hành trình của một cổ trắng* (truyện vừa)
- *Ở Một Nơi Trên Trường Sơn* (tập truyện)
- *Truyện từ Bách Khoa*
- *Về hướng mặt trời lặn* (Tập truyện)
- *Ô cửa* (thơ, 2004)
- *Xa xír* (thơ, 2011)
- *Truyện từ Văn* (2012)

Trích văn:

Bệnh xá cuối năm

Những ngày cuối năm, người ta bắt đầu sửa sang lại bệnh xá. Đám lính đã thay phiên quét vôi mới trên các vách tường loang lổ, cũ kỹ của trại. Họ chùi lau các ô cửa sổ, quét dọn con đường, sân trại và đốn ngã một gốc cỏ thụ to lớn bên cạnh nhà vĩnh biệt. Một vè gi mới mẻ và tươi mát đã trở về trên những mái ngói của khu điều trị sĩ quan, trại nội thương số 2, hoặc những mái tôn của trại binh sĩ. Trong thính không, nắng mới mang theo hơi ấm. Bầu trời thật xanh, và mây trắng là đà rất thấp, dễ chùng chạm vào đỉnh những cây cỏ thụ đầy bóng lá.

Đây là lần thứ hai tôi trở lại khu bệnh xá này. Chiếc xe ambulance cũ kỹ, nệm xe toi tả, trần xe bám đầy bụi đỏ, hú còi mang tôi vào cổng đầy hoa sứ ấy. Tôi lại bắt đầu làm

bạn cùng cái giường sắt kê bên vách trại, cái mùng cũ, tấm mền, tấm drap xa xưa. Có một điều gì quá xúc động đang chiếm lấy tôi, khi tôi đứng trên bậc thềm trại cũ trong một buổi sáng mai rét buốt này. Tôi đang nhìn lại những ngày tháng cũ, như tìm ở đây một sự dung thân tội nghiệp của đời tôi. Có phải, cuối cùng, tôi chỉ còn có nó, để giúp đỡ tôi trong những ngày quá sức bão bùng. Người bạn yêu dấu của đời tôi. Vậy tôi phải thú thật, người bạn quá thân mến ấy, đã giúp cho tôi quên đi những phiền muộn, những lo âu, những toan tính, sửa soạn ở bên ngoài. Có ai hiểu lòng tôi không ? Có ai nhìn con tim tôi đang mềm yếu đấy không ?

Đây là lần thứ hai, tôi được sống bằng những ngày tuyệt vời nhất của tuổi trẻ. Bom đạn, hận thù, lệch lạc, tôi đã bỏ quên ở ngoài hàng rào dây kẽm. Bây giờ, thế giới của tôi, tôi đang thu nhỏ lại trong cũi cô đơn. Tôi và cái giường sắt quen thuộc, tôi và tấm chăn áp ủ suốt ngày. Tôi và những ngày trôi qua, với những nỗi quên lãng...

Trại bệnh vàng tươi dưới ánh nắng đầu ngày. Tôi rảo mắt nhìn căn phòng điều trị cũ, để tìm một gương mặt quen thuộc. Các giường sắt đang nằm song song với nhau. Các tấm nệm được cuộn lên tự lúc nào. Các mùng gối đã mang đi đâu hết. Chỉ còn vài người co ro trong bộ đồ xanh nằm trên giường, đang nhìn một kẻ lạ. Thật sự, tôi đã xúc động vô chừng. Tôi liên tưởng đến một ngày ngưng tiếng súng đã sắp kê. Ngày hòa bình đã sắp đến. Tôi nghĩ rằng, chỉ có tôi là một kẻ cuối cùng đến với trại bệnh này mà thôi. Vâng, ở những chiếc giường sắt trông tron ấy, là một biểu tượng của một cuộc chiến gần tàn hay sao ? Là hình ảnh của một chiến trường lắng dịu hay sao ? Là kết quả trung thực nhất, mà báo chí, lãnh tụ đã tiên đoán trong những ngày gần đây hay sao ?

Tôi đang đứng giữa một căn phòng bệnh xá. Ngày nào,

cũng những cái giường này, những người thương binh từ mặt trận trở về, tay chân bó bột, mắt mù, tai điếc đang mếu máo rên rỉ. Ngày nào, những đôi mắt tốt cùng đau đớn, đang đắm lệ nhìn lên trần nhà xám xịt, hòa lẫn những tiếng khóc thương của một kẻ vừa lên bàn mổ. Vâng, ngày nào, tai tôi còn nghe rõ, tiếng cha ơi, mẹ ơi, của một người thương binh trẻ, tiếng kêu đau đớn trong đêm tối, em ơi, vợ ơi... Ngày nào, cái thế giới của xanh xao, bệnh hoạn, của khắp khênh, của tàn tạ, buồn như một chiếc xe quen đưa người về nghĩa địa. Bây giờ, thế giới ấy đã không còn nữa... Nếu có, chỉ vài ba con bệnh sốt rét, nước da tái mét đang nằm bất động trên tấm drap chờ ngày xuất viện mà thôi.

Phải hòa bình đã đến rồi không ? Phải cái giờ phút quá chừng tuyệt vời, quá mức linh thiêng ấy đã đến rồi chẳng... Có sao tôi đang chờ đợi nó, mỗi mòn suốt ngày trên giường bệnh. Thật sự tôi đã quá chừng mềm yếu. Tôi mong bệnh sẽ tiếp tục hành hạ. Tôi mong phổi tôi sẽ phải nám. Tôi mong mắt tôi sẽ phải nặng thêm một hai độ, tai tôi sẽ phải điếc... Rồi, sẽ trở về một cách thật bình an. Trưa nay, tôi đang nằm trên giường bệnh với bao ý nghĩ trong đầu. Nhiều lúc, tôi ngỡ tôi là một quan tài cũng nên. Tôi đang trải con tim tôi cùng cõi lòng của khu bệnh xá. Trong bốn vách tường hình chữ nhật, vàng nhạt ướm màu, có những người đến và ra đi... Tôi nằm lắng tai nghe nổi mỗi mòn rã rời lẫn đi như một bánh xe trên con đường vô định. Giờ này, người yêu dấu của tôi đang ở mãi dưới một đồng bằng châu thổ. Giờ này, nàng đang trở lại căn phòng làm việc cũ của nàng, với những chồng hồ sơ, với những trang đánh máy lở dở. Rồi chốc nữa, nàng sẽ về lại nhà, trước tiên nhìn căn phòng, để xem cửa sổ có mở. Nàng vẫn hy vọng một ngày bất chợt tôi trở về để mở cánh cửa đã đóng từ lâu. Tội nghiệp cho nàng. Còn tôi, giờ này, đang ở mãi một nơi cao nhất của xứ sở, của lạnh lùng, của gió vu vu, của mưa thét

gào...Một người bạn đã viết về tôi : rồi hẳn sẽ bắt đầu chôn chân vào một lao tù mới. Ôu đâu cũng là một bãi sinh.

Vẫn con cừu già quen thuộc. Vẫn bộ lông dày cộm rủ xuống tận đất, đầy như bản. Nó đã có mặt tại khu bệnh xá này từ bao giờ, nó vẫn kéo dài cuộc sống thật lẻ loi, tội nghiệp, thật mệt mỏi. Một con súc vật quá sức cô độc, chẳng khác một cái bóng mờ âm đạm. Nó nằm ngủ bên hiên trại. Nó vắt vẻo trong khu nhà bếp. Nó đứng ủ rũ tránh cơn mưa đang giận dữ thét gào. Nó nặng nề khốn khổ mang bộ lông dày như một chiếc mai tự vạn kiếp. Nó vẫn hiện hữu; khi trong trại bệnh này, biết bao kẻ đến và đi... Nó chẳng khác một ông già trợ trợ nhất trần gian, kéo dài cuộc đời tăm tối.

Trước mặt tôi, con cừu già nua ấy đang nằm trên sàn đất đỏ sùi nằng. Ngày hôm nay, trời trở ấm sau những ngày rét mướt lạ lùng. Căn phòng bệnh xá được tô điểm lại, chắc để đón mừng năm mới hoặc một phái đoàn cao cấp nào đó. Con cừu già, miệng nhai chậm chạp, đôi mắt lơ đãng nhìn những bóng thương bệnh binh chập chờn qua lại. Bên cạnh tôi, một vài thương binh trong bộ đồ xanh đang chơi cờ tướng. Họ bị sốt rét hành. Họ đã kể với tôi về những đơn vị bị chứng bệnh trên (...). Sốt rét ở vùng cao nguyên này có tiếng là ghê khiếp. Người bạn cùng phòng đã kể :

- Cậu hãy tưởng tượng một thằng như tôi, uống nước bao giờ cũng đun sôi, cũng bỏ thuốc lọc, thế mà cũng bị sốt rét...

Tiếng người bạn khác chen vào, pha trò.

- Thì vào nhà thương, thì đợi hòa bình...

- (...)

Vâng, cái ảo ảnh quyền rũ ấy, đã đến với chúng tôi như một chất ma túy. Thí dụ, buổi tối hôm nay, đài Luân Đôn, đài Hà Nội, đài Bắc Kinh, đài Sài Gòn, đã trình trọng đọc một bản tin quan trọng nhất trong những bản tin thời sự thế giới: Hai phe lâm chiến đã ý thức được sự tồn vong của dân tộc, đã đồng ý ngưng chiến kể từ ngày... Hòa bình đã về, sau hơn hai mươi lăm năm chiến tranh phi lý... Ôi, nếu đêm hôm nay, tiếng nói ấy như một lời thánh thần ban xuống giữa cõi tối tăm của bệnh xá này... Tôi đang lịm trong giấc mộng tuyệt vời ấy. Tôi đang muốn chết đi trong nỗi sung sướng điên cuồng ấy. Rồi, tôi và lũ bạn ở trong trại bệnh, sẽ dặt dìu nhau, kẻ chống nạng, kẻ băng bó đầy mình, kẻ tóc râu như con dã thú, kẻ xanh xao, ốm yếu, như một tên nghiện thuốc phiện... Chúng tôi sẽ mở cánh cửa sắt của thế giới này, trải con tim thật nhạy cảm cùng nhân loại, để làm một cuộc duyệt binh vĩ đại cùng những người đang lâm chiến. Họ ở Trường Sơn xuống, Hạ Lào qua, Cao Mên lại. Họ từ muôn nơi tụ họp lại, cùng bắt tay nhau, cùng chúc mừng nhau, cùng nghẹn ngào chào nhau. Hà Nội gặp Sài Gòn. Quảng Bình gặp Quảng Trị. Huế gặp Vinh, những thành phố miền Bắc sẽ phải thấp đèn lên, để chào mừng những ngọn đèn của miền Nam. Rồi tôi sẽ theo con tàu suốt đầu tiên, thờ khói than hầm, rúc hời còi cao ngất để về lại quê nội của tôi. Ba tôi sẽ phải chống gậy chỉ đường ngôi mộ nội ngoại tôi, cái nền đất của ngôi nhà yêu dấu của chúng tôi... Thành phố Quảng Bình quê hương ta ơi. Tiếng hát ấy sẽ không còn tiếng hát của hận thù, của nước mắt, của bom đạn, nhưng là tiếng hát của một thành phố đang mở rộng cánh cổng đón mừng những đứa con lưu lạc trở về thăm quê cũ.

Một cơn gió lạnh thổi qua, tái tê da thịt, tôi khẽ rùng mình, và bàng hoàng đánh rơi cơn mộng. Trước mặt tôi, cách xa một hàng rào dây kẽm, một sự tập nập hiện ra. Thì ra một phái đoàn ngoại quốc đang đến trại tù thương binh trong

quân y viện. Có lẽ họ đang điều tra, hoặc đang thăm hỏi hai tên thương binh BV. Cụt chân. Tôi đứng dậy, tiến về phía khu trại tù binh. Tôi lấp ló ở ngoài sân. Hình như, hai người tù binh trước, lần tôi vào bệnh xá đầu tiên, đã đi đâu. Bây giờ, là hai người mới. Một tên bị cưa chân phải. Một tên thì băng bột cả hai chân. Cả hai đang nằm trên giường sắt. Đám người ngoại quốc bu quanh. Họ chắc hỏi về sự ước muốn trở lại quê hương của hai người tù thương binh kia. Tôi thấy hai người tù lắc đầu.(...)

Tôi đang tự hỏi, phân tích, suy luận về trường hợp hai người tù binh trong trại bệnh này. Tôi cố tìm trên gương mặt ấy, một cái gì biểu lộ một mối thù địch, ác ôn. Nhưng không, tôi chỉ thấy một đôi mắt thật buồn bã, trên gương mặt vô cùng chất phác bị may vá chằng chịt. Đôi mắt ấy, tôi nhận thấy ở bên trong những ô lưới sắt. Màu hoàng hôn le lói trên khung cửa. Nắng chiều còn sót lại, đọng thành từng mảng nhỏ trên gương mặt hắn. Hắn đang đứng nhìn tôi. Tự nhiên tôi muốn mời hắn một liều thuốc. Tôi muốn bày tỏ sự thân thích vô hình giữa tôi và hắn. Giữa những con người bất hạnh như nhau, giữa những tên thanh niên sinh ra trong một thế kỷ đen tối. Tôi muốn hỏi rõ cùng hắn: Tại sao hắn lại không muốn trở về quê hương, xứ sở. Tại sao hắn lại ở lại để chịu đựng cái kiếp tù tội muôn đời ? Tại sao hắn lại bỏ quê hương hắn, trong lúc hắn trở nên một kẻ anh hùng... Tôi nói trường hợp ấy cho người bạn tôi cùng phòng. Người bạn cụt một chân, trong một buổi chiều chớm lạnh.

Chúng tôi co rúm trong áo ấm. Liều thuốc mời nhau và gương mặt của bạn tôi chìm sâu trong màu sắc tàn úa của một ngày.

- Bạn nghĩ, tại sao họ lại không chịu trở về ? Tôi nhắc lại một bản thông báo cũ của chính phủ, nói lên một thắng lợi

lớn về chính sách tuyên truyền.

- Chính phủ đã có lần nói rằng hơn chính mười trong số một trăm tù binh tàn phế đã không chịu trở về miền Bắc...Bạn chắc đã nghe .

- Vâng , tôi đã nghe. Nhưng tôi muốn nói một điều : Không ai muốn trở thành anh hùng với cái chân, tay đã cụt, đã cưa đầu...(..)

Rồi bạn kể thêm.

- Ngay chính trong bệnh xá này, có những thương binh không dám cho gia đình hay tin mình bị thương. Họ sợ những giọt nước mắt của kẻ còn lại. Họ sợ trở về trước công nhà với hai chân đã cụt.

- Vâng , chúng ta đâu có sống cho chính chúng ta. Mà còn rất nhiều sự liên hệ xung quanh chúng ta nữa. Chúng ta không phải sợ hãi, đau đớn cho chính bản thân, nhưng chúng ta sợ bà mẹ, người cha thức trắng hằng đêm, cầu nguyện hằng bữa. Chúng ta sợ những giọt nước mắt của vợ, cái kiếp hẩm hiu, đáng thương của con chúng ta.

Tôi nghĩ đến một người yêu dấu. Tôi muốn thầm thì cùng nàng về những giọt nước mắt trong đêm cuối cùng. Có phải những giọt lệ lăn dài trên hai gò má xanh xao của nàng như là một biểu tượng của một người cô phụ nào nung. Bây giờ, nàng ở thật xa, và tôi, cũng thật xa. Nàng làm sao biết, bây giờ tôi đang lưu thân giữa một cõi hiu quạnh quá chừng. Nàng làm sao biết tôi đang kéo dài những ngày chờ đợi mỗi mòn thế này.

Lại kể về một con ma bên kia nhà xác. Vị bác sĩ trưởng trại đã nhắc đến những điều mà khi bệnh nhân trong bệnh xá đã

gặp phải. Một con ma thiếu nữ tên là Thúy Sương, đã về khóc lóc trong giấc mơ của hai người bạn. Kết quả, đêm nào hai người đều bị xuất tinh dâm dề. Nàng đã bị chết thảm trong một vụ nổ lựu đạn cách đây không lâu. Đêm ấy, người bạn tôi không dám ngủ ở giường cũ nữa.

Sáng mai, tôi và hai người tù binh được xe ambulance tải lên phòng ngoại thương để y sĩ khám bệnh. Tôi ngồi cạnh một người tù binh cụt chân. Dưới sàn xe, người tu ò binh trẻ nằm trên băng ca. Hồ sơ bệnh lý đề tên Nguyễn Thế Vinh, sinh quán tại Quảng Bình. Quảng Bình, quê nội tôi đó, và một người con của quê hương tôi đang nằm trước mặt tôi đây. Quảng Bình, thành phố quê hương ta ơi... Tôi phải nói làm sao để nói người bạn cùng chung một chuyến xe bệnh viện, cùng đồng một số phận, về một tình cảm bất chợt gặp lại trên gương mặt trẻ măng, tái xanh và hao gầy của hắn. Tôi muốn nghe hắn kể lại những gì đã xảy ra trên thành phố bên kia vĩ tuyến, một thành phố như sương như khói, một nơi chốn mà ba tôi ao ước trước khi nằm xuống, được trở về. Người vẫn thường nhắc đến những con mực nang thịt mềm và thơm, những con sò biển ngọt lịm, mùi nước mắm nồng nàn... Người thường nhắc đến, hàng năm, vào ngày giỗ ông nội tôi, về những ngôi mộ không ai dọn cỏ... Tôi ao ước được nghe hắn kể những tai ương kinh hoàng đổ xuống thành phố, sau những trận mưa bom oanh tạc liên miên... Nhưng tôi ấp úng không nói được một lời. Có một sợi dây vô hình ngăn chia tôi và hắn. Hắn nghĩ gì khi nhìn tôi ? Hắn nghĩ gì khi liên tưởng đến số phận của hắn ? Tôi đốt thuốc, mời tên tù binh cụt chân. Tên này lặng lẽ cầm, lặng lẽ gật đầu rồi nhìn mông lung ra ngoài khung xe lộng gió. Tôi biết làm gì hơn.

Một ngày cuối năm trở về trên bệnh xá. Một ngày buồn ghé góm cho những kẻ không nhà, không một thân nhân. Tôi đang ngồi trên một thân cây đổ. Hoàng hôn về đem theo

hơi lạnh đến sớm. Những con chim mùa xuân đang bay vờn trên bãi cỏ. Gió rì rào trên khóm lá xoan. Lũ bạn tôi vẫn ngồi bất động. Không ai nói lên một lời. Đằng sau tôi, phía trại tù binh, một tên tù binh đang đứng nhìn ra sân. Phía bên hàng rào, nhà xác đang vang lên nức nở tiếng khóc của một người đàn bà. Một người thương binh xanh xao đang cúi đầu lặng lẽ đi trên con đường đất đỏ. Hắn đang cầm một bó hoa huệ đi cắm trước bàn thờ. Một người Thượng đang kéo ống quần xanh lên, mân mê vết sẹo. Còn tôi, tôi đang mơ đến một nơi trở về, khi ngưng tiếng súng.

Sáng mai, tôi lên xe cùng hai người tù binh. Chúng tôi được di chuyển lên phòng ngoại thương để khám một lần cuối.

Trích thơ:

Ô cửa

*Ngôi trường cũ có bao nhiêu ô cửa
Để tôi về đếm những đám mây
Tôi sẽ gọi một bầy chim sẻ nhỏ
Những con chim từ xa vắng lạc bầy
Tôi sẽ đứng như một người thiên cổ
Lớp học buồn, như từ cõi cô đơn
Thầy ngồi đó, đôi vai gầy tóc bạc
Chút ngậm ngùi, con nắng đọng hoàng hôn
Tôi sẽ về để biết mình bé dại
Hôm nào đây, chạy đuổi cuộc hành trình
Sông núi ấy, hai bên bờ ngăn trở
Đứa nào còn, nào mất giữa đao binh
Tôi sẽ nhớ một người tôi yêu dấu
Người nào đâu, về lại buổi hôm qua
Dấu chân nhỏ như vết hài vạn cổ
Đôi mắt nào theo mãi cuộc đời ta*

HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi sẽ nghe những hồi chuông lễ sớm
Đứng bên cầu tôi sẽ đợi chờ ai
Trong sương muối, người còn mang áo trắng
Trắng cả vùng trời, trắng cả đời trai

Tôi cũng hiểu rồi cuối cùng, thua lỗ
Khi bỏ trường tôi ra đứng bờ sông
Người bên ấy đang đợi thuyền ghé bến
Tôi bên này, mưa bắc lạnh căm căm

Dù dối lòng như cuộc đời chàng Dũng
Vì đám mây bên ô cửa gọi mời
Tôi bỏ xứ lao đầu vào binh lửa
Coi cuộc đời như một chuyện rong chơi

Và người ấy qua dòng sông sương muối
Tôi lên rừng theo dòng thác binh đao
Và người ấy theo sông về biển lớn
Tôi tội tù trả nợ kiếp bò trâu

Giờ thiếu phụ đã nằm trong lòng biển
Tôi về Đông, về Bắc, biết về đâu
Trăng thiếu phụ tôi mang vào song cửa
Cho một lần, cho vô tận thiên thu

Ngày gặp bạn cũ

Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận
Thoắt giờ đây: tóc đã điểm hoa râu
Khi gặp lại từ phương này quã đất
Chợt nhìn lên: giờ vàng trán đã nhăn
Trong đôi mắt mới mê cùng com áo
Có chút gì phảng phất của quê hương

Mây Đèo Cả như hôm nào dừng lại
Chiều Pleiku như buổi nọ mù sương
Thấy như thể trời Bồng Sơn mưa đỏ
Chiều cuối năm quân chuyển xuống Đèo Nhông
Đường xe lửa ai ngồi chầm điếu thuốc
Áo toi dầu che khuất dãy Cù Mông
Thấy như thể lon Guigoz cam khô
Chút đồ ăn còn trộn với tử sinh
Nhai hổi hả kịp xuống đồi đột kích
Mưa xóa dầm dề khu trại gia binh
Thấy như thể đêm qua về quận lỵ
Vài ba thằng trái chiếu dưới đêm trăng
Dầm trái ổi và bi đông rượu đế
Con cá khô thiếu chia chút tình than
Thấy như thể mồ hôi và nước mắt
Mặn và đau từ núi nọ rừng kia
Qua An Lão mây tao còn gọi máy
Về Phù Ly hai đũa lại xa lìa
Thấy trở lại những chuyện đời dâu bể
Hôm nào đây miệng hò hét xung phong
Trong chớp mắt, cả cơ đồ sụp đổ
Buồn gì không hồi thế hệ long đong
Thằng ra Bắc, kêu thầy, thầy bỏ xứ
Thằng vào Nam, gọi bạn, bạn lưu vong
Sông núi ấy bao hồn ma trở dậy
Kéo nhau về, kêu thăm một mùa xuân
Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận
Thoắt giờ đây, tóc đã điểm hoa râu
Khi gặp lại từ phương trời viễn khách
Chợt nhìn nhau, sao nước mắt lưng tròng

Đêm từ biệt Việt Nam

Lăn chiếc phuy dầu lên cá lớn
Trời ơi, ta từ biệt Việt Nam

HUỶNH ÁI TÔNG

*Việt Nam. Đêm ấy đêm trừ tịch
Có những con người lại cách ngăn*

*Chào những đường thân, những lối quen
Những hàng cây rũ lá bên thềm
Chào cây cầu đá qua thành phố
Chào những bờ hiên, những cột đèn*

*Chào ai, lắm lụi trong đêm lạnh
Con gió giao mùa chớm lá xuân
Người về cho kịp đêm đoàn tụ
Ai lại lên đường. Ai lặng cầm*

*Vẫn biết lần đi là bỏ hết
Là phủ tay. Cháy túi. Sạch trơn
Quay nhìn lại: Em còn bóng nhỏ
Ngọn đèn vàng lạnh một dòng sông*

*Về đi. Em nhớ đừng ôm mặt
Rồi thấp giùm anh một nén nhang
Con có hỏi anh. Em hãy chỉ
Mây dịu dàng trôi giữa mênh mông*

*Về đi để tiếp đời cô phụ
Tiếp mảnh hồn khô héo nhớ nhung
Mai mông Một, cẩn răng đừng nấc
May cuộc đời tươi đẹp mùa xuân*

*Về đi để trả bài ma quỷ
Những đau thương căm nín chất chồng
Em hãy lấy ngày này giỗ kỵ
Một ngày nào chim đã bắt tằm*

Về đi, kéo máy tàu đã nổ
Như những người ôm ngực con tim
Trong khoang chật, nghe chùng nín thở
Anh hùng đâu. Một nỗi lặng thinh

Gió trù tịch hú dài Bãi Giá
Đập mạn thuyền, sóng vỗ buồn tênh
Đêm vượt thoát ai ngời nín thở
Cả quê nhà, mờ nhạt hai bên

Lăn chiếc phuy dầu lên cá lớn
Trời ơi, ta từ biệt Việt Nam
Việt Nam. Một vệt mờ xa thăm
Một chút rung rung bật xé lòng

Việt Nam. Tối quá, không đèn lửa
Ta ở trên thuyền ngực vỡ toang
Một nỗi buồn như đông đặc lại
Một nỗi vui oà vỡ cả hồn

Là lúc biết mình như thoát nạn
Sáng chân trời, hồng rực vàng dương
Là lúc, thấy mình như bất hạnh
Sắp làm người không có quê hương

Là lúc lòng đứng đưng chờ đợi
Nỗi đứng đưng buồn bã lạ lùng
Như thể trong một trời chuyển động
Một giọt sương cô độc tận cùng.

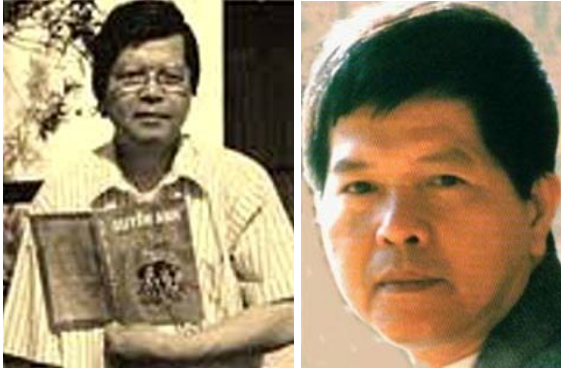
Nhà văn Mai Thảo giới thiệu Trần Hoài Thư trước bài *Bệnh xá cuối năm*, đăng trên *Văn* số 197 ngày 1-3-1972.

“Trong cái số rất đông những nhà văn trẻ, những người viết mới của chúng ta hiện nay, cái số rất ít những người nổi bật lên, đã đích thực nhẩy qua hoặc né thoát được vũng lầy văn chương đồng phục, là những người đã tìm được cho mình một thái độ lên đường tốt và đúng. Tôi muốn nói đến cái thái độ trầm tĩnh của người lữ hành nhận thức được con đường gai lữa, nên thận trọng trong từng bước tiến. Bởi vì muốn đi tới, còn muốn đi xa. Từ mấy năm nay, theo dõi những bước chân Trần Hoài Thư trong cõi văn chương sáng tác đặc thù của những người viết trẻ, viết dưới bóng cò, viết bên súng trận, tôi vui mừng nhìn thấy sự trầm tĩnh đó ở Trần Hoài Thư, một Trần Hoài Thư mà hào quang chưa sáng chói bây giờ, nhưng tôi tin sau này, không lâu, là nhà văn trẻ có điều kiện hoàn thành được những tác phẩm có kích thước, có trọng lượng. Nhiều người viết trẻ của chúng ta, sai lạc và nhầm lẫn trong nhiệt tình phóng lón, đã ném những cái nhìn trọn tròn, căng thẳng vào đời sống, thời thế, đất nước và tuổi trẻ của mình. Để chẳng thấy gì hết. Hoặc chỉ thấy khẩu hiệu chỉ thấy giáo điều. Họ không bắt gặp được văn chương. Bởi văn chương là những biển trời phía khác. Phía tôi nhìn thấy cho Trần Hoài Thư, là cái phía của những người trẻ tuổi đặt sống thành suy nghĩ, tự thành trong cô đơn một đời, xuôi chảy thuận dòng theo đồng hành và thế hệ, nhưng vẫn bảo toàn nghiêm mật được cá nhân mình. Vì biết sống và viết cách nào cũng phải bắt nguồn tự đó.”

Tài liệu tham khảo:

- Trần Hoài Thư Web: vanchuongviet.org
- Bệnh xá cuối năm Web: 4phuong.net

7. Duyên Anh



Duyên Anh - Vũ Mộng Long (1935-1997)

Nhà văn Duyên Anh tên thật là Vũ Mộng Long sinh ngày 16 tháng 8 năm 1935 tại làng Tường An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ông học tiểu học và trung học ở Thái Bình và Hà Nội.

Năm 1954, ông di cư vào Nam và từng làm đủ nghề: bán thuốc sơn đông mã vĩ, theo đoàn cải lương lưu diễn, quảng cáo cho gánh xiếc rong, giữ xe đạp hội chợ, dạy đàn ghi ta, dạy sáo. Có thời gian dạy học ở Banmêthuột, ở Long Xuyên.

Năm 1960, được sự nâng đỡ tận tình của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, Duyên Anh bắt đầu sự nghiệp văn chương và nổi tiếng ngay với tác phẩm đầu tay *Hoa Thiên Lý*. Tiếp theo đó là một loạt *Thằng Côn*, *Thằng Vũ*, *Con Thúy*.... viết về những kỷ niệm ấu thơ tại miền quê Bắc Việt, giọng văn tha thiết, nhẹ nhàng và tình cảm.

Sau đó ông trở thành một ký giả, chủ bút, chủ báo, giám đốc nhà xuất bản. Duyên Anh đã cộng tác với hầu hết

HUỶNH ÁI TÔNG

những tờ báo lớn ở miền Nam trước năm 1975 như: *Xây Dựng, Sống, Chính Luận, Công Luận, Văn Học, Con Ong, Tuổi Ngọc...*

Duyên Anh còn dùng những bút hiệu khác là Thương Sinh, Mỡ Báo, Thập Nguyên, Vạn Tóc Mai, Lệnh Hồ Xung, Thái Anh, Nã Cầu, Bếp Nhỏ, Bếp Phụ và Độc Ngữ.

Có một dạo, Duyên Anh thường viết về giới giang hồ, bụi đời trong xã hội trước năm 1975. Trong tác phẩm của Duyên Anh ca ngợi lối sống phóng khoáng, bất cần đời của giới trẻ bị bế tắc trong cuộc sống. Tuy nhiên vẫn thấm đậm một tính cách nghĩa khí và các nhân vật của Duyên Anh đều sẵn sàng chết vì tình nghĩa và chữ tín của mình. Ngoài ra, ông cũng viết nhiều truyện ngắn và truyện dài cho thiếu nhi.

Sau 30 tháng 4, 1975, cùng với Doãn Quốc Sĩ, Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Phan Nhật Nam, Thanh Tâm Tuyền, Duyên Anh bị nhà cầm quyền Việt Nam liệt danh là một trong 10 nghệ sĩ nêu danh là "Những Tên Biệt Kích của Chủ Nghĩa Thực Dân Mới Trên Mặt Trận Văn Hóa - Tư Tưởng" và tác phẩm bị cấm lưu hành.

Ngày 8 tháng 4 năm 1976, Duyên Anh bị bắt đi tù cải tạo trong Chiến dịch bắt văn nghệ sĩ miền Nam vào tháng 4 năm 1976. Sau khi ra khỏi trại cải tạo vào tháng 11 năm 1981, ông vượt biên đến Malaysia.

Tháng 10 năm 1983, Duyên Anh sang định cư tại Pháp. Một số tác phẩm ông viết ở Hải ngoại được dịch ra tiếng nước ngoài và dựng thành phim, như *Đồi FanTa, Một Người Nga ở Sài Gòn*. Thời gian này, ông cũng có làm thơ và soạn nhạc.

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

Năm 1985, ông bắt đầu cộng tác với tờ *Ngày Nay* và trở thành một trong những cây bút trụ cột của báo này.

Năm 1988, ông sang California thăm các bạn hữu, trong ngày lễ kỷ niệm 30-4-1988, trên phố Bolsa ông bị một số người hành hung, do ông mua thù chuốc oán những bài viết của ông trước đó, ông bị chấn thương ở đầu nên liệt bán thân bên phải, sau khi điều trị thương tích ông tập sử dụng tay trái để tiếp tục cầm bút viết văn.

Ngày 6 tháng 2 năm 1997, Duyên Anh mất vì bệnh xơ gan tại Paris, Pháp, thọ 62 tuổi.

Tác Phẩm:

- *Đêm thánh vô cùng*
- *Hoa thiên lý*
- *Điệu ru nước mắt*
- *Luật hè phố*
- *Thăng Vũ*
- *Dấu chân sỏi đá*
- *Dzũng ĐaKao*
- *Vết hằn trên lưng ngựa hoang*
- *Bồn Lừa*
- *Áo vụng tuổi trẻ*
- *Gấu rừng*
- *Cỏ non*
- *Ngày xưa còn bé*
- *Nặng nợ giang hồ*
- *Mùa thu*
- *Con suối ở Miền Đông*
- *Danh ná truyện tuổi nhỏ*
- *Giấc cờ đỏ truyện tuổi nhỏ*
- *Nhóc tí phản động truyện tuổi nhỏ*
- *Hồn say phấn lạ tiểu thuyết trường thiên*

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Câu Mơ*
- *Ánh lửa đêm tù*
- *Ánh mắt trông theo*
- *Thằng Côn*
- *Trường cũ*
- *Tuổi 13*
- *Nhà tôi*
- *Mơ thành người Quang Trung*
- *Đàn bà*
- *Chương Còm*
- *Mặt Trời nhỏ*
- *Lúa tuổi thích ô mai*
- *Giấc ô kê*
- *Đôi Fanta truyện*
- *La colline de Fanta* dịch bản tiếng Pháp nxb Belfond Paris
- *Một người Nga ở Sài Gòn* truyện (1986) Nam Á, Paris
- *Un Russe à Saïgon* dịch bản tiếng Pháp nxb Belfond Paris
- *Un prisonnier Américain au Viêt-nam* truyện nxb Belfond Paris
- *Hôn em kỷ niệm* nhạc (1986) Nam Á, Paris
- *Ru tình ngắt gãy* nhạc
- *Thơ tù thơ* (1984) Nam Á, Paris
- *Em, Sài Gòn và Paris* thơ
- *Một người mang tên Trần Văn Bá* truyện (1985) Nam Á, Paris
- *Sỏi đá ngậm ngùi* truyện (1985) Nam Á, Paris
- *Bày sư tử lãng mạn* truyện (1985) Nam Á, Paris
- *Quán trọ trước công thiên đường* truyện (1987) Nam Á, Paris
- *Thơ của đàn bà* truyện
- *Nhánh cỏ mộng mơ* truyện
- *Động lòng chữ nghĩa* đoản văn
- *Nhà tù hồi ký* (1987) Xuân Thu Hoa Kỳ

- *Trại tập trung hồi ký* (1987) Xuân Thu Hoa Kỳ
- *Sài Gòn ngày dài nhất hồi ký*, Xuân Thu Hoa Kỳ
- *Nhìn lại những bến bờ hồi ký*, Xuân Thu Hoa Kỳ

Trích văn:

Nắng chiều quê nội

Mùa thu rắc lấm tẩm hoa vàng lên bề rau muống già lênh bênh bên bờ sông hẹp. Từng cơn gió heo may mang từ cánh đồng lúa sữa về bến đò hương thơm dịu dịu và lướt nhẹ trên mặt nước làm lạc hướng lũ gọng vó. Những cánh rau rút, sợ gió hôn, thẹn thùng cúp cả lại. Giàn mướp trước cửa xơ xác mấy cái lá già, trơ trọi vài quả giống sạm nắng hè, đong đưa theo gió. Bây giờ, vắng bóng những con ong tẻ bạc, những con bướm lá lơi, những con cánh cam đốm đáng. Cảnh điều hiu đã xào xạc trong bụi tre sau nhà. Thỉnh thoảng, có đêm im vắng, tiếng súng từ mạn Nam-định vọng sang, nghe rõ mồn một. Nỗi lo âu bắt đầu hiện lên khuôn mặt hiền lành của dân đồng nội tỉnh Thái-bình.

Mẹ tôi tỏ vẻ sợ sệt. Mẹ chất bốp từng đồng để ngộ nhờ tản cư. Giữa lúc đó, cô tôi từ làng bên mò sang báo tin cho mẹ tôi hay là ông nội tôi ốm nặng. Ông tôi muốn gặp mẹ con tôi trước khi vĩnh biệt cõi đời.

Hôm cô tôi bước chân vào quán hàng, anh em tôi đang nằm dài trên chõng tre, thương nhớ vu vơ. Chúng tôi hững hờ nhìn cô, chẳng khác gì nhìn khách lạ. Mẹ tôi bối rối giầy lát rồi mẹ gượng cười đơn đả chào cô. Mẹ tôi chỉ anh em tôi, nói với cô:

- Hai cháu đây cô ạ ! Cháu Hữu, à đáng lẽ tên cháu...

Mẹ tôi ngừng lại. Mẹ thấy hình phạt tinh thần tẻ tái lắm vì

mẹ tôi đã trải qua tháng ngày sống nhờ túp lều sau vườn nhà ông ngoại. Cô tôi chùng hiều thế. Cô cúi gầm mặt, vân vê tà áo. Mẹ tôi, một phút lơ lờ vì mối sầu dĩ vãng, đã trở về ngay bản tính cố hữu của người đàn bà Việt Nam quê mùa, người mẹ suốt đời chịu đựng và sẵn sàng tha thứ. Mẹ tôi tiếp lời bỏ dờ:

- Cháu Hữu, cháu Mai cô ạ ! Hai con lạy cô đi.

Cô tôi xua tay dễ dãi:

- Các cháu còn lạ, chị ạ ! Thôi đừng bắt tội chúng.

Tự nhiên tôi sững sờ. Em tôi run run làm tuột cuốn sách khỏi tay. Chúng tôi hỏi nhau bằng mắt, bằng sự im lặng, xem có phải người đàn bà đứng kia là em ruột của cha tôi, là em ruột chú Nghị? Cô tôi nhỏ bé xinh xắn. Cô chưa lấy chồng. Tôi thoáng cảm thấy cô có đôi nét giống em Mai. Nhưng nỗi buồn quê nội mơ hồ đột khởi, về hiện diện của cô tôi, khoanh khắc, biến mất. Tôi không hiểu tại sao mẹ tôi niềm nở, thay vì mẹ tôi cúi mặt làm ngơ.

Cô tôi nhẹ nhàng đến gần anh em tôi. Cô nắm tay tôi khen ngoan ngoãn, giống cha như đúc. Tôi gỡ vội tay ra khiến cô tôi ngỡ ngàng xấu hổ. Trong tâm tưởng, tôi vẫn thường mừng tượng những người bên nội, trừ chú Nghị, phải ác nghiệt, hung bạo. Những người ấy thu lượm sao nỗi cảm tình thừa thãi của anh em tôi. Cô tôi bẽn lễn quay lại đưa gói cùi dừa và năm sáu tấm bánh đa nướng cho em Mai, âu yếm vuốt ve em. Điều đó chẳng làm em Mai cảm động. Em vùng vằng chạy về phía mẹ tôi, vất trả cô tôi quà bánh.

Anh em tôi đã trả thù giùm mẹ tôi. Lòng tôi hả hê khôn xiết. Tôi nghĩ mẹ tôi sung sướng, mẹ tôi sẽ khen ngợi chúng tôi. Tôi đợi nụ cười triu mến, thiết tha của mẹ tôi.

Nào ngờ, mẹ tôi tức giận nghiêm giọng mắng:

- Đồ hư thân mất nết, lạy cô đi.

Cô tôi lại xoa tay:

- Thôi chị ạ ! Các cháu còn dại, với lại các cháu còn lạ.

Mẹ tôi lấy ngón tay dí vào trán tôi, đe dọa:

- Chốc nữa thì chúng mày biết tao. Đồ mất dạy.

Tôi sững sờ hơn. từ xưa có bao giờ mẹ tôi mắng mỏ anh em tôi tàn tệ đến thế đâu. Lại gọi anh em tôi là "*chúng mày*" và xưng "*tao*." Tôi len lén nhìn mẹ và thấy mắt mẹ tôi đỏ ngầu, đôi dòng lệ lăn tăn trên gò má, mà nhìn rõ, tôi mới hay má mẹ tôi đã có vết nhăn. Tôi biết mẹ tôi đau đớn khi bắt đứa con thân yêu xưng cháu với người cô xưa kia dọa đầy mẹ nó hồi nó còn nằm trong bụng mẹ, chịu đựng chung khối tội nhục cùng mẹ nó. Cô tôi cũng khóc. Những giọt nước mắt của cô chưa rửa sạch ngay mọi ý nghĩ oán hờn của anh em tôi. Nên anh em tôi miễn cưỡng vâng lời mẹ, cúi đầu chấp tay chào cô tôi, chào người đàn bà mười mấy năm về trước đã hất hủi, xua đuổi mẹ tôi như xua đuổi con chó dại.

Cô tôi xoa đầu anh em tôi. Xoa đầu em tôi còn được, chứ xoa đầu tôi thì tôi ức lắm. Tôi mười lăm tuổi rồi mà. Tôi ngấm nghĩa cô tôi, hai hàm răng nghiền mạnh muốn nát tan niềm uất ức. Mẹ tôi yếu đuối quá. Tâm hồn mẹ trĩu nặng tình cảm, dễ xúc động, giàu lòng vị tha. Tôi nhớ hồi cha tôi chết, họ hàng bên nội có ai thềm tìm đến quán giúp anh em tôi mảnh khăn tang đâu. Mẹ con tôi đói rách, khổ sở, có ai thềm ngó ngang săn sóc đâu. Trời ơi, vẫn chỉ một mình chú Nghị. Thế mà hôm nay, bỗng dưng, cô tôi cất công sang

mời mẹ tôi về chịu tang ông nội. Cha tôi đã bị từ bỏ rồi, anh em tôi còn nghĩa lý gì nữa. Đáng lẽ, mẹ tôi từ chối, mẹ tôi lại nhận lời. Cô tôi không dám hỏi chuyện anh em tôi, dặn dò mẹ tôi rồi xin phép về ngay. Mẹ tôi cố mời cô tôi bớt chút thì giờ dùng bữa cơm đạm bạc. Cô tôi từ chối, nại có bên nhà bận rộn. Trước khi con đồ nhỏ sào đưa cô qua sông Đồng-đức, cô tôi còn nhẹ nhàng vẫy đôi tay thon nhỏ, nhắn nhủ anh em tôi:

- Ông bà mong các cháu đấy, cả các cô các chú nữa, sang nhé Hữu, Mai nhé!

2

Tối hôm ấy, mẹ con tôi thức khuya sửa soạn mọi việc. Mẹ tôi đem mấy bộ quần áo mới nhất của anh em tôi, vuốt ve phẳng phiu rồi bắt anh em tôi mặc thử. May mắn cho tôi là bộ quần áo cắt năm ngoái mẹ tôi đã cẩn thận dặn bác phó may đo dài rộng để hông lớn. Bởi vậy tôi mặc vừa vặn. Còn em Mai, bác Kỳ quên cắt phòng xa, thành thử, cái áo mỡ gà co lại. Em tôi lớn mau như thổi, mặc vào như bó lấy thân hình. Cái quần nái thâm thì ngắn cũn cỡn. Đã thế, mấy con dán khồn nạn lại cẩn thêm vài lỗ nhỏ. Mẹ tôi bảo chả hề chi, đẹp chán. Em Mai buồn thiu, em biết mẹ nói dối. Tội nghiệp em tôi, thiệt thòi đủ thứ. Em phụng phịu hỏi mẹ:

- Mặc quần áo đẹp làm gì hở, mẹ?

- Về quê cha phải khăn áo chỉnh tề, ai cũng vậy.

- Nhưng quần áo của con chật thì sao?

- Chật đâu, hỏi anh con xem nào, vừa vặn ghê...

Bỗng nhiên, em tôi nói:

- Sao lúc trưa mẹ mắng anh em con là "*chúng mày*," mẹ xưng "*tao*" hở, mẹ?

Mẹ tôi à à rồi quay mặt đi. Lát sau, tôi thấy mẹ tôi đưa vạt áo lên thấm mắt. Tôi sợ em Mai khơi nỗi buồn khiến mẹ tôi đau khổ, nên nhanh miệng khen em:

- Áo của em vừa lắm, quần hơi ngắn một tí thôi. Ngắn đỡ mắt công xăn, dài chỉ tổ vấp ngã chứ ăn thua gì.

Mẹ tôi nhân dịp đó nói thêm:

- Đấy, con xem, anh con nói có đúng không?

Em Mai cười toe toét:

- Thật hở, mẹ?

- Ừ.

Mai nhảy vào lòng mẹ tôi, nũng nịu. mẹ tôi ôm ấp em tôi, mắng yêu:

- Bố mày, khéo vòi vĩnh là...

Mai vờ méu máo, lải nhải:

- Bất đền mẹ đấy, gọi con là "*mày*" nữa.

Mẹ tôi cười dỗi dành em:

- Thôi đứng dậy rồi mẹ đền. Mẹ đền cái tát nhé!

- Ừ, ừ.

Em tôi ngoan ngoãn nghe lời mẹ. Và, trong khi mẹ tôi gấp quần áo của anh em tôi xong gối đầu giường thì tôi ngồi nghĩ đến chú Nghiêm. Tôi hằng ấp ủ ý định mai một học giỏi, tôi sẽ cho chú Nghiêm biết tay. Song tôi vẫn ngại mình còn bé, mai tôi về quê nội gặp chú. Tôi đã đọc mấy nhà văn tả quê nội. Sao mà tha thiết thơ mộng thế! Tôi sợ quê nội nhà tôi chẳng được như vậy, vì có túp lều bên khóm chuối tiêu, nơi ấy, mọi người đều rõ, một đêm vắng vẻ, tôi cất tiếng khóc chào đời.

Không, tôi không oán hận cái hình ảnh ấy. Chú Nghị an ủi tôi rằng: "*Cháu sẽ nên người nhờ khóm chuối tiêu quê nội...*" Nên cái hình ảnh tôi oán hận nhất là chú Nghiêm. Chú là đàn ông mà tâm hồn hẹp hòi hơn cả đàn bà. Mẹ tôi kể chú Nghiêm đỗ tú tài, lấy vợ thành thị. Chú Nghiêm làm việc ở Hà-nội, thiên hạ gọi chú là ông Phán. Chú khinh người ra mặt nhưng sợ vợ đến nỗi phải giấu giếm tiền nong mua quà bánh gửi về quê biếu cha mẹ. Chú chưa có con trai. Vợ chú đồng bóng, lễ bái, đàn chay, tốn khối công của mà trời vẫn làm ngơ. Tôi đoán chừng thế ông tôi mới cần đến mẹ con tôi. Giá chú Nghiêm có con trai thì dễ gì ông tôi đái thương tới đưa cháu đích tôn bị ruồng bỏ. Tôi thấy tủi thân quá. Tôi hỏi mẹ tôi:

- Chú Nghiêm ác lắm hở, mẹ?
- Chắc chú đổi tính rồi. Có vợ con, phải khác chứ.
- Con sợ!
- Sợ gì?
- Sợ chú ấy hát hủi mẹ con mình.

Mẹ tôi nín thinh. Tôi hỏi tiếp:

- Tại sao ông lại gọi sang?

- Ông ốm nặng mà.

- Trước kia ông không ốm nặng à?

- Không.

- Hay đừng sang mẹ ạ!

- Con sợ gì?

- Con sợ mình mồ côi cha, thiếu cha thì hay bị người bắt nạt.

Mẹ tôi nhìn tôi, thương hại. Rồi mẹ im lặng tưởng nhớ cha tôi. Tôi nghĩ thế. Giây lát, mẹ tôi nói nhỏ cơ hồ không muốn ai nghe thấy, ngoài mẹ con tôi, tuy ở bên đò vào những đêm trời gió lạnh, vắng tanh vắng ngắt. - Mẹ đợi dịp này mười lăm năm rồi con ạ! Cha con hồi còn sống giận ông ghê lắm nhưng nhiều lúc cha con cũng mong được ông đoái thương. Mẹ chả muốn sang làm gì. Sang thì ăn vàng ăn bạc gì. Khôn nỗi, mẹ sợ nhờ Trời Phật không thương mẹ con mình mà bắt mẹ chết thì các con bơ vơ. Nên mẹ đưa các con về, dầu thế nào chẳng nữa thì "*giọt máu đào còn hơn ao nước lã.*"

Mẹ ngừng lại, suy nghĩ một lát, rồi nói tiếp:

- Mẹ con ta cứ sang thăm ông bà. Hễ sao, mình lại về bên đò bán hàng, mẹ con đùm bọc nhau, lo gì.

Em Mai tự nãy vẫn ngồi yên chăm chú nghe chuyện. Em khêu bắc đèn cho sáng thêm, đoạn em hỏi mẹ bằng giọng nói đầy lo lắng:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Nhờ ông nội bắt anh em con rồi đuổi mẹ đi, thì sao?

Mẹ tôi đưa tay níu em Mai, vuốt tóc em, âu yếm:

- Thì con ở với ông bà.

Mai ngúng nguẩy:

- Ừ, con thêm vào.

- Hồn con, ở với ông bà sung sướng hơn ở với mẹ.

- Nhưng con thích mẹ, con không thích sung sướng.

Mẹ tôi trêu em:

- Không thích, ông cũng bắt sang. Mẹ nghèo, hết gạo nuôi con rồi.

Em Mai tưởng thật, òa lên khóc. Mẹ tôi lại vỗ về em:

- Nín đi con ngoan của mẹ, mẹ nói đùa mà, ai dám bắt con của mẹ. Mất con thì mẹ chết.

Mẹ tôi lau mắt cho Mai. Em ghì chặt thân hình mẹ như sợ người ta cướp mất mẹ. Em thở thê:

- Mẹ đừng để ông bắt con nhé, mẹ nhé!

- Ừ, vậy đi ngủ đi.

- Vâng ạ ...

Mẹ tôi dặn tôi:

- Mai sang ông, nhớ chú Nghiêm mắng mỏ, con phải nín lặng nhá!

- Sao phải nín lặng hở, mẹ?

- Để chú nghĩ rằng con mồ côi không mất dạy.

Tôi chưa kịp trả lời. Mẹ tôi đứng dậy đi về phía bàn thờ cha tôi. Mẹ thắp hương, khấn vái thì thầm. Anh em tôi, phần cảm động, phần nhớ cha, ôm lấy nhau. Những con mắt non nớt rơm rớm lệ.

3

Con đường đất nhỏ nhô lên, thụt xuống, từng khúc ngắn như những bậc thang. Hai bên, cỏ dại mọc xanh um, hoa hèn đua nhau nở. Sương mùa thu vương mắc long lanh khiến hoa đã hèn càng hèn, cỏ đã dại lại càng dại chẳng khác chi mấy cô gái xấu son phấn tô điểm dung nhan. Mặt trời chắc đêm qua thức khuya, hôm nay dậy muộn. Gió thổi mát rượi mang theo hương lúa thơm ngon.

Em Mai chùng đã mỗi chân, bước đi uể oải. Một tay giữ chặt quai nón cho gió khỏi tung, một tay em xách đôi guốc. Anh em tôi nói chuyện huyền thuyên để quên đường dài. Thoạt đầu là truyện *Quốc-văn Giáo-khoa Thư*. Mai hỏi tôi:

- Anh có nhớ những bài trong sách *Quốc-văn* không?

- Nhớ như in.

- Anh nói khoác.

- Chả tin em đổ anh mà xem.

- Thật hở?

- Ừ.

- Em đọc một câu, anh phải trả lời ở quyền nào tên bài là gì nhé?

- Đọc đi.

Không cần ngâm nghĩ, Mai đọc:

- "*Một đêm, nằm mãi không ngủ được, tôi lắng tai nghe.*"

- Bài *Tiếng động ban đêm*, lớp dự bị, vẽ hình người đàn ông nằm ngủ, tay vắt ngang trán, chân phải gác lên gối chân trái.

- Đúng. "*Cơm nước xong xuôi, trời vừa tối...*"

- "...*Ngọn đèn treo ở giữa nhà.*" Bài *Tối ở nhà*, lớp dự bị, vẽ hình...

- Thôi đừng nói hình nữa. "*Thằng Sửu thấy ở trên cành cây có một tổ chim chích chòe...*"

- Bài *Không nên phá tổ chim*, lớp sơ đẳng.

Mai lè lưỡi ngạc nhiên:

- Anh giỏi ghê.

- Bây giờ anh đổ em nhé?

- Vâng.

- Anh chắc em thua.

- Thì anh cứ đọc xem nào.

- "*Ba, ra ngoài sân cầm cái rổ vào đây cho tao. – Con sợ lắm. – Sợ cái gì? – Trời tối lắm, con sợ ma!*"

Tôi đọc xong, nhìn em, mỉm cười. Em tôi có vẻ suy nghĩ. Rồi em tôi nói bừa:

- Bài *Phải bạo dạn*, lớp sơ đẳng.

- Sai.

- Thế lớp dự bị.

- Cũng sai. Em thua mà.

- Chắc anh lấy ở sách khác.

- Ừ.

- Thảo nào, chứ hai lớp sơ đẳng với lớp dự bị, em thuộc lòng.

- Anh biết thế nên anh đố em bài trong quyển *Luân lý Giáo khoa Thư*.

Anh em tôi cười vang. Quãng đường ngắn dần lại. Mẹ tôi bảo, hết quãng đường này, qua nhịp cầu mong manh vắt vẻo ngang con ngòi là vào tới đất làng Trường-an. Tôi nóng lòng muốn biết quê hương, quên cả mệt. tâm hồn tôi mỗi lúc một trải rộng. Mẹ tôi cũng thế. Tôi thấy nét mặt mẹ hớn hở vui tươi.

Rồi qua nhịp cầu tre, mẹ con tôi không ai bảo ai mà tìm đánh thình thịch, bước chân run rẩy. Mỗi cảm xúc dần lên cùng với nỗi lo âu hồi hộp. Em Mai đã xô guốc vào chân. Em ngây thơ hỏi vợ vẫn khiến tôi bót sợ hãi.

- Anh ơi, ông nội mình có râu không nhỉ?

- Chắc có.

- Có, thì ông hiền.

- Sao em biết.

- Em thấy sách vẽ "*Ông tôi*" râu dài, tóc bạc, ông ngoại mình không có râu, lại đầu trọc, nên ông ác, anh ạ!

Câu nói ngộ nghĩnh ấy, lúc khác thì tôi đã ôm bụng cười. Nhưng, bây giờ, chân tôi đang in vết trên lối ngõ quê cha, tâm hồn tôi đang xao xuyến, tôi không thể cười được. Mẹ tôi bước nhanh, mẹ bỏ rơi anh em tôi một khúc đường. Rồi mẹ đợi chúng tôi tới. Mẹ tôi chỉ tay về phía túp lều trống không bên bờ ngói, nói rằng đây là nơi cha mẹ tôi đã gặp nhau. Đi thêm vài chục thước nữa, thì rẽ sang tay phải. Mẹ tôi bảo: ông ngoại bắt mẹ đánh đập và gọt đầu bôi vôi ở khúc rẽ này. Mẹ tôi nhắc từng mẩu dĩ vãng đau buồn. Từ căn nhà lụp sụp mà cha tôi gửi gắm mẹ tôi hồi mẹ tôi bụng mang dạ chửa đến cái ao tù mà mẹ tôi đã phải ngoi ngóp dưới nước vớt bèo, kiếm rong nuôi lợn suốt cả mùa đông lạnh lẽo. Mắt mẹ tôi chớp mau rơm rớm lệ.

Kỷ niệm xa xưa không còn mơ hồ nữa. Quê nhà tôi, ai biết đâu lại chở chất bao nhiêu tình thương yêu, bao nhiêu niềm mong nhớ, bao nhiêu nỗi u sầu. Tôi tưởng tượng mỗi khóm cây, mỗi lối mòn đều để dành cho anh em tôi những cảm tình thấm thiết. Và, hôm nay, tôi trở về thu lượm dần những

mối tình thâm thiết rơi rụng sau mười lăm năm xa vắng. Anh em tôi rón rén nép sau mẹ, nghĩ ngợi mông lung. Mẹ tôi dặn dò:

- Nhớ lời mẹ dạy chưa, các con?
- Thưa mẹ nhớ rồi ạ!
- Sắp đến nhà ông, Hữu sửa lại quần áo đi.
- Vâng.

4

Bây giờ anh em tôi bớt lo sợ. Nhưng sự uất ức đang nhóm lửa. Chú Nghiêm nhìn tôi chăm chăm. Chú hát hàm hỏi tôi:

- Mà học lớp mấy?

Mẹ tôi đưa mắt nhìn tôi, ngầm ý khuyên nhủ "hãy lễ phép." Tôi đưa mắt nhìn mẹ tôi, nhìn em tôi, nhìn tất cả đám người họ nội đang vây lấy mẹ con tôi như thử thách, như bắt nạt. Nước mắt tôi muốn tuôn ra. Tôi chợt nhớ lời chú Nghị khuyên tôi phải luôn luôn can đảm, nên tôi dần lòng, ngẩng răng chịu nhục. Thím Nghiêm hẳn học nói:

- Nó câm à?

Cô tôi (ba bốn cô song tôi chỉ biết mặt cô sang nhà tôi hôm trước) đỡ lời:

- Cháu nó nhất.

Cô tôi gần tôi vỗ về:

- Cháu trả lời chú đi, cháu học lớp mấy?

Tôi ức quá, nói với cô tôi:

- Cháu không nhất. Mẹ cháu nghèo, cháu không đi học, nhưng mẹ cháu không gọi cháu là mày. Ai gọi cháu là mày, cháu không trả lời.

Chú Nghiêm ghét tôi, chẳng thèm hỏi nữa. Còn thím Nghiêm bĩu môi, mĩa mai:

- Mẹ con mày tưởng giỏi lắm đấy.

Tôi cãi lại:

- Cháu không giỏi nhưng cháu không mất dạy. Cháu mất dạy đã có mẹ cháu, cháu không thèm nhờ ai.

Mẹ tôi chắc giận tôi. Mẹ ngồi im lặng. Bà tôi kéo mẹ tôi xuống bếp nói chuyện gì không biết mà bà tôi và mẹ tôi khóc nức nở. Các cô tôi sẵn đón em Mai. Cô nào cũng nhận em tôi giống mình. Tôi bỏ rơi hiện tại để thăm quá khứ, bỗng tôi nghi ngờ tất cả. Giả dối hết. Mẹ con tôi chưa được thăm ông tôi. Điều đó tôi nghĩ chả cần vì, sự thực, cho tới lúc này, tôi đã thương ai ở bên nội đâu, trừ chú Nghị.

Tôi lén ra vườn sau nhưng không thấy túp lều mà chỉ thấy dăm bảy khóm chuối tiêu, trái đang chờ chín. Một nỗi buồn thoáng lợt trong tâm tưởng tôi. Tôi trở vào đúng lúc các cô tôi tìm tôi bảo là ông tôi vừa tỉnh giấc.

Các cô đưa tôi lên nhà trên. Ở đây đã tụ họp nhiều người. Mẹ tôi ngồi bên bà tôi. Em Mai chạy sang phía tôi. Bao nhiêu con mắt cùng đổ dồn vào một ông già đang thêm thiếp ngủ trên giường nệm trải vải trắng toát. Ông tôi đấy.

Qua bức màn lan tiêu, anh em tôi thấy ông tôi tóc bạc râu dài. Em Mai bám tay tôi đưa mắt hỏi han. Tôi cúi thấp xuống. Em ghé miệng gần tai tôi thì thầm:

- Ông có râu dài.

Tôi nhăn mặt, bám tay em, ra hiệu im mồm. Nhưng em tưởng tôi ăn ý nên kiễng chân lên nói tiếp:

- Tóc ông bạc, anh ạ!

Ngay lúc đó, ông tôi cựa mình và đôi mắt chom chớp rồi mở to dần dần. Bà tôi đi lại chỗ ông nằm, chỉ tay về phía anh em tôi. Bà nói thong thả từng tiếng một:

- Hai cháu ông kia kia...

Anh em tôi đứng ngậy. Tôi nhớ rằng tôi có ông bà, song dường như hai tiếng thiêng liêng ấy đã bỏ anh em tôi chuối thời gian xa xôi quá nên giờ đây tôi chưa cảm thấy gì. Ông tôi khó nhọc nghiêng mình, nhìn anh em tôi. Ông tôi vừa thở vừa nói đứt khúc, mỗi mệ:

- Mẹ... chúng... nó... đâu...

Mẹ tôi không dám đứng dậy, mẹ lết người tới. Ông tôi đặt tay lên đầu mẹ tôi, ông nói:

- Con... dâu... tôi...

Mẹ tôi chỉ kịp nghe tới đấy đã vội òa khóc. Mười mấy năm rồi, mẹ tôi chờ đợi ngày hôm nay, ngày đưa con gái bỏ nhà theo giai được công nhận làm dâu họ Nguyễn.

Ông tôi bắt vén màn lên. Bà tôi đỡ mẹ tôi lui xa. Mẹ tôi

khóc sụt mướt. Ông tôi nhìn anh em tôi bằng đôi mắt yếu đuối. Ông nâng cánh tay gầy đét, khằng khiu một cách khó nhọc vẫy vẫy anh em tôi. Cô tôi giục tôi tới ông. Anh em tôi cứ đứng nhìn ông mãi, đến khi thấy hai dòng lệ ngấn ứa ra từ đôi mắt già nua của ông tôi thì tim tôi tự nhiên đập mạnh. Chỉ hai dòng lệ ngấn ấy cũng đủ rửa sạch mọi ý nghĩ hờn oán của anh em tôi suốt thời thơ ấu tối tăm dài đằng đẵng. Ông tôi bị bệnh xuyên, ông muốn nói rất nhiều, rất nhiều với anh em tôi, nhưng đờm còn vương ở cổ họng. Bộ mặt ông tôi lúc này thiếu não uất nghẹn. Cái thứ uất nghẹn của một người thèm nói mà không nói nên lời. Ông tôi cơ hồ cố thu góp hơi thở thành tiếng, gọi anh em tôi:

- Cháu... cháu... đích tôn... của... ông...

Tiếng ông tôi thoang thoảng như một cung đàn gần đứt. Anh em tôi lắng nghe. Và nghe xong không đứa nào bảo đứa nào, nước mắt trào dâng, chạy xô lại ôm lấy ông tôi, nức nở. Tự nhiên, con đờm xuôi xuống, ông tôi khỏe mạnh lạ thường. Ông tôi vuốt ve anh em tôi. Ông tôi nhắc lại câu ban nãy:

- Cháu đích tôn của ông.

Tôi xoa ngực ông tôi, nói trong cơn thổn thức:

- Ông ơi...

Ông tôi khe khẽ gọi:

- Cháu ơi!

- Dạ.

Giọng ông tôi trở nên nghẹn ngào, trắc ắc. Ông nắm chặt

tay tôi:

- Cháu khô sở nhiều, hả ?

- . . .

- Chẳng đứa nào ngó ngang hai cháu của ông, hả ?

- . . .

- Không ai đền bù cho các cháu được đâu.

Nước mắt anh em tôi rơi rụng trên mình ông tôi thấm qua hai lần áo dầy, ướt ướt làn da nhăn nheo. Tôi nói:

- Ông đền bù chúng cháu rồi.

Em Mai vuốt râu ông, thủ thi:

- Ông khỏe ông kể chuyện cổ tích cho anh em cháu nghe, ông nhé?

Ông tôi nhếch miệng cười. Ông gọi chú Nghiêm dặn dò, rồi đuổi mọi người ra, trừ anh em tôi. Chúng tôi trèo lên giường, mỗi đứa nằm một bên ông, cố thu về hơi ẩm mát mát từ lâu. Ông tôi ôm ấp anh em tôi. Chúng tôi nằm im, mặc cho tình thương len lõi mạch máu, vào thớ thịt. Hơn nửa tiếng sau, tôi không nghe thấy hơi thở của ông tôi nữa. Chẳng biết khi con đờm vít kín cổ họng, ông tôi có đau đớn không. Chắc ông tôi chết trong nỗi niềm sung sướng. Tôi mới tin rằng ông tôi đã đền bù cho anh em tôi nụ cười cuối cùng trước khi sang bên kia thế giới.

HUỶNH ÁI TÔNG

Buổi chiều ở quê nội nhà tôi lung linh màu sắc. Anh em tôi tha thẩn ngoài ngõ nhìn nắng vàng rớt rơi trên nội cỏ ngàn cây. Nắng chiều mong manh thật. Bừng sáng rực rỡ rồi tắt đi vội vàng.

Mẹ tôi thường hay nói:

- Nắng cứ sắp tắt thì lóa lên đẹp đẹp là...

Hôm nay trông rõ nắng sắp tắt, tôi chợt hiểu tại sao mẹ tôi mong đợi ngày về quê nội. Lòng tôi xốn xang, tôi cất tiếng hát đuổi theo bóng nắng đang lướt nhẹ bên bờ giậu: "*Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đêm chạy dài trên khóm cây, đàn chim riu rít ca...*" Em tôi hòa điệu: "*Bao người ra ngòi hay đứng bên thềm, chuyện trò vui với nhau, đời sống thần tiên...*"

Bài hát này tôi học năm tôi bảy tuổi. Bây giờ hát lên, tôi mới thấy thấm thía.

(1962)

(Trích tập truyện ngắn *Cỏ Non*)

Trích thơ:

Bia hờn

*Hờn ta căng rộng bia da
Nghìn tên tâm độc thối tha bắn vào
Có sao đâu, chẳng sao đâu
Thơ ta nghe vẫn ngọt ngào kiêu sang*

(1987)

Cà phê Paris 5

Cà phê Paris

*Uống ngòi hay uống đưng
Một ly như ngàn ly
Uống ngoài hay uống quán
Ngàn ly như một ly
Uống chiều hay uống sáng
Ngàn ly như một ly
Uống trưa hay uống tối
Ngàn ly như một ly*

*Cà phê Paris
Nhấn nha cần chi vội
Một ly là một ly
Mặc thời gian réo gọi
Ngàn ly là ngàn ly
Mặc máy ngu dục hối
Một ly là một ly
Yêu nhau vì nhau đợi
Ngàn ly là ngàn ly*

*Cà phê Paris
Cuộc đời nhiều thay đổi
Cõi người vẫn vô vi
Hỏi đi em cứ hỏi
Hạnh phúc nhấn nút gì*

(Montreuil, 1-84)

Nhân danh tất cả những gì tôi biết

*Tôi khôn lớn ở Sài Gòn
Biết thắm nỗi buồn sau mỗi cơn chính biến
Chưa hề đi lính
Nhưng bạn thân chết trận dần mòn
Cỏ đưa để lại bốn mụn con
Tiền tử tuất không đủ nuôi mẹ đàn làm đĩ
Tôi hiểu cuộc đời hôm nay hiếm khan hiệp sĩ*

HUỶNH ÁI TÔNG

Nên đã mơ thành tướng cướp hào hoa
Em hiểu không dưới chế độ Cộng Hòa
Nhiều thằng tướng sáu bảy vì la, ba bốn vợ
Khối thằng thêm lò bánh mì đồ sộ
Tiền điện tính vào quân phí Bộ Quốc Phòng
Tính vào máu lính tiền đồn bảo vệ biên cương
Tính vào xương chiến sĩ xông pha trận mạc
Tính vào quả phụ đêm dài nước mắt
Tính vào cô nhi ngày muộn thềm cơm
Chẳng tin cứ hỏi ông Châu Kim Nhân
Còn giữ hồ sơ đày óc
Tại sao tôi không mơ thành tướng cướp
Đi tổng tiền bọn tham những công khai
Em hiểu không tàn thương lính thiếu máy bay
Một thằng tướng ngu si nham nhở
Bắt trực thăng Lai Khê - Sài Gòn
Mỗi sáng bay khứ hồi mua phở
Cho nó ăn điểm tâm và lính chết từng giây
Một thằng tướng ngông nghênh bắt lính hành quân
bám chót đêm ngày
Cho nó say mê canh gà chọi
Mãi tận Long Xuyên xa vời vợ
Nó trị dân bằng cô gái Đồ Long
Nó đến trường xưa thăm thầy huấn thị học sinh
Ngôn ngữ cao bồi tác phong Chả Cá
Nó đốt nát học chi Carnot cao cả
Vợ bắt ghen cạn xăng nhót Không Quân
Những thằng tướng heo của xã hội miền Nam
Tiền ăn cấp gửi ngân hàng bí số
Tiền ấy rút máu tươi binh sĩ
Cắt cưa thêm những cẳng những đùi
Nuốt trơn tru đến những con người
Dầu lính chiến đã là những phé binh khôn nạn
Chưa nư đâu, tướng nhai luôn xác tảng vỏ đạn
Vò lương lính kiểm liếm láp đầu thâu

Thẻ bài tân binh quân dịch quận đau
Như loài cá tra tướng hèn quấy đớp
Em hiểu không tại sao tôi mơ thành tướng cướp
Đi tổng tiền bọn tham những công khai
Rất ngậm ngùi tôi chưa kịp ra tay
Tướng khôn kiếp đã rét run chạy trốn
Chúng nó trốn khi kẻ thù còn xa lắm
Còn Khánh Dương nhảy dù đánh thật hăng
Còn Thị Nghè lính văn nghệ diệt xe tăng
Trước giờ ban lệnh đầu hàng
Tướng hèn đã đào ngũ
Có thằng tướng bầm sinh không xấu hổ
Đứng chón Tân Sa Châu nói phét "Không đi"
"Đưa nào đi sang Mỹ làm cu li
Còn vợ nó thì xoay nghề đi"
Vài hôm sau nó âm thầm sang Mỹ
Những thằng tướng chạy dài tướng bản
Mặc quân binh lâm trận
Cộng sản tràn vô rấn đã mất đầu
Tổng tham mưu trưởng rút từ lâu
 Binh sĩ tan hàng sĩ quan ngơ ngác
Trên hè phố Sài Gòn tôi đi
Ròng rọc nước mắt
Chiều ba mươi tháng tư
Em ơi chiều ba mươi tháng tư
Tâm hồn tôi chít mảnh khăn sô
Tôi đứng giữa hoàng hôn nào đó
Như ngày xưa ngày xưa bé nhỏ
Đếm xác người chết đỏi ngổ ngang
Ôi xác ngày xưa
Hôm nay súng ngắn súng dài mũ sắt quân trang
Nằm rên rỉ dưới dép râu cộng sản
Em bất hạnh hơn tôi em vội vàng đi tản
Nên em không được khóc với Sài Gòn
Em chậm chạp lớn khôn

HUỶNH ÁI TÔNG

Em thiếu thốn đau thương tủi nhục
Em bằng lòng cái gì vừa tay phút chốc
Em ngại nhìn nổi khổ chung quanh
Em ơi em hiểu gì ở trại tập trung
Sĩ quan của ta ngâm cay nuốt đắng
Những sư tử kiêu hùng bị tước quyền chiến thắng
Những hào quang rực rỡ vô cùng
Những tinh cầu thuở mù mịt núi sông
Đã thấp sáng Bình Long Kontum Pleime Quảng Trị
Đã cống hiến quê hương mật ong tuổi trẻ
Đã máu chảy dài từ Bến Hải đến cà Mau
Chiến bại phủ phàng sỏi đá cũng đau
Thành tích đầy mình những vết xam kỷ niệm
Nổi nhục đỏ tươi cô đơn ngòi liếm
Không than van rên xiết - Anh hùng
Những người trót đi làm lịch sử
Voi lũ tướng cúi luôn
Chỉ ân hận chưa thật sự hy sinh vì tổ quốc
Em hiểu không lính của ta ba ngày học tập
Khỏi súng sa trường xem cũng hư vô
M16 nào đây? Không, cái thắng xích lô
Đường phố buồn tênh thủ đô hiu hắt
Dâu biển đổi đời lính nghèo cong lưng đập
Hôm qua bán máu hôm nay bán mồ hôi
Tướng đã bỏ đi, đã bỏ đi rồi
Lính ở lại láo lơ phe phẩy chợ trời
Hồi hương phát vãng vùng kinh tế mới
Tướng tá túc quê người phơi phơi
No cơm rửng mỡ tiếp tục diễn trò hề
Em ơi tôi có người bạn chết rất thảm thê
Thương vợ thương con trẻ năm ngày phép
Tiếng khóc trẻ con làm bạn tôi quên hết
Không trình diện nhất định ở nhà
Bạn tôi bị quân cảnh bắt dẫn độ ra tòa
Ba năm lao công chiến trường án phạt đào ngũ

Hai tháng sau vợ nhận tin báo tử
Em ơi bây giờ những thằng tướng hèn đào ngũ
Chúng ta xử bọn nó tội gì?
Tôi không dối gian sự thật sờ sờ
Cả thế giới tự do đều biết
Rằng chúng nó những thằng mặt rệp
Sống vinh quang và sợ chết vinh quang
Đáng lẽ ra chúng nó tự tổng giết đầy mồm
Ngồi cầm miệng gặm tiền ăn cắp
Đừng phát ngôn thói tha hôi hám:
- Huỳnh đệ chi binh
- Giải thoát giống nòi
- Tổ quốc lâm nguy
- Đồng bào cần tướng
Chúng nó soi gương nên chẳng thấy mình quái tượng
Hình thù lố bịch hơn con giáp mười ba
Thằng này tố bậy: - Tôi tình nguyện vác cờ
Thằng kia tháu cáy sáng: - Sang năm phục quốc
Lưu manh nhất vẫn là con Bọ Nước
Đục tường hàng xóm dẫn cả họ xuống tàu
Trốn chui trốn lủi khai láo giúp đồng bào di tản
Bọ Nước tướng quân lập mưu công ty kháng chiến
Lạc quyền xô số hũ gạo phiếu tem
Những tinh hoa của văn võ bá quan
Bịp đã dựng cơ đồ Bọ Nước
Em hiểu không tại sao tôi mơ thành tướng cướp
Mười triệu đô la nuôi phè phồn miền Nam
Một năm quên lao động nhục nhằn
Ở công trường nông trường vùng kinh tế mới
Vài gói thuốc tây đã hương đời với vợ
Mà mười triệu đô la chia chác lũ quạ khoang
Hai nghìn đô la lương tháng gã ủy viên
Chưa kể vé máy bay công tác phí
Chưa kể sang Thái Lan chi tiền đĩ
Làm nức lòng tướng bản dựng cờ

HUỶNH ÁI TÔNG

Lại Hội Đồng tướng lĩnh tráo trơ
Giọng cú vọ ngậm nhân ngôn truyền hịch
Xưa đã nuốt con người của lính
Nay buộc mỗi giãng bẫy đấu tranh:
- Huỳnh đệ chi binh
- Huỳnh đệ chi binh
Nghe khiến chửi thề
Thang danh vọng muốn dùng lưng quân đội
Những khi ấy chiến hữu quê nhà
Ngục tù tâm tối
Giọt cà phê nằm tưởng tượng ngày mai
Anh em sắp về giải phóng rồi đây
Anh em bên Mỹ quên ăn quên ngủ
Thì mình nghiền răng nhai thống khổ
Tất cả trưởng thành sau cơn lốc Tháng Tư
Anh em sắp về dấy động phong ba
Anh em sắp về bài ca chính khí
Nhưng anh em đang ngồi chùi sao rì
Thuê thợ may cò, con dấu, bảng tên
Anh em đang nhậu Martell
Quy định chỗ ngồi chia vùng ảnh hưởng
Đó cái gọi là tướng
Lũ sản kim ngọc nguậy giữa hậu môn
Những khi ấy dân tộc gầy mòn
Mẹ già váy rách trơ xương
Trẻ sơ sinh miệng khô thềm sữa
Tôi đã thấy con người và con chó
Cùng mưu sinh trên đồng rác Sài Gòn
Chó và người đòi đoạn nguồn con
Bơi xã hội chủ nghĩa chỉ giàu khẩu hiệu
Tôi đã thấy đồng bào ta xếp hàng bán máu
Máu đỏ tươi đổi gạo trắng chợ đen
Bán máu nhanh phải hối lộ chút tiền
Phải giữ chỗ từ đêm hôm trước
Bên hông bệnh viện Hồng Bàng

Làm sao em biết
Giọt máu đào trị giá điều Salem
Tôi đã thấy sản phụ mất sữa nuôi con
Ra phường xuống quận lên thành
Ba lần bị cõi trần nhay vủ
Khi hội đủ chỉ tiêu dã thú
Mới được mua sữa rẻ quốc doanh
Tôi đã thấy hoàng hôn trên đường tổ Hùng Vương
Những thiếu nữ con nhà lành đổi đời bán trôn nuôi
miệng
Dành dụm mua vàng tính chuyện vượt biên
Dành dụm mua vàng chuộc cha ra khỏi Sở công an
Tôi đã thấy em ơi tôi đã thấy
Nếu tôi là nhà văn
Tôi có thể viết năm ngàn trang giấy
Để vuốt ve dân tộc Việt Nam
Dân tộc bốn ngàn năm nuốt nhục triền miên
Những khi ấy Mặt Trận lòng tong
Chia phe sũa nhau chó má
Chữ nghĩa lưu vong thối tha mùi thư ngõ
Cuơng lĩnh chôn lụi chùi rửa thanh minh
Cộng sản liên hoan bắt chiến tự nhiên thành
Những khi ấy lòng tôi muối sát
Em hiểu không tại sao hôm nay
Tôi từ giã giấc mơ thành tướng cướp
Và tập tành cầm bút làm thơ
Tôi ở Sài Gòn vượt biển kiếm tự do
Hai năm đợi chờ ân huệ định cư tị nạn
Tôi đã sống với đồng bào tôi
Thuyền nhân dừng cảm
Như trâu bò địa ngục Sikiew
Đỏ mắt trông mong đồng bạc dán tem thư
Đỏ mắt trông mong
Kháng chiến mộ quân chí nguyện
Đỏ mắt trông mong Mặt Trận

HUỶNH ÁI TÔNG

*Giải phóng thật nhanh rời trại
Đỏ mắt trông mong tướng lĩnh viếng thăm
Bầy cá uon trên đất Mỹ nằm yên
Nanh vuốt cũ mài ngon bạo lực
Tiến sĩ thòu bon hoan hô toa rập
Lưỡi câu com giặt rách mép cộng đồng
Làm ung thối mầm non
Làm cháy rụi niềm tin chiến đấu
Làm trái tim tuổi xanh hằn lên
Vết sâu cào cấu
Làm lưu dân tuyệt vọng đường về
Tôi đã đến vùng Orange County
Của Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ
Và cần thiết thơ tôi tuyên chiến
Nhân danh: tất cả những gì tôi biết
Tôi nhả huyết tâm guom máu sát giả hình
Em hiểu không tôi một ngựa một mình
Nhu thi sĩ rất cô đơn xung kích
Chúng ta có nhiều nhà văn hiển hách
Nhiều nhà thơ giải thưởng hàng đầu
Chỉ hơi buồn họ đã ngủ từ lâu
Bên huyết mộ của kiêu căng tự mãn
Họ đã bị biến thành đá vôi
Để bị mài như hòn bi tròn nhẵn
Chúng ta có vài tạp chí đáng cầm
Chỉ hơi buồn đông đặc thơ văn
Thứ thơ văn nghìn năm không dấy động
Thơ văn cột rỗng
Lớp sơn màu mè bìa offset công phu
Thứ thơ văn tửu hậu trà dư
Thơ văn chết khi cuộc đời căng nhựa sống
Thơ văn ngòi khi Việt Nam khôn quần
Thơ văn năm khi bạo lực diễn hành
Thơ văn tô móng tay khi dân tộc đòi nhả răng
Thơ văn này nhựa môi sơn*

Vênh vang trung diện
Em hiểu không tôi đọc hành đơn kiếm
Chẳng báo nào chứa nỗi thơ tôi
Nhưng tôi vẫn làm thơ dán khắp tường đời
Dẫu kẻ thù vằm bằm nát ngực
Dẫu lưới thép bủa lên tôi oan khiên ngộ nhận
Vẫn làm thơ can đảm một lần
Vẫn phóng ra những chiêu thức tuyệt luân
Vẫn nhảy múa trên đầu cộng sản
Tôi vẫn làm thơ cho đêm đen bùng sáng
Tôi vẫn làm thơ đánh thức mặt trời
Tôi vẫn làm thơ ca ngợi Con Người
Dẫu rắn độc chụp đầu trăm kiêu mỗ
Dẫu bạo lực gài mìn bắt tử
Vẫn làm thơ, còn hơi thở vẫn làm thơ
Tôi làm thơ không giống trống phát cờ
Không thủ bút triện sơn và
Không dự thi ăn giải
Tôi làm thơ vì Công Bằng, Lẽ Phải
Thơ nâng niu nỗi khổ mù sung
Thơ vuốt ve niềm hiu quạnh quê hương
Nhưng nhất định công phá
Thành trì bạo lực
Ở bất cứ nơi nào trên trái đất
Thơ tôi sẽ tiết kiệm giùm nước mắt
Sẽ lái gập trăm trương mục nụ cười
Sẽ đào mồ chôn sống đười ươi
Khư khư giữ ống quyền uy ảo tưởng
Thơ tôi cùng đồng bào tôi
Gieo trồng hạnh phúc
Sẽ bắt Trời cao Đất thấp nắng mưa ngoan
Dẫu phải đi cuối mức đường oan
Dẫu phải đến chót thang tù nhục
Dẫu xuống Nam cực hay lên Bắc cực
Dẫu xác phơi trong sa mạc hoang vu

HUỶNH ÁI TÔNG

Vẫn làm thơ

Em hiểu không tôi vẫn làm thơ

Nhân danh: Tất cả những gì tôi biết!

(Độc Ngữ)

Trong bài viết *Con Ong Sài Gòn 2011*. Hoàng Hải Thủy đã có nhận xét về Duyên Anh:

“Trong chàng trẻ tuổi Vũ Mộng Long có hai người viết: Duyên Anh và Thương Sinh. Hai người viết ấy khác hẳn nhau. Người viết Duyên Anh chuyên viết về tuổi thơ trong sáng, hồn nhiên, người viết Thương Sinh chuyên moi móc những chuyện bẩn thỉu của người đời, Thương Sinh viết tàn nhẫn, ác liệt và sống sượng đến phát sợ. Nhưng người viết Thương Sinh chỉ là giai đoạn. Loại phóng sự nham nhở chỉ sống được trên những nhật báo, hay tuần báo chuyên về châm chích, bới móc như báo Con Ong, dù có viết hay mấy loại văn báo nham nhở này cũng không thể trở thành tác phẩm. Vũ Mộng Long biết rõ hơn ai hết điều đó, anh đã khai tử không tiếc thương người viết Thương Sinh trong anh để chỉ còn sống với con người Duyên Anh.”

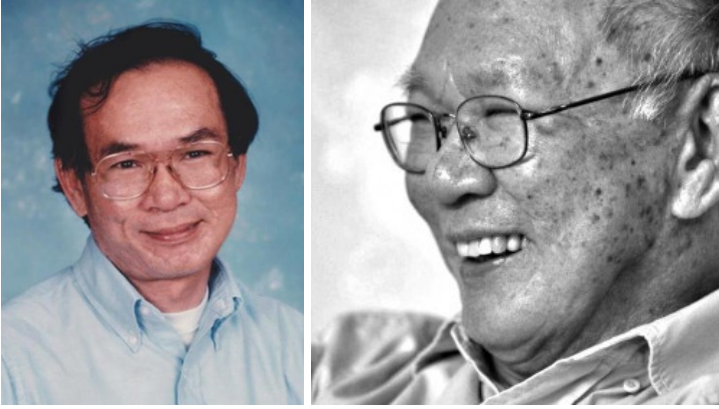
Tài liệu tham khảo:

- Duyên Anh Web: vi.wikipedia.org

- *Nắng chiều quê nội* Web: vnthuquan.net



8. Nguyễn Mộng Giác



Nguyễn Mộng Giác (1940 - 2012)

Ông sinh ngày 4 tháng 1 năm 1940 tại thôn Xuân Hòa, xã Bình Phú, quận Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn), tỉnh Bình Định, miền Trung Việt Nam.

Thời kháng chiến chống Pháp 1946 đến 1954, ông học tiểu học và trung học tại vùng kháng chiến. Sau Hiệp định Genève 1954, ông tiếp tục học tại trường Cường Để (Quy Nhơn), trường Võ Tánh (Nha Trang), rồi học năm chót của bậc trung học tại trường Chu Văn An (Sài Gòn).

Sau khi học một năm ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, ông ra Huế học Đại học Sư phạm ban Việt-Hán. Năm 1963, ông tốt nghiệp thủ khoa, khóa Nguyễn Du. Ngay năm ấy, ông được điều đến giảng dạy tại trường Đồng Khánh ở Huế. Năm 1965, đổi ông vào Quy Nhơn làm Hiệu trưởng trường Cường Để.

Năm 1971, với bản tính cẩn trọng, dù bôn nghiệp văn chương đã lâu, nhưng đến năm này đã ngoài 30 tuổi, ông mới có bài viết đầu tiên in trên tạp chí *Ý Thức*, là một tiểu

HUỶNH ÁI TÔNG

luận về văn hóa Việt Nam. Từ đó, ông bắt đầu viết văn, đã cộng tác với các tạp chí: *Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Ý Thức*.

Năm 1973, ông làm Chánh sở Học chánh tỉnh Bình Định. Năm 1974, ông được chuyển vào Sài Gòn, làm chuyên viên nghiên cứu giáo dục Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng hòa cho đến 1975.

Năm 1974, truyện dài *Đường một chiều* của ông được giải thưởng Văn Bút Việt Nam dưới thời Việt Nam Cộng hòa.

Sau sự kiện 30 tháng 4 năm 1975, việc sáng tác của ông tạm gián đoạn. Đến năm 1977, ông cầm bút trở lại, và bắt đầu viết bộ trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn mùa lũ*, và hoàn thành vào năm 1981.

Tháng 11 năm 1981, sau khi vừa viết xong bộ truyện trên, ông cùng con trai vượt biển. Chuyến vượt biển thành công, ông đã đến được đảo Kuku của Indonesia. Trong mấy tháng ở đây, ông đã viết được một số truyện ngắn mà sau này xuất bản thành cuốn *Ngựa nản chân bon*, và tập I của bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa biển động*.

Tháng 11 năm 1982, ông đến Hoa Kỳ, định cư tại Nam California, rồi cộng tác với các báo: *Đồng Nai, Việt Nam Tự Do, Người Việt, Văn, Văn Học Nghệ Thuật* ở nước ngoài.

Từ năm 1986, ông làm Chủ bút tạp chí *Văn Học* ở California, Hoa Kỳ. Đến tháng 8 năm 2004, ông phải ngưng công việc làm báo vì phát giác mình bị ung thư gan.

Sau nhiều năm dài chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo, ông đã qua đời lúc 22 giờ 15 phút ngày 2 tháng 7 năm 2012

(ngày giờ địa phương ở California, tức sáng ngày 3 tháng 7 năm 2012 giờ Việt Nam) tại tư gia ở thành phố Westminster, Orange County, California, Hoa Kỳ, thọ 72 tuổi.

Sau khi ông mất, gia đình ông đã bán tác quyền 20 tác phẩm cho nhà xuất bản Phương Nam trong thời hạn 10 năm, các tác phẩm đó là: *Nỗi băn khoăn của Kim Dung*, *Bão rớt*, *Tiếng chim vườn cũ*, *Qua cầu gió bay*, *Đường một chiều*, *Ngựa nân chân bon*, *Xuôi dòng*, *Mùa biển động*, *Bão nổi*, *Bèo giạt*, *Tha hương*, *Sông Côn mùa lũ*, *Tình và đạo trong thơ Hàn Mặc Tử*, *Đêm hoang*, *Mây bay về đâu...*

Tác phẩm:

- *Nỗi băn khoăn của Kim Dung* (tiểu luận, Văn Mới, Sài Gòn, 1972)
- *Bão rớt* (tập truyện ngắn, Trí Đăng, Sài Gòn, 1973)
- *Tiếng chim vườn cũ* (truyện dài, Trí Đăng, Sài Gòn, 1973)
- *Qua cầu gió bay* (truyện dài, Văn Mới, Sài Gòn, 1974)
- *Đường một chiều* (truyện dài, Giải thưởng Trung tâm Văn bút Việt Nam, 1974, Nam Giao, Sài Gòn, 1974).
- *Ngựa nân chân bon* (tập truyện ngắn, Nxb Người Việt, Hoa Kỳ, 1984)
- *Xuôi dòng* (tập truyện ngắn, Nxb Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1987)
- *Mùa biển động* (tiểu thuyết, Văn Nghệ, Hoa Kỳ gồm 5 tập: *Những đợt sóng ngầm* (1984), *Bão nổi* (1985), *Mùa biển động* (1986), *Bèo giạt* (1988), *Tha hương* (1989)
- *Sông Côn mùa lũ* (tiểu thuyết, 4 tập, An Tiêm, Hoa Kỳ, 1991)
- *Nghĩ về văn học hải ngoại* (tiểu luận, Văn Mới, Hoa Kỳ, 2003)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Bạn văn, một thuở...* (tạp luận, Văn Mới, Hoa Kỳ, 2005)
- *Đêm hoang* (truyện dài, chưa in thành sách nhưng đã đăng trên tuần báo Đồng Nai, Hoa Kỳ).

Chưa xuất bản:

- *Tình và Đạo trong thơ Hàn Mặc Tử* (tiểu luận)
- *Vào đời* (truyện dài), đã đăng một phần trên tạp chí Bách Khoa (Sài Gòn, 1973-1974)
- *Mây bay về đâu* (truyện dài).

Trích văn:

Độc nhân sinh

Sau khi có lệnh cấm ngặt các quán cà phê không được mở nhạc tiền chiến, nhạc disco, và một số chủ quán cà phê ở đường Trần Quang Khải bị đưa ra tòa, khu vực này chết lặng như một vùng mộ. Người qua đường nghe trở lại tiếng lách cách của những trái me chín khô va chạm vào nhau, và lại bồi hồi xúc động ngắm những giọt lá me vàng bay nghiêng, bay nghiêng. Chị phụ quét đường ngậm ngừng không nỡ đưa nhanh nhất chổi. Lâu lâu gió trái chướng đổi hướng, lá me chao liệng rồi bay tạt vào quán vắng.

Cô chủ quán, có vẻ đẹp của Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhìn mông lung ra phía hồ tắm cạn nước nay đổi thành hầm chứa rác và lá khô. Bàn ghế trong quán không có vẻ gì chuyên nghiệp: hai bộ ghế nệm bọc nhung màu huyết dụ đã sờn phai khiêng từ những phòng khách vắng chủ nào đó, một tủ buffet cắm lai thay quày rượu, chén tách bằng đồ sứ Nhật. Chỉ còn thiếu một cuốn Vang Bóng Một Thời in trên giấy dó nằm ở thờ đâu đây là đủ lệ bộ của suu tập quá khứ. Ở góc quán, chỗ gần bụi trúc La Ngà trơ trụi già nua, chỉ có

hai người khách. Người mang kính đen từ lâu ít nói, mỗi lần nói lại quá nhỏ; nên từ xa, có cảm tưởng người gầy óm tóc muối tiêu đang phân trần với một pho tượng. Pho tượng ngồi thu cả hai chân lên nệm ghế nhưng, hai tay ôm lấy gối, nhìn mãi về phía chiếc xe đạp thô dụng ở góc trúc cối. Trước mặt họ, hai tách cà phê đã hết bốc hơi.

Khi cô chủ quán ra khỏi nổi băng khuâng vu vơ, vẫn người gầy tóc muối tiêu đang nói:

- ... Không, bị trận hồi hành quân Lam Sơn 719 kia!

- ...?

- 719. Trận đường 9 ấy mà.

- ...

- Đúng đúng. Các anh thì gọi là trận Đường 9 Nam Lào.

- ...

- Hôm 30-4 tôi nằm bệnh viện Cộng Hòa vì chỗ chân cưa bị nhiễm trùng lở trở lại. Tôi chưa biết cách đi, nên cái chân gỗ làm tình làm tội tôi. Mỗi lần đặt chân trái xuống đất, đau buốt đến nỗi chảy cả nước mắt sống.

- ... ?

- Ở chỗ này. À quên, anh có nhìn thấy đâu. Ngay phía dưới đầu gối. Nhờ thế tôi mới còn đi xe đạp được.

- ...?

- Bị mìn cá nhân, hình như loại Trung Cộng thì phải. Chắc chắn điều này anh thạo hơn tôi. Nghe nói chỉ bé chùng này thôi.

- ...

- Lớn hơn à? Thảo nào. Nghe tiếng nổ xong, tôi ngất đi. May trực thăng lúc đó còn hạ xuống được nên tôi được chở thẳng về bệnh viện hậu cứ. Tỉnh dậy, tôi đòi xem cho được cái chân trái. Thế mà họ cũng chiều đấy.

- ...

- Chẳng có gì đặc biệt. Hơi gầy gầy ở xương sống. Gần như ghê tởm, nói đúng hơn là ác cảm. Lạ thật. Một phần thân xác triu mến của mình, thế mà khi nó rời ra, trông xa lạ thế nào! Cứ theo tưởng tượng của mấy tay viết tiểu thuyết thì phải ôm lấy nó khóc nức nở. Cũng như kỷ niệm của tôi về ngày lấy vợ. Ôi thôi các ông ấy tô điểm đủ điều. Nào e áp nhìn nhau. Tân lang và tân giai nhân âu yếm diu nhau đi trên xác pháo. Nào rộn rã trước hạnh phúc vĩnh cửu. Láo hết. Lo đủ thứ chuyện linh kinh, lại bị các bà cô ông chú bắt khoan bắt nhặt. Mệt phờ người ra. Tôi cho rằng bấy nhiêu thứ nghi lễ phiền phức nhằm nhí ấy chỉ nhằm có một việc: những vợ chồng trẻ hãy gắng mà chịu đựng nhau, lấy vợ lấy chồng một lần tổn đến già nên không dám làm lại lần nữa.

- ...

- Tôi chua chát lắm sao? Có lẽ vì tôi tiếc của đấy. Anh biết không, lúc gặp anh, tôi vừa mất gọn bốn trăm năm mươi đồng bạc chẵn.

- ...?

- Không. Dù ở Sài Gòn bây giờ ra ngõ là gặp trộm cắp, nhưng... nhưng kẻ cắp cũng còn có trái tim. Ai nữ cướp cơm chim của kẻ tật nguyền. Tôi có một ông bạn phế binh mù đi bán vé số. Lừa anh ta dễ quá. Một mảnh giấy bèo

nhèo có mồ hôi nào đó cũng thành tờ 50. Thế mà anh chưa hề bị lừa một đồng. Tôi mất tiền vì gặp tai nạn.

- ...?

- Ngay trước lúc gặp anh ở dốc bên này cầu Thị Nghè.

- ...?

- Ủa, này giờ anh chưa biết kể mưu sinh của tôi sao? Tôi đãng trí quá. Tôi cứ tưởng anh nhìn được chiếc xe đạp đặc biệt của tôi. Trông thấy nó, biết nghề của tôi ngay. Tôi đạp xe đạp thồ chở hàng thuê đấy.

- ...?

- Vâng, y như loại xe thồ hồi tụi mình còn học ở Bồng Sơn. Nhưng xe thồ ở đây được cải tiến, trọng tải lớn hơn nhiều. Loại xe thồ hồi ấy chỉ như xe du lịch. Khách hàng thường là các cô gái đi buôn hàng chuyển ngồi vắt lên đòn ngang giàn xe, ngay trong lòng “tài xế”. Giỏ hàng cột phía sau porte-bagage. Hồi đó tụi mình thường nghe nhiều chuyện tiếu lâm về các anh xe thồ xấu máu. Ôm người đẹp trong vòng tay, tóc thom cọ lên mặt, chiếc cổ trắng ươm ướm mồ hôi như hoa đào ngậm sương, ôi chao, có phải gò người đạp lên dốc đứng cũng không biết mệt. Tụi tôi bây giờ chỉ là “tài xế” xe chuyên dùng, xe chở hàng nặng. Chán phèo.

- ...?

- Anh đoán xem!

- ...

- Không.

- ...

- Cũng không. Loại vừa công kênh vừa mỏng manh.

- ...?

- Tôi chuyên chở thạp đấy. Loại thạp da lươn người ta dùng đựng nước uống hoặc đựng gạo. Vì thế tôi mới bảo là vừa công kênh vừa mỏng manh. Hồi sáng tôi vừa làm vỡ tám cái thạp như vậy.

- ...?

- Tám.

- ...?

- Đúng là tám. Mỗi chiếc giá vốn 50 đồng, 8 chiếc 400. Tiền công chở từ Biên Hòa lên Sài Gòn 5 đồng mỗi chiếc, vị chi 40.

- ...?

- Làm sao chở hết một lúc chừng ấy chiếc ư? Bí quyết đơn giản quá. Cái bao tử xẹp thì tìm ra cách ngay. Vả lại cái khó là cột cho chắc tám chiếc thạp trơn lên xe. Những tay lão luyện tự làm lấy cả. Tôi mới vào nghề, phải thuê mất mười đồng. 400 đồng tiền vốn, cộng 40 tiền công, cộng 10 đồng tiền thuê cột hàng, tất cả đúng 450 đồng chẵn.

- ...?

- Không phải nỗ lực hay gãy tay cầm. Tiếc là anh không trông được cái xe thồ của tôi dựng chỗ bụi trúc kia. Đi chiếc xe như vậy khỏi cần xuất trình giấy hành nghề. Bánh sau đùm niềng xe Mobylette, tám xe loại cyclo. Ghi đồng sắt lấy từ xe Alcyon loại Tây thuộc địa. Bàn đạp là hai ống sắt cỡ 17 hàn dính vào giò xe. Phụ tùng có cây thanh gỗ

chắc chắn đầu cửa hình chữ U để dựng xe nghỉ mệt. Ông bơm loại đứng có thể dùng bơm ruột xe hơi.

Giọng người mang kính đen lớn hơn:

- Anh tàn tật, chọn chi cái nghề nặng nhọc vậy?

Người gầy ốm tóc muối tiêu thấp giọng hơn thường lệ:

- Anh vẽ giúp tôi một nghề nhẹ nhàng đủ sống xem! Một vợ bốn con, làm sao tôi sống được đây? Làm gì còn đất sống cho người lương thiện!

- Anh lại chua chát rồi! Tại sao anh không tìm một nghề ít dùng đến chân?

- Như nghề gì?

- Làm nghề thợ may. Nghề đan mây tre. Thậm chí xin lỗi anh, tôi thấy nhiều phế binh chế độ cũ làm nghề hát dạo trên xe buýt.

Người tóc muối tiêu cười, nụ cười méo xệch:

- Tôi hát bài gì để làm vui lòng bà con cô bác rồi chia mũ xin tiền bố thí đây? Chẳng lẽ bài “Tiến về Sài Gòn”? Hay là bài “Hà Nội niềm tin yêu và hy vọng”? Còn hát những bài anh thường nghe ở bên xe buýt chợ Bến Thành, với tấm giấy phóng thích của trại học tập cải tạo...

- Tôi nói cho vui thế thôi. Thiếu gì nghề nhẹ cho anh. Anh còn may mắn hơn tôi. Anh còn đôi mắt. Thợ may, thợ đan, thợ điêu khắc, thiếu gì!

Người tóc muối tiêu trầm ngâm một lúc, rồi chậm rãi nói:

- Quả thật không thiếu. Nhưng tôi nói điều này, tin hay không tùy anh: tôi không muốn làm những nghề nhếch nhác, những nghề đàn bà. Chính tôi muốn tìm một nghề khó, cần đủ đôi chân khỏe và khéo léo. Tôi muốn chứng tỏ rằng mình chưa phải là thứ vứt đi. Chở xe thô bình thường phải có đôi chân đạp khỏe, muốn đẩy xe lên dốc cầu Bình Lợi phải lực lưỡng. Một chân, ồm ồm, tôi phải làm được. Khó nhất của nghề thô là chở thạp, chở thạp cừ nhất phải được mười cái. Nay tôi lên được tám.

- Nhưng anh vừa đánh vỡ cả tám!

- Đúng. Đây là lần đầu tiên tôi làm vỡ hàng, sau sáu tháng hành nghề. Đánh vỡ vì một chiếc xe bảng xanh phanh bất ngờ trước mặt tôi, đúng lúc tôi ấn cái chân gỗ lên bàn đạp. Tôi chán nản quá, bỏ mặc chiếc xe với đồng thạp vỡ, cạ nhấc đến ngồi bên lề đường. Anh biết không, tài xế xe bảng xanh phanh ẩu vì vừa nhận ra mặt hiệu của chị mua xăng lậu. Tôi chỉ là người bị nạn, không phải kẻ gây tai nạn. Tôi chưa đáng vứt đi, như người ta đã vứt tôi ra khỏi bệnh viện Cộng Hòa hôm 30 tháng 4.

Người mang kính đen khụng đi một lúc, mới nói:

- Làm sao được! Lúc đó chúng tôi nhiều việc quá, không có thì giờ suốt muốt những chuyện thương vay khóc mướn. Vả lại, chẳng lẽ phải vứt thương binh chúng tôi ngoài hành lang bệnh viện Cộng Hòa!

Người tóc muối tiêu đáp ngay:

- Tôi đã mất một chân, có chiếm nhiều chỗ lắm đâu.

- Nhưng anh còn có “máy bay lên thẳng” chở về hậu cứ để chỉ mất từ ống chân trái trở xuống. Nếu tôi được như anh, nếu tôi được như anh...

Người mang kính đen nghẹn lời, không nói tiếp được. Bạn anh không nghe anh tiếp, ngơ ngác nhìn lên. Hai người im lặng hồi lâu. Mãi một lúc sau, người tóc muối tiêu mới e dè hỏi:

- Đáng lý anh không đến nỗi phải mù?

- Vâng, nếu...

- Đường xa quá? Hay y sĩ...

- Cả hai.

- Chị ấy có...

- Tôi không muốn cho nhà tôi biết ngay. Vả lại...

- Thế nào ạ?

- Vả lại... Nếu có muốn cũng không được. Thường thường phải hơn một năm sau, trong trường hợp... Anh hiểu cho, liên lạc khó khăn lắm. Hơn nữa, phải làm thế để giữ vững tinh thần ở hậu phương.

Rồi đột nhiên, giọng anh thương binh mù sang sảng, lâu lâu như đang đọc bài:

- Nhưng so với sự “hy sinh lớn lao của các chiến sĩ cách mạng” đi trước, thì phần đóng góp của tôi có nhằm gì!

Người đạp xe thô ái ngại nhìn bạn. Anh đẩy tách cà phê về phía bạn, nhắc nhở:

- Tách cà phê của anh còn đầy. Anh uống kéo nguội hết. Anh thương binh mù bối rối nói:

- Được, được. Cảm ơn anh; rồi dè dặt đưa tay phải mò lên mặt bàn. Tách cà phê đã đổi chỗ nên suýt chút nữa anh làm đổ cả phê ra cái đĩa sứ. Người đập xe thò thấy bạn đã tìm được quai tách, nói lảng sang chuyện khác. Anh hỏi:

- Chị và các cháu đã vào hẻm trong này chứ anh?

- Ban đầu chúng tôi cũng định thế, nhưng...

- Nhưng sao ạ?

- Lâu nay anh có về thăm Bồng Sơn không?

- Không.

- Sau “giải phóng” tôi cũng hơi ngại. Làm vương làm tướng mà về thì... còn tình cảnh tôi, anh hiểu. Sau tôi đánh bạo. Không nhìn được vườn dứa quê mẹ thì cũng phải nghe lại cho được tiếng xe nước rì rào bên bờ sông Lại, nhúng chân một lần vào nước mát con sông xưa. Bao nhiêu năm tôi quay quắt với những thú thân thương đó. Không đủ tiền, nên tôi chỉ đem theo cháu út.

- Sao anh không dẫn chị vào?

- Nhà tôi cũng muốn lắm. Nhưng cháu út lên bảy, mình thương binh có thể thương lượng cho cháu miễn vé. Cũng may nhà tôi không đi.

- ...

- Gia đình tôi trôi dạt đâu cả, không còn ai. Nghe nói từ 1972 tản cư vào Qui Nhơn rồi đi lập nghiệp nơi khác. Nghe nói vườn dứa bị cụt ngọn cả rồi. Tôi ngủ lại ngay bến xe một đêm, hôm sau về Thanh Hóa. Không kịp hỏi tin tức bạn bè cũ ở trường Nguyễn-Huệ-bác đạo đó. Anh có biết không?

- Anh muốn hỏi ai?

- Lũ bạn cũ. Để tôi nhớ lại đã. Như cái thằng ngồi đầu bàn phía ngoài lớp Bảy D, có cái tật hay khịt mũi ấy.

- À, thằng Quảng. Sau Genève nó làm xã trưởng.

- “Ác ôn” đến thế kia à! Có “gây nợ máu” nhiều không?

- Chẳng rõ. Chỉ biết năm 1965 cả nhà nó chết thảm vì một quả lựu đạn ném vào mâm cơm tối.

Hai người im lặng một lúc. Người thương binh mù hỏi tiếp, giọng bớt hăng hái:

- Còn thằng Luân? Thằng có cây viết Kaolo ngồi thủy tinh.

- Nó giàu lắm. Mở hiệu ăn ở Phù Cát, gặp lúc Mỹ qua buôn đồ lậu, phát như điên.

- Ái dà! Tư sản cỡ lớn chắc. À, thằng gì một lần xuống hầm núp máy bay, nó đá lên cả đầu con Lý hay đổi?

- Thằng Đức. Đức Cống ấy mà!

- Phải. Nó lộn gan mỗi lần bị gọi như vậy. Nó ra sao?

- Nhảy núi sớm lắm. Tận hồi tổ cộng.

- Luật 10/59 chứ gì. Về sau anh có nghe Đức nó lập được thành tích gì không?

- Tôi chẳng biết. Đáng lý anh phải biết chứ.

- Còn anh?

HUỶNH ÁI TÔNG

- Đơn giản thôi. Sau 1955, theo ông chú vào Nha Trang rán lấy cái bằng tú tài. Học hai năm ở khoa học, hỏng liền tiếp ở chứng chỉ Toán đại cương học búa. Bị động viên, qua pháo binh. Mười năm lính, bốn lần bị thương. Mất một cái chân, trước khi mất hết. Không được may mắn như anh đâu!

Người thương binh mù ngừng phất lên, vội hỏi:

- Đòi tôi may mắn ư? Anh nói đùa?

Người đạp xe thò do dự một lúc, rồi nói:

- Trước kia hồi học ở Bông Sơn, anh vẫn được khen luôn luôn thuộc bài. Kể ra lúc thấy trống trải, có cái gì để học thuộc cho khỏi nghĩ ngợi miên man, cũng hay.

Người thương binh mù ngời yên, không động đậy, không nói năng.

Pho tượng bó gối có nét mặt bần thần. Bạn anh hỏi nhỏ:

- Anh sao thế? Đã muốn về chưa?

- Có lẽ phải về thôi. Tôi còn chút việc.

Người đạp xe thò lấy thìa khua vào mạn tách. Cô chủ quán đến gần lễ phép hỏi:

- Quý ông đã cần pha trà chưa ạ?

Người đạp xe thò xua tay nói:

- Khỏi cần cô ạ. Cô cho chúng tôi gửi tiền.

Người thương binh mù vội bỏ hai chân xuống đất:

- Anh để tôi trả tiền. Bao nhiêu hờ cô?

- Thưa 14 đồng. Cà phê độ rày cao quá.

Bàn tay lục túi của người mù ngân ngừ. Người bạn tinh ý hỏi:

- Anh không đủ tiền trả phải không? Để tôi trả cho.

- Nhưng sao đắt thế này! Tôi nghe chỉ một đồng một tách đen thôi mà.

Cô chủ quán vẫn nhỏ nhẹ thưa:

- Cà phê nguyên chất quả có khác chứ ạ. Hời còn được mở nhạc, những mười đồng một tách đấy.

Không có tiền thối, anh xe thồ nhận bốn điều Đà Lạt rồi đưa cả cho bạn. Người mù không hay biết gì, mò tìm cây gậy nhôm. Thấy mình vô ý, người đạp xe thồ ân cần hỏi:

- Anh cần đi đâu, để tôi chở cho.

- Cám ơn. Chân anh thế, tôi không yên tâm. Tôi đi bộ cũng được.

- Tùy anh. Hôm nào gặp lại nhé!

- Vâng. Hôm nào rảnh tôi sẽ tìm thăm anh.

Họ chia tay nhau. Người mù hươu cây gậy nhôm tiến ra cửa quán. Người đạp xe thồ cà nhắc về phía góc trúc La Ngà. Họ đều quên, không hỏi nhau địa chỉ tạm trú./-

Nguyễn Hưng Quốc viết về Nguyễn Mộng Giác trong bài Một nét trong phong cách Nguyễn Mộng Giác (1940-2012):

HUỶNH ÁI TÔNG

“... Cũng có thể nói Nguyễn Mộng Giác, tác giả của hai bộ trường thiên tiểu thuyết, “Sông Côn mùa lũ” và “Mùa biển động”, là nhà văn của những kích thước đồ sộ. Tuy nhiên, khi theo đuổi những công trình đồ sộ ấy, tài năng của Nguyễn Mộng Giác lại không thể hiện ở những cái lớn với những cấu trúc vĩ mô hay những tư tưởng có tầm triết lý bao quát cả cuộc đời hay thời đại, ngược lại, nó được thể hiện, trước hết, ở những cái nhỏ nhỏ với những nhận xét tinh tế về những chi tiết rất đời thường.”



Từ trái: nhà văn Hoàng Khởi Phong, nhạc sĩ Lê Uyên Phương, họa sĩ Khánh Trường, nhà văn Mai Thảo, Phan Nị Tấn, nhạc sĩ Trần Duy Đức & nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Nam California 1989.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Mộng Giác Web: vi.wikipedia.org
- Dóc nhân sinh Web: nguyenmonggiac.info

9. Diễm Châu



Diễm Châu - Phạm Văn Rao (1937-2006)

Thi sĩ Diễm Châu tên thật là Phạm Văn Rao sinh năm 1937 tại thành phố Hải Phòng. Vào Nam năm 1953.

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn Ban Anh văn.

Tu nghiệp tại Đại học Indiana, Hoa Kỳ.

Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Đại học Bách khoa Phú Thọ, là giáo sư Trung học kỹ thuật Cao Thắng, Cao Đẳng Sư Phạm Kỹ Thuật, Sài Gòn.

Từ năm 1966, cùng với Thế Nguyên, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Lý Chánh Trung, Phạm Cao Dương, Nguyễn Khắc Ngữ, Đỗ Long Vân... trong ban chủ trương nhà xuất bản *Trình Bày*.

Năm 1970, là Tổng thư ký tạp chí *Trình Bày*, sau khi Tạp chí *Trình Bày* bị đóng cửa năm 1972, sau đó ông dùng bút danh Võ Hồng Ngự, cộng tác với tạp chí *Đứng Dậy*.

Năm 1983, cùng gia đình rời Việt Nam đi định cư ở Strasbourg Pháp quốc.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tại Pháp, Diễm Châu dành nhiều thời gian và tâm sức để dịch và giới thiệu thơ nước ngoài ra tiếng Việt. Nhờ ông, độc giả Việt Nam có điều kiện tiếp xúc với thơ và tiểu luận văn học của Jorge Louis Borges, Antonin Bartusek, Umberto Saba, Ana Blandiana, Rolf Jacobsen, Ted Hughes, Fernando Pessoa, Johannes Bobrowski, Mahmoud Darwich... Đặc biệt, ông là người nhạy cảm với cái mới, nên đã sớm nhận biết những tài năng lớn của văn học thế giới: ông đã dịch và giới thiệu Oe Kenzaburo 24 năm trước khi nhà văn Nhật này được Giải thưởng Nobel về văn học năm 1994, nhà thơ Thụy Điển Tomas Transtroemer được Giải thưởng Nobel về văn học năm 2011

Năm 2000, Diễm Châu được trao tặng Giải thưởng Quốc tế Lucian Blaga về Dịch thuật tại Paris, “xét vì những gì ông đã làm cho thơ Ru-ma-ni”.

Ông mất ngày 30 tháng 12 năm 2006 tại Strasbourg, Pháp quốc, thọ 69 tuổi.

Tác phẩm:

Thơ:

- *Hạnh hoa* (tuyệt bản)
- *Sáng muôn thu* (tuyệt bản).
- *Việt Nam*
- *Tổ quốc và em..*
- *Thơ Diễm Châu*
- *Mười bài ở Paris và những mảnh rời.*

Sách dịch:

- *Nhà chung* của Ferreira de Castro
- *Vâng ý cha* của Fritz Hochwalder (cùng dịch với Thế

Nguyên)

- *Thân phận con người* của Akutagawa Ryunosuke
- *Câu chuyện năm mới* của Vladimir Dudintsev
- *Natasha (Câu chuyện mùa đông)* của Abram Tertz
- *Một cái chết ngoạn mục* của Friedrich Duerrenmatt
- *Con voi* của Slawomir Mrozek
- *Nuôi thù* của Oe Kenzaburo...

Trích văn:

Thư Lộ trấn ^(a)

Strasbourg

11.9.83

Đã nhận được thư và quà của ông. Mình đang cần cả hai thứ. Cảm ơn Thường rất nhiều. Khi viết mấy chữ cho Thường mình không ngờ lại được tin sớm thế. Cảm ơn Thường đã nghĩ đến mình và vẫn nghĩ đến mình khi mình còn ở bên nhà cũng như bây giờ. Mình cảm thấy được an ủi rất nhiều. Cảm ơn Thường 3 lần!

Chuyến đi của mình quả thật là chuyện bất ngờ. Chính mình cũng không hề nghĩ đến ngày hôm nay: bưng con mắt dậy bỗng thấy mình thành kẻ "tị nạn"! Mấy dòng đầu thư của Thường khiến mình rất nghĩ ngợi. Mình nghĩ mình "thiếu nợ" mọi người đã nhiều. Và lúc này hơn bao giờ hết, giữa cái lu bu của cuộc sống đổi thay, món nợ tinh thần kia lại xuất hiện hết sức rõ rệt. Mình thiếu nợ những người "anh em thù nghịch", nhưng nhất là thiếu nợ bạn bè, một lời trần tình: Vì sao, sau 8 năm ở lại "chịu đòn" rớt cuộc mình lại bỏ đi? Có lẽ phải viết một quyển sách! Có lẽ chỉ vài dòng cũng đủ (cho mình và bạn bè). Mình phân vân. Dẫu sao, về chuyện này cũng cần phải có ngày giờ, và ngày giờ không chỉ để viết ra mà còn là để gạn lọc xem những gì

thiên kiến, ảo tưởng, những gì là bản chất thật sự, những gì là sự thật, dù chỉ là những sự thật tầm thường...

Mình đáp máy bay Air France qua Bangkok, ở lại đây một đêm, một ngày rồi tiếp tục đi via Bombay. (Đáng lẽ ra không phải ở lại đất Thái, nhưng bọn bên nhà đánh télex sao đó nên số người từ HCM-ville tới đông hơn dự trù. Bởi thế khách Việt Nam bị để lại, nhường chỗ cho bọn Karachi lên tàu). Tới Roissy-Charles de Gaulle được đưa về "trung tâm những người tị nạn" ở Créteil, ngoại ô Paris; ở đó khoảng hơn hai tuần. Đúng ngày 19-8 [83] lên đường đi Strasbourg, ở tại một trung tâm tạm cư (Centre Provisoire d'Hébergement). Tại đây, được báo trước là, được ăn ở miễn phí khoảng bốn tháng, rồi "tự túc". Hiện nay mình đang lo chỗ học cho ba đứa con và tìm công việc cho chính mình. Ngày ngày phải chạy cùng khắp lo giấy tờ và đi khám sức khỏe (sao mà "nó" khám nhiều thứ thế!) Mới lo được cho con út năm nay 17 vào học tiếng Pháp ở một trường tư (La Providence!). Còn hai đứa lớn có Bac ^[10] Việt Nam chưa biết có ghi tên học tiếng Pháp được không. Nỗi lo hiện thời phần lớn là nằm ở đó.

Thằng nhỏ năm nay 20, học Bac xong thì vô y khoa rồi bị cho nghỉ vì vụ giấy tờ xuất ngoại. Khốn nạn nhất là khi đi chỉ có mỗi mảnh Bac bằng nửa bàn tay, còn giấy tờ chứng nhận đại học bọn chúng nhất định không chịu cấp. Con lớn năm nay 21, học năm thứ ba ban toán đại học bên nhà cũng vậy. Cuối năm thứ hai đang thi thì nó giấy kêu ra sở ngoại kiều. Thế là chúng không cho thi tiếp, không cấp giấy chứng nhận đại học. Năm học thứ ba nó phải đi học "chui" (Các thằng hầu hết là ngụ đã... bao che cho học.) Qua đây bằng cấp bên nhà trên nguyên tắc là sẽ không được công nhận. Bởi thế mới có nỗi lo... Còn công ăn việc làm của mình thì chưa thấy có gì sáng sủa cả. Cái xứ từng đàn chim biển "rong chơi" dọc theo dòng nước này coi bộ không dễ

kiếm việc như nhiều người tưởng. Mình nghĩ đã đến "nước này" thì cái gì cũng làm hết, miễn sao... Thế nhưng vẫn có... khả năng là tiếp tục rong chơi thôi. Có lẽ phải lộn về Paris... Và vấn đề này chắc Thường cũng không tránh được một số kinh nghiệm?

Mình bây giờ cũng không còn được như xưa, dù xưa đây cũng đã là quá tàn tạ. Bây giờ mình rưng rưng gần hết, tóc bạc từ lâu, cái kính gãy hai, ba lần chưa thay (nhìn xa không rõ nhìn gần cũng không xong!) còn cái gọi là nụ cười thì đã quá nhuốm nhiều... bụi đời. Niềm "kiêu hãnh" vẫn còn đó, thế tuy nhiên tám năm, những gập gờ mới, những đổi thay... đã quét lên một lớp sơn kỳ quái bên ngoài có vẻ điềm tĩnh, nhưng bên trong, đằng sau, cái "đau" chỉ chực vui sâu ngọn lửa chưa chịu tắt. Ở đây mình không có lấy một người quen. Trí thức bản xứ thì lạnh như... Đức, còn trí thức Việt Nam thì quá hiu hắt. Mình từ một chỗ bị "cô lập với thế giới bên ngoài" đột nhiên nhẩy vào một "thế giới tự cô lập", mặc dù người bản xứ gọi chỗ này ^[11] là... thủ đô của Âu châu!

Mình tới Pháp quả là một chuyện kỳ quặc, nói ra thật khó tin (chính mình cũng... không tin) Trái với mọi người, mình không làm đơn xin xuất ngoại trước. Chuyện xảy ra khoảng 79 hay 80 gì đó. Có một người bạn mới quen lúc sau này đến chơi, thấy tình cảnh trong nhà tội nghiệp, hỏi han sự tình rồi ghi lại vài chi tiết. Bẵng đi mấy năm, tưởng chuyện đùa... Ai dè một ngày tháng 5-82 "được" Bộ Nội vụ rồi Sở Ngoại kiều rồi Quận kêu lên, biểu làm giấy "xuất ngoại về việc riêng". Lý do chính thức họ biểu ghi là "để mưu sinh". Thế rồi các thủ tục lập hồ sơ, bổ túc hồ sơ... Đến tháng 5.85 thì ký giấy xuất ngoại và phát cho mình vào tháng 6. Trong thời gian chờ đợi, lãnh sự Pháp có gửi ra cho một giấy chứng sẽ có nhập cảnh của Pháp. Lúc đó mới hay mình có tên trong danh sách "những trường hợp đặc biệt" được

Pháp can thiệp. Danh sách này có lẽ đã do tên ^[12] ... đưa qua cho Hà Nội... Thực hư, đầu đuôi ra sao mình hoàn toàn không quyết chắc được. Dầu sao, cũng phải ghi nhận là hoạt động của Bàn tay Định mệnh đôi khi cũng có những đường nét hơi... bất thường. Ở nhà, mình đã bị mấy người anh em ở Sở Ngoại kiều kêu là... thuộc "diện" bị 'trục xuất'. Qua tới đây mới cảm thấy thấm thía đó không phải là một câu nói đùa.

Ấy thế mà khi mình đi, không thiếu kẻ đánh nhau, giành nhau để đi. Số người xin đi Pháp bây giờ gặp khó khăn nhiều. Rất có thể bằng một cách nào đó xin được Việt Nam cấp xuất cảnh nhưng lại không có nhập cảnh của Pháp. Không thiếu người đã có xuất cảnh 1, 2 năm rồi mà vẫn không đi được (vì người bảo lãnh không phải bố mẹ vợ chồng con cái). Cả đến con lai cũng bị gạt lại. Rất nhiều. Người xin đi Mỹ thì hồ sơ qua nhiều thủ tục và thường bị xét khá lâu. Gia đình Biên ^[13] hiện có ông anh rể ở chung nhà với Biên đã được xuất cảnh đi Mỹ nhưng tới lúc mình đi vẫn còn phải chờ được lên danh sách "interview" của Mỹ. Biên đã có giấy kêu ra Nguyễn Du (Sở Ngoại kiều thành phố) bổ túc hồ sơ (đi Mỹ), còn phải chờ Nguyễn Trãi (trực thuộc Bộ Nội vụ) xét cấp xuất cảnh. Sau đó lại phải chờ được kêu đi interview. Thời gian chờ được đi interview này có khi kéo dài 9, 10 tháng là thường. Ấy là chưa kể thời gian chờ được cấp xuất cảnh.

Hiện nay Biên đã thôi làm *Tin Sáng* (đóng cửa), một dạo mở quán café rồi phải dẹp vì "công an khu vực" làm khó và vì một chuyện không đâu. Thí dụ: Biên cho phóng lớn một bức tranh Léger (hoạ sĩ vẫn được phe xe hội có cảm tình đặc biệt) lên một bức tường trong quán, bị công an kêu bôi đi vì là... văn hoá đồi trụy! Biên hiện nhận làm bìa, minh hoạ và làm "mise en page" ^[14] cho tờ *Phụ Nữ* và một vài tờ báo khác. Làm cho đỡ buồn chứ không lấy gì làm

hứng thú. Chị Hồng ^[15] chưa xin nghỉ dạy (trong nhà *cần* có một "công nhân viên") nhưng có vẻ quá mệt mỏi. Hai đứa nhỏ ^[16] vẫn đi học và tập võ, gần đây có xuất hiện trong một phim Việt Nam.

Tình hình kinh tế bên nhà không nói thêm chắc Thường cũng biết là ngày càng sa sút, khiến cho việc tồn tại như một người lương thiện, đối với số đông, càng ngày càng trở thành một việc... không tưởng. Cách đây ít lâu hàng cũ và hàng nước ngoài gởi về nhiều, làm ăn sinh sống không đến nỗi chật vật. Nhưng rồi qua mấy kỳ đổi tiền, qua mấy kỳ đánh tư bản... mại bản rồi tư sản... "đô", qua các biện pháp an ninh hạn chế việc gởi quà và nhận quà nước ngoài, Saigon bắt đầu tiêu tụy trông thấy. Thuốc tây lên giá vùng vut. Aspirine cũng lên đến giá mà người thường khó lòng mua nổi nếu không muốn bị đói. (Nói gì tới các thứ trụ sinh...) Chợ trời thuốc tây bị dẹp, các tiệm thuốc được mở ra để thay thế. Phải có rất nhiều "cây" mới mở được. Và phải chia phần lời cho chính quyền địa phương, chưa kể phải chịu thuế rất, rất nặng, không dưới vài chục ngàn/tháng. Tuy nhiên vẫn lời. Vì đói còn hơn chết, phải không? (Better red...! ^[17]) Ấy thế nhưng các chủ tiệm vẫn nom nớp lo sợ vì không biết ngày nào sẽ bị đóng cửa. Hàng chỉ bày ra lấy lệ. Còn bao nhiêu tìm chỗ giấu, lâu lâu có người hỏi mới đem tới.

Saigon có một thời đã trở thành một trung tâm kiểm đô la cho cả nước. Nay thì với những biện pháp tiêu diệt các thứ hăng xuất nhập cảng nhỏ, các nơi duy nhất còn kiếm ăn khá tuần tự "thanh lý" đã dẹp tiệm. Từ đầu năm đến khoảng cuối tháng 6/83 không thu được ngoại tệ. Nguyên do chính thức là vi phạm kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhưng không chính thức và có lẽ đúng hơn là vì sự đô ky, ghen tị của Hà Nội. Sau giải phóng, Nam bộ mở ra như một thị trường lý tưởng để đem giấy lộn đổi hàng. Cán bộ đưa nhua mua

sấm, bòn rút, xoay sở tìm mọi cách để khuân đồ về Bắc hoặc trang bị sấm sửa cho các biệt thự mới được chia. Đồng tiền chả còn nghĩa lý gì (nhưng vẫn khó kiếm). Lần đổi tiền đầu tiên 1 đồng ^[18] ăn 500 đồng Saigon ^[19]. Nay thì một đồng là một đồng, nghĩa là không phải là (và không bằng) 1 đồng cũ. Tình trạng lạm phát và mất giá là "vô địch". Ấy là chưa kể những thứ giấy bạc tung ra bừa bãi qua các hình thức vé số. Saigon và hầu hết các tỉnh đều in vé số và có xổ số hàng ngày! Ít khi nghe nói tới các triệu phú nhờ xổ số!

Từ con tôm con con tới con tôm lớn, con cá ngon, cà phê, thuốc lá, chè... đều là hàng độc quyền để xuất cảng. Rau muống (Bắc kỳ đã trở thành Nam kỳ đối với đại đa số dân nghèo) đang từ 1 đồng một bó lên tới 3 rồi 5 đồng mà số lượng lại có phần giảm đi. Lương thầy giáo (tốt nghiệp đại học) khoảng 70 đồng cộng trợ cấp (gấp đôi) cộng một vài món hàng bán giá nhà nước đem bán lại, được khoảng tất cả là 250 đồng/tháng. Trong khi đó thuốc lá hạng bét từ 8 đồng, phở một tô từ 15 đến 30 đồng, một cái áo sơ mi may sẵn 250 - 300, một đôi giày cũ 300, một đôi giày mới từ 700 - 2000 đồng. (Cũng may là từ ngày bộ đội vào thành phố, dân Saigon hầu hết đã vui vẻ... xuống dép râu, mới đây có nhích lên chút đỉnh, lên dép da, nhưng dép nào - dù bằng nhựa tái sinh - bây giờ cũng khiến các bà nội trợ phải hết sức đắn đo trước khi hạ quyết tâm xách về một đôi!)

Đại số các hình thức dịch vụ đều được tiến hành theo lối... chui (C. Milosz đã phân tích hiện tượng này từ lâu, trong *The Captive Mind*.) Thuê má quá cao và lũy tiến hàng tháng! Phần lớn các tiệm phở ngon đã phải tự ý đóng cửa vì thuê hàng tháng lên tới 50.000 - 70.000 đồng/tháng hoặc cao hơn 100.000 đồng. (Ôi những con số tưởng là trừu tượng nhưng có thật!) Hàng ăn nào đông khách là nhà nước sẽ cùng nhân dân đồng cùng làm (hợp doanh). Thế là tan.

Trộm cướp, giết người thường xuyên. Một vài vụ "điền hình" được đưa ra toà. Một vài vụ "chống đối, phá hoại" đã bị xử nặng. Tại Hà Nội tình trạng mất an ninh còn nghiêm trọng hơn Saigon. Phong trào "trần lột" có một đạo thật sôi nổi. Trần áp bằng súng rồi lột tiền. Hầu hết là bộ đội về phép.

Quân đội 6 tháng có gạo ăn, sáu tháng phải tự túc. Trong sáu tháng tự túc, đơn vị cho về phép, lúc lên phải nạp một món tiền. Về thành phố chơi đã, lúc đi hết tiền phải xoay. Thế là quay ra "trần lột". Đại tướng Chu Huy Mẫn đã từng bị. Nhưng không tìm ra thủ phạm! Kinh tế xã hội chủ nghĩa, điền hình là ở Hà Nội, không có vẻ gì khá cả. Cái gì cũng giành lấy để làm, để chia nhưng không làm nổi, chia không xong. Có gì đâu mà chia. Mới rồi, Hà Nội có đưa ra một câu đối về thương nghiệp quốc doanh: "Cục cút cũng phân, phân như cút!". Cho đến nay sĩ phu cả Bắc Hà lẫn Nam Hà đều chưa ai đối được! Bởi không còn để cho ai kiếm việc làm và không còn trông vào quà nước ngoài gửi về, nhân dân nói chung là khổ. Dân nghèo thì khổ lắm. Chưa kể cái nạn "công an khu vực". Hà hiếp xách nhiễu thường xuyên. Hoi một tí là bỏ tù, làm tiền. Phường nào cũng có ít nhất một nhà giam. Quận thì có Hilton của nó. Thường là một cái hôtêl lớn trước kia cho Mỹ thuê nay thành nhà tù. Đêm đêm đi qua thật hãi hùng. Những cục đá có bọc những mảnh thư kêu cứu tuyệt vọng có thể rớt ngay xuống chân nhưng ít có ai dám dừng lại để lượm.

Thằng Nhậm (Trần Tuấn, ứng cử viên "chống Mỹ cứu nước" thời Thiệu bị nhốt...) chết rồi. Nó chết ở nhà tù Rạch Giá. Từ sau giải phóng nó bị bắt thêm hai lần. Một lần bị nhốt vào hộp sắt ở Lâm Đồng Bảo Lộc. Chạy mãi mới thả. Lần sau bị lại ở Rạch Giá. Đang bị lao nặng, chịu không nổi lao động cưỡng bách cơ cực. Hôm rồi giỗ lần hai của nó, bạn bè không có chỗ tới vì không được phép. Các ông

cha, ông sư, di phước bị làm khó và đi tù dài dài. Tu sư phải có chứng nhận mười năm liên tục tu hành mới được tiếp tục. Không thì phải ra khỏi chùa. Muốn làm cha [linh mục] mà có một người trong nhà đi nước ngoài thì coi như vô vọng. Giám mục cũng bị bỏ tù. Trường hợp Đức cha Thuận bị đưa đi an trí ngoài Bắc, bị giam lỏng rồi mới đây lại bị nhốt Hỏa Lò. Đức cha ở Nha Trang cũng bị cấm cửa không được đi đâu, dù là đi họp Hội đồng Giám mục Việt Nam ở Hà Nội. Mấy ông cha Jesuites vừa bị đưa ra toà lãnh từ 2 đến 12 năm tù ở vì những tội danh rất băng quơ. Thực ra, trụ sở Đắc Lộ thu hút được thanh thiếu niên hơn các tổ chức Đoàn, Đội của nhà nước.

Báo chí tư bị đóng cửa, chỉ còn tờ *Công giáo Dân tộc* hầu như không ai mua và đã trở thành gần như báo nhà nước. Nhóm này phải đi nuôi heo (heo chét), nuôi gà (gà toi), mở hàng thuốc tây (đóng thuốc), bơm mực bút bi (mực ngoại không về đều) để sống qua ngày. Báo nhà nước thì nhiều nhưng nội dung quá tẻ, nói gì tới hình thức. Thiên hạ mua vì những trang thể thao nhằm nhí (chỉ ca đội "nhà", đổ lỗi cho đội khách và nếu cần, khán giả! "Khách" đây bao gồm cả Saigon nếu có đội Hà Nội.) Sách cũng vậy. Nghèo nàn và tồi tệ. Thịnh thoảng có vài cuốn hồi ký của mấy ông tướng chửi lộn nhau (thí dụ ông Trần Văn Trà "đá" Đại tướng Văn Tiến Dũng). Thế là đồ xô đi mua.

Nhưng giá mắc quá lại tiu nghỉu đi về. ở Hà Nội công an gặp ôm sách ông Trà là lãnh đủ. Phần lớn báo và sách (có một hồi còn rẻ) đã được mua để gói đồ.

Văn nghệ sĩ bây giờ hầu hết phải có *marque* [nhãn] Bắc Việt hoặc 30/4. Số nào còn ngay thẳng đôi chút là rách. Thế Nguyên ^[20] tiếng là làm biên tập cho *Văn nghệ Thành phố* chỉ ngồi chơi xơi nước lã. Tháng tháng tới toà soạn 1, 2 lần để lãnh khoảng hơn 200 đồng. Không viết gì nữa, rượu,

thuốc, gầy ốm, bệnh tật. Thái ^[21] làm "Điểm phim" bị một thằng 30/4 chỉ điểm, suýt bị văng. Cao Tùng ^[22] thất nghiệp, lang thang, kéo đờn và chụp ảnh dạo kiếm ăn lần hồi. Tình trạng chán nản, tê liệt là phổ quát. Thiên hạ sợ... tự do, cách mạng; chính sách "Duy nhất đúng" của Đảng Cộng sản Việt Nam có lẽ đã là một nguyên do gây ra trình trạng tồi tệ hiện nay. Ngu dốt, bị bao vây, bị gài thế phải chiến tranh liên miên, phe nhóm, quá khích, một chiều, hẹp hòi, nhỏ mọn, anti-intellectuel tự bản chất... mỗi thứ một tí đã dính phần vào đó.

Mỗi người, mỗi phe đều có lý do của họ, nhưng tình trạng chung dù công nhận hay không, thật sự là chết trả góp (Céline trả về tiền) ^[23]. Gần đây, các "đài dịch" tuyên truyền, nói "ta xuất cảng người sang Liên Xô làm lao công khôn khổ lắm". (Thực ra là chỉ có con cái cán bộ và những tay 30/4 mới có hy vọng được nhận làm lao công khôn khổ thôi. Dân thường không trông mong gì đâu. Phải chạy thuốc và thần thể mới xin được một chân đấy. Thí dụ: Hồ Ngọc Nhuận có hai cô con gái sang làm lao công ở một nước Đông Âu). Nói chung ra thì, đối với dân chúng bây giờ, bất cứ ở đâu, dù là Sibérie hoặc Hungari, Tiệp Khắc... cũng vẫn là hơn ở trên chính quê hương của mình với những người "anh em nay đã trở thành loài sói".

Những nhận định hời hợt trên có lẽ thiếu "nuances" và bức tranh quá đen tối đối với một "avocat du Diable" như tôi từ hồi nào đến giờ. Thế tuy nhiên tôi nghĩ, đối với Tả và Hữu, chỉ có một sự thật và sự can đảm nhìn nhận sự thật mới đem lại thuốc chữa. Tôi vẫn là tôi, không thay đổi. Hơi mềm yếu đôi khi nhưng không khi nào chịu "dễ tính" với mình. Tình hình Việt Nam chưa ai đặt thành một con toán thực sự, bởi đó mà vẫn chưa có đáp số!

HUỶNH ÁI TÔNG

Thư đã quá dài mà tôi vẫn chưa nói gì được cho ông nghe về "tình hình ở bên". Tôi hy vọng sẽ viết thêm dài dài và mong được ông góp ý trao đổi. Nếu có gì đặc biệt ông muốn biết, xin ông cũng gợi ý... Nghe tin Quỳnh và vợ chồng Đồng tôi mừng lắm. Rất mong được tin của các bạn. Mình hiện không có địa chỉ của ai hết, ngoài Thường ra. Nhận được thư này, Thường ráng viết cho tôi vài chữ. Cho tôi biết tiếp về ông và các bạn, xa nhau lâu quá... có gì... ông đừng giận. Mình vẫn muốn đọc Borges. Những tờ *TLS* và *Observer Mag* ^[24] Thường cho ^[25], tôi đã "truyền" lại cho người thân ở nhà. Đọc đỡ buồn lắm. Hồi gần đây mình rất thú chí vì kịch. Rất thích Grotowski và Théâtre en Pologne. Nói về London cho mình nghe đi. Nhớ ký giả M. Phong Lan ^[26] giùm mình. Cám ơn Thường lắm.

Thân,

Diễm Châu

Tôi vừa nhận được carte của Nguyễn Đồng.

(a) Nguyễn Đăng Thường biên tập

^[10] Bảng tú tài

^[11] Strasbourg

^[12] Biên tập xoá tên

^[13] Hoàng Ngọc Biên

^[14] Thiết kế trang

^[15] Giáo sư Pháp văn, hiền thê của Hoàng Ngọc Biên

^[16] Con trai song sinh của Hoàng Ngọc Biên - Nguyễn Thu

Hồng

^[17] Better red than dead!

^[18] Tiền mới

^[19] Tiền cũ

^[20] Tác giả *Hồi chuông tắt lửa* và chủ bút *Trình Bày*

[21] Nguyễn Quốc Thái

[22] Cao Thanh Tùng, nhạc sĩ hò cầm kiem nhà giáo điều khiển chương trình "Đố vui để học" của Bộ Giáo dục trước
75

[23] Âm chỉ cuốn truyện *Mort à crédit* của nhà văn Pháp Louis Ferdinand Céline

[24] *Times Literary Supplement* và *Observer Magazine*

[25] Trước khi sang Pháp năm 1974

[26] Mark Frankland

Trích thơ:

Phấn thạch của mùa xuân khai huyền

*Trên cánh tay mỗi mệ
trên nét mặt buồn thiu
trên chiếc áo sơ-mi nhàu nát
trên đôi giày gót vẹt
trên đôi vai xiêu xiêu chầu đố
trên trái tim mười bốn chặng đường khổ nạn
trên vầng trán tằm tã mồ hôi của cơn sốt xuất huyết
trên đôi môi héo khô của mật đắng giấm chua
mùa xuân trở về như lưỡi đồng đâm suốt bên người
những bông hoa đỏ thắm một ngọn đời trọc.*

*mùa xuân trở về với tiếng gà eo óc ở thôn xưa
với người lính già bản thân chới bỏ bình yên
với tình yêu run rẩy
trong ánh sáng xanh xao của đức tin hèn mọn
mùa xuân trở về với ba mươi chín lần rơi
với mào gai làm triều thiên cho người khốn khổ
với áo đỏ bết máu với cây sậy quyền uy
mùa xuân trở về với bảy mươi bảy lần sắp ngã
với những tảng đá loang máu người vô tội
với con đường bụi bặm dốc cao*

HUỶNH ÁI TÔNG

với cánh đồng trống trơn lỗ chỗ những hố bom
rừng lớp lớp bày ra cảnh điêu hiu cách lạ:
những thân cây làm thập tự giữa trời.

mùa xuân trở về với bày thú săn đuổi con người
với tiếng reo hò của loài kên kên đói khát
năm mươi vì sao giữa một nền trời gạch mặt quay
cuồng

năm mươi cánh tay bạch tuộc
chụp bắt

giăng xé

hỏa thiêu

phún thạch đã khô trong ống điều của nhà trí thức
ở phòng bột đen của hãng Pin lớn người công nhân
không tìm thấy ánh sáng

những con chuột chũi mãi đi trong bóng tối sự chết
trên lễ đường nhân ái Chúa bị quăng ra

mùa xuân xối nước rửa tay

tiếng hò reo của bày kên kên

bày kên kên

bày kên kên.

(Tập chí *Trình Bầy* số 36 & 37, Xuân Nhâm Tý, tháng 02-
1972)

Cơn giông

Có những chiếc lá
trong gió vẫn tung tăng
như vàng trắng
khi ẩn hiện
cười trên mặt giếng
vẫn no đầy

như mây trong cơn say

*bay mãi miết
cuốn theo những mảnh trời da diết
bỏ lại cơn mưa
hạt đong đưa
trên hàng dừa ủ rũ
bỏ lại cơn mưa
bên dòng lũ
bụi sóng còn in trên vách tim*

*như muôn ngàn cánh chim
về cùng bóng tối
– những chuỗi giờ chưa dứt nổi –
bên đám tro
màu xám xám ơ hồ*

*chúa ôi
có những chiếc lá rơi
nghiêng một trời giông bão.*

Người làm vườn và bông hoa

*Tôi, người làm vườn và bông hoa
Không đơn chiếc trong nhà tù thế giới...*

O. E. MANDELSTAM

*Khi chuyển xe buýt uể oải cuốn đi sợi cuối cùng của gió
ta chỉ còn một không gian thủy tinh
ở đấy nắng chảy xuống thành luồng như đổ lửa
và lá cỏ vươn dài như những lưỡi guom xanh*

*buổi sáng đàn quạ kêu vang như lệnh võ
ta bước ra vườn em còn mặc áo già lam
trưa về ta ngồi sau song cửa
ai đã thay màu rục rở cho em?*

HUỶNH ÁI TÔNG

*ở chốn địa đàng ta không phải người tù duy nhất
trót đưa chân nên quanh quẩn với người
ta lục tìm trái tim với nỗi sầu chất ngất
kết cho đời một tràng chuỗi tình khôi..*

*những lá cỏ cao dần theo con nắng
những lá cỏ phủ kín mình hoa
ta chỉ còn một vạt màu của biển
và kỷ niệm một khoảnh khắc tình ta.*

(11. 7. 1984)

Tự do

— nhớ Thế Nguyên

*Khi người nghệ sĩ bản địa múa ballet trên chiếc xe cộ
cạch
kê thiên tài từ paris về giương ống kính
thâu hình một bóng ma*

*ôi tự do
mi đã cho anh trương chi đỏ những đồng francs yêu
nước
mi đoàn kết những chuyến bay việt kiều đầy ắp\
những món hàng thâu lợi gấp tram
mi đã cho bạn bè ta mùi vị mật ong
ảo tưởng thiên đường hé mở
buổi chiều carnival mi đeo mặt nạ
cột vào lưng ta chiếc pháo thăng thiên
từ chín tầng trời cao ngất
ta ngó nghiêng như cánh diều ác độc
nhìn quê hương quay theo vòng bánh xe
người nghệ sĩ múa ballet đầu cúi
xuống trái tim – nắm mộ*

*ôi tự do
mi cười như một con rói.*

Cho tôi uống

Hãy cho tôi uống, tôi không khát

ÁLVARO DE CAMPOS

*Dưới đáy chiếc ly có một vòng tròn
vòng đáy của chiếc ly
vòng vàng
óng ánh
bên trên là những mùa giông bão
những bấp thịch của sóng
dòng cuồng lưu
bên trên nữa là những cành rong
môi san hô
nắng mới pha màu hổ phách
chiếc giường lông chim ảo ảnh
khát vọng sỏi tắm
bên trên nữa là mặt hồ thâm lặng
những vườn nho soi bóng êm đềm
mắt biếc nằm trên tay
ôi vòng mắt chim khuyên
chiếc nhẫn của con gi sừng..*

hãy cho tôi uống...

Mười bài ở Paris

(trích)

Du sei wie du, immer
Paul Celan

HUỶNH ÁI TÔNG

*ngày mai
những con ốc sên mi nuốt trong vườn
sẽ trở lại đất
và mi
kẻ âm thầm đãi bụi
từ ngọn núi ngai vua
mi sẽ rời xa những lâu đài nhả tập
đem theo một thìa bóng
và bông mộc lan duy nhất còn lại ở một khu vườn của
paris*

- gửi PKK., PN., và anh chị ĐMT.

- O -

Trong bài *Diễm Châu – những bài thơ ngày cũ*, Huỳnh Như Phương đã nhận định:

“...Thơ Diễm Châu là cảm xúc nồng ấm pha nỗi ngậm ngùi của một lương tâm trí thức đau đáu trước thân phận quê hương và tình yêu qua một bút pháp hài hoà giữa truyền thống và cách tân. Nhân dịp kỷ niệm năm năm ngày mất của nhà thơ, dịch giả Diễm Châu, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc hai bài thơ của ông.”

Tài liệu tham khảo:

- Diễm Châu Web: viet-studies.info
- Thư Lộ trần Web: talachu.org

10. Nguyễn Thị Vinh



Nữ sỹ NGUYỄN THỊ VINH /Norway

Nguyễn Thị Vinh (1924-20)

Nguyễn Thị Vinh sinh ngày 15 tháng 07 năm 1924 tại 41 Phố Bồ Hồ Hà Nội, gốc quê Nội của bà tại làng Thịnh Đức Thượng, tức Làng Giẽ, phủ Thường Tín, huyện Phú Xuyên, thôn Thịnh Đức Hạ, tỉnh Hà Đông, gốc quê Ngoại tại làng Vân Hoàng, tức Làng Chấn, cùng tỉnh với quê Nội.

Hai ông bà thân sinh mất sớm, năm Nguyễn Thị Vinh lên 8. Bốn anh chị em bà, người anh cả mới 15 tuổi, đang từ con cái một gia đình khá giả, bỗng chốc trở nên mồ côi cha mẹ, nghèo khổ. Truyện dài Thương Yêu đã cho đọc giả thấy bốn anh chị em của tác giả, họ đã sống như thế nào để vượt qua bao khó khăn. Theo bà : “Chỉ nhờ vào tình thương yêu nhau”.

Khoảng năm 1944, bà lập gia đình với ông Trương Bảo Sơn, hai ông bà có người con gái đầu lòng là Trương Kim Anh.

Ông Trương Bảo Sơn hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, năm 1946 theo lệnh đảng, ông phải lánh nạn ra nước ngoài sống ở Hương Cảng,

Năm 1948, bà Nguyễn thị Vinh được phép cùng con gái sang Hồng Kông đoàn tụ gia đình. Tại đảo Trường Châu ở Cửu Long trong những ngày xa xứ nhớ quê, thương anh nhớ em bà đã viết truyện Thương Yên năm 1948 và sau đó tác phẩm Hai chị em năm 1950. Nhà Văn Nhất Linh sau khi đọc truyện Thương Yêu đã khẳng định với tác giả: Đây là một tác phẩm văn chương! Mặc dù lúc viết bà chỉ nghĩ để ghi lại những cảm xúc của mình.

Năm 1952, ông Trương Bảo Sơn theo chỉ đạo của lãnh đạo VNQD đảng, đưa gia đình về Hà Nội hoạt động, năm 1953, ông lại được lệnh đưa gia đình vào Nam, năm 1954, gia đình bà đón tiếp một số đồng chí di cư từ Bắc vào Nam.

Năm 1953, tác phẩm Hai Chị Em của bà được xuất bản trước, sau đó năm 1955 quyển Thương Yêu mới được xuất bản, tác phẩm của bà được độc giả đón nhận như những tác phẩm khác trong Tự Lực Văn Đoàn.

Nguyễn Thị Vinh đã cộng tác với tạp chí *Việt Thanh*, *Tân Sanh*, *Mới*, *Văn*, *Văn Học*, từng phụ giúp nhà văn Nhất Linh trong việc điều hành *Giai phẩm Văn Hoá Ngày Nay* và nhà xuất bản Phụng Giang. Bà làm chủ bút *Bán nguyệt san Tân Phong*, chủ nhiệm tạp chí *Đông Phương*, cũng như chủ trương nhà xuất bản *Đông Phương*, *Anh Em* và tạp chí văn nghệ *Hương Xa*.

Bên cạnh ông Trương Bảo Sơn, nên bà cũng có hoạt động đảng phái. Nhưng sinh hoạt văn học nghệ thuật vẫn là chính. Bà từng có chân trong Hội Đồng Giám Khảo Giải

Văn Học Nghệ Thuật của Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975

Sau 1975, ông Trương Bảo Sơn và bà đã chia tay, bà lập gia đình với họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật, bà được con gái bảo lãnh gia đình sang định cư ở Na Uy từ năm 1984.

Tưởng cũng nên nhắc lại: Năm 1933 Tự Lực Văn Đoàn chính thức thành lập gồm có: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khái Hưng (Trần Khánh Giư), Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long), Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thê Lữ (Nguyễn Thứ Lễ) về sau thêm Xuân Diệu, Trần Tiêu. Vào đầu thập niên 1950, nhà văn Nhất Linh thêm vào Tự Lực Văn Đoàn 3 thành viên mới là các nhà văn Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng.

Tại Na Uy, nhà văn Nguyễn Thị Vinh đã chủ trương tạp chí *Văn nghệ Hương xa* và thành lập nhà xuất bản Anh Em.

Tác phẩm :

- *Hai Chị Em* (1953)
- *Thương Yêu* (1954)
- *Xóm Nghèo* (1958)
- *Men Chiều* (1960)
- *Thơ Nguyễn Thị Vinh* (1972)
- *Cô Mai* (1972)
- *Vết Chàm* (1973)
- *Na Uy Và Tôi* (1994)
- *Cõi tạm* (thơ , Anh Em, 2001)
- *Cỏ bông lìa gốc* (Anh Em)

Trích văn:

Bữa cơm trưa

Cánh cửa hé mở lộ ra khung trời bên ngoài. Vào mùa này mặt trời lên muộn. Đã gần sáu giờ sáng rồi mà mây vẫn xám không khí mới mờ mờ, trắng đục màu sữa loãng. Hơi sương quện theo trong gió lùa qua cửa sổ, pha vào người bà Mùi, làm ón lạnh hai bả vai, chạy dài suốt sống lưng.

Bà rùng mình, kéo vội chiếc chăn lên đắp kín người. Suốt cả đêm, bà trằn trọc, ngủ không đầy giấc. Có mệt lắm chỉ chớp đi được một lát, rồi lại thức chong mắt ra. Tới bây giờ trời đã bắt đầu vào ngày thì suốt người bải hoải, đau nhức từng khớp xương, cứ như kẻ bị đánh đòn thù ấy

Bà trầm nghĩ "Thì ra tinh thần và thể chất liên hệ mật thiết thật". Câu chuyện xảy ra từ bữa cơm trưa hôm qua, nó còn "hành" bà tới giờ. Bà nghĩ đến con gái lớn của bà, cô Bích đang còn ngủ với chồng con ở căn gác ngoài .

"Không biết đêm qua nó có ngủ được không, có còn "đau đớn" vì thấy mẹ bị chồng "khinh miệt" không?" Lúc xảy ra câu chuyện vào bữa cơm trưa, ăn xong, bà buông đũa lên ngay đây nằm khóc thầm. Hình như con gái bà nói gì với chồng nó ở phòng ngoài. Cô Bích cố sức nói nhỏ giọng như sợ bà nghe.

Nhưng thằng chồng nó chốc chốc lại lớn tiếng "tôi xử đến vậy thôi chứ, bộ muốn tôi phải lậy nữa hả ..." Yên lặng một lát, nhưng bà biết trong phút giây yên lặng đó cô Bích vẫn cần nhìn chồng vì tiếng thằng Sâm con rể bà lại cất lên "Bảo bà ấy ở đây một mình đi, nếu có phải "cung phụng" thì tôi cũng chỉ "cung phụng" bà ấy thôi, chứ bắt tôi phải nuôi "lũ kia" thì không khi nào".

Nghĩ tới đây bà lại ứa nước mắt. Lũ kia là con người chồng sau của bà. Thằng Ái và con Ly. Chúng là em khác cha với cô Bích. Hồi Bích mới ba tuổi đã mồ côi bố, bà tái giá và

sinh thêm hai đứa này đây. Chúng nó đang nằm kia, trên mảnh chiếu trải lên sàn gỗ của căn gác nhỏ, cất thêm trên mé nhà bếp. Từ một năm nay, cha chúng nó mất, bà buồn bán thua lỗ, nên phải về ở với con gái lớn và con rể.

Mấy tháng đầu còn "dễ thở"! Lần lần mỗi ngày một chuyện, nay thì không khí trong nhà đặc quánh lại rồi! Mỗi ngày một chút, những chuyện gì ở đâu, cứ bất ngờ xảy ra thật ngọt ngào hết sức. Bà đã cố gắng nhẫn nhục, trong khi con rể bà cố tình gây. Thăng Ái và con Ly luôn luôn là "đề tài" của mọi chuyện. Bà có mình Ái là con trai nên rất thương yêu. Thấy Ái và Ly bị hắt hủi bà lại càng xót đem hết tình thương để bảo bọc cho hai đứa. Ái mới có mười lăm tuổi, nhưng người cao tồng ngồng. Chân tay dài quá khổ. Đã nhiều lần bà xót xa khi bắt chọt Sâm "lờm lờm" nhìn Ái, lắm bả nói: "Bất thành nhân dạng, thứ này chỉ sớm thành du đặng chứ gì". Bà không hiểu sao rể bà lại ghét thằng Ái đến thế. Hình như cái vóc người cao "lêu nghêu" của nó mỗi khi ra vào làm vướng ca gian nhà này. Chắc Ái cũng cảm thấy thế, nên nó ít dám xuống nhà, cả ngày cứ ngồi thu mình trên căn gác xép", hoặc lĩnh ra phố, có hôm nó về vào lúc cả nhà đang ăn cơm, bà đã thoáng thấy nó, nhưng nó không dám vào ngay. Đôi lúc ăn xong, anh chị nó đi ngủ trưa, mới len lên về, xúc chén cơm chan nước mắm lên gác ngồi ăn. Bà trông mà ứa nước mắt nhưng chả biết làm sao!

Bà cũng biết cô Bích vì bệnh vực bà mà hàng ngày vẫn ngấm ngấm gây gỗ với chồng. Từ ngày bà về đây, gia đình này cũng mất cả nếp sống bình thường, mọi thứ, mọi chuyện, đều thay đổi. Trước kia cô Bích vẫn mua gạo "nàng hương" cho chồng con ăn. Giờ phải đổi ăn thứ gạo Mỹ hạt tròn cho đỡ tốn. Cả thức ăn nữa chứ, mọi thứ mọi giảm. Phần tại lúc này quá đắt đỏ, phần nhà đông miệng ăn, cô Bích cố sức tần tặn. Tô canh nho nhỏ ngọt chất thịt,

trước kia cô vẫn nấu cho chồng con ăn, nay thành tô canh rau lớn, những đĩa sào thơm ngút, không còn được "trình diễn" thường xuyên trên bàn ăn nữa, mà chỉ còn là đĩa đồ khô cho mặm miệng. Cốt sao cả nhà ăn cho no bụng, qua bữa là được. Bà Mùi cũng không mong gì hơn thế. Nhưng khổ nỗi không khí trong nhà các bữa ăn cứ nặng chịch. Như vừa mới trưa hôm qua, cả nhà đã ngồi quanh bàn ăn, cơm đã soi ra bát rồi, mà rề bà cứ cố tình đi ra đi vào, rót chén nước rửa cái tay. Cô Bích có vẻ tức cất tiếng giục thì chồng cô nói "Ai muốn ăn trước thì ăn đi, việc gì phải đợi". Thế nhưng lúc con Ly mới cầm đũa gắp miếng đậu rán, bà Mùi chưa kịp đưa mắt cảnh thì nó đã bỏ vào mồm. Vừa đúng lúc Sâm ra tới, Sâm nói trống không: "Cứ như đồ mất dạy". Con Ly biết Sâm nói nó, đã mười hai tuổi rồi nên cũng biết tủi thân, nó cúi gằm mặt xuống chén cơm, mắt rung rung, miệng nó ngậm miếng đậu, nhai chệu chạo. Bà Mùi thất cả ruột lại, ngây dại như kẻ mất hồn. Cô Bích cất tiếng cố gắng làm ra vẻ bình thường để xóa không khí căng thẳng.

- "Cụ" ăn cơm đi chứ, hôm nay chị Ba "trở tài" nấu món cà bung, cụ thử coi có ngon không?

Bà Mùi gượng cười:

- Ủ ... thì ... cứ ăn đi, hôm nay ta chóng mặt quá, nó làm như muốn cảm.

Chị Ba "người làm" biết bà Mùi buồn, cầm bát cơm đặt hẳn vào tay bà Mùi:

- Bà ăn đi mà, con mới học bà Kim nấu cà bung lối Bắc đấy

Cô Bích lại tiếp giọng có vẻ van lơn:

- Mẹ ăn đi, hay nếu mẹ mệt để con nấu cháo mẹ húp cho khỏe.

Bà Mùi bắt chợt ánh mắt của cô Bích nhìn bà, nửa thương xót, nửa an ủi, làm bà suýt bật khóc. bà cầm vội bát com cười cười:

- Nào thì ăn , nấu cháo .. làm gì ...

Giọng bà ghen lại, bà cầm đũa đưa mấy hạt com lên miệng cố nuốt cho trôi tủi cực.

Trong khi đó Sâm ngồi ăn như không cần biết có sự hiện diện của mẹ vợ, không cất được một tiếng mời, thản nhiên nói với bé Ánh:

- Con chan canh không? Đưa bố chan ăn cho mau nào.

Không khí trong bữa cơm dù nặng nề đến đâu rồi cũng phải qua. Sau đấy bà lên nằm vùi trên này , lấy cớ là "ốm" bỏ bữa cơm chiều không xuống. Thằng Ái và con Ly cũng ở luôn với bà. Chiều tối cô Bích đem lên cho mẹ và các em mấy miếng bánh mì chả. Cô bùi ngùi bảo mẹ:

- Hay ... mẹ tìm chỗ cho các em ... ở đỡ đâu ít ngày . Để con "tính" với Sâm ... cho ngã ngũ ra. Con thật hết chịu được rồi ... Muốn ra sao thì ra chứ.

Bà cô khuyên con gái:

- Thôi con, một đời người rồi cũng qua đi mau lắm. Con cố gắng chịu đựng cho con con nó hưởng. Con đừng trách chồng con, cũng tại mẹ tới đây làm sáo trộn ...

Cô Bích chặm nước mắt:

- Gi thì chứ, con có một mẹ mà anh ấy xử như vậy, đâu con có chịu. Mẹ còn nhớ hôm tuần trước cái vụ con chó con đấy không? Mỗi ngày mỗi gây, mình có muốn nhịn cũng không được mà ...

Bà Mùi âm ừ ... bà quên sao được cái chuyện ấy chứ. Hình như Sâm cố tình gây không cho mẹ con bà ở thêm ngày nào nữa.

Một hôm Sâm đi xin đâu được con chó con mới sinh. Suốt đêm suốt ngày con chó kêu ăng ẳng "làm xấu" vung vít đầy nhà. Mẹ con cô Bích cố nhịn, được hai ngày, hết chịu nổi cô Bích bảo chồng:

- Anh đem con chó về nuôi làm gì, nhà đã chật, lại có mình chị Ba dọn dẹp sao cho hết việc ...

Sâm quắc mắt, ngắt lời vợ:

- A ... à, nhà chật hả, nuôi một con chó không có chỗ hả ...

Sâm tiếp cười khan:

- Thế mà tôi tưởng nuôi đến ba bốn con cũng còn được cơ đấy ...

Biết chồng ám chỉ mẹ và em mình, cô Bích nổi giận. Bất chợt, cầm tách nước đang uống dờ ném vào Sâm, không kể phải trái, cô hét lên:

- Đồ khốn, ăn nói đểu cáng thế mà nghe được à! Tôi nói cho mà biết dù tôi có nuôi mẹ tôi đi nữa, cũng không ai có quyền nói tôi. Đã "ai" nuôi tôi ngày nào đâu. Hay lại chính tôi phải làm nuôi "báo cô" bao nhiêu năm rồi. Giờ có phải anh "ghen" ăn với mẹ tôi không, thì anh nói trắng ra đi!

Bốp ... Bốp ... Hai cái tát như trời giáng vào mặt. Cô Bích sợ mẹ chạy xuống trông thấy lại khổ cho mẹ. Cô cắn răng nhịn, một vệt máu rỉ ra bên khóe môi cô.

Sâm buông vợ vào túm lấy con chó thằng tay đập, con chó trước còn kêu ăng ẳng, sau lịm dần. Con Ánh còn nhỏ quá, mới sáu tuổi đầu, phải chứng kiến chuyện này nó đứng chết run ở kẹt cửa, không khóc nổi ... , mắt mở lớn nhìn bố đánh con chó. Trên căn gác xếp, thằng Ái và con Ly đang quýnh lên lay bà Mùi. "Mẹ ơi ... Mẹ ... Mẹ ơi" Bà Mùi từ từ mở mắt nhìn hai con ứa nước mắt. "Mẹ không sao đâu đừng sợ".

Nghĩ đến đây bà Mùi thở dài nói nhỏ nhỏ:

- Người thương người phải xa nhau cũng khổ. Mà người ghét người, phải ở với nhau lại càng khổ hơn.

Nguyễn Thị Vinh
Đầu Thu 1973

Trích thơ:

Nhớ nhà

*ngày còn nhỏ
thích
xa nhà
đi đâu cũng được
miễn là được đi*

*lang thang
mây chẳng định kỳ
có chân không bước
ích gì chân ơi*

*bây giờ
mỗi
bước đường đời
đi đâu cũng chỉ nhớ
trời một phương*

*cánh hoa gạo đỏ
bên đường
nhớ nhà
rưng rức
hồn
nuông mây về*

thêm một lần

*thêm một lần
tôi làm thơ cho tình yêu
vì hồn tôi còn rung động
mong nhớ vẫn vợ
đợi chờ không duyên có
nhưng biết viết gì đây
lời yêu đương nói đã quá nhiều
những cảm giác say mê
những tia nhìn quyến rũ
những đau xót tận cùng
niềm vui hòa giấc ngủ
những vòng tay xiết chặt
nước mắt và nụ cười
giờ,
tất cả đã tan thành tiếng thở dài vô tận
tôi như chết trong tình yêu nỗi hận
ngập đau thương, ngại yêu đương
anh ôi !
em thế đó*

sao đời còn có thêm anh
sao tim em còn xao xuyến
sao em phải tránh mắt anh
khi anh hỏi có yêu anh không nhỉ !
em lắc đầu nhưng nước mắt tràn mi
em run sợ rất nhiều.
khi anh nhìn em tha thiết
em bảo anh rằng
đừng anh, em chẳng muốn yêu anh
chỉ vì tại em còn nhớ
bài thơ thứ nhất
em kể chuyện tình
với nhiều bờ ngõ
e ấp ngại ngùng
bài thứ hai ngập ngừng say đắm
và đây
với anh
phải chăng bài chót của tình em
lại tiếc không còn lời để tả.
nhưng mà tất cả đó anh.
lạy trời cho em làm con chim nhỏ
tự do bay trên trời trong xanh
để hót anh nghe những tiếng lòng
thật êm đềm thanh thoát
em cầu mong
chúng mình đừng yêu nhau
trong thế xác con người
nhé anh .[]

Mưa

Sài Gòn ,
Hà Nội,
Huế say
gọi nhau khuất bóng,

HUỶNH ÁI TÔNG

*đèn lay ngọn buồn
mưa, trời oi,
nước mắt tuôn
ngoài tươi trong héo
quất hồn sầu đông*

Trong bài viết *Nguyễn Thị Vinh, một thế giới nhân ái*, Trần Áng Sơn có nhận định như sau:

“Thế giới trong tác phẩm Nguyễn Thị Vinh hoàn toàn khác, nó êm ái, đậm ấm, âu yếm, bình yên. Đó là thế giới đẹp nhất để có một ký ức đẹp. Nguyễn Thị Vinh không chọn cái gai góc, xung đột trong cuộc sống, ở bất cứ thời kỳ nào cũng có. Nói vậy, không phải tiểu thuyết Nguyễn Thị Vinh không có những gút thắt, mở - điều không thể thiếu trong kỹ thuật viết tiểu thuyết - nhưng là cái gút thắt hướng về cái hậu tốt đẹp. ..Đó là trong tiểu thuyết, rất có thể cũng là khao khát về một cuộc đời êm ả, nề nếp, hạnh phúc. Thế, nhưng, người đàn bà, ít nhất, hai lần gãy gánh này, đã hơn một lần phải đối diện nghịch cảnh; một tâm hồn bị tổn thương - mà vẫn viết những dòng văn đôn hậu (...)”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Vinh Web: sachxua.net
- Bữa cơm trưa Web: elib.quancoconline.com

11. Nguyễn Xuân Hoàng



Nguyễn Xuân Hoàng (1940-20)

Nguyễn Xuân Hoàng sinh ngày 7 tháng 7 năm 1940 tại Nha Trang (Khánh Hòa).

Thời niên thiếu, ông học ở trường Võ Tánh, Nha Trang, sau học trường Pétrus Ký, Sài Gòn.

Năm 1961, ông tốt nghiệp Đại học Sư phạm Đà Lạt, ban Triết, ra trường ông giảng dạy môn Triết tại trường trung học Ngô Quyền ở Biên Hòa niên khóa 1961-1962

Từ năm 1962 cho đến năm 1975, ông dạy tại trường Pétrus Ký ở Sài Gòn. Ngoài ra, ông còn làm thư ký tòa soạn tạp chí *Văn* ở Sài Gòn từ năm 1972 đến năm 1974.

Năm 1985, ông được người em gái bảo lãnh sang Hoa Kỳ và định cư tại San Jose.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1986-1997, ông làm tổng thư ký báo *Người Việt Daily News* tại California.

Năm 1989- 1994, ông còn là tổng thư ký tạp chí *Thế kỷ 21* tại California thuộc công ty Người Việt.

Năm 1994, ông ở trong ban chủ biên tạp chí *Văn Học*.

Tháng 9 năm 1996, ông làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tạp chí *Văn*, tạp chí này đình bản vào năm 2008 vì vấn đề tài chính.

Từ tháng 11 năm 1998 đến tháng 11 năm 2005, ông là tổng thư ký cho báo *Việt Mercury* trực thuộc nhật báo *San Jose Mercury News* của Hoa Kỳ

Ngoài ra, ông cũng từng là giảng viên (lecturer) giảng dạy môn Văn học Việt Nam đương đại tại Đại học California-Berkeley.

Tác phẩm:

- *Mù sương* (1966)
- *Sinh nhật* (1968)
- *Ý nghĩ trên cỏ* (tiểu luận, 1971)
- *Khu rừng hực lửa* (1972)
- *Kẻ tà đạo* (1973)
- *Bắt cứ lúc nào, bắt cứ ở đâu* (tùy bút, 1974)
- *Người đi trên mây* (1987)
- *Sa mạc* (1989)
- *Căn nhà ngói đỏ* (tạp ghi, 1989)
- *Bụi và rác* (1996)

Trích văn:

Ở quán cà phê Starbucks

Người đàn ông tôi gặp trưa nay ở quán cà phê Starbucks tên B.

Ông và tôi quen nhau tình cờ từ hơn sáu tháng nay cũng ở quán cà phê này. Hôm nay ông ăn mặc khá giản dị, cái áo choàng lạnh màu xanh đã cũ, quần màu vàng kaki hiệu Dockers hơi rộng, bàn tay ông to bè, những ngón tay ngắn và thô, móng tay dài cấu bẩn, như một người vừa làm vườn. Ông đứng xếp hàng trước tôi chờ mua cà phê.

"Chào ông." Tôi lên tiếng trước.

"Chào!" Ông trả lời, giọng mệt mỏi.

Buổi trưa, nhiều nhân viên các cơ sở quanh vùng sau khi ăn *lunch* xong thường lấy cà phê trước khi trở lại sở làm. Hàng người chờ lấy cà phê khá dài. Ông B. quay mặt lại hỏi tôi hôm nay uống gì. Tôi cảm ơn. Tôi nói để tôi vì tôi còn tiền trong thẻ Starbucks.

Nhớ lần đầu gặp ông, cũng đứng vào lúc xếp hàng mua cà phê vào buổi trưa. Ông đứng sau lưng tôi và hôm đó bất ngờ ông hỏi tôi một câu bằng tiếng Anh "Xin lỗi, ông có phải là người Việt Nam không?"

"Phải", tôi trả lời bằng tiếng Việt. "Tại sao?" Tôi hỏi lại.

Ông nói mấy lần trước đi cà phê ở đây thấy tôi ngồi một mình nhưng ngại không dám hỏi sợ tôi không phải người Việt Nam. Người Việt mình ít ai uống Starbucks lắm. Cà phê Việt Nam dù gì cũng hợp *gout* hơn là cà phê Mỹ. Thấy tôi đeo sợi giây mang thẻ sở làm một toà báo, ông hỏi, tôi làm việc gì ở sở này. Tôi nói dối, tôi làm *janitor*, nghĩa là

lau chùi bàn ghế, quét dọn rác rến trong một toà soạn. Ông nhìn tôi thương hại.

"Qua Mỹ hồi nào? Làm *janitor* sống đủ không? Vợ con ra sao?" Tôi trả lời cho qua chuyện, tôi biết mình đã lỡ nói dối không thể tiếp tục thêm. Tôi nói tôi qua Mỹ năm 1985, vợ tôi thất nghiệp cả năm nay, tôi có bốn đứa con, đứa út mới vào đại học, ba đứa kia đã có việc làm.

"Vẫn ở với con cái à?"

"Không", tôi nói, "vợ chồng tôi sống riêng, giống như hai con khỉ già chờ ngày ra đi."

"Đi đâu?" Ông hỏi.

Tôi cười, "thì ra đi đó mà. Ai sống mà chẳng có lúc sau cùng phải ra đi."

Ông cũng cười, "nói bậy. Lương bổng sao? Đủ sống không?"

Ông ta nhắc lại câu hỏi.

Tôi nói "à thì cũng sống vậy vậy."

"Qua Mỹ năm nào?" Đây là lần thứ hai ông hỏi tôi.

Tôi nhắc lại: Năm 1985.

"Mà ở thành phố này lâu chưa?"

"Ồ chỉ mới sáu năm thôi."

"Trước ở đâu?"

Tôi nói ở Quận Cam.

“Hồi đó làm gì?”

Tôi nhắc lại: “À, thì cũng lau chùi bàn ghế, nhà cửa, phòng ốc, hốt rác rưởi cho một toà soạn báo.”

“Vậy sao?” Ông hỏi mà như nói.

Tôi hỏi lại ông, vậy chứ ông đến Mỹ từ bao giờ? Ông cho biết ông đã qua Mỹ từ trước 1975, đi du học rồi do biên cố tháng Tư 75, ông ở lại luôn. Ông hiện làm kỹ sư cho một hãng nhu liệu điện tử ở đây. Gần 10 năm sau ngày 30 tháng Tư, ông mới lo được giấy tờ cho vợ con qua, và bây giờ... ông bỏ lửng câu... “Tôi và vợ tôi không hợp nhau. Mấy đứa con đã lớn, đứa nào cũng có công ăn việc làm. Tôi hiện sống một đời sống khác.”

Tôi muốn hỏi ông thế nào là một đời sống khác, nhưng tôi nghĩ lại, hỏi để làm gì?

“Ông dùng loại nào?” Tôi nghe cô thu ngân hỏi ông. Ông gọi món *frappucino* và quay sang nói với tôi "hôm nay không mang tiền lẻ, ông trả hộ ly nước của tôi nhé!"

"Không sao." Tôi gọi một *double espresso*, và như thường lệ, tôi đưa cái thẻ Starbucks cho cô thu ngân

Lấy cà phê xong, chúng tôi ra ngồi ở chiếc bàn trống ngoài sân...

Trời mùa hè vùng Thung Lũng năm nay không nóng như mọi năm. Tôi áp hai tay vào ly cà phê. Tôi hỏi ông sao lúc này ít ra quán cà phê vậy? Ông nói hồi này ông uống cà phê Việt Nam nhiều hơn ở cái quán quen, chỗ đó thiếu chịu

được. Tôi hỏi công việc của ông, ông nói ông tính về hưu. Ông là người thích du lịch. Nhưng chuyện chưa tính xong, còn nhiều chuyện phải giải quyết trước khi nghỉ hưu sao cho có lợi. Ông hỏi tôi hôm nay có phải về sở lau chùi bàn ghế ngay không? Tôi nói còn sớm, tôi có thể ngồi nán thêm ít phút nữa.

Ông B. than hôm nay ông buồn quá.

“Tại sao?”

“Tay kỹ sư làm cùng sở tôi vốn là một tay hiền lành, bỗng nhiên hôm nay nó chửi tôi là đồ khốn nạn.”

“Tại sao?”

“Đời sống tinh thần tôi mấy lúc sau này không ổn. Tôi nhìn đâu cũng thấy người ta nói xấu tôi, âm mưu hãm hại tôi. Tôi không tin ai, cái khổ của tôi là tôi thấy chung quanh mình ai cũng ngu dốt, đũa nào cũng có ý xấu với tôi. Một câu nói bình thường của bọn nó cũng làm tôi điên đầu suy diễn ra trăm nghìn ý nghĩa thâm độc.

Tôi có cảm tưởng cả thế giới này đều nhắm vào tôi. Cái tay kỹ sư ấy mới qua Mỹ chưa đầy 20 năm mà giữ cái chỗ tốt trong khi tôi sống ở đây đã hơn 30 năm, ăn học đảng hoàng mà vẫn cứ còn lệt đệt. Nếu không phải nó bắt tay với thằng phụ tá chủ tịch công ty thì làm sao có được chỗ đó.”

Tôi hỏi ông B., hay là tay này nó có bà con họ hàng gì với ông chủ tịch công ty?

"Làm gì có chuyện đó. Chủ tịch công ty là người Mỹ, còn nó là người như mình, mũi tẹt da vàng mà!"

“Không”, ông B. tiếp, “không có bà con cô bác gì đâu. Tôi nghĩ là nó nịnh thằng manager Việt Nam, thằng này cất nhắc nó lên. Tôi biết thằng đó dốt bỏ mẹ, tài năng gì! Tôi sẽ nói cho bằng dân thiên hạ biết tay đó là một thằng dốt. Anh làm nghề hốt rác lau chùi nhà cửa thì không biết gì chuyện của những người *trí thức* như tôi đâu.”

Và đột nhiên, ông B. đổi đề tài:

“Ở Việt Nam ông ở thành phố nào?”

Tôi nói Sài Gòn.

“Hồi đó ông làm ngành nghề gì?”

Tôi áp ứng, “tôi làm thợ mộc. Nhà tôi có hai anh em, anh tôi là lính Biệt Động Quân, còn tôi... làm thợ mộc.” Tôi đã lỡ nói dối nên tới luôn.

“Còn tôi, tôi rời nước sớm quá, tôi không biết gì về tình hình đất nước những ngày 30 tháng Tư.

Anh có bị tù không?”

“Không, thợ mộc không bị tù, nhưng tôi cũng ở tù vì tội vượt biên.”

“Tù ở đâu? Có cùng chỗ với ông Đại Học Máu không?”

“Ông Đại Học Máu là ông nào?”

“Ồ, xin lỗi.” Ông nói, “tôi quên ông là người hốt rác lau chùi nhà cửa. Đại Học Máu là tên một cuốn sách viết về người tù cải tạo. Ông không biết đâu! À ông nói ông bị tù vì tội vượt biên, nhưng tù ở đâu?”

“Tôi ở tù dưới Rạch Giá, U Minh.”

“Vậy là ở chỗ của ông Hương Rừng Cà Mâu chứ gì?”

Tôi nói tôi không hiểu ông muốn nói gì.

Ông cười, “xin lỗi, anh không bao giờ đọc sách báo à?”

“Sách thì không, nhưng báo thì cuối tuần nào mà tôi không đọc, báo Việt ngữ bỏ đầy ở các tiệm ăn Việt Nam.”

Ông B. nhìn tôi:

“Mặt mũi anh trông không đến nỗi nào mà sao không chịu học hành gì cả. Tìm một nghề nào khá hơn không?”

Tôi ậm ừ không trả lời. Tôi đang chán vỡ kịch tôi đang đóng.

Ông B. lại hỏi “Lương bổng anh sao? Đủ sống không?”

Tôi nói “12 đồng giờ. Cũng sống được.”

Ông B. bỗng nghiêng qua bàn, kê sát miệng vào tai tôi thì thầm:

“Anh có cần tiền không?”

Cái miệng kinh khủng với đôi môi thâm xì, hai hàm răng vàng khè và hơi thở ông khét mùi thuốc lá làm tôi khó chịu.

“Tiền hả? Tiền thì ai mà không ham. Nhưng tiền ở đâu ra?”

Ông B. rút trong túi áo ra một tấm ảnh cắt từ một tờ báo. “Đây là thằng X. cái thằng kỹ sư ngu dốt mà tôi đã nói

chuyện với anh, nó là thằng dám nói tôi là đồ khốn nạn. Tôi sẽ đưa anh một ngàn nếu anh làm nhục nó trước mặt đám đông.”

“Làm nhục bằng cách nào?”

“Anh chỉ cần chửi nó là đồ ngu, đồ dốt nát, đồ khốn nạn trước mặt đám đông ở một tiệm phở mà nó hay đến. Tôi chịu trả anh một ngàn đồng.”

Tôi không trả lời. Tôi nhìn ông B., ngạc nhiên hơn là khinh bỉ, khinh bỉ hơn là giận dữ.

Tôi đứng dậy, cầm xâu chìa khoá xe. Ông B. kéo giật tay tôi, "anh ngồi xuống đây với tôi chút nữa thôi. Tôi sẽ trả anh hai ngàn. Chịu không? Tôi đang có những ngày tháng không vui. Những ngày tháng mà bỗng dưng giữa đám bạn bè ai cũng nhìn tôi như một con quái vật mang hình dáng người. Một con quái vật trở mặt, thoát một cái từ mặt người thành mặt thú, thoát một cái từ cái dáng vẻ lương hảo thành tay lưu manh xảo quyệt, thoát một cái từ sự thanh tao trở nên thô lỗ cục cằn... Con quái vật có đủ mọi thứ bề ngoài của một con người bình thường, nhưng khi nó há miệng ra cho người ta thấy những chiếc răng nanh nhọn hoắt đầy máu me của mình. Con quái vật có những ngón tay cầm bút nhưng khi nhìn kỹ đó chỉ là móng vuốt của một thứ Dracula đang bấu vào cổ người. Tôi vốn không tin có Dracula trong đời sống này. Chẳng qua đó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng. Thật ra bây giờ tôi mới biết tôi đã có một ý nghĩ sai. Thế giới chúng ta quả thật có ma quỷ, có hồ ly, có Dracula. Dracula sống trà trộn giữa chúng ta. Chúng nói cười đi đứng sinh hoạt như chúng ta. Chúng luôn luôn than van thiếu thốn nghèo túng mặc dù chúng không hề túng thiếu. Chúng thích vợ vét, bóc lột, thích dí mũi vào đời sống người khác may ra moi móc chút đời tư để kể lại

bằng giọng hả hê. Chúng giống như con dòi đục ngoắc từ một đồng phân. Chúng đóng vai một tên có chút kiến thức nhưng là một thứ kiến thức ăn đong cóp nhặt từ những trang báo, những cuốn sách chưa kịp tiêu. Những con quỷ Dracula không thể sống nếu không hút máu của người khác. Nhưng nó sẽ không hút được máu ai nếu trước hết nó không làm cho người khác tin nó là một con người tử tế. Người ta cứ tưởng nó mềm như một miếng bông gòn, nhưng thực ra nó là một cục chì, đất sét. Nó là một con vật thông minh chứa đầy nọc độc. Tôi đang có những ngày không vui, khi bỗng dưng một hôm phát hiện ra con quỷ Dracula mà lâu nay tôi cứ tưởng là người nào khác lại chính là tôi. Anh đừng bỏ đi, tôi sẽ cho anh mười nghìn đồng, mười nghìn chứ không phải hai nghìn, anh làm nhục tên kia dùm tôi. Tôi xin anh, chỉ khi nào anh làm được như thể con quái vật Dracula kia mới ra khỏi đầu óc tôi, ra khỏi trái tim đầy lòng hoài nghi của tôi.”

Ông B. nói một hơi không nghỉ. Ông làm tôi ngạc nhiên, quá sức ngạc nhiên.....

Hôm nay là thứ Sáu, buổi chiều cuối tuần, công việc ở sở tương đối nhẹ nhàng, tôi có hai ngày nghỉ ngơi trước mắt.

Tôi nói với ông B. là ông cứ moi hết những rác rưởi trong đầu ông ra đi tôi sẽ đổ dùm ông. Ông cứ móc hết sự nhơ bẩn của công rãnh ra khỏi trái tim xấu xa của ông đi tôi sẽ dội nước sôi dùm ông. May ra.....

Tôi cầm khâu chìa khoá dứt khoát bước ra khỏi tiệm Starbucks.

Cà phê Starbucks nhạt và dở trừ phi uống một cái *double espresso*. Nhưng hôm nay cả ly *double espresso* cũng nhạt phèo hơn nước là!

Chiều thứ Sáu tuần này là một buổi chiều không vui của tôi./

Trích thơ:

Bài luận làm tại nhà

I – Nhập đề

*Tôi bước vào đời như loài thảo mộc
Rồi bỗng lớn lên như lũ thú rừng
Xương thịt mẹ cha cho cùng tiếng khóc
Anh em mỗi người tặng chút yêu thương*

II – Thân bài

*Năm lên bảy tuổi theo lời mẹ dạy
Tôi làm học trò mắt sáng môi tươi
Đường làng phân trâu ngái mùi cỏ dại
Sáng sớm đến trường ngời đỏ nghỉ ngơi*

*Bạn bè chưa thân bài cho chưa thuộc
Mùa thu chưa qua lá vàng chưa rơi
Thầy giáo bỗng buồn tay vẽ diều thuốc
Khói cùng vô tình hết vẽ thành thơ*

*Cha đỏ mắt buồn sâu như biển cả
Và mẹ già nua tóc đã rối bờ
Tiếng súng đầu làng mỗi ngày một quá
Sông cũng hững hờ rút cạn niềm vui*

III – Kết luận

*Mùa thu đi qua mùa thu trở lại
Tôi chợt thấy mình tuổi sắp ba mươi*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Sáng sáng dừng chân nhìn quanh lớp học
Nhìn lại đời mình buồn đến thế ư?*

Bài giã biệt

*Dalat mưa hoài nên Dalat buồn
Con đường thì dài nên con đường bị thương
Tôi ôm mỗi sấu hai vòng tay rộng
Máu ở tâm hồn cũng xối xả tuôn*

*Tiếng trống trường đầy ly rượu đầy
Khói thuốc lên mờ đôi mắt cay
Em là thân tượng vừa sụp đổ
Bỏ lại lòng anh những đứng đưng*

*Thôi còn gì đâu cầm lấy tay tôi
Thôi còn gì đâu cầm lấy hồn tôi
Này đây những lời đau thương thứ nhất
Chia nhau mỗi người làm vốn sinh nhai*

Mang mang

*Từ xa phố chợ đến giờ
Chân quen bỏ lệ gõ bờ lộ quen
Hoang vu chín đến độ thèm
Lạnh tàn nhân rót vào đêm lên đường
Mù sương phố núi mù sương
Nhịp buồn hút gió hồn nương núi rừng
Chuyện linh hồn với bản thân
Bàn tay thượng đế mộ phân chiêm bao
Đôi thông xanh tóc nghẹn ngào
Ngập ngừng lạnh xuống từ bao lâu rồi
Và tôi còn chỉ mình tôi
Mây bay đầu núi kéo trời lên xa*

*Bàn tay thoáng nổi da gà
Thấm sâu lòng đất nhà ga luân hồi*

Niềm im lặng của biển

*Đừng nói gì với mặt trời
Nghe không?
Mặt trời cao mặt trời không nghe tới đâu*

*Đừng nói gì với núi non
Nghe không?
Núi non xa vời núi non không trông thấy đâu*

*Đừng nói gì với mây gió
Nghe không?
Mây gió cứ bay hoài mây gió nào biết đâu*

*Đừng nói gì với đất cát
Nghe không?
Đất cát cũng đau đớn như ta đất cát không trả lời đâu*

*Đừng nói gì với cỏ cây
Nghe không?
Cỏ cây cũng sống cũng lớn cũng chết cỏ cây không hiểu
gì đâu*

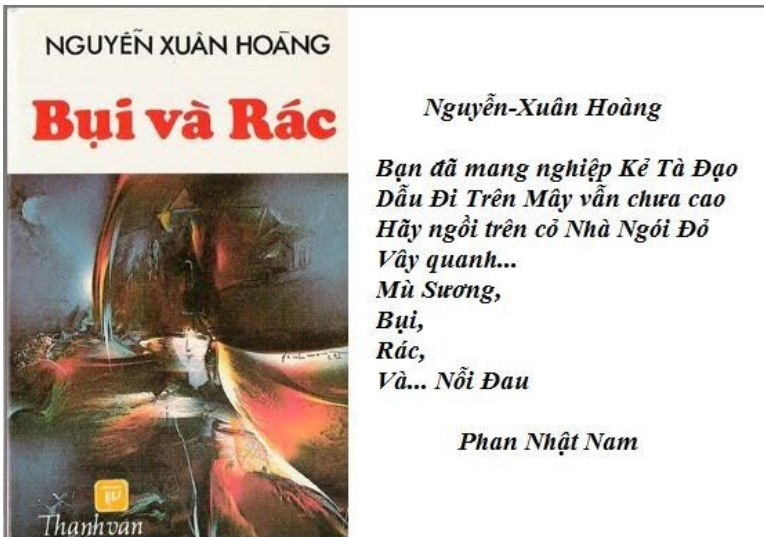
*Đừng nói gì với ai hết
Nghe không?
Cũng đừng nói gì với chính mình nữa
Nghe không? Nghe không? Nghe không?
Hãy im lặng như biển
Biển có nói gì đâu
Nhưng biển nghe hết, thấy hết, hiểu hết, biết hết
Nghe không?
Nghe không?*

Tuy là một nhà văn nổi tiếng của miền Nam từ những năm cuối thập niên 60, nhưng Nguyễn Xuân Hoàng lại là nhà văn có ít tác phẩm nhất, so với những người cùng thời hoặc xuất hiện sau ông một vài năm, như Nguyễn Mộng Giác, Phan Nhật Nam, Cung Tích Biền,...Bởi vì, mỗi tác phẩm, với Nguyễn Xuân Hoàng, là một công trình văn chương tổng hợp hai yếu tính: Cách viết hay kỹ thuật viết và, không khí truyện.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Xuân Hoàng Web: vi.wikipedia.org

- Ở quán cà phê Starbucks Web: nhatbaovanhoa.com



12. Luân Hoán



Luân Hoán - Lê Ngọc Châu (1942-20)

Nhà thơ Luân Hoán tên thật là Lê Ngọc Châu, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1941, ở phố cổ Hội An, Quảng Nam. Quê nội ở Liêm Lạc, Hòa Đa, Hòa Vang, Quảng Nam, cách Đà Nẵng khoảng mười cây số về hướng Nam. Quê ngoại ở La Qua, Điện Bàn, Quảng Nam, cách Đà Nẵng khoảng ba mươi cây số về hướng Nam. Thân phụ là ông Lê Hoán, thân mẫu là bà Nguyễn Thị Luân. Bút hiệu Luân Hoán là ghép tên song thân, ngoài ra, còn có các bút hiệu Lê Quyên Châu, Châu Thị Ngọc Lê, Đoàn Thị Bích Hà, Châu Hải Châu, Lý Phước Ninh, Lê Bảo Hoàng, Cự Hải...

Năm 1947, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, như nhiều gia đình khác, gia đình Luân Hoán di tản lên miền rừng núi Tiên Hội, Tiên Phước, Quảng Nam. Sau này, Tiên Phước thuộc tỉnh Quảng Tín.

Năm 1951, gia đình ông chuyển về Hòa Vang và năm 1953 dời về Đà Nẵng. Sau đó, thân phụ ông là viên chức ở Ngân Khố.

HUỶNH ÁI TÔNG

Cụ Lê Hoán rất sớm thơ văn nên từ nhỏ Luân Hoán được hấp thụ máu thi phú của thân phụ để tập tễnh làm thơ.

Giữa thập niên 50, năm học Đệ Ngũ, ông có thơ được đăng tải trên *Tuổi Xanh*, *Gió Mới* rồi dần dà đến các tờ *Thời Nay*, *Mai*, *Bách Khoa*, *Văn Học*, *Ngàn Khơi*, *Kỷ Nguyên Mới*, *Đối Diện*, *Bộ Binh*, ... Những bài thơ của thuở học trò được chọn lọc lại để in trong các thi phẩm *Về Trời* (Văn Học, 1964), *Trời Sông* (Văn Học, 1966)...

Vào giữa thập niên 50 và 60, những nhà thơ trẻ đất Quảng xuất hiện trên nhiều tờ báo ở Sài Gòn như Luân Hoán, Thành Tôn, Thái Tú Hạp, Chu Tân (gốc Huế), Triều Hoa Đại (gốc Bắc) Nguyễn Thị Liên Phụng (Nguyễn Nho Sa Mạc), Phương Tấn, Hoàng Quy, Đĩnh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch, Vương Thanh (gốc Bắc), Phan Duy Nhân (Dương Phù Sao), Huy Giang... bên cạnh những khuôn mặt hiện diện ở Sài Gòn như Hoàng Trúc Ly, Tạ Ký, Bùi Giáng, Tường Linh... Sau đó, xuất hiện thêm các khuôn mặt trẻ như Tân Hoài Dạ Vũ (gốc Huế), Hoàng Lộc, Uyên Hà, Vũ Đức Sao Biển, Đinh Trâm Ca, Hạ Quốc Huy, Nguyễn Nho Nhượng, Phan Xuân Sinh, Trần Yên Hòa... tạo thành phong trào thi ca trong giới trẻ cùng với các nhóm Sông Thu, Đất Hàn...

Mê thơ và cứ nhớn nhor với đời nên đường học vấn không đi đến chốn, theo ước vọng của thân phụ. Cuối năm 1966, Luân Hoán nhập ngũ Khóa 24 Trường Bộ Binh Thủ Đức. Ra trường, ông đổi về làm Trung Đội Trưởng, Trung đội II, Đại Đội II, Tiểu Đoàn I, Trung Đoàn 4, Sư Đoàn 2 Bộ Binh. Ở đó, ông có dịp sinh hoạt văn nghệ với Hà Nguyên Thạch, Khắc Minh, Phạm Trung Việt, Vương Thanh, Đĩnh Hoàng Sa, Nghiêu Đề, Minh Đường, Trần Thuật Ngũ, Phan Nhự Thức... qua các tạp chí *Trước Mặt*, *Tập Hợp* .

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

Cũng như Trần Hoài Thu, hai que sậy văn nghệ, ra trường đã lao ngay vào đơn vị tác chiến. Và, tháng ngày quân ngũ kết thúc vì để lại chiến trường bàn chân trái của ông vào cuối năm Mậu Thân, đầu năm Kỷ Dậu, 1969.

Vi là thương binh nên Luân Hoán được giải ngũ, ông về làm việc ở ngân hàng Việt Nam Thương Tín Đà Nẵng.

Sau tháng 4-1975, ông phải học tập cải tạo cho đến khi đổi tiền lần thứ nhất, được đưa về làm ở bộ phận kế toán của ngân hàng.

Năm 1979, người em ruột là Lê Hân bảo lãnh cho Luân Hoán, đến năm 1982 mới tiến hành thủ tục nộp đơn và đến ngày 2-2-1985, ông mới sang định cư tại Montréal, Québec, Canada.

Ở hải ngoại, ông đã cộng tác với các báo và tạp chí *Văn*, *Văn Học*, *Nắng Mới*, *Hợp Lưu*, *Thế Kỷ 21*, *Nhân Văn*, *Thời Táp*, *Khởi Hành*, *Phố Văn*, *Chủ Đề*, *Việt Báo*, *Hồn Quê*,...

Chủ trương nhà xuất bản Thơ đã xuất bản các thi phẩm của: Hà Nguyên Thạch, Phan Nhự Thức, Đynh Hoàng Sa, Thành Tôn, Khắc Minh, Luân Hoán, ...

Tác phẩm:

- *Về Trời* (Văn Học - Sài Gòn, 1964)
- *Trôi Sông* (Văn Học - Sài Gòn, 1966)
- *Chết Trong Lòng Người* (Ngưỡng Cửa, 1967)
- *Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu* (thơ, 1969)
- *Hòa Bình Oi Hây Đến* (thơ, cùng Lê Vĩnh Thọ, Phạm Thế Mỹ, 1970)
- *Nén Hương Cho Bàn Chân Trái* (thơ, với nhiều bạn văn, 1970)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Thơ Tình* (thơ, 1970)
- *Ca Dao Tình Yêu* (thơ, với Khắc Minh, 1970)
- *Lục Bát Ca* (thơ, cùng Lê Vĩnh Thọ, nhạc Vĩnh Điện, 1970)
- *Rượu Hồng Đã Rót* (thơ, 1974)
- *Hơi Thở Việt Nam* (Sông Thu, Hoa Kỳ, 1986)
- *Ngơ Ngác Cõi Người* (Nhân Văn, Hoa Kỳ, 1989)
- *Đưa Nhau Về Đến Đâu* (Nhân Văn, Hoa Kỳ, 1989)
- *Cảm Ôn Đất Đá Trở Thơ Lòng Ta Hạt Bụi Vu Vơ Bám Hoài* (Kinh Đô - Hoa Kỳ, 1991)
- *Mời Em Lên Ngựa* (Sông Thu, Hoa Kỳ, 1994)
- *Nuôi Thơm Chùm Kỷ Niệm Xa* (thơ, Canada, 1995)
- *Cỏ Hoa Gối Đầu* (Sóng Văn, Hoa Kỳ, 1997)
- *Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ* (Thơ, Canada, 2003)
- *Tác giả Việt Nam – Vietnamese Authors* (sưu khảo, 2005)
- *Dựa hơi bè bạn 1* (hồi ký rời, 2006)
- *Quá khứ trước mặt* (hồi ký rời, 2006)
- *Dựa hơi bè bạn 2* (hồi ký rời, 2007)
- *Ổ tình lận lưng* (thơ, 2007)
- *Em từ lục bát bước ra* (thơ, 2008)
- *Thơ thơm từ gốc rễ tình* (thơ, 2013)

Trích văn:

Trình làng cái Tôi

Tôi không là một nhà văn hóa lỗi lạc. Không là một chính trị gia, hay một nhà quân sự có cấp bậc cùng chức vụ cao. Tôi cũng không là một ai khác. Tôi chỉ là một người ham chơi thơ, làm thơ trong suốt cuộc chơi tự nguyện. Theo tôi, bất cứ ai đã ra đời, đã làm người, đều có thể ghi lại những năm tháng sống của mình, nếu cảm thấy thích thú. Ông vua Bảo Đại, Ông thương gia Nguyễn Tấn Đồi, các ông tướng

Trần Văn Đôn, Nguyễn Cao Kỳ, Võ Nguyên Giáp, Đỗ Mậu...ông nhạc sĩ Phạm Duy, ông họa sĩ Bùi Xuân Phái...vân vân và vân vân, đã viết hồi ký. Đó là chuyện bình thường, chẳng phải là một phong trào. Tất cả các hồi ký đã được viết, được ấn hành đều nghiêm túc và chuyên chở nhiều mục đích của người viết.

Quá khứ trước mặt, cũng không thiếu nghiêm chỉnh, dù mục đích, đương nhiên nhỏ hơn, chỉ bao gồm trong các điểm:

Một là, để nhắc nhở trí nhớ của mình, khi số tuổi đời đã đủ xếp vào loại già. Đây cũng là một phương pháp tập thể dục trí não tốt, chắc chắn mang lại nhiều kết quả khả quan. Hai là, làm một món quà, kỷ niệm ngày chính phủ quốc gia Canada, gửi lần đầu tiên khoản tiền, nuôi suốt những năm tháng sống còn lại, cho một người đã sống trên đất nước họ 20 năm và đã mang quốc tịch, làm công dân của quốc gia họ 17 năm +.

Ba là, một cách tiêu thì giờ được nhận thêm của cuộc sống một cách không lãng xẹt.

Bốn là, đánh dấu cụ thể sự hiện diện của mình trong cuộc đời, để kiếp sau trở lại, tìm đến, sống tiếp, làm tiếp những gì mình chưa thực hiện được.

Ngoài bốn mục đích chính trên, có thể còn có một số lẽ lẽ nữa, ví dụ để làm giàu thêm danh sách những gì mình đã viết, để khoe khoang một chút gì đó vv...

Điểm đặc biệt trong *Quá khứ trước mặt* là thiếu mạch lạc, diễn tiến không mấy ăn khớp với đường đi thường tình của tháng năm cùng những nguyên tắc nên có của một cuốn hồi

ký. Vì thế, tôi gọi đây là hồi ký rời, với từng đoạn tùy hứng.

Quá khứ trước mặt cũng không có văn phong văn học. Câu văn có giản dị và cũng có màu mè, làm dáng, lây nhiễm từ cái bệnh làm thơ đã lâu năm. Nói gọn: đây như là một cuộc kể chuyện với rất nhiều vụng về. Đang thuật lại chuyện “đời xưa” có thể chen ngay vào đó những cảm nghĩ, cảnh sắc đang có trong khi viết. Hoặc lợi dụng trích dẫn những bài thơ, một số hình ảnh (quá nhiều như một album) nhằm mục đích nhấn mạnh những chuyện, những nơi mình rất tâm đắc và vẫn còn nhiều quan tâm, mà chính những dòng hồi ký vẫn chưa thấy là đủ.

Cuối cùng, nói dông dài như trên, thật ra chẳng để làm gì, ngoài việc thực hiện cái thường thường hay có của một cuốn sách là lời vào tập, lời nói đầu vv...như một cách làm duyên.

Xin cảm ơn các nhân vật, các cảnh vật, các động vật...có mặt trong những những hồn chữ tôi, bởi qua tất cả những nguồn hình ảnh, tôi thấy lại chính mình. Đây chính là một xảo thuật để sống lại thời đã qua, bằng cặp mắt, bàn tay của một người già, nhìn lại cảnh cũ, người xưa với tâm hồn, và nghĩ suy trẻ thơ.

thân tình,

Luân Hoán

Trích thơ:

Một chút tình tôi

*có phải em yêu tôi thành thật
hay là tình nghịch nói cho vui*

*hôm qua thơ thần chờ đầu ngõ
tôi thấy hình như có một người...
không phải là tôi ghen bóng đầu
yêu nhau chỉ muốn giữ gìn nhau
sao em hay nói hay cười quá
ai kể chuyện chi cũng gặt đầu*

*tôi muốn em là riêng của tôi
phải chi mua được một góc trời
rước em về đó làm hoàng hậu
cùng lắm đôi lần mắng yêu thôi*

*từ cổ đến kim, đông lẫn tây
thơ tình yêu chặt cả trời mây
chẳng câu nào đúng tim tôi cả
biết lấy gì đây để tỏ bày ?*

*có lẽ là yêu chỉ để yêu
để xem mình khổ ít hay nhiều
cho dù em chẳng yêu tôi thật
vẫn muốn dối mình : em cũng yêu !*

Trong sân trường bữa ấy

A.
*em có nhớ trong sân trường bữa ấy
giờ ra chơi em phơi nắng chiều đông
gió bắc khô làm đôi má se hồng
cùng chúng bạn em ngồi quanh góc phượng
tà áo trắng xoè như đôi cánh lượn
trải diu dàng trên cỏ mướt mà xanh
nét thơ ngây đầy khuôn mặt tinh anh
đôi mắt biếc kiếm tìm và lẩn trốn
ngực dòn dập giòng máu thời mười bốn
vai no đầy nguyên liệu tuổi thềm yêu*

HUỶNH ÁI TÔNG

*tay dài trang lãng mạn trái trong chiều
từng ngón nhỏ như sẵn sàng mời mọc
ta đứng tựa trong hành lang lớp học
trên lầu cao nhìn xuống mộng băng khuâng
lòng cúi theo từng ngọn tóc phân vân
hôn rất nhẹ trên tóc thề đen nhánh
môi em đỏ sao hình như quá lạnh
răng trắng thơm níu giữ lấy hôn ta
lưỡi rớt hương tình rớt mật đậm đà
ta nướng nấu bên em bằng mộng tưởng
bởi quá yêu nên ta giàu tưởng tượng
giàu tự cao, ôi một gã trai thơ
dáng dấp hào hoa không giấu nổi đại khờ
ta lúng túng đơm trăm cành ngưỡng vọng
bầy tình ái giăng chờ và nghe ngóng
ta rình em, ta rình chính cả ta
phút chốc lạnh lùng, phút chốc ba hoa
ta lừa dối bởi vô cùng thành thật
ta giàu có bởi ta vừa đánh mất
trái tim hồng ký thác giữa môi em
chưa hôn nhau lòng đã vội say mềm
ta nghiêng ngã giữa bốn bề mộng寐
em có sợ ta trở thành ác quỷ
điên vì yêu, cuồng loạn cũng vì yêu
ôi mắt em miền cực lạc tiêu diêu
ta chợt thấy chỗ ta ngồi ở đây*

B.

*em có nhớ trong sân trường bữa ấy
ta theo em ngơ ngẩn tội làm sao
tay hổ ngươi ôm tập vở chép ca dao
với ý định tặng cho em kỷ niệm
cơ hội khó như tìm kim đáy biển
chọn cách nào cho thật tự nhiên
bạn bè em ranh mãnh xỏ xiên*

chưa có lửa chùng như đà có khói
thu can đảm đi ngang em, khẽ nói:
Hong cầm về nhà đọc cho vui
em ngạc nhiên, rồi lưỡng lự mỉm cười
nắm nhẹ sợ lây phong lãng mạn
chân vội vã đã theo tay chúng bạn
khúc khích cười nghe kiêu hãnh làm sao
ta nhận ta chìm giữa giấc chiêm bao
giữa buổi học, giữa giờ sử địa
mấy tuần qua, em không hề đếm xỉa
gặp ở trường em lạnh nhạt như không
tập ca dao ta chép những chuyện lòng
em có hiểu ta cố tình gởi gắm
em không nói, không cười, ta buồn lắm
thà trẻ môi, háy nguyệt còn hơn
ngậm chua cay nuôi dưỡng chút giận hờn
ta thừa biết ta đâu bằng thầy giáo
em đệ ngũ, ta đệ tam, túi hổ
cùng chung trường, không chung lớp, vô duyên
tình ái chi thời còn nặng bút nghiên
ta đầu đọc ta và em quá sớm ?
em mười bốn, ta mười lăm, chưa đủ lớn
cho một cuộc tình trong sạch hay sao ?
yêu em yêu em khổ biết ngần nào
thôi cũng được ta vui lòng chịu vậy

C.

em có nhớ trong sân trường bữa ấy
cô giáo đau, ta được nghỉ giờ đầu
rất tình cờ hai đứa chợt gặp nhau
em mở cặp vội vàng trao quyển sách
sợ bạn thấy ta kẹp vào dưới nách
đi một hơi không kịp cảm ơn em
trón vào cầu hỏi hả giờ ra xem
mảnh giấy nhỏ nét mực nghiêng nghiêng tím:

HUỶNH ÁI TÔNG

-anh đừng giận, H, mến anh nhiều lắm...
chỉ thế thôi nhưng quá đổi hẹn hò
lòng mở cờ ta muốn hét thật to
ta vĩ đại bởi có người yêu mến
rồi từ đó thư hồng đi, thư xanh đến
mối tình đầu đẹp như chuyện thần tiên
ta thương yêu từng mái ngói nằm yên
từng cánh cửa mở trái tim lớp học
ta dành dụm từng màu xanh ngà ngọc
trang điểm cho đời từng ngọn cỏ lá cây
ta nâng niu từng viên phấn hao gầy
mòn thân xác trên bảng đen buồn bã
ngày tiếp tháng gọi nắng mưa óng ả

tuổi thanh xuân ta rực rỡ đẹp trai
em thì ngoan như chiếc lá thuộc bài
thơm trang sách run run giòng chữ nhỏ
mối tình đẹp như Ngũ Cơ, Hạng Võ
như Romeo và Juliette vân vân...
buồn theo vui vun đau đón cao dần
rời tan vỡ để trở thành huyền thoại
tình sử sống nhờ vết thương êm ái
ta lớn khôn nhờ sớm được thất tình
cảm ơn đời ta sớm biết lênh đênh
bỏ trường học mặc gió mưa đưa đẩy.

D.

em có nhớ trong sân trường bữa ấy
mình ta về nhìn lại gốc phượng xưa
con ve than trên cành nhớ đong đưa
hoa vãn đỏ trong nắng vàng lộng lẫy
ta chợt thấy hình như em ngồi đây
mới hôm qua mới một phút trước đây
tay vẫn hồng má vẫn đỏ hây hây
dẫn ta bước qua trăm đường dĩ vãng

*em yêu dấu hồi con chim trúng đạn
rơi về đâu trong cõi sống mênh mông
ta vẫn còn đây mái tóc bênh bồng
dù sương gió uơm đôi dòng bụi trắng
đời chìm nổi những ba cay bảy đắng
lòng vẫn xanh như cỏ dại thong dong
trái tim ta vẫn rộng rãi thư phòng
có em ngủ muôm đời trên vãn điệu
ta mai một dù tài danh mệnh yếu
đã nhờ em tồn tại với thời gian
hồi em yêu thăm thẳm cánh phượng hoàng
có đậu lại trong sân trường bữa ấy
hồn xa cách đậu bên ta có thấy
bức tường xanh cánh cửa kính lung lay
hai mươi năm trời ôi một thoáng chim bay
bao thay đổi trong đời ta gió nổi
cành phượng cũ vẫn no lời gió thổi
nghìn muôn năm tha thiết gọi về đâu
vay giọt thơ truy niệm mối tình đầu
và gọi tặng cho em làm son phấn...*

Trong cõi nhớ

*tôi thu dáng đứng bên cây
chiều bao la gió sao không bay sầu
em xa tôi đã bao lâu
tóc tơ kia đã mấy màu gổĩ chẵn ?
thương tôi hồn khuất bóng trắng
vuốt hoài không thẳng nếp nhăn đau buồn
một đời lấp lánh hạt sương
ôi trong cõi nhớ em thường đứng đâu ?
yêu em những tưởng làm giàu
mà ra quanh quẩn vẫn câu thơ này
lệ mềm chưa hồi ngón tay
chất chiu tình xếp chưa đầy giọng
ai còn đợi đến ngàn thu ?*

HUỶNH ÁI TÔNG

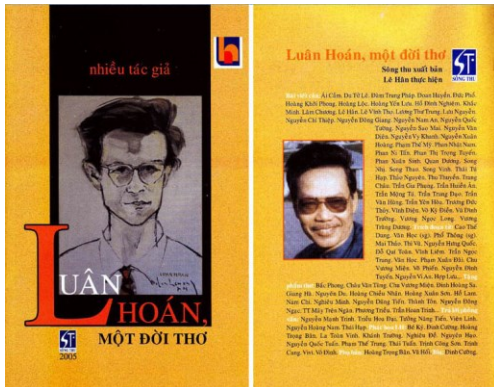
ôi trong cõi nhớ tôi mù đã lâu.

Trong bài *Tiếng thơ Luân Hoán*, nhà văn Hồ Trường An có nhận định:

“Ai đó làm thơ về quê hương rất dễ khoác màu sắc của thơ Nguyễn Bính, Anh Thơ, Hằng Phương, Kiên Giang Hà Huy Hà...Luân Hoán thì không thế, Ngôn ngữ thơ anh cực kỳ đơn giản mà tinh khôi tân kỳ. Tài xử dụng ngôn ngữ của anh lạ lẫm: anh làm thơ khơi khơi như nói chuyện, đôi lúc như hí lộng. Chúng ta không bắt gặp sự gọt dũa, trau chuốt trong thơ anh. ,,y vậy mà ngôn ngữ anh đẹp lạ lùng, nó chứa cả nguồn sinh lực vô biên, hồn nhiên tuyệt vời. Qua ngôn ngữ thơ đó, chúng ta bắt gặp một sự nhạy cảm rất thơ, một tâm hồn phóng khoáng kỳ diệu. Hồn thơ của anh qua ngôn ngữ đó khác nào một kẻ từ chối áo gấm xuê xoang để mặc áo vải gai mà vẫn phong lưu, vẫn hào hoa lịch lãm:”

Tài liệu tham khảo:

- Luân Hoán Web: luanhoan.net
- Thơ Luân Hoán Web: poem.tkaraoke.com



13. Thế Uyên



Thế Uyên - Nguyễn Kim Dũng (1935-2013)

Nhà văn Thế Uyên tên thật là Nguyễn Kim Dũng, sinh năm 1935 tại Cửa Ô Yên Phụ, Hồ Tây, Hà Nội. Ông là con trai của ông Nguyễn Kim Hoàn (quản lý cơ sở xuất bản Ngày Nay - Đồi Nay) và bà Nguyễn Thị Thế (em gái của Nhất Linh, Hoàng Đạo và là chị của Thạch Lam). Thế Uyên là em trai nhà văn Duy Lam.

Ông là giáo sư Trung học, có lúc ông được chuyển đi dạy ở Trung Học Ban Mê Thuật, rồi bị động viên vào quân đội theo khoá 14 Sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức. Sau khi ra trường, ông được phân bổ về Sư Đoàn 5 một thời gian, rồi được biệt phái về dạy học lại. Ông chủ trương nhóm Thái Độ là nhóm Cách mạng không cộng sản cũng không chịu ảnh hưởng của Mỹ, tạp chí và nhà xuất bản Thái Độ.

Về sau, theo ông cho biết nhóm Thái Độ bị áp lực Mỹ phải ngưng hoạt động, và chính ông cũng bị nghỉ viết trong 3 năm theo thỏa thuận giữa đại diện Đại sứ Mỹ Sài Gòn và ông tại Tòa Lãnh sự Mỹ ở Đà Nẵng. Do bị nghỉ viết, ông

HUỶNH ÁI TÔNG

quay ra soạn bộ sách giáo khoa quốc văn từ lớp 6 đến lớp 9.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông bị đi học tập cải tạo, sau khi ra trại, ông cùng gia đình sống ở Sài Gòn.

Năm 1986, được thân nhân bảo lãnh, gia đình ông rời Việt Nam qua Thái Lan rồi đến Phi 6 tháng.

Năm 1987, từ diện bảo lãnh đổi sang diện tị nạn, được định cư ở Seattle tiểu bang Washington, Mỹ. Ông ghi danh học lại, đến năm 1992 ông lấy bằng BA của Đại học Evergreen State College in Olympia, WA.

Thế Uyên sau khi định cư, vừa đi học, đi làm, tiếp tục viết. Ông bị tai biến mạch máu não vào tháng 3 năm 1999, bị liệt nửa người, sau đó ông tập viết tay trái và sáng tác lại, vào tháng 8 năm 2012, ông lại bị tai biến lần thứ hai, bị hôn mê nhiều tháng và đã mất tại Seattle ngày 11 tháng 6 năm 2013, thọ 78 tuổi.

Tác phẩm:

- *Những Hạt Cát* (truyện ngắn, 1964)
- *Mưa Trong Sương* (1964)
- *Ngoài Đêm* (truyện ngắn, 1965)
- *Mười Ngày Phép Của Một Người Linh* (đoản văn, 1965)
- *Nỗi Chết Không Rời* (truyện ngắn, viết chung với Duy Lam, 1966)
- *Những Ý Nghĩa Của Bọt Biển* (đoản văn, 1966)
- *Tiền Đồn* (truyện dài, 1967)
- *Nghĩ Trong Một Xã Hội Tan Rã* (tiểu luận, 1967)
- *Bản Tình Ca* (truyện ngắn, 1968)
- *Sài Gòn sau 12 năm*

- *Con Đường Qua Mùa Đông*
- *Nghĩ Trong Mùa Xuân*
- *Tuyển tập truyện ngắn Thế Uyên*
- *Tuyển tập Dâm Tình Và Các Nhà Văn Nữ Hoa Kỳ*
- *Khu Vườn Mùa Mưa*
- *Những Người Mỹ Chung Quanh Chúng Ta*
- *Không một vòng hoa cho người chiến bại* (truyện dài, 1998)

Trích văn:

Sống và viết trên đất Mỹ

Có những người bạn ở hải ngoại, và gần đây cũng có cả những người bạn ở nội địa nữa, hỏi tôi một câu thoát nghe có vẻ giản dị: "Anh sống và viết như thế nào ở hải ngoại?" Cùng gia đình, tôi định cư ở Hoa Kỳ từ lâu và trở thành công dân xứ này, tôi vẫn viết văn nhưng bằng tiếng Việt. Trả lời như thế tuy là đúng nhưng mơ hồ quá, không thỏa mãn được bất cứ người hỏi nào, mà trả lời chi tiết hơn thì chắc phải viết một hồi ký quá. Bởi thế tôi xin chọn giải pháp là hồi ức lại, những nét chính thôi, là tôi đã viết văn trong hoàn cảnh như thế nào trước tháng 4. 1975, rồi lấy từ đó làm căn bản mà so sánh và kể tôi đã sống và viết như thế nào ở Hoa Kỳ.

Tôi bắt đầu viết văn từ năm 1960 ở Việt Nam, vào một thời kỳ có thể tạm gọi là hoàng kim của văn học Việt Nam trong hậu bán thế kỷ 20 (chỉ xét riêng tại miền Nam bởi vì vào thời kỳ này miền Bắc đang bị đóng băng, rất tịch mịch.) Với một dân số khoảng 20 triệu thôi, nhưng số người đọc và thưởng thức văn học nghệ thuật khá đông để khuyến khích trăm hoa đua nở, nhất là kể từ 1963.

Điểm thứ nhất cần nêu là nếu anh có tài, dù trong bất cứ địa hạt văn học nghệ thuật nào anh sẽ được biết tới, kể cả địa

hạt vũ như trường hợp Hoàng Thu hay tấu hài bằng nhạc như ban AVT, vũ sexy như Thanh Nhung, Thu Thủy... Còn trong những địa hạt văn học chính thống như thơ và văn, mọi sự còn thoải mái hơn: làm thơ mà thờ phỉ phào ngạo nghệ như Nguyễn Đức Sơn, mơ dòng golden stream của cô Kim Cương như Bùi Giáng cũng chẳng sao, say bí tỉ trong không khí erotic như Tuệ Mai hay nhớ nàng mà hỏi thăm đến cả âm mao cũng được (Bây giờ em ở nơi đâu / Cỏ trên mình mấy em sàu ra sao - Bùi Giáng.) Dĩ nhiên thơ hùng, thơ biên tái như một Tô Thùy Yên, hay thơ thiền của Nhật Hạnh, Trụ Vũ, Phạm Thiên Thư... lại càng dễ được thưởng ngoạn hơn. Các tạp chí văn học nghệ thuật, nhờ một hệ thống phát hành tốt do tư nhân nắm giữ, được phổ biến đến tận những thị trấn khiêm tốn của miền Trung cũng như Nam, do đó nhà văn chỉ cần đăng bài của mình trên một tạp chí là đủ. Chỉ cần đăng trên *Văn Học* của Phan Kim Thịnh, hoặc *Bách Khoa* của Lê Ngô Châu, hay *Văn* của Nguyễn Đình Vương/Trần Phong Giao... là xong cho cả nước.

Nhà xuất bản xuất hiện khá nhiều, đủ mọi khuynh hướng kể cả tôn giáo, nên một cuốn sách có giá trị văn chương hay tư tưởng trước hay sau đều được in ra, kể cả những cuốn biên khảo khô khan, nhúc đầu cho người đọc. Về số lượng in, riêng về một bộ môn truyện, một nhà văn bình thường như tôi, thì lần in đầu 3.000 cuốn, và hai ba năm sau tái bản với số lượng là 2.000. Với các nhà văn ăn khách, thí dụ như một Tuý Hồng, thì ngay lần đầu đã in 5.000 bản, dĩ nhiên tác quyền được trả đầy đủ từ 7% cho người mới viết, 10% cho các nhà văn đã thành danh và 12% cho những cuốn sách được nhà xuất bản đánh giá từ đầu là ‘ăn khách’.

Với số lượng in thấp như mô tả trên, tác quyền chỉ là một nguồn lợi tức phụ cho các nhà văn mà thôi. Hầu hết các nhà văn đều có một nghề nghiệp khác, viết văn chỉ là nghề tay

trái thối và dạy học là nghề được nhiều người chọn lựa, như chính bản thân người viết bài này, Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sỹ Tế, Nguyễn Sa, Nhật Tiến... Những nhà văn loại 'chuyên nghiệp,' hiểu theo nghĩa hoàn toàn sống bằng ngòi bút, đều phải trông cậy vào báo chí: viết feuilleton như Mai Thảo, Tuý Hồng hay tự mình làm báo như Duyên Anh, Trần Dạ Từ... Nếu về tài chính không khá như thế, tác quyền không đủ sức nuôi nhà văn, nhưng bù lại được hưởng cái thú là nhìn thấy tác phẩm của mình được in ra tương đối dễ dàng.

Dĩ nhiên cái gì cũng có mặt trái hoặc khó khăn riêng của nó, đó là chế độ kiểm duyệt sách báo. Cơ quan kiểm duyệt trực thuộc Bộ Thông Tin và mang nhiều tên khác nhau tùy từng chính phủ, đôi khi mang cái tên rất văn chương là Sở Phối Hợp Nghệ Thuật. Nhà văn hay nhà xuất bản phải đệ nạp bản thảo đánh máy để cơ quan này duyệt xét. Nếu sách 'không có vấn đề', sau hai tuần sẽ được trả lại với giấy phép cho xuất bản. Nếu có vấn đề, dù là chữ hay câu, đoạn, hay trang... cũng bị nhân viên kiểm duyệt cầm bút lên bôi thẳng tay và công khai. Khi in, nhà xuất bản và tác giả phải bỏ những chỗ bôi xóa, bỏ một cách im lặng, thay bằng các dấu (.....) hay bỏ cách ngang bướng bằng cách ghi rõ "bỏ" hay "kiểm duyệt bỏ" 10 chữ, 3 câu hay một đoạn, làm trang sách lấm lức da beo tức cười. Dĩ nhiên không thiếu gì tác phẩm bị cấm luôn không cho xuất bản (tôi đã từng ở trong trường hợp này.) Nói gì thì nói cũng phải ghi nhận là sở kiểm duyệt sách báo miền Nam 1954-1975, ngay cả thời kỳ chiến tranh dữ dội nhất, cũng không áp dụng chuyên chính, không dùng các biện pháp hành chánh hay cảnh sát đối với các nhà văn, cho dù họ chống đối lại đường lối chính sách đương thời, như Ban Văn hoá Tư tưởng và Công an Văn hoá của chế độ Cộng sản Việt Nam đã làm. Các sở kiểm duyệt nói chung theo đường lối đại cương là: a) "Tôi cấm không cho anh in cuốn sách hay bài báo này vì... nhưng tôi

không chuyển sang bên Cảnh sát để họ làm khó dễ hay bắt nhốt anh"; b) Nhân viên kiểm duyệt chỉ bôi xoá những gì mình không thích, tuyệt đối không sửa văn đỗi ý của tác giả, nghĩa là 'không biên tập lại' cho đúng đường lối chính sách, như chế độ Cộng sản Việt Nam vẫn làm suốt từ 1945 cho tới lúc này; c) Tác giả có quyền khiếu nại, lên gặp trực tiếp nhân viên kiểm duyệt để biện hộ cho văn chương, chữ nghĩa của mình. Bởi thế người viết bài này đã thiếu gì buổi lên Bộ Thông tin để tranh đấu và 'mặc cả' từng chữ từng dòng những đoạn đã bị bôi bỏ.

Là một nhà văn và một trí thức có tư duy và ngòi bút không phóng ra phía trước thì cũng lang thang ngoài vòng cương toả của xã hội đương thời trong nhiều địa hạt, đương nhiên tôi đã gặp nhiều vất vả với đủ các cơ quan kiểm duyệt trước và sau. Nhưng nhìn lại, cũng phải ghi nhận là chế độ đệ nhất Việt Nam Cộng Hoà, nếu có quan tâm đến phát triển văn học nghệ thuật trong những năm đầu thì càng về sau lại khắt khe thanh giáo, dị ứng với những dòng tư tưởng khác biệt với hệ công giáo, trong khi đệ nhị Cộng Hoà, kể từ 1963, rộng rãi trong địa hạt kiểm duyệt hơn nhiều. Có thể cắt nghĩa các tướng lãnh lãnh đạo miền Nam trong thời kỳ này, đa số xuất thân từ quân đội Pháp, thừa hưởng được một phần tinh thần phóng khoáng, nhân bản của nền văn hoá Pháp, nên để khoảng trống khá dễ thở cho địa hạt văn học nghệ thuật.

Nói chung kiểm duyệt sách báo là không hay rồi xét về bất cứ phương diện nào, nhưng để cho công bình hơn với chế độ Việt Nam Cộng Hoà, tôi xin ghi lại lời tán thán gần đây của một cán bộ công tác báo chí khi còn trẻ thuộc loại 'nằm vùng' ở Sài Gòn:

Các anh viết văn dưới chế độ cũ vậy mà sướng vì có sở kiểm duyệt công khai. Họ cấm họ bôi cái gì xong là ta đăng

những gì còn lại, sau đó là vô can. Bọn tôi thì không, mỗi người viết phải ‘tự kiểm duyệt lấy’, dù cẩn thận đến mấy cũng có lúc lỡ bút mà không biết. Vài tháng vài năm sau, bất cứ lúc nào cũng có thể bị trên nắm đầu lôi ra kiểm điểm còn là nhẹ, mất chức, đi tù là thường...

Sau khi rời Việt Nam, sống tám tháng trong trại tị nạn ở Bataan xứ Phi, tôi đã có nhiều thì giờ để đọc và tìm hiểu từ xa cộng đồng Việt, nhất là trong địa hạt văn chương chữ nghĩa. Nếu tôi thú vị là khám phá ra hải ngoại có nhiều báo chí cùng các nhà xuất bản đủ loại, nhưng cũng nhìn ra không ít những điều tiêu cực. Điểm tiêu cực đầu tiên đập mạnh vào những người mới ra hải ngoại là báo chí hải ngoại dữ dằn, hay chụp nón cối và chửi bới nhau dữ dội quá và bằng những lời lẽ nhiều khi thô tục chưa hề thấy trong báo chí thời Việt Nam Cộng Hoà và cũng ít thấy trong báo chí Cộng sản: trong thời kỳ 75-79 bản thân tôi bị mang ra tố trên báo chí Cộng sản Việt Nam nhiều lần, khi thì bởi những chức sắc như Chế Lan Viên, Lữ Phương, khi thì bởi những cán bộ cấp thấp vô danh, nhưng họ không dùng những từ thô lỗ như trong báo chí hải ngoại sử dụng với nhau. Đọc những bài báo chửi ghê rợn ở hải ngoại ấy, qua điển tích và từ ngữ họ sử dụng, tôi phỏng đoán tác giả là những người già. Một người bạn chủ biên một tạp chí văn học ở California xác nhận nghi ngờ của tôi là đúng và còn chú giải thêm là tuổi 60 còn đọc vừa, còn những bài âm hàn kịch độc đa số là của các bậc trưởng lão trên 70. Ông bạn chủ biên này còn khuyên tôi đừng vội viết lách gì cả, hãy đọc và quan sát ít nhất một năm - và tôi nghe ngay lời khuyên tốt này. Dĩ nhiên hai đũa cũng móc ngoặc với nhau là khi về già, sẽ cố gắng làm một trưởng lão dễ thương, bao dung, ăn nói viết lách hoà nhã cho lớp trẻ có chỗ mà nương.

Trong những tháng ngày chờ đợi rời khỏi Việt Nam, tôi thường giảng cho các con trai lớn hiểu rằng cho không có biến cố 30 tháng 4. 1975 thì với khả năng tài chính của tôi, bất quá chỉ gửi được một hay hai con là cùng du học nước ngoài, nay tất cả mấy đứa cùng được xuất ngoại, lại có bố mẹ đi kèm nữa, vậy sang Mỹ rồi rán mà học. Hơn nữa một Mỹ đen là một Mỹ đen, nhưng nếu ông ta có bằng Ph.D. thì vẫn sẽ được gọi là ông tiến sĩ như thường. Đó là phần các con, còn hai vợ chồng tôi, khi khám phá chế độ Financial Aid của Hoa Kỳ không phân biệt tuổi, hai vợ chồng vui vẻ theo các con trở lại đại học, chấp nhận một cuộc sống under the poverty line trong năm năm liền, cho tới khi cả nhà đều tốt nghiệp BA hay BS. Trường The Evergreen State College bọn tôi theo học cho phép một người thân được đi hộ tống người tốt nghiệp lên khán đài lãnh bằng, và một buổi sáng đầy nắng ấm, tôi đã thật sung sướng khi cầm tay cô vợ cùng dẫn lên bục cao và khi nàng theo tục lệ gạt cái tua trên mũ vương sang một bên biểu lộ học đã thành tài, thì trong hai kẻ, người hãnh diện nhất chắc là tôi... Rồi mới đến cặp vợ chồng người Mỹ già đã làm tutor Anh văn tại nhà cho hai đứa tôi trong năm đầu tại Mỹ.

Tôi đã ngắm nghía, quan sát kỹ cộng đồng Việt, nhất là những là những gì biểu lộ qua báo chí, và thấy gay go hơn thời còn Việt Nam Cộng Hoà. Rất nhiều người vẫn còn tiếp tục theo đường lối chống Cộng, chủ thuyết domino của ngoại trưởng Foster Dulles và vị Giáo hoàng thời đó, diễn giải lại ở Việt Nam bởi những nha cục sở Tâm lý chiến của hai ông Nhu và Diệm - những chính sách đã bị vượt qua và thực hiện bởi những người đã chết lâu rồi. Và bây giờ những môn đệ còn theo trường phái chống Cộng cổ điển đó ở Mỹ đến mời tôi theo họ, chống Cộng vô vọng và lỗi thời như họ, mời tôi lên các diễn đàn có micro, có hoa tặng, có đèn flash nhấp nháy, để làm một chiến sĩ tố cộng, một cán bộ của Bộ Thông tin/ Dân vận/ Công dân vụ/ Chiêu hồi

của một chính quyền đã quá cố lâu rồi. Tôi từ chối, và lảng tránh các vị ấy không phải chỉ vì vậy mà còn những lý do thâm sâu và nhân bản hơn. Những con người này xét chung thường sử dụng các phương sách của Cộng sản để chống Cộng sản, nghĩa là Cộng sản làm sao thì ta bào hao làm vậy. ‘Nó’ chụp mũ nó bịa đặt nó thiếu lòng nhân thì ta cứ y chang, lấy ác trị ác dĩ độc trị độc, lấy độc tài xanh chống độc tài đỏ... Và còn ép buộc cộng đồng hải ngoại phải chấp nhận những tiền đề chính trị xã hội chẳng liên quan gì đến thực tại Việt Nam: ai mà không chịu phát ngôn theo các tiền đề đó, thì trước hay sau cũng bị chụp mũ, đả kích thậm tệ, biểu tình và tẩy chay, và nếu là người cầm bút thì còn có thể bị đánh trọng thương, đốt chết, bắn chết.

Các thân hữu đã định cư lâu nước ngoài thay thế nhau gửi tới tôi những lời báo động: Hãy coi chừng thành phần quân phiệt, họ đông và dữ lắm, không chấp nhận đối thoại hay trao đổi... Hãy coi chừng dư đảng..., họ mạnh và nắm nhiều báo lắm... Nhật Tiến thì than không có đủ tự do cho người cầm bút ở hải ngoại... Một trí thức khoa bảng khác nhỏ nhẹ với tôi: Trình độ dân trí của các cộng đồng Việt kém xa trình độ dân trí của Mỹ, Canada, Pháp, Úc... anh viết gì nên thận trọng... Một giáo sư đang dạy đại học Mỹ thì nhắn tôi: Muốn được tự do tư tưởng và ngôn luận thì hãy nói bằng tiếng Anh và viết bằng tiếng Anh...

Trong tình trạng như thế một ông cậu bên vợ mang đến tặng một cái máy chữ điện: Để cho cháu viết văn nhé! Vậy thì ta viết thôi, viết trong các weekend vì ngày thường phải học phải làm bài phải làm thêm kiếm sống. Bài đầu tiên là trả lời một tạp chí địa phương và chưa chi đã bị chỉ trích chỉ vì khi được hỏi tại sao rời bỏ Việt Nam, tôi đã trả lời đại khái: Tôi đi tìm tự do cho tôi và ngòi bút tôi, tôi đi tìm an toàn cho bản thân và cơm no áo ấm cho gia đình, và tương lai cho con cháu mai sau... Một người bạn thân đi từ

75 giải thích đáng lẽ tôi phải trả lời theo đúng bài bốn của nhiều hội đoàn là: Tôi ra đi để làm một chiến sĩ chống cộng, tạm dung xứ Mỹ để mài gươm chùi súng, đêm quên ngủ, ngày quên ăn để tiêu diệt Cộng sản, quang phục quê hương..

Tôi thử dài một cái nhẹ nhàng và tiếp tục viết. Viết do những thúc đẩy của nội tâm hay hoàn cảnh sinh sống mới, viết bằng lương tâm mình, cái đầu của mình, nhìn thấy sao học được gì mới suy nghĩ sao cứ thể viết ra bằng tất cả tâm lòng thành thật của mình. Và loạt bài đầu tiên, sau này do Xuân Thu xuất bản dưới nhan đề Saigon, sau 12 năm đã bị hầu hết các báo đang xin bài từ chối, để rồi mãi về sau mới đăng trên một tạp chí của phe hữu của miền Đông Hoa Kỳ, chỉ bị bỏ có một chương. Nhà xuất bản gửi lên tặng tôi một PC cũ, tôi dùng tiền work study (quét dọn phòng thí nghiệm, quét lá sân trường, mặc áo choàng làm thợ sơn nhà kho trong mưa dầm, nhổ cỏ trong greenhouse - trong năm đầu tiếng Anh vẫn bập bẹ skill chưa có, nhà trường đâu biết dùng tôi vào việc gì khác) góp với các con mua một máy in cũ dot matrix, và ta vừa viết bài nộp cho thầy cô trong tuần và viết văn cuối tuần thôi. Và tôi viết được khá nhiều: Con đường qua mùa đông, Nghĩ trong mùa xuân... kế tiếp nhau ra đời.

Tôi học và dạy học tới 6 năm liền trong đại học nên môi trường này tác động đến tôi rất là nhiều, tôi trở thành nhân bản hơn và có tinh thần quốc tế hơn, có tầm nhìn dài hơn xa hơn trong nhiều vấn đề của thời đại. Và cũng trở thành kiên nhẫn và chịu đựng hơn xưa. Tôi được học biết rằng những cộng đồng thiểu số nào khi thành lập trên nước Mỹ, trong thời kỳ đầu tiên đều mang theo những mâu thuẫn chính trị xã hội với những hận thù phe phái, bởi thế trong thế hệ đầu tiên thường có những vụ ẩu đả và sát nhân mà nguyên nhân thật tào lao theo quan điểm của cảnh sát điều tra người địa

phương. Tôi cũng được biết những crisis về identity, những culture shock là có thật mà những di dân nào không vượt qua được sẽ dễ lâm vào những khủng hoảng tâm thần nhẹ hay nặng. Những cộng đồng Hoa, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Đại Hàn... đều đã trải qua những thời kỳ nhiều bạo lực nội tại như thế, nhưng rồi với thời gian qua, với lớp trẻ lớn lên ở Mỹ, các cộng đồng ấy mỗi ngày một mature hơn, hội nhập hơn rồi gắn liền đời kiếp với vùng đất mới định cư - dù những nơi này là Mỹ, Pháp, Đức hay Úc...

Ngay từ hồi còn trẻ ở Việt Nam tôi đã thường tránh không trả lời, không tranh luận không đôi co với những người đã kích tôi, nhất là khi họ sử dụng những ngôn từ thiếu trình độ văn hoá giáo dục tối thiểu. Hơn nữa, do chịu ảnh hưởng của Phật giáo, tôi đã tập dần được từ lâu thói quen rán không hận thù ai hay cái gì trong cuộc đời này, bực bội thoáng qua thì có, hận thù thì gần như không. Biết ai không ưa mình thì tôi thường chỉ tìm cách tránh xa mỗi khi có thể được, và tiếp tục viết văn viết sách, giản dị như người thợ mộc đóng bàn ghế, thợ nề xây nhà, nhà giáo dạy học...

Tất cả những sách tôi viết đều trao cho nhà xuất bản in và phát hành luôn, tôi chỉ phải làm công việc sửa bản in và tặng sách cho báo chí thân hữu thôi, nên thoát được gánh nặng phát hành trong một cộng đồng Việt ở rải rác khắp các thành phố Bắc Mỹ châu, Âu và Úc. Các bài viết, bất kể loại nào, thường đăng báo trước đã rồi gom lại in thành sách sau, do đó có chút kinh nghiệm để kể.

Như trên đã nói, ở Việt Nam Cộng Hoà, chỉ cần đăng bài ở một tạp chí có uy tín là đủ cho cả nước. Bây giờ ngay những báo bán như *Văn Học, Văn, Làng Văn, Thế Kỷ 21...* trên nguyên tắc bán khắp năm châu bốn biển nơi nào có người Việt, nhưng thực tế không được như vậy và số lượng in ít ỏi (so với Việt Nam nội địa). Làm cho nhiều người viết

có cảm tưởng bài văn của mình đã như một mũi tên bắn vào rừng thẳm, mất hút, lấm lét thật nản. Nhưng cũng có những bài văn có một số phận khác, thí dụ như bài ‘Nghĩ trong mùa xuân’, khi viết nó tôi thoải mái như viết các bài khác nhưng mức độ phổ biến lại bất ngờ vì có các báo chợ tham gia đăng lại, thành thử đăng tới bốn lần ở Mỹ, chưa kể ở Pháp và Đức... Tiện đây ghi chú luôn là các báo chợ cũng đóng một vai trò nhất định cho việc phổ biến chữ nghĩa hải ngoại. Ông chủ biên kiêm nhiệm nhiều việc nên lắm khi không đánh máy lại, mà lấy kéo cắt bài từ báo khác dán lại thành bài mình, đôi khi có lịch sự văn học xin phép tác giả, nhưng thường thì không và tôi chẳng phàn nàn bao giờ. Văn chương như mây trời như nước chảy, cứ việc phiêu lưu trong cõi người Việt ở bất cứ đâu.

Về nhuận bút các bài đăng báo, làng báo hải ngoại có cái lệ dễ thương là cố gắng trả nhuận bút cho những nhà văn mới tới với hai bàn tay không. Ngân khoản đi từ 20 đến 50 đô la một bài tùy khả năng tài chính mỗi báo, nhưng chỉ trả trong vài năm đầu thôi. Sau đó là các ông chủ biên cười xoà mời ông bạn văn chia xẻ nỗi khó khăn trong chữ nghĩa hải ngoại, nghĩa là viết chùa giúp nhau...

Những cuốn sách đầu tiên của tôi (viết ở Hoa Kỳ) được in 1.500 bản rồi số lượng ấn bản đi xuống dần với thời gian. Đến truyện dài *Khu vườn mùa mưa* còn 1.000 và truyện ngắn *Nhà văn già và cô bé gù* còn in có 700 và cuốn truyện dài mới nhất *Không một vòng hoa cho người chiến bại* cũng chỉ có số in vào khoảng đó. Hiện tượng số sách in ra đi xuống không phải chỉ áp dụng cho tôi mà còn đúng cho đa số các tác giả khác ở hải ngoại cũng như nội địa. Lý do để cắt nghĩa hiện tượng này thì nhiều lắm. Con người ai cũng chỉ có 24 giờ, thời giờ dùng cho đọc sách bị cắt giảm dần cho TV, cho video và gần đây cho Internet nữa. Đó là chưa kể hiện tượng kể từ khi được về Việt Nam thăm thân

nhân và du lịch dễ dàng, bà con mua về khá nhiều sách nội địa để đọc dần. Phần tôi thì ít quan tâm đến số lượng sách tụt lui như vậy, một phần vì sách truyện trong nội địa đa số cũng chỉ in mỗi lần 1.000 bản cho một dân số 75 triệu, thì 700 bản hay 1.000 cho dân số khoảng 2 triệu cũng còn là được lắm rồi. Rõ ràng bà con hải ngoại chăm đọc và mua sách hơn nội địa rồi. Và còn viễn cảnh sang thế kỷ 21, đến một lúc nào đó chế độ bé quan toả cảng về văn hoá văn nghệ được bãi bỏ ở Việt nam, sách báo hải ngoại được nhập nội hay in lại hoặc in mới tại nội địa.

Viết thi đại khái như thế, còn sống thì ra sao?

Vừa rồi trong một bữa cơm với họ hàng và thân hữu tại quán Thành Được ở vùng San Jose (đúng là cái ông Thành Được cải lương nổi danh một thời ấy, nhưng các món nhậu vẫn cứ được lắm,) khi hỏi thăm một bạn văn lâu không gặp là gần đây sống ra sao, ông bạn nổi tiếng yêu đời và viết văn vui này đã trả lời: "Bây giờ tôi mà tuyên bố tôi sống vui vẻ lắm thì cả trăm thằng ở đây nó xúm lại đánh tôi ê càng ngay...Vậy tôi đi một đường kẻ khổ trước, cho nó đúng bài bản nghe..." Dĩ nhiên nghe ông bạn này mà kẻ khổ thì chỉ có cười thôi.

Thí dụ trên cho thấy mọi sự cũng gay trong cõi người Việt hải ngoại. Bài bản chính là phải than khổ, làm kiếp cu ly trong cõi tạm dung đạo lý mỗi ngày một đòi truy, cày hai ba job bá thờ, là đêm năm canh ngày sáu khắc khắc khoải gốc dừa gốc bàng gốc me quê hương, căm thù lũ cộng nô... vân vân và vân vân (đến độ tôi tự hỏi văn chương hải ngoại, ngoài tính hoài niệm và tính chống cộng, còn có tính than thở, kẻ khổ hay không?)

Vậy tôi xin bắt chước ông bạn San Jose mà kẻ khổ trước đã: Tôi vẫn không có nhà, đang ở nhà của các con, đi cũng

HUỶNH ÁI TÔNG

bằng xe của các con luôn... Nhưng trong suốt cả cuộc đời đã dài, thì những năm sống ở Hoa Kỳ là những năm nhiều vui sướng nhất của tôi và ngay cả lúc này cũng thế. Phần vui nhiều hơn phần buồn, gặp nhiều người tốt hơn người xấu - mặc dù xú tôi đang ở mưa nhiều hơn nắng, nhưng mưa nhỏ thì mặc áo mưa cầm dù, mưa to thì ở trong nhà đọc sách viết văn và chơi với cô cháu nội đầu tiên. Viết đến đây tôi muốn bắt chước nói như ông Thánh Thán: Không vui vậy sao...

(Seattle tháng 4.1998)

Trong bài *Nhớ Thế Uyên (1935-2013)* nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc đã viết trên Blog VOA:

“Nhờ cá tính mạnh như thế, Thế Uyên, trong các tác phẩm xuất bản ở Sài Gòn trước 1975, đã có một số những đóng góp khá có ý nghĩa: Thứ nhất, ông bình thường hóa yếu tố tình dục trong các quan hệ nam nữ; thứ hai, ông cũng bình thường hóa những cách nói vốn dễ bị xem là thô lỗ và sỗ sàng liên quan đến thể xác; thứ ba, ông cung cấp nhiều chi tiết và đánh giá thú vị về Tự Lực văn đoàn từ cái nhìn của một người vừa ở trong vừa ở ngoài gia đình, với rất nhiều kính trọng nhưng lại không sa vào sùng bái và xu hướng huyền thoại hóa; và thứ tư, ông tự biến thành một hình ảnh tiêu biểu ít nhất của một số khá đông trí thức văn nghệ sĩ ở miền Nam trước năm 1975: vừa có tham vọng lại vừa ngây thơ, vừa dấn thân lại vừa lãng đãng mơ mộng, vừa sáng suốt lại vừa mù quáng...”

Tài liệu tham khảo:

- Thế Uyên Web: sachxua.net
- Sống và viết trên đất Mỹ Web: tienve.org

14. Trần Dạ Từ



Trần Dạ Từ - Lê Hà Vĩnh (1940-20)

Trần Dạ Từ tên thật là Lê Hà Vĩnh sinh năm 1940 tại Hải Dương.

Năm 1954, di cư vào Nam, bán báo sinh nhai.

Năm 1955, mới 15 tuổi, Trần Dạ Từ đoạt giải nhất về Thơ của Đài Phát Thanh Pháp Á ở Sài Gòn.

Năm 1956, ông lại đoạt giải nhất về thơ của tập san *Nhân Loại*, do Tam Ích làm Trưởng ban Chấm giải.

Thơ ông đăng trên *Sáng Tạo* số 26 tháng 11 năm 1958: *Có ai, Mộng Đồi, Bước đi*.

Năm 1959, Trần Dạ Từ làm ở Đài Phát Thanh Sài Gòn trong chương trình Tiếng Thơ của Mặc Thu, sau đó năm 1965, ông làm “cố vấn” cho nhà văn Huy Quang Vũ Đức Vinh, khi ông này giữ chức Tổng Giám Đốc Vô Tuyến Truyền Thanh Việt Nam.

HUỶNH ÁI TÔNG

Đầu thập niên 1960, ông cộng tác với Nguyễn Sa làm tờ *Gió Mới*.

Năm 1962, thời đệ nhất Cộng Hòa, miền Nam có 9 tờ nhật báo, Trần Dạ Từ làm Tổng Thư Ký một tờ nhật báo là tờ báo *Dân Việt*, tờ báo Thiên chúa giáo, gốc Bắc.

Sau khi ra khỏi tù năm 1963 vì tranh đấu Phật giáo, Trần Dạ Từ tiếp tục làm báo *Dân Việt* đổi thành *Việt Báo* do Phương Linh làm Chủ nhiệm.

Sau 1975, ông và vợ là Nhã Ca đều bị Cộng Sản bắt giam, riêng ông bị giam cầm 12 năm, từ năm 1976 đến năm 1988.

Năm 1988, dưới sự can thiệp, bảo trợ đặc biệt của chính phủ Thụy Điển, ông được thả ra, được cùng với gia đình sang Thụy Điển sinh sống.

Đến năm 1992, gia đình ông sang quận Cam, California Hoa Kỳ định cư. Ông cùng với Nhã Ca xuất bản tờ báo *Việt Báo*.

Ngoài làm thơ, viết báo, Trần Dạ Từ còn là nhạc sĩ sáng tác, đó là các ca khúc *Nụ Cười Trăm Năm*.

Tác phẩm:

- *Thuở Làm Thơ Yêu Em* (1960)
- *Tỏ tình trong đêm* (1965)
- *Nụ Cười Trăm Năm* (2009)

Trích văn:

Cô bé họ Đặng Vũ lạc bước vào nghề báo

Họ Đặng ở Hành Thiện là dòng họ danh gia khoa bảng miền Bắc. Một họ, hai nhánh Đặng Xuân và Đặng Vũ, đều có những nhân vật tiêu biểu trong suốt cuộc tương tranh giữa hai phe Quốc Cộng.

Nhánh Đặng Xuân, có ông Trường Chinh Đặng Xuân Khu, tổng bí thư đầu tiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam, sau thành chủ tịch nước Việt Nam Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa. Nhánh Đặng Vũ, giàu có thành đạt hơn, có bệnh viện tư đầu tiên tại Hà Nội, có bà cô nổi tiếng trong chính giới chống Cộng là Bà Cả Tề, người chăm lo cho nhiều thế hệ đảng viên Đại Việt Cách Mạng chống Pháp, chống Cộng. Các chiến sĩ Đại Việt từ miền Trung, miền Nam, khi tỵ về Hà Nội, đều do một tay bà Cả Tề lo. Có người sau này thành Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà như ông Nguyễn Văn Thiệu. Có người còn thành rể họ Đặng, như trường hợp “Chú Tư Cầu” Lê Xuyên, sau là nhà văn nhà báo Nam Kỳ nổi tiếng ở Saigon.

Là một đại tiểu thư họ Đặng Vũ, nhưng Tường Vi chào đời đúng năm loạn: Bính Tuất 1946, Hà Nội khói lửa. Ngày 23 tháng 11 năm 1946, Mẹ sinh Vi trên đường chạy loạn về Nam Định.

Tản cư. Hồi cư. Rồi di cư vào Nam. Nhà đông các em -bốn trai, sáu gái- chị lớn phải vừa học vừa làm, phụ giúp cha mẹ. Mới 16 tuổi, đang học lớp đệ tứ, năm cuối trung học đệ nhất cấp, làm gì bây giờ" Trong họ, có mấy bà cô, ông chú đang làm tờ tuần báo *Ngàn Khơi*: Cô chú Nguyễn Hữu Đông quản nhiệm, Chú Tư Cầu Lê Xuyên viết truyện dài, chú Từ cô Nhã và các bạn Đăng Giao, Tú Kếu, Nguyễn Thụy Long... lo việc trình bày, bài vở. Thôi thì tan học, đạp xe ra toà báo, làm việc với các cô các chú.

Vậy là từ 1962, có cô bé áo dài học trò tóc ngang vai, phụ việc biên tập tại toà soạn Ngàn Khơi ở đường Bùi Viện, Saigon. Chính tại đây, Đặng Tường Vi đã có những bài thơ đầu tiên về trường lớp, bạn học, nay còn tìm thấy và được in trong Di Cảo Thơ.

Thấy cô cháu Đặng (Vũ) Tường Vi học hành giỏi dang, thi đậu đậu đó, tưởng báo chí đối với cô chỉ là việc tạt ngang tạm thời trong khi chờ học hành, thành đạt. Nào ngờ, từ tờ tuần báo văn nghệ nhà nghèo, Vi bước luôn vào làng báo chuyên nghiệp, và lam việc với các nhật báo *Sống, Hoà Bình, Độc Lập, Báo Đen, Thách Đố, Đại Dân Tộc, Quạt Cường...*

Năm 1967, Đặng Tường Vi dự thi vào ban phóng viên Việt Nam Thông Tấn Xã và trúng tuyển. Thời chiến tranh, Việt Tấn Xã là tổng nha lớn, có cả mấy trăm biên tập viên, phóng viên, phiên dịch. Tổng Giám Đốc là nhân vật chính trị, quản trị. Tổng Thư Ký -do nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh đảm nhiệm- là người phối hợp toàn bộ việc biên tập, mỗi ngày 2 lần cung cấp cho báo chí trong ngoài nước và các cơ sở công quyền hàng trăm trang tin tức thời sự bằng Việt-Anh-Pháp ngữ.

Dù trúng tuyển làm phóng viên nhưng khi vào Việt Tấn Xã, công việc đầu tiên Vi được giao là... thư ký hành chánh, đánh máy. Lý do là thấy cô chưa qua tuổi 20, cũng không tốt nghiệp khoa báo chí. Vi vào tận phòng Tổng Thư Ký Nguyễn Viết Khánh khiếu nại. Anh Khánh sau này thường kể lại “Hồi ấy mình không quen biết gì. Thấy cô bé khóc, phải mở hồ sơ, đọc xong bài viết thử của cô bé là quyết định chuyển ngay. Nhờ vậy mà từ đó Việt Tấn Xã có một nữ phóng viên xuất sắc.”

Tới với làng báo từ năm 16 tuổi và liên tục ở lại với nghề, có lẽ Đặng Tường Vi là người đã “chọn nghiệp” sớm nhất, trong số các nữ phóng viên tại Saigon năm xưa. Chọn báo bổ làm nghiệp chưa ngán, Vi còn chọn một anh nhà báo bạn ông chú làm chồng, để rồi một mình lãnh biết bao sóng gió.

Sau tháng Tư 1975, khi các chàng đi tù mút mùa, nhóm nữ phóng viên Saigon, nay đã thành các bà mẹ một mình, họp nhau bán cà phê vỉa hè. Đây là phần được nữ phóng viên Vũ Thanh Thủy kể trong bài “Nhớ Đặng Tường Vi.”

(Nhân chuyện tháng Tư, chỉ xin bổ túc chút chi tiết về họ Đặng Hành Thiện: Saigon đổi đời, treo đèn kết hoa đón các lãnh tụ Hà Nội, nhà Bà Cả Tề của họ Đặng Vũ bị “giải phóng” sạch sành sanh chén đĩa, nồi niêu. Cũng nên nhắc lại là năm xưa, khi Trường Chinh Đặng Xuân Khu bị bắt nằm nhà tù Hoả Lò, thì dù là nhân vật Đại Việt chống Cộng, cũng chính Bà Cả Tề đã là người lo vào tận nhà tù thăm nuôi ông em họ ở phía đối nghịch.)

Tháng Tư năm 1979, Đặng Tường Vi một mình cõng con trai là bé Nguyễn Khắc Việt Anh 4 tuổi vượt biên từ cửa biển Rạch Giá. Từ tháng Chín cùng năm, định cư tại San Diego, Vi một mình mang con đi xe bus đến trường học, và mấy năm sau, tốt nghiệp Bachelor of Science về Information Systems tại San Diego State University.

Năm 1981, Vi bảo lãnh anh chồng nhà báo thuyền nhân Nguyễn Khắc Nhân từ Mã Lai sang Mỹ. Sau đó, tuần báo *Người Việt San Diego* thành tờ báo được đọc nhiều nhất trong vùng. Vừa đi làm toàn thời gian tại San Diego Reginal Center, Vi vừa tiếp tục “trả nghiệp”, bằng cách hàng tuần giúp chồng lái xe đi bỏ báo. Tiếp theo, cô gái lớn

HUỶNH ÁI TÔNG

nhà họ Đặng lần lượt bảo lãnh được bố mẹ và đông đủ các em sang Hoa Kỳ, một nhà đoàn tụ.

Mọi bồn phận, chu toàn. Và sau cùng, đúng ngày Lễ Tình Nhân, Thứ Ba 14 tháng 2 năm 2006, Đặng Tường Vi ra đi, sau mấy năm bị bệnh Alzheimer.

Bính Tuất 1946 - Bính Tuất 2006.

Sáu mươi năm Đặng Tường Vi.

Đúng một vòng hoa giáp.

Đến với báo chí, Đặng Tường Vi, lặng lẽ mà tận tụy. Mười ba năm làm báo ở quê nhà, viết ký sự, tường thuật đủ loại biến cố, phỏng vấn đủ loại nhân vật, mỗi ngày vài ba bài, vừa cho Việt Tấn Xã vừa cho nhiều báo khác nhau, Đặng Tường Vi hẳn nhiên đã phải viết cả chục ngàn bài báo, chưa kể 18 năm dịch tin, viết bài cho *Người Việt San Diego*. Vậy mà trong số di cảo Vi để lại trước khi chìm vào bóng tối Alzheimer, không thấy dấu vết bài báo nào. Chỉ còn những trang thơ cũ được trân trọng gìn giữ.

Đến với thi ca, Đặng Tường Vi nhẹ nhàng mà say mê. Trong di cảo thơ Vi, từ con đường học trò tới hành trình vượt biển, từ đêm xuân thành phố tới bờ cát hoang đảo, đâu đâu cũng thấy lấp lánh thứ ánh sáng hiền hoà của tình yêu, tình bạn.

Trong số 52 bài sưu tập được cho Di Cảo Thơ, không có dòng nào cay đắng về chiến tranh, thù hận.

*

Cháu Vi,

Hôm đưa cháu đi, chú Từ bỗng nhớ đủ thứ chuyện. Nhớ cái xó có chú Lê Xuyên ngồi trong toà báo cũ. Nhớ bằng hữu

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

người mất kể còn, phiêu dạt đầu đó. Chú nhớ cháu. Nhớ những hạnh phúc và khổ đau chung. Nhớ tấm lòng cháu ăn ở với mẹ cha, anh chị em, bạn hữu. Nhớ cả cái máy sưởi cháu từng mang tới gian phòng của Việt Báo mùa đông năm kia. Chú nhớ... và đã nói lời cuối: Các bạn chúng ta, dù ở bất cứ đâu, tất cả đều nhớ Đặng Tường Vi.

Mới tuần trước, ông bạn nhà văn Lê Tất Điều gửi cho chú bài viết mới, tựa đề là “Một Giọt Hư Vô”. Ngược xuôi cõi tử sinh thâm mật, ông ta gây sự với Albert Einstein về thuyết tương đối. Bài viết có câu kết gửi một cô cháu “Chú đang cần vòng hoa tiếc thương một giọt hư vô thân thiết vừa từ bỏ nhân gian.” Trong mail kèm theo cho chú, ông Điều than “Từ ngày giọt hư vô thân yêu Đặng Tường Vi ra đi, không còn ai lo gửi dùm mấy tờ báo cho tôi đọc nữa.” Thấy không, Vi thân yêu, tất cả nhớ cháu.

Cám ơn cháu. Tất cả.

TRẦN DẠ TỬ
@vietbao

Trích thơ:

Thủ làm thơ yêu em

*Thủ làm thơ yêu em
Trời mưa chưa ướt áo
Hoa cúc vàng chân thềm
Gió mây lưng bờ dậu
Chiều sương đầy bốn phía
Lòng anh máy ngã ba
Tiếng đời đi rất nhẹ
Nhịp sâu lên thiết tha .*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thửa làm thơ yêu em
Cả dòng sông thương nhớ
Cả vai cầu tay nghiêng
Tương tư trời thành phố
Anh đi rồi lại đến
Bài thơ không hết lời
Bao nhiêu lần hò hẹn
Sớm chiều sao xa xôi
Mười bảy năm chợt thức
Bây giờ là bao giờ
Bàn tay trên mái tóc
Nghìn sau còn băng quơ*

Nụ hôn đầu

*Lần đầu ta ghé môi hôn
Những con ve nhỏ hết hồn kêu vang
Vườn xanh, cỏ biếc, trưa vàng
Nghìn cây phượng vĩ huy hoàng trở bóng.
Trên môi ta, vụn đóa hồng
Hôn em trời đất một lòng chứa chan
Tiếng cười đầu đó ròn tan
Nụ hôn ngày ấy miên man một đời
Hôm nay chợt nhớ thương người
Tiếng ve mùa cũ rụng rời vai anh
Trưa vàng, cỏ biếc, vườn xanh
Môi ai chín đỏ đầu cành phượng xưa.*

(Trích *Thửa Làm Thơ Yêu Em*)

Thơ cũ của nàng

*Người đi qua đời tôi
Trong những chiều đông sầu
Mưa mù lên mấy vai*

*Gió mù lên mấy trời
Mây mù lên mấy biển*

*Người đi qua đời tôi
Hồn lưng mùa rét mướt
Đường bay đầy lá mùa
Vàng xưa đầy dấu chân
Lòng vắng như ngày tháng
Đen tối vùng lãng quên*

*Người đi qua đời tôi
Chiều ảm vang tiếng sóng
Bàn tay mềm khói sương
Tiếng hát nào hơi nóng*

*Người đi qua đời tôi
Nghe những lời linh hồn
Phi lao dài tiếng ru
Êm ái lòng hối tiếc
Trên lối về nghĩa trang
Trong mộ phần tối đen*

*Người đi qua đời tôi
Không nhớ gì sao người
Em đi qua đời anh
Không nhớ gì sao em*

Nụ Cười Trăm Năm

*Trang thư xưa cúc hoa vàng
Đi theo ta mãi mệnh mang
Mệnh mang thời yêu dấu
Mệnh mang những bề dâu
Và cơn gió thu xưa nhắc ta có nhau*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Có nhau. Có xưa ôi khờ khạo
Có nhau. Có nay sao dạn dày
Và có ta dạt đó, trôi đây*

*Gọi nhau nghe trái đất quay
(trái đất quay, quay, quay)
nửa vòng*

*Và hồn ma và bóng quế
dù cho vẫn chấp chùng
Thì tình ta, tình ta mãi
mãi mênh mông biển trời*

*Cùng nhau, hai tuổi năm mươi
Có nhau, ta có chung nụ cười
Nụ cười trăm năm
Nụ cười trăm năm*

Mùa ngô cũ

*Đuổi bắt trên đồi cao
Trời mưa dầm gió rét
hai đĩa niu kéo nhau
Té lăn cù tương chết*

*Tỉnh dậy dưới chân đồi
Ruộng ngô ai ngào ngạt
Chạy khắp ruộng tìm coi
Nào ngờ em trốn mất*

*Tháng Ba ngô kết trái
Một mình ta giận thay
Bắt đèn ruộng ngô đầy
Bẻ về cho biêt tay*

Ôm về em bó ngô
Hai đũa cười khúc khích
Đêm nay ta nhóm lửa
Nướng ngô vui bằng thích

Những trái ngô đầu mùa
Cười ròn trên bếp lửa
Ngoài xa trời gió mưa
Ai dại gì thương nhớ

Hạt ngô thơm mùi sữa
nở đều như răng em
Ta ghe môi cắn vỡ
Ăn mãi chưa đã thèm

Ngô chín vàng đêm đêm
Giục lòng ta cháy đỏ
Gió mưa gieo ngoài thềm
Giật mình biết đâu đó

Lời muốn nói yêu em
Như than hồng trong miệng
Nhai dập nghìn hạt mềm
Vẫn cát không thành tiếng

Muốn nương nhờ vai em
Hai bàn tay bão dấy
Vật vã trăm nghìn phen
Vẫn dần lòng mai vậy

Mai rồi mai lần nữa
Thoáng chốc mười mấy năm
Bao nhiêu mùa ngô vàng
Bấy nhiêu mùa nhung nhớ

*Hôm nay qua đời xưa
Trợt chân bàng hoàng mãi
Ôi ngày thơ tình thơ
Mất về đâu tuổi dại*

*Tháng Ba ngô kết trái
Một mình ta buồn thay
Ruộng ngô vàng vẫn đầy
Nhưng bé về với ai*

*Về với ai giờ nữa
Một mình ta ngẩn ngơ
Nghe hạt ngô đầu mùa
Vỡ trong răng nức nở*

Thơ tình kiểu Nguyễn Sa

*Nó ở đâu ra. Cái nhe răng
Nó ở đâu ra. Cái trợn mắt
Nó ở đâu ra. Cái gầm gừ
Nó ở đâu ra. Móng và vuốt*

*Chúng ta đã gặp gỡ. Đã hẹn hò
Đã ôm ấp. Đã vuốt ve
Đâu thấy có nó*

*Chúng ta đã yêu đương. Đã sinh nở
Đã ghen tuông. Đã giận dữ
Đâu thấy có nó*

*Chúng ta đã sụp đổ. Đã chia lìa
Đã nhắm mắt. Đã tưởng tượng
Đâu thấy có nó*

Nó ở đâu ra. Sao nó ra vậy

*Cup nó lại. Dìm nó xuống
Bỏ nó. Chặt nó. Dứt bỏ nó*

*Khó à
Làm thế nào bây giờ
Từ từ. Cẩn thận nhé
Anh hôn em.*

(Saigon, 9-9-1988
Ngày trở về từ nhà tù)

Khi em mười sáu

*Cho tôi xin nửa bóng trăng ngoài
Vời nửa mùa thu trong mắt ai
Lá rụng bao nhiêu hè phố cũ
Sao nghe lòng rung rung nhớ người*

*Đêm biếc cành soan, thom giấc mơ
Đầu hiên hoa trắng nở bao giờ
Em mười sáu tuổi trăng mười sáu
Áo lụa phơi buồn sân gió xưa*

*Tôi dối lòng tôi đêm sắp tàn
Đêm tàn để lạnh giấc mơ em
Để bàn tay gói sầu trên ngực
Và gió thu đầy trong mắt trăng*

*Tôi dối lòng tôi trăng sắp mờ
Trăng mờ em sẽ thấy bơ vơ
Sẽ thương cho những con đường cũ
Và nhớ bao nhiêu lời hẹn hò*

*Nhưng hẳn là em không nhớ đâu
Giấc mơ còn mát ánh trăng sầu*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Hoa còn thơm tuổi đời trên má
Mùi áo còn say muôn kiếp sau*

*Lòng nhớ lòng thương lòng ngại ngại
Bây giờ tôi cách núi xa sông
Bài thơ từ thừa trắng mười sáu
Mười sáu trắng chờ em biết không*

*Tôi dối lòng tôi bao nhiêu lần
Bao nhiêu lần trắng vẫn là trắng
Lòng nhớ lòng thương lòng sắp khóc
Đêm chưa tàn đâu đừng nói năng.*

Cây Bạch Dương

*Gội đầu thật sạch, đứng bên đường
Một mình trơ trụi cây bạch dương
Mặc cho gió vò mãi mái tóc
Vò mãi, vò mãi niềm xót thương.*

(Stockolm, 1989)

Trần Dạ Từ, một người học ít ở nhà trường, nhưng học nhiều ở trường đời, con người đa năng, làm báo, làm thơ, sáng tác nhạc. Địa hạt nào ông cũng thành công, để lại cho người thưởng ngoạn luôn nhớ tới ông.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Dạ Từ Web: quehuongngaymai.com
- Cô bé họ Đặng Vũ lạc bước vào nghề báo Blog: cohocvietnam.blogspot.com

15. Nhã Ca



Nhã Ca - Trần Thị Thu Vân (1939-20)

Nhã Ca, tên thật là Trần Thị Thu Vân sinh trưởng tại Huế năm 1939. Độc giả miền Nam biết đến Nhã Ca với bài thơ *Nhã Ca Thứ Nhất* ký tên Trần Thị Nhã Ca vào đầu thập niên 1960. Nhưng trước đó, giữa thập niên 1950, thuở học trò, Nhã Ca đã có thơ đăng trên các tuần báo văn nghệ học sinh, *Văn Nghệ Tiền Phong* ở Saigon ký tên thật là Thu Vân.

Năm 1960 rời Huế vào Sài Gòn, nơi đây bà bắt đầu viết văn. Năm 1964, thơ được in thành tập *Nhã Ca Mới*, được trao Giải Thi Ca Toàn Quốc năm 1965. Năm 1969 được trao giải Giải văn toàn quốc cho tác phẩm *Giải Khăn Sô Cho Huế* - là tác phẩm viết về thảm họa Tết Mậu Thân ở Huế.

Trong thời gian 1960 - 1975, 36 tác phẩm của bà được xuất bản gồm nhiều thể loại như thơ, bút ký và tiểu thuyết. Một số tác phẩm của bà lấy xứ Huế làm trọng điểm.

Cũng vì nội dung trong những tác phẩm của bà, sau năm 1975, Nhã Ca bị chính quyền giam hai năm vì tội "biệt kích

HUỶNH ÁI TÔNG

văn hóa". Chồng bà, nhà văn Trần Dạ Từ, thì bị giam 12 năm.

Năm 1988, do sự can thiệp của hội Văn Bút Quốc tế phối hợp với hội Ân xá Quốc tế và thủ tướng Thụy Điển Ingvar Carlsson, bà được sang Thụy Điển tỵ nạn.

Năm 1992 bà cùng gia đình sang California định cư và lập hệ thống *Việt Báo Daily News* tại Quận Cam.

Tác phẩm:

- *Nhã Ca mới* (Ngôn Ngữ, 1964)
- *Đêm nghe tiếng đại bác* (1966)
- *Bóng tối thời con gái* (1967)
- *Khi bước xuống* (1967)
- *Người tình ngoài mặt trận* (1967)
- *Sóng một ngày* (1967)
- *Xuân thì* (1967)
- *Những giọt nắng vàng* (1968)
- *Đoàn nữ binh mùa thu* (1969)
- *Giải khăn xô cho Huế* (1969)
- *Một mai khi hòa bình* (1969)
- *Mưa trên cây sấu đông* (1969)
- *Phượng hoàng* (1969)
- *Tình ca cho Huế đổ nát* (1969)
- *Dạ khúc bên kia phố* (1970)
- *Tình ca trong lửa đỏ* (1970)
- *Đời ca hát* (1971)
- *Lặn về phía mặt trời* (1971)
- *Trưa áo trắng* (1972)
- *Tòa bin-đing bỏ không* (1973)
- *Bước khẽ tới người thương* (1974)
- *Hồi ký một người mất ngày tháng* (1990)
- *Nhã Ca thơ*

- *Hoa phượng đùng đỏ nữa* (1989)
- *Saigon cười một mình* (1990)
- *Chớp mắt một thời* (1992)
- *Đường Tự Do Sài Gòn* (2006).

Tác phẩm dịch ra ngoại ngữ:

- *Đêm nghe tiếng đại bác* đã được dịch sang tiếng Pháp với tựa *Le canon tonnent la nuit*
- *Đoàn nữ binh mùa thu* được Barry Hilton dịch sang tiếng Anh với tựa *The Short Timers*
- Phim *Đất khổ* được hãng Remis phát hành với tên *Land of Sorrows* do Hà Thúc Cầm sản xuất và hoàn tất năm 1973, đã một phần dựa theo cuốn *Giải khăn sô cho Huế* và *Đêm nghe tiếng đại bác*, do Nhã Ca viết đối thoại.

Trích văn:

Liêu trai Huế

Thiên, con nhà nghèo ở xứ Quảng được cái là con một nên cha mẹ có tâm nguyện cho cậu quý tử học hành thành tài. Thiên học xong bậc tiểu học ở trường làng, muốn thi lên Trung học phải ra Huế. Ông bà già bán mẫu ruộng, bán con trâu, tài sản đời trước truyền lại để cho cậu quý tử tới trường thi.

Thiên tuy sinh chốn quê mùa, nhưng thông minh, hiếu học. Bốn năm dùi mài đèn sách, cậu Thiên đỗ Trung Học, chuẩn bị lên Tú Tài được thành học trò ngôi trường mang tên vua chúa: Trường Khải Định. Năm đó cậu Thiên đúng 20 tuổi. Gạo trắng nước trong, không phải làm lưng khổ cực như bao thanh thiếu niên khác ở quê nhà. Thiên trắng trẻo, cao ráo. Con trai mà có cái miệng chúm chím, môi đỏ hồng như môi con gái thoa son. Chỗ Thiên ở xa trường học. Mỗi tận

HUỶNH ÁI TÔNG

Kim Long. Tuy xa nhưng được cái yên tĩnh để học hành. Chỗ trọ chỉ có một căn nhà nhỏ cất sau vườn, kế là một dọc các hàng cau, cũng lẫn thêm vài thứ cây ăn trái như cây ôi, cây măng cầu, phía góc vườn có một cây vú sữa lâu năm, đến mùa trái chi chít, cây lão, trái nhỏ nhưng ăn ngọt như đường. Chỉ có điều, cành cây cao quá nên rất khó hái.

Thiện rất tần tiện, không đua đòi, tự mua lấy gạo nấu lấy ăn. Thức ăn thì trong vườn rau sam, rau dền mọc chi chít. Trên hàng rào thì lá cây bát ngát đeo tòn ten, đọt xanh non mập vườn tứ tán. Còn có cả bụi chuối sau vườn, buổi nào rỗi rảnh, xuống mé sông cầm cái vợt. Tép lội từng đàn trong rong xanh hoặc cỏ lúp xúp bên bờ sông. Vớt mấy vợt là có bữa ăn ngon lành. Tép nấu với củ chuối non, ăn thay cơm cũng được, nhờ vậy mà sắm được chiếc xe đạp cũ để sáng sáng chiều chiều, cắm cúi đạp đi đạp về.

Chủ nhà là một đôi vợ chồng già, sống bằng lợi tức từ cây trái trong vườn. Ông cụ tuy tuổi đã cao mà còn rất khoẻ, ông có một chiếc ghe nhỏ, sáng sớm ra sông bủa một mẻ cá cho bà cụ kèm cùng rau quả đem ra chợ bán. Con cái lớn lập gia đình ở riêng hết rồi, lâu lâu bỗng bé con cái về thăm, lại mang về nải chuối, buồng cau, mớ rau tập tàng của bà mẹ già lo sẵn. Về thăm rồi đi nên nhà có một bữa ồn ào sau đó càng thêm vắng lặng.

Người đời trước có câu:

*"Học trò trong Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế chân đi không đành"*

Thì đúng quá đi chớ. Cách nhà Thiên trọ học khoảng năm căn, có một gia đình có tới năm cô gái. Hèn chi nhà giàu quá chừng luôn. Nhà có ngũ long công chúa mà. Chỉ có điều năm chị em mà năm tính nết khác nhau. Cô chị nhu

mì, hiền hậu, còn mấy cô em thì nghịch ngợm phá tán. Có bữa cậu Thiên đạp xe đạp ngang qua, liếc vô mé vườn, thấy mấy cô trèo cây đu đưa, còn la hét như khi cái.

Lạ, nhà thì đông vui như vậy mà sát bên có cái vườn bỏ hoang. Căn nhà xưa lắm đã sập xuống cũng đâu từ lâu rồi, hầu như chỉ còn đồng vôi vữa trên cái nền nham nhở cỏ mọc. Xung quanh thôi thì cỏ lùng mọc luông tuồng, cây cối phía sau vườn không có ai sửa sang, rậm rạp hoang dã. Mỗi lần ngang qua, liếc vô nhà mấy cô con gái, cậu Thiên cũng không thể không ngó căn nhà hoang dã này. Về nhà có hỏi thăm ông bà cụ, thì ông bà cụ cho biết: Cái nhà nớ... Ui cha, xưa giàu dễ sợ. Quan gia cha truyền con nối chớ không phải dân dã chi mô. Rồi, khi tàn thì cũng tàn rụi rữa đó. Như ri thì mới biết không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời!".

"Vậy tại sao người ta không mua đất xây cái nhà khác. Miếng đất rộng mà vuông vức."

"Cậu muốn mua không?"

Thiên cười:

"Cháu không dám mơ ước đâu, hai bác. Nhà cháu nghèo lắm. Ba mẹ cháu từ ngày bán miếng đất, con trâu để lo cho cháu ăn học, đã phải đi làm thuê làm mướn để sống."

"Tội..."

Bà cụ thở ra. Ông cụ nói tiếp:

"Miếng vườn đó không ai dám mua."

"Răng rứa bác?"

"Nghe nói..."

Chỉ là chuyện nghe nói. Phía sau khu vườn có một khu mộ xưa lắm. Mỗi cụ nhớ một cách, chuyện kể không chuyện nào giống chuyện nào. Ngôi mộ đằng sau vườn là vợ bé của ông quan, bị chết trong lúc sanh đẻ. Lại có người nói ngôi mộ xưa rồi, trước đây nhà quan này có một nàng hầu, vì tội tư tình buộc phải thắt cổ chết. Người khác kể, đó là ngôi mộ một cô gái nghèo, cha mẹ bán cô vô nhà quan. Sau bị nghi ăn cắp đồ vật, cô thắt cổ để minh oan cho sự trong sạch của mình. Còn ông già thì cương quyết:

"Toàn là chuyện ba láp, tào lao cả. Ngôi mộ đó, lâu rồi con gái của vị quan đương trào, bị chết không biết lý do nào. Nên ngôi mộ trước xây bằng vôi, có bia, tấm bia lâu ngày xiêu đổ, rồi mất. Đồi sau nhà nghèo quá nên chỉ lấp thêm đất thôi. Mưa nắng xối xả thấy lồi đá vôi phía dưới đó tề."

Còn bà già thì cứ một chuyện kể mãi:

"Lâu vậy mà người nằm dưới mồ chưa đầu thai. Vườn đó ma dữ lắm. Nghe nói cô bán hột vịt lộn bán tới đi ngang qua, gặp một cô gái kêu một lúc tới chục hột vịt lộn, nói đi theo cô lấy tiền. Đến ngõ khu vườn nó cô gái biến mất. Mấy ngày sau, mấy đứa con nít lòn rào vô vườn hái trái cây, còn thấy đủ chục hột vịt lộn nằm trên ngôi mộ. Chuyện rứa mà cũng chưa ớn xương sống lắm mô. Có chú xích lô còn trẻ, đẹp trai, đạp xe qua cầu Bạch Hổ buổi tối, thấy có một cô gái tóc dài vậy, biểu đưa về Kim Long. Chú ấy đạp xe theo lời chỉ dẫn của cô gái. Tới ngõ khu vườn, cô bảo dừng xe. Chú xích lô chờ lấy tiền thì cô day mặt lại. Một khuôn mặt màu xanh, hai con mắt đỏ và cô cười, có hai cái răng nanh. Chú xích lô hét lên một tiếng, muốn xiù luôn, rồi đạp xe thối mạng tới mấy nhà lân cận, xin tá túc một lát

cho lại hồn. Hỏi chuyện, mới biết là đã gặp con ma trong xóm thường đồn đãi."

"Hai bác có chộ lần mô không?"

"Chộ" tiếng Huế, có nghĩa là "nhìn thấy". Cả ông bà già đều lắc đầu. Ông già: "Tui nghe kể thì nhiều lắm, nhưng chộ thì chưa chộ lần mô hết. Mấy người trong xóm nói, chộc phá chơi vậy thôi chứ con ma này hiền, họ hay cầu xin lắm. Nhứt là cái nhà có năm cô gái, tháng cúng hai lần, rằm trăng tròn và mừng một trăng tròn. Nghe nói lúc đầu con ma cũng phá dữ lắm, nhưng sau cúng kiến, chắc hạp nên yên."

Anh chàng học trò cười thầm trong bụng. Thì ra, ma hay hơn người, chớ con gái với nhau, có khi nào ưa nhau chớ. Cũng có thể là con ma này đẹp lắm, ăn bứt năm cô gái kia, nên mới không ganh tị.

Mùa hè năm đó, Thiên lân la làm quen được với cô chị đầu của gia đình kia. Cũng tình cờ thôi, bữa đó, khi chiều trời nổi giông gió, rồi mưa, hơi đất xông lên đầy khịt, bốc một cái mùi làm nhức đầu lắm. Cô Trâm, đi học về gần tới nhà thì một ống quần bị quần vô dây sên. Nếu cô không nhanh nhẹn phanh xe lại kịp nhảy xuống thì cả người lẫn xe đã té lăn quay rồi. Cô vừa lò cò vừa đẩy xe vô lề thì đúng lúc Thiên trở tới. Dựng xe vào sát lề, Thiên mau mắn:

"Tôi có thể giúp cô được không?"

Thiệt tình trong bụng cô Trâm đã để ý tới anh học trò trong Quảng ra thi này lâu rồi. Anh ta coi có vẻ đứng đắn, hiểu học. Đã đến đây lâu rồi mà nghiêm chỉnh, không mắt liếc mày đưa, lanh chanh, lác cắc như mấy anh chàng gà trống trong tuốt xóm. Người chi mà có đôi môi đỏ hồng, cười

chúm chím làm con gái mê hồn. Người chi mà cứ cặm cụi chúi đầu vô quyền sách, người chi mà, coi nụ cười tề... Quần áo đơn giản thôi, đầu tóc bông bênh nghệ sĩ chứ không như mấy anh chàng kia, lúc nào cũng bôi bờ-ri-dăng-tin láng bóng. Mấy đứa em gái của Trâm thường rúc rích cười, trêu chọc ngày nào cũng có mấy con ruồi chết, vì té từ trên lớp dầu kia xuống bề đầu, toé máu. Trâm làm dáng, gặt đầu mà hất mái tóc cho che bớt mái tóc nhìn trộm của mình.

"Dạ..."

Con gái Huế vậy đó. Không bằng lòng cũng dạ. Tiếng "dạ" hiền nghĩa nào thì ra nghĩa đó.

Thiên tháo dây sên để gỡ lai quần người đẹp ra, bắt đất dĩ đã có lúc cầm bàn chân giữ cho người đẹp thăng bằng lúc gỡ gấu quần bị vướng dây sên. Thiên sững sờ, đang giữa trời mưa ướt át mà trong lòng ấm nóng hẩn lên, khi nhìn thấy một vệt dầu đen dính trên mu bàn chân trắng nõn với gót sen hồng thắm.

"Xin lỗi..."

Trâm đã gượng thẳng người, xô chân vào chiếc guốc hồi nãy đã văng xuống đất. Đôi má của Trâm còn đỏ hơn gót son hồng dầm dưới mưa ở chân nữa.

Lửa gần rom lâu ngày cũng bén. Chỉ dăm tháng sau, cô cậu đã phải lòng nhau. Thôi thì hẹn hò đủ cách, hôm Lăng Tự Đức, bữa đôi Vọng Cảnh, quán bánh bèo chân núi Ngự Bình. Trâm bắt đầu dối cha dối mẹ. Kín đáo lắm, nhưng cũng không thoát khỏi cặp mắt của bốn cô em gái. Rồi tới cha mẹ Trâm cũng đem lòng nghi ngờ. Ráo riết quá, cảm hai phải dùng kế hoãn binh, nghĩ là bầm bụng không gặp gỡ nhau một thời gian cho qua tình huống đã.

Phía gia đình Trâm, đã cho người đi dò xét cậu học trò trong Quảng ra thi này. Người cha lắc đầu:

"Con hư tại mẹ. Bà có biết không, thằng đó nhà nghèo rớt mồng tơi. Bà chịu nó quá nên chửi dạy hết nổi. Kêu nó ra đây."

Cô Trâm khúm rúm đứng trước mặt cha mẹ.

"Dạ thưa, con lỗ..."

"Lỗ răng. Lỗ răng nói nghe coi."

"Dạ con lỗ thương người ta..."

"Mất dạy. Dám cả gan trả lời ba mạ mi rủa há. Áo mặc không qua khỏi đầu đực. Mi mới thương người ta thôi, có chi mà lỗ... Lỗ chi rồi, nói ra hết đi... Con gái như mi, gọt đầu bôi vôi, đem câu cá sấu biết chưa."

Cô Trâm khóc oan khóc uổng:

"Dạ thưa ba mạ, con chỉ lỗ thương, chớ đạo giáo lễ nghĩa con không dám vượt..."

"Mi thê đi. Đứng trước bàn thờ ông bà thấp hương mà thê. Mạ nó thấp nhang cho nó."

Trâm còn biết sao hơn. Mà quả thiệt, thê xác, tâm hồn Trâm vẫn còn trong sáng. Có dối cha dối mẹ hện hò, lén lút. Nhưng thật chưa tới mức cởi áo cho nhau, về nhà mẹ hỏi qua câu gió bay. Mọi tình đầu chỉ là mộng mơ, Trâm vẫn gìn giữ và Thiên cũng chưa một lần sàm sỡ dám xúc

phạm tới người yêu. Trâm cầm nén nhang mẹ đưa, lòng xót xa như muối xát, lạy trước bàn thờ tổ tiên.

"Nói bỏ là bỏ. Lậm vô rồi chình ình cái bụng ra chừ. Thề đi. Chưa có lỗ, thề bỏ. Thề trước ông bà, thề trước ba mẹ mi đây nì. Hay chưa bura, muốn đi trai gái nữa."

Trâm khóc. Lập lại lời cha. Trâm biết cảm giác bị đâm một nhát dao vô tim đau đớn ra sao, mà không chết được.

"Mi biết nhà nó nghèo xơ nghèo xác không hề. Ba mẹ nó đi làm thuê làm mướn chớ con nhà gia giáo chi mô."

"Dạ con biết. Nhưng anh học giỏi lắm."

"Học giỏi làm chi. Thân cô thế cô, có cái bằng cấp mà ăn há. Thôi đừng nói nữa. Từ bữa nì trở đi, không được gặp. Nói thôi là thôi."

Cô Trâm thút thít khóc. Người cha dịu giọng xuống một chút:

"Vô trong đi, còn đứng đó cho tao nổi ma lên. Tao nói rồi, tao bắt gặp một lần nữa tao đánh chết không thương. Tao trói gô đầu lại, không học hành chi hết, tao gả cho bất cứ thằng mô, cụ trâu cũng gả."

Trâm biết tính ông già. Đã nói một lời là như cái đinh đóng vô cái cột. Hết tháo ra, tháo ra là sụp đổ hết. Trâm cũng không cầu cứu mẹ. Mẹ như cái bóng lẻo đẻo sau lưng cha, như lời nói lập lại lời cha.

Tội nghiệp Trâm, nhà có năm chị em, chỉ có hai phòng dòn chung. Trâm không có phòng riêng để khóc. Cô phải ra

vườn, úp mặt vào cây nhãn, cây bưởi, khóc một trận như mưa lụt mà vẫn không vơi sầu khổ.

Đáng lẽ mùa Hè, Thiên phải trở về quê. Nhưng hè này, vì lạm với mỗi tình, nên nhứt quyết ở lại. Cha mẹ không có khoản tiền chu cấp ba tháng hè. Vậy là Thiên rơi vào con túng quẫn, túng thiếu. Nhờ hai ông bà già cảm thương thương sinh nghèo, hiếu học, giới thiệu Thiên cho một chủ cùn bắp, sáng sớm phải ra cùn bẻ bắp, chiều tối mịt mới về. Nhờ vậy, bữa đói, bữa no, Thiên sống qua ngày được.

Khó khăn lắm Trâm mới báo tin được cho Thiên biết, cuộc tình đã bị bại lộ, cha mẹ không bằng lòng. Lúc này Trâm bị canh giữ gắt lắm nên huỷ hết các buổi hẹn hò. Không ngày nào Thiên không tìm cách đi qua nhà Trâm, không thấy bóng dáng Trâm đâu hết, mà chỉ thấy bốn cô em leo trèo nghịch ngợm như khỉ leo cây. Có cô nhìn ra thấy Thiên, còn đưa hai bàn tay lên mũi, làm dấu chòng ghẹo. Thiên muốn gặp một cô nhờ vả cũng khó, vì họ như tránh hấn, không muốn xớ rớ tới gần.

Một buổi chiều đi bẻ bắp về, bà già đưa ra một miếng giấy xếp nhỏ:

"Có cô chi đó noái đưa cho cậu để đòi mấy quyển sách chi đó..."

"Cô Trâm phải không bác?"

"Ừa, như rứa. Nhà có tới năm cô, đủ thứ tên, tui hông nhớ."

"À, tui có mượn mấy quyển sách, quên mất. Bậy..."

Thiên không muốn bà già nghi ngờ, nói trống lập. Rồi đi ra nhà sau, mở tờ giấy ra đọc.

Đúng là thư của Trâm. Hẹn mười giờ đêm, chờ ở dưới bến sông trước nhà cô, cô có chuyện muốn nói. Thiên mừng rơn. Chiều đó quên luôn cả ăn cơm, không thấy đói bụng. Cứ hết ngồi lại đứng, chờ cho tới giờ hẹn để ra đi. Thiên cẩn thận ra khỏi vườn bằng cái lỗ rào thưa để không ai hay biết.

Đêm cuối tháng, trời tối đen như đêm ba mươi. Nhưng đã quen đường lối, Thiên đi tới bờ sông trước nhà Trâm sớm hơn giờ hẹn. Thiên cẩn thận xuống tận bờ, nhà nào thì cũng có một bến sông, có kê bốn hòn đá lớn để có thể trải quần áo lên mà sát bà bông, xung quanh có nhiều bờ bụi kín đáo. Là nơi lý tưởng của các cặp tình nhân hò hẹn.

Chờ chừng mười lăm phút thì Trâm đến. Nhận ra nhau theo hình dáng quen thuộc trong bóng tối thôi. Cái bóng của Trâm thon thả làm sao, mái tóc đen màu mun trôi lẩn trong đêm, vẫn thấy được nét tha thiết.

"Em."

"Hức...hức..."

Thiên nghe tiếng Trâm nức nở. Hấn cầm lấy tay nàng. Bàn tay lạnh ngắt. Tại sao vậy, từ nhà ra đây đâu có bao xa. Chưa hết ngạc nhiên thì Trâm đã rút tay lại:

"Đừng đụng em. Đừng đụng em..."

Tưởng Trâm hờn giận chi đây, Thiên càng sấn tới. Thình lình Trâm đưa tay đẩy mạnh, chút xíu thì Thiên đã trượt chân, rơi tòm xuống sông. Cố gượng đứng dậy, nhảy sâu vô một bụi cỏ, Thiên hỏi:

"Em giận anh? Anh mần chi mà em giận anh rứa. Nói cho anh biết để anh sửa..."

Trâm vẫn lặng thinh. Hai người đứng yên trong bóng tối. Linh tính báo cho Thiên biết là cuộc tình của hai người có trục trặc chi rồi, chớ rằng khi không Trâm đổi tính nét như vậy. Hồi lâu, Trâm bật khóc ra tiếng.

"Từ nay anh đừng gặp em nữa. Em..."

"Răng không gặp nhau. Chúng mình thương nhau không có tội... Trâm nì, có chuyện chi thì em nói cho anh nghe..."

"Không. Không có chi hết. Nhưng em, bữa nay nói rõ cho anh biết. Em không hề yêu anh, chưa hề yêu anh. Em yêu anh là giả đồ đó."

Thiên cười khan, cay đắng:

"Em nói chi lạ rứa. Yêu mà cũng có yêu giả đồ..."

"Chớ rằng. Người ta yêu giả đồ chán chi. Từ bữa nay trở đi đừng gặp tui."

"Em đoạn tuyệt anh? Răng tự nhiên em thay lòng đổi dạ..."

"Ừ, tui rứa đó. Tui giả đồ, chừ không muốn giả đồ nữa. Nói cho anh biết tui còn tốt bụng, không để anh lầm tui..."

Trâm nói mau, như sợ để lâu rồi không nói được:

"Chừ anh biết rồi hí. Tui là đứa con gái xấu rứa đó. Giả đồ yêu anh cho vui... Nhưng bữa nì, tui muốn dứt khoát luôn cho nên mới hẹn anh ra đây noái cho anh biết. Tui... tui sắp đi lấy chồng."

....

"Đi rồi. Đi rồi. Hay. Hay."

"Ê, một hai ba. Đô ta. Đô..."

Từ mấy bụi rậm tối thui phun ra mấy vòi nước xối vô mặt Thiên, vô quần áo, vô tóc tai làm Thiên một lần nữa tối tăm mặt mũi.

"Ê ê... xấu chưa tề. Nghèo rớt mỏng toi mà cũng trèo cao..."

"Té cái chổng đít, bê đầu, phọt máu"

"Ê ê, xấu hỏ..."

Tiếng cười khúc khích của bọn giặc con gái như vây chung quanh Thiên. Thiên nhận ra từ áo quần bốc lên một mùi hôi thối nồng nặc, mùi nước mắm, nước cống rãnh xú uế từ mấy cái vòi vừa xịt đầy mặt mũi, tóc tai quần áo chàng.

Thiên hiểu ra rồi. Mấy giọng cười khúc khích kia là của đứa em gái của Trâm. Không hiểu sao buổi hẹn hò chia tay tàn nhẫn này lại để cho bày quỷ cái kia biết được mà phá.

Thiên ôm đầu chạy một mạch chui qua lỗ rào, vô vườn. Cũng may, tuy ở căn nhà sau nhưng cái lu sắt gốc cau lúc nào cũng lưng nước với cái gáo dừa để sẵn. Tắm gội khổ sở xong, Thiên ngồi suốt đêm với ngọn đèn dầu.

Chiều hôm sau, đi qua nhà nàng, ngó vô, thấy mấy cô em gái leo trèo mấy cây ở sát đường cái. Thấy Thiên, họ cười rộ lên, ngưng đu đưa như khi và hát:

*"Học trò trong Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế dè chi cho khổ đời...!"*

Thiên cúi đầu, đạp xe một mạch về nhà. Thêm một ngày bỏ cơm nữa.

Còn Trâm, tối hôm đó nói những lời như sát muối vào vết thương với người yêu, nàng trở về phòng nằm như chết rồi. Một lúc lâu, thấy bốn đứa em gái túm tụm trong phòng cạnh, xì xào to nhỏ và cười rúc rích. Lúc cô em kể trở về phòng, thấy chị nằm êm rơ cũng nhẹ nhàng nằm xuống bên cạnh.

"Chị Trâm nì..."

"Chi rứa?"

"Hồi nãy tụi em nghe nói hết rồi. Hay lắm, chị cự tuyệt thẳng nớ thiệt tài. Tụi em phục sát đất."

Trâm làm thinh. Cô em vặn tắt ngọn đèn dầu. Căn phòng chìm trong một vũng tối. Cô em tiếp:

"Thằng nớ chắc tợn tới già. Hi hi..."

"Hi, hi, tụi em xịt nước cống vào người hấn, xịt nhiều lắm. Hấn ôm đầu bỏ chạy rồi. Từ nay chị không cần sợ chi hết nghe. Chọc tụi em là chọc đúng ổ ong về về... Hi hi..."

Trâm quay mặt, nước mắt chảy âm thầm. Nàng đã dứt khoát với chàng, đã nói lời tàn nhẫn trái lòng. Nói rồi lòng nàng cũng đã chết.

Tin cô Trâm sang Xuân sẽ về nhà chồng làm vết thương trong lòng của Thiên như không ngừng chảy máu. Suốt

mùa Đông tàn tạ, rét mướt, Thiên ném bỏ sách vở, loay hoay với một khúc gỗ quý. Thêm một đêm giao thừa thức trắng, một đầu khúc gỗ biến thành cái trâm cài tóc. Một đầu gỗ khác, khắc lõng hai trái tim lồng vào nhau và một cái lược thưa, dang dở. Đó là món quà cưới Thiên muốn tự tay hoàn tất để tặng nàng.

Liên tiếp mấy ngày đầu năm, Thiên rình mò chờ cơ hội nhưng không còn dịp may nào được gặp gỡ Trâm. Có nhiều hôm đón đường, chờ chực, Trâm đều bị đi kèm với mấy cô em gái dữ như chằng, cả hai không dám nhìn nhau nữa. Thấy mấy cô em gái của Trâm, Thiên nhớ lại hôm bị xịt nước mắt đầy mình, sượng trân, chỉ còn biết cúi gầm mặt xuống mà đạp xe đi. Lá thư tình bao đêm nắn nót và xếp gọn nằm trong túi.

Mùa Xuân đối với Trâm năm ấy cũng quá kinh khủng. Nhìn cây mai vàng trước sân nở vàng rực bên bể cạn với xác pháo giao thừa còn rơi vãi đầy trên mặt đất, Trâm cảm thấy trái tim mình cũng vỡ vụn, chảy máu như pháo hồng. Chẳng còn bao lâu nữa, Trâm phải về nhà chồng. Lễ giáo mà. Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Cha mẹ, vì muốn tống khứ nàng đi, đã gả vội gả vàng cho một người đàn ông mới goá vợ có đứa con nhỏ một tuổi. Cha nàng nói:

"Rứa như răng mi mới ung. Người ta nhà gia thế, có tới ba bốn căn nhà ở Nguyệt Biều, mi tưởng..."

Nguyệt Biều Trâm hình dung ra được, ngôi nhà cổ rộng mênh mông, âm u, nàng sẽ sống suốt đời với một người đàn ông mình không thể thương yêu, với bàn thờ, linh vị của một người vợ trước lúc nào cũng nghi ngút hương.

Cả ngày đầu năm, người cha nhìn đứa con gái lớn nghiêm khắc:

"Ni, đầu năm mi đừng có thụng cái mặt xuống như rúa chớ. Xui cả năm nghe chừ."

Cái mặt Trâm ra làm sao. Trâm không soi gương, không biết. Nhưng vui mừng hơn hờ thì Trâm làm không được rồi. Thôi thì cứ tránh mặt cha cho xong. Cũng may, ngày mừng một, mấy đứa em về chơi bên bà ngoại làng Hương Thủy, hơi xa xôi nên phải ở lại đêm. Cha mẹ rủ hàng xóm qua chơi, để xắm hương. Trâm lo nước nồi nước bánh xong, kêu một xin phép cha đi ngủ sớm.

Nằm thao thức hoài. Cô nhớ lại buổi sáng lúc đưa mấy đứa em đi khuất rồi, Trâm còn ngơ ngẩn đứng ở ngoài ngõ một lát. Cô ngó xuống bên sông và nhớ lại bao nhiêu chuyện. Cô nhắc thấy bóng Thiên dưới bên sông. Anh ta ngồi trên hòn đá dùng để giặt quần áo, quay lưng lại. Anh ta ngồi bao lâu như vậy rồi? Đã thành tượng đá chưa?

Tính đốt ngón tay, không còn bao lâu nữa, sân nhà cũng đầy xác pháo như vậy, và Trâm từ giã nơi đây để về nhà chồng. Không được đâu, mình đã có thể với trời đất, lấy chàng mà. Chỉ lấy anh. Lấy anh thôi. Răng chừ lại lấy người ta? Trâm khóc vùi. Tự nhiên muốn làm một chuyện gì thật liều lĩnh, như tìm cái chết chẳng hạn.

Trâm khoác cái áo choàng trắng, có giải thắt lưng rất dài. Không biết sao lại chọn cái áo đó. Nàng trèo cửa sổ ra sau vườn. Đêm lặng lẽ quá, đêm mênh mông giúp nàng trải nỗi buồn rộng lớn thêm. Đây rồi, cành cây này đã lớn, vững chắc quá. Không được, tội mẹ, tội mấy đứa em. Làm sao mẹ còn có thể ở trong căn nhà này, đi ra ngoài khu vườn này. Sẽ là một ám ảnh suốt đời đối với mẹ

"Qua khu vườn hoang kia tề."

Như có ai nói thầm bên tai Trâm. Trâm thần thò bước tới bên hàng rào. Ở phía rào này có nhiều lỗ hổng để chui qua bên kia. Trâm chui qua được một cách thông thả. Tuy vườn mọc đầy cỏ lùng, cây cối rậm rạp nhưng vẫn có những lối mòn do lũ trẻ con hàng ngày trốn vào chơi, hái trái cây, hái rau tập tàng, nhờ vậy mà Trâm đi loanh quanh được một lúc. Không biết có ai đưa đường không mà Trâm đã tới cạnh ngôi mộ hoang, người trong xóm đồn đãi ở dưới mồ có một người con gái chết oan rất thiêng.

Bình thường Trâm sợ ma lắm, nhưng bữa nay tâm trạng bản thân, lại quá đau khổ về tình duyên, còn có ý định tìm cái chết nữa nên Trâm không biết sợ hãi nữa. Mà có lẽ, chỉ có người nằm yên dưới mồ mới hiểu Trâm, mới chịu nghe Trâm tâm sự.

Gió như động hơn trên trời, lay động cành lá ào ào. Tiếng cành khô kêu rảng rặc như lời nói của đêm muốn cùng san sẻ với tâm sự của Trâm.

"Chị à, dù sao chị cũng tới trần gian trước tui. Chị lớn tuổi hơn tui, tui kêu chị bằng chị. Xin lỗi tôi không đem nhang để thắp cho chị. Nhưng bữa nay tôi sẽ về dưới bầu bạn với chị. Tôi không muốn sống nữa."

Tiếng cành cây khô lại kêu rặc rặc. Và có một vài tiếng động đầu đây. Trâm nghe như có tiếng chân. Nhìn quanh quất, không thấy bóng ai hết.

"Chị về phải không? Chị đừng đi trước chờ tui với. Tui yêu người ta mà không lấy được, thà tui chết để trọn vẹn với tình... Chị nghe tui nói không?"

Trâm cảm thấy sau ót mình lạnh lạnh như có bàn tay ai vừa đụng khẽ lên đó. Cô cố lấy hết can đảm, nhìn lên. Trong đêm Xuân một cành cây lớn vươn ra. Thật là lãng mạn. Như một thiên tình sử trong tiểu thuyết, còn hơn nữa là đáng khác. Trâm vừa lẩm bẫm những lời tha thiết đoạn tuyệt với người tình và chuẩn bị cho cái thông lọng vào cổ rồi thả người xuống. Chỉ tích tắc thôi, không còn thấy đau khổ nữa...

"Bước tới. Leo lên. Leo lên đi..."

Trong đầu Trâm, như có tiếng reo hò thúc giục. Bước lên một bước nữa thôi. Bước nữa, bước nữa...

Rõ ràng Trâm bước tới, nhưng có ai đã kéo Trâm thụt lùi. Thật ra không có ai hết, chính sự sợ hãi đó thôi. Cũng có thể, ai đó, vô hình đang trì kéo bước chân Trâm ngược lại. Không. Không được đâu. Không có can đảm đâu.

"Thiếu tui ba cây nhang đó."

Lùi tới góc vườn, Trâm nghe tiếng nói lùng bùng trong tai. Chắc đó là tiếng hồn ma từ đáy mộ vừa bị Trâm đánh thức. May quá, tới góc vườn nhà rồi. Nhanh như con sóc, Trâm chui qua lỗ hồng sang vườn nhà, rồi đu lên cửa sổ. Vào tới phòng rồi, chần trùn đầu kín mít rồi, Trâm tiếp tục run nữa.

Bên vườn hoang, có tiếng mèo gào lên, như giận dữ cùng với gió thổi cành run lá cuồng loạn.

Gió rung cuồng loạn tới cả căn nhà chòi nhỏ sau vườn của chàng thư sinh trọ học. Trong nhà Thiên có sẵn một chai rượu chàng đã mua về từ mấy hôm trước để nhâm nhi ba ngày Tết. Nhưng làm gì có Tết, có Xuân nữa. Thôi thì mượn nó quên sầu đời đêm nay.

Một mình độc ẩm. Bụng đói cồn cào, rượu vô lãng đãng. Chàng học trò trong Quảng ra thi trong cơn say, loạng choạng hát một bài tiếng Quảng, múa may cùng hình ma bóng quỷ. Gió bên ngoài đã hú thành tiếng, rên rĩ, bút lá, bẻ cành. Giữa cơn gió hú, như có tiếng đập cửa, tiếng gọi. Chẳng biết bằng cách nào, cửa mở... giữa cơn mơ hồ, Thiên mở mắt, thấy một cô gái mặt ngọc, tóc dài đã ở bên mình.

"Trâm. Em..."

Đúng là khuôn mặt của Trâm, sao có đôi mắt lạ lùng đang nhìn chàng. Nửa mê, nửa tỉnh, Thiên quý xuống ôm ngang qua thân mình nàng. Sao nàng mỏng quá, nhẹ quá, ôm nàng trong tay mà y như có lúc chỉ ôm không khí, ôm hư vô...

"Trâm. Em đã đến, anh mong gặp em biết bao nhiêu."

Cô gái quý xuống, mặt đối mặt. Giọng nàng như tiếng thờ:

"Anh. Em yêu anh. Em đã đến rồi nì. Đến rồi nì..."

"Anh nhớ em. Anh đau khổ tưởng chết. Có phải thật là em đến không?"

"Chi mô mà khổ. Em tới rồi nì."

Cô gái vò mái tóc của chàng trai trong tay, nâng mặt chàng lên:

"Có phải thật là em đó không?"

"Không thật mô. Em không phải người ta. Anh sợ không?"

"Không sợ. Không sợ."

Chàng học trò bỗng thấy mình như một đại lực sĩ. Chỉ cần một cánh tay, chàng nhẹ nhàng nhấc bổng cô gái lên, mang nàng tới chiếc giường tre. Y trang trút bỏ, cả một khối bạch ngọc lồ lộ chập chờn cùng ánh đèn dầu. Khối ngọc trong vòng tay học trò, khi thì Trâm thẹn thùng, sợ hãi, khi thì là một con bé nghịch ngợm, hung hăng, liêu lĩnh. Đêm xuân nồng cháy, chiếc giường tre không ngừng kêu rêm át cả tiếng gió ngoài vườn.

Gần sáng, nàng xô chàng ra:

"Em phải về. Về liền kẻo không kịp."

"Em còn đến nữa không. Em đừng bỏ anh... anh chết mất."

Nàng lùa năm ngón tay mềm mại vào tóc chàng:

"Hồi tối em thấy anh múa hát. Đêm mai, anh còn rượu, uống một ly, cất tiếng hát là em tới."

Nàng mặc quần áo, vội vã đến cả không kịp hôn chàng, biến nhanh ra ngoài như luồng gió. Thiên bàng hoàng không biết là mộng hay thực, rồi mệt mỏi thiếp đi. Chàng nằm rệp hai ngày không dậy nổi. Bà chủ trọ bung cho bát cháo, Thiên húp vài muống rồi bỏ. Vậy mà đêm đó, vừa nghe tiếng gió hú ngoài vườn, anh chàng đã bật dậy.

Chẳng biết sức lực từ đâu tới, sau khi nốc được mấy ly rượu,, chàng học trò xứ Quảng lại một mình múa hát tung bùng. Quả nhiên chỉ lát sau, cô gái đã trở lại. Trâm đã biến thành gái liêu trai từ bao giờ, tóc thả buông lơi không cài không kẹp, hai chân như lướt trên mặt đất. Nàng đẹp hơn nhan sắc mà trước đây chàng đã gặp gỡ, hẹn hò. Mắt nàng như lúc nào cũng pha chất lân tinh, óng ánh ngọn sóng tình.

Vừa đến, không cần tâm sự nữa, chàng ôm chầm lấy nàng như sợ nàng biến mất.

Vuốt ve, ôm ấp đắm say. Có lúc dưới ánh đèn dầu, nàng nằm nhắm mắt như nàng công chúa ngủ trong rừng, chàng vẫn không thể rời tấm thân nõn nà mà nóng bỏng.

Suốt cả tháng trời, cứ hôm nào chàng uống đủ đô rượu thì nàng đến và hai người quấn quýt lấy nhau tiếp tục truy hoan. Chiếc giường tre cơ hồ chịu không nổi đã xiêu vẹo, van xin, nài nỉ hàng đêm và muốn sụm.

Một hôm, sau cơn hoan lạc, nàng mới nhìn thấy ở góc bàn cái trâm cài tóc và cái lược làm còn dang dở. Nàng cầm lên coi, chàng nói:

"Đã sắp tới ngày em về nhà chồng chưa?"

"Em..."

Cắn môi tới rớm máu. Chàng ôm nàng vào lòng xót xa:

"Đây là vật anh làm để tặng em ngày đi lấy chồng. Và đây là lá thư tình mãi hoài anh không dám gửi."

Nàng cầm lấy, khóc:

"Cũng đã tới ngày em phải xa anh rồi."

Chàng thần thờ:

"Em đi lấy chồng anh sống không nổi. Thật đó, anh sống không nổi mô."

Nàng càng khóc lớn hơn:

"Em không còn cách nào khác. Hôm nay là ngày chót em gặp anh. Ngày mai em không tới được nữa..."

"Không em không thể xa anh, không thể bỏ anh. Hay mình trốn đi?"

Nàng gật đầu:

"Anh thề đi. Anh trốn đi với em. Anh thề độc, thề độc địa đi. Anh không bỏ em..."

Thiên sung sướng đưa tay thề liên. Thề độc thề địa nữa. Phải, chàng sẽ sắp xếp một chuyến đi. Cả hai đều trốn khỏi xứ Huế. Vì tình, Thiên có thể phụ lòng mẹ cha, bỏ khoa thi, bỏ tương lai tú tài sắp đoạt trong tay.

"Tối mai em tới, anh sẽ đưa em đi. Mình sống với nhau, em không sợ ai nữa. Em..."

Nàng cười. Nụ cười sao mà xa xôi, bí hiểm quá.

"Tối mai... Không đâu. Tối mai em hẹn anh ở bến sông. Rồi mình đi."

Thiên mừng rỡ ôm chặt lấy nàng. Cả hai tiếp tục truy hoan cho tới gần sáng.

Tiếng gà gáy canh tư đã thúc giục lắm rồi, nàng mới vội vã bỏ đi. Lúc đó, khu vườn bên ngoài đã lờ mờ hiện trong màn sương.

Sáng hôm sau, Thiên nằm thiu thiu, đầu nóng như lửa. Chàng lên cơn sốt nặng. Trùm mền, đắp chăn. Ông bà chủ nhà lo lắng, có giúp Thiên một nồi thuốc xông buổi tối. Xông xong, Thiên có khỏe hơn, nhưng đầu óc còn choáng

váng, mắt hoa. Dù vậy, nhớ lời hẹn với người yêu, Thiên thu xếp mấy bộ quần áo, chút tiền bạc dành dụm rồi chờ cho tới hai ba giờ sáng, một mình ra bến sông trước nhà Trâm. Sông nước lấp lánh, nồn nao.

Thiên chưa kịp cảm thấy hơi sương đêm lạnh, nàng đã tới. Vẫn nhẹ như gió, lướt trên mặt đất.

"Anh sợ em không tới. Đi, mình đi."

"Khỏi đi đâu hết ôm em đã. Em lạnh."

Nàng áp cả tấm thân vào người chàng, tự tay cởi áo chàng, áo nàng. Áo quần nào ấm bằng hơi nóng thể xác. Nàng vỗ vập, ôm ấp, đòi hỏi. Và đôi lứa quấn chặt, rơi mình xuống bờ cát bên sông.

Ai bảo sông Hương khúc Kim Long không từng, biết sôi sục?

Vẫn còn mùa xuân để cô gái đi lấy chồng. Đám cưới nhà giàu sẽ làm lớn lắm. Bây giờ không còn ai canh giữ Trâm nữa. Một bữa, cả xóm xôn xao bàn tán có xác chết dưới sông vớt lên chính là xác anh học trò trọ học.

Vậy là câu chuyện liêu trai giữa chàng học trò và ma nữ tiểu thư con quan nằm dưới nấm mồ trong ngôi nhà hoang lập tức được truyền tụng. Tình tiết câu chuyện bàn tán càng lúc càng ly kỳ. Đêm đêm, ma nữ từ dưới mồ lên vào phòng chàng học trò, lôi chàng ta ra bờ sông ân ái. Sau đây là đoạn đối đáp lâm ly giữa ma và người. Giọng ma nữ hẳn nhiên phải nhẹ nhàng như gió thoảng:

"Anh nói là chết vì em, không hối hận?"

"Không hồi hận."

"Nếu em là ma, anh có yêu em không?"

"Anh cũng thành ma để yêu em."

"Vậy mình đi nghe."

"Anh yêu em?"

"Anh nhìn em coi, em là ai?"

Chàng học trò mở bừng mắt. Khuôn mặt cúi xuống trên người chàng là một cô gái, mái tóc xoã che khuôn mặt. Lúc đó trời sắp sáng hay có một ánh sáng nào mờ nhạt soi gương mặt người con gái màu xanh. Nàng mỉm cười, đẹp như hằng nga trên cung. Mà sao nụ cười bỗng dại đi, rồi khuôn mặt cũng biến đổi, méo mó, rồi giữa nụ cười nhô ra hai răng nanh...

"Eo ôi." Anh chàng kinh hoảng quá, hét lên và vùng vẫy. Nhưng hai cánh tay ma nữ đã như hai gọng kìm, ôm chặt lấy anh học trò, và cả hai lăn xuống đồng tối đen. Câu chuyện Liêu Trai Huế thường được kết luận vậy.

Hình như phải mấy ngày đêm xác anh học trò mới nổi lên. Người cha của năm cô gái không khỏi bùi ngùi xúc động, ngậm trách mình cứng rắn nhưng cũng thở ra một hơi dài nhẹ nhõm.

Đúng là anh chàng Thiên chứ ai. Tội chàng quá, Trâm khóc không biết bao nhiêu đêm, nhưng rồi đành chịu cam phạm về nhà chồng. Mong chồng, mong cuộc đời mới sẽ giúp nàng nguôi ngoai mối tình tan vỡ, chia ly kẻ âm người dương.

Trước ngày lên xe hoa, Trâm nhớ lại mình còn thiếu nợ hồn ma dưới mồ trong khu vườn hoang kia một nắm nhang. Muốn trả cho xong trước khi về nhà chồng. Trâm mua một bó nhang, chờ cơm chiều xong, trời chạng vạng, một mình lên vô sau căn nhà hoang.

Bữa đó trời không một cơn gió. Khu vườn càng lặng lẽ hoang vắng. Ngồi mộ đất lở xơ xác nằm trơ vơ. Trâm bỗng nhìn thấy trên mộ, ai để một phong bì thư cũ mèm và một cây trâm bằng gỗ, phía cán khắc lõng hai trái tim lồng nhau, cắm chặt lá thư xuống đất.

Trâm mở ra xem, mới hay thư của Thiên gửi cho mình lâu rồi. Còn chiếc trâm cài chắc là một quà tặng cho nàng. Trâm đọc xong lá thư, đốt cho mất tang mất tích. Còn cây trâm giữ lại để cài tóc coi như một kỷ niệm.

Đêm đó, Trâm nằm mơ, thấy Thiên cầm tay một người con gái rất đẹp, mới tóc còn dày và dài hơn tóc thề của Trâm nữa. Thiên không nói gì, nét mặt vui vẻ. Cô gái nói với Trâm:

"Cám ơn em đã cho chị một nắm nhang."

Nói xong cả hai đều biến mất.

Cô gái nào chả có những giấc mơ đêm trước ngày tân hôn. Ngày mai pháo sẽ nổ trước sân. Trâm sẽ có một cuộc đời khác.

Chuyện bốn chục năm sau. Tới đầu năm trong một gia đình Việt Nam. Ở một thành phố khác, cũng có thể ở một đất nước khác. Một ông tóc hoa râm, chén chú chén anh với các bạn già cùng lưu lạc gặp lại. Chủ nhà đã ngà ngà say, nhắc lại chuyện xưa, ông cười.

"Thì rứa, học trò trong Quảng ra thi mà. Hồi trẻ anh nào chẳng có lúc tâm bậy tâm bạ. Thi cũng tính đánh hoa cá cùm, không được thì đánh lẻ. Mà mình cũng mần chi mô. Bảo hát là hát, bảo ôm là ôm, bảo đi là đi. Bà tui bây chừ đó tề... Nì, mà nó mô hề, lấy chai Remi trong tủ ra nhậu luôn, bữa ni vui..."

"Uổng vừa vừa thôi ông ơi: Từ ngày tui lấy ông tới bữa ni, chỉ thấy ông mê rượu."

"Bà đừng noái nữa mà tui kể ra bà hỏ người. Chớ không phải nhờ rượu, nhờ hát hay mà hồi đó có con ma nữ liễu mạng..."

"Còn nói nữa, không biết dị. Mấy anh biết không, có một chuyện mà kể hoài, làm như oai lắm."

"Để chú ấy kể chuyện Liêu Trai Huế đi, cô Ba". Một ông nói.

Bà chủ nhà ngoe nguẩy, đặt chai rượu xuống trước mặt ông chồng rồi cười cười bỏ vào nhà trong.

Thì ra đầu năm, các ông hoa râm lai rai kể chuyện xưa tích cũ. Chủ nhân có mái tóc hoa râm từng là chàng học trò xứ Quảng ra Huế học thi. Bà chủ được gọi là cô Ba, nghe đâu chính là cô em thứ ba trong đám "ngũ long công chúa" nghịch như quỷ sứ ở Kim Long thuở nào.

Trích thơ:

Tiếng chuông Thiên Mục

Tôi lớn lên bên này sông Hương

HUỶNH ÁI TÔNG

Con sông chẻ đời ra những vùng thương nhớ
Cây trái Kim Long, sắt thép cầu Bạch Hổ
Cửa từ bi vồn vã bước chân sông
Mặt nước xanh trong suốt tuổi thơ hồng
Tháp cổ chuông xưa sông hiền sóng mọn
Những đêm tối bao la những ngày tháng lớn
Những sáng chim chiều dế canh gà
Tiếng chuông buồn vui dọn thầu trong da
Người với chuông như chiều với tôi

Tôi bỏ nhà ra đi năm mười chín tuổi
Đêm trước ngày đi nằm đợi tiếng chuông
Cuối cơn điên đầu giấc ngủ đau buồn
Tiếng chuông đến dịu dàng lay tôi dậy
Tiếng chuông đến và đi chỉ mình tôi thấy
Chỉ mình tôi nhìn thấy tiếng chuông tan
Tiếng chuông tan đều như hơi thở anh em
Tiếng chuông tan rời như lệ mẹ hiền
Tiếng chuông tan lâu như mưa ngoài phố
Tiếng chuông tan dài như đêm không ngủ
Tiếng chuông tan tàn như tiếng võ trong tôi

Từ đạo xa chuông khôn lớn giữa đời
Đổi họ thay tên viết văn làm báo
Cơm áo dạy môn ăn lơ nói láo
Cửa từ bi xưa mắt dấu đĩa con hư
Tháp cổ chuông xưa, sông nhỏ sương mù
Giòng nước cũ trong mắt nhìn ảm đục
Con đường cũ trong hồn nghe cỏ mọc
Chuông cũ giờ đây bần bật trong da
Tuổi hồng sa chân chết đuối bao giờ
Ngày tháng cũ cảm bằng như nước lũ

Nhưng sao chiều nay bỗng bàng hoàng nhớ
Tiếng chuông xưa bình sóng lại trong tôi

*Tiếng chuông xưa kia tuổi dại ta ơi
Chuông oà vỡ trong tôi nghìn tiếng nói
Những mảnh đồng đen như da đêm tối
Những mảnh đồng đen như tiếng cựa mình
Những mảnh đồng đen như máu phục sinh
Những mảnh đồng đen kề nhau bước tới*

*Tôi thức dậy rồi đây chuông ơi chuông hỡi
Tôi thức dậy đây tôi thức dậy rồi
Thức dậy thực sự rồi
Thức dậy cùng giông bão
Thức dậy cùng tan vỡ
Thức dậy cùng lịch sử*

*Mẹ hiền ơi thành phố cũ chiều nay
Có tiếng chuông nào rơi như lệ trên tay
Trên mặt nước trên mặt người mặt lộ
Cho con trở về đứng mê sáng ngó.*

(Saigon, 1963)

Bài Nhã Ca thứ nhất

*Tôi làm con gái
Buồn như lá cây
Chút hồn thơ dại
Xanh xao tháng ngày*

*Tôi làm con gái
Một lần qua đây
Rồi không trở lại
Ôi mùa xuân này*

*Tôi làm con gái
Đời như heo may*

*Tình bằng cỏ dại
Giận hờn không khuấy*

*Tôi làm con gái
Một lần yêu người
Một lần mãi mãi
Bao giờ cho nguôi*

*Tôi làm con gái
Bao nhiêu tuổi đời
Bấy lần thơ dại
Buồn không ai hay*

Chuyến xe đêm

*Thôi nhé hai bàn tay
Và những ngày tháng cuối
Một con dốc một đời
Tiếng mây đều trôi nổi*

*Nổi buồn khi xuống tới
Trùng điệp suốt hồn em
Túi hờn lên tiếng gọi
Rừng núi còn mang tên*

*Ôi chuyến xe về chậm
Nửa đêm và nửa đời
Ngả nghiêng hàng ghế trống
Xiêu vẹo buồn như tôi*

Vết cắt xuân

*Tôi dẫm mùa đông dưới gót chân
Sâu tôi vết cắt vẫn chưa lành
Bùn rong rễ mốc, hồn cây mục*

Một mặt trời in đỏ dáng xuân

*Tuổi đã mù trơ, gió đã yên
Cành rêu thơ dại, cổ tay mềm
Biển xa cát gợn cuồng lưu rút
Trôi hết đâu rồi tuổi thiếu niên*

*Tôi ngó hoài trên vầng đá xanh
Hào ghêu dần nhảm hết tên anh
Nhìn coi, đó, nụ cười xa lạ
Bờ bãi nằm nghe biển giật mình*

(*Thơ Nhã Ca*, NXB Thương Yêu, 1972)

Tháng Giêng

*Cỏ lười muốn ngủ vùi trong tuyết
Cây cành trơ trụi khoe xương
Ở Thụy Điển, tháng Tư mới xuân mà
Sao băng giá kéo đi đâu vội vã*

*Ô hay, vườn ta
Còn sớm sủa gì nữa
Trái oan khiên mới đỏ, xanh ròn
Muốn chín.*

*Anh rung cành, em hái trái
Cùng cắn ngập răng
Trái nghiệp chương đắng ghét, hấp dẫn*

*Trúng độc rồi, phải không
Cùng tử thương
Chết nhé*

Chết đâu có dễ, anh bảo

HUỶNH ÁI TÔNG

*Còn bao nhiêu là việc
Đành chờ*

*Sống tiếp hả anh
Ôi môi lửa
Đêm tháng giêng xứ người
Ăn nốt trái oan đang chín đỏ.*

(1990)

Trong sách *Văn Học Miền Nam (tập Thơ Miền Nam)*, nhà văn Võ Phiến đã nhận định về Nhã Ca như sau:

"Sống giữa một thời không còn cảm ký, mà sôi nổi, mà cực đoan, Nhã Ca mạnh dạn tự mình chọn lựa tình yêu của mình, con đường hạnh phúc của mình, con đường đời của mình. Bà không ngần ngại bỏ nhà ra đi, đổi họ thay tên, phiêu lưu trong cái nghề viết văn làm báo. Tự do, bà thích nói đến tiếng ấy: tự do trong thể xác, trong đời mình..."

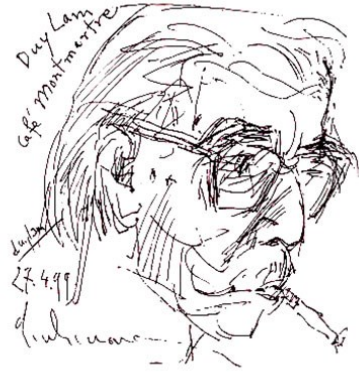
Và văn chương bà, dù là văn chương viết về tuổi trẻ, vẫn trĩu nặng ưu tư. Nghệ thuật của bà là cuộc đời trước mặt. Ở bà, cá nhân là chính trị, là xã hội. Bà có chân dung đầy góc cạnh nhọn, như những bức tranh của Braque, của Picasso.

Nhã Ca là một nhà văn độc lập và bất khuất, bà cũng là một tiêu biểu rõ rệt nhất cho nền văn chương nhân bản của miền Nam trong thời kỳ 1954-1975.

Tài liệu tham khảo:

- Nhã Ca Web: vi.wikipedia.org
- *Liêu trai Huế* Web: vnthuquan.net

16. Duy Lam



Duy Lam, Đinh Cường ghi
Café Monmartre, 4-1999

Duy Lam - Nguyễn Kim Tuấn (1932-20)

Nhà văn Duy Lam tên thật là Nguyễn Kim Tuấn, sinh năm 1933 tại Hà Nội.

Ông là con trai của ông Nguyễn Kim Hoàn (quản lý cơ sở xuất bản Ngày Nay - Đời Nay) và bà Nguyễn Thị Thế (em gái của Nhất Linh, Hoàng Đạo và là chị của Thạch Lam). Ông theo học các trường Trung Học Ngô Quyền và Chu Văn An (Hà Nội).

Năm 1953, nhà văn Nhất Linh ở Sài Gòn gửi di chúc ra Hà Nội cho Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng vào nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Năm 1954, cùng gia đình di cư vào Nam.

Duy Lam là anh ruột của nhà văn Thế Uyên, chủ trương nhóm Thái Độ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1958 ông cộng tác với giai phẩm *Văn Hóa Ngày Nay* của nhà văn Nhất Linh, rồi *Tân Phong* ở Sài Gòn.

Ông là Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cấp bậc cuối cùng Trung Tá.

Ông là thành viên sáng lập và trong ban chấp hành hội Bút Việt, sau đổi tên là Văn Bút Quốc Tế Việt Nam. Những ngày miền Nam hấp hối, Duy Lam từ vùng 1 chạy về Sài Gòn.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông bị đi học tập cải tạo 14 năm, có những lúc biệt giam, chân bị cùm trong nhà tù cải tạo.

Năm 1990. Ông được định cư tại California, Hoa Kỳ, tiếp tục viết văn, làm thơ và vẽ tranh. Sau này ông chuyển về Virginia sống gần với các cô con gái.

Năm 2013, từ 5 tháng 5 đến 15 tháng 6, ông có triển lãm tranh tại Café Monmartre, Virginia.

Hiện đang định cư tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Chồng Con Tôi* (truyện ngắn, Phương Giang, 1960)
- *Gia Đình Tôi* (hồi ký, Văn, 1962)
- *Cái Lưới* (truyện dài, 1964)
- *Ngày Nào Còn Đàn Bà* (truyện ngắn)
- *Nỗi Chết Không Rời* (chung với Thế Uyên, Văn Uyên, 1966)
- *Lột Xác* (truyện dài, 1968)
- *Tuyển Tập Truyện Mới* (1995)
- *Thi tập Chân Mây* (1996)
- *Em Phải Sống* (truyện ngắn, 1996)

- *Where The Cloud Ends* (cùng viết với An Nhiên, 2007)

Trích văn:

Điều mắt đỏ

Tiếng súng AK nổ vang động trên cánh đồng trồng bắp và con điều hâu ngã lộn xuống, rớt ngay gốc cây lớn chơ vơ, nơi đội Đức đang cuốc đất chuẩn bị cho mùa tới. Tên cán bộ võ trang đặc chí nói: “*Các anh xem đúng không? Tôi chỉ bắn một phát là nó phải nhào. Thế là hóa kiếp cho cái kẻ hay bắt gà chuột đồng*”. Vân, người trại viên trẻ nhất đội vừa mới đây khích tên cán bộ bắn con điều hâu cứ chọn cành cao nhất của cây làm chỗ đậu, cái đầu ngạnh ngạnh ngạo nghễ quan sát giang sơn của nó, nơi mà tất cả các sinh vật nhỏ bé sẽ có thể bị móng sắc của nó quặp vào lưng sau khi cái bóng xám của nó lướt qua như một làn khói, vội lên tiếng đầy kích thích. “*Cán bộ bắn giỏi thật. Cán bộ cho tôi cái xác con điều nhé để lấy xương làm thuốc*”. Tên cán bộ liếc nhìn người trại viên trẻ, trước bị bắt về tội bán xăng của một hợp tác xã, gặt đầu và Vân bỏ cuộc xuống, chạy tới nhặt cánh điều. Tên cán bộ quản giáo lên tiếng báo giờ nghỉ giải lao giữa buổi sáng đầu thu trời xám đục một màu chì, và các trại viên ùa tới quây quanh xác con điều hâu. Con vật đẹp đẽ với lối bay lượn từng vòng xoáy lên cao này đã là đề tài khá hào hứng cho cả Đội bàn tán suốt mấy ngày qua. Cái nhíp lao động cực nhọc và buồn tẻ kéo dài của Đội thường cứ làm hầu hết trại viên mù người trong một nỗi buồn chán bị thấm, nên bất cứ sự việc nào ra ngoài lệ thường đều hấp dẫn.

Đức vừa chiêm điều thuốc Mai cuối cùng chàng để dành từ hôm qua hít một hơi dài và nghĩ đến một câu trong cuốn sách của André Maurois “*Đời nhà binh là một cuộc đời*”

đều đều buồn tẻ, điểm đầu đó những nguy hiểm thực sự” mà chàng cứ phồng theo để nhắc lại với vài người bạn tù *“Đời cái tạo là một cuộc đời lao động đều đều cực nhọc buồn chán, điểm đầu đó vài nguy hiểm thực sự.”* Đức cũng tiến lại gần chỗ anh em túm tụm quanh xác con điều hâu mà Vân đang dơ cao lên cho mọi người xăm soi, bàn tán.

Thấy Đức, Vân vội khoe anh *“Anh Đức ạ! Thế là em đã kiếm được cho anh bộ xương con điều hâu rồi đây nhé. Anh phải thưởng cho em một bao thuốc Mai đây”.* Đức lại gần Vân và khi tia mắt chàng chạm vào cái cặp mắt đỏ một màu hồng ngọc mở trùng trùng của con vật đã chết, chàng tự nhiên rùng mình. Chẳng hiểu sao cặp mắt cũng mở trùng trùng đầy cảm hận của Ân lại trở lại như một ám ảnh hãi hùng, đã cứ nhiều lần xuất hiện trong những cơn ác mộng đã làm Đức choàng tỉnh trong đêm người toát mồ hôi đầm đìa.

Chàng dơ xác con điều hâu Vân trao cho đầy gương nhẹ và cẩn trọng. Trong hai tay chàng thịt con điều hâu dưới làn lông tơ xám nhạt phủ ở bụng ức và trắng nõn sát da, còn ẩm hơi nóng còn sót lại của sự sống và cặp chân với đôi cựa cong cũng mang lớp vẩy xám đục, vẫn còn hơi rung rung co dật nhẹ. Viên đạn AK xuyên qua bụng trở ra trên lưng còn đọng máu thắm đỏ ở chỗ đạn xuyên qua, đôi cánh khá rộng còn nguyên vẹn với những lớp lông pha trộn nhiều “tons” từ xám nhạt chuyển sang đậm tạo thành một cái nền thật đẹp và óng ả, càng làm nổi bật lên cái ánh đỏ trong lạ lùng của cặp mắt, với hai điểm đen đồng tử - hai cái lỗ thông với sự sống vừa thoát ra từ bên trong. Một tiếng nói nào đó của một bạn tù văng lên *“Đức định làm gì với xác con điều? Xương để dành làm thuốc bó các khớp trật hay bong gân, nhưng thịt nó ăn được không nhỉ?”* Tiếng cười của vài người văng lên cùng với vài lời bàn góp *“Ân thế quái nào được, vừa dai vừa tanh” “Ân thịt điều*

hâu? Ai lại nghĩ đến chuyện kỳ vậy nhỉ. Tù mà! Thấy con gì cũng nghĩ đến chuyện thịt có ăn được không?”

Đức hơi mỉm cười không đáp vào trọng tâm câu hỏi của Vân “*Vân à! Cậu xem có cách nào ướp được xác con điều này thì thú lắm nhỉ. Tưởng tượng xác ướp của nó toàn một màu xám với hai cánh giương ra như nó đang bay lượn oai nghi và chiếu đôi mắt đỏ lên toàn cái gương sơn của nó, ở đây vạn vật như chuột gà đều núp mình sợ hãi”. “Đâu có đủ các loại thuốc để ướp xác. Công phu lắm anh ạ! Em chỉ định lấy các lông cánh của nó làm một cái quạt nhỏ để chơi thôi à”.*

Đức kéo Vân đến gần chỗ bếp đun nước của Đội, móc túi đeo hông đưa cho Vân một gói trà ngon và hỏi vay một người bạn tù nửa bao thuốc Mai trao cho Vân và rồi chàng ngồi chờ Vân pha trà vào gô, đặt xác con điều xuống đất bên cạnh chàng. Đức lơ đãng nghe câu được câu chăng những lời nói hứng khởi của người bạn trẻ tính toán sẽ làm thế nào để nhổ lông chim điều và làm một cái quạt lông thật đẹp. Đức đang bận tâm ôn lại nhiều sự việc lộn xộn cứ chen chúc nhau dành sự chú ý của chàng trong trí óc. Không hiểu sao nhiều năm đi tù trí óc chàng lại ghi nhớ một cách rõ rệt khá lạ một số sự việc thật ra không có gì đặc biệt, mà lại cứ hay lãng quên hầu hết những nhọc nhằn gian khổ của việc lao động khổ sai, đơn giản có lẽ những cực khổ đó cứ đều đều lặp đi lặp lại chồng vào nhau tạo thành một khối đặc quánh đè nặng tựa một món đồ ăn độc khó tiêu tích lũy mãi trong máu thịt chàng. Chàng vừa nhớ đến con ngan to nặng nề vụng về lạch bạch ở nhà bếp một trại chàng đã sống qua cả vài năm, con yến được một phóng viên ngoại quốc mở cửa chuồng thả ra khá bất ngờ tại một trại miền Bắc, con chim sáo luân quần theo sát chân một người bạn xấu số chết vì ung thư gan và đôi mắt mở trừng trừng đầy giận dữ căm hận của một người bạn trẻ

khác Ân, đã chết vì một loạt đạn AK mà xác được tụi cán bộ bắt chàng bỏ vào kéo ra từ trong các vòng dây kẽm gai. Chàng đã cố vượt mắt cho Ân nhiều ân, nhưng Ân vẫn trừng trừng mở mắt và chàng đã sợ hãi ân hận đọc thấy trong mắt Ân một lời trách móc hướng vào chàng.

Con ngan lạch bạch cứ hay ra làm quần chân chàng và các bạn đến lãnh cơm tại nhà bếp một buổi chiều khi chàng tới đã biến mất và chỉ khi chàng trở lại để lãnh cháo cho người bạn đau thời đã ngạc nhiên ngẩng đầu nhìn theo một con chim với sải cánh lớn và hình thù lạ mắt bay nhiều vòng tít lên cao. Mấy bạn chàng cũng bàn tán cho rằng con chim lớn này chắc đang tìm cách xuống và quả nhiên nó hạ thấp xuống thật và rồi bay là là trên bãi cỏ rộng sau bếp, để rồi thoảng một cái xếp cánh lại để xuống khá vụng về cách bọn chàng không xa. Tất cả mọi người đều vui thú và kinh ngạc reo lên khi khám phá ra con chim với lối bay hùng dũng đó lại chính là con ngan quen thuộc của nhà bếp. Tại sao nó lại trở lại? Mặc dầu linh tính nghìn đời của loại chim hoang đã bắt chợt trở lại và sau một chuyến thử đập cánh lạch bạch chạy loạng quạng trong cả trăm lần như vậy, nó đã bắt chợt bay bổng lên được để lượn những vòng bay vào trời xanh bao la, con ngan lại quay trở về sân bếp? Tại sao tự do đã lại không hấp dẫn nó như bọn chàng? Hay vì nó quen ăn cơm thừa đầy ra ở đây và chưa quen với những thử thách của thiên nhiên?

Suy nghĩ hoài chàng rồi cũng tìm ra một ví von thú vị và đặc ý: Có lẽ bọn chàng khi bị giam hãm trong cảnh tù đầy, vụng về với cái cây cái cuốc, nhưng cái khả năng bay bổng trong những khoảng trời cao rộng của ý tưởng đâu đã mất đi. Đúng thế! Chàng nghĩ trong những bộ đồ lao động và chằng vá chịt, tay chai sần sùi vì cầm cuốc, da thịt cháy nắng đầy các vết sẹo vì nắng mưa, ần đầu đó vẫn là tiềm năng suy nghĩ phóng khoáng đầy sáng tạo, chỉ chờ cơ hội

thuận tiện là bay bổng. Giọng suy nghĩ của chàng đến đây lại dẫn chàng trở lại với cái chết bi đát đầy uất hận của Ân. Ân đã thực chẳng may chết trong tức tuổi quá sớm. Giá chàng đừng mặc cảm với những lời nói khích bác có phần coi thường chàng của Phi, một người bạn trẻ hơn của Ân cộng tác với Ân trong mưu đồ trốn trại đã chỉ bị bắt lại ngoài rừng sau đêm vượt trốn một ngày, mà cương quyết thuyết phục được Ân bỏ ý định trốn trại cho nên ngày hôm nay Ân vẫn còn sống. Đôi mắt Ân cứ phải mở trừng trừng tức giận chết vương trong hàng rào kẽm gai, cũng như đôi mắt trừng trừng ửng mầu hồng ngọc của con diều hâu xác còn nằm kia, đôi mắt mà chỉ khoảng khắc trước đó còn quét những tia nhìn soi mói sắc và ngạo nghễ lên cái giang sơn riêng.

Chàng cũng còn nhớ riêng phần chàng, chàng cũng đã dự và bị giăng co nhiều ngày giữa ý muốn vượt trại và từ bỏ kế hoạch mà sự tính toán các yếu tố khách quan chỉ cho người tham dự một tỷ số thành công quá thấp. Sờ dĩ chàng chỉ bỏ ý định trốn trại vào chập tối vào đêm tai họa đó và báo cho Ân và hai bạn Ân biết, là vì chiều đó chàng nhận được một lá thư khá dài của vợ con, lá thư chàng chong đèn đọc đi đọc lại nhiều lần. Chàng cũng nhớ mãi trong lời tái bút, con gái út chàng viết ké vào một câu với cái lối viết vụng về xiên xẹo của một đứa trẻ lên mười “*Con không muốn bố đau ốm và buồn đâu. Bố phải vui khoẻ và nhớ bắt cho con một con sáo biết nói*”. Đức đã vừa cười rơm róm nước mắt đọc những lời lẽ ngây thơ đầy tin cậy của con gái út. Chàng đã khám phá ra tay chàng đã bị trói lại vì những tình cảm thương yêu của lũ trẻ và so với mấy bạn trẻ chưa vợ con chàng còn rất nhiều trách nhiệm và mọi mạo hiểm với kết quả quá mong manh thật sự vượt khỏi tầm tay chàng. Chàng không hiểu là nếu không vì tự ái bị xúc phạm sợ bị coi là nhát gan, chàng đã không làm trái lòng mình lên tiếng khuyến khích Ân đừng trốn trại. Ân liệu có thay

đôi ý kiến ở lại với chàng hay không? Cũng rất có thể? Qua lời Ân trao đổi bàn bạc với Đức, Ân đôi lần lộ vẻ e ngại vì Ân rất thương bố mẹ già còn sống đang chờ đợi Ân mà Ân lại là con trai độc nhất trong một gia đình đông con. Bề nào chẳng nữa, nếu chàng bộc lộ thẳng thắn lý lẽ của chàng vào những giây phút quyết định cuối cùng của đời Ân, Ân ở lại hay trốn trại chàng cũng yên trí làm hết mình, chứ đâu phải ôm xác Ân khóc thầm và kéo Ân ra khỏi mấy vòng giây kềm gai và nhìn vào cặp mắt uất hận của Ân mở trừng trừng nhìn lên trời đêm bao la đầy sao và cái nhìn đó đâu có mang vẻ trách móc ám ảnh chàng mãi đến ngày hôm nay. Tuy tự biết mình đâu thực sự có lỗi làm gì trong cái chết của bạn, nhưng cứ nghĩ lại kỷ niệm đau thương mất người bạn trẻ chàng rất mến này, Đức vẫn cứ dằn vặt mình mãi mãi sau này, tự làm khổ mình khá vô lý và thừa thãi như vậy. Có thể vì ở tù quá lâu sát cánh với cái chết, chứng kiến quá nhiều cái chết của bè bạn, tâm thần chàng đã trở nên không bình thường lắm? Chàng biết vậy mà không thể ngăn được ân hận hoài và cũng chẳng ngăn được những cơn ác mộng cứ trở lại.

Tiếng tên cán bộ quản giáo báo hết giờ giải lao vang lên thúc giục và làm Đức choàng tỉnh, nhồm dấy cầm lấy cuốc, liếc nhìn cặp mắt trừng trừng màu hồng ngọc của con điều hâu rồi lên tiếng hỏi Vân "*Con sáo cậu nuôi cho tôi bóc lưỡi lâu rồi mà nói được tiếng nào chưa?*" Vân cầm xác con điều hâu bỏ vào túi treo cạnh đó cười khoái chí "*Á! Thế là kỳ chủ nhật này cô bé gái út anh theo chị lên thăm sẽ có món quà. Nó nói được rồi. Em dạy hoài nó chỉ nói được một tiếng gọi tên Anh thôi à tuy nghe không sôi lắm. Vậy anh phải thưởng cho em một gói thuốc lào ngon đấy phải không?*" Đức thú vị nghĩ đến khuôn mặt nhỏ tươi cười rạng rỡ của con gái út khi nó được chàng tặng một con sáo biết nói, lời hứa chắc nó đã quên chàng đã đưa ra có lẽ từ bốn năm năm về trước, vào năm ân chết, mà chỉ đến lúc

này chàng mới thực hiện được. Đức cũng chợt nhớ ra chàng còn giữ một số thư từ vật dụng nhỏ nhỏ riêng tư của Ân mà vẫn chưa tìm được cách trao lại cho bố mẹ Ân và người vợ trẻ mới cưới trước khi Ân đi tù. Chàng tự nhắc chủ nhật này gia đình đến thăm nuôi chàng phải nhớ hỏi vợ xem có dò hỏi gì được về địa chỉ của gia đình Ân chưa và chắc chàng có thể mang tặng vợ chiếc quạt lông chim màu xám cùng con sáo dành cho con gái út.

Trong buổi gia đình lên thăm chàng vào chủ nhật kế đó, vợ và con út chàng may mắn được phép ở lại buổi trưa để ăn với Đức một bữa cơm, sau những câu chuyện hàn huyên thật vui đầy tiếng cười nói, vợ Đức hờn hờ ra mặt vừa được chàng báo tin chàng đã ra khỏi bệnh xá và bệnh lao phổi đã đỡ nhiều và đã đi lao động lại và khi chàng nhớ ra hỏi về gia đình Ân đã khoe với chàng tình cờ lên Đà Lạt thăm mẹ gặp gia đình ân ở cùng khu phố. Vợ Đức cũng ái ngại cho chàng biết vợ Ân còn rất xinh đẹp và đảm đang lắm và có mang khi Đức đi tù nên đã sinh một con trai rất kháu khỉnh và hiện sống với bố mẹ chồng chưa lấy chồng khác. Gặp vợ Đức được biết Đức cũng đã ở cùng đội cùng trại với Ân, nên vợ Ân đã khóc lóc kể lại tất cả những đau đớn của một người vợ trẻ biết tin chồng chết tức tưởi và bi thảm. Vợ Ân cũng gửi tặng chàng một gói bột đậu nành. Đức cũng cảm động nhưng cố giấu vợ con và dĩ nhiên chàng cũng chẳng muốn kể về cặp mắt trừng trừng mở của Ân cứ đên trong những giấc mơ của chàng, sự ân hận của chàng không còn Ân, cặp mắt hồng ngọc của con điều hâu và tất cả những kỷ niệm mang một ý nghĩa riêng biệt mà dù kể ra cũng không ai thông cảm được với chàng, dù đó là trường hợp vợ con chàng đi chẳng nữa. Đó là gánh nặng của kỷ niệm mà chàng mãi mãi phải mang sau này trong đời, dù sau này chàng được tự do hay ở bất cứ phương trời nào. Điều này chàng biết với chàng. Đức chỉ trao cho vợ chiếc quạt lông nhỏ làm bằng các lớp lông cánh xám cho vợ và một gói nhỏ

HUỶNH ÁI TÔNG

các món vật dụng thu từ hình ảnh của Ân để lại, mà nhiều lần trước đây khi ra thăm vợ con, chàng đều mang theo người với hy vọng vợ sẽ tìm được tung tích gia đình Ân. Chàng chỉ nhỏ nhẹ nhờ vợ nói hộ với vợ Ân một ngày nào đó sẽ đến thăm và kể lại tường tận về những ngày cuối cùng của Ân (và cái chết tức tưởi của Ân trong vòng giây kềm gai mắt mở trừng trừng đầy uất hận hướng lên bầu trời đêm đầy sao). Đức thâm nghĩ chắc phải đợi lâu lắm, ít ra là đến ngày chàng được tự do gặp vợ Ân, tâm hồn chàng mới đủ thoải mái để kể hết về những gì đã xảy ra, kể cả niềm ân hận của chàng đã không hết mình can ngăn bạn.

Điều lạ là sau khi được tin về vợ Ân, chuyển được các vật dụng của Ân để lại đến gia đình Ân, tự nhiên giấc ác mộng ôm xác Ân mắt mở trừng trừng uất hận không còn đến với Đức nữa. Chàng không vui mừng lắm khi khám phá ra hiện trường tâm lý này nơi tâm hồn chàng. Như vậy là chàng đã trong chỗ sâu thẳm của ký ức chàng đã chấp nhận ân thực sự đã chết; và tuy chàng vẫn không thể quên cái chết với đôi mắt mở trừng trừng của bạn, nhưng chàng đã thấy cái lòng ân hận không lấy gì làm bình thường làm đã làm khổ chàng cũng dịu dần rồi mắt sẽ một cách nào chết trong tù với đôi mắt mở trừng trừng như Ân, người bạn tù xấu số chàng sẽ mãi mãi không quên trong đời.

Trích thơ:

Chiếc kẹ nhỏ ^(a)

*Chiếc kẹ nhỏ trong bàn tay người chết
Năm không buông như níu kéo cuộc đời
Chiếc kẹ nhỏ trong bàn tay người chết
Người bạn tôi vừa từ bỏ cuộc đời
Mới vừa đây trong tiếng rên hấp hối
Anh đã xin “ hãy tìm hộ cho anh*

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

*Một chiếc kẹo “ . . . vì đã thềm chất ngọt
Nhiều tháng năm chỉ chờ đợi phút này
Chiếc kẹo nhỏ trong bàn tay người chết
Phút chia ly tôi vuốt mắt bạn hiền
Chiếc kẹo nhỏ rơi nằm trên ngực áo
Kẹo còn đây mà người đã lìa đời . . .
Thế là thôi trong nỗi vui phút cuối
Anh chết đi chiếc kẹo còn trong tay
Đầy cảm trọng trong nỗi niềm vô vọng
Nhiều tháng năm chỉ chờ đợi phút này
Tiễn đưa anh những bạn tù đôi rách
Chiếc áo thô tằm liệm cuối đời tù
Khóc cho anh và cho cả chúng ta
Rồi ngày nao . . . cũng sẽ đến lượt . . . mình*

(a) Ước nguyện của Đại tá Nguyễn Khoa Điềm tại bệnh xá trong trại tù, được có viên kẹo ngậm, khi Duy Lam tìm được kẹo, Đại tá cầm viên kẹo trong tay mãi nguyện, nhưng không thể ngậm kẹo vì đã kiệt sức. Xuân Diệu phổ nhạc: *Chiếc kẹo nhỏ trong bàn tay người chết*.

Tranh:

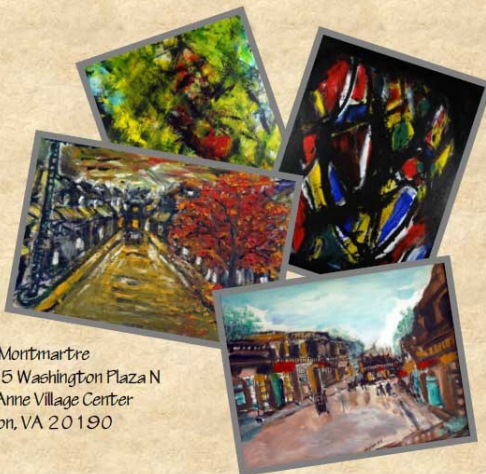


Phố (son dầu trên canvas - tranh Duy Lam)

HUỶNH ÁI TÔNG

DUY LAM

Art Exhibition
From May 5 to June 15, 2013



At
Cafe Montmartre
1625 Washington Plaza N
Lake Anne Village Center
Reston, VA 20190

Sponsored by:
- Vietnamese Literary and Artistic Club - Washington DC
- Cafe Montmartre

Duy Lam chẳng những là một nhà văn, nhà thơ, ông còn là một họa sĩ, mới 19 tuổi đã được nhà văn Nhất Linh chọn vào Tự Lực Văn Đoàn lớp sau, 79 tuổi còn sáng tác và triển lãm tranh tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Tài liệu tham khảo:

- Duy Lam Web: sachxua.net
- *Điều mắt đỏ* Web: banvannghe.com

17. Thanh Tâm Tuyền



Thanh Tâm Tuyền - Dzur Văn Tâm (1936-2006)

Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzur Văn Tâm sinh ngày 1 tháng 3 năm 1936, tại Vinh, Nghệ An, ông còn dùng bút hiệu khác: Đỗ Thạch Liên. Theo Thanh Tâm Tuyền cho biết, thân phụ ông dạy học, viết báo *La Volonté Indochinoise*. Thân phụ mất sớm mới có 29 tuổi, lúc ông mới lên 5 và người em trai duy nhất mới hơn 2 tuổi.

Thuở nhỏ, ông theo mẹ vào Sài Gòn học tiểu học ở Gia Định, lên trung học học ở trường Huỳnh Khương Ninh.

Năm 1949, ông trở ra Hà Nội học tiếp bậc Trung học.

Năm 1952 (16 tuổi), ông đi dạy học tại trường Minh Tân (Hà Đông) và đăng những truyện ngắn đầu tiên trên tuần báo *Thanh niên*, Hà Nội.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1953, truyện ngắn "*Viên Đạn Cuối Cùng*" của ông đã đoạt giải nhất trong cuộc thi do báo *Thần Chung* tổ chức.

Năm 1954, ông di cư vào Nam sinh hoạt trong Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư, do Trần Thanh Hiệp làm chủ tịch, Nguyễn Sỹ Tế làm Ủy viên phụ trách văn hóa. Đoàn Sinh Viên chủ trương nguyệt san *Lửa Việt*, Thanh Tâm Tuyền tham gia viết bài vở, sau số *Xuân Chuyển Hướng* thì đặc san đình bản, sau đó có nguồn tài trợ lại làm Tuần báo *Người Việt* do Doãn Quốc Sỹ làm chủ nhiệm, báo ra được vài số lại ngưng vì tài chánh, sau đó các anh giúp phụ trách trang Văn Nghệ trên nhật báo *Hòa Bình* của Vũ Ngọc Các. Mai Thảo gửi đến truyện "*Đêm già từ Hà Nội*". Thanh Tâm Tuyền phát hiện được cây bút mới, mời tác giả đến tòa soạn. Từ đó, "nhóm" có thêm Mai Thảo. Thanh Tâm Tuyền vừa viết văn vừa đi dạy trường Nguyễn Trãi Sài Gòn, rồi tu thực Nguyễn Trãi ở Bình Dương.

Tháng 10 năm 1956, *Sáng tạo* ra đời do Mai Thảo tìm được nguồn tài trợ nên đứng chủ trương biên tập.

Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ và Thanh Tâm Tuyền cộng tác với Mai Thảo, họ cùng làm việc với nhau tạo thành một "nhóm" được gọi là Nhóm Sáng Tạo.

Trong số 3 của *Sáng Tạo* tháng 11 năm 1956, Thanh Tâm Tuyền đăng bài thơ *Hơi thở ngực tôi* và trong năm này quyển thơ đầu tay của Thanh Tâm Tuyền *Tôi không còn có* *độc* ra đời do Người Việt xuất bản, và năm sau *Bếp lửa* (văn, 1957) do Nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng in, hai tác phẩm đánh dấu sự thay đổi diên mạo văn học thời bấy giờ.

Năm 1962, Thanh Tâm Tuyền nhập ngũ, thụ huấn tại trường Bộ binh Thủ Đức. Sau khi tốt nghiệp, ông phục vụ

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

tại các đơn vị: Trường Võ bị Đà Lạt, báo *Tiền Tuyến* của Quân Lực VNCH, *Tạp san Quốc Phòng* của trường Cao Đẳng Quốc Phòng. Năm 1966 giải ngũ; năm 1968, tái ngũ, ở trong quân đội cho đến 1975 với cấp bậc cuối cùng là Đại úy. Ông bị tù hơn 7 năm trong những trại giam ở miền Bắc.

Tháng 4 năm 1990, ông qua Mỹ theo diện HO, lúc đầu ở tiểu bang Louisiana, sau định cư ở Roseville, tiểu bang Minnesota; do người bạn thân là nhạc sĩ Cung Tiến và hội Văn Hóa Việt Nam bảo trợ. Ông theo học Điện toán và làm việc tại St. Paul Technical College đến khi về hưu năm 2001.

Thời gian ở Mỹ ông sống như người ẩn dật, viết rất ít, chỉ khi nào thật sự cần thiết mới viết, như dịp tưởng niệm các bạn ông: Mai Thảo, Ngọc Dũng, tuyên dương Doãn Quốc Sỹ ... Ông có nói với Trần Thanh Hiệp: "Nếu không tìm được gì thật mới thì sẽ thôi hẳn không viết nữa". ông mất ngày 23 tháng 3 năm 2006 vì bệnh ung thư phổi, thọ 70 tuổi.

Hai mươi tuổi vào đời, Thanh Tâm Tuyền đã có hai tác phẩm *Tôi Không Còn Cô Độc* và *Bếp Lửa*, một thơ một văn, ông đã thổi vào văn học miền Nam một luồng gió mới về sáng tác.

Đối với tiểu thuyết, ông có quan niệm không theo lối viết cũ về luận đề hay hoàn cảnh đưa con người đến chung cuộc hạnh phúc hoặc khổ đau mà viết về những khắc khoải nội tâm, những u uẩn cuộc đời, những vấn đề phi lý của kiếp người.

Về thơ, trong tiểu luận *Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay* ông viết năm 1955 như là tuyên ngôn về thơ tự do.

HUỶNH ÁI TÔNG

"Chúng tôi theo con cuồng nộ bi thảm của Dionysos, của cuộc đời hôm nay ... Nghệ thuật phá vỡ những hình thức sẵn có hỗn loạn trong những niềm cảm xúc, một nghệ thuật của say sưa, một vẻ đẹp hãi hùng mọi rợ, nghệ thuật bắt nguồn từ một nhân sinh quan bi thảm ... (Người làm thơ) không tạo những hình dáng cho cuộc đời vốn đã là một hình dáng, họ muốn nhìn thực tế bằng con mắt trợn tròn, căng thẳng phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn không che đậy."

Trong tập *"Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy"*, ông viết năm 1964: *"Thơ tự do không gieo vần lối đồng âm, đồng thanh, vần của nó là vần ẩn giấu cách xa (có thể đi tới khác âm, nghịch thanh), nhịp điệu của nó là sự phối hợp của một toàn thể không khuôn trong một số câu nhất định khiến cho hơi thơ tự do dễ kéo dài hơn các hơi thơ khác"*.

Tác phẩm:

- *Tôi không còn cô độc* (thơ, Người Việt, 1956)
- *Bếp lửa* (Nguyễn Đình Vượng, 1957)
- *Khuôn mặt* (tập truyện, Sáng Tạo, 1964)
- *Liên, đêm, mặt trời tìm thấy* (thơ, Sáng Tạo, 1964)
- *Dọc đường* (tập truyện, Tân Văn, 1966)
- *Cát lầy* (Giao Điểm, 1967)
- *Ba chị em* (kịch, 1967)
- *Mù khơi* (1970)
- *Tạp ghi* (phiếm luận, 1970)
- *Tiếng động* (1970)
- *Một chủ nhật khác* (Văn, 1975)
- *Ung thư* (đăng nhiều kỳ trên báo Văn, chưa xuất bản)
- *Thơ ở đâu xa* (thơ, Trần Khắc Phục, California, 1990)

Trích văn:

Tư

Thiệt cất tiếng ca: "Đêm đông gió bắc lạnh lùng người viễn khách dừng chân nơi quán trọ nhìn cây trúc lá trên hè vắng và lòng buồn mơ quay về nơi dĩ vãng. Ôi những ngày thơ mộng đã qua không bao giờ tìm thấy nữa..."

Thiệt ca nức nở như những tiếng nấc nghẹn ngào. Đầu Thiệt nghiêng nghiêng bên tay đàn, những ngón tay buông bắt hớp tấp trên hàng phím trũng. Hết một câu, Thiệt gõ nhịp xuống mặt cây "ghi-ta" đã tróc sơn. Gian nhà trần, nền đất đập ẩm mốc. Ngọn đèn dầu lung lay treo ở cột trên đầu Thiệt. Trên cái ghế bố, ngoài Thiệt còn ba người khác: con Lai, chị Sáu và Tư. Lai nằm co gối đầu lên đùi Thiệt, chị Sáu hút thuốc lá, Tư ngồi thu ở đầu ghế. Xóm khuya dần và trận mưa tới. Bài ca dứt thì Tư cũng đã khóc. Con Lai cười:

"Anh làm tiếp bản nữa nghe chơi".

Chị Sáu nói:

"Rầu thấy mẹ, lại mưa rồi".

Tiếng hát của Thiệt lẫn trong tiếng mưa hiu hắt, khuôn mặt Thiệt xa lắc. Tư ghét con Lai, nó lớn tuổi hơn Tư, ngộ hơn Tư, lão luyện hơn Tư. Con mắt nó xanh, tóc nó hoe vàng, nó có phần máu Tây trong người. Chị Sáu đã già ứa không còn ngực, mặt nghiền nặng. Tư muốn không còn hai người ấy để được một mình ngồi gần nghe Thiệt ca, những bài vọng cổ ấy thấm tận vào lòng Tư không bao giờ có được. Tư cũng muốn bắt chước "viễn khách" quay về tìm dĩ vãng nhưng dĩ vãng của Tư ở đâu? Ai biết? Năm nay Tư mới mười bảy tuổi, Tư mồ côi cha mẹ năm được bảy tám tuổi gì đó. Ở với cha mẹ nuôi rồi trốn đi năm mười lăm tuổi để làm diêm. Dĩ vãng đâu phải là những hình ảnh mà người ta

không muốn nhớ. Tư ở ruột cho vợ chồng chị Sáu – cả hai người này đều ghiền – đi khách về đưa tiền cho chị Sáu, chị nuôi cho Tư ăn mặc. Khi Tư bị bắt, vợ chồng chị lo lắng cho Tư, còn hơn là cô thân trong trường hợp hoạn nạn. Lâu lâu chị Sáu cũng biết điều mua cho Tư chỉ vàng lúc dư dật. Chị Sáu cũng thương Tư, thỉnh thoảng chị an ủi hứa hẹn với Tư sẽ lấy Tư cho thằng con trai độc nhất của chị khi nó lớn lên. Năm nay nó mới có mười ba tuổi, giữ việc canh gác cửa ngõ. Tư chẳng có một ý nghĩ nào.

Thiệt không ca nữa ngồi yên. Anh chẳng ngó Lai cũng chẳng ngó Tư. Bốn người không biết nói gì với nhau. Đầu xóm không có lấy một tiếng chân người. Lát sau chị Sáu nói:

"Tư này, con Phương chết rồi mày biết không?"

Tư lắc đầu. Con Lai lên giọng:

"Ho ra huyết mà không chết sao được?"

Chị Sáu chép miệng:

"Tội nghiệp, nó lấy được thằng chồng tốt mà trời không cho hưởng".

Chồng của Phương là một anh chàng khách trú làm thợ sửa xe hơi, đã ngủ với Tư một lần và có cho thêm Tư mười đồng bạc.

"Anh ca nữa đi anh Thiệt". Con Lai kéo tay Thiệt ngồi xuống vì Thiệt muốn đứng lên.

"Thôi mày ơi, ca cho mày nghe hoài tao ngán lắm".

Thiệt lấy tấm áo mưa trùm lên người. Chị Sáu hỏi:

"Đi đâu thế mày?"

"Đi kiếm chồng cho mấy con này".

Con Lai bảo:

"Nè em bảo anh lên xin ca trên đài phát thanh được đó nghe".

Thiệt mò mẫm tránh những vùng sinh lộ. Mưa giở giọt gianh. Trời có ánh sáng màu sương đục. Thiệt lách hàng rào của trại cura vào trong. Cả cái xưởng lớn chỉ treo một ngọn điện nhỏ, máy móc nín thình và gỗ xẻ nằm ngửa trên đất. Thiệt kiếm một cây gậy cầm tay chống rồi lại theo khe hở ra ngoài. Những khóm nhà lá nhấp nhô làm ngõ không thành lối. Ra đến lộ Thiệt đứng dựa núp sau một gốc cây. Tiệm cà phê ở đầu phố còn đông người. Thiệt đứng chờ đợi và chửa rửa trời đất.

Còn lại ba người đàn bà trong gian nhà, Lai nằm dài chiếm cả cái ghế bố, Tư vẫn ngồi dưới chân Lai. Chị Sáu ra đứng tựa cửa hút thuốc lá.

Chị Sáu hỏi Tư:

"Hồi chiều mày có mua thuốc uống không Tư?"

"Dạ, rồi".

"Đúng tên thuốc không mày?"

"Dạ đúng".

"Phải coi chừng bệnh, khổ nghe con".

"...Những dòng nước mắt cứ từ con tim đau khổ dâng lên nghẹn lời..."

Phải, Tư cảm thấy đúng như câu ca của Thiệt hồi nãy. Con Lai đang nghêu ngao một mình:

*"Một mai thiệp có xa chàng,
Đôi bông thiệp trả đôi vàng thiệp xin".*

Rồi nó kêu lớn:

"Rầu thúi ruột chị Sáu ơi!"

Chị Sáu gắt:

"Mày cũng biết rầu sao mày?"

"Trời ơi! Bộ tôi không là người sao chị".

Con Lai nhồm nừa người nói xong lại ngã xuống. Nó trêu Tư, nhái một câu "chuồn chuồn" trong tuồng "Hoa rơi cửa Phật": "Em Tư ơi! Ôi chưa đầy hai năm mà một vẻ đẹp thùy mị kín đáo đáng yêu trước kia nay đã biến thành một nạn nhân khốn khổ. Em Tư ôi! Tội tình chi mà... em phải... ơ... ơ... đọa... đây".

Con Lai khoái chí cười ngất. Tư òa khóc. Chị Sáu la:

"Tư, bộ mày điên sao Tư?"

Tư vẫn khóc, nước mắt ẩm cả cổ họng. Con Lai cười, mắt nó nhắm hết lại:

"Đồ quý, có im đi không, khuya rồi".

Một lát chỉ còn tiếng thút thít của Tư, và Lai chuyển sang bản vọng cổ "Đêm đông gió bắc lạnh lòng" của Thiệt.

Từ xa một người đàn ông đi lại, dáng thiếu nã. Đến ngang chỗ Thiệt núp, người ấy bật quẹt châm thuốc không trông thấy Thiệt. Thiệt rút thuốc đến gần nói:

"Thầy cho em xin chút lửa".

Người khách bật cây quẹt khác cho Thiệt. Trông vẻ mặt khách dữ, Thiệt hỏi:

"Có phải hồi hôm thầy dặn em đón thầy không?"

Khách không trả lời, Thiệt tiếp:

"Món này ngon lành lắm, em cam đoan thầy phải hứng. Lại mà".

Khách ngần ngừ một phút khẽ gật đầu và theo chân Thiệt, Thiệt bắt đầu ngán sự im lặng của khách, nói:

"Thầy coi chừng lộ".

Thiệt bỗng nghe tiếng hỏi sau lưng:

"Phương còn ở đây không?"

Giọng nói người miền ngoài. Thiệt yên bụng đáp:

"Món này ngon hơn Phương mà thầy".

Khách hỏi sang chuyện khác:

"Xóm này chưa bị dỡ?"

"Đông thêm thầy ơi! Dễ gì mà đi".

Đất của xóm là đất của một hăng cưa máy nghiêng mãi xuống mé sông. Trại cưa bị xóm này vây bọc xâm lấn trông cũng tiêu tụy. Chị Sáu ra cửa nghe ngóng. Thiệt và khách vào đến nơi đứng ở cửa. Con Lai ngồi dậy sửa lại đầu tóc. Tư cúi gầm đầu, mắt còn cay. Chị Sáu vồn vã:

"Mời thầy vô".

Khách vẫn đứng yên giữa cửa, người dong dỏng cao, khoác áo mưa xám nhà binh, đầu không chải, da mặt nhờn mồ hôi. Thiệt ra hiệu chỉ Lai cho khách. Khách không nói và nhìn chăm chăm vào Tư. Tư không cựa cựa. Chị Sáu vội thúc:

"Kìa Tư".

Khi đứng lên thì người khách đã ra ngoài. Lai nhìn Tư căm tức. Lần thứ nhất Tư không ngờ đã thắng Lai. Tư thấy sung sướng. Chị Sáu đi trước dẫn lối, Tư đi gần khách phía sau. Tư hết khóc tỉnh táo, thỉnh thoảng liếc nhìn khách. Tư chẳng phân biệt được nét mặt. Càng vào sâu xóm càng tối càng yên tĩnh. Người khách phải cúi đầu qua những mái thấp. Căn nhà của chị Sáu gần mé sông. Thằng con chị Sáu đang ngủ trên bộ ván sát cửa vào. Nó choàng dậy khi nghe chị Sáu kêu:

"Dậy mày, ra ngoài trông cửa".

Gian ngoài hẹp thông sang nhà bếp chỗ chứa nước kê bộ tủ thờ và một bộ ván. Gian trong vuông vức kê một cái giường – của anh chị Sáu – kèm một tấm "ri đô" bần thiu.

Khách ném áo mưa trên ván, Tư đi thẳng vào trong giường. Chị Sáu khóa trái cửa và cùng thằng con trai ra ngoài ngõ.

Tư thấy ngọn đèn được vặn sáng lên và hình như khách ngồi xuống bộ ván ở ngoài. Không hiểu sao Tư không dám lên tiếng kêu. Tư nằm xuống giường lăn vào quay mặt vô vách. Nước trên cao đập vào những chân cừ ở dưới, mùi bùn nồng nồng. Tư ngủ quên trong vài phút ngắn. Tư tỉnh dậy nhẹ nhàng, người đàn ông nằm bên cạnh. Hắn ngửa mặt nhìn mái nhà im lặng. Tư e dè sán lại gần giúi đầu vào vai hắn. Người đàn ông quay lại với Tư, hỏi:

"Em sợ anh phải không?"

Tư gật đầu:

"Việc gì mà sợ? Anh hiền không?"

Người đàn ông ôm lấy Tư hỏi tiếp:

"Em biết Phương không? Lần trước anh gặp Phương. Em hỏi Phương thì biết".

Rồi người đàn ông hỏi tên của Tư, Tư đáp. Tư tin giọng nói ngọt ngào của người ấy. Mưa rào xuống trên sông, gió thổi tắt ngọn đèn, nhà tối thui. Người đàn ông hôn rất lâu trên môi Tư. Tư thờ nhiều trong mũi. Khi Tư đã quen với hơi của người đàn ông, hắn bỗng nằm im và vuốt tóc Tư, nói:

"Em giống như em gái của anh".

"Hay em là em gái của anh". Tư nói rõn.

"Nếu em là em của anh thì anh đánh đòn".

Tự dung Tư thấy buồn. Tư hỏi:

"Em gái của anh ở đâu?"

"Ở ngoài Bắc với mẹ anh".

"Anh vô đây một mình?"

Người đàn ông gật đầu.

"Hồi nào?"

"Di cư".

Người đàn ông kể cho Tư nghe chuyện gia đình:

"Em gái của anh ngoan lắm, anh hay ăn cắp tiền của nó, nó khóc. Nhưng khi nào anh không có tiền hỏi vay nó lại cho, chẳng bao giờ anh trả cả".

"Đến bao giờ anh tính về ngoài ấy?"

"Anh tính về?" – người đàn ông cười gằn – "Anh tính sao được, phải đợi thống nhất chứ".

Tư không hiểu thống nhất là gì. Người đàn ông tiếp:

"Nhưng anh không sống đến ngày ấy".

"Anh chỉ nói bậy nào".

Tư hôn vội lên môi người đàn ông vì không muốn nghe người ấy nói nữa. Khi Tư buông môi dựa tai vào ngực, Tư nghe giọng nói ở trong ấy:

"Mai anh chết mất rồi".

"Anh nói em sợ lắm".

Người đàn ông ôm ghi lấy Tư và người Tư thu nhỏ lại.

"Em ngoan lắm. Em ngoan như Phương vậy".

Tư gỡ tay bạn, hỏi:

"Anh biết Phương nhiều không?"

"Một lần".

"Phương lấy chồng rồi".

"Tốt, rồi em cũng sẽ lấy chồng như Phương".

"Phương vừa mới chết. Ho ra huyết".

Người đàn ông nín thình. Tư hỏi:

"Anh hôn Phương không?"

"Sao lại không?"

Tư thành thật bảo:

"Vậy mai anh phải về uống thuốc, ngừa bệnh đi".

Người đàn ông bỗng nhiên cười dài, cười lớn vang động cả đêm khuya tĩnh mịch.

"Cám ơn em, nhưng mai anh chết rồi còn đâu".

Tư rùng mình sợ hãi.

"Em biết anh đã hôn Phương, em còn dám hôn anh nữa không?"

Tu choàng riết lấy lưng người đàn ông và hôn say đắm. Rồi Tu quờ tay sờ lên mái tóc ướt sũng của chàng. Những ngón tay của Tu lần theo viền mắt chàng đọng lệ.

"Em thương anh".

Tu thấy yêu đương bông bột.

"Thật sao? Tu".

"Dạ".

Đó là tiếng nói tự con tim của Tu. Giờ phút trôi qua và người yêu của Tu vẫn chưa trở về làm người khách. Chàng vẫn ôm ấp Tu như ôm đứa em gái. Mưa đã ngớt một cơn và bắt đầu một cơn mới. Tu hỏi:

"Hồi nãy sao anh không đi với cô kia? Cô ấy đẹp hơn em".

"Anh không cần đẹp, và anh trông thấy em khóc".

Tu nhõng nhẽo áp má vào má người yêu.

"Anh muốn ở lại suốt đêm nay với em nhưng anh không có tiền để trả".

Tu tủi lắm đáp:

"Bốn trăm".

"Anh còn trăm bạc cuối cùng".

"Anh biết là em muốn anh ở lại với em, em thế nào cũng được. Nhưng em ở ruột cho chị Sáu, tiền chị ấy lấy em chẳng có quyền gì hết".

Tu kể lể tình cảnh với người yêu và Tu khóc.

"Giả tử em có tiền..."

Người đàn ông vỗ về an ủi Tu, lấy tay lau nước mắt cho Tu, sờ trán Tu, chàng bỗng kêu lên:

"Em đau?"

"Không sao đâu anh". Tu sợ chàng sẽ hết yêu, vội nói.

"Không phải, anh nghĩ là em phải uống thuốc cảm".

"Em không có tiền".

"Em biết là anh nghèo. Anh có bao nhiêu anh đưa hết cho em".

Chàng trở dậy đốt đèn mang vào giường. Chàng đỡ ví soi lên. Cái ví da đen già cũ rách bươm không có một tấm ảnh nào. Chàng mỉm cười hỏi Tu:

"Ví cũ quá hả? Của cha anh để lại cho anh, mấy chục năm đó". Chàng lục hết các ngăn dưới mắt Tu, chàng nói:

"Một trăm đồng nhất này để trả chị Sáu, còn lại của em tất cả là bao nhiêu, em đoán xem nào?"

"Em không biết?"

"Sáu đồng, sáu đồng đủ mua thuốc cảm".

HUỶNH ÁI TÔNG

Tư cất sáu đồng bạc vào túi, chàng nằm xuống dặn:

"Mai sáng nhớ mua thuốc ngay nghe không?"

"Dạ".

Chàng bồng ngời dậy nói:

"A! anh còn để gia tài lại cho em. Em có thích không?"

Tư ngơ ngác:

"Một tấm vé số. Hy vọng là trúng".

Tấm vé số gấp làm tư giấu một ngăn kín. Chàng bảo Tư:

"Tất cả hy vọng của anh đó. Anh cho em hy vọng của anh. Em sẽ trúng nghe không. Chỉ cần độ một trăm ngàn thôi. Em trả nợ độ mười ngàn, còn lại em ra mở tiệm làm ăn, lấy chồng, đẻ con và sung sướng".

Tư hỏi lại:

"Biết bao giờ em được sung sướng như vậy?"

"Được chứ, mai anh chết rồi. Cái hy vọng của người chết cộng với cái hy vọng của em to lớn biết bao nhiêu. Anh chết để cho em trúng số. Em phải trúng nghe không?"

Tư hỏi ngây thơ:

"Anh chết thật? Tại sao anh chết?"

Chàng cười:

"Anh chết chứ. Chết cho em trúng số mà. Nếu anh không chết làm sao em trúng được".

Tư không biết làm gì hơn là ôm người đàn ông vào gần mình. Tư nói:

"Em nhớ mặt anh. Trúng số em đi kiếm anh".

"Không thấy đâu, em ơi!"

Tư khóc nức bất ngờ:

"Anh chết thật sao anh?"

"Anh chết thì em có mắt gì đâu, đừng khóc nào, Tư".

"Nhưng em muốn anh sống".

"Ừ thì anh sống nhưng anh không bao giờ gặp em nữa cũng thế".

Tư cứ muốn được nằm mãi, mặt úp vào cổ người yêu và mặt người yêu áp vào tóc Tư. Ngoài cửa có tiếng chị Sáu kêu:

"Xong chưa Tư, sao lâu dữ?"

Tư đáp:

"Chưa, một chút nữa".

Chàng bảo:

"Thôi người ta đuổi anh đi rồi. Em có đuổi anh không?"

Mắt Tư mờ đi sau màn lệ:

"Không, em không đuổi anh. Em muốn giữ anh ở lại mà không được".

Chàng mỉm cười:

"Em gái anh ngoan lắm. Đến gần ngày mở sổ em nhớ dò cho kỹ nghe. Em phải trúng số".

Tư níu tay người yêu:

"Anh năm nói chuyện với em thêm một lát nữa".

Tiếng thằng con chị Sáu nói dóng bên ngoài:

"Này, nó đang ruồng ở ngoài nghen".

Có cả tiếng con Lai nói:

"Du dương lâu vậy".

Chị Sáu bảo Thiệt:

"Mày đờn ca lên một khúc để chúng khỏi nghi mày".

Thiệt dạo mấy cụng trầm nhất, lên giọng: "Ôi những ngày mơ mộng đã qua không bao giờ tìm thấy nữa, người viễn khách sau cuộc giang hồ phiêu bạt đêm nay chỉ còn biết than khóc cho bao mộng đẹp tan vỡ...".

Người đàn ông bảo:

"Thôi cho xong đi".

Tư nhìn trân trân người đàn ông cởi quần áo, nằm im không nhúc nhích. Chàng âu yếu cúi xuống cởi nút áo cho Tư. Tư vui sướng thấy mình không còn là một gái điếm vì Tư không tự mình làm lỏa thể mình. Nhưng khi người đàn ông ôm lấy Tư thì Tư cố gắng nói:

"Em có bệnh anh à".

Chàng mỉm cười tha thứ nhìn vào mắt Tư, trong mắt chàng có cả sự âu yếm đủ cho một đời người.

Chàng trở dậy chưa kịp nói thêm lời nào với Tư thì chị Sáu đã mở khóa lảng vảng ở gian ngoài. Chàng mặc quần áo đi ra, hình như chàng có nhìn Tư lần cuối nhưng Tư không trông rõ mắt chàng. Tư theo ra đứng nép bên cửa. Chàng đứng ngoài sân giữa chị Sáu và Thiệt, móc ví trả tiền cho chị Sáu. Tư bước vội ra vòng sau lưng chàng đi ra ngõ. Tư nghe chị Sáu nói:

"Lần sau thầy đến chơi, đây là nhà của tôi".

Tư ả vào ngạch tối giữa hai căn nhà thấp. Tư nghe tiếng giày của chàng bước tới gần mình. Khi chàng đi ngang qua chỗ núp, chàng dừng lại châm thuốc lá, Tư khẽ gọi:

"Anh".

Que diêm chộp chòn. Tư thấy chàng mỉm cười. Tư vẫn không rời chỗ núp sợ chị Sáu bắt gặp.

Tiếng chị Sáu kêu ở nhà:

"Tư ơi! Con quỷ đi đâu mất rồi".

Thiệt cũng kêu:

"Tur ơi!"

Chàng tiến lại gần ôm lấy Tur mà hôn, Tur dựa cả người vào vách nhà, muốn ngã quy vì yếu đuối. Chàng đặt vào tay Tur cái ví da đen:

"Anh để nốt cho em cái gia tài của cha anh, trong ấy không có gì hết, chỉ có thẻ kiểm tra của anh. Em giữ để cất tấm vé số cho chắc. Nhớ nghe không, em phải trúng số nghe".

Cái ví da đã mủn lép kẹp. Chàng bỏ đi không nhìn lại, dáng người cao cúi xuống. Tiếng chân của chàng đã khuất Tur linh cảm chàng chết thật. Chàng không nói rõn. Tur cố gắng nhớ lại khuôn mặt chàng nhưng không được, hình ảnh mờ mờ tan thành khói, Tur cố gắng nhớ lại giọng nói của chàng như chỉ còn văng vẳng hơi gió trên sông. Tur nhét cái ví da vào bụng rùng mình lo lắng. Đến mai Tur sẽ không thể nhớ ra chàng được nữa. Tur khóc, không dám khóc thành tiếng.

Nhưng một điều chắc chắn là trong bây giờ Tur đã có kỷ niệm. Tur đã có dĩ vãng để mỗi lần muốn nhớ Tur có thể gọi ra được.

Chúc em may mắn, Tur ơi! Anh từ biệt.

Trích thơ:

Mưa ngủ

Tặng Trần thanh Hiệp

Tôi đứng nhìn mưa bên sông, mưa nửa dòng nước. Ôi nếu được ngủ dưới mái tranh, mùi đất bốc mưa mới đầu mùa ấm phôi hơn một hơi thuốc lá.

Tôi sẽ đưa em về bên ấy, nền nhà ấm và em chân đất.

Từ bỏ thành phố nhà máy xe điện xe buýt ánh đèn ngã tư. Tôi can đảm như thế. Con đường vào làng men chân đê hoa cỏ hoang dại nói tâm hồn những vật những người sắp gặp. Em đi thăm vườn trái cây và em có thể bắt đầu làm việc. Ngực trần không vướng víu anh thấy anh với hơi thở với bầu trời với cây màu đất là một.

*Mưa bên kia sông mưa nửa dòng nước
ta thương cô mình như bước nhớ chân
hoa dù tàn muôn vạn nghìn lần
lòng ta vẫn chỉ một lần thương yêu*

*Hồn nhiên tôi trở thành thi sĩ ca dao nhẹ những nhát
cuối đầu xói lằn áo mỏng ruộng đồng.
Những chuyến đi xa theo mưa về ngủ mái dạ. Đêm hiền
lành, có lẽ từ một cửa bể bến sông quán rượu. Những
người bạn hứng mưa vào lòng tay, giọt mưa đẹp như
mắt ngủ, rất xa không hề cách. Tôi sẽ đưa em về ngủ
bên sông, tâm hồn là cánh đồng chưa khai phá. Tôi sẽ
mời anh về nghe mưa trên vầng trán vô tư, giác quan
mở những ngõ lạ xuống linh hồn. Chúng ta ngủ ngoài
mưa như mơ ngủ.*

*Một ngày tôi theo anh ra thành thị để chọn một mẫu
hoa dã thú một hơi thở tự do.
Hồn nhiên tôi trở thành thi sĩ ca dao,
Đêm hôm qua mưa luôn mái dạ
mưa ngủ cùng những kẻ cô đơn
bao nhiêu xa cách không sợ bằng giận hờn
đừng giận anh em hơi mưa trời còn thương anh*

(trích *Tôi không còn cô độc*, báo *Người Việt*, 1956)

Một chỗ trên ô tô buýt

tặng Nguyễn

*Buổi chiều vào chật khoang xe. Đèn thấp lên.
Tiếng máy nổ bỗng thành tiếng cười dài
Mưa xuống bên ngoài, ngoài cửa sổ. Những bàn tay níu
lấy vòng sắt lạnh
Mỗi ngày chúng ta đứng bên nhau không quen nhau
Thân mật ngó lên mái tóc rối nền trời khuya
Ngó vào mắt hoang xa dòng sông không bờ
Sau một ngày làm việc em mơ về khói âm khuôn mặt
riêng
Tôi nghĩ về cuộc đời thắm thắm hàng ngày
Trên những thành ô tô buýt người ta xô chạm vô tình
Tôi bám chặt cửa xe xin một chân đứng
Nhớ đến chúng bạn: một người bên Xóm Cỏ một người
ngoài Phú Thọ
Muốn gặp nhau mang cảm tình qua hai chặng đường
len giữa đám ồn ào
Chuyến xe buýt chạy trong buổi chiều. Trời mưa, mưa
ngoài châu thành
Không tìm thấy bến không đỗ lại
Vai áo đã ướt đầy
Tóc em rét mướt
Một ngày mới bắt đầu với tờ báo phát hành sớm gói
trên tay
Xe còn chạy mưa hoài dòng sông hoang mắt bỏ cố níu
lấy cửa xe
Nhưng chúng ta không kiếm được một lời nào mà nói*

(trích *Liên đêm mặt trời tìm thấy*, Sáng Tạo, Sài Gòn, 1964)

Ngã trên núi Việt Hồng Yên Báy khi đi lấy nứa

*Tuột dốc té nhào trên hẻm núi
Chết điếng toàn thân trong giây lâu*

Mưa rơi đều hạt mưa phơi phơi
Ngày đang tàn hiu quạnh rìng sâu

Duỗi soãi chân tay gối trên nứa
Ngó trời nhá nhem nghe mưa mau
Tưởng chừng thi thể ai thối rữa
Hồn viên vông chẳng chút oán sầu

Mưa giăng tấm lưới trắng dày khít
Làng xóm dưới núi ở phương nào?
Gió lạnh tái tê bó liệm chặt
Lả thiếp người quên băng sướt đau

Đằm mình trong hạnh ngộ ẩn mật
Mắt hoen nhòa hứng giọt thiên châu
Dò dẫm lối về đêm tối mịt
Sóng xa núi thăm quê nhà đâu?

(Yên Bảy, 9-1979)

Lên cao

Lên cao không khí thở nhẹ loãng
Thở kín buốt gió địa cực
Theo cơn đồng thiếp lạnh ngời.

Dưới vực hút khói mây xông toả
Dưới sâu xa mặt đất chìm
Vần vự. Biệt tâm.

Sụt lở rặng núi tuyết
Màng nhĩ rách bướm
Tối mắt bụi trắng xoá chập chùng.

Hàn băng lửa trầm u vô thủy

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thieu đốt mình mảy như cặn ý
Ướp giá khô biết mảy lớp trời.*

11-95

(Công bố lần đầu trên tạp chí *Thơ*, số mùa Đông 1995,
trang 5)

Trên Trang nhà Thi Viện có ghi về sự kiện cây thơ Thanh Tâm Tuyền ở sân Thái Miếu Hà Nội năm 2007.

“Một năm sau ngày mất, cho dù các tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền chưa được xuất hiện chính thức ở trong nước, nhưng một điều vui là tên tuổi và một vài thi phẩm của ông đã được giới thiệu trang trọng và ấn tượng trên "cây thơ" tại sân nhà Thái học (Văn Miếu, Hà Nội), trong Ngày Thơ Việt Nam lần V (Ngày Nguyên tiêu 15 tháng Giêng Đinh Hợi, tức 3-3-2007), với lời dẫn của nhà thơ Phan Huyền Thư và thiết kế mỹ thuật của kiến trúc sư Nguyễn Trương Quý. Như thế, vượt qua mọi rào cản của ý thức hệ, chính kiến, thời gian và không gian, giới trẻ yêu thơ đã không quên ông!”

Tài liệu tham khảo:

- Thanh Tâm Tuyền Web: vi.wikipedia.org
- *Tu* Web: motsach.info

18. Tô Thùy Yên



Tô Thùy Yên - Đinh Thành Tiên (1938-20)

Nhà thơ Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp, Gia Định, nơi mấy đời ông bà nội ngoại đều ở đất này. Theo học tiểu học ở trường tỉnh Gia Định, trung học ở trường Petrus Ký, có theo học ở đại học Văn Khoa vài năm rồi bỏ.

Vào mùa hè 1954, qua một cơn bệnh nặng ông đã sáng tác những bài thơ đầu tiên. Một trong những bài thơ ấy ông đã gửi tuần báo *Đời Mới* của Trần Văn Ân, nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh làm chủ bút đã cho in bài thơ ấy với lời nhắn muốn được gặp tác giả, năm ấy ông là thư sinh mới có 16 tuổi.

Trên tạp chí *Sáng Tạo* số 4 tháng 1 năm 1957, xuất hiện thơ Tô Thùy Yên với bài *Tình Anh Em*, rồi về sau Tô Thùy Yên trở thành một trong tám người của Bộ Biên Tập *Sáng Tạo*, lại là nhà thơ trẻ nhất, sinh năm 1938 tính đến năm 1960 mới có 22 tuổi.

Không chỉ viết cho tạp chí *Sáng Tạo*, Tô Thùy Yên còn cộng tác với nhiều tạp chí khác như *Thế Kỷ Hai Mươi*, *Văn*

HUỶNH ÁI TÔNG

Nghệ, Nghệ Thuật, Thời Tập, Văn, ...

Năm 1963 bị động viên vào trường Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức khóa 17, ra trường ông về Vùng IV chiến thuật, nơi đồng bằng sông Cửu Long, sau đó về ngành Chiến Tranh Chính Trị cho tới tháng 4 năm 1975. Cấp bậc cuối cùng là Thiếu Tá.

Vào thập niên 1970, ông chủ trương nhà xuất bản Kê Sỹ. Ngay trong thời gian bị tù cải tạo ông vẫn làm thơ. Từ những người tù được tha trước, thơ ông được đưa ra ngoài và mau chóng được phổ biến như các bài: *Ta về*, *Tàu đêm*,... cũng như những bài khác chỉ in trên báo nhưng nhiều người đã thuộc như: *Chiều qua phá Tam Giang*, *Trường Sa hành*,...

Ông lập gia đình với bà Huỳnh Diệu Bích, bà là nữ giáo sư Trung Học Lê Văn Duyệt Gia Định. Ông có thời gian chung sống với nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ, họ có 3 người con, hiện sống ở Lộc Ninh.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Tô Thùy Yên bị tù cải tạo hơn 10 năm. Sau đó ông còn bị bắt giam thêm hai lần, tổng cộng gần 13 năm. Tới năm 1993, ông và gia đình được đưa ra khỏi nước và định cư tại thành phố St. Paul, Minnesota, sau định cư tại Houston, Texas Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Hồn Thụy* (tiểu thuyết)
- *Tuyển tập truyện ngắn*
- *Phận Người* (dịch tác phẩm của André Malraux)
- *Tuyển Tập Thơ Thùy Yên* (1995)
- *Thấp Tạ* (2004)

Trích văn:

Nơi chôn đi qua

Đầu mùa mưa năm đó, tôi thuyền chuyển về một đơn vị trú đóng ở một tỉnh nhỏ miền Tây. Đơn vị này là đơn vị thứ tư của tôi kể từ khi tôi rời khỏi quân trường. Bây giờ tâm hồn tôi đã chai thất lại, đời sống quân ngũ cùng sự di động thường xuyên dường như chẳng còn gây nổi những xúc cảm nơi tôi, cái cảnh sống nay đây mai đó chẳng còn làm cho tôi buồn hay vui. Đã là lính, ở đâu cũng vậy mà thôi. Mọi nhớ tiếc, lưu luyến vụn vặt từ lâu không còn bám dính tôi nữa, hòn đá lăn hoài đâu có thể mọc rêu xanh, điều này cũng là một lợi ích cho tôi, thử hỏi tại sao mình lại tự làm khổ thêm về những xúc động không đâu; thái độ thản nhiên nhiều khi mới thật là cây thước đo lường bề cao của con người trong cảnh ngộ xô đẩy dồn dập.

Chiếc xác đựng quân trang của tôi đã cũ mòn, bạc thếp. Có lệnh là tôi dồn tất cả vật dụng vào, cột chặt lại, rủ rê bạn bè gặp được ra quán nhậu một bữa đã đời, rồi hôm sau ra xe lên đường, không người đưa tiễn. Và đi đâu cũng gặp lại người quen, và tiếp tục làm quen với những người bạn mới. Quân ngũ là một chỗ làm quen rất dễ. Vừa gặp nhau, rủ đi nhậu, nói chuyện tào lao, vậy là đã trở thành bạn hữu. Theo tôi, không có tình bạn nào thấm thiết, an ủi cho bằng tình bạn cùng cảnh ngộ. Ít nhiều gì, chúng ta cũng cần được chia sẻ và am hiểu, nhất là trong những hoàn cảnh khó khăn. Tôi có nhiều người bạn đã chết, nhiều người bạn đã rời xa, sau này ít khi tôi còn nhớ đến. Nhưng lúc chúng tôi còn ở gần nhau, cùng bấp bênh trong cuộc sống xao động mà cái chết pha lẫn mập mờ, chúng tôi đã là những người bạn chí tình. Tình bạn giữa chúng tôi hết sức tự nhiên và rất mực khô khan người lớn đàn ông, chẳng mấy khi được bộc

lộ bằng ngôn ngữ hay cử chỉ. Nó có đó cần thiết như một vật dụng trong nhà, nhưng bình thường không ai để ý tới.

*

Doanh trại của đơn vị ở trong khu vực sâu khuất, yên tĩnh của tỉnh lỵ, gồm có một ngôi đình thần cột tường sứt mẻ lam nhám và mấy dãy nhà mới xây bằng vật liệu nhẹ bao quanh. Phía sau doanh trại, cách một miếng đất trống rộng khoảng ba trăm thước, cỏ hoang lau sậy mọc dày, là phi trường - trực thăng lên xuống ngày đêm không ngớt, tiếng động rền rĩ rung chuyển không khí, nhà cửa và đầu óc chúng tôi. Bên hông, cách một bức tường cao ngất, ở trên có giăng dây kẽm gai và gần bóng đèn là khám đường, cái thế giới kín bưng, bí mật lâu lâu mới há nhỏ cái cánh cổng sắt khô rít nhả ra một toán tù nhân lơ lơ đi làm tạp dịch. Còn một bên nữa là quốc lộ chạy về những tỉnh tận cùng đất nước - hằng ngày, những chuyến xe đò, xe hàng hồi hải lên xuống đem lại cho chúng tôi một chút cảm tưởng đổi thay khuấy động lan man. Hôm nào không thấy xe lên hay xuống - đường bị địch phá - chúng tôi biết là đơn vị sắp có việc làm.

Vì ở gần phi trường, nên những đêm địch pháo kích vào phi trường, chúng tôi nghe rõ tiếng rít ghê rợn của đạn đạo trên đầu, và lần nào cũng có vài ba trái đạn đi lạc lọt qua vòng rào doanh trại chúng tôi. Nên chúng tôi thường nói giỡn: “Đáng lo ngại nhất là ở chỗ tụi nó bắn dở quá, mình chẳng biết đâu mà đề phòng.” Cũng may mà trải qua mấy trận pháo kích hú họa của địch, đơn vị chưa có người chết hay bị thương.

*

Những đêm địch pháo kích, thành phố để lộ một bộ mặt lạ

hoắc và kỳ bí đến độ rùng rợn. Đèn tắt, còi báo động rú lên dằng dặc, sôi réo, linh tráng từ các nơi trong thành phố túa chạy rầm rập về doanh trại, đạn bích kích pháo liên tiếp gào xé trên không trung như một đàn rắn lớn, nện mạnh xuống mặt đất tung tóe, những mảnh vụn kim khí chém lổn rổn trên mái tôn, tất cả trực thăng trong phi trường lia khỏi mặt đất, rời sân trại rộn lên vì tiếng khua chạm của vũ khí, nón sắt, tiếng kêu réo từ các giao thông hào, tiếng chỉ huy và cả tiếng chửi thề, và hẳn nhiên, tiếng đập dồn dập của trái tim trong lồng ngực từng người. Pháo binh bắn trả lời dữ dội, trực thăng soi đèn pha xuống những địa điểm khả nghi ở những đám ruộng kế cận thành phố, nã đạn đại liên và rốc-kết. Trong khi đó, tại một phía khác của thành phố, lại vang rền tiếng súng giòn giã của một trận tấn công dồn dập rút, quyết liệt - địch hay dùng chiến thuật dương Đông kích Tây... Cuối cùng, chúng tôi được lệnh hòa tốc truy kích địch, những đoàn quân xa rầm rộ rời doanh trại chạy về hướng đạn đi. Vậy là trọn đêm, chúng tôi bị bõm trong sinh lầy, nổ súng lẻ tẻ. Thường khi chúng tôi đến không kịp - địch chuyển súng đi qua từng trạm gác, theo lối chạy tiếp sức - nhưng có một lần, chúng tôi truy được vị trí súng của địch, hạ năm tên và tóm một chú. Truy kích địch trong trường hợp này hết sức vất vả và hú họa - mục tiêu phỏng đoán, bóng tối, lùm bụi, sinh lầy... - địch có thể đã phân tán mỏng, tay không tà tà trở về nhà, ngủ ngáy pho pho, thành thử nhiều đũa trong chúng tôi lằm bằm chửi thề luôn miệng: “Tao mà gặp được tụi bây...”. Nhưng lần mò ra dấu địch, sau một cuộc chạm súng ngắn ngủi, lựa thua, thuộc loại “trước mua vui”, nhìn năm cái cái xác không hồn nằm phơi trong ruộng nước, nhìn gã tù binh khiếp đảm, chúng tôi thấy rõ mình không hề giận dữ như đã tưởng tượng mấy lần khác, cũng như vừa tưởng tượng trước đó không lâu. Gặp địch, đánh xong là thôi. Chúng tôi vẫn không phải là những kẻ thù hằn.

Sinh hoạt trong thành phố và nhất là trong doanh trại hết sức làm nhàm, đều đặn và lặng lẽ như một dòng nước tê lười. Những cuộc hành quân thường thường diễn ra không quá mười ngày liên tiếp, cuối cùng cũng chẳng pha đậm thêm được bao nhiêu sôi động trong đời sống loãng nhạt của chúng tôi. Tất cả rồi trở thành thủ tục - cả đến những hiểm nguy và cái chết, cái chết nói chung, cái chết của bạn hữu, của kẻ địch và của dân chúng. Đồng lầy nước ngập mênh mông, lau sậy hoang dã, có khi lội cả ngày trời không tìm được nơi khô ráo ngồi nghỉ chân, địa rần muỗi mòng thét ròi không còn là những thù nghịch ghê khiếp mà mặc nhiên được coi như những quen thuộc sâu thẳm của chúng tôi. Về mùa mưa, bầu trời u u, hạ thấp như tấm mền sũng ướt, mây rất sai và chẳng trôi đi, kinh rạch nước lớn tràn bờ, ngày đêm không mấy khi trời ngớt gió, những ngọn gió tưởng chừng bất tận thổi ù ù trong lau sậy vật vờ, mặt trời chẳng xuất hiện, ánh nắng mơ hồ đã dưới, khiến cho tôi có cảm tưởng đang đi trong một thiên nhiên mới tinh của thời kỳ tạo thiên lập địa. Chiến tranh dồn dập, sau mỗi cuộc hành quân, chúng tôi chỉ được ở lại hậu cứ hai ba ngày - thời gian vừa đủ để tắm rửa, đi nhậu một vài chầu, chơi điếu và ngủ vùi để lấy lại sức. Nhờ những khổ cực về thể xác, đầu óc chúng tôi đỡ bị cằn cào bởi những ý tưởng quàng xiên. Máu chảy, máu chảy hàng ngày, những người quen biết lần lượt được đồng bạn khiêng lên trực thăng tải thương. Những nỗi buồn không sụt xuống thấp lắm và những niềm vui cũng chẳng trôi lên cao lắm, mọi sự đều trầm trầm.

Nên ở đây, chúng tôi yêu đời một cách xót xa, yêu đời một cách quyết liệt. Mặc dù thành phố co rút lại và hết sức bôn xẻn về thú vui, chúng tôi cũng có đủ cách để làm đầy những ngày giờ rảnh rỗi loanh quanh trong thành phố. Như

những buổi tối chúng tôi lái xe chạy lòng vòng trên mấy con đường hiểm hoi, và ngắn ngủn - những con đường mà người ta có thể đi qua hết với độ mười mười lăm phút chạy xe. Hoặc tùm năm tùm ba, chúng tôi la cà ở những hàng quán - trong thành phố chỉ có vài ba hàng quán mở cửa cho đến giờ giới nghiêm. Thường chúng tôi nói rất nhiều mặc dù không có chuyện. Nói xong nhiều khi không nhớ mình đã nói gì. Ngôn ngữ cũng có cái màu nhiệm là che khuất thực tại và ngày tháng đi qua...

Căn phòng tôi ở chỉ cách bức tường khám đường một lối đi hẹp vừa đủ để mở ra cánh cửa sổ nhỏ. Ngay bên kia bức tường là trại giam nữ phạm nhân. Mỗi ngày ba bận, sáng trưa chiều, các nữ phạm nhân đồng ca bản nhạc: Quyết tâm diệt Cộng. Quyết tâm diệt Cộng. Đồng bào ơi, chung sức cứu giang sơn... Các giọng hát chệch choạc, giọng đi trước, giọng đi sau, giọng cao ngất, giọng lè tè, giọng the thé, giọng khàn khàn, mỗi giọng một bề hỗn tạp rối loạn như một núi lở đồi đổ đeo nhau ngo ngoạy lung tung. Tuy vậy, cái màn văn nghệ tạp lục này cũng giúp vui cho chúng tôi không ít. Không cần phải lắng tai theo dõi, chúng tôi cũng có thể nhận biết hầu hết những giọng hát đặc biệt quen thuộc. Có hôm trời mưa, ngại đi ra ngoài, chúng tôi, căn cứ vào mỗi giọng hát, suy đoán bàn cãi sôi nổi về tuổi tác, dáng dấp của người hát, và chúng tôi vẫn ao ước có dịp vào thăm trại giam nữ phạm nhân trong giờ trình diễn đồng ca để nhận diện ăn thua.

Vào khoảng tháng chín tháng mười, trời giông biển động liên miên, thành phố chợt náo động lên vì những bầy chim từ ngoài hòn bay về tị nạn - thành phố này ở cách biển mười lăm cây số đường chim bay. Nhất là khu vực doanh trại chúng tôi là nơi có rất nhiều cây sao cây dầu cao lớn, già có tới hai trăm năm, lại càng náo động. Dù các loại chim bay xa - cò, diệc, vạc, kên kên, thặng nông, già sói,

chó đồng - tụ tập rần rần trên những ngọn cây, kêu gào inh ỏi và ỉa trắng mặt đường. Trong những ngày này, trời đất đã xao xuyên, rộn ràng, sự xuất hiện càng lúc càng đông đảo của những bầy chim lại làm cho thành phố thêm phần bồn chồn bứt rứt như người chồng chứng kiến cảnh người vợ chuyển bụng đẻ con so. Trên một thành phố hằng ngày bơ phờ, hiện tượng bất thần này gần như đã trở thành một ám ảnh siêu hình đè nặng chúng tôi. Tiếng chim kêu gào động trời dậy đất làm cho đầu óc chúng tôi căng thẳng, bản thân, tưởng chừng mình được chứng kiến một cuộc đời đổi rộng khắp của thiên nhiên. Khổ hơn nữa, những bầy chim này còn bay lượn qua lại không ngừng, làm chật bầu trời thành phố, giữ xuống vô số những con mạt li ti như hạt bụi cắn đốt chúng tôi nổi ngứa đỏ mình. Thành thử chúng tôi chẳng tài nào đứng yên hay ngủ được. Cuối cùng, chúng tôi được phép nổ súng bắn đuổi lũ chim đi. Liên tiếp mấy ngày, trong thành phố như đang xảy ra một trận giặc nhỏ, lũ chim mới chịu voi bót trong bầu trời. Những con chim bị bắn rơi, có loại thịt ăn cũng ngon ngon, nhưng nhiều quá đâm ngán. Mấy người lính trong đơn vị có sáng kiến lượm xác chim về làm khô để ăn dần trong những ngày hành quân.

*

Ở đây, cái chết thường xuyên ray rứt chúng tôi, ngoại trừ những lúc chúng tôi đang đương đầu với cái chết - điều mâu thuẫn đáng suy ngẫm là sự tranh đấu thảm thiết cùng cái chết giúp cho con người tạm quên đi cái chết của chính mình. Chiến tranh có nhiều cái chết hết sức kỳ lạ. Kỳ lạ đến độ những tên vô thần nặng bóng vía nhất trong chúng tôi rồi cũng phải tin nơi số mệnh - một cách thức phòng ngừa chứng bệnh đau đầu. Vừa cười nói đó, bỗng lăn quay ra chết tốt sau một tiếng nổ không ngờ, cái chết vô duyên và lang thang chọn lựa. Chúng tôi cũng quan niệm như bất cứ

ai: Đạn tránh mình chứ mình không tránh đạn. Cũng như không bao giờ chúng tôi dám tự cho là mình đánh giặc giỏi. Chúng tôi đã mất hết tự tin ở quyền năng tài trí của con người. Cái chết có thể khuất phục chúng tôi trên mỗi bước vô tình.

Còn nhớ một lần đụng trận, đơn vị chúng tôi bị mẻ mất mười bảy đứa con. Con số mười bảy mạng thương vong, nếu đọc thấy trên tờ báo, giữa những hàng tin chi chít khác, chắc chắn không phải là một con số đáng kể, nhưng nếu nhìn thấy tận mắt một xác chết thối, thì con số một đó nhất định là một con số vô cùng lớn lao không gì so sánh được. Trời mưa tầm tã cả tuần liền, và trận chiến vẫn còn tiếp diễn quyết liệt, nên phải gần hai ngày sau, chúng tôi mới mò được mười bảy cái xác đồng đội từ các nương rạch mang về. Mười bảy cỗ quan tài chun nhang xếp hàng trong nhà đậu xe. Vì tình trạng hư rữa của xác chết nên đưa về đến hậu cứ là phải tắm liệm ngay, không thể để chờ thân nhân người chết tới nhìn mặt. Hôm sau, thân nhân người chết hay tin mới tới nơi quây quần trước mỗi cỗ quan tài. Gia đình của một người chết nọ gồm có cha, mẹ, vợ và năm đứa con. Một người lính hướng dẫn gia đình này đến trước một cỗ quan tài, chỉ và nói: “Ảnh đó.” Hai người đàn bà rồi năm đứa trẻ lẫn ra khóc kể như mưa bắc. Trong khi người cha - một người đàn ông - lại đứng ngẩn ngơ hồi lâu rồi quay sang hỏi người lính: “Mà cậu có chắc đây là con tôi không?” Lễ dĩ nhiên, người lính quả quyết: “Chắc chớ bác. Lúc ảnh bị bắn lật, con nằm bên cạnh ảnh, con gỡ tấm lác tên của ảnh, và cũng chính con phụ giúp bỏ ảnh vô hòm mà.” Người cha gật đầu nhẹ nhẹ khi người lính dứt lời, nhưng khuôn mặt già cả nhăn nhúm của ông vẫn không trôi hết vẻ ngẩn ngơ và ông cứ đứng lặng. Đến khi sắp sửa hạ huyệt, giữa một hòa âm khóc kể bi ai rộ lên, ông già lại hỏi một người lính khác đứng gần: “Quả thiệt là con trai tôi đây phải không cậu?” Khuôn mặt ông lúc bấy giờ vẫn không

thoáng gọn một chút gì gọi là xúc động. Không thể tưởng tượng được... Người lính trả lời: “Chớ bác tính coi còn ai vô đó nữa giờ.” Ông già nghe xong, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nước mắt mới khởi sự chạy dài xuống đôi má hóp.

*

Một hôm, đơn vị tổ chức lễ khao quân. Dàn chào, diễn văn, thăng thưởng, tiệc tùng và trình diễn văn nghệ vào chập tối. Biên cố trọng đại này đã được đơn vị sửa soạn từ một tuần lễ trước. Sân khấu dựng lên ngoài trời, lều bạt căng sẵn đề phòng mưa, hậu trường là một chiếc G.M.C. mui trùm kín mít đậu sát đất vào một bên hông sàn gỗ. Máy hàng ghế lưa thưa trung dụng của các phòng, đặc biệt dành cho quan khách và sĩ quan. Ban văn nghệ trình diễn thuộc tiểu đoàn Chiến tranh Chính trị. Chương trình gồm những món ăn đã hôi ê được xào nấu lại: trong đời lính, thế nào mỗi người cũng đã thưởng thức ít nhất một lần một chương trình tương tự. Còn về thực lực đào kép thì hầu hết những ban văn nghệ đã chiến đấu có thể ví như những hồ tắm để cho họ tập bơi, chờ đợi thời vận xông ra biển lớn. Tuy nhiên, mọi người vẫn nao nức hưởng ứng - ở đây, chúng tôi thèm khát ra khỏi thực tại trầm trầm vây hãm ngày ngày, ra khỏi được tác nào hay tác đó. Tôi ngồi nhìn những quân nhân nhạc công và những diễn viên ca sĩ lần lượt xuất hiện trên sân khấu - tôi không theo dõi chương trình liên tục mà chỉ theo dõi khuôn mặt đáng điệu những người này. Tự dưng, tôi cảm thấy từ tận cùng tâm hồn rằng mình gần gũi với họ và trong một giây, sự chua chát dâng lên đầy nghẹt cổ họng tôi: có lẽ họ cũng mang nặng mặc cảm thua thiệt như mình, có lẽ họ cũng ôm ấp ước vọng bay cao trong một vùng huy hoàng ngậy ngát. Anh đâu phải ngồi nơi đây, cô đâu phải đứng nơi đây, lẽ ra anh đang đọc tấu trong một hí viện vương giả trước một quần chúng sang trọng lịch sự, lẽ ra cô đang trình diễn tại một kinh thành rực sáng giữa một đám

đông mê hoặc phục tùng. Nhưng bây giờ anh phải ngồi nơi đây, cô phải đứng nơi đây - những ước vọng phai tàn với tháng ngày âm thầm chồng chất, không thực hiện, không khi nào thực hiện; sự chờ đợi quá đổi mòn mỏi để không còn là sự chờ đợi nữa. Đành vậy, hai chữ cuối cùng của một đời người, chúng ta đã buông xuôi, anh thấy không, cô thấy không? Tôi thương xót các người như thương xót chính mình. Tôi thông cảm sự bất lực, sự cần cỗi của các người. Bây giờ, một nốt nhạc đánh sai, có lẽ anh chẳng buồn để ý, một câu hát lạc nhịp, chắc hẳn cô không màng biết tới. Các người đã mất hết tương lai, còn nói chi tới tinh thần cầu tiến nữa. “Để tiếp nối chương trình văn nghệ hôm nay...” Một tràng vỗ tay xã giao đại lượng nổi lên lác đác như tiếng đại liên bắn cầm canh của một xạ thủ thiện nghệ. Tiếng trẻ con cổ võ la hét âm ỉ, chen lẫn tiếng huýt gió chát chúa của một gã lính ba gai nào đó. Một cô gái vóc dáng mảnh mai, mặc đồ trện rần ri, tóc kiểu Sylvie Vartan, khuôn mặt sáng sủa nhí nhảnh, hiện ra trước máy vi âm, cúi chào khán giả, rồi chiếu thẳng tia nhìn xuống khán trường, một tia nhìn bén nhọn lạnh lùng, và hoàn toàn bất động như có ý yêu cầu đám đông phải lắng dịu. Tôi thấy thích thú thái độ thách thức ngấm ngấm quý phái đó. Tôi nghiêng đầu hỏi đứa bạn bên cạnh: “Em nào vậy?” Hấn đáp: “Quỳnh Vân hay Vân Quỳnh gì đó.” Đám đông rồi cũng xẹp xuống. Bài hát bắt đầu: anh anh em em, tiền tuyến hậu phương, áo chiến giày đinh, hoa cài mũi súng, nhớ thương chờ đợi... Bài hát ru dỗ người nghe trong một cơn mê thiếp chập chờn, giả tưởng và rất đổi bản thân - có lẽ vì ngay trong lúc bị ru dỗ, chúng ta vẫn ý thức rõ ràng đó chỉ là một cơn mê thiếp giả tưởng. Giọng hát của nàng không dở, đó là một giọng hát ân cần, thành khẩn đến độ đau đớn nghẹn ngào, một giọng hát có hồn và đủ sức vượt qua dễ dàng hai bát độ; chỉ cần một chút kỹ thuật và một chút thời vận, dĩ nhiên, nàng có thể trở thành một ca sĩ có giá ở Sài Gòn. Tuy vậy, giọng hát nàng không lôi cuốn tôi bằng đôi mắt

nàng, đôi mắt chất chứa tình nghịch và để lộ một chút khinh bạc dịu dàng. Đôi mắt đó... Chợt đôi mắt đó mở to và sáng rực trong trí nhớ mù mờ của tôi như hai chấm đèn trong sương sớm. Quỳnh Vân? Quỳnh Vân nào? Cái tên lạ hoắc này nàng lượm được nơi đâu vậy? Cái tên lạ hoắc này nàng lượm được nơi đâu vậy? Phụng. Phụng.

Tôi rời ghế, bước vòng ra phía sau chiếc xe G.M.C dùng làm hậu trường. Bài hát chấm dứt. “Để đáp lại tấm thịnh tình của quý vị...” Một bài hát nữa trỗi lên. *Let's twist again*. Tôi nhìn trong khung trống cánh gà thấy nàng hò hét, nhún nhảy quay cuồng, hạ thổ, vắn vẹo cần máy vi âm. Thiệt là thâm thương. Càng thâm thương hơn là nàng lại biểu diễn hết sức hăng say, quá mức lương tâm nghề nghiệp. Tôi không thể không nhớ tới một đứa bé gái chừng chín mười tuổi, con của một người mù đánh đàn ăn xin. Đứa bé gái đó ốm yếu, dơ dáy, quần áo rách rưới, bôi hai cục son đỏ lờm nơi má như trái cà chua, người cha hom hem với mái tóc khô cháy, để dài tận ót, đánh đàn - một cây tây ban cầm sai tiếng và tróc lở - đứa bé gái tuyết lăn ra trên vỉa hè thành phố, nó cũng ưỡn ngực, ngoáy miệng, làm đủ mọi thứ. Không hiểu ai dạy nó như vậy. Cha nó mù làm gì biết mà dạy nó.

Điệu nhạc đứng lại trong cơn bão hò reo cuồng nhiệt của đám đông bất kham. Phụng đi vào hậu trường, ngồi xuống băng xe, mở bóp rút khăn tay chậm mồ hôi ướt dính tóc mai. Tôi bước vào chỗ sáng gần nàng, kêu nhỏ: “Phụng”. Nàng lục soát khuôn mặt tôi hồi lâu rồi mừng rỡ bật dậy: “Anh Tiên, trời ơi, sao anh có mặt ở đây?” Rồi chúng tôi cùng cười xòa như ngày xưa, hể gặp những câu hỏi khó trả lời, chúng tôi cười xòa để thông qua. Tôi phác tay chỉ lên sân khấu, hỏi: “Em còn phải làm gì nữa không?” Nàng lắc đầu. Tôi đề nghị: “Vậy mình ra phố chơi đi.” Nàng cầm bóp, lặng lẽ đứng dậy. Tôi nắm tay đỡ nàng bước xuống xe.

Đặt chân xuống đất xong, nàng nói: “Cám ơn anh.” Ngừng một giây, nàng nói thêm: “Em nhảy xe nhà binh quen rồi, anh thấy không?”. Tôi dắt nàng bước lên lối giữa đám con nít lộ nhô, đi ra một chiếc xe Jeep đậu gần cổng. Tôi lái chậm chậm trong thành phố bắt đầu sửa soạn giấc ngủ. Trên những đỉnh cây, gió thổi rì rào như giải lụa lang thang. Tôi ngừng xe trước một quán nước nhà sàn. Khách hàng đã thưa thớt; chúng tôi chọn một cái bàn ở phía ngoài ngó xuống mặt nước. Theo sự dẫn dắt của liên tưởng chúng tôi kể cho nhau nghe chuyện nhà mình kể từ khi chúng tôi xa cách nhau. Nỗi ngậm ngùi không thể ngăn cản bữa vây và kết hợp chúng tôi. Đối với những kẻ không hề mẫn nguyện về cảnh sống hiện tại của mình như chúng tôi, dĩ vãng quả là điều rất đổi nhọc nhằn khi nhớ lại.

*

Phụng là người cùng tỉnh với tôi. Nàng nhỏ hơn tôi hai tuổi và học dưới tôi hai lớp. Từ mấy đời, hai gia đình chúng tôi vẫn giao du thân mật với nhau, chưa kể những cuộc hôn phối giữa nhiều người trong hai họ chúng tôi càng ngày càng siết chặt hai gia đình chúng tôi trong một tỉnh nhỏ vốn thưa người, ít chuyện. Hai đứa chúng tôi gặp gỡ nhau hằng bữa. Tình thân giữa chúng tôi hết sức tự nhiên vì nó bắt nguồn từ thừa ấu thơ, tự nhiên đến độ cả hai gia đình chúng tôi dường như chẳng ai nhìn thấy là chúng tôi khác họ, khác phái và chúng tôi đã lớn khôn, khiến cho chính chúng tôi cũng không nhìn thấy nốt. Là một đứa con độc nhất trong một gia đình đã mấy đời giàu sang, Phụng kiêu kỳ như một con ngựa giống quý. Nàng sai khiến hay cưỡng lại kẻ khác bằng mắt nhiều hơn bằng lời. Mặc dầu nàng không hề cố ý, đôi mắt nàng lúc nào cũng ánh lên một chút trịch thượng khinh mạn - từ tám bé, nàng đã quen được người khác tuân phục hay nuông chiều. Nhưng lạ một điều là thái độ kiêu kỳ của nàng không những đã chẳng đẩy lui kẻ khác

mà trái lại còn thu hút họ vây quanh nàng vì hiếu kỳ cũng như vì tự ái.

*

Năm tôi vào đại học, gia đình tôi vì sinh kế, dọn về ở một tỉnh miền Đông, và mối liên lạc giữa hai gia đình đã hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Cha mẹ nàng lần lượt qua đời, ruộng đất phở xá không còn sanh lợi, ngôi nhà thừa tự giao cho người di độc thân già cả điếc lác ở trông nom. Nàng nói: “Ngôi nhà đó, anh nhớ không, bây giờ chỉ còn mặt tiền thôi chớ bên trong cột kèo mỗi một ăn rệu hết rồi, chưa biết ngày nào sập xuống nữa.” Ngôi nhà đó dựng lên từ khi ông nội nàng ngồi tri phủ ở tỉnh, cột cửa chạm trổ rồng phượng, nền đá tảng cao gần một thước, nằm ẩn trong một cái sân sâu rộng trông rất nhiều cây kiểng, con đường từ cổng đi vào lót gạch tàu đỏ, lâu năm chầy tháng mòn lõm như lòng tay, mái ngói lợp âm dương đã ngả màu đen và có những búi cỏ cỏ trâu, những túm cây chùm gởi mọc bên trên... Phụng nói thêm “Biết bao giờ em mới cất được ngôi nhà khác?” Tôi làm thinh nhưng trong thâm tâm, tôi hơi ngạc nhiên sao nàng còn nghĩ được đến tương lai - tương lai xa vời và khó khăn không tưởng tượng nổi. Đêm càng khuya - ghe thuyền dưới sông đã tắt ngấm đèn đóm - đêm như được khoét sâu thêm trong bóng tối vô cùng tận. Và câu chuyện càng đưa chúng tôi đi sâu vào quá khứ - con đường hầm không lạ không quen trong núi đá lờ mờ ánh sáng lân tinh. Chợt Phụng nói, mắt nàng rục lên như cố gắng soi tỏ quá khứ: “Sao hồi đó anh không chịu nói yêu em? Anh còn nhớ buổi tối trời mưa trong nhà thủy tạ không?” Thật tôi không ngờ Phụng còn nhớ buổi tối đó; một chút ngưng ngừng và một chút thích thú pha lẫn làm nóng những huyết quản của tôi. Buổi chiều, trời đã sẫm tối, chúng tôi đi dạo ngoài vườn về phía bờ sông, một cơn mưa bất thần đổ xuống, hai đứa chạy vào đứng trú trong nhà thủy tạ, cơn mưa nặng hạt và

âm ỉ, Phụng đứng dựa cột gỗ ra mặt sông mù mịt, những hạt bụi nước li ti bay đậu long lanh trên mái tóc nàng như một đêm hoa đăng, hơi ẩm từ người nàng tỏa ra nồng nàn quyến rũ, tôi kéo nàng sát vào người tôi và hôn nàng. Nàng chọc mạnh tia nhìn vào đôi mắt tôi, lặng thinh một cách khó hiểu. Xong, nàng đẩy nhẹ tôi ra, tia nhìn bí hiểm vẫn không rời khỏi mắt tôi, tưởng chừng muốn chiếu suốt tâm hồn tôi, rồi nàng tiếp tục nhìn ra mặt sông và vẫn giữ chặt sự lặng thinh mà lúc đó tôi cảm thấy như là một sự khinh miệt hỗn hào. Tôi rời nhà thủy tạ lâm lũ đội mưa đi về. Mấy hôm sau, chúng tôi lại gặp nhau và tuyệt nhiên không ai mở miệng nhắc tới chuyện đó. Tôi nghĩ rằng có những con đường định mệnh kỳ lạ, tiếp cận và song song với nhau nhưng vẫn không chịu trùng lẫn. Tôi nói ngập ngừng: “Hồi đó, anh không nói yêu em vì sợ mất em.” Tôi bật cười, nói thêm: “Đầu vậy, anh vẫn mất em như thường.” Phụng nghiêm mặt, hỏi: “Có thật là anh mất em không?”

Tôi đưa Phụng về khi thành phố sắp sửa giới nghiêm. Sân khấu đã tắt đèn lặng trang. Chợt Phụng nói, giọng khuya khoắt như trong cơn mê loạn: “Có ngày em sẽ nổi danh, hát ở những phòng trà sang trọng tại Sài Gòn, kiếm được thật nhiều tiền, cuộc đời sẽ công em trên vai. Chừng đó dĩ nhiên, em sẽ không nhảy tuýt nữa.” Tôi siết chặt tay nàng, ngẫm nghĩ hồi lâu rồi mới nói: “Em can đảm lắm, anh tin là em sẽ thành công.” Tôi buông tay nàng ra, nói tiếp: “Còn anh, anh sẽ cố gắng lập công to, lên tướng để được cầm nhiều quân, đánh những trận lớn.” Rồi tôi bật cười khan, một cái cười thật độc ác với chính mình.

Vài tháng sau, tôi bị thương nhẹ nơi đùi trái, và chiến thương làm dáng này cũng đóng đinh tôi trên giường quân y viện hơn hai tháng. Khi xuất viện, tôi được chuyển về đơn vị khác, làm việc văn phòng, rồi bỏ tỉnh nhỏ đó ở miền Tây. Cứ ít lâu, tôi lại đọc thấy ở trang sau các tờ nhật

báo tên họ, cấp bậc những người bạn quen trong khung dây đậm như những nhắc nhở đau nhói của thời gian và nơi chốn đã đi qua. Còn ở những phụ trang sân khấu kịch trường, mãi tôi vẫn chưa tìm gặp sự xuất hiện của nữ ca sĩ nào tên gọi Quỳnh Vân.

Trích thơ:

Chiều trên phá Tam Giang ^(a)

1.

*Chiếc trực thăng bay là mặt nước
Như cơn mộng nhanh.
Phá Tam Giang, phá Tam Giang,
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát giát,
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi.
Ngó xuống cảm thương người lỡ bước,
Trời nước mông mênh, thân nhỏ nhoi.
Phá Tam Giang, phá Tam Giang.
Nhớ câu ca dao sâu vạn cổ.
Chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran.
Thơm thơm nước, thơm cây, thơm xác rạ,
Thơm cả thiết tha đời.
Rào rào trận gió nhám mặt mũi.
Rào rào trận buồn ngậy chân tay.*

*Ta ngó thấy ghe thuyền quân tụ
Từng đoàn như trẻ ghê ma.
Ta ngó thấy thùy dương gãy rũ
Từng cây như nổi bất an già.
Ta ngó thấy rào chà cản nước
Từng hàng như nỗ lực lao đao.
Ta ngó thấy nhà cửa tróc nóc
Từng ngôi như miệng đất đang gào.
Vì sao người tới đây?*

Hỡi gã cộng quân sốt rét, đói,
Xích lời nguyên sinh Bắc, tử Nam.
Vì sao ta tới đây?
Lòng xót xa, thân xác mỗi mòn,
Dưới mắt người làm tên lính nguy.

Vì dầu người bắn rụng ta
Như tiếng hét
Xé hư không bật im,
Chuyện cũng thành vô ích.
Vì dầu người gục
Vì bom đạn bất dung,
Thì thể chẳng ai thù,
Nào có chi đáng kể.
Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng,
Vì dầu các việc người làm, các việc ta làm
Có cùng gom góp lại,
Mặt đất này đôi khác được bao nhiêu ?
Người há chẳng thấy sao
Phá Tam Giang, phá Tam giang ngày rày đâu đã cạn?

Ta phá lên cười, ta phá lên cười
Khi tương tượng người cùng ta gặp gỡ
Ở cõi âm nào người vốn không tin,
Hỏi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa:
Người cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho tổ quốc Việt Nam - một tổ quốc...?
Các việc người làm,
Người tưởng chừng ghê gớm lắm.
Các việc ta làm,
Ta xét thấy chẳng ra chi.
Nên người hăng điên, còn ta ảm đạm
Khi cùng làm những việc như nhau.

Ta tự hỏi vì sao,

HUỶNH ÁI TÔNG

(Còn người, có bao giờ người tự hỏi?)

Và ta tự trả lời.

(Có bao giờ người tự trả lời?)

Chúng ta khác nào cánh quạt phi cơ

Phải quạt, phải quạt

Chỉ vì nó phải quạt.

Ta thương ta yếu hèn.

Ta thương người khờ khạo.

Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng,

Nên cả hai cùng mắc đường Lịch Sử,

Cùng mê sa một con dãi thập thành.

Chiều trên phá Tam Giang rộn ràng tiếng chiến trận.

Chiều trên phá Tam Giang im lìm âm cảm thông.

2.

Chiều trên phá Tam Giang

Anh sức nhớ em

Nhớ bất tận.

Giờ này thương xá sắp đóng cửa.

Người lao công quét dọn hành lang.

Những tủ kính tối om.

Giờ này thành phố chợt bùng lên

Để rồi tắt nghỉ sớm.

(Sài Gòn nói rộng giờ giới nghiêm.

Sài Gòn không còn buổi tối nữa.)

Giờ này có thể trời đang nắng.

Em rời thư viện đi rong chơi

Dưới đôi vòm cây ủ yên tĩnh

Viền dòng trời ngọc thạch len trôi.

Nghĩ tới ngày thi tương lai thúc hối,

Căn phòng cao ốc vàng võ ánh đèn,

Quyển sách mở sâu đêm.

*Nghĩ tới người mẹ dầm chiêu, đưa em quá quỉ.
Nghĩ tới đủ thứ chuyện tâm thường
Mà cô gái nào cũng nghĩ tới.
Rồi nghĩ tới anh, nghĩ tới anh
Một cách tự nhiên và khôn khéo.
Giờ này có thể trời đang mưa.
Em đi nép hàng hiên suốt suốt,
Nhìn bong bóng nước chạy trên hè
Như những đóa hoa nở gập rút.
Rồi có thể em vào một quán nước quen
Nơi chúng ta thường hẹn gặp,
Buông tâm trí bập bênh trên những đợt lao xao
Giữa những đám ghé bàn quanh quẽ.*

*Nghĩ tới anh, nghĩ tới anh,
Con nghĩ tới không sao cầm giữ nổi
Như dòng lệ nào bất giác rơi tuôn.
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Của chiến tranh mà em không biết rõ.
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Một điều em sợ phải nghĩ tới.
Giờ này thành phố chợt bùng lên.*

*Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em
Nhớ bất tận.*

*Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi
Rực chiếu bao nhiêu giấc mộng đưa đời
Như những mặt trời con thật dễ thương
Sẽ rơi rụng dọc đường lên dốc tuổi,
Mỗi sáng trưa chiều tối đêm khuya.
Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi,
Coi chuyện đó như lần đi tuyết tích
Trong nước trời lãng đăng nghìn trùng,*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Không nghe thấy cả tiếng mình độc thoại.
Anh yêu, yêu đuối tuổi hai mươi,
Thấy trong lòng đời nở thật lẻ loi
Một cành mai nhị độ.
Thấy tình yêu như vận hội tàn đời
Để xé mình khỏi ác mộng
Mà người đàn ông mê tưởng suốt thanh xuân.*

Ôi tình yêu, bằng chứng huy hoàng của thất bại!

3.

*Chiều trên phá Tam Giang,
Mây nhìn con nước xiết
Chảy băng bờ bãi ngổ ngang câm.
Nghĩ tới, nghĩ tới những công trình mây có thể hoàn
thành
Mà rồi mây bỏ dở.
Nghĩ tới kiếp người đang lỡ độ đường
Trên mịt mùng nghi hoặc.
Nghĩ tới thanh xuân mất tích tự đời nào
Còn lưu hậu chua cay hoài vọng.
Nghĩ tới khu vườn ẩn cư cỏ cây khuất lấp,
Căn nhà ma ám chầy ngày gió thổi miền man
Đụt tuổi già bình an vô tích sự
Như lau lách bồm sòm trên mặt sông nhẵn
Cùng cái chết.
Cái chết lâu như nổi héo hon dần
Làm chính mình bực bội.*

*Gió muôn ngàn năm thổi lẽ tuân hoàn
Cho cỏ cây thay đời đổi kiếp.
Và mây kinh sợ nghe nhắc điều vượt sức bình sinh
Bởi mây không đủ dạn dày trình diễn tới lui con thất
chí
Như gã hề cuồng mưu sinh giữa chốn đông người*

*Với từng ấy tấn tuồng bản tiện
Rút ra từ lịch sử u mê.
Giới thổi thêm đi, gió thổi thêm đi
Cho cỏ cây mau chết, mau hồi sinh.
Mày mặc kệ.*

*Chiều trên phá Tam Giang
Có gã hề cuống buồng tiêng cười lạnh rợn
Khiến bầy ác thú mà lịch sử sanh cầm cũng chột hãi
hùng
Dón dác ngó*

(*Tuyển Tập Thơ Thùy Yên, 1995*)

(a) Trần Thiện Thanh phổ nhạc.

Trường Sa hành

*Toujours il y eut cette clameur,
toujours il y eut cette fureur...
Saint John Perse*

*Trường Sa! Trường Sa! Đảo chính choáng!
Thăm thẳm sâu vây trắng bốn bề.
Lính thú mười người lạ sóng nước,
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi.
Mùa đông bắc, gió miên man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa
Ta hỏi han, hề, Hiu Quạnh Lớn
Mà Hiu Quạnh Lớn vẫn làm ngơ.
Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ,
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên.
Bốn trăm hải lý nhớ không tới*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Ta khóc cười như tự bạo hành
Dập giận, vác khòm lưng nhẫn nhục,
Đường thân thế lỡ, cố đi nhanh.
Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế.
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời.
Mùa gió xoay chiều, gió khóc liệt,
Bãi Đông lở mát, bãi Tây bồi.
Đám cây bật gốc chờ tan xác
Có hỏi ra đời chẳng chọn nơi?
Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng
Những cụm rong óng ả bấp bênh
Như những tầng buôn lay động mãi
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh.
Mặt trời chiều rã rung rung biển
Vàng khói chim đen thảng thốt quần,
Kinh động đất trời như cháy đảo...
Ta nghe chùng phồng khắp châu thân.
Ta ngồi bên đồng lúa man rợ,
Hong tóc râu, chờ chín miếng môi,
Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nối tả tơi.
Chú em hãy hát, hát thật lớn
Những điệu vui, bất kể điệu nào
Cho âm bữa cơm chiều viễn xứ
Cho mái đầu ta chớ cúi sâu.
Ai hét trong lòng ta mỗi lúc
Như người bị bức tử canh khuya
Xé toang từng mảng đời tê điếng
Mà gửi cùng mây, đổ thảm thê.
Ta nói với từng tinh tú một
Hàng đêm tất cả chuyện trong lòng
Bãi lân tinh thức, âm u sáng
Ta thấy đầu ta cũng sáng trung.*

Đất liền, ta gọi, nghe ta không?
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng.
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc.
Con chim động giấc gà cô đơn.
Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa.
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên.
Mái tóc sấu nung từng sợi đỏ
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên.
Ôi! Lũ cây gầy ven bãi sụp,
Rễ bung còn gượng cuộc tồn sinh,
Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh.
San hô mọc tua thêm cành nhánh
Những nổi niềm kia cũng mãi khai
Thời gian kết đá mốc u tịch
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người.

3. 1974

(Tuyển Tập Thơ Thùy Yên, 1995)

Đêm quan ngoại

Tạt vào, giữ phôi bóng đêm bám
Xoa nhận lại mặt, ngôi định hình
Nghe trong đầu chưa ngớt tán loạn
Gió lên vung lưới chụp mộng mênh

Nhen nuôi một điểm lửa cô quạnh
Cầu những hồn dâu biển ghé qua
Lưới bứt rã, mộng mênh sống thoát
Gió lại thần săn riết chẳng tha

Bất giác nghe đâu đó khuấy thăm
Tiếng hỏi: Vì sao đến nổi này?
Dặm cát phồng dăm làn ngoảnh lại

HUỶNH ÁI TÔNG

Ngõ ngang ai khác đã qua thay

*Gối đầu lên một chỗ không lý
Ráp lại xương, từng thối rã rời
Giờ này đã khuya khoắt thiên cổ
Chớp hiện mình soi đội lẽ loi*

*Cố ngủ, mong thay được mộng mới
Đỡ thiu hồn rửa những tiền sinh
Mai nữa, lại đi cùng gió quẩn
Mịt mờ theo đuổi tiếp mông mênh*

3.2000

(*Thấp tạ*, An Tiêm, Houston 2004)

Trong bài *Thơ Tô Thùy Yên* nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc đã có nhận định như sau:

*“Thơ Tô Thùy Yên không hoàn toàn mới. Thơ Tô Thùy Yên là sự kết hợp hoàn chỉnh và đẹp đẽ giữa hai yếu tố mà giới phê bình lý luận văn học tại Việt Nam thường nói đến: **tính dân tộc và tính hiện đại**. Có thể dễ dàng tìm thấy trong thơ Tô Thùy Yên vô số những dấu vết của truyền thống bên cạnh vô số những điểm cách tân độc đáo: cả hai hài hoà với nhau làm cho thơ ông, ở những bài thành công nhất, có cái hoàn hảo của những tác phẩm cổ điển.”*

Tài liệu tham khảo:

- Tô Thùy Yên Web: vi.wikipedia.org
- Nơi chốn đi qua Web: gocnhin.net

19. Phan Nhật Nam



Phan Nhật Nam - Phan Ngọc Khuê (1943-20)

Phan Nhật Nam tên thật là Phan Ngọc Khuê sinh ngày 9 tháng 9 năm 1943 tại Huế, chánh quán ở Nại Cửu, Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Cha ông là Phan Văn Trình gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng bị loại bỏ vì tội "tiểu tư sản, gia đình hào lý...". Vì sự kiện này danh tính của Phan Ngọc Khuê được đổi thành Phan Nhật Nam.

Ông là cựu học sinh Trung Học Phan Chu trình Đà Nẵng. Sau khi tốt nghiệp khóa 18 Trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt, ông là sĩ quan của binh chủng Nhảy Dù với cấp bậc Trung úy.

Tác phẩm *Mùa hè đỏ lửa* được giải thưởng Văn học toàn quốc năm 1973.

Sau 1975, ông đi học tập cải tạo 14 năm, hầu hết ở các trại miền Bắc, trong nhiều lần bị biệt giam hàng năm trời trong hầm tối, do tính kiên cường có lý tưởng đã trui rèn ở

HUỶNH ÁI TÔNG

Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Năm 1989, ông được tạm tha, bị quản chế tại gia ở Lái Thiêu, Bình Dương.

Năm 1993, ông sang Mỹ định cư theo diện HO. Ông sinh sống ở Nam Cali, tiếp tục viết và cộng tác với đài truyền hình SBTN.

Tác phẩm:

- *Dấu Bình Lửa* (1969)
- *Đọc Đường Số Một* (Đại Ngã, 1970)
- *Ái Trần-gian* (Đại Ngã, 1970)
- *Dựa Lưng Nổi Chết* (Đại Ngã, 1971)
- *Mùa Hè Đỏ Lửa* (Sáng Tạo, 1972)
- *Tù Binh và Hòa Bình* (Hiện Đại, 1974)
- *Những Chuyện Cần Được Kể Lại, Đường Trường Xa-xăm* (1995)
- *Mùa Đông Giữ Lửa* (1997)
- *Đêm tận thất thanh* (thơ - 1997)
- *Những Chuyện Cần Được Kể Lại* (2002)
- *The Stories Must Be Told.*
- *Xương, Thịt Đòi Sau Máu Rất Buồn*
- *Những Dòng Sông Chảy Qua Vùng Đá Sạn* (TVTC Ấn Quán, 2007)

Trích văn:

Mùa hè đỏ lửa

Chương 6: Đốt Charlie

Liệu nói nhỏ, thì thâm sát tai Mẽ: Tim ông nó mệt rồi, đừng “gonfler” quá, ông chết luôn, hết người chỉ huy.

Lính sư đoàn Điện Biên thổi kèn xung phong dưới yểm trợ của cối và sơn pháo. Quân ta sau mỗi đợt pháo, đứng khời giao thông hào... Vào nữa...vào nữa đi con...Có đứa nào già không mây? Tao chỉ thấy toàn con nít, đánh tay không tao cũng có thể bóp cổ tụi nó được!! Trước mắt lính nhảy dù, một lớp, hai lớp, những “đứa trẻ” cứ tuần tự đi tới... Những lớp trẻ con chơi trò đánh nhau. Chơi trò chơi ác độc do ép buộc, tuyệt vọng và vô nghĩa lý.

... Không nương tay với nó... Napalm Hải!!

- Có ngay!!

Hai chiếc skyraider xuống thấp như chưa bao giờ thấp hơn, dưới đất thấy được chiếc mũ trắng của anh pilot; hình như anh muốn nhìn quân bạn, anh muốn chào thăm hỏi như sau mỗi lần thả “líp” dù chót, phi cơ thường hạ thấp cách mặt đất khoảng vài mươi thước để “chào bãi”. Ở đây cũng thế, hai chiếc máy bay rà sát xuống coi như gần đụng ngọn cây. Thả bom với cao độ như thế này chắc chắn không chệch một thước, bom nổ cháy xém đến tuyến phòng thủ của quân bạn, đám lính Bắc lẫn lộn trong bãi lửa, chạy dạt ra xa... Nhưng ô kia, hai chiếc skyraider không lên được nữa... Lòng can đảm và tình đồng đội đã giết các anh. Các anh đã xuống quá thấp để ném bom thật chính xác, để bung địch ra cho bạn. Các anh đã quên thân mình... Hai cánh đại bàng chúi xuống. Chúi xuống nữa và bốc cháy... Vĩnh biệt các anh! Đám cháy kết thúc trận đánh. thân người cháy đen nằm chật sườn đồi.

...chúng nó đánh, chết như thế để làm gì nhi!? Một ngày của hai mươi bốn giờ trên thép đỏ và máu nóng đi qua. Trời tối dần. Đêm xuống... Người lính dựa lưng vào giao thông hào liềm môi. Môi anh nóng như miếng vỏ cây bị nung

khô... từ sáng đến giờ chưa được uống nước. Anh không còn sức để nghĩ thêm sau chữ “nước”.

Ngày 14 tháng Tư tiếp theo. Tính đến hai giờ chiều, C2 nhận hơn 2000 đạn “delay” và nổ chụp. toàn bộ tiểu đoàn 11 co mình trong giao thông hào dưới cơn mưa pháo không dứt đoạn.

... Nó nổ xa mình. Hải thều thào,

- Ủ phía Tây, ngoài tuyến mình. Liệu tiếp lời, gật đầu đồng ý với Hải. Nhưng thật ra cả hai đều tự dối, pháo không rơi một điểm, một tuyến, pháo chụp toàn thể C2. Pháo tan nát. Pháo mênh mêng. Tất cả những lời nói chỉ là cách tự đánh lừa, trấn tĩnh đồng đội và cũng chính mình.

- Hôm nay 14? Liệu hỏi bằng quơ, gọi chuyện trong tiếng nổ âm ỉ sắc buốt. Mẹ Hải không trả lời, đưa mắt dò hỏi. Còn lời nào trong cơn mưa lũ của sắt thép vang động này ?!

- Hôm nay mười bốn, mai mười lăm, ngày đầy tháng con tôi...

Bốn con mắt lại mở ra. Mẹ và Hải không hiểu ý Liệu. Không hề hiểu nổi... Vì Liệu đang nghĩ: Không lẽ ngày đầy tháng con bố lại chết?! “Chết”, chữ nhỏ ngắn này làm tê liệt hết phản ứng. Chết đến từ tiếng “bục” âm âm nơi xa, sâu trong rặng Big Mama... xong nổ “oành” đầu đây... Hình như ngay trên đỉnh đầu, trong lòng nón sắc đang vang động u u. Giữa khoảng cách kinh khiếp này chữ “chết” hiện ra sáng rực như một giải quang báo, tiếp nổ bùng với toàn hệ sức công phá. Tiếp tục... tiếp tục... Bốn cây 130 ly nơi xa nã đạn xuống Charlie nhíp nhàng từng ngắt khoảng ngắn.

Năm giờ chiều, trận mưa đại pháo chấm dứt để cối và sơn pháo 75 ly điểm giọt, bắn thẳng vào căn cứ.

- Xong rồi, tụi nó “chơi” mình lại. Mẽ đứng khỏi giao thông hào. Đêm nay là quyết định, mình và nó last fighting... Mẽ báo cáo với bộ chỉ huy lữ đoàn,

- Bây giờ tụi nó hết “in coming (pháo kích)”, và bắt đầu “ground attack”. Không phải Mẽ sinh dùng tiếng Mỹ, bởi thông thường, những danh từ kia phải được nguy hoá, nhưng bây giờ tìm đâu ra thì giờ để dò tìm từng từ trong bảng “Ám danh đàm thoại”.

- Nó đánh anh chưa? Viên lữ đoàn trưởng ở căn cứ Võ Định vào máy liên lạc trực tiếp với Mẽ.

- Bắc đầu ở hướng cũ, tây và tây-nam, heavy attack,

Tất cả đứng khỏi hầm, đạn súng colt lên nòng, bác sĩ Liệu lui húi tìm mấy trái lựu đạn... Tôi hết đồ nghề bác sĩ rồi, chơi “đồ chơi” mới vậy, lần sau đi hành quân, tôi mang một khẩu đại liên 60!! Không ai còn sức hưởng ứng câu đùa của Liệu. Mẽ nhăn mặt đau đớn, ngày hôm qua bị một quả pétard (thủ pháo, một loại lựu đạn biến chế) nổ quá gần, sức nổ ép cứng xương sườn vào vách hầm, để lại những vết máu bầm lấm chắm...

Trời tối dần, hơi núi đùn lên cao, đậm đặc thêm vì khói súng. Bắc quân đã chiếm được một phần giao thông hào, tuyên phòng thủ của đại đội 114...Trình Mê Linh, nó lấy của của tôi một “khúc ruột”. Cho, đại đội trưởng 114 báo cáo với Mẽ,

- Hải, nói với lữ đoàn nó vào tuyến mình rồi,

- Tao...tao mệt... nói không nổi, Liệu giúp hộ...

Bác sĩ Liệu, to người, béo mập, đang khom lưng lấy súng colt lạch cách như trong phim cao-bồi, chớp ống liên hợp máy truyền tin,

... Dễ thôi, dễ thôi... Tụi nó cấm được một phần vỏ lạc của tôi... Liệu ề à với giọng tỉnh táo đùa cợt,

- Ông phải la lên mới được, đùa thế, ngoài ấy tưởng mình giỡn,

- Giỡn làm sao, không đùa như thế, chẳng nhẽ lại khóc lóc mếu máo sao... Ờ... chạy đi đâu!! Liệu quay nòng súng colt về phía một anh lính đang nháo nhát chạy vào khu giao thông hào trung tâm,

- Đi ra, ông bác sĩ không bắn mầy thì tao bắn cho mầy biết chết như thế nào? Mẽ hét lớn với người lính... “biết chết như thế nào?!” Mẽ cũng buồn cười vì lời nói của mình... Chết rồi, thì biết chó thế nào nữa?! Âm! Một trái bộc-pha nổ thật gần, bắn Mẽ ngã ngựa người xuống. Mẽ lồm cồm bò dậy, sờ lưng,

...bác sĩ, chắc tao bị thương nặng!! Mẽ thều thào.

Liệu xoa tay lên lưng Mẽ, thân áo rách lỗ chỗ...Đếch có gì cả, mảnh nhỏ như bụi, vì ông yếu sức nên ngắt thế thôi, đây là hậu quả những cú đâm của thằng Hennessy, Couvoisier trước kia!!

...C... giờ này mà mầy còn trêu được!

- Stupid! Why you fire forty-five? Anh vô vấn trưởng, thiếu tá Duffy hét vào tai Liệu,

- I have only this... Mẹ mày, giờ này còn why với what....What cái cần câu ông ấy,

Một đợt, hai đợt... năm đợt, Bắc quân tràn vào, bị đẩy ra, lại tiếp tục tràn vào, chiếm được một đoạn giao thông hào, xong lần dần từng đoạn,

- Không xong rồi, nó nhiều “tiền” quá! Hải lắm bầm.

Mẽ nhìn Liệu, Hải, cố vấn trưởng Duffy. Tôi muốn ở lại! Mẽ chắc giọng.

-Nó vào chỗ thẳng 4 (đại đội 4), đang qua chỗ thẳng 2, mình hết đạn... Đợt, tôi đề nghị. Hải khôn ngoan, dứt khoát.

- Phải, mình “ra” đi, ở đây chịu không nổi, tụi nó đông gấp mấy mình. Liệu tiếp theo. Chữ “ra” ráo hoảnh trống không.

Mẽ im lặng, gỡ nón sắc ra khỏi đầu,

...No hesitation, the best way... Sir? Duffy, Thiếu Tá Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ, người quân băng loang lỗ máu khô, anh đã bị thương ba nơi trên thân, nhưng quyết ở lại với tiểu đoàn. Viên cố vấn, hiểu được phút giây nghiêm trọng đối với Mẽ; lần đầu tiên anh gọi người cùng cấp bậc, một thiếu tá người Việt với danh xưng kính trọng, “sir”.

- Đồng ý, cho thẳng 2 dẫn đầu, xong đến đại đội chỉ huy và thẳng 4 bao chốt. Hải, gọi máy qua thẳng 3, bảo nó “nhỏ neo” ra điểm hẹn này. Mẽ chỉ một vùng tập trung ở hướng đông-bắc trên bản đồ. Bảo nó đi ngay, mang theo thương binh.

Lần đầu tiên trong đời tác chiến Mễ phải “chạy”, Mậu Thân, 1968, ở Huế, với đại đội chỉ còn ba mươi người, đấu trùng trùng nguy khôn, Mễ vẫn điều quân phản công chiếm lại công thành Thượng Tứ. Nhưng, lần này, viễn ảnh toàn bộ tiểu đoàn bị tràn ngập, Mễ không còn cách nào khác hơn.

- Hướng đông-bắc, 800 ly giác, thăng 3 sẽ ra đó với mình. Hải chuyển lệnh cho Hùng “móm”, thành phần xung kích còn lại cuối cùng của đơn vị.

...OK, em nghe, em làm được cái một. Hùng “móm” vẫn ranh mãnh như không có chuyện quan trọng đang xảy ra.

Đi xuống hoài, vực sâu hun hút, trời tối thẫm và cây rừng đan lưới. Chỉ tiếng lá khê động dưới bước chân cùng những thanh âm rên rĩ gâm ghim trong cổ họng. Đoàn quân lẫn vào bóng đêm như muốn tan thành vật vô hình. Sau lưng họ trên đồi cao, C2 bốc lửa ngọn. Bom đã thả xuống khi người lính cuối cùng đại đội 1 ra khỏi vòng vây. Thương binh nặng và xác “anh Năm”, chuỗi cảnh tượng chập chờn chồng lên trí óc Mễ. Mệt, cảm giác rõ rệt nhất, ba ngày và đêm không ăn, ngủ, chỉ nhấp chút nước lã cảm hơi và cuối cùng, cuộc rút quân trong đêm... Đi nữa đi Hùng, đứng hướng rồi, cứ tiếp tục, phía mặt trời đó, bao giờ đến chỗ trống thì báo tôi. Nhớ liên lạc với thăng 3 ở phía trái, thấy mặt trời thì báo. Mễ thì thảo chuyển lệnh cho Hùng, đại đội trưởng đại đội 1.

Mặt trời chưa thấy, đêm còn đây. Dày từng khối lớn mông mênh và đặc cứng. Hình như đã đến đáy một “tan-véc” (khe nhỏ chạy giữa hai chân núi), chân bước lên lớp đất ẩm. Nước! Người lính đặt tay xuống “mặt nước”. Không có, chỉ một lớp lá ẩm mục và đất bùn, khe suối mùa, chưa có nước.

Nhưng bàn tay có chút ẩm, người lính lè lưỡi liếm miếng nước vô hình đó .

Qua khỏi “tan-véc”, lên đỉnh đồi, thấy lại sau lưng ngọn lửa ở C2 bập bùng. Bàn bè ta còn đó, sống làm sao được hờ trời ? Mẽ kiệt lực hỏi,

- Hải, khi chót mình để “anh Năm” ở đâu ?

- Ở giao thông hào, nơi hầm đại liên. Mẽ và Hải chỉ nói với nhau được câu ngắn trong đêm. Nguy biến và rình rập vẫn còn rất nhiều. Sao trời chưa sáng nhỉ ? Hùng, gắng đi mau hơn nữa, càng xa tụi nó càng tốt, giữ được súng và thương binh nhẹ như thế này cũng tạm coi như là “đẹp”. Đẹp, hình như Mẽ cười chế riếu mình trong bóng tối. Thôi, đừng nghĩ gì nữa, cởi nón sắt cầm tay, bốn ngày đội hoài khối sắt trên đầu, khi cởi ra còn nguyên ảo giác của âm vang tiếng nổ lộng trong lòng chiếc nón kim khí. Mệt quá! Sống rồi! Hùng “móm” kêu một tiếng sáng khoái, bóc máy báo cáo cho Mẽ, nhanh như chớp:

- Tôi thấy “nó” rồi phía tay trái tôi.

Mẽ nhìn lên tàng cây, trời tím nhạt chưa có ráng nắng, nhưng ngày đã bắt đầu, trăng trắng vùng tập trung đã gần đến. Thoát rồi chẳng? Mẽ tự tin nhưng cũng rất đầy kinh nghiệm: Nó phục mình ở đây nữa thì tan hàng!! Ý nghĩ kinh khiếp như một mũi dao cực bén cắm ngay đỉnh đầu. Mẽ không dám nghĩ tiếp...

- Kêu thẳng “Đồ Phủ” đến tao Hải,

- Duffy come here... Viên thiếu tá cô vẫn đang đi sau Hải và Liệu nghe kêu, mím cười bước lại. Ba lần bị thương, bốn ngày chiến đấu không ăn, ngủ, Duffy vẫn “cứng” như

một khối thép, đầu đội mũ đi rừng, khẩu M18 đặt ngang hông, tự tin và bình thản như một ý chí không lay chuyển. Tiên sư thằng cha này “dur” cả hồn lẫn xác, number one! Liệu nói với Hải khi Duffy qua mặt để lên gặp Mễ. Anh chàng hiểu ý, mỉm cười: Hello Doc!! Trong phút chốc sự việc khủng khiếp của bốn ngày căng cứng như vụn tan đi. Năng cũng vừa đến, nắng đầu tiên của ngày, lòng người lính duỗi ra theo độ âm của vệt ánh sáng. Sống được rồi mừng biết bao nhiêu!

- Đây nhé Duffy, vùng tập trung của mình, 113 bên trái, phe ta bên phải cùng “move” lên. Mình làm một cái LZ (bãi đáp), xong “mày” gọi “Tây” đem máy bay tới móc mình ra, OK ?

- OK Do !! “Đồ Phủ” gạt đầu lia lia... Good...very good, you’re the best commander! “Đồ Phủ” đưa ngón cái lên ca tụng Mễ.

- Tao hay hơn nhiều, cú này bị “kẹt”, mày khen làm tao ngượng. Duffy không biết Mễ nói gì, cười rộng mồm, Mễ cười theo.

Rất cẩn thận, Mễ cho Hùng “móm” và Hùng “mập” cùng lên trắng trước. Hai cậu Hùng “bắt tay” nhau, làm thành vòng phòng thủ, phần còn lại của tiểu đoàn với đám thương binh “bò” lên tiếp... Xong rồi, khá an toàn, giữ được cái trắng là tốt, có đường thoát rồi. Duffy, có tàu bay chưa ?

- OK! Ten minutes, sir!

Nhưng không còn “ten minutes” nào cho Tiểu Đoàn 11 nữa! Một trận mưa rào, mưa đầu mùa... Mưa bởi một rừng cối và sơn pháo từ những cao độ phía đông “tưới” xuống. Bắc quân tấn công bộ từ đông-nam lên. Không hầm hờ,

không đạn, mệt mỏi, đói khát của bốn ngày đã đến đỉnh cao nhất chịu đựng. Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù lẫn lộn, cựa quậy hấp hối trên trăng cỏ tranh trơ trụi dưới lưới chụp đan dày bởi lửa, khói và mảnh đạn thép... Hàng sống, chống chết! Hàng sống, chống chết! Bắc quân ào ào như nước lũ tràn đi qua con đê bị vỡ. Tiểu đoàn 11 tựa tình cảnh con báo kiệt lực bị vây khốn bởi một rừng ong cục độc! Bây giờ là 8 giờ sáng của ngày 15-4-1972, Tiểu Đoàn Nhảy Dù mới tinh của Anh Năm, tiểu đoàn đã khoan thủng bức tường thép của cộng quân ở Damber; tiểu đoàn “nướng sống” hai tiểu đoàn của sư đoàn Điện Biên trên cứ điểm C- Thua. Thua đau đớn và thua vô lý!! Đâu còn có thể để dựa vào. Đâu còn lực để đương cự ?!

Muốn đánh nhau phải có “thế” và “lực”. Thế đã mất ngay từ ngày đầu tiên khi bước xuống cao điểm với một nhiệm vụ “phòng thủ” quá mỏng manh thụ động, và lực nào còn nổi sau bốn ngày hay 156 giờ tác chiến căng thẳng trên các cao điểm nguy hiểm và thiếu thốn toàn diện. Hình như mọi người đều không ăn, uống kể từ ngày 12. Uống, nếu có chỉ là chữ gọi động tác “nhúng” chiếc lưỡi vào nắp bi đông ẩm ướt. Tan hàng!! Những người sống sót còn lại tan biến vào rừng cỏ tranh.

Trích thơ:

Bé

*Năm em tôi lên ba
Đã chịu đời xa bố
Mẹ tất tả thân mòn
Nuôi con bao vất vả
Đời thiếu nữ lớn lên
Đắng cay thêm tủi hổ
Áo vá bạc vai gầy
Tuổi thơ sôi cuồng nộ.*

Mẹ mất năm mười-ba
Thảm thiết sao kể xiết
Cố nuôi em từng ngày
Khốn khó dài biên biệt.
Bạn học những ty hiềm
Thầy, cô nặng trĩu siết
Em vây chặt buồn phiền
Tuổi học trò thua thiệt

.....

Tôi đi làm lính chiến
Trôi nổi chốn trận tiền
Em một mình cô cút
Đâu được ngày đoàn viên.
Mong em sau lớn lên
Tình duyên nên mãi nguyện
Cầu em đời bình yên
Quên xóa ngày uất nghẹn.

Nào đâu buổi sụp vỡ
Cánh nước mất tan nhà
Lâm thân sơ, thất sở
Vây quanh khốn mù sa.
Long Thành, chồng tập trung
Anh ngục tù lâm nhục
Trên quê hương lưu đầy
Rừng rục lửa địa ngục.
Bốn con thơ khốn cùng
Sức người căng vượt sống
Tư trang bán sạch dần
Cây rừng khô lá rụng.

.....

Tôi đi lên miền Bắc
Thân kiệt cùng thậm ngặt
Nhớ thương em dải dầu
Nơi quê nhà bần bật

Rừng núi trời vào thu
Tù leo đòi đón núa
Bên đường đèo nghỉ đỡ
Nghe chuyện buồn thương tâm
“..Người chồng đi tập trung
Vợ ở nhà chết thảm
Bốn con nhỏ khốn cùng
Quay quắt bên thây cứng!!”
Những tưởng nghe nhảm tai
Giật mình gào hỏi lại
Ôi xiết bao kinh hãi
Đúng tên chồng em gái?!

Chuyện những Đồi Hoa Sim
Nay một lần lập lại
Không chết người ngục tù
Một mình em oan trái!
Tôi bật khóc trên đồi
Nhìn khoảng không vẩn vủ
Có còn không.. Đất, trời !!
Mây mang mang kéo lũ
Rừng chập chùng lá đổ
Sương dây vây khói xanh
Thật hay không đấy hở?!
Tạo Hóa nghiệt cùng đành!
Cháu tôi ai nuôi đây?
Bé nhất chưa biết nói
Chịu sao nổi đọa đày
Giữa trùng vây khổ đời

.....
Năm năm ngày giỗ em
Cắm phòng ngói gục mặt
Nói đau trũng ngực nặng
Em chết thật sao Khanh ?

HUỶNH ÁI TÔNG

18-3-1983

Ngục tối Trại Lam Sơn, Thanh Hóa.

Không biết ngày chết,

Nhớ ngày em tôi đã có trong đời

Phan Nhật Nam

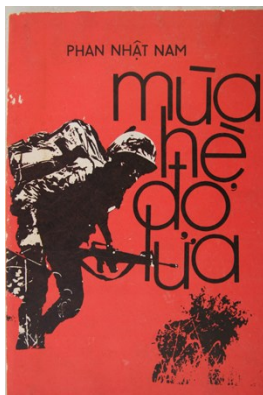
Nhà văn Du Tử Lê nhận định về Phan Nhật Nam:

Dù đứng ở điểm đứng văn chương nào, giữa quê cha, trong lao tù, hay phơi phới tự do, quê người, người đọc vẫn thấy được một Phan Nhật Nam nhất quán với ngọn cờ phục hồi danh dự người lính miền Nam. Khản giọng khản thiết buộc, đòi mọi người phải mãi nhớ, phải biết ghi ơn những người đã nằm xuống cho những giá trị nhân bản bất biến, dù cho hôm qua, họ là những kẻ thua trận. Dù cho hôm nay, những kẻ thất trận kia, những kẻ nằm xuống họ, đã không có được một nắm mồ, một mộ bia.

Tài liệu tham khảo:

- Phan Nhật Nam Web: vi.wikipedia.org

- Mùa hè đổ lửa Web: tusach.mobi



20. Hoàng Hải Thủy



Hoàng Hải Thủy - Dương Trọng Hải (1933-20)

Hoàng Hải Thủy tên thật là Dương Trọng Hải, Sinh năm 1933 tại Hà Đông.

Vào Nam năm 1951, từng học chung lớp với Dương Đại Tâm (nhà văn Ngọc Linh), Dương Văn Chánh (nhà văn Dương Hà) tại Trung học tư thực Tân Thanh ở đường Phạm Hồng Thái tại ngã sáu Sài Gòn, từng trải qua các việc: phóng viên nhật báo Ánh Sáng Sài Gòn, phòng 5 bộ Tổng Tham Mưu quân đội VNCH, phóng viên nhật báo *Sài Gòn Mới*, *Ngôn Luận*, *Tiền Tuyến*, tuần báo *Văn Nghệ Tiền Phong*, thư ký sở viện trợ Mỹ.

Ngoài bút hiệu thường dùng nhiều người biết tới là Hoàng Hải Thủy, ông còn dùng các bút hiệu khác như Công Tử Hà Đông, Ngụy Công Tử, Con Trai Bà Cả Đợi, Hạ Thu, Hồ Thành Nhân, Văn Kỳ Thanh, Dương Hồng Ngọc, Triều Đông, Người Sài Gòn ...

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1977 bị Công An Việt Cộng bắt nhốt 2 năm (1977-1979) vì tội gửi một số bài thơ, bài viết sàu buồn ra nước ngoài.

Tháng 5 năm 1984 bị bắt lần thứ hai cũng vì tội gửi tác phẩm ra nước ngoài. Lần thứ hai này bị đưa ra tòa, bị án tù 6 năm. Năm 1990 trở về Sài Gòn

Năm 1994 sang Hoa Kỳ tị nạn, định cư ở Virginia.

Tác phẩm:

- *Vũ Nữ Sài Gòn*
- *Tây Đục Tây Cái*
- *Chiếc Hôn Tử Biệt* (tái bản với tên *Đêm Vĩnh Biệt*)
- *Nổ Như Tạc Đạn*
- *Yêu Lắm Căn Đau*
- *Bạn và Vợ*
- *Môi Thắm Nửa Đời*
- *Ngươi Vợ Mất Trí*
- *Định Mệnh Đã An Bài*
- *Gái Trọ*
- *Kiều Giang* (phóng tác từ tác phẩm *Jane Eyre* của Charlotte Bronte)
- *Đình Gió Hú* (phóng tác từ *Wuthering Heights*)
- *Như Chuyện Thần Tiên* (Scorpion Reef)
- *Điệp Viên 007* (Phóng tác)
- *Thầy Nó* (phóng tác từ Dr. No)
- *Máu Đen Vàng Đỏ* (phóng tác)
- *Công Ty Rửa Tiền* (The Firm)
- *Mang Xuống Tuyền Đài* (The Chamber)
- *Báo Cáo Bò Nông* (The Pelican Brief)
- *Tiếng Kêu Của Máu* (The Red Dragon)
- *Mùa Hạ Hai Mười*

- *Những Tên Biệt Kích Cầm Bút*
- *Dữ Hơn Rắn Độc ...*

Trích văn:

Sài Gòn đêm ba mươi Tết

“Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục!...”

Đó là một câu tôi nhớ trong số những câu tôi nhớ của tiểu thuyết *Đồ Long Ý Thiên Kiếm* của Kim Dung, tác phẩm tiểu thuyết tôi đọc ở Sài Gòn những năm 1960, thời gian tôi ba mươi tuổi. Đó là câu *Dư Liên Châu* nói với *Trương Thúy Sơn* trên chiếc thuyền lênh đênh giữa biển khi hai anh em đồng môn gặp lại nhau sau mười năm xa cách, khi *Trương Thúy Sơn* đưa vợ con: *Hân Tố Tố* và *Vô Kỳ*, từ *Băng Hỏa Đảo* trở về trung thổ, *Thúy Sơn* sợ *Trương Tam Phong*, sư phụ của chàng, không cho chàng kết hôn với con gái của *Giáo Chủ Bạch Mi Giáo*. Chàng được *Dư Liên Châu* trấn tĩnh

“Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục...!”

Một câu nói rất thường trong một truyện kiếm hiệp – truyện kiếm hiệp hay nhất trong đời tôi – làm cho tôi xúc động mãi. Khi ngồi trong *Nhà Hàng Pagode* đêm cuối năm, quanh chúng tôi chỉ còn những chiếc ghế da nâu không người ngồi và nhà hàng sắp đóng cửa – lúc ấy là mười một giờ đêm 28 Tết, còn hai đêm nữa là đêm *Giao Thừa* – người ta, những người *Sài Gòn* đi chơi đêm, giờ này đến các tiệm nhậu, tôi và *Quang* còn ngồi buồn ở đây.

Nhìn nét mặt đăm chiêu và những nếp nhăn hằn trên trán *Quang*, tôi chợt nhớ đến lời *Dư Liên Châu* nói với *Trương Thúy Sơn* – “*Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục*”

và tôi xúc động. Tôi muốn nói một lời để an ủi Quang, nhưng tôi im lặng, vì tôi nghĩ trong lúc này, và trong nhiều trường hợp, yên lặng là tiếng nói của Trái Tim.

Tôi tuổi Dậu, Quang cũng tuổi Dậu, nhưng anh sinh trước tôi mười hai năm, tức là một giáp. Như vậy là tôi “ấn tuổi” Quang; theo kinh nghiệm, các cụ ngày xưa cho rằng những người ấn tuổi nhau thường hợp nhau, thương mến nhau. Các cụ nói đúng trong trường hợp “ấn tuổi nhau” của Quang và tôi. Chúng tôi thân mến nhau, thông cảm nhau. Tôi thường đoán trước, biết trước được những điều Quang sắp nói, những việc Quang sắp làm. Ngược lại, Quang cũng biết trước về tôi như tôi biết về anh.

Quang là luật sư. Năm 1950, tôi từ Hà Nội vào Sài Gòn, tôi đi làm phóng viên nhà báo và tới ngụ tại nhà anh trong một thời gian. Ngày ấy, anh đang kiếm ra tiền. Gia đình anh sống trong một vi-la đường Mayer. Tôi sống nhờ trong nhà anh, với gia đình. Vợ chồng anh coi tôi như người trong gia đình. Anh đưa tôi đi ăn chơi, anh là người mở đầu cuộc sống “trăng hoa” của tôi tại Sài Gòn. Vợ anh là gái Hà Nội, hiền, khá đẹp nhưng không có gì xuất sắc. Chị là người không gây thiện cảm mà cũng không gây ác cảm. Năm đó Ngọc lên năm tuổi. Cô bé xinh xắn, nước da hơi nâu, mạnh khỏe, thông minh, có đôi mắt tròn, đen láy, năm ấy cô bắt đầu cắp sách đi học Mẫu giáo. Trường gần nhà, đi bộ qua một con phố. Có những buổi chiều tôi đến trường đón Ngọc về. Thanh niên chưa có vợ, chưa có con thường thích trẻ con và muốn gần bọn trẻ con kháu khỉnh, xinh xắn, sạch sẽ và thông minh. Ngọc là một đứa bé có đủ nét ấy.

Rồi thời gian qua, Quang thành công với nhiều “áp phe” lớn. Địa vị của anh ngày một vững, tên tuổi anh nổi sáng. Rồi chiến tranh Đông Dương kết thúc. Năm 1954, đất nước chia đôi, Quang trở thành một nhân vật lý tài quan trọng, cỡ

quốc tế. Đó là những năm tôi sống trong quân ngũ. Xa Sài Gòn, tôi xa gia đình Quang, cho tới ngày tôi được tin anh gặp tai họa. Những nhân vật của chế độ mới – tức chính quyền Ngô Đình Diệm – những người cộng tác mật thiết với ông Diệm, ông Nhu, đã giương một cái bẫy để hại Quang và hất anh ra khỏi cái địa vị chuyên gia kinh tế tài chính quốc gia mà anh đang giữ.

Quang bị tù hai năm. Ở tù ra, anh trắng tay. Những người hại anh đã cố gắng để được một địa vị và thế lực quá vững. Họ tiếp tục làm hại anh bằng cách ngăn cản không cho anh ra mặt làm bất cứ công việc gì. Họ phá không cho anh hành nghề luật sư. Các công ty ngoại quốc không dám mướn anh. Anh phải kiếm sống bằng cách nhận làm riêng cho vài ông luật sư bạn. Những ông này giúp anh bằng cách giao việc cho anh đem về nhà làm.

Và những tai họa theo nhau đến với Quang. Vợ anh bỏ đi – người vợ hiền thực của anh – bỏ chồng con, bỏ nhà đi chung sống với một người đàn ông khác. Hai đứa con được để lại cho Quang nuôi. Quang sống những ngày dài buồn nản trong thất vọng và túng thiếu. Người hào phóng tự tin ở tài năng của mình và thành công ngay từ ngày bước vào đời như Quang, nổi thất vọng và buồn nản càng nặng nề khi anh đã ngoài bốn mươi tuổi, số tuổi mà những người đàn ông có tài bắt buộc phải có địa vị. Không được phép xuất ngoại, Quang đi lên ra ngoại quốc mấy lần, nhưng không thoát. Bọn mật vụ theo dõi anh, ngăn cản không cho anh đi. Có lần anh đã trốn được xuống một chiếc tàu buôn của Pháp, khi tàu sắp rời bến Sài Gòn, bọn mật vụ mới biết tin và ập xuống tàu lùng xét. Chúng không tìm ra chỗ nấp của anh, nhưng sau đó, ông Thuyền Trưởng đích thân gặp anh, xin anh trở lên bờ để tránh cho tàu của ông gặp khó khăn trong những chuyến sau tàu ghé bến Sài Gòn.

Đó là những tin, những chuyện về Quang và gia đình của anh tôi được biết trong những năm tôi sống trong quân ngũ. Rồi một người đàn bà khác xuất hiện trong đời Quang. Người đàn bà này đẹp – rất đẹp, nổi tiếng hoa khôi tại Sài Gòn – Nàng thuộc loại “chơi bời quý phái” và nàng có một tài sản đủ cho nàng sống phong lưu suốt đời.

Người đàn bà ấy yêu Quang, nàng chấm dứt cuộc sống cũ để chung sống với Quang, để làm vợ Quang. Họ yêu nhau, họ sống đầy đủ về vật chất nhưng không được hạnh phúc lắm về tinh thần, cả hai người cùng yêu nồng nàn và cùng ghen tuông dữ dội. Quang bị cuộc sống cũ của vợ ám ảnh. Vợ Quang biết nỗi ám ảnh ấy của Quang, nàng sợ một ngày nào đó Quang sẽ khinh nàng, sẽ chán nàng, sẽ yêu một người đàn bà khác trẻ, đẹp, có dĩ vãng trong sạch hơn nàng. Nhưng cả hai người cùng cần có nhau để sống. Theo tôi, Quang là người cần vợ hơn và yếu thế hơn vợ. Người vợ thứ hai của anh – đẹp, sang, được đàn ông say mê, giàu tiền – là một bằng chứng thành công của anh. Ít nhất anh cũng còn thành công với đàn bà. Người vợ trước để lại cho Quang hai đứa con. Một gái, một trai. Thằng bé hãy còn nhỏ được anh gửi bà Nội nó nuôi. Ngọc, đứa con gái lớn được anh gửi vào một trường Nữ Học.

- Tôi đang bối rối không biết phải làm sao thì cậu đến. Có cậu thay tôi lo cho nó mấy ngày Tết này tôi yên tâm. Chắc nó cũng buồn, cũng giận tôi, nhưng nhẹ thôi. Cậu cố giúp tôi. Nói cho nó hiểu. Tôi biết. Cậu từ xa về đây cần phải du hí mấy ngày Tết. Bị vướng căng vì một con bé chắc cậu bực mình lắm.

Người cha khổ sở vì không thể đón được đứa con gái yêu từ nhà nội trú của trường ra ăn Tết với mình nhờ tôi lo cho con anh trong mấy ngày Tết. Anh lên Đà Lạt ăn Tết với vợ. Vợ anh muốn thế, anh không đi không được. Nhưng nếu

sáng mai anh đi, chiều mai, không có ai đến trường đón Ngọc, con gái anh, ra trường. Mẹ đi lấy chồng khác, bố có vợ, bố ăn Tết với bà vợ, người thiếu nữ ấy bị bỏ rơi trong ba ngày Tết. Tôi là người thay mặt bố nó để làm cho nó bớt cô đơn, đỡ tủi thân trong mấy ngày đầu năm.

Trước nét mặt khổ não của Quang tôi phải quay mặt đi. Quanh chúng tôi, nhà hàng vắng tanh chỉ còn một cặp Tây Đầm già đang ngồi như chờ đợi ai ở góc phòng. Tôi cảm thấy thương Quang và lại nhớ đến câu nói của Dư Liên Châu! “Ngũ đệ... Anh em ta tình thân hơn cốt nhục...” Tôi hiểu nỗi khổ tâm của Quang. Anh thương con anh nhưng cùng một lúc, anh cũng yêu vợ. Ngọc là con riêng của anh. Anh không thể “bỏ vợ, hy sinh vợ” trong mấy ngày Tết để gần, để sống với đứa con riêng của anh. Tôi nhận lời giúp anh.

Tôi đã được nghe nói về những nữ sinh của trường nữ trung học này, những chuyện được xếp vào loại “ly kỳ”.

Những chuyện đồn đại, không có bằng chứng. Đại khái cuộc sống của nhiều nữ sinh trong Internal trường này rất loạn, nhiều nàng chơi trò đồng tính ân ái, nhiều nàng đêm đêm vẫn trốn ra đi chơi, đi nhảy đầm, bọn vương tôn công tử Sài Gòn đêm đến đậu xe trong một con đường gạch bên trường, đợi các nàng ra, rước đi chơi.. v.v.. Tôi nghe qua những chuyện ấy rồi bỏ ra ngoài tai.

Chiều Ba Mươi Tết, tiếng xe ô tô ngoài đường làm ồn cả phòng đợi. Vào những ngày lễ hội, ngày nghỉ, thủ đô Sài Gòn đông xe hơn ngày thường, đông nhất là buổi chiều gần tối. Ở đây, phụ huynh tập nập đến đón con ra trường. Nữ

sinh người Pháp không còn là bao nhiêu. Nhìn quanh tôi chỉ thấy toàn người Việt Nam.

Tôi trình Thê Phụ Huynh, giấy phép được nhân lãnh học sinh. Một bà đầm trung niên – có vẻ là giám thị – ghi mấy dòng chữ vào quyển sổ, rồi nhắc điện thoại gọi vào trong. Bà nói tiếng Pháp.

Tôi ra hiên nhà, đứng hút thuốc lá.

- Chú...!

Tôi quay lại. Năm năm đã qua:

“Chú gặp cháu lần cuối năm 1964. Bố cháu bị bắt... chú đang ở lính. Chắc chú đâu có nhớ cháu, gặp nhau ngoài đường chắc chú không nhận ra cháu, phải không chú?”

Trong phòng lạnh của Restaurant Choeng Nam, trên bát “consommé chaud”, Ngọc mở rộng đôi mắt đen và trong, nói với tôi câu nói gọi lại kỷ niệm. Nàng hỏi:

“Chú có thấy cháu thay đổi nhiều không? Cháu chóng lớn quá, phải không chú...?”

Nàng dơ tay khoát nhẹ nửa vòng trong không khí, điệu bộ nhí nhảnh như cô đào điện ảnh Sandra Dee trong vai thiếu nữ dậy thì, con nhà giàu, ngây thơ, gọi tình. nàng nhắc lại:

“Chú gặp cháu ngoài đường chắc chú không nhận ra cháu. Nếu có ngờ ngờ chắc chú không dám hỏi. Phải không chú? Nhưng cháu nhận ra chú ngay!”

Nàng neho mắt nhìn tôi đăm đăm như cô giáo nhìn anh học trò quấy phá

“Cháu nhận ra chú ngay! Chú có già đi chút chút, nhưng khuôn mặt, nét mặt vẫn không khác”.

Ánh mắt nàng long lanh, vành môi nàng cười mỉm.

“Tóc chú bạc nhiều rồi.” Tôi nói.

Trong năm năm, Ngọc thay đổi nhiều. Lần tôi đến nhà Ngọc lần cuối, Quang đang nằm trong khám Chí Hòa. Hôm ấy tôi chỉ thấy loáng thoáng bóng hai chị em Ngọc rồi tôi đi ngay, cho tới nay cô cháu ngồi trước mặt tôi giờ đây là một thiếu nữ mười sáu, mười bảy tuổi, tóc để theo kiểu tóc Jacqueline Kennedy, mặt trái soan, mắt to và sáng, môi hồng mỏng và hai bên mép sa xuống. Đôi khi, tôi thoáng thấy Ngọc có vẻ chán đời, ngạo đời – vì đôi môi sa xuống hai bên mép. Những người phụ nữ có đôi môi hai bên mép sếch lên, cũng như đuôi mắt sếch lên, thường có vẻ tươi vui – Ngọc bận đầm, đúng thời trang, không hoa hòe, hoa sói mà đẹp, trang trọng và gọn . Áo sơ mi trắng dài tay, váy Tergal xám, có hai dây vắt qua vai, ngực áo thêu hai chữ HN: Hồng Ngọc, bằng chỉ xanh. Một thiếu nữ đang đứng trên ngưỡng cửa cuộc đời. Đời nàng xấu hay đẹp, mai sau nàng khổ sở hay sung sướng – suốt những năm còn lại, đó mới là cuộc đời, ba mươi năm, bốn mươi năm nữa – tùy thuộc vào vài năm sống sắp tới của nàng. Tôi thấy tôi lo sợ một cách chánh đáng: ai sẽ dẫn dắt cô gái này đi trong mấy năm trời quyết định ấy? Mẹ nàng đi lấy chồng khác, cha nàng có vợ và con riêng, cuộc đời nàng có biết bao nhiêu là cạm bẫy.

Nàng ngược lên, nét buồn vừa qua biến mất:

“Tại tóc chú bạc sớm chớ có phải tại nhiều tuổi đâu? Phải không chú? “

Hàm răng trắng của nàng lộ ra dưới vành môi mỏng.

“Chú kém ba cháu những mười hai tuổi. Năm nay, chú mới ba mươi ba tuổi. Ba cháu bốn mươi năm rồi. Tóc ba cháu đã bạc đầu. Có bạc, nhưng không nhiều bằng tóc chú. Hồi này, không hiểu ba cháu có nhuộm tóc không? Sao chú không nhuộm tóc, chú?”

“Chú không thích nhuộm. Chú thích tóc trắng?”

“Sao thế?”

Tôi nhún vai:

“Tại chú thích.”

Nàng cười thành tiếng:

“Tóc bạc như Jeff Chandler...! Cháu biết tại sao chú lại thích rồi!”

“Tại sao?”

“Chú muốn cho các cô phải để ý đến chú vì mái tóc của chú chứ gì? Chú khôn lắm. Cô nào thấy chú hãy còn trẻ măng mà tóc đã bạc trắng thì cũng phải để ý! Chú thấy không... Đến cháu quen với chú là thế mà vẫn còn phải hỏi nữa là.”

Tôi làm bộ ngượng vì bị nói trúng tim đen, nàng cười sung sướng.

“Đã có cô nào nói với chú là... yêu chú vì mái tóc của chú chưa!”

Tôi cau mày:

“Đừng hỏi bậy!”

“Cháu có hỏi gì quá lộ đâu?”

Mặt nàng cũng nghiêm lại.

“Chú vẫn... cho là cháu còn con nít? Chú là văn sĩ mà chú chẳng biết tâm lý chút nào! Cháu không dám nói là cháu đã yêu nhưng... cháu có đủ tư cách để nói chuyện về Tình Yêu với chú, với bất cứ ai...!”

Tôi muốn khuyên nàng vài câu. Tôi biết những điều mà nàng biết về tình yêu đó chỉ là những điều nàng đọc được trong tiểu thuyết, nàng nhìn thấy trên màn bạc xi-nê và nàng nghe vài cô bạn thuật lại. Tôi muốn nói cho nàng biết nàng chưa đủ tư cách để nói về bất cứ một chuyện gì, nhất là về Tình Yêu. Nhưng tôi chưa kịp mở miệng. Nàng đã tiếp:

“Cháu học hết năm nay thôi. Sang năm, chú sẽ không còn gặp cháu ở Sài Gòn nữa đâu.”

“Ngọc đi đâu?”

“Cháu đi xa.”

“Xa là tận đâu?”

“Bên kia biển.”

Đôi mắt nàng mơ màng. Tôi thấy sợ – tôi biết là nàng nói thật – tôi hỏi:

“Ba cháu có biết chuyện cháu sắp đi xa không?”

Nàng lắc đầu:

“Ba cháu chưa biết. Nhưng có biết, chắc ba cháu cũng không ngăn cản cháu được, cháu hy vọng ba cháu sẽ không ngăn. Và cháu tin rằng ba cháu sẽ không ngăn cháu đâu..”

Giọng nàng chột đời khác, rất già dặn, đứng đắn:

””Đến đúng lúc, cháu sẽ cho ba cháu biết chuyện.”

“Ngọc đừng có dại!”

“Không đâu, chú ơi. Chú sẽ thấy là cháu rất khôn. Cháu sẽ có tiền gửi về cho ba cháu, em cháu và cả mẹ cháu nữa. Ở đời này, tiền trên hết chú ạ! Tiền là tất cả. Chú viết truyện ca ngợi tình yêu, nhưng nếu nhà báo không trả tiền chú, chú ngưng viết ngay. Chẳng tình yêu thì đừng. Chú có thể viết truyện ca ngợi tình yêu rất hay, rất... ra rít, với điều kiện là truyện đó chú phải bán được ra tiền...”

Tôi trừng mắt:

“Đừng nói làm nhảm. Tôi không muốn nghe Ngọc nói nhảm. Ngọc chưa đến tuổi nói đến tiền, đến tình yêu.”

Nàng xịu mặt và có vẻ sợ:

“Cháu xin lỗi chú.”

Bữa ăn trôi qua trong tẻ nhạt. Chúng tôi trao đổi với nhau những câu hỏi đáp thông thường. Tôi suy nghĩ về những câu Ngọc vừa nói và thấy nàng có lý. Tôi thắc mắc muốn biết rõ về chuyện sắp đi xa của nàng. Nàng sẽ đi đâu? Đi với ai? Nói thật hay quan trọng hóa một sự việc chưa có gì là quan trọng cả?

Nàng buồn và ủ dột một cách lạ thường. Ăn xong, tôi cảm thấy hối hận nên vui vẻ:

“Chú thay mặt ba cháu cho cháu đi chơi đêm Giao Thừa. Cháu muốn đi đâu, chú đưa đi.”

“Cháu muốn chú cho cháu đi coi xi nê, rồi cho vào Dancing nghe nhạc...!”

“Cũng được. Nhưng đi Dancing thì khuya quá. Sau đó, cháu về trên bà nội có tiện không?”

“Được chú. Nếu không đi quá nửa đêm sao gọi là đi chơi đêm Giao Thừa được! Với lại... cháu thỉnh thoảng vẫn về bà nội cháu khuya quá nửa đêm, không sao đâu. Nhất là có chú đưa về, “suya” quá rồi!”

Nàng tươi lên khi tôi nhận lời. Ngồi trong rạp xi-nê, nàng chăm chú theo dõi những hình ảnh trên màn bạc, thỉnh thoảng mới thốt ra một câu phê bình truyện phim và lối đóng của các diễn viên, nàng phê bình rất sành, rất đúng.

Vào Dancing, nàng đòi uống Champagne. Đêm Tất Niên, Grand Monde chật người, hết bàn, không khí thật vui. Tiếng nhạc và người nhảy thật hào hứng. Nhìn quanh thấy những bộ mặt thỏa mãn ẩn hiện trong bóng tối lơ mờ, tôi chợt nghĩ lầm cảm rằng trong số những người ở đây, chắc không có một ai nhớ rằng đất nước này đang có chiến tranh, đang bị tấn công ngày đêm, giờ này, đang có những đồng bào của họ đổ máu và chết.

Tôi gọi Champagne. Chị Cai Gà thấy tôi vào, nhân lúc bồi đến mời uống, chị ghé đến bàn chúng tôi. Chị tùm tùm cười, ra cái điều thông cảm và ngầm nói với tôi :”Đêm nay ông anh đưa trẻ đi ăn, đi chơi”, chị kín đáo hỏi nhỏ tôi:

“Anh có cần em nào ngồi bàn, để gọi?”

Tôi lắc đầu:

“Đêm nay tôi đi với cô cháu, chỉ đến nghe nhạc thôi, cảm ơn chị.”

Chị ta nhắc lại:

“Dạ... anh đi mí cô cháu...!”

Không nhìn theo, chị Cai Gà, Ngọc hỏi tôi:

“Bà nào đấy chú? Có phải bà “Chef-Taxi-girl” không chú?”

Tôi gật đầu.

” Bà ấy có vẻ... bỏ với chú lắm? Chắc là chú đi nhảy nhiều nên bà ấy biết chú chứ gì?”

Thời gian càng trôi qua, đêm cuối cùng của năm nay càng gần giờ Giao Thừa, tôi càng thấy khó khăn trong việc trò chuyện với Ngọc. Nàng không còn trẻ con, nhưng cũng chưa hẳn là người lớn Nàng không thuộc loại Nymphet, nữ nhân vật Lolita của Vladimi Nabokov. Tiểu thuyết Lolita của Vladimir Nabokov được người đọc khắp thế giới nhắc đến và đọc từ năm ngoái, năm kia nhưng qua đến giữa năm nay, một vài cuốn tiểu thuyết này mới lọt vào Việt Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm giữa thời cực thịnh, kiểm soát và cấm đoán gắt gao các loại sách báo và phim ảnh ngoại quốc bị mang tiếng là khiêu dâm. Ngọc không giống Lolita vì thân thể nàng nảy nở, tròn và đầy hơn là Lolita thon và dài.

Khi nhận lời đến trường đón Ngọc cho đến lúc gặp Ngọc trong trường, tôi vẫn nghĩ rằng Ngọc hãy còn nhỏ, hãy còn là một đứa con gái sợ sệt mà tôi có thể đưa đi ăn kem, đi mua sách vở, mua quà con búp bê. Tôi nghĩ việc tôi đưa cô cháu ấy đi chơi sẽ không gây ra một sự hiểu lầm nào, kể cả những tên bạn lưu manh nhất của tôi cũng không có lý do để nghĩ bậy khi thấy tôi đi với cô cháu. Nhưng trong bữa ăn ở Choeng-Nam tôi thấy tôi nghĩ lầm. Nhìn tôi với Ngọc, chắc không ai cho rằng nàng là cháu tôi.

Và giờ đây, trong vầng ánh sáng mờ mờ của Dancing, rượu Champagne làm đôi mắt Ngọc sáng long lanh, tôi thấy nàng hoàn toàn khác hẳn với cái hình ảnh cháu Ngọc mà tôi vẫn có. Nhìn nàng, tôi hiểu tại sao cõi đời này có những người con gái thích lấy chồng già và chỉ có thể lấy – hoặc chung sống – được với những người đàn ông gấp đôi – hoặc gần gấp đôi tuổi các nàng – như người thiếu nữ mười sáu, mười bảy tuổi đang ngồi trước mặt tôi đây chẳng hạn. Bọn con trai mười sáu, mười bảy, kể cả hai mươi tuổi, ngọc ngém như gà tồ, chưa biết tý gì về đời, chưa biết suy nghĩ – như tôi năm tôi mười bảy tuổi chẳng hạn. Nếu đem xếp Ngọc đứng gần một anh hai mươi tuổi, nàng sẽ phải khóc thét lên vì bực mình.

Thấy tôi không trả lời câu nàng hỏi về chị Cai Gà, nàng mỉm cười.

“Chú có muốn gọi Cave thì cứ gọi, chú nhá – Nhưng nếu chú gọi thì chú gọi cô nào trông “*élégante*” một chút, nghe chú. Và chú phải nhảy với cô ấy. Chia ra, với cháu một bản, với người ta một bản..”

Tiếng trống vang rền, đèn điện mờ dần rồi tắt. Giờ Giao Thừa. Năm mới đã đến. Trong bóng tối người ta ôm nhau, hôn nhau, chúc tụng nhau năm mới. Tiếng cười, tiếng í e

xen tiếng trống rền. Sau một phút như vậy, đèn sáng trở lại; Ngọc lấy được một trái bong bóng màu xanh. Nàng buộc dây bóng vào thành ghế rồi vỗ nhẹ hai bàn tay vào nhau:

“Vui quá. Năm nay, cháu sẽ được sống những ngày thật đẹp và có nhiều thay đổi.”

Tôi đứng dậy đưa nàng ra “pít”.

“Cháu chúc chú năm nay viết được truyện hay, kiếm được nhiều tiền và... chú gặp một người đàn bà yêu chú đủ để chú yêu lại và lấy làm vợ.”

Ban nhạc trình tấu bốn bản liền. Tango rồi Rumba rồi Mambo và Cha Cha Cha. Nhiều cặp phải bỏ cuộc đi vào lúc tiếng nhạc chưa ngừng. Ngọc nhảy giỏi và đẹp như một vũ nữ nhà nghề. Nàng học nhảy từ bao giờ? Nàng học nhảy ở đâu? Với ai? Những câu hỏi ấy chỉ thoáng đến với tôi rồi biến đi ngay. Tôi không còn ngạc nhiên nữa. Tôi biết Ngọc còn dành cho tôi nhiều ngạc nhiên khác nếu tôi muốn tìm ngạc nhiên và việc tập nhảy đầm không phải là một việc làm lén lút của nàng. Có lẽ trong cái trường Nữ Học nổi tiếng ấy, chỉ có Di Phước và những nữ sinh thọt chân mới không biết nhảy đầm. Hai nữa, chát rượu đã bắt đầu ngấm trong cơ thể tôi. Tôi chưa say, nhưng tôi đã nhìn đời bằng một đôi mắt khác.

“Chú với cháu đẹp đôi nhất Dancing đêm nay. “.

Nàng nói bằng một giọng nghiêm trang, đôi mắt nàng nhìn vào mắt tôi. Nếu lúc đó, tôi mỉm cười và gật đầu đồng ý cũng chẳng sao nhưng vì một mặc cảm, tôi nhú mào:

“Đừng nói bậy! “

Nàng dẫu môi :

“Nếu không biết rõ chú, cháu đã cho chú là đạo đức giả và... giả dối nữa là khác! “

Như người đàn bà trưởng thành nói chuyện với tất cả sự bình tĩnh, nàng tiếp:

“Nếu chú với cháu đẹp đôi, và biết là chúng ta đẹp đôi, có gì là xấu?... Chúng ta kiêu hãnh vì chúng ta hơn người . Nếu chú lờ khờ, nhà quê, cháu không được hãnh diện vì chú. Cũng như nếu cháu luộm thuộm bê bối, chú cũng không hãnh hái lắm khi phải đưa cháu đến những nơi đông người.”

Nàng nói tiếp:

“Cháu không thích những người con trai ngang tuổi cháu hoặc hơn cháu chút ít, cả tụi bạn của cháu cũng vậy. Cháu chỉ có thể yêu được những người đàn ông nhiều tuổi hơn cháu. “

Tôi hỏi:

“Cháu đã yêu bao giờ chưa? “

Nàng cười, đôi mắt sáng lộ rõ vẻ tinh nghịch, hàm răng trắng lấp lánh. Trong bóng tối tôi chỉ trông thấy rõ đôi mắt và hàm răng của nàng:

“Nếu chú thấy cháu có thể nói chuyện với chú về Tình Yêu, cháu sẽ kể chú nghe truyền tình của cháu, người sắp mang cháu đi... đi xa, là một người bằng tuổi chú...”

Tôi nhớ lời nàng nói với tôi khi chúng tôi ăn ở Nhà Hàng Choeng Nam – “Cháu chỉ học hết năm nay thôi. Sang năm cháu sẽ đi xa...” Bây giờ nàng không nói hết lời tôi cũng biết người đàn ông bằng tuổi tôi mà nàng nói là người sẽ mang nàng đi đó là một người Hoa Kỳ.

Chúng tôi trở lại bàn, Ngọc nâng ly chạm ly tôi:

“Năm mới, chúc chú vạn sự như ý, chúc chú gặp người yêu chú đủ để chú cưới về làm vợ. “

Tôi đáp:

“Năm mới, chúc Ngọc vui vẻ, học giỏi và không làm điều gì để những người thương yêu Ngọc phải buồn. “

Nàng uống hết ly rượu:

“Cháu chỉ có ba và em cháu. Má cháu đã đi lấy chồng. Nếu thương cháu, bà đã chẳng bỏ đi như thế, nhất là bỏ đi trong lúc ba cháu gặp tai họa. Ba cháu đã làm lại cuộc đời. Em cháu còn nhỏ chưa biết gì, cháu ra đi nhẹ nhàng. Chú yên trí đi, cuộc đời của cháu – ít nhất trong năm nay – đã được sắp đặt sẵn rồi, chú khỏi phải chúc . “

Tôi gợi chuyện:

“Chú đoán người đàn ông bằng tuổi chú Ngọc nói đó là một người Mỹ? “

Nàng gạt đầu:

“Chú nói đúng.”

“Cháu yêu người đó? “

“Cháu chưa biết, phải mười năm nữa cháu mới trả lời được chú câu ấy. Nghĩa là phải mười năm nữa cháu mới biết chắc là cháu có yêu anh ấy hay không. Tình yêu phải được thời gian thử thách.”

“Tên hắn là gì?”

“Sang đến Mỹ, cháu sẽ cho chú sẽ biết tên chồng cháu. Cháu không sợ chú phá cháu đâu, nhưng chú cũng chẳng nên biết sớm. “

Tôi cười:

“Ngọc quen là Ngọc mới mười bảy tuổi, người Mỹ trọng pháp luật...”

“Chú muốn nói cháu hãy còn là gái vị thành niên và có yêu cháu đến điên cuồng người ta cũng không dám mang cháu đi chứ gì?”

Nàng ngắt lời tôi :

“Chú chưa biết cháu đi sang Mỹ học và cháu có học bổng, hai chánh phủ Mỹ-Việt bằng lòng cho cháu sang bên đó du học, cháu đi do chánh phủ và nhân dân Mỹ quốc đài thọ!

Tôi nhìn nàng và tôi nhớ tới lời nói của một anh bạn. Anh bạn tôi bốn mươi năm tuổi, dục sĩ, có tiền, vẫn còn độc thân mặc dầu đã nhiều lần yêu. Mới đây anh nói với tôi :

“Toa phải viết về tình trạng: những cô gái Việt thích lấy chồng Mỹ. Những cuộc nhân duyên ấy không thể bền đẹp. Hiện giờ có quá nhiều gái Việt Nam con nhà tử tế, lấy Mỹ và đi theo chồng sang Hoa Kỳ. Toa nên nhớ trước kia thời Pháp... đa số me Tây đều là bọn gái hạ cấp. Nhưng bây giờ

khác, bây giờ có cả con gái nhà tử tế, có thể nói là thượng lưu... cũng ham lấy chồng Mỹ.”

Anh bạn tôi cho rằng người Mỹ gần gái Việt là chỉ để chơi, để giải sầu. Nhưng tôi thấy đa số người Mỹ đến đây khi giao thiệp với gái bản xứ đều yêu và cố kết. Họ kết hôn cả với những cô gái điếm hạ cấp nhất. Tôi thấy tận mắt nhiều em điếm một trăm, sáu chục, hành nghề ở An Nhơn, Gò Vấp trở thành những cô vợ Mỹ rồi thành công dân Hoa Kỳ. Những cuộc hôn nhân ấy có bền và có hạnh phúc hay không ? Đó là một chuyện khác. Những chuyện đã xảy ra ở Đại Hàn, ở Nhật Bản, giờ đây không có gì lạ đang xảy ra ở Việt Nam.

Bỗng dưng tôi thấy buồn. Buồn và nản một cách lạ thường. Tôi nghĩ đến Quang. Anh sẽ nghĩ sao, sẽ nói gì khi con gái anh báo tin nó lấy chồng Mỹ và nó sang ở luôn bên Mỹ. Tôi sẽ không biết nói sao nếu con gái tôi nói với tôi như vậy.

“Nhảy với cháu nữa đi chú. Sao chú buồn thế? Cháu đã đi mất ngay đâu. Cháu còn ở đây những gần mười hai tháng nữa kia mà! “

Hai giờ sáng, chúng tôi ra khỏi Grand Monde. Nàng say và yêu cầu tôi lái xe đưa nàng ra Cấp. Tôi không thể đưa nàng về nhà bà nội nàng trong lúc nàng say rượi.

Đêm trên xa lộ, trời tối om. Đêm Ba Mươi Tết. Nhiều chiếc xe, cũng như xe chúng tôi, vun vút chạy xa Sài Gòn. Trên xe nào cũng có một cặp nhân tình.

Gần hết xa lộ, tôi dừng xe gần một vườn cao su. Tôi xuống xe theo nàng, sương đêm xuống lạnh hai vai áo. Nàng đi vài bước trên con đường vắng, rộng thênh thang, rồi nàng

đơ tay thả trái bong bóng bay lên trời. Nàng đứng nghiêng
nghiêng, trong chiếc áo lạnh màu trắng sữa, ngửa mặt nhìn
theo trái bong bóng bay lên trời cao.

(Viết cuối năm 1969 ở Sài Gòn)

Trích thơ:

Vườn quên lãng

*Người đi bỏ lại Vườn Quên Lãng,
Tôi ở Vườn Quên chẳng lãng quên.
Xuân hồng hoa nở tôi cay đắng,
Đông xám hồn tôi vẫn ngủ yên.
Hạ trắng tôi không nhìn thấy nắng,
Thu vàng tôi chẳng gặp ai quen.
Người đi bỏ lại Vườn Quên Lãng
Đà lãng quên hay vẫn đỡ quên ?*

(Sài Gòn 1976)

Chợ trời 1976

*Trời chiều đi dạo Chợ Trời
Xem đồ ta, ngắm đồ người, cho vui.
Tìm vui chỉ thấy ngậm ngùi,
Vía hè này những khóc cười bày ra.
Lạc loài áo gấm, quần hoa,
Này trong khuê các, sao mà đến đây?
Chợ bày những đoạ cùng đây,
Vàng phơi nắng quái, ngọc vầy mưa sa.
Bán đồ toàn những người ta.
Mua đồ thì rất những ma cùng mường
Chợ Trời hay Chợ Đoạn Trường?
Đầu Âm Phủ, cuối Thiên Đường là đây .*

HUỶNH ÁI TÔNG

Công tử Hà Đông

*Đạp xe đội pa-na-ma.
Hỏi tên Công Tử ? Thừa là Hà Đông.
Hỏi nhà ? Nhà ở Thành Đông,
Hỏi người yêu ? Đã theo chồng đi Tây
Hỏi tình ? Tình gửi trời mây,
Hỏi thơ ? Vàng ngọc chất đầy trong tim.
Hỏi đời ? Khi nổi, khi chìm,
Nghĩa đời ? Tu đạo còn tìm chưa thông.
Hỏi sao tóc trắng như bông ?
Tại vì .. ! Công Tử Hà Đông mỉm cười .*

(Sài Gòn 1977)

Gửi người thiếu nữ ở Xà-lim bên cạnh

*Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác vụ nhưng chung một nhà.
Xà-lim ngăn cách đôi ta
Thấy em thì thấy nhưng mà thấy thôi
Thương em gan ruột bồi hồi
Muốn kêu một tiếng xé trời – “Thương em ...”*

(Xà -lim số 15, khu B, Nhà tù Số 4 Phan Đăng Lưu)

Kiều Giang

*Người bạn tù hỏi qua song cửa :
- Phải anh là Hoàng Hải Thủy,
Anh viết truyện Kiều Giang?
Kiều Giang !
Ôi tên con, tên ngọc, tên vàng,
Làm bố vỡ tim và hồn nước nở
Khi đặt tên con đầu ngõ có thuở*

*Nghệ tên con giữa chốn lao tù.
Những đêm dài ngục tối âm u,
Bố thấy mắt con sáng bừng, rục rờ.
Bố yêu con trong từng hơi thở,
Trong trái tim hồng, trong giòng máu đỏ.
Kiều Giang ơi ..! Tiếng kêu thương nhớ,
Con có run da thịt đêm nay?
Bố cho con trọn máu xương này .*

(Xà-lim 15, Khu B Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu, 1978)

Ra Tòa, về Tòa

*Ra toà trong chiếc xe heo,
Tay còng, áo dậu, ngắt nghèo bước chân.
Mấy năm toà xử mấy lần,
Bồi hồi em đến, ngại ngần anh ra.
Anh tù, anh ở Chí Hoà,
Em tù, em ở riêng nhà vắng anh.
Anh làm, anh tội đã đành,
Em làm gì tội một cành thiên hương!
Ma dẫn lối, quỷ đưa đường
Đôi ta qua nẻo đoạn trường đến đây.*

*Ra toà trong chiếc xe cây
Tay còng, áo dậu dạn dày bước chân.
Tài tử đa cùng,
Hồng nhan đa truân.
Đa tình tài tử, giai nhân,
Đa đoạn thân thể mấy lần biển dâu
Biển dâu, dâu biển mặc dầu,
Đoạn trường ta vẫn qua cầu nắm tay.*

*Toà về trong chiếc xe này,
Tám năm toà xử, một ngày bên nhau.*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Thời gian có nghĩa gì đâu
Mặc thời gian chảy dưới cầu thời gian.
Em năm mươi tuổi đang xoan,
Anh năm mươi tuổi chữa toan về già.
Toà về anh ghé Chí Hoà,
Toà về em trở về nhà đón anh .*

(Ghi nhớ hai lần ra toà những năm 1986 và 1988)

Nhà văn Nguyễn Đình Toàn viết về Hoàng Hải Thủy:

“Phải công nhận rằng, tất cả những gì Hoàng Hải Thủy viết , đều có một sức hấp dẫn, dù nó được ký tên Hoàng Hải Thủy hay Công Tử Hà Đông. Đang viết bình thường, ông thêm vào một chữ “vườn“, “em vườn yêu anh, mí nị em thơm như múi mít.” Trong ngôn ngữ miền Bắc của chúng ta, hai từ “mí nị“, cũng có người nói là “mí lỵ” là hai tiếng “mới lại” được phát âm tẹo đi. Hoặc, những tiếng “ê, a” không có nghĩa gì, nhấn mạnh vào những chữ ấy chỉ để chê bai, chọc quê. Nghe một người con gái nói: “Em vườn yêu anh” thì có lẽ không anh nào dám tin đó là sự thật. Cái phần sự thật có thể có đó, so với cái phần sự thật có thể không trong câu nói nghiêm chỉnh hơn “Em vẫn yêu anh” có gì khác.

Các bông đùa của Hoàng Hải Thủy luôn ở trên làn ranh vui buồn, thật giả đó.”

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Hải Thủy Web: gio-o.com
- Saigon đêm ba mươi Tết Blog: hoanghaithuy.wordpress.com

21. Doãn Quốc Sỹ



Doãn Quốc Sỹ (1923-20)

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, cũng là họ tên thật, ông sinh ngày 17 tháng 2 năm 1923 tại Hà Đông, quê làng Hạ Quyết (làng Cót) nay thuộc quận Cầu Giấy Hà Nội.. Ông là con trưởng của gia đình văn nghệ sĩ. Cha ông là Doãn Hưu, một nhà nho và người em trai của ông là nhạc sĩ Doãn Nho. Năm 1946, ông lập gia đình với con gái nhà thơ trào phúng Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu) là bà Hồ Thị Thảo.

Năm 1951-1952, Ông dạy học tại trường trung học công lập Nguyễn Khuyến Nam Định.

Năm 1952-1953, ông dạy trường Chu Văn An Hà Nội.

Năm 1954, ông cùng gia đình di cư vào Nam.

Năm 1953-1960, ông làm Hiệu Trưởng trường Trần Lục ở Tân Định Sài Gòn.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1960-1961, ông thuyên chuyển làm Hiệu trưởng trường Trung học công lập Hà Tiên.

Năm 1961-1962, thuyên chuyển về làm giáo sư trường Trung học Hồ Ngọc Cẩn, Gia Định, giáo sư trường Đại học Sư Phạm, Đại học Văn khoa Sài Gòn.

Năm 1962 đến giữa thập niên 1960. ông du học tại Hoa Kỳ về ngành giáo dục, sau khi lấy bằng Master ông trở về nước tiếp tục giảng dạy ở Đại học Văn Khoa, Đại học Vạn Hạnh cho đến năm 1975.

Ngoài tạp chí *Sáng Tạo* ra, ông cũng còn cộng tác với một số tạp chí khác như *Văn* chẳng hạn, ông chủ trương nhà xuất bản *Sáng Tạo*, chủ yếu là in sách do ông sáng tác hay biên khảo.

Sau năm 1975, ông bị nhà cầm quyền Cộng sản bắt giam vì tội "viết văn chống phá cách mạng", tổng cộng là 14 năm tù, trước khi đi sang Hoa Kỳ vào năm 1995. Tại Hoa Kỳ ông định cư ở thành phố Houston, Texas, ông tiếp tục sáng tác, tham gia các sinh hoạt văn nghệ, văn hóa.

Ông là tác giả của khoảng 25 tác phẩm. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *Khu Rừng Lau*, một trường thiên tiểu thuyết gồm có: *Ba Sinh Hương Lửa* (1962), *Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến* (1964), *Tình Yêu Thánh Hóa* (1965), *Những Ngả Sông* (1966)... Theo Lê Văn, đặc phái viên Việt Ngữ của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, trong một cuộc phỏng vấn ông, có dẫn chuyện rằng *Ba Sinh Hương Lửa* người ta thường ví như những tác phẩm lớn của Nga như *Chiến Tranh và Hòa Bình* trong đó nội dung mô tả lại những cảm xúc đờn đau của của một thế hệ thanh niên mới lớn tham gia vào công cuộc kháng chiến chống Pháp nhưng sau đó phát giác ra mình đã bị lợi dụng như công cụ đấu tranh giai cấp của

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

những người cộng sản và “có lẽ chính vì thế mà anh đã bị cộng sản bỏ tù khi họ khi chiếm được miền Nam”

Chuyện ngụ ngôn của ông có tựa đề *Con cá mắc cạn* đã được dịch ra tiếng Anh *The Stranded Fish*

Tác phẩm:

- *Sợ Lừa* (1956)
- *U Hoài* (1957)
- *Gánh Xiếc* (1958)
- *Gìn Vàng Giữ Ngọc*
- *Dòng Sông Định Mệnh* (1959)
- *Hồ Thủy Dương* (1960)
- *Trái Cây Đau Khổ* (1963)
- *Lược khảo về Ngữ pháp Việt Nam* (Trường Sư Phạm Sài Gòn, 1964)
- *Người Việt đáng yêu* (Sáng Tạo, 1965)
- *Người Việt Đáng Yêu* (1965)
- *Cánh Tay Nói Dài* (1966)
- *Đốt Biên Giới* (1966)
- *Tuyển tập Văn chương nhi đồng* (Sáng Tạo, 1969)
- *Sâu Mây* (1970)
- *Vào Thiên* (1970)
- *Văn học và tiểu thuyết* (Sáng Tạo, 1972)
- *Introduction to literature and prose fiction* (Đại học Văn Khoa Sài Gòn, 1972)
- *Khu Rừng Lau*
- *Người Vái Từ Phương*
- *Dấu Chân Cát Xóa*
- *Mình Lại Soi Mình*

Trích văn:

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhìn lại một thời

Năm 1954 hai vợ chồng tôi cùng hai đứa con gái đầu lòng và cô em gái – năm người cả thầy – ra phi trường di cư vô Nam. Danh từ thời thượng mệnh danh là Bắc Cờ Năm Mười Tư

Thuở đó tôi còn là sinh viên, gặp Trần Thanh Hiệp – sinh viên Luật Khoa – chúng tôi bèn thành lập đoàn thể Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư (ĐSVHNDC), Trần Thanh Hiệp đứng ra làm chủ tịch.

Để giới thiệu ĐSVHNDC nhân dịp chào mừng mùa Xuân năm đó, chúng tôi cho in tập *Xuân Chuyển Hướng*. Tôi còn nhớ trước 1954 - thuở còn ở ngoài Bắc – tôi sớm có khuynh hướng viết văn, hoàn tất được một truyện ngắn đầu tay dưới dạng một truyện cổ tích mang tên là *Sợ Lửa*. Di cư vô Nam năm 1954, may sao tôi có mang theo bản thảo *Sợ Lửa* và cho đăng vào tập *Xuân Chuyển Hướng* này! Thế là như lửa gặp gió, tôi tiếp tục . . . tiếp tục sang tác để chính thức đi vào nghiệp cầm bút của nhà văn bên cạnh sự nghiệp cầm phấn của nhà giáo sau này.

Sau tập *Xuân Chuyển Hướng* tôi đứng ra làm chủ nhiệm tờ tuần báo *Người Việt* nhưng cũng chỉ được vài số là đình bản. Sau đó gặp thêm Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, hai họa sĩ Duy Thanh và Ngọc Dũng nữa, thế là chúng tôi xúm lại chủ trương nguyệt san *SÁNG TẠO* – vào năm 1956 thì phải, nếu tôi nhớ không lầm! Toà soạn *Sáng Tạo* ở đường Ký Con. Truyện dài đầu tay *Dòng Sông Định Mệnh* của tôi đăng trên *Sáng Tạo* trước khi in thành sách. *Sáng Tạo* ra được tới số 30 hay 31 thì đình bản. Các văn hữu từ đó vẫn gọi nhóm chúng tôi – Mai Thảo - Nguyễn Sỹ Tế - Ngọc Dũng – Duy Thanh là nhóm *Sáng Tạo* – Tòa soạn ở đường Ký Con !

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

Thuở đó anh em chúng tôi ai muốn đem bài đến toà soạn, hay đến toà soạn để sửa bài thì ít nhất cũng phải đợi đến 9 giờ sáng hây tới, vì tới giờ đó Mai Thảo mới ngủ dậy để ra ngồi trước bàn làm việc.

Từ tám chín giờ tối trở đi đó là giờ Mai Thảo có mặt ở vũ trường để khiêu vũ. Thuở đó đám sinh viên Hà Nội di cư chúng tôi đã có nơi cư trú đàng hoàng, đó là khu Đại Học Xá gần nhà thờ Ngã Sáu Chợ Lớn. Tỉnh thoảng khoảng 8 giờ tối Mai Thảo lái xe đến đón tôi cùng đi khiêu vũ, khoảng 12 giờ khuya thì về, bao giờ cũng rủ theo một em vũ nữ lên xe để cùng tới một tiệm ăn nào đó, vừa ăn uống vừa nói chuyện vui, rồi đưa em vũ nữ về nơi hẻm em ở.

Cùng là nhà giáo kiêm viết văn, chúng tôi có ba người : tôi, anh Nguyễn Sỹ Tế (hiệu trưởng trường Trường Sơn) và anh Nguyễn Sa (hiệu trưởng trường Văn Học).

Nhắc đến Nguyễn Sa thì hầu hết chúng ta đều biết bài thơ nổi tiếng của anh *Áo Lụa Hà Đông* :

*"Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn
Mà mùa Thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung
Bay vội vã vào trong hồn mở cửa
Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng gì đâu
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau?
Để anh gọi tiếng thở buồn vọng lại..."*
*"Em ở đâu, hồi mùa Thu tóc ngắn?
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
... Anh vẫn yêu màu áo ấy em ơi"*

Sau này khi sang tới xứ Cờ Hoa này chúng tôi ở cách mấy tiểu bang – tôi ở Houston, Texas, anh ở Quận Cam Cali - mỗi khi có dịp gặp nhau, tôi vẫn hỏi đùa anh:

Chị vẫn mặc áo lụa Hà Đông, phải không anh?

Nhớ lại kỷ niệm với anh Nguyễn Sỹ Tế, khi Cộng Sản chiếm nốt miền Nam, chúng tôi cùng bị đi tù chung và cùng bị đày lên tận miền Gia Trung thuộc núi rừng cao nguyên Pleiku, Kontum. Vùng này sở dĩ mang tên Gia Trung vì có dòng suối YA YUNG chảy qua. Tiếng địa phương là Ya Yung được chuyển sang tiếng Việt là Gia Trung !

Anh Nguyễn Sỹ Tế có 4 câu thơ bằng tiếng Pháp trong tập thơ *Chant d'Ya (Tiếng Hát Gia Trung)* của anh như sau:

*Sur un fond de ciel balayé
Un engourdi crossant de lune
Parait las et comme épuisé
De sa lumineuse fortune ...*

Và tôi dịch thoát nghĩa thành 4 câu thơ Việt như sau:

*Đỉnh trời gió quét mây tan tác
Trăng lười liềm ngơ ngác lạnh căm
Trăng sao đượm vẻ u trầm
Trăng sao quá đổi âm thầm hời hững*

Vào năm 1956 – cách đây đúng nửa thế kỷ - khi tập truyện cổ tích *Sợ Lừa* của tôi ấn hành lần đầu, ông bạn Nguyễn Sỹ

Tế của tôi viết TỰA và Thanh Tâm Tuyền viết BẠT . Với tinh thần tri âm tri kỷ, ông bạn Thanh Tâm Tuyền qua bài thơ mang tên “NHỊP BA” đã nêu lên lòng ước muốn thường xuyên nóng bỏng trong tâm tư thầm kín của tôi: đó là ước muốn sao cho đất nước sớm được thống nhất tự do !

Xin quý vị hãy cùng tôi thưởng thức bài thơ “NHỊP BA” của Thanh Tâm Tuyền viết thay lời Bạt cho “Sợ Lửa”

Nhịp ba

(Tặng Doãn Quốc Sỹ)

*Ngực anh thủng lỗ đạn tròn
Lưỡi lê thấu phổi
Tim còn nháy đập
Nhịp ba nhịp ba nhịp ba
Tình yêu, tự do mãi mãi
Anh về ngồi dưới vườn nhà
Cây liên kết trái
Hoa rụng toi toi ủ xác
Anh chạy nhịp hai qua cách trở
Mắt bùng
Thống nhất, tự do
Ngoài xa thành phố
Bánh xe lăn nhịp ba
Áo màu xanh hơn hờ
Nhát búa gõ
Long máy quay
Cửa nhà thi nhau lớn
Nhịp ba, nhịp ba, nhịp ba
Tình yêu, tự do, mãi mãi
Sóng bồi phù sa
Ruộng lúa trở hoa
Núi cao uốn cây rừng*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nhịp ba, nhịp ba, nhịp ba
Tình yêu tự do mãi mãi
Đất nước ào vỗ nhịp
Triều biển chập chùng
Hà Nội, Huế, Sài Gòn
Ôm nhau nức nở
Có người cầm súng bắn vào đầu
Đạn nổ nhịp ba
Không chết
Anh ngồi nhóm dẫy
khoẻ mạnh lạ thường
Bước ai thánh thót
Nhịp ba
Tình yêu
Tự do
mãi mãi
Tình yêu tự do mãi mãi
Tình yêu tự do mãi mãi anh ơi*

Thanh Tâm Tuyên

* * *

Thấm thoát tính tới nay - Năm 2005 – đã vừa một nửa thế kỷ qua rồi. Anh em *Sáng Tạo* chúng tôi nay chỉ còn: Nguyễn Sĩ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyên và họa sĩ Duy Thanh.

Mai Thảo và họa sĩ Ngọc Dũng cũng đã ra người thiên cổ!

(Đến nay 2012, Nguyễn Sĩ Tế, Thanh Tâm Tuyên, Duy Thanh cũng đã ra người thiên cổ)

Doãn Quốc Sỹ

Trích thơ:

“... Em nghèo ta có giàu đâu.
Tịch liêu đổ xuống đôi đầu ngân ngơ.
Hoe đôi mắt em vợ tà áo.
Áo trắng bong áo nã hồn trinh.
Lòng ta gợn gió ngậy tình.
Theo em nào biết chúng mình về đâu...”

(trích *Dòng sông định mệnh*)

”Lúa Thủ Thiêm ngọn chìm ngọn nổi
Gió xa lộ lúc thổi lúc ngừng
Gặp nhau tay bắt mặt mừng
Vui thì vui vậy biết chừng nào xa”

“đỉnh trời vàng vạc gương nga
long lanh soi tỏ lòng ta lòng mình
gương trong mình lại soi mình
thấy tình thăm thăm thấy hình phù du
nẻo đời gió bụi kỳ khu
biết ai còn mất tình thu võ vàng”

(trích *Mình lại soi mình*)

Trong bài *Nhà văn Doãn Quốc Sỹ*, và hai mươi năm văn học miền Nam (1954-1975), Nguyễn Mạnh Trinh đã nhận xét về nhà văn Doãn Quốc Sỹ:

Những tác phẩm của nhà văn Doãn Quốc Sỹ dường như có chung một mẫu số mà văn chương dùng để tải đạo và làm cuộc sống con người tươi đẹp hơn. Có rất nhiều nhận xét về ông, như là một nhà văn có chân tài, một nhà giáo tận tụy, một kẻ sĩ khí tiết. Như nhà văn đã quá cố Võ Đình đã viết: ”sống ở một thời đại mà ngôn ngữ lạm phát thê thảm

HUỶNH ÁI TÔNG

mà biết bao con người trở thành hời hợt trâng tráo, Doãn Quốc Sỹ ăn ở thanh bạch tình yêu quê hương gia đình bằng hữu về nhân đạo và danh dự... mà không mấy may e dè ngượng nghịu thiển nghĩ ông thật đáng yêu ở chỗ đó...”



Nhà văn Doãn Quốc Sỹ (Toronto 27/7/2012)

Tài liệu tham khảo:

- Doãn Quốc Sỹ Web: vi.wikipedia.org
- *Nhìn lại một thời* Web: Banvannghe.com

22. Nguyễn Đình Toàn



Nguyễn Đình Toàn (1936-20)

Nguyễn Đình Toàn sinh ngày 6 tháng 9 năm 1936 tại Hà Nội,

Năm 1954 di cư vào Nam, làm việc tại Đài Phát Thanh Sài Gòn, nổi tiếng với chương trình Nhạc Chủ Đề trên đài này.

Ông đã cộng tác với các báo, tạp chí *Tự Do*, *Văn Học*, *Văn...* về truyện ngắn, và thơ, không có cộng tác với *Sáng Tạo*. Ông còn sáng tác nhạc.

Năm 1973 Nguyễn Đình Toàn được trao giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc của Việt Nam Cộng Hòa về bộ môn truyện, với tác phẩm *Áo Mơ Phai*.

Sau năm 1975, như văn nghệ sĩ khác, ông bị đi tù vài lần, trong tù ông đã sáng tác bản nhạc rất được nhiều người ưa thích là bản *Sài Gòn Niềm Nhớ Không Tên*, từ Việt Nam, ông gửi chui qua Pháp cho Võ Văn Ái, ông Võ Văn Ái gửi cho Khánh Ly bài hát với tên tác giả là Hồng Ngọc. Sau

HUỶNH ÁI TÔNG

này, Nguyễn Đình Toàn mới cho biết ông là tác giả và bài hát có tên *Nước mắt cho Sài Gòn*.

Tháng 11 năm 1998 ông được tị nạn Hoa Kỳ và trở lại hoạt động mạnh trong lãnh vực âm nhạc, cho thực hiện hai cuốn CD ngay khi phát hành đã được đón nhận nồng nhiệt: *Hiên Cúc Vàng* với chỉ một giọng ca Khánh Ly, và *Tình Ca Việt Nam* với Duy Trác, Khánh Ly, Sĩ Phú, Thái Thanh, Võ Anh Tuấn, Lê Thu. Ông cũng cho xuất bản tác phẩm *Bông Hồng Tạ Oan*.

Ông và gia đình hiện cư ngụ tại thành phố Westminster, California.

Tác phẩm:

- *Chị Em Hải* (Tự Do, 1962)
- *Mặt Đắng* (1962)
- *Những Kẻ Đứng Bên Lề* (Giao Điểm, 1964)
- *Con Đường* (Giao Điểm, 1967)
- *Ngày Tháng* (An Tiêm, 1968)
- *Phía ngoài* (Hồng Đức, 1969)
- *Đêm Hè* (Hiện Đại 1970)
- *Giờ Ra Chơi* (Khai Phóng, 1970)
- *Đêm hè* (Hiện Đại 1970)
- *Đêm lãng quên* (Văn Uyển, 1970)
- *Không Một Ai* (Hiện Đại, 1971)
- *Đám cháy* (Văn Uyển 1971)
- *Thành Phố* (1971)
- *Tro Than* (1972)
- *Áo Mơ Phai* (?)
- *Bông Hồng Tạ Oan* (2012)

Trích văn:

Sương mù và lá

Phượng ra khỏi nhà lúc bảy giờ chiều, ngày Chủ nhật cuối năm buồn và hơi lạnh. Phượng không có công việc gì cần phải vội vàng. Nàng chỉ muốn tìm một chỗ yên lặng, vắng vẻ để suy nghĩ về một chuyện. Thực ra, Phượng cũng không biết chắc mình có thể tìm ra một giải pháp nào thì nàng vẫn phải có một quyết định. Thành phố trong một ngày nghỉ vắng vẻ mọi người hình như không được yên ổn cho lắm, mặc dù bên ngoài họ đều có vẻ bình thản. Những biến chuyển của thời cuộc đã đè nặng lên tất cả, tin tức về cuộc hòa đàm tại Ba Lê, những trận đánh kéo dài suốt từ Tết Mậu Thân và các cuộc pháo kích vẫn còn là những nỗi lo sợ cay đắng của mọi người. Bao giờ hoà bình sẽ tới? Điều mà tất cả mọi người đều khát khao đó, đôi lúc nghe xa vắng và bí mật như những địa điểm mà từ đó, những trái đạn đã được bắn đi, người ta chỉ thấy những tai hoạ tới gần giáng xuống, hoà bình ở đâu, ai biết? Trong cõi mù tịt của hiểm họa và hy vọng đó, những đời sống riêng tư vẫn tiếp tục. Những nỗi âu lo trong lòng Phượng hiện giờ.

Từ ngày mẹ bỏ đi, cái ngày đó xa như tuổi thơ buồn thảm của Phượng, nàng đã được cha đưa về sống ở cái thành phố lạnh lẽo, nhỏ bé này. Năm nay Phượng 18 tuổi. Phượng đã sống mười sáu năm trong cái nhịp trẻ nãi, âm thầm và nhạt nhẽo của cái tỉnh lỵ này. Nàng đã quen, đã nhớ từng góc phố, từng viên gạch trên lề đường, cả giọng nói của một số những người dân ở đây, họ có thể đều là thân chủ của cha nàng, bác sĩ Phát. Vì làm thế nào sống mười mấy năm trong cái tỉnh lỵ này, người ta không một lần đau ốm? Cha nàng lại là vị bác sĩ giỏi nhất của thành phố, các bệnh nhân đã nói như vậy. Ông cũng là thầy thuốc già nhất ở đây. Chính tuổi già của ông là vấn đề đã làm xáo trộn cả tâm hồn Phượng từ chiều qua, sau mười mấy năm sống êm ả như dòng nước của con sông chảy giữa thành phố. Con

sông mà vào những ngày gió lớn cũng chỉ đủ gây nên những lượn sóng rạt rào như tiếng gió thổi hút qua rặng thông của ngôi chùa trên ngọn núi nhỏ đầu thành phố.

Chiều qua, sau bữa cơm tối, như thường lệ hai cha con ngồi uống trà ngoài hiên. Trong một lúc bất chợt nhất, vị bác sĩ già đã nói cho con gái biết, về cái chết có thể sẽ đến với ông nay mai. Lúc đó, những tiếng động trong tỉnh đã thừa thốt, đêm trông mỏng manh và yếu đuối như những ngôi sao vừa mọc trên nền trời mờ hơi nước. Ông cụ nằm ngả lưng trên chiếc ghế vải sẽ đu đưa. Phượng nhìn mái tóc và cả hai hàng lông mày của cha đã bạc trắng. Trên dòng sông trước cửa nhà, lúc đó, có một chiếc thuyền máy chạy qua, mang theo những tiếng nổ lộp bộp, và bóng cây dừa cùng khóm mẫu đơn trồng trước sân khẽ lay động chập chờn. Phượng còn nghe thấy một chiếc xe thô mộc chạy trên con đường nhựa ven sông, vó ngựa đập trên mặt đường rấn lốc cóc. Bác sĩ nói với con gái về cái chết của ông bằng một giọng bình thản. Đối với Phượng cái gì liên quan đến cha nàng đều cũng có vẻ lạnh lùng. Hình như từ ngày mẹ bỏ đi, bà đã làm tắt đi cái bóng của ông, ông đã già sụm hẳn xuống, từ lúc đó, và quanh ông đã thực sự trở thành trống trải. Bác sĩ nói:

“Có thể ba nhầm. Nhưng ba cũng nói cho con biết. Bởi vì điều quan trọng không phải là ba sẽ mất. Nhưng là rồi đây, con sẽ phải tự lo lấy tương lai một mình. Ba không có nhiều tiền để lại cho con. Chỉ có căn nhà nhỏ này và một chút ít tiền ở ngân hàng”.

Phượng đã quen với tính lạnh lùng của cha, nhưng lần này, trong giọng nói của ông đầu sao cũng không giấu được một chút cố gắng vì trời quá tối nên ông không thể nhận thấy gương mặt xanh nhợt và đôi tay run rẩy của con gái.

Khi bác sĩ đứng dậy trở về phòng, ông muốn lại gần đặt tay lên vai con, nhưng không quen với lối bày tỏ tình cảm chân thật với con, ông mỉm cười nhìn Phụng, rồi chậm chạp bước đi.

Lúc Phụng nhìn thấy ánh đèn trong phòng cha được thấp lên chiếu qua cửa sổ, nàng mới biết mình đã khóc và nhận ra nàng đã bị xâm chiếm bởi một nỗi bàng hoàng lo sợ. Nàng thấy thương cha đã phải sống trong sự cô đơn và trách mẹ đã bỏ cha nàng trong tình cảnh này. Ngày mai, nếu cha tôi chết, tôi sẽ sống ra sao? Đó là câu hỏi vừa nghĩ Phụng vừa thấy tim mình thắt lại trong ngực.

Phụng đi ra phía ngoại ô, băng qua một khu vườn trồng cây ăn trái mọc đầy cỏ hoang, rẽ những đám lau và những dây hoa dại, tới một phiến đá sát bờ sông ngòi xuống. Buổi chiều, mặt sông nước đầy, như căng lên ở giữa đống dòn được về hai phía bờ, Phụng bứt những bông hoa vàng, vút xuống mặt nước, những bông hoa cuộn theo dòng nước chảy loanh quanh trong đám cỏ bờ lan ra tận mép sông trước khi trôi đi mất tích. Một con chim cú trong đám cỏ khô vút vỗ cánh bay lên làm Phụng giật nảy mình. Cả con sông dài trong một phút đỏ hồng trong ánh hoàng hôn. Phụng cảm thấy đời cha con nàng giống như dòng nước chảy âm thầm kia đang dần dần chìm vào đêm tối sắp buông xuống.

Mặc dù định ra đây để suy nghĩ nhưng Phụng chỉ thấy đầu óc trống không. Một lát sau thì đám côn trùng và những tràng súng bên kia sông đã khuấy động tất cả sự yên tĩnh.

Phụng đành đứng dậy ra về. Phụng tự nhủ, cái thành phố nhỏ này không giúp cho người ta suy nghĩ tốt. Đó cũng là điều nàng nhận thấy từ lâu. "Thôi cũng đành, được đến đâu hay đến đó vậy". Phụng vừa đi vừa thầm nhủ.

Lúc Phượng về đến nhà thì cha nàng cũng đã vào phòng riêng và bỏ bữa cơm chiều. Phượng cũng ăn uống qua loa rồi xuống vườn đi dạo một vòng. Ngửa mặt nhìn trời cao, Phượng thấy lòng nức nở muốn khóc. Chưa bao giờ nàng thấy mình cô đơn đến thế. Bóng cha nàng ngồi im lặng sau cửa sổ. Giữa cha con nàng có quá nhiều yên lặng. Trước giờ đi ngủ, vào phòng bỏ màn cho cha xong, phải cố gắng lắm, Phượng mới dám hỏi cha: “Ba, điều ba nói với con hôm qua...?”. Lúc đó, bác sĩ đứng bên cửa sổ nhìn xuống vườn. Đêm đã khuya, bốn bề im vắng. Không đợi cha trả lời câu hỏi vừa rồi của mình. Phượng lại buột miệng nói tiếp: “Ba nghĩ liệu rồi đây có yên không hả ba?”. Bác sĩ muốn an ủi con gái, nhưng đã từ lâu ông không thể tìm thấy được ngay những chữ ông muốn, ông lúng túng một tí rồi ngồi xuống chiếc ghế nhìn con, phác tay làm một cử chỉ bằng quơ vừa tìm lời để nói:

“Thực ra ba cũng không biết được điều gì nhiều lắm. Chúng ta có quá nhiều người tài giỏi... nên những người như ba... dù đã sống bao nhiêu lâu... và nhìn thấy nhiều điều... nhưng vẫn có nhiều cái ba không hiểu được”.

Ông muốn nói thêm cho con gái hay về những điều khá chua chát trong lòng ông, nhưng ông lại cảm thấy lười biếng không muốn tìm thêm lời nữa, và lại cũng chẳng có ích gì, ông nghĩ, và ông tự nhủ thầm: “Cũng vì ta quá chậm chạp nên nàng đã bỏ đi”. Ông lập cập mở các ngăn kéo tìm kiếm điều thuốc, bật quẹt châm hút, thở khói ra hai lỗ mũi, hơn khói lọt qua kẽ một chiếc răng đã rụng. Bác sĩ kẹp điều thuốc giữa hai ngón tay. Phượng nhìn theo đóm lửa run rẩy trên tay cha, ông cúi xuống ngó hai bàn tay mình như hai bàn tay của một người xa lạ nào.

Trong những giờ phút cuối cùng (thật thế không ba?). Phượng muốn được nghe cha nói, bất cứ điều gì, nhưng

nàng không dám mở miệng cũng không dám cử động sợ làm vỡ con mơ tưởng của ông mà nàng biết, (sau bao năm sống âm thầm như cái bóng cạnh cha), đó là những phút ông đang nghĩ tới mẹ nàng, người mẹ Phụng đã quên cả mặt, nhưng đối với cha nàng lúc nào cũng còn quanh quất nơi đây. Phụng rất giống mẹ. Bác sĩ cứ nhầm lẫn mãi hai mẹ con, nhất là từ ngày Phụng bắt đầu lớn. Có những buổi chiều, sau khi làm việc mệt nhọc ở bệnh viện về, ông có thói quen vào phòng riêng ngồi yên lặng trên chiếc ghế bành quên cả đêm xuống.

Lúc Phụng vào mời ông ra ăn cơm, nghe tiếng chân con và tiếng quần áo sột soạt của nàng, ông đã ngồi nhồm hẫng dậy hỏi to: “Ai đấy”, và nhìn thẳng vào mặt nàng, giọng ông nghe hốt hoảng. Phụng biết ông đã tưởng nàng là mẹ nàng, sau khi biết mình nhầm lẫn, ông có vẻ ngượng nghịu lúng túng. Phụng phải lặp lại hai ba lần tiếng “con đây, con đây” và mời ông ra dùng bữa. Những bữa cơm sau đó, ông ăn uống âm thầm cốt cho xong và tránh không gặp mặt con.

Trông dáng điệu cha những lần như thế, Phụng muốn bật khóc ngay đó, nhưng nàng cũng cố nén cơn khóc xuống, để dành đến tối khóc thoải thích trong phòng riêng.

Bữa nay, nghe con hỏi về một bình yên có thể có nay mai không, vị bác sĩ già mới chợt thấy thương con xót xa, ông không ngờ mình đã nặng tình với người đàn bà của đời mình đến thế, ông muốn cầm lấy hai tay con và xin lỗi, nhưng không dám, ông đã bỏ quên con quá lâu, dù hằng ngày cha con vẫn sống chung một nhà. “Lúc nào ta cũng chậm chạp và vụng về” ông nghĩ “con ta sẽ gặp khó khăn thực đấy”. Càng thương con, ông cảm thấy giận người đàn bà nông nổi. “Nàng đã giết con bằng nhiều cách. Ta cũng

giết con bằng nhiều cách khác”. Lâu không thấy cha nói gì, Phượng đành phải lên tiếng hỏi:

“Ba có cần gì nữa không, con đi lấy cho ba”.

Tiếng nói của Phượng làm bác sĩ giật mình. Ông quay lại nhìn con và bảo:

“Thôi ba không cần gì nữa. Con về phòng ngủ đi”.

Phượng ra khỏi phòng rồi, ông cũng không biết chắc có phải con gái ông khóc không, bởi hình như ông đã thấy mắt con lóng lánh nước mắt. Nhưng ông cũng không chắc lắm vì mắt ông lúc ấy hơi bị hoa. Tự nhiên một cơn đau làm ông gập mình xuống chịu. Bệnh ung thư dạ dày của ông đã tấn công ông mạnh hơn là ông tưởng. Mồ hôi vã ra trên trán, vị bác sĩ khuyu hấn xuống chiếc ghế ông đang ngồi. “Sau cơn đau này, có lẽ ta chết mất”, ông nghĩ. Phải chờ cho cơn đau dịu xuống, ông mới lần được ra tủ thuốc lấy thuốc uống.

Ông trở lại ghé bành lấy đồ dùng tự nghe mạch mình. Sau khi biết kết quả, ông thu xếp đồ đạc cẩn thận, rồi mở cửa phòng, vịn tay vào vách tường lần sang phòng con gái. Ngần ngại một chút, ông giơ tay lên gõ cửa:

“Phượng còn thức không con?”

Nghe tiếng cha, Phượng đang khóc, vội thấm hết nước mắt, chạy ra mở cửa. Nhìn mặt con, bác sĩ biết là Phượng khóc.

Nhưng ông tảng lờ như không biết. Ông cố lấy vẻ bình thường trong khi con đau bụng lại muốn quặn lên. Ông nói:

“Ba muốn vào phòng xem con ăn ở thế nào một lần. Con có bận gì không?”

Phượng nhìn thấy mặt cha tái nhợt, nàng vội mở rộng cánh cửa cho cha vào, và bắc ghế cho ông ngồi. Bác sĩ ngồi xuống ghế mỉm cười. Con đau quận lên. “Hãy gượng, bay đừng hạ ta vội”, bác sĩ vừa nghĩ thâm và tưởng tượng ra chiếc dạ dày của mình trên tấm kính rọi, và quên hẳn không biết mình định đến và nói với con điều gì nữa. Ông đưa mắt nhìn quanh căn phòng một lượt rồi bảo:

“Ồ, con xếp đặt chỗ ở cũng gọn gàng đấy. Con có thiếu gì không?”

Phượng linh cảm sắp có chuyện gì đây. Nàng chăm chú nhìn cha, đáp:

“Thưa ba, không. Con cũng chẳng muốn bày thêm cái gì nữa cho chật phòng”.

Bác sĩ nắc lên một tiếng, ông nuốt cái hơi nghẹn đang trán ngang cổ xuống, nói:

“Lúc này con có hỏi ba một điều, ba không trả lời con được”.

Cái hơi nghẹn ứ lên chận ngang cổ họng. Trong một phút không ngờ nhất, tự nhiên ông khám phá ra đời sống, giữa hai cha con ông, có một cái gì không ổn thoả, có một cái gì không thật như thế. Việc bỏ đi của người đàn bà làm cho quãng đời còn lại của ông thành lơ lửng giữa sự thực và cõi mơ, chính ông, ông cũng không muốn làm mọi sự sáng tỏ hẳn ra, vì ông biết là ông đã tuyệt vọng, ông quá yêu người đàn bà, ông biết nàng đã đi thật, ông cố nuôi dài cơn ảo tưởng đó để nó nối liền ông với nàng, cơn mê ấy đã kéo dài

mười mấy năm, đã quá mỏng không còn buộc giữ được gì nữa, chỉ cần một hơi thở nhẹ của sự thật đủ làm vỡ tan tất cả. Ông đã kéo theo con ông vào cái giấc mơ tiêu tụy đó. Ông đã đi vào quá xa và không còn đủ thì giờ trở lại. Ông nói tiếp:

“Đời sống đôi khi giống như con chó đã gặm của ta cả hai chân nhưng vẫn còn muốn ta tiếp tục đi thêm một lần nữa”. Vị bác sĩ lại cảm thấy khá chua chát vì lời nói cục cằn của mình. Ông nấc thêm một tiếng nữa và bây giờ thì cái hơi chặn ở cổ nó nặng như một hòn đá, ông không làm sao nuốt nó xuống nữa.

Ông ngoẹo đầu xuống thành ghế. Ông nghe tiếng con gái thốt lên gọi ông và chạy lại ôm lấy ông. Chiếc ghế lật ngửa xuống thành giường. Vị bác sĩ già thấy mình được gói đầu lên chiếc nệm êm ái đầy ắp một mùi hương quen thuộc và một khuôn mặt thân yêu. Ông muốn giơ tay lên để làm một cử chỉ gì đó, nhưng đôi tay ông không còn thuộc về ông nữa. Đôi tay ông đã dùng cứu giúp bao nhiêu người thoát khỏi tử thần bây giờ lại chẳng giúp được gì cho ông cả. Chúng trôi lênh bênh trong một biển sương mù, và dẫu bác sĩ đã gắng nhưng chúng cũng không nắm lại được với nhau nữa.

(Trong tập truyện *Đêm lãng quên*)

Trích thơ:

Ru

*Ru em lần cuối cùng này
Bằng hơi mát của một ngày sắp xa
Bằng giờ phút sắp chia xa*

Rời thôi, rời chẳng bao giờ nữa đâu

*Giọng kinh năm ngón son cầu
Vời môi mặn, với hôn trao nghẹn lời
Vời sầu xưa ngút trên vai
Tóc xanh non với khuy cài áo thom*

*Hàm răng mật, tuổi má tròn
Đường thêu chỉ đã hao mòn dây em
Gió trời xin ngủ bình yên
Coi như giấc mộng ưu phiền đầy thôi*

*Mây cao với mắt trông vời
Soi gương trán bóng, quên người tôi đi*

Nhạc:

Sài Gòn niềm nhớ không tên

*Sài Gòn ơi! ta mất người như người đã mất tên
như giòng sông nước cuộn quanh buồn
như người đi cách mặt xa lòng
ta hỏi thăm em có nhớ không
Sài Gòn ơi! Đâu những ngày khi thành phố xôn xao
trong niềm vui tiếng hỏi câu chào
sáng đời tươi thắm vạn sắc màu
nay còn gì đâu ...
Ai ra đi, nhớ hàng me già,
thu công viên hoa vàng tượng đá thôi hết rồi mộng ước
xa xôi,
theo giòng đời trôi ...
Sài Gòn ơi! đâu những ngày mưa mùa khoác áo đi
tay cầm tay nói nhỏ câu gì
Đâu quây hoa quán nhạc đêm về
Đâu rộn ràng giọng hát Khánh Ly*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Sài Gòn ơi! Thôi hết rồi những ngày hát bên nhau
Đâu Phạm Duy với tình ca sâu
mắt lệ rơi khóc thuở ban đầu
còn gì đâu ...*

*Ai ra đi, nhớ hàng me già
Thu công viên hoa vàng tượng đá
Ta tiếc thời âu yếm xa xưa
Nay còn gì đâu ...
Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên
như hàng cây lá đỏ trông tìm
Mặt trời soi dáng nhỏ dịu hiền
Đang ngậm ngùi trên môi lắng im
Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên
như mộ bia đá lạnh hường nguyên
Như trời xa đã bỏ đất liền
còn gì đâu ...*

Trong bài Nguyễn Đình Toàn: *Tình Yêu & Tuổi Trẻ trong Thơ Văn*, Nguyễn Mạnh Trinh đã viết ngay khi vào bài:

“Nói đến Nguyễn Đình Toàn, là phải đề cập đến ba chân dung nghệ sĩ: văn sĩ, thi sĩ và nhạc sĩ. Ba chân dung này có nhiều khi ở ba lãnh vực khác nhau nhưng lại có những quan hệ mật thiết với nhau. Một điều rõ ràng là bất cứ trong lãnh vực nghệ thuật nào, cũng đều thấy một con đường khác lạ với mọi người.”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đình Toàn Web: vietbao.com
- *Sương mù và lá* Web: cothommagazine.com

23. Trần Thị NgH



Trần Thị NgH - Trần Thị Nguyệt Hồng (1948-20)

Nhà văn Trần Thị NgH tên thật là Trần Thị Nguyệt Hồng sinh ngày 18 tháng 4 năm 1948 tại An Xuyên, Cà Mau.

Đã học Đại học Luật khoa Sài Gòn, Đại học Văn khoa Huế.

Truyện đầu tay viết từ năm 1966 nhưng đến năm 1970 mới gửi tới báo *Văn*, Trần Phong Giao không đăng, sau gửi tới *Vấn Đề* nhà văn Mai Thảo đăng, đó là truyện ngắn có tựa là *Chủ Nhật*. Sau đó truyện ngắn *Nhà Có Cửa Khóa Trái*, từ đó nhà văn Trần Thị NgH đã có truyện đăng trên các tạp chí *Vấn Đề*, *Văn*, *Thời Tập* ...

Viết văn chỉ là nghiệp văn, còn nghề chính của Trần Thị NgH là giáo viên. Đôi khi lấy tên của thân phụ Thọ Diên dùng làm bút hiệu.

Năm 1975, nhà xuất bản Trí Đăng in tập truyện *Những Ngày Rất Thong Thả*, chưa kịp xuất bản thì miền Nam mất, tác phẩm không phát hành được. Cho đến hơn hai mươi năm sau Trần Thị NgH mới xuất hiện các truyện ngắn trên tạp chí ở hải ngoại như *Hợp Lưu*, *Văn*, *Người Việt* ... và

HUỶNH ÁI TÔNG

sau đó các tác phẩm được in ra, cho đến năm 2012, bà có ba tác phẩm được in tại Việt Nam.

Sau này nhà văn Trần Thị NgH di cư sang Pháp. Hiện bà đang sinh sống, dạy nhạc, viết văn, vẽ tranh đi lại giữa hai thành phố Paris và Sài Gòn.

Tác phẩm:

- *Những ngày rất thong thả* (Trí Đăng, 1975)
- *Tập truyện ngắn Trần Thị NgH* (Văn Nghệ, Cali, 1999)
- *Truyện dài Lạc Đạn và 10 truyện ngắn* (Thời Mới, Toronto, 2000)
- *Nhăn rúm* (tập truyện, Thi Văn Hồng Lĩnh, 2012)
- *Nhà có cửa khóa trái* (Hội Nhà Văn, VN 2012)
- *Lạc đạn* (Hội Nhà Văn, VN 2012)
- *Nhăn rúm và các truyện ngắn khác* (Hội Nhà Văn, VN 2012)

Trích văn:

Telecom

- Anh Hoàng. Em nè!
- A! Em lại là đà ở Bonneuil?
- Mỗi năm đến hè... A hèm, mừng sinh nhật anh.
- Sinh nhật gì, sắp là ngày giỗ của anh rồi.
- Anh sao? Anh khỏe không?
- SARCOMA.

- Là cái gì?

- Là đau ở cột sống, là phải uống thuốc giảm đau, là không ngủ được, là không còn lái xe đi cà-phê, là sắp chết – hiểu chưa? Là có thể anh sắp được chuyển đi Stanford để chemo thay vì xạ trị như hiện nay.

- Hmm... cái bệnh quái quỷ sao nó ghé qua nhiều người quen của mình thế?

- Em chỉ nói được có vậy?

- Chứ nói sao nữa? Chỉ biết chúc anh ... lì đòn. Hay là anh về Việt Nam một thời gian để em có dịp bày tỏ lòng thành. Dĩ nhiên em không thể chữa bệnh, nhưng chăm bệnh thì được. Nói càn vậy thôi. Đừng tin.

- Quỷ sứ! Sao 50 năm trước em không nói những lời tương tự?

- 50 năm trước em học lớp đệ tam, anh có vợ con; 40 năm trước em chín mùi, anh lại có thêm vợ con; 30 năm trước em trung niên có chồng con, anh lưu lạc cùng vợ con; 20 năm trước em thên thang, anh vẫn đang trong qui trình sản xuất trẻ con; 10 năm trước anh 66 tuổi, 7 con; bố ai dám tỏ tình!

- Em vẫn không thay đổi, ít ra là giọng điệu của em.

- Có chứ! Bây giờ em lạt hơn, dễ ôi thiu khi mềm nếu không để tủ lạnh, dễ gãy khi giòn nếu rán quá lửa, không còn học thuộc lòng thơ truyện của anh vì không còn thấy hay tí tẹo tèo tèo.

- Em giỏi lắm. Anh thấy cái gì em làm cũng đến nơi đến chốn. Chỉ có anh là chẳng ra làm sao.

- Lại tự ti rồi, hay đang gây ảo tưởng cho kẻ nhẹ dạ sinh lời tâm bốc? Đến nơi nào, chốn nào? Em chơi cho vui thôi. Cũng tại anh đưa em vào con đường sa ngã. Ngã vào văn chương là một cú rơi tự do, trước sau gì cũng sẽ chạm đáy. Bị lực ly tâm làm sao vuron đến đỉnh? Anh xem Upside Down của Juan Diego Solanas chưa? Có một thế giới ngược với lực ly tâm của riêng nó, nơi từ dưới này anh phải trang bị nam châm toàn thân mới leo được lên trên kia. Úi trời, phải có tình yêu mới làm nổi – như Jim Sturgess liều mạng cùi đi tìm Kirsten Dunst rồi hai người chui vào trong nhau giữa hai thế giới, bay lơ lửng trong gam màu xanh lè y hệt bức Au-dessus de la ville; chắc Solanas chôm ý tưởng của Marc Chagall rồi!

- Em vẫn bị mê hoặc, gần như mê muội bởi bọn làm phim Hollywood. Vẫn nhớ em của thuở ấy.

- Thuở nào?

- Thuở hồng hoang. Thuở em mê Alain Delon, Anthony Perkins, Audrey Hepburn, Pier Angeli. Thuở em viết nhật ký. Thuở em còn ghiền ăn xí muội, ngồi thu lu dưới gầm bàn vừa chép thơ tình tán gái của các đại thi hào, vừa hóng chuyện đàm đạo văn chương giữa anh và chị Chi. Đạo đó không ngày nào anh không ăn cơm nhà em; má thương anh ghê!

- Vì anh tuổi Dần cùng tuổi với ông anh đã chết của em. Vì anh biết nịnh bà già, biết mét má khi bị vợ đánh đòn vì ghen, biết tán chị Chi bằng Alain Robbe Grillet, Nathalie Sarraute, Gunter Grass, Sartre, Beauvois. Vì anh biết dụ trẻ con bằng cách đều đặn đút dưới gầm bàn những tập bán

nguyệt san có in hai chữ Kính biểu ở trang bìa; rồi Thêm Hoang, Chim Hót Trong Lồng của Nhật Tiến; sau nâng cấp với Chị Em Hải, Con Đường của Nguyễn Đình Toàn. Đến Thérèse Desqueroix của Mauriac và Of Mice and Men của Steinbeck thì em biết tự mua sách và biết yêu.

- Em sống tội nghiệp quá. Sau kỷ niệm không đẹp với nhà thơ lính, em bay chấp chới, vượt mắt ngoài tầm nhìn. Anh chẳng còn thấy em nữa, chỉ nghe thôi.

- Sau kỷ niệm không đẹp, mọi thứ đều đẹp. Em đã có những tháng ngày lãng mạn nhưng hợp vệ sinh với nhà văn này nhà thơ nọ, luôn luôn cảnh giác giữ tư thế ngồi để tránh nhăn lưng áo. Chính anh đã đẩy em vào thế giới sáng tác nơi em không thể không cà-phê phin hoặc trà chanh đường với những văn nhân hàng ngày ngồi chơi xơi nước ở quán Cái Chùa hoặc Givral – khu vực...hmmm...văn hóa nhất của Sài Gòn ngày trước. Kệ cái là họ đều có vợ, đỡ cái là em không chủ trương làm lẻ làm chẵn để làm chi. Máy ông kệ thấy táo hườm hườm thì muốn hái, nhưng đúng ra chỉ là trái cây chín dứa.

- Vẫn không quên buổi trưa hai anh em nằm với nhau trong căn phòng 1 giường ở khách sạn Diplomat. Lần ấy thực tình anh chỉ muốn biết táo dứa khí đá và chín cây thì khác nhau như thế nào, nhưng anh đã không cần vì thấy em thực sự còn xanh. Mà hình như em cũng chỉ thích lắt léo trên cành thôi.

- À, buổi trưa đó hả? Mình đã giữ vệ sinh chung cho đến lúc nghe mưa ào xuống bên ngoài thì ngồi bật dậy xem đồng hồ rồi trả phòng, men theo hàng hiên tìm quán hủ tếu trên đường Tôn Thất Thiệp. Chỉ có lần đó, một ngày cuối năm, hai anh em mới có dịp nói chuyện nhiều trong cái phòng tránh nắng có máy điều hòa ở nhiệt độ 17. Cũng là

lần đầu tiên anh đặt tay lên cái ngực lép của em, phía có trái tim, rồi phát giác ra nó không đập. Màu xanh của táo đi ra từ chỗ có màu đỏ của tim.

- Em đưa cái trí thông minh của em xuống dưới ấy, trái tim chết ngắc là phải rồi. Theo những gì anh biết sau này về em, anh thấy nó ngắc ngứ tùy con; có vẻ như em dị ứng với động vật; con nào nhúc nhích thì em đập cho lòi phèo hoặc phun thuốc trừ sâu cho giẫy đành đạch.

- Đã nói là sau kỷ niệm không đẹp ở biển, mọi thứ đều đẹp nhờ em biết vô hiệu hóa bất cứ sinh vật nào ngo ngoe.

- Em lại sống tội nghiệp rồi. Sao em bạc đãi chính mình chi vậy?

- Đâu có! Em an nhiên tự tại mà. Không riêng anh, nhiều người nhìn em như một con bệnh. Bệnh của em, nếu có, nó không làm đau nhức hay chết người như sarcoma. Em lành mạnh và khỏe mạnh hơn anh chứ!

- Có lẽ em nói đúng. Anh đã hậu đãi mình bằng hai cuộc hôn nhân, nhưng thứ này, chắc, có sức tàn phá thật khốc liệt. Anh bị cuốn xiết trong con trốt tình cảm, nghĩa vụ, trách nhiệm, sinh kế, tương quan xã hội. Anh luôn phải đối phó; đến lúc thấm mệt anh nằm xuống nghỉ thì góc đầu lên hết nổi. Bây giờ anh đau từng phút từng giây từng cử động. Đêm của anh rất dài. Ngày của anh cũng vậy. Chỉ mới hai tháng nay thôi, nhưng đã dài lắm.

- Em gọi điện để chúc mừng sinh nhật anh, như mọi năm vẫn làm, không ngờ nhận tin xấu. Em thật sự lúng túng không biết hành xử như thế nào trong một trường hợp như vậy.

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- Em đã chúc anh lì đòn. Anh không lì thì ai chịu đau giùm anh chứ! Tự nãy giờ em đã giúp anh quên đau, vì mình mãi kể chuyện cổ tích. Vì sao khi người ta thất thập nằm chết đi một chỗ thì ký ức tuôn chảy dễ dàng làm dậy lên cơ man là trăm tích. Bấy lâu nay khỏe mạnh sao không có được những lúc như thế này nhỉ?

- Cận lắng sâu dưới đáy trong khi dòng thủy lưu cứ thoăn thoắt.

- Em còn cuồn cuộn không?

- Á, không. Em lững lờ lâu rồi. Gần như lờ đờ, vì vậy êm ả.

- Bonneuil có nước không?

- Gần chỗ em ở có một cái hồ nhân tạo được đào từ đầu thập niên 70 của thế kỷ trước, Lac de Créteil, 40 ha. Loại ao tù đó mà, không chảy đi đâu được, nhưng có tí hơi nước với gió hiu hiu vào những ngày đẹp trời thì thiên hạ khoái chí đổ xô ra bờ hồ ngồi tàng tàng cũng đủ lãng quên đời.

- Có ví von gì không?

- Không. Chỉ là cái hồ ở gần nhà.

- Chỗ em ở ra sao?

- Vẫn cái ấp em thuê hàng năm. Một căn hộ 30 mét vuông gọn xinh dành cho người độc thân. Mặt trời phía đông phía tây đều hắt nắng vào chỗ em đang ngồi đây. Có cái ban công be bé có thể kê 5, 6 chậu nhỏ để trồng cây xanh. Em đang ươm ngò rí, tía tô, quế và ngò gai. Đã nảy lùn phún rồi.

HUỶNH ÁI TÔNG

- Chi vậy? Nghi hè xong trả nhà quay về cố quận, bày đặt trồng trọt chi cho mất công?

- Do có tình yêu vô biên đối với thực vật.

- Hừ! Kể ra em có đời sống vương giả đáng thèm.

- Xa xỉ gì bọn rau nhiệt đới? Sao lúc nãy phê là em sống tội nghiệp, bạc đãi bản thân?

- Là ở khía cạnh tình cảm kia!

- Cái khía đó hồn ai nấy giữ anh ơi! Ăn thua là an toàn lao động. Mà con người ta đâu chỉ sống nhờ một khía.

- Em nói làm anh nhớ con ba khía quá! Hồi đó má cho ăn hoài. Mắm ba khía xé phay trộn với chanh ớt tỏi đường ăn cay chảy nước mắt nhưng cứ xới thêm cơm, đặc biệt ngon với mưa lâm râm trên mái tôn.

- Giờ sống văn minh ở Mỹ, ở nhà to, lái xe hơi vèo vèo trên đường cao tốc bày đặt nhớ chùm khế ngọt. Má thì qui tiên rồi. Ba khía dạo này ốm nhách không có thịt. Nhà mái tôn đã được sửa lại, có chỗ kang trang cho anh nằm dưỡng bệnh, có cây xanh từ trên xuống dưới từ trước ra sau cho anh ảo giác vườn quê, có cái bàn 50 tuổi vẫn còn ở vị trí cũ cho anh hồi tưởng những buổi đàm đạo văn chương với chị Chi. Nhưng mà thôi, sarcoma không phải là thứ để nhân danh.

- Em thử nhân danh một thứ khác đi!

- Đừng dạy đời em!

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

- Trước khi đi biển với nhà thơ lính em đã ngồi uống soda chanh với anh ở Givral để hỏi ý kiến; lần đó em rao là nhân danh tình yêu. Sau khi trở về em lại coi chuyện đi như một tai nạn. Anh đã hăm he trước: hạnh phúc như hòn lửa đỏ ngậm trong miệng, dù sao cũng phải bỏng; em đâu có nghe!

- Hay dạy đời vậy nên em mới cảm tác Bài Đức Dục Của Lão Chăn Trâu.

- Mới mười sáu tuổi đã làm thơ mặn như muối, giọng điệu du côn.

- Trời! Anh còn nhớ ư?

- Sẽ đọc cho nghe.

*Chàng dạy tôi cười bằng đuôi con mắt
Và khóc bằng hai bàn tay bụm lấy mắt
Như một kẻ khốn cùng
Tôi chỉ gục gặc*

*Chàng dạy tôi yêu bằng chân không
Và tập đau bằng lục phủ ngũ tạng
Như một kẻ dốt nát
Tôi dạ vâng*

*Chàng dạy tôi nói bằng sự lặng im
Và lẩn trốn bằng sự phù phiếm
Như một kẻ vô vọng
Tôi ngậm câm*

*Lời chàng dạy tôi cho đi qua
Như con nước chảy ra biển cả
Chàng bèn đánh đập
Tôi rên la*

HUỶNH ÁI TÔNG

- Chà, rõ ràng là em lì như trâu mà! Anh chặn em đâu có được. Còn một bài Cách Ngôn em tán anh nữa, nhớ không? Cái gì mà...

*Chàng dạy dỗ tôi bằng những lời này
Tôi gục đầu nghe bằng hai lỗ tai
Giọng chàng hàm hồ giọng chàng đay nghiến
Môi chàng nhíp nhàng lưỡi chàng huyền thuyên*

*Chàng nói và nói chàng nói như hát
Chân chàng cày bừa tay cấy gặt
Môi chàng chích chòe lưỡi chàng chìa vôi
Tôi càng hồn mang chàng càng gay gắt*

*Chàng đổ cát xộp cho dã tràng xe
Chàng nhíp chày cùn vồn vã trên đe
Huy chương méo đay chàng máng trước ngực
Tội nghiệp lời chàng tôi bùng tai nghe*

*Ngồi trong lòng chàng như ngồi giữa trời
Lần vải áo chàng rịn mồ hôi người
Mặn như muối hột tanh như nước biển
Biển thì mệnh mông tôi chìm như chơi*

- Ha ha! Sau đó thì anh viết Niềm Yên Lặng Của Biển. Mà có yên lặng gì đâu, đạo ấy sao anh ba hoa thế; lại chỉ nói về mình, khoe khoang với em hăng hà sa số chiến lợi phẩm tình ái.

- Ui, mắc cười quá! Mình đã là nguồn cảm hứng của nhau. Vậy sao mình không trở thành đại văn hào nhỉ?

- Có những người làm một bùm rất nhỏ những chuyện lớn, trong khi mình ôm một bùm lớn những chuyện nhỏ.

- Thời khắc này anh ngộ ra như thế cũng còn kịp lúc.
- Kịp cho cái gì? Cái chết hả?
- Không. Cái sự sống. Bằng cách này hay cách khác nó đã được kéo dài để mình kịp có thì giờ mà ngộ ra điều này điều kia.
- Anh còn ngộ ra một điều nữa: có những thứ nằm bên dưới và bên trong của bên trên và bên ngoài.
- Tưởng gì! Em cũng biết cái đó. Vậy nên em chui ngược trở vô để sống với nó.
- Khi nó tổng em ra thì em gọi cho anh hả?
- Đâu có! Em tổng nó ra.
- Anh lại nghĩ khác: em cứ nhào ra nhào vô theo các cơn bốc đồng của chính em thôi. Anh biết em quá mà! Chỉ khi bò ra khỏi cái hang ở cổ quận, em mới đâm ra hào sảng, hiểu ở nhiều nghĩa.
- Ở trong hang thì làm gì có nhu cầu chi tiêu.
- Thảo nào thấy em toàn cảm tác lảng nhãng khi dạo chơi ở ngoài, và chỉ gọi anh khi đã an tọa đâu đó mà không phải cần nhà trong hẻm.
- Biết hết còn gì để nói nữa!
- Nói cho anh nghe về cái hang của em đi.
- Nó rộng hơn cái ấp này 9 lần, tính luôn không gian dành cho thực vật. Ít khi em chui ra khỏi hang trừ phi đi chợ.

Hang không có lóng lánh thạch nhũ hay róc rách khe suối nhưng có điện nước đầy đủ, có lò điện lò gas, quạt máy bàn ủi. Đại khái, những tiện nghi tối thiểu, cho nên hang nhân không phải khắc khoải nhớ tiếc ánh sáng văn minh đô thị. Cái hang hùm của anh mới có nhiều chuyện đáng nói chứ!

- Ư hự, bây giờ anh như cọp mắc thuốc, ngày ngày lại ngâm bài Hồ Nhớ Rừng của Thế Lữ.

*Gặm một mối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài nghe ngày tháng dần qua...*

- Lại xạo rồi! Trong cuộc sống vật chất thặng dư, anh chợt

*Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi.*

Trong số mấy triệu khúc ruột ngàn dặm, rất nhiều khúc thành đạt hưởng thụ đã đời xong về thăm quê hương chề dơ chề thú chề lạc hậu, nhưng lại làm thơ viết văn rên rỉ

*Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thủa tung hoành hống hách những ngày xưa.*

Chịu, không hiểu nổi!

- Lại làm bộ rồi! Hiểu chứ sao không hiểu?

- Xạo gặp làm bộ, hèn chi vui quá trời.

- Nè, em gọi cho anh để chúc sinh nhật phải không? Giờ chọc tức cho anh lên huyết áp phải không?

- Không. Hai anh em mình khắc khẩu, gậy với nhau nửa thế kỷ nay rồi. Tử tế được một lát thế nào cũng nháng lửa.

Thôi, em cúp máy đây. Khi nào ngộ hủ tàng long ở bệnh viện Stanford để làm chemo thì cho em biết để em chọc tiếp. Nhớ đấy, phải lì đòn, bất chấp thập diện mai phục!

- Quỷ sứ!

Trần Thị Ngh
Bonneuil, 07.2013

Nhạc:

m

nhớ m bạc đầu
nhìn chẳng thấy đầu
mù nẻo trước sau
đường dẫn rất xa vẫn rất gần một bóng ma

nhớ m mệt nhoài
sầu lả xuống vai
buồn rụng lông tay
nụ hôn đầu thối vẫn rất mềm một góc môi

điệp khúc:

Hmmm

nhớ m sật sừ
tình say ngắt ngư
vị chất đã dư
cạn ly quánh đen vẫn nhấp càn một chút men

nhớ m lặc lè
dềnh trong giấc mê
bàn tay ủ ê

HUỶNH ÁI TÔNG
quờ ngang bóng đêm vẫn níu hoài một vết m
(Sartrouville, 7-2000)

Tranh:



Left handed (Thúc Thủ)

Trong bài *Trần Thị NGH.*, *Lạc đạn và mười truyền ngấn*, nhà phê bình Thụy Khuê đã nhận định về Trần Thị NGH. như sau:

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI II

“Là một trong những nhà văn có tư chất độc đáo, những vấn đề chị đưa ra thường trầm trọng, nhưng luôn luôn được viết bằng giọng văn gần như vô cảm. Làm cho cái tàn nhẫn càng tàn nhẫn thêm, cái thương tâm càng thương tâm hơn, cái cô đơn càng cô đơn hơn. Những nhân vật của Trần Thị Ngh. như những xác người đang cố sống nốt một đoạn thời gian chờ giờ khâm liệm.”

Tài liệu tham khảo:

- Trần Thị Ngh. Web: damau.org
- Telecom Web: nguoitinhhuvo.wordpress.com

HUỶNH ÁI TÔNG

Cùng soạn giả:

- *Văn Học Miền Nam (1623-1954)*
- *Văn Học Miền Nam 1954-1975 (7 Tập)*
- *Hai Mươi Năm Văn Học Miền Bắc 1954-1975 (5 Tập)*
- *Văn Học Việt Nam Cận và Hiện Đại*

**Hiên PHẬT HỌC
2014**